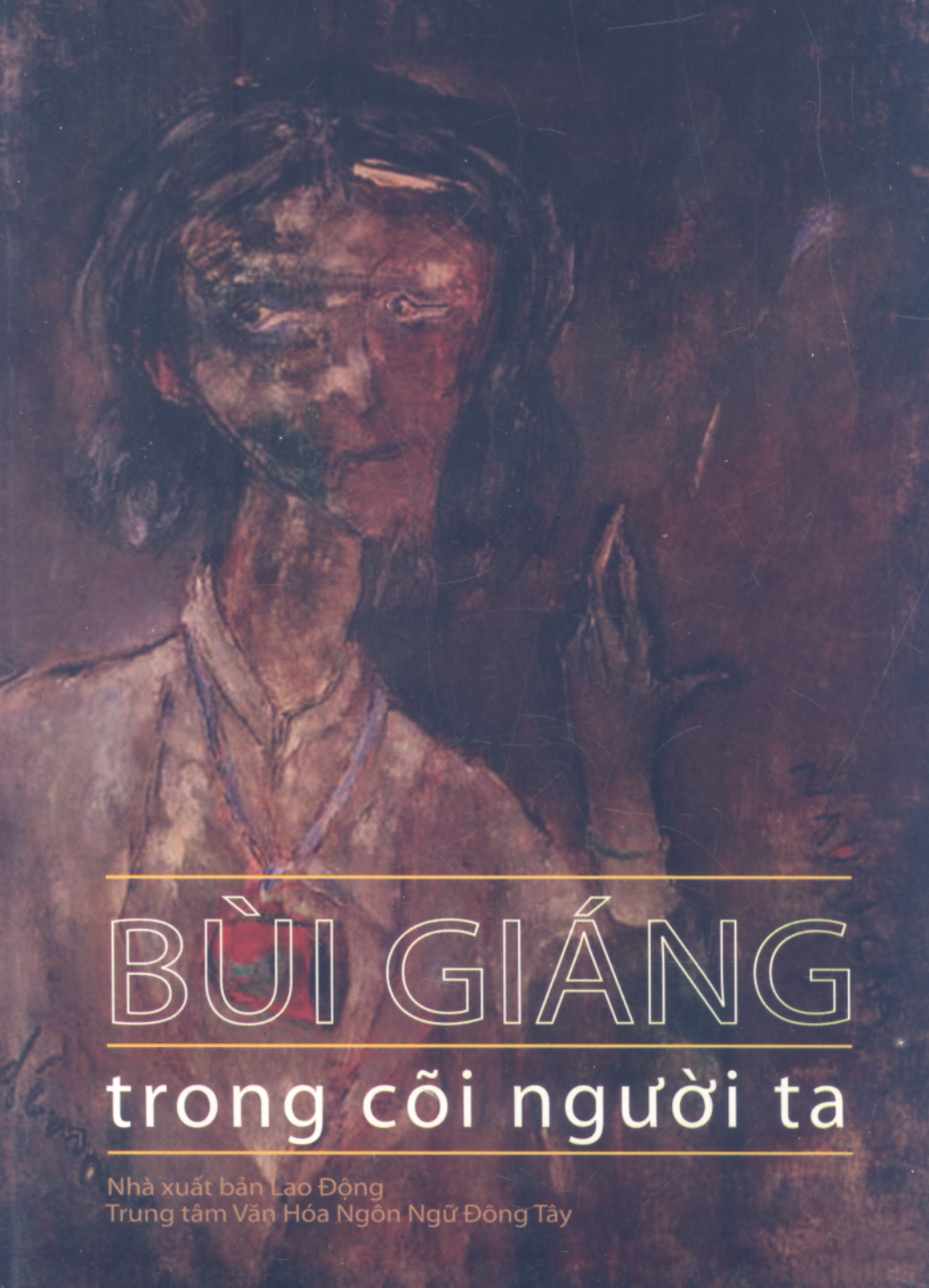




---

# BÙI GIÁNG

---

trong cõi người ta

---

Nhà xuất bản Lao Động  
Trung tâm Văn Hóa Ngôn Ngữ Đông Tây

BÙI GIÁNG  
TRONG CỎI NGƯỜI TA

BÙI GIẢNG TRONG CỐI NGƯỜI TA  
Kỉ niệm 10 năm ngày mất  
Thi Sĩ Bùi Giảng (17.12.1926 – 7.10.1998)

Tổ chức sưu tầm và biên soạn:  
TRUNG TÂM VĂN HOÁ NGÔN NGỮ ĐÔNG TÂY  
Chủ biên:

ĐOÀN TỬ HUYỀN

Với sự cộng tác và giúp đỡ của:  
NGUYỄN THANH HOÀI, ĐỖ LAI THUYẾT,  
CHU VĂN SƠN, VĂN THẢO, TRẦN VĂN DUY.

©Trung tâm Văn hoá Ngôn ngữ Đông Tây  
giữ bản quyền bố cục và trình bày bộ sách.  
©Bản quyền các bài viết thuộc về các tác giả

Stu tầm và biên soạn:  
TRUNG TÂM VĂN HOÁ NGÔN NGỮ ĐÔNG TÂY  
Chủ biên: ĐOÀN TỬ HUYỀN

# BÙI GIÁNG

## TRONG CỐI NGƯỜI TA

NHÀ XUẤT BẢN LAO ĐỘNG  
TRUNG TÂM VĂN HOÁ NGÔN NGỮ ĐÔNG TÂY



Một:  
CỐI THƠ BÙI GIÁNG  
(Tác phẩm Bùi Giáng)  
I. 82 bài thơ  
II. Đi Vào Cối Thơ

Hai:  
MỘT MAI NHÌN LẠI  
(Viết về Bùi Giáng)  
I. Hỏi tên? Rằng biển xanh dẫu  
II. Xin chào nhau giữa con đường  
III. Ta đi còn gửi đôi giòng

Ba:  
PHỤ LỤC  
(Tranh, ảnh, bút tích... Bùi Giáng)

## LỜI NGƯỜI BIÊN SOẠN

Đã 10 năm kể từ khi Bùi Giáng (1926 – 1998) rời “cõi tạm”, đời chưa quên ông, - cũng như chưa quên Trịnh Công Sơn, người bạn ra đi sau ông gần ba năm. Thơ, nhạc được yêu mến vẫn sống, như nhu cầu rong chơi của hồn nghệ sĩ. Ngày đêm nơi Sài Thành phố thị, thì ắt hẳn rồi, **Sài Gòn, Chợ lớn rong chơi, Đi lên đi xuống đã đời du côn. Đến đất Thần kinh cũ, Ta và Người lại Dạ thừa xứ Huế bây giờ, Vẫn còn núi Ngự bên bờ sông Hương...** Chỉ tiếc Bùi Thị Sĩ chưa kịp ghé Bắc Hà, đến Thăng Long, để thêm vài câu thơ lai rai bất tuyệt cùng năm tháng. Nhưng ở đâu Người và Ta vẫn **Xin chào nhau giữa con đường, Mùa xuân phía trước miền trường phía sau!**

Có một điều, về Bùi Giáng đã nói nhiều, viết nhiều trên báo chí, nhưng cho đến nay vẫn còn quá ít những cuốn sách dành riêng cho ông - theo chúng tôi biết, ngoài mấy số đặc san về Bùi Giáng, thì chỉ mới có vài ba tập sách mỏng<sup>(\*)</sup>. Phần lớn các tác giả viết về Bùi Giáng là những bạn bè văn nghệ sĩ, những người đã cùng sống, đã từng tiếp xúc với nhà thơ, đa số là cùng quê hương xứ Quảng với ông, ghi lại những kỉ niệm, ấn tượng, giai thoại... về ông. Hầu như chưa có nhà nghiên cứu nào sống ở miền Bắc viết về Bùi Giáng. Và cũng chưa có nhiều những tiểu luận, chuyên khảo sâu, dài hơi và đủ đầy về thế giới thơ của ông.

---

(\*) Trong Thư viện Quốc gia Việt Nam chúng tôi chỉ tìm thấy ba cuốn sau:

1. Bùi Văn Nam Sơn, Nhuận Quốc, Trần Dối. *Tương như thi sĩ Bùi Giáng: Kỷ niệm một năm ngày mất Bùi Giáng (7.10.1998 - 7.10.1999)*, Nxb. Trẻ, 1999, 157 trang; 2. Trần Đình Thu. *Bùi Giáng – thi sĩ kì dị*, Nxb Trẻ, Tp Hồ Chí Minh, 2005, 259 trang; 3. Hồ Công Khanh. *Bùi Giáng trong tôi*, Nxb Văn nghệ Tp Hồ Chí Minh, 2005, 156 trang.

Chẳng lẽ Thư Bùi Giáng chưa vượt khỏi khu vực, địa phương, vẫn mới nằm trong mối quan tâm dân gian, báo chí?

Trong một lần nói chuyện với anh Nguyễn Thanh Hoài, người cháu - bạn vong niên cuối đời của Đại Lão Thi Sĩ, đã nảy ra đề xuất làm một cuốn sách dày dặn hơn về Bùi Giáng. Để thực hiện dự định đó, chúng tôi cố gắng sưu tầm tư liệu về Bùi Giáng, những bài viết đã có từ các nguồn sách báo, internet, và nhất là vận động các nhà nghiên cứu viết những công trình mới. Tuy nhiên, làm việc ở Hà Thành, nơi hầu như không có những người trực tiếp “rong chơi” với “Thi Sĩ Kì Dị”, lại có quá ít sách vở, tài liệu về ông, nên công việc gặp nhiều khó khăn. Hơn nữa, bị câu thúc bởi thời gian - muốn cuốn sách ra kịp ngày giỗ Bùi Giáng lần thứ 10, - nên một phần kế hoạch đến nay chưa kịp thực hiện được trọn vẹn.

Dù vậy, sản phẩm cũng đã có trên tay bạn đọc. Xin chân thành cảm ơn các nhà văn, nhà thơ, nhà nghiên cứu đã nhiệt tình giúp đỡ và cho phép chúng tôi sử dụng bài vở vào tập sách này. Có một số tác giả do điều kiện khách quan chưa thể liên hệ được, chúng tôi mong được lượng thứ và xin liên lạc với chúng tôi qua địa chỉ của Trung tâm Văn hoá Ngôn ngữ Đông Tây:

Email: [trungtamdongtay@gmail.com](mailto:trungtamdongtay@gmail.com); [vanphong@dongtay.com](mailto:vanphong@dongtay.com).

Điện thoại: 04.2671117; 0912621411.

NBS

Một  
CỐI THƠ BÙI GIÁNG  
(TÁC PHẨM BÙI GIÁNG)

- I. 82 Bài Thơ
- II. Đi Vào Cối Thơ

## LỜI NGƯỜI BIÊN SOẠN:

*Phần Một gồm hai mục sau:*

### I. 82 Bài Thơ

*Trung Niên Thi Sĩ Bùi Giáng tồn sinh nơi Biển Xanh Dâu 72 tuổi. Đến nay ông về Bến Kia Thế Giới vừa tròn 10 năm. Trong Cõi Thơ ông để lại với hàng ngàn tác phẩm, những người biên soạn xin chọn – trong số có được trên tay qua các nguồn sách báo đã công bố - lấy 72 + 10 bài để đưa vào tập sách này, với hi vọng một ngày nào đó sẽ có được một tuyển Cõi Thơ Bùi Giáng mệnh mông và trọn vẹn hơn. Các bài thơ được xếp theo trật tự ABC của tên bài.*

### II. Đi Vào Cõi Thơ

*Với tư cách nhà phê bình, khảo cứu, Bùi Giáng cũng đọc đáo, uyên thâm nhiều khi đến kì lạ. Và chúng tôi xin chọn trích từ hai tập sách mỏng của ông – Đi Vào Cõi Thơ và Thi Ca Tư Tưởng - một số đoạn ông nói về các hồn thơ tiêu biểu của Việt Nam (từ Nguyễn Du qua Tản Đà, Trần Trọng Kim đến những tác giả hiện đại ở cả hai miền Nam Bắc – Huy Cận, Xuân Diệu, Phạm Hài, Đinh Hùng, Tuệ Sỹ, v.v.) và nước ngoài (Lý Bạch, Shakespeare), cùng những lời bàn luận của ông về Thơ và Dịch – là hai thể loại sáng tạo ông say mê và để lại nhiều thành tựu. Đó là mục II của phần Cõi Thơ Bùi Giáng trong tập sách này.*

# I

## 82 Bài Thơ

### Anh Lùa Bò Vào Đồi Sim Trái Chín

*Anh lùa bò vào đồi sim trái chín  
Cho bò ăn cỏ giữa rừng sim  
Anh nhìn lên trời xanh đỏ chín  
Anh ngó bốn bề cây lá gió rung rinh.*

*Anh nằm xuống để nhìn lên cho thỏa  
Anh thấy lòng mở rộng đón trời xanh  
Chim ngáy ngất vào trong đôi mắt lá  
Anh lìm dim cho chết lịm hồn mình.*

*Anh quên mất bò đang gặm cỏ  
Anh chỉ nghe tiếng cọ rì rào  
Có hay không? Bò đang gặm đó?  
Hay là đây tiếng gió thì thảo?*

Hay là đây tiếng suối lao xao  
Giữa giòng cỏ xuôi ghềnh chảy xuống?

Mùi thoang thoảng lách lau sương đọng  
Mùi gầy gầy gầy gầy của hương rừng  
Mùi lên men phủ ngập mông lung  
Không biết nữa mà cần chi biết nữa.

Cây lá bốn bên song song từng lúa  
Sánh đôi nhau như ứa lệ ngàn ngàn  
Hạnh phúc trời với đất mang mang  
Vội bỏ giữa rừng hoang đường gặm cỏ  
Vội người ngó ngất ngầy đường nằm đó  
Không biết trời đất có ngó mình không.

## Áo Xanh

Lên mù sương, xuống mù sương  
Bước xa bờ cỏ xa đường thương yêu  
Tuổi thơ em có buồn nhiều  
Thì xin cứ để bóng chiều bay qua  
Biển dâu sục tỉnh giang hà  
Còn sơ nguyên mộng sau tà áo xanh.

## Biểu Tượng Sơ Nguyên

Tiếng nói xa vang trên đầu ngọn lúa  
Vì ngôn ngữ ngày kia em để ứa  
Bồng lên lời bên mép cỏ như sương  
Cũng xanh như giòng lệ khóc phai hương

Đồng ruộng đỏ đường chờ em bước tới  
Bàn chân nhỏ gót buồn em hãy vội  
Hãy chân chờ anh soạn sửa theo chân  
Áng mây xa cũng sắp lại về gần

Người phố thị mỉm cười đầu ngang ngửa  
Tô son đỏ vào hai môi lượt nữa  
Chợt thấy mình còn đầy đủ dung nhan  
Thuở xưa kia suối ngọc ngó mây vàng

Em phiền mộng bờ thanh thiên kim hải  
Anh sẽ đặt tên em là con gái  
Khắp bốn bề thiên hạ rủ nhau thua  
Em là em con gái tuổi đương vừa

Em ngồi im nhìn thu lên bóng nước  
Con cò trắng nhớ nhung trời bữa trước  
Con cá xanh tự lự sóng hôm sau  
Lòng miên man em sắp đã gục đầu

Tay năm ngón bốn mùa đi em đếm  
Đầu móng nhỏ hé răng tròn em cắn  
Nghe trong mình nước mắt chảy lên mi  
Nghe bốn bên thiên hạ ngó em vì

Anh cũng định làm như người thiên hạ  
Sực nhớ lại em là em em ạ  
Nên bây giờ anh xin phép ra đi  
Để bốn bên thiên hạ ngó em vì...



## Bao Giờ

Bằng bút chì đen  
Tôi chép bài thơ  
Trên tường vôi trắng.

Bằng bút chì trắng  
Tôi chép bài thơ  
Trên lá lục hồng.  
Bằng cục than hồng  
Tôi đốt bài thơ  
Từng phút từng giờ.

Tôi cười tôi khóc băng quơ  
Người nghe người khóc có ngờ chi không.

## Bây Giờ

Gió rừng ngủ lại hiên xanh  
Trời Hy Lạp đã xưa đánh quên tôi  
Bây giờ riêng hỏi em thôi  
Lời trong tiếng ấy là lời thế sao

Bỏ đi em ghé Hội nào  
Có trăng thương hải mưa trào biển xanh  
Chờ che dấu cổ kết vành  
Chém cây ngàn dựng lũy thành chiêm bao  
Bỏ đi em trốn Hội nào  
Có vòng tay hận máu đào rút hoa

“Nội đồng mọc cỏ tháng ba  
Rừng cô tịch trút nước pha phôi nguồn”  
Ngại ngừng tay nắm tay buông  
Con người thế ấy ngậm buồn thế kia  
Tầm xuân gối lệ tan lìa  
Dấu thu hồ mở đầm đìa bóng vang  
Bỏ đi sóng giập sông tràn  
Gọi tên người hỏi tuổi ngàn đóa hoa  
Em người em lạ em xa  
Em là Nương Tử tên là Lyn Rô.

## Bờ Lúa

Em chết trên bờ lúa  
Để lại trên đường mòn  
Một dấu chân bước của  
Một bàn chân bé con.

Anh qua miền cao nguyên  
Nhìn mây trời bữa nọ  
Đêm cuồng mưa khóc điên  
Trắng cuồng mưa trốn gió.

Mười năm sau xuống ruộng  
Đếm lại lúa bờ liền  
Máu trong mình mòn ruộng  
Xương trong mình rã riêng.

Anh đi về đô hội  
Ngó phố thị mơ màng  
Anh vui thân trong tội lỗi  
Chợt đêm nào gió bờ nọ bay sang.

## Bờ Mây

Bờ mây trắng dựng cuối trời bóng dáng  
Của ban sơ hoài vọng giữa nhân gian  
Lòng vụn vặt mơ màng chiều qua sáng  
Em về nhanh cho mây trắng buông màn.

Nhịp chân bước bên vườn hoa ảo lá  
Hồng hé môi là nụ của xuân xanh  
Hồn ngỡ ngác thương ngửa trong tắc dạ  
Em đi đâu? ta đứng đợi không đành.

Còn hay mất? ngày sau ta sẽ lại  
Em sẽ về giữa mùa nước phơi trắng  
Oanh yến múa cho trời xuân xanh mãi  
Và yêu thương lên tiếng bảo nhau rằng.

*Bến dò Mỹ Thuận 1958*

## Bờ Nước Cũ

Nhìn em nhé bên bờ kia gió thổi  
Lá xanh vườn theo cỏ mượt ngân nga

Tơ vi vút một đời thương nhớ tuổi  
Của trắng rằm xuống độ dầm bên hoa.

Khung cảnh ấy nằm sâu trong đáy mắt  
Có lệ buồn khóc với lệ hoà vui  
Để tràn ngập hương mùa lên ngan ngát  
Rồi tan đi trong hố thẳm chôn vùi.

Ta sẽ đến đứng bên bờ nước cũ  
Ngó bên kia vườn biếc lá hoa lung  
Ô vạ vật vẩn chờ nguồn nước lũ  
Tự ngàn năm tuôn dạo tự khe rừng.

Ta sẽ đến đứng bên bờ nước cũ  
Mộng xanh ngần giấy nổi mộng em xưa  
Ngó non nước giữa sớm chiều tư lự  
Đón mơ màng về thổi gió lúa thừa.

*Bến dò Ngàn Xuân cũ*

## Buồn Đã Nhiều

Buồn đã nhiều giờ xin vui nhiều nữa  
Nhiều không xong thì ít cũng được rồi  
Miễn tí chút long lanh là đủ lắm  
Cạn ly này ? Nâng nhẹ nhẹ lên môi

Thử gắng gượng làm bài thơ chưa biết  
Đã biết rồi? Chưa biết, nói cho vui  
Từ vạ thuở, trăm năm là bất diệt  
Từ thiên thu, chỉ đón một đời người

Em chịu đòn hay là không chịu đòn  
Chịu đòn thì đòn rước cho tươi vui  
Đừng mặc cả éo le là lẫn lộn  
Lẫn lộn là hỗn độn lấp chôn vùi

Những từ đó về sau sẽ có lúc  
Bất thình lình tuế nguyệt tới sau lưng  
Không báo trước là giây hay là phút  
Là giờ nào tất mệnh đóng kín bung

Hai cánh cửa khóa chặt đời chung hừng  
Mặc tồn sinh gắng sức rúc chui ra  
Và lúc đó còn đâu giờ để tưởng  
Tới máu tim tiêu tụy với ruột rà

Nằm im dưới đất thiết tha  
Thương yêu đứt ruột lá hoa trên đời  
Còn đâu nữa dịp phan phôi  
Tan hoang hào lũy dưới trời dưng dưng

Giận hờn đã lắm vô duyên  
Còn đâu kỳ ngộ ngẫu nhiên ban đầu  
Bài thơ có nói gì đâu  
Bài thơ bất buộc chậm mau hương mùa  
Lúc khắng khít, lúc thưa thưa  
Vì không một lúc nào ngừng mai sau

Nào ngờ có nghĩa gì đâu  
Trăng thanh gió mát lẫn thâu đã nhiều  
Đắm chiêu rất mực đến điều  
Từ sinh liêu giữa hoang liêu cuối cùng.

## Ca Dao

*Viết thơ lạc dấu sai dòng  
Viết trong tức tưởi sợ đồng lúa mong  
Nước xanh lên đợt dòng dòng  
Ngày mai sẽ mất hạt lòng thơ ngây  
Bây giờ cá nhảy nghiêng cây  
Chim chuyển bụi ớt cỏ dây phân bua  
Nỗi niềm hè hạn thu mưa  
Là tâm sự của quê mùa nông dân  
Xưa kia tôi đã có lần  
Và bây giờ đã đôi phần tôi quên  
Viết thơ là trở lại bên  
Con người thôn nữ răng đen hai hàng  
Hội nào em lơ chữa hoang  
Và em đã khóc lệ tràn như mưa  
Bây giờ tôi đã quên xưa  
Sài Gòn cảm dỗ tôi chưa chịu về.*

## Cây Cỏ Dậy Thì

*Em đi cây cỏ dậy thì  
Ngày xuân vô lượng cùng đi lên đường  
Trùng lai giây phút phố phường  
Niềm vui quá khứ phi thường hồi sinh.*

## Chào Nguyên Xuân

Xin chào nhau giữa con đường  
Mùa xuân phía trước miên trường phía sau  
Tóc xanh dù có phai màu  
Thì cây xanh vẫn cùng nhau hẹn rằng

Xin chào nhau giữa lúc này  
Có ngàn năm đứng ngó cây cối và  
Có trời mây xuống lân la  
Bên bờ nước có bóng ta bên người

Xin chào nhau giữa bàn tay  
Có năm ngón nhỏ phôi bày ngón con  
Thưa rằng: những ngón thon thon  
Chào nhau một bận sẽ còn nhớ nhau

Xin chào nhau giữa làn môi  
Có hồng tàn lệ khóc đời chứa cam  
Thưa rằng bạc mệnh xin kham  
Giờ vui bất tuyệt xin làm cỏ cây

Xin chào nhau giữa bụi đầy  
Nhìn xa có bóng ánh mây nghiêng đầu

Hỏi rằng: người ở quê đâu  
Thưa rằng: tôi ở rất lâu quê nhà  
Hỏi rằng: từ bước chân ra  
Vì sao thấy gió dần xa dặm dài  
Thưa rằng: nói nữa là sai

Mùa xuân đương đợi bước ai đi vào  
Hỏi rằng: đất trịch chiêm bao  
Sá gì ngẫu nhĩ mà chào đón nhau  
Thưa rằng: ly biệt mai sau  
Là trùng ngộ giữa hương màu Nguyên Xuân.

## Chào Thu Lục Tỉnh

Trời thu rụng mây thu trời gió thổi  
Trời thu vàng em đứng đó nghe không  
Con én liệng mùa xưa xuân nghẽn lối  
Tâm tình em bối rối lên hồng

Thu đô thị đã mấy lần lừa phỉnh  
Em cùng ta về Lục Tỉnh nghe không  
Để nhớ lại lần xưa em đã định  
Cùng ta đi ngó cỏ nội hoa hồng

Đây Mỹ Tho Cần Thơ Châu Đốc  
Long Xuyên ơi và Sa Đéc em ơi  
Trời kỷ niệm đi về trong đáy mắt  
Thổi dư vang từ dĩ vãng xa vời

Thổi trắng núi từ Trường Sơn heo hút  
Đèo Hải Vân con nai lạc trong sương  
Con nai ấy xưa là "nai cao gót"  
Em nhớ không trời đất vẫn như đường...

Ta rụng lại trời xuân trong chốc lát  
Vội thu mây mù xao xuyên nước xanh



Vội ký ức của một thời ngan ngát  
Em nhớ không em quên vội sao đành

Chào Lục Tỉnh thu về xuân nức nở  
Ở trong cây trong lá ở bên sông  
Giòng nước chậm chần chờ con sóng chờ  
Còn không em? Kỷ niệm ở bên lòng.

## Chiều Hôm Phố Thị

Chiều hôm phố thị  
Em ngồi đếm lá bay chơi  
Đèn khuya phố thị  
Sao xưa sáng ở trên đôi cây rung

Những lời cũ kỹ  
Một trời thu để nhớ nhung  
Chuyện đời giản dị  
Chiêm bao tay nắm vô cùng ngón tay

Chuyện đời có thể  
Nỗi đời em có nhớ không  
Em về đây để  
Hồng nhan em hẹn hái bông cho đời

Một lần em lại bên người  
Giữa ngày tháng bỏ năm trôi bên giòng  
Mở hai hàng cỏ long đong  
Mở hai môi mở tấm lòng xa xôi  
Chiều hôm đếm lá cây rơi  
Bên đèn phố thị thương đôi núi xa.

## Chiều Nay

Chiều nay nhớ những chiều nào  
Chiều nào cố quận chiều nào tha phương  
Tha phương cố quận bình thường  
Nửa đường như mộng nửa đường như mơ  
Ngây đêm nhớ những bao giờ  
Những xa vắng lác tặc thơ lác giềng  
Bài thơ tứ đảo tam diên  
Diên hoàng đảo phụng diên nghiêng nghiêng đời.

## Chỗ Này

Người đứng đó ngày về tôi có thấy  
Hai bàn chân trên cỏ lá ngàn xuân  
Phong cảnh đã bốn bề cùng tôi nói  
Linh hồn người là thiếu nữ thanh tân

Rồi tôi lớn đi vào đời chân bước  
Cỏ mùa xuân bị giẫm nát không hay  
Chợt có lúc hai chân dừng một lượt  
Người đi đâu? Xưa chính đã chỗ này

Người không ở vì chờ mong đã mỏi  
Người đã đi cùng tuổi trẻ tôi đi  
Chợt có lúc trên đường tôi đứng lại  
Ngó ngu ngơ... xưa chính đã chỗ này.

## Cỏ Hoa Hồn Du Mục

Nghe trời đổ lộn nguyên khê  
Tiếng vàng rụng rớt gieo về động xanh  
Gót chân khơi rộng bóng cảnh  
Nhịp vang đầu núi vọng thành lũy xiêu  
Thời gian chắt bước bên chiều  
Khóc sông bến lạ mưa chiều sớm xuân  
Cỏ hoa từ bỏ ruộng đồng  
Hồn du mục cũ xa gần hử em.

## Dạ Thưa Xứ Huế Bây Giờ

Dạ thưa xứ Huế bây giờ  
Vẫn còn núi Ngự bên bờ sông Hương.

## Đêm Chiêm Bao

Màu xanh trút giữ tay vàng  
Biển đêm náo động nằm ngang nghe trời  
Mộng cuồng nhớ một người thôi  
Dọc dờ kiêu hãnh làn môi nhu mì  
Hình dung chớp nhoáng chân đi  
Cầu rung động nhịp sương thì thấm gieo.

## Đi Và Về

Em đi từ tỉnh mộng đầu  
Hết vui hết khổ hết sầu trăm năm

Cõi nào rất mực xa xăm  
Máu tim băng giá bóng tâm mơ màng

Em từ vô tận đá vàng  
Về chìm đắm giữa lá vàng thiên thu  
Chiều nay có giống chiều nào  
Lá vàng rơi rắc tiêu tao lạ lùng

Đắm chìm đắm đuối mộng lung  
Chiêm bao khắp nẻo tận cùng khắp nơi

Đêm nay mưa gió đầy trời  
Buồn vui kỷ niệm bồi hồi đêm nao

Buồn tênh ngôn ngữ thì thảo  
Xuân đi động dậy mặn đào đào nguyên

Còn nguyên phố thị diện tiền  
Bình nguyên hậu diện thuyền quyền hội đàm

Em từ vô tận dư vang  
Kết chùm cỏ mọc đá vàng thiên thu

Em đi từ tỉnh mộng đầu  
Trùng lai chất vấn biết đâu điệu chào.

## Đổ Quán

Thưa em từ bữa lạc đàn  
Đầu hai thứ tóc gió ngàn thổi tung  
Nhớ em miệng đỏ vô cùng  
Hai môi khép mở một vùng cỏ hoa  
Nhớ ngang ngựa dưới trăng ngà  
Lối sương tố vọng canh gà sơ nguyên  
Nhớ em anh rất có quyền  
Ngồi trên bãi rộng quàng xiên về hình  
Bốn bên đổ quán xiêu đình  
Ba bề đờ dãn một mình anh đi.

## Em Đi Về Giữa

Em đi về giữa nước non này  
Mắt lệ phai mờ tóc lạnh vai  
Thao thức nghe mùa tan dưới nguyệt  
Nỗi đời em xẻ bớt cho ai

Dư vang ngày trước ở đâu rồi  
Bước hện chia lìa máu nhạt môi  
Tiếng khóc câu cười thôi thế đã  
Chiều đem mây trắng bủa xanh trời

Em đi chân bước với tay buông  
Còn nữa không em mộng giữa nguồn  
Sóng dạt buồm trôi con gió lại  
Núi mòn hạnh ngộ dưới mưa tuôn.

## Gái Buồn

Bờ sau hang núi  
Lá xanh lá đỏ chiều nay  
Chim trời vói vói  
Để rơi cánh mỏng theo ngày

Mùa sau thu xế  
Hang rừng gió thổi giòng khe  
Em về đây để  
Rạc rời tiếng cũ còn nghe  
Ngày sau chỗ ấy  
Mây mù quyến rũ trắng sương  
Em về sẽ thấy  
Mông lung sầu mộng gái buồn.

## Hang Rừng

Mù sa thấp rừng nai xưa lở hện  
Xuống thôn làng ngõ lá rụng ven khe  
Mùa tháng chạp chim trời xa lở hện  
Với sông thu từ một buổi bay về

Làn sóng đục lẩn kia nghe gió lạ  
Lạnh vô cùng thổi lại từ phương Tây  
Đêm khuya khoắt ai một mình em ạ  
Đứng trên bờ nghe rã mộng trong ta

Lời ước nguyện tuổi thơ cùng một lúc  
Với mây xanh với gió biếc trời tròn  
Với sông trắng chảy quanh qua mấy khúc  
Để bên giòng giờ tắc dạ chon von

Trời bán loạn bóng đèo xa đi khuất  
Lá âm u đường lấp ở sau lưng  
Nguồn thác đổ bên bụi mờ lây lất  
Xuống thiên thu sâu hận khóc hang rừng.

## Hãy Vô Ngôn

Giập đầu vái tạ cô nương đẹp  
Dám hỏi bao giờ có đẹp hơn  
Miệng ngọc cười xòa lên tiếng đáp  
Rằng xin các hạ hãy vô ngôn.

## Hẹn Ước

Rạc rời tay điệu tay xoang  
Em về chấp nhận giấc bàng hoàng không  
Rằng: nghìn xưa đó mơ mòng  
Nguyên tuyền đổ rộng xuống giòng thiên thâu  
Xin mừng sóng biển triều dẫu  
Đoạn trường đẩy nhịp lên cầu hạo du  
Từ đây sống với sa mù

Với cô bác lịm sâu ru hao mòn  
Với người mẹ chết bên con  
Với chàng ngã gục nhìn non sông chào  
Mai sau hẹn với ban đầu  
Chờ nhau ngộ khác ngộ màu nguyên xuân.

## Hiện Thế

Miệng người tự bữa môi cong  
Mắt người tự bữa ngược dòng đưa nhìn  
Đầu khe cỏ mọc đem tin  
Xuống tồn hoạt tại sương tìm nẻo trường  
Mảnh trắng tuyết khóc rẫy ruộng  
Mộng hoang phé rụng bên nguồn nước xanh  
Chiêm bao tàn tạ trắng cảnh  
Ngàn xưa gục ngã bên thành lũy xiêu  
Khép tà áo lạnh in rêu  
Điệp trùng huyền ngạn hồng chiêu hoe vàng.

## Hôm Qua Mộng

Xin về nín giữ dòng khe  
Bóng xanh màu phượng lá che hai hàng  
Rụng rời dĩ vãng xô ngang  
Kết thành tổ mạch đôi đường chia nhau



Nửa xin để lại bên cầu  
Nửa xin trường mộng nhiệm màu mang đi  
Hào hoa xưa hẹn sai kỳ  
Đoạn trường còn vọng tiếng gì chứa ngùi  
Bây giờ em lại bên tôi  
Bên nguồn vĩnh phúc nói lời cho đang.

## Hư Vô Và Vĩnh Viễn

Cũng vô lý như lần kia dưới lá  
Con chim bay bỏ lại nhánh khô cành  
Đôi đã mất tự bao giờ giữa dạ  
Khi lơ nhìn viễn tượng lúc đầu xanh  
Buổi trưa đi vào giữa lòng lá nhỏ  
Tiếng kêu kia còn một chút mong manh  
Giòng nước nở như tia hồng đốm đỏ  
Lạc trời cao kết tụ bóng không thành  
Lá cũng mất như một lần đã lỡ  
Trời đã xanh như tuổi ngọc đã xanh  
Trời còn đỏ giữa tháng ngày lỡ dở  
Hồn Nguyên Tiêu ai kiếm lại cho mình  
Đường vất vả vó ngựa chôn lão đảo  
Cồn sương đi vào sương lạnh miền man  
Bờ bến cũng ngậm ngùi sông nước dạo  
Đêm tàn canh khắc vội nguyệt gương ngàn

Một lần đứng lên mấy lần ngồi xuống  
Ngón trên tay và tóc xoã trên đầu  
Tình đếm lại muôn vàn thôi đã uống  
Để bây giờ em có biết nơi đâu

Bờ trùng ngộ một phen này phen nữa  
Tờ cỏ thơm như lệ ứa pha hồng  
Hồn cỏ hoa Phượng Thành Hy Lạp ứa  
Nghe một lần vĩnh viễn gặp hư không.

## Không Để

### I

*(Nhớ Monroe và Homère)*

Con mắt chiều kia đã cũ rồi  
Bụi trên đầu gió tụ về môi  
Màu tơ tóc vắng sương đồng cỏ  
Tờ sách đưa gần như mộng rơi  
Úp mũ lên đầu bước xuống sân  
Chiều nay con én chẳng bay gần  
Đường đi xuống phố phai tà áo  
Quốc sắc em còn hai ống chân.

### II

Con đường tuổi trẻ người đi  
Giẫm hoa đầu giẫm nát vì vô can

Tay cầm cung bạc xô ngang  
Nửa chừng đầu bể lấp ngàn ước mong

Đếm sương rừng đếm cỏ đồng  
Rút tờ cổ lục xuống dòng thả trôi

Bỏ sông bến ấy cho người  
Sầu vầy sa mạc em tôi về thành.

### III

Vì con mắt cũng buồn như mi mắt  
Em đi về như vui gượng trên môi  
Lời nói kia là lá rụng sương đôi

Vì hơi thở rót vào trong buổi tối  
Gió chiều hôm non nước nhớ xanh trời  
Em đi về là tím bạc hai môi

Vì nhan sắc ngày kia em hoảng sợ  
Chợt bước vào nhìn thân thể như xương  
Em đi về là hé mở môi hương

Và hé mở môi không hương một lúc  
Sương gió cũ thiên thu về cúi gục  
Cỏ nội đồng là sự tĩnh ra hoa  
Em ra đi là bùng mặt khóc òa.

*(Sài Gòn Nam Việt 1952 - 1962)*

## Khép Mắt

Ngày mở mắt dòng xanh xuân đổ lại  
Mùa trở bông là chi chút chim kêu  
Vườn vẫn đợi tin hoa về tuổi đại  
Bóng nguyệt trùm là phủ rộng sân rêu

Ngày mở mắt ngó trời xanh xa thế  
Ở đây là màu đất cỏ xuân con  
Hè nắng hạ với thu đông buồn thế  
Với tình yêu em giữ mát hay còn

Trong khoé mắt em ngậm ngùi ngày đó  
Lúc dung nhan về đối diện trăng tà  
Màu nước chảy vô ngần khôn giải tỏ  
Gió biên thù về bích ngạn chiều hoa

Giờ khép mắt nhớ một lần ngẫu nhi  
Nhớ rất nhiều ngày loạn ngửa đêm nghiêng  
Cuồng dại nát liễu hờn xuân rù rì  
Giờ ra đi em cảm thấy có quyền.

## Không Đủ Gọi

Mây đứng lại chân trời phủ khói  
Giòng sông đi đò bến đợi ngu ngơ  
Chiều trời đẹp tâm tình em không nói  
Đất với trời chung một nghĩa bơ vơ

Chiều thổi đẹp gió về em không nói  
Anh không chờ không biết đợi từ bao  
Từ xuống mưa không biết tự phương nào  
Giòng sông chảy ai người xin níu lại

Mưa có tạnh nhưng chân trời còn mãi  
Những giọt sương là lệ ở trong mây  
Giòng sông đi cho nước nói ngàn ngày  
Rằng bể rộng không bến bờ em ạ

Anh đợi xuống đêm về đầu phủ toả  
Mịt mù xanh bù xoá ánh tờ giăng  
Cười môi em duyên dáng như chị Hằng  
Và lấp lánh mắt là sương trong lệ

Anh sẽ hỏi gió đêm về mở hé  
Mở muện màng là một chút mơ hoa  
Mở ngàn sau hoài vọng chút phai nhòa  
Và mắt hút ở cuối trời nín lặng

Rồi từ đó về sau mang trái đắng  
Bàng hoàng đi theo gió thổi thu bay  
Anh chờ em không biết tự bao ngày  
Để thấy mãi rằng thơ không đủ gọi

Sầu một thuở đất mòn không tiếng nói  
Một ngàn năm trắng giải tuyết băng buông  
Anh gửi đi ngàn sóng cuộn thác nguồn  
Để thấy mãi rằng thơ không đủ gọi

Mùa xuân lại với chim về đã mới  
Với cá về mây nước cũng lang thang

Anh nằm im nhắm con mắt mơ màng  
Mơ con mắt cũng mơ màng cỏ lá

Hòn phố thị để lạc hồn cõi lạ  
Sầu phố xanh từ bữa nọ em đi  
Tuyết trời Tây có người lãng những gì.

## Không Nói Nữa

Tôi gửi lại bây giờ xin vội vã  
Xin vội vàng tôi gửi lại hai nơi  
Về Lục Tỉnh một lần chưa chắc đã  
Tiếng chào Thu Xuân Mỹ Thọ xa rồi

Không nói nữa Sài Gòn hay Chợ Lớn  
Tuần Sóc Trăng thổi rộng gió Biên Hoà  
Không nói nữa hồn Cửu Long máu róm  
Nước một mùa là sóng đục phơi pha

Tôi bỏ cuộc khi nhìn em bỏ cuộc  
Tôi lên đường từ bữa dọc xô ngang  
Ôi ở lại miền Nam tìm nẻo thuộc  
Tôi đi về sâu dựng Ải Vân San

Làm con gấu con beo con bò rừng con hổ  
Làm con chồn lù lù chạy vào hang  
Cũng không thể quên lời là thổ lộ  
Màu hoa niên cổ độ xuống khôn hàn

Bờ nước thăm em đứng lên đó chớ  
Tay ôm đầu và tay nữa giờ ra

Vòng ma nghiệt mấy lần ta rất sợ  
Giờ xin em đếm lại một hai và.

## Không Thể Nói Rằng

Không thể nói rằng xuân xanh rất mực  
Rất dọc ngang vòng trời đất dọc ngang  
Không thể nói rằng cuồng điên rất mực  
Là chịu chơi và say rượu muôn vàn

Không thể nói rằng đá vàng rất mực  
Đã ra đi từ chung thủy ra đi  
Không thể nói rằng đi là đi mất  
Bởi vì chung tại thể tái sinh vì

Vì từ độ manh nha trăng là nguyệt  
Kính là kỳ từ sử lịch phân vân  
Từ cố quận tái sinh xuân tận tuyết  
Tới tha phương khách địa thu thập thành.

## Lá Thổi Như Bay

Lá thổi như bay  
Bên nguồn thơ đại  
Em giữ trang này  
Một mai nhìn lại

Kiến bé một con  
Bò trên cỏ đại

Cát bên xuân còn

Dấu chân in mãi

Vùng tóc đi tìm

Kiểm làn mi chảy

Nước mắt màu sim

Tiền hồn cá nhảy

Gót chân nhỏ chạy

Đầu non xuống lưng mơ màng

Đó bóng hươu vàng

Một lần ngó thấy.

## Lời Người Điên

Chúng tôi người ngợm vô thường

Lúc mê man lúc chán chường thể thân

Các em gắng gổ đôi phần

Đừng quên uống rượu lần khân sinh bình

Dịu dàng sống giữa gia đình

Ngày ngày tháng tháng hậu tình năm năm

Trái tim nguyệt tỏ đêm rằm

Máu me mây gió tơ tằm vấn vương

Ở đời kiệt tặn xấu xương

Hình hải biến thể thân lường tượng thân.



## Lời Xuân

Xin lời nói ở trên môi  
Là lời ở lại bên đời quên nhau

Bụi hồng, ấy của chiêm bao  
Thì con sóng đục chìm vào nước xanh

Linh hồn, ấy ngực xin kham  
Lời sai trên miệng sẽ không là lời  
Xin mùa lá rụng và rơi  
Sẽ lên đường gặp ấy trời mùa sau

Ra đi hẹn với xuân đầu  
Buổi hồi nguyên lại pha màu bình minh

Con chim về sẽ đậu cành  
Tiếng ca ấy sẽ hoà thanh với lời.

## Ly Tao

### I

*Tặng Bùi Vĩnh Phước*

Gánh than lên bán chợ Trời  
Thiên Thần xúm hỏi: Em người ở đâu?  
Thưa rằng: Em ở rất lâu  
Trần gian dưới đó dãi dầu liên miên.  
Bảo rằng: Chưa rõ tuổi tên?

Thưa rằng: Tên tuổi là Em đây rồi  
Nghĩa là Son Nữ đó thôi  
Hỏi rằng: Sao chẳng thấy môi em cười?  
Thưa rằng: Cười gương không vui  
Nên đành mím miệng một đời cho qua.  
Hỏi rằng: Dưới đó bông hoa  
Nở vào mùa Hạ hay là mùa Xuân?  
Thưa rằng: Cái đó em quên  
Vì chung lo đốt than nên không nhìn.  
Hỏi rằng: Một chút của tin  
Muốn trao em giữ, em xin thứ gì?  
Thưa rằng: Em chẳng biết chi  
Hỏi rằng: Em thích xiêm y không nào?  
Thưa rằng: Dày mỏng ra sao?  
Bảo rằng: Toàn gấm lụa đào nhung hoa  
Thưa rằng: Chẳng hợp màu da  
Toàn thân như hột chà là em đen.  
Bảo rằng: Hãy tắm suối tiên  
Một giờ sau Em sẽ đổi đen ra hồng  
Thưa rằng: Em có tắm chồng  
Yêu màu da cũ kiểu ông em về.

## II

Giờ ngẫu nhĩ như hồng bay em ạ  
Và yêu thương như lá ở bên hoa  
Và luyến ái như tơ vàng bốn ngả  
Bủa ví vu như thoáng mộng la đà.

Em đã lại với đời về nắng ấm  
Thấm không gian thương nhớ bóng hình em  
Anh đã đợi chờ em từ lâu lắm  
Ngày đi không để lại lạnh trắng rằm.

Anh mơ ước với ngàn xuân mở rộng  
Quên nào nùng sa mạc của yêu thương  
Chân cứ bước theo nhịp hồn cử động  
Em là em anh đợi khắp nẻo đường.

Em có nụ cười buồn buồn môi mọng  
Em có làn mi khép lá cây rung  
Em có đôi mắt như sầu xanh soi bóng  
Hồ gương ơi! sao sóng lục vô chừng!

Con mắt ấy có gieo buồn rớt lệ  
Trên nẻo đường lạnh lẽo lối lang thang  
Môi thắm ấy mấy lần thao thức kể  
Với đèn khuya vô vô mộng khôn hàn.

Trời đất nhớ lần đầu... năm trước...  
Đó một lần đôi mắt đã nhìn lên  
Và trời hiểu ngày sau đôi mắt ngược  
Một lần kia sẽ còn dịp đáp đền.

Em ở lại với đời ta em nhé  
Em đừng đi. Cho ta nắm tay em  
Ta muốn nói bằng thơ bay nhẹ nhẹ  
Vào trong mơ em mộng giấc êm đêm.

Ta sẽ đặt mười ngón tay lên mắt  
Để nhìn em qua khe hở du dương  
Vòng theo máu hai vòng tay khép chặt  
Ở thừa em ta thấy mộng không thương.

## Lý Cũng Như Đào

Lý cũng như đào mạn cũng như  
sông đầu xứ sở rất tương tư  
em đi là gió vô cùng dậy  
cố quận hay màu nắng lạ thâu

một tiếng ban sơ dặng tiếng vàng  
bên này tình thể hận đa mang  
em đi bên ấy chân tròn khép  
hai ống mơ hồ mỗi một hang

nước cũng buồn như khắp cõi trời  
trong mình vũ trụ có mưa rơi  
mưa rào có giọt tuôn vào chỗ  
vườn hoang giếng lạnh đến bao đời

mốt sẽ về thăm mai đó mà  
bữa nay trời hẹn sẽ đưa ra  
bây giờ em đếm đầu năm ngón  
lát nữa sương dầm tuyết sẽ pha.

## Mai Sau Em Về

Em về mấy thế kỷ sau  
Nhìn trăng có thấy nguyên màu ấy chẳng  
Ta đi còn gửi đôi giòng  
Lá rơi có đội ở trong sương mù?

Những thương nhớ lạnh bao giờ  
Đường thu chia ngã chân trời rộng thênh  
Đây phồn hoa của thị thành  
Đây hồn thủy thảo khóc tình ngửa ngang

Căn khôn xưa của riêng chàng  
Xưa đài vũ trụ thiếp mang riêng mình  
Bây giờ đón bước em xinh  
Sầu đau nhan sắc bất bình ra sao?

## Màu Thanh Thiên Mờ

Một phút nữa thôi  
Và màu sẽ mất  
Suối sẽ xa đời  
Như mây xa đất

Một trang cũ kỹ  
Mới lại một lần  
Linh hồn giản dị  
Bờ cõi thanh tân

Em sẽ đi đâu  
Với đời đi mất  
Tờ giấy phai màu  
Hồng kia có thật

Máu ở vành môi  
Về tìm thấy bạn

Suối bỏ rơi đôi  
Ai làm sao giận

Với một vòng tay  
Với vòng tay nữa  
Ôm thắm giữa ngày  
Đồng khô chết lửa

Với vòng tay của  
Mười ngón tay măng  
Xin mở một lần  
Màu thiên thanh của...

## Màu Trời Đỏ

Màu trời đỏ bữa nay về trở lại  
Một mùa xưa người nhớ chứ năm kia  
Ngày chạm mắt dưới mùa xuân man dại  
Dịp trùng lai em hẹn với tan lìa

Đường có cỏ có bờ lau rộng có  
Lá cây bay và em có đi qua  
Bàn chân bước lẹ buồn em có nhỏ  
Xuống điêu tàn em khóc mộng tiêu ma

Nguồn thao thức ta về từ một buổi  
Trời bay mây bốn hướng gió xa mong  
Từng cánh én mang trùng dương về nội  
Đâu rồi em? Sóng đục đã theo giòng

Em cho phép ta ngồi đây hỏi lại  
Và gọi về trăng mùa cũ lang thang  
Màu trời đỏ để ngàn sương hót hải  
Xuống li ti là dặm vội con đường.

## Màu Xuân (Nhiên Tượng)

Xin ngó lại bàn chân em bước  
Vì em đi vào lúc gió đương bay  
Năm ngón nhỏ như sương đầm lá ướt  
Em đưa tay anh với bắt chùm này

Ngồi kể lại chuyện ngày xưa cũ kỹ  
Em không nghe vì anh cũng không nghe  
Hồn hoa phấn xông hương sâu dị dị  
Tóc vàng tơ tì mĩ ngón tay đề

Vì ngọc trắng cát lấm thu xiêu lệch  
Gió băng trời xin thổi bụi bay theo  
Ngàn xuân vô ngần trong bóng nguyệt  
Đầu xanh em tư lự suối thông dào

Nằm xuống cỏ nghe tràn lan nước gội  
Chảy vòng quanh Thu Lục Tỉnh bao la  
Cồn Sa Đéc Sóc Trăng sương vội vội  
Gió lên bờ kim hải sóng xanh xa

Chợt ngoảnh lại thấy rằng em ngủ mất  
Em ngủ quên phiền sương rộng trắng ngà  
Hồn bỏ lại mộng thừa trong thớ đất  
Anh nhìn em trong suốt giữa xương da.

## Mất Buồn

*Dặm khuya ngất tạnh mù khơi*

NGUYỄN DU

Bóng mây trời cũ hao mòn  
Chiêm bao náo động riêng còn hai tay  
Tấm thân với mảnh hình hài  
Tấm thân thể với canh dài bão giông  
Cá khe nước cống lên đồng  
Ruộng hoang mang khóc đêm mông một Giêng  
Tạ từ tháng Chạp quay nghiêng  
Âm trang sử lịch thu triển miên trôi  
Bỏ trắng gió lại cho đời  
Bỏ ngang ngựa sóng giữa lời hẹn hoa  
Bỏ người yêu bỏ bóng ma  
Bỏ hình hài của tiên nga trên trời  
Bây giờ riêng đối diện tôi  
Còn hai con mắt khóc người một con.

## Một Buổi Trưa

Một buổi trưa nắng vàng in trên tóc  
Mây trên trời xuống phủ ở trên vai  
Màu phương cáo pha mờ trên nét ngọc  
Bước ngại ngừng nẻo mộng mấy lần sai.



Em có định sẽ cùng ai kể lễ  
Một nỗi đời hư huyền giữa chiêm bao  
Vòng hiu hắt nguyệt hờn mây nhỏ lệ  
Một mùi hương nồng tụ ở nơi nào

Câu chuyện ấy một lần em đã rõ  
Để bây giờ không thể lại phan phôi  
Đường đi xuống khung trời sương lỗ đố  
Hồn dung nhan em có sợ bên người?

Con mắt ấy vì sao em khép lại  
Làn mi kia em thử ghé lên nhìn  
Vòng tay đẹp như cành xuân thơ dại  
Ngón la đà sao chẳng chịu đưa tin.

Một buổi trưa nắng vàng in trên tóc  
Lùa chân mây về ở dưới chân trời  
Bước vội và một lần nghe gót ngọc  
Giẫm trang đời lá rụng uá thu phai.

## Mở Hai Hàng Cỏ

Mở hai hàng cỏ tháng ba  
Nhìn trắng bãi cũ em là biển xanh  
Cánh chim về kết tụ nhanh  
Cho cây cối khê nghiêng mình bảo nhau  
Rằng hồng nhan tới ngàn sau  
Còn du dương hội sang giàu của em  
Mở hai hàng cỏ ngó xem  
Giòng thiên thu rộng là em bây giờ.

## Mở Về Phương Ấy

Con khóc bữa nào  
Bây giờ nhắc chi nữa  
Chuyện ngày trước chiêm bao  
Chuyện ngày sau mộng úa

Em chết bên bờ lúa  
Em chết dưới triều xanh  
Giòng sông kia ấy của  
Mộng ước vỡ tan tành

Ở bên đường ngồi lại  
Những người đếm tóc nhau  
Kỷ niệm về kinh hải  
Màu mắt thuở xa nào

Xin ngó bóng mây trời  
Xin nhìn con cá nhảy  
Xin thấy ở khắp nơi  
Miệng cười thơ đại ấy

Con gái khóc bữa nào  
Bây giờ xin nhắc lại  
Xin dựng một hàng rào  
Để mở về phương ấy.

## Nắng Buồn

Nắng buồn thương nhớ bên nhau  
Nhìn lúa thừa lá niêm đau trong cảnh

Giọt mờ trong mắt em xanh  
Tự ngày đất đỏ chân đành bước đi

Còn không một bạn quay về  
Vườn xưa ngó bóng trăng thể vàng gieo

Đường xưa gió muộn thổi vào  
Ngựa hồng sức tỉnh trường đeo rộng thên.

*(Nam Đông - Dương Hoà 1950)*

## Nắng Nguyên Đán

Chạy đi em, nắng gió bốn chân trời  
Về chân đất dưới chân em mọc cỏ  
Nắng Nguyên Đán lục lam hay hồng đỏ  
Tía vi vu hồng lục cũng bao hàm  
Chạy đi em! sương gió nắng thên thang  
Trời đất đẹp từ bình minh vũ trụ  
Nắng Nguyên Đán của nguyên xuân đầy đủ  
Cỏ hoa hương chồi nhú lộc miên man  
Và riêng mở duy Một Hàng Ẩn Mật  
Nắng phơ phất vì sắc hương phơ phất

Dưới khung trời mặt đất mở thênh thang  
Chạy đi em, gót ngọc bỏ hai hàng.

## Ngủ Yên

*Tặng Monroe*

Ngủ yên bên lá cỏ chiều  
Quên cây bóng xế quên triều biển ru

Duỗi thân thể muối sương mù  
Dung nhan sầu khổ bây giờ bỏ đi

Niềm chung với nỗi riêng gì  
Linh hồn xiêm mồng không vì mây bay.

*Thu 61*

## Người Con Gái Mặc Quần

Người con gái hôm nay mặc quần đỏ  
vì hôm qua đã mặc chiếc quần đen  
đen và đỏ là hai màu rồi đó  
cũng như đời, đường hai nẻo xuống lên

Người con gái hôm nay mặc quần trắng  
vì hôm qua đã mặc chiếc quần hồng  
hồng và trắng là hai màu bên lên  
cũng như núi và rừng đều rất mực chênh vênh

Người con gái hôm nay mặc quần tím  
vì hôm qua đã mặc chiếc quần vàng  
vàng và tím là hai màu mím miệng  
mím môi cười và chúm chím nhe răng

Người con gái hôm nay mặc quần rách  
vì hôm qua đã mặc chiếc quần lành  
lành và rách đều vô cùng trong sạch  
bởi vì là lành rách cũng long lanh.

## Người Về

Người bước về đây năm ngón chân  
Tôi buồn người bảo có tay nâng  
Bàn tay người có đủ năm ngón  
Người đứng xa, tôi tiến lại gần

Tôi thấy người, mừng rỡ xiết bao  
Trời xanh hơn lá ở trên cao  
Con chim nhảy nhót bên cành nhánh  
Người nắm tay tôi rủ bước vào

Ngôi nhà người dựng giữa rừng xanh  
Cửa gió bằng cây có nhánh cành  
Để khép sơ sơ và cũng để  
Mở mời anh chị bước vào nhanh

Hôm nay tôi kiếm củi trong rừng.  
Lạc mất đường về chột bỗng dưng

Sực nhớ rằng đây rừng rú thẳm  
Là quê thân thiết biết bao chừng.

## Nghe

Cúi đầu nghe tạnh  
Mưa chiều rừng gió đi mau  
Con đường trắng lạnh  
Hang rừng bông rụng hoa đau

Cồn xưa cỏ mọc  
Lá sông chảy xuống chân trời  
Chảy lên mái tóc  
Một mùa thu gục bên tôi

Người kia đứng lại  
Nghe trời đầy xuống hai vai  
Con đường thơ dại  
Còn đây lá cũ một vài.

## Nhan Sắc Hôm Nay

Anh ngẩng mặt ngó mây trời trên lá  
Nắng trên cây và gió rúc trong cành  
Thổi xuân đầu vi vút chạy qua nhanh  
Và dừng lại lúc em vào ở giữa

Khắp bốn phía lên lời rắng rí rúa  
Từ hôm qua đợi mãi đến hôm nay  
Vì sao em? Sao thế? Có ngần này  
Mà nấn ná đến ngày nay nằng nặc  
Em có thấy? Cùng nhau em mở mắt  
Em mở mi em nhìn nhé bên nhau  
Em mở môi cho nụ hé hương màu  
Hàm răng hổ hỷ hôn hồng hoa đỏ  
Hàm răng ngọc của ngàn xưa về đó  
Hàm răng ngà của vạn đợi về đây  
Hàm răng xanh của suối chảy đêm ngày  
Hàm răng trắng của sỏi cồn cát bến  
Bờ thánh thót động giòng em đi đến  
Làn lênh lang lau lách lại luân lưu  
Hoa cỏ phanh phoi đón đợi dề cừu  
Tung bốn vó nhịp nhàng về nhảy cồm  
Cho quay tít sắc bên màu ngà ngón  
Cho quanh co giòng khe nước tăn tèo  
Cho ngổn ngang gò bên đồng cheo leo  
Cho uốn éo đường thu thêm thiên theo  
Không biết nữa trời tròn hay đất méo  
Chỉ hôm nay là nhan sắc hôm nay  
Ở bên nhau em có đủ mi mây

Môi và mắt mơ mòng môi bên miệng  
Nồng như lửa lạnh như băng tê điếng  
Anh ngó lên trời mây gió rủ nhau bay  
Trời bên kia - nhan sắc ở bên này.

## Nhớ Một Mình

Nhớ nhung thể niệm như hầu  
Nhớ màu nước chảy nhớ màu mây bay

Nhớ năm gần nhớ ngày dài  
Nhớ xuân tươi tốt phơi thai thu già

Hôm qua nhớ mãi hôm qua  
Người yêu bỗng tới thăm ta một mình

Tạc thù chén rượu chênh vênh  
Ta điên đảo thét người thênh thang cười

Giờ trang giấy cũ ngậm ngùi  
Nhìn trong tấm ảnh nụ cười tiền duyên.

## Những Nhành Mai

Những nhành mai sớm sương bên lá  
Những nhành liễu chiều gió bên cây  
Cũng lay lắt bởi đời xuân em ạ  
Thế nên chi anh cũng viết giòng này.

Hồng vàng tụ bữa kia em có thấy  
Nước xuôi giòng là cổ độ nhìn theo  
Tuổi mười sáu bây giờ lên gấp gáp  
Mộng miên man là mây phủ lưng đeo

Buồn phố thị cũng xa bay như gió  
Cộ xe nhiều cũng nhảy bỗng như hươu



Bờ cõi dựng xuân xanh em còn đó  
Bến đào nguyên anh khoác áo khinh cừu

Tìm theo dấu chân người xưa tư lự  
Ở bên đường ngóng đôi khách vân bay  
Mờ con mắt một lần lên tiếng thử  
Em ô em, anh nói một lời này.

## Nỗi Lòng Tô Vũ

*(Kỷ niệm một đoạn đời 15 năm chân dê ở núi đồi  
Trung Việt Nam Ngải Bình Phú)*

Đồi tắm tấp chạy về ôm chân núi  
San sát đồi phủ phục quần núi xanh  
Chiều xuống rồi tơ lòng rộn ràng rồi  
Trời núi đồi ngậy ngất nhảy dê nhanh

Thôi từ nay tha hồ em mặc sức  
Nhảy múa tung sườn núi vút giồng khe  
Thôi từ nay tha hồ em mặc sức  
Vang vang lên đồi núi giọng be be

Những bạn nào Trà Linh qua Đá Dừng Hòn Dựng  
Dùì Chiêng về Phường Rạnh ngược Khe Rinh  
Bao lần anh cùng chúng em lặn đạn  
Bôn ba qua rú rậm luống rừng mình

Những bạn nào Quế Sơn Rù Rì con suối ngược  
Nước trôi nguồn nước lũ xuống phăng phăng  
Những bạn nào mịt mù mưa gió ướt  
Đắm thân mình co rúm lạnh như băng

Em nhớ hay không? Hồn hoa đại cỏ  
Những ngậm ngùi đầu núi canh khuya  
Vàng cao gót nai đầu trường hải sợ  
Gió cây rung trút lá mộng tan lìa

Nhưng từ nay Giáp Nam anh đóng trại  
Cố định rồi - em khỏi ngại ngày đêm  
Dưới nắng mưa tha phương du mục mãi  
Cay đắng từng, bùi ngọt mặn mà thêm

Chiều hôm nay bên chó vàng chễm chệ  
Anh lặng nghe em bé hé bên sườn đồi  
Khoanh mấy vòng tay anh thoãn thoát bện  
Vòng cho em từng chiếc sắp xong rồi

Chiều đã xuống em đà no nê chắc  
Huýt tù và! Em xúm xít lại anh đeo cho  
Mỗi chúng em mỗi vòng mây mỗi sắc  
Lại mau đây! To nhỏ cổ anh so

Này em Đen chiếc vòng vàng tươi lăm  
Này em Vàng chiếc trắng há mờ đầu  
Này em Trắng chiếc hồng càng lóng lánh  
Này em Hoa Cà<sup>(1)</sup> hời! Chiếc nâu

---

(1) Dê Hoa Cà có lông lổ đốm tía hồng xem như hoa cà vậy Đẹp vô cùng. Nhất là những buổi chiều, sắc lông óng ả dưới nắng vàng - xa xa hình bóng dê rục rờ nổi bật trên triền núi xanh lơ. Dê Hoa Cà còn gọi là Dê Sao (vì lông lổ đốm sáng như sao).

Ngẩng đầu lên! Dê ơi anh thông thả  
Đeo vòng vào em nghển cổ cong xinh  
Ngẩng đầu lên! Đây lòng anh vàng đá  
Gửi gắm vào vòng mây nhuộm tơ duyên

Ngẩng đầu lên nhìn anh mờ mắt lệ  
Từ lần đầu vòng ngọc tuổi hai mươi  
Trao người em trăm năm lời ước thề  
Đây lần đầu cảm động nhất mà thôi<sup>(2)</sup>

Vòng em xong, vòng anh dành riêng chiếc  
Dành riêng mình - Dê hơi hiểu vì sao?  
Vì lòng anh luống âm thầm tha thiết  
Gán đời mình trọn kiếp với Dê Sao

Nhìn anh đây các em Vàng Đen Trắng  
Tía Hoa Cà lỏ đỏ thấu lòng chưa?  
Từ từ đưa chiếc vòng lên thúng thẳm  
Anh từ từ đưa xuống cổ dong đưa

Và giờ đây một lời thề đã thốt  
Nghìn thu sau đồi núi chứng cho ta  
Cao lời ca bê hề em cùng thốt  
Hòa cùng lời anh nghẹn nỗi thiết tha

Và giờ đây hoàng hôn mờ trĩu nặng  
Bốn bề tràn lan bóng mật mừng sa

---

(2) Ý nói cái lần đầu, thuở hai mươi tuổi, trao cái vòng ngọc cho vị hôn thê mà không cảm động bằng lần đầu đeo vòng cho dê vậy

Xếp hàng ngay nhanh lên hàng ngũ thẳng  
Rập ràng về bể hể rạp ràng ca.

## Ông Nhớ Con

Ông nhớ con như nhớ một trăng tròn  
Và trăng khuyết cùng tấm lòng từ đó  
Ông tự hỏi với ngàn sao lấp ló  
Ở nơi nào còn có áng mây bay

## Phụng Hiến

*Con có nghĩ: ắt là phải thế  
Một đôi lần con ghi siết hai tay  
Nàng thơ đẹp của trần gian ứa lệ  
Bảo con rằng: hãy nhớ lấy phút giây.*

B.G.

Ngày sẽ hết tôi sẽ không trở lại  
Tôi sẽ đi và chưa biết đi đâu  
Tôi sẽ tiếc thương trần gian mãi mãi  
Vì nơi đây tôi sống đủ vui sầu

Cây và cối bầu trời và mặt đất  
Đã nhìn tôi dưới sương sớm trăng khuya  
Mở buồng phổi đón gió bay bát ngát  
Dừng bên sông bến cát buổi chia lìa

Hoàng hôn xuống, bình minh lên nhịp nhịp  
Ngàn sao xanh lùi bước trước vùng hồng  
Ngày rực rỡ đêm êm đêm kế tiếp  
Đón chào tôi chung cười khóc bao lần

Tôi đã gửi hồn tôi biết mấy bạn  
Cho mây xa cho tơ liễu ở gần  
Tôi đã đặt trong bàn tay vạn vật  
Quả tim mình nóng hổi những chờ mong

Sông trắng quá bảo lòng tôi mở cửa  
Trắng vàng sao giục cánh mộng tung ngần  
Gió thổi dậy lụa mơ vào bốn phía  
Ba phương trời chung gục khóc đêm giông

Những giông lệ tuôn mấy lần khắc khoải  
Nhưng nụ cười tròn mấy bạn hân hoan  
Nhưng ngoảnh mặt im lìm trong ái ngại  
Nhưng bắt tay xao động với muôn vàn

Những người bạn xem tôi như ruột thịt  
Nhưng người em dâng hết dạ cho tôi  
Nhưng người bạn xem tôi là cà gậy  
Nhưng người em không vẹn nghĩa mất rồi

Trần gian hỡi? Tôi đã về đây sống  
Tôi đã tìm đâu ý nghĩa lắm than  
Tôi ngẩng mặt ngó ngàn mây cao rộng  
Tôi cúi đầu nhìn mặt đất thấp đen

Tôi chấp thuận trăm lần trong thổn thức  
Tôi bàng hoàng hốt hoảng những đêm đêm

Tôi xin chịu cuồng si để sáng suốt  
Tôi đui mù cho thoả dạ yêu em

Tôi tự nguyện sẽ một lòng chung thủy  
Qua những lần buồn tủi giữa đảo điên  
Thân xương máu đã dành là uỷ mị  
Thì xin em cùng lên thác xuống ghềnh

Em đừng mũi anh chịu sào có vũng  
Bàn tay bụng đĩa muối có chấm gừng  
Tôi đã nguyện yêu trần gian nguyên vẹn  
Hết tâm hồn và hết cả da xương

Xin yêu mãi yêu và yêu nhau mãi  
Trần gian ôi! Cánh bướm cánh chuồn chuồn  
Con kiến bé cùng hoa hoang cỏ dại  
Con vi trùng cùng sâu bọ cũng yêu luôn

Còn ở lại một ngày còn yêu mãi  
Còn một đêm còn thở dưới trăng sao  
Thì cánh mộng còn tung lên không ngại  
Núi trời xanh tay với kiếng chân cao

Nhưng em hơi trần gian ôi ta biết  
Sẽ rời ra vĩnh biệt với người thôi  
Ta chết lặng bỏ tay đầu lắc  
Đài xiêu ôi xuân sắp rụng mất rồi

Đêm ứa lệ phong mi hai mắt  
Bàn tay ta nhỏ như lá cây khô  
Mình hoa rã đám đĩa sương theo móc  
Đờ làm sao những cánh tiếp nhau rơi

Ta gửi lại đây những lời ảo não  
Những lời yêu thương phụng hiến cho em  
Rồi ta gục đầu trên trang giấy hảo  
Em bảo rằng:  
- Đừng tuyệt vọng nghe không  
Còn trang thơ thắm lại với trời hồng.

## Phượng

Lạc về đầu rú khe trường  
Vóc năm ngón nhỏ gieo buồn rã riêng  
Tuổi xanh nhiếp dẫn sai miền  
Đỏ xiêu phấn bướm phi tuyền vọng âm  
Tuần trăng quấy gánh thương ngậm  
Côi bờ phơi dựng gió nhảm tin hoa  
Em về rắc cỏ tháng ba  
Xống trang hồng hạnh thu già in rêu  
Sườn non bốn vó ngựa trèo  
Sống mờ bóng phượng ai chèo thuyền nan.

## Ra Đi

Ra đi đủ một phương trời  
Còn bao phương nữa mới rồi mười phương?  
  
Ra đi đủ một nẻo đường  
Nẻo nào mỹ nữ chưa tường tuổi tên

Còn đi muôn nẻo chưa quen  
Mong chờ tao ngộ ở bên giậu rào  
  
Khu vườn nàng ở nơi đâu  
Còn chẳng mặt ngọc hoa đào đối nhau.

## Rượu Uống

Thưa em rượu uống bây giờ  
Là trăm năm gục hai bờ tử sinh  
Động hờ hững Chúa điều linh  
Em làm Hoàng Hậu mọc tình cỏ phơi  
Nhà ma cửa quỷ đi đời  
Chìm hơi thở đục trong lời sương xanh  
Cần khôn xiêm mỏng che mảnh  
Về trong thiên hạ em thành thiên thân.

Thưa em rượu uống bây giờ  
Là thiên cổ lụy còn tro bên mình  
Tài hoa tiếng vọng điều linh  
Phạm Đan Phượng chết theo Quỳnh Như sao.  
Thưa em từ bữa nghiêng chào  
Chớm trang đầu chột sóng trào trường giang  
Em đi rắc lá trên dăng  
Cỏ xanh rì mọc suốt cần khôn kia  
Mùa xuân mưa rưới mộng lia



Về trong nắng hạ mép bìa sai bầu  
Thưa em rượu uống bây giờ  
Là trong lát nữa lên bờ đuổi ma  
Chạy quang còn cụm lá già  
Rách như bướm suốt ruộng sa mạc đồng  
Cần khôn gió đổ chất chồng  
Rủ như beo rống như hùm đối hang  
Trên rừng dưới lũng tan hoang  
Vẫn sừng sững bóng chắn ngang quỹ sấu  
Thưa em rượu uống bây giờ  
Là trong lát nữa trắng mờ hời ma  
Hồn mang về giữa hiên nhà  
Bây giờ cố quận tên là chiêm bao  
Nhìn nhau trong lũy ngoài hào  
Lời phối dụng một điệu chào di sai  
Trên đầu thế kỷ chia hai  
Nguồn man mát lạnh tìm ai bây giờ

Thưa em rượu uống bây giờ  
Là thiên thu lại còn tro hận trường  
Chung cảm dẫu biển khôn lường  
Chân trời mộng lý con đường chia ba  
Nam đình doanh trại dần qua  
Trống chầu trùng ngọ thừa là không mong  
Hoạt tồn phát tiết sấu đông  
Tràng giang thế kỷ xô dòng xuống lên.

# Tâm Sự Ông Vua Điên

(Kính tặng thầy cũ Lê Trí Viễn)

Ông vua kỳ vĩ thập thành  
Vì vui quá độ nên thành ra điên.

## Tàn Nhẫn

Em hái mòn dần hoa trái xuân  
Vì đâu ta tưởng chỉ đôi lần  
Từ đây chân bước về ta sợ  
Không nói nữa rồi! Tiếng bật âm

Em tưởng như chừng chẳng nhớ chi  
Xung quanh từ bữa trước đi về  
Em mở vô cùng hai mắt ngó  
Còn lại không em một chút gì

Lục Tỉnh năm nào em đã quên  
Bờ xanh thu nọ bước lên đồng  
Một vùng bóng cát trên cồn bãi  
Lộn bốn chân trời dấu gót chân

Rời rã em đi để một mình  
Ta nhìn trắng lại xuống bên hiên  
Chân bước bây giờ ta rất sợ  
Tiếng vọng bao giờ em nín thinh.

## Tặng Bạn

Bước chân giẫm sỏi trên đồi  
Những thân đau khổ những đời rã rời

Những niềm vô hạn bỏ quên  
Những lời không nói gió lên sai giờ

Bờ xanh lúa trở dòng dòng  
Bỏ quên nức nở bông hương lệ rơi

Người đi bỏ lại giữa người  
Tiếng vang ngân ấy rạc rời vọng âm

Trang hồng trang sử lịch trang  
Thu hồi viễn vọng vô ngần nghiệt ma

Bây giờ điệu cũ bay xa  
Nguồn trôi nước bạc đổ ra vô cùng.

## Tặng Mã Giám Sinh

Hỏi tên? Rằng biển xanh dâu  
Hỏi quê? Rằng mộng ban đầu rất xa  
Gọi tên là một, hai, ba  
Đếm là điệu tương, đo là nghi tâm.

## Theo Ánh Mây Bay

Tháng năm dòng nước trôi xa  
Người qua, người sẽ đi qua những người  
Tôi qua... không một hẹn lời  
Hẹn hò chi bấy, bước dời về đâu?

Tặng đời đóa đóa hoa sầu  
Nhớ nhau từ đóa mộng đầu rã đôi  
Giọt nước như giọt mưa rơi  
Mỗi mùa mưa đến tôi ngồi chấp tay

Mưa về động ở hàng mi  
Mắt tôi hồng lệ rụng xây hồng vàng  
Đèo bông đeo đuổi đa mang  
Đẩy xua u oán, đá vàng hiểu cho

Đi đi lỡ bước sang dò  
Cuồng ca túy vũ không dò lệnh đèn  
Đi đi suốt kiếp môi mềm  
Nhọc nhằn đã lắm còn lệnh đèn hoài

Giọt mưa gõ nhịp dẻo dai  
Hoàng hôn gõ nhánh cửa cài kín bung  
Đi đi tình mộng vô chừng  
Đăm chiêu vô tận ngại ngừng vô toang

Như tia nắng biếc chiều tàn  
Lửa đời thôi thóp khôn hàn trái tim

Niềm vui náu nhánh mộng chìm  
Tâm hồn cô độc tâm tình tìm nhau

Gom từng cơn nắng nhỏ chơi  
Nụ cười hiu hắt phành phoi nổi đời  
Nhánh đời gió lộng trùng khơi  
Nhặt lên thả xuống chiều vơi vợi bay.

## Thiếu Phụ Trở Về

Non hồng chiều vọng chân mây  
Sương chùng lằng dăng rơi đầy tuổi thơ  
Lá còn thu lạc bao giờ  
Hồn trong sóng phượng chia bờ trường giang  
Khuya thôi về lạnh phố phường  
Ôi buồn khổ lại như càng theo nhau  
Một bờ dương xếp bến sau  
Nước cần cỗi đục nghe đau lá vườn  
Em về nghe động trong xương  
Hồn xưa con để lên đường viễn du  
Bỏ thương lại ở sau mù  
Cây mùa đắng trái bù dù tim xanh  
Nửa đời bẽ bối thân anh  
Một miền đi khuất trong thanh âm nào.

## Thơ Tặng

Làm thơ tặng chú bé con  
Làm thêm câu nữa tặng con chuẩn chuẩn  
Xong rồi bỏ bút tựa lưng  
Vào gốc cây ngủ ngoài đường chịu chơi  
Nắng trưa nắng xé đầy trời  
Bóng cây râm mát che đời ta điên.

## Thu IV

Chợt nghe gió mát vi vu  
Biết là trực tiếp mùa thu đang về  
Tung chăn tích cực nghiệp nghề  
Gieo vắn thích hợp để huê tặng thu  
Chợt nghe gió mát vi vu  
Biết từ hải ngoại em thu đang về  
Anh nằm tiêu cực tê mê  
Đành thôi chịu trận dã dề tặng thơ.

## Thư

Nói nữa là thôi lời là lỡ dở  
Bốn chân trời lả thế kỷ rã rời

Tuần Bạch Ngọc ngàn năm đi hay ở  
Đứng hay ngồi nằm ngửa ngã hay nghiêng

Cũng không thể quên rằng thân là thể  
Mây là mình xương là xâu bên da  
Và kỷ niệm đuổi theo lời là thể  
Xô linh hồn về ở cuối câu ca

Không quên được không thể nào nói được  
Bầu trời kia xuân nọ chết thôn xanh  
Vườn hoa nở ngậm ngùi hoa ngã gục  
Lá bên cành chưa kịp dứt âm thanh  
Bỏ đô thị bỏ bình nguyên đất ruộng  
Bỏ gian nhà cha mẹ nhớ thương con  
Về huyện ngạn thượng du buồn đổ xuống  
Thác trôi giòng bờ gió bụi chon von

Không thể ngó không thể nhìn không thể nói  
Ngày bỏ đi trong dang dở tiếng chào  
Năm tháng ám vong hồn về đô hội  
Nhịp thay vẫn là mộng giữa chiêm bao

Giờ đứng lại là bây giờ rất lạ  
Là bao giờ từ buổi lạc tin hoa  
Nhắm bóng nguyệt là sầu đau khôn tả  
Phút trùng lai là ngó vội nhau và...

## Tình Yêu

Yêu nhau nhiều lúc mộng liêu  
Nhớ nhau quá độ nhớ nhiều như thương

Thương nhau quá độ bình thường  
Trở thành quái gỡ mộng trường tịch liêu

Lỗi từ tấm tức xé chiều  
Hào quang phụ nữ diễm kiều mà ra

Tại người dẫu phải tại ta  
Tại người như thế thành ta điên rồ.

*T.B : Đi tu tâm niệm*

*Đi tu em nhớ một lời*

*Đừng bao giờ trở lại đời làm giai nhân*

*Đừng đẹp đẽ đến vô ngần*

*Chỉ cần chút đỉnh đẹp tấn ngăn tu (đi ).*

## Tóc Bạc Thừa Răng

Một bữa trắng sao  
Xuống rừng rù đại  
Một bữa trời trắng  
Buồn không thể nói



Cầm gương lên hỏi  
Tóc bạc thừa rằng  
Trời đất cách ngăn  
Đừng mê con gái

Bực quá liền quăng  
Tấm gương xuống đất  
Vẫn nghe mãi rằng  
- Đó là sự thật!

## Trời Bữa Đó

Trời bữa đó không nói gì nữa cả  
Xanh liên miên mà dạ của nhân gian

Vẫn thao thức giữa buồn đau em ạ  
Nẻo thanh thiên từ lở một con đường

Em con gái hai bàn chân em bước  
Hai tay ôm hai buồng phổi em ho  
Trời buổi đó để buồn đi lướt thướt  
Khắp đời cao cồn thấp đọng bên gò

Ta đứng lại bề bàng hai con mắt  
Ngó và nhìn tay nắm ở trong tay  
Buồng phổi lạnh bởi vì chung em biết  
Thiên đường xưa giờ giữ chỉ ngần này

Trời bữa đó không nói gì không nói  
Một chút gì xưa đã nói miên man

Lòng với dạ vô vàng thôi đã mối  
Nẻo đi về: rừng quạnh rú sâu hang.

## Tuổi Trẻ

Chạy đi em! Qua vườn thăm theo ngày  
Cũng với phút giây này vui mở lá  
Em ngó nhé cảnh xanh cây giục già  
Hoa nghiêng đầu riu rít cạnh chim kêu

Chạy đi em! Qua vườn thăm một chiều  
Gót nhỏ nhỏ bước liêu bên gốc rễ  
Và chạm mạnh đầu ngón chân ghê thế  
Vào ở trong cảnh củi mục kiến bò

Chạy đi em! Và bắt vội giùm cho  
Ta em nhé ta chờ tay em bắt  
Giùm chút nắng chiều ngọn cây lay lắt  
Nắm và cảm đưa lại giúp cho ta

Nắm ngón tay loã xoa móng xanh ngà  
Tơ vàng óng là đà đưa đẩy nhẹ  
Nắng hây hây là hồng lên he hé  
Chảy vì vu là giọt nhẹ xuống vai

Cầm tay em ta nắm lại một ngày  
Màu và sắc hương mờ phai một thuở  
Còn đọng giữa một tấm lòng thương nhớ  
Kỷ niệm ngậm giá cúc với nồng sen

Chạy đi em! Lên tiếng gấp gọi rằng  
Và vói bắt khi tầm tay vừa tới  
Và giam giữ giữa hồn em xanh vói  
Mộng xanh đời xanh lá vói xanh cây  
Ổ gót chân! Anh đứng ngó như ngây.

## Uống Ly Rượu

Uống ly rượu cuối cùng này  
Gấm bao ngày tháng đã dày công phu  
Công lao dai dẳng trăm phù  
Xiết bao tuế nguyệt đắp bù tháng năm  
Đền bù xiết kể bao lần  
Đáp đền muôn một trăm năm đại khờ  
Khờ như đại, đại như thơ  
Đại không biết thẹn trơ trơ điên cuồng  
Tuổi giờ đã xé bóng buông  
Xé chiều đùng đỉnh không buồn không vui  
Chỉ nghe tim máu sụt sùi  
Tùng tùng tưởng niệm nửa vui nửa buồn  
Đi về mộng my một muôn  
Còn nghe rót hột mưa nguồn đầu hoa.

## Uống Rượu

Uống xong ly rượu cuối cùng  
Bỗng nhiên chợt nhớ đã từng đầu tiên  
Uống như uống nước ngọc tuyến  
Từ đầu tiên mộng tới phiên muộn sau  
Uống xong ly rượu cùng nhau  
Hẹn rằng mai sẽ quên nhau muôn đời  
Em còn ở lại vui chơi  
Suốt năm suốt tháng suốt nơi lan tràn  
Riêng anh về suốt tuổi vàng  
Trùng phùng Lý Bạch nghênh ngang Tần Đà  
Em còn ở với sơn hà  
Anh còn mất hút gần xa mất hoài.

## Uống Xong Về Ngủ Chiêm Bao Thấy Gì

Uống xong chén rượu nồng nàn  
Về vườn nằm vóng diu dàng ngủ say  
Điệu kỳ thay! Giấc mộng dài  
Tận cùng bờ bến Thiên Thai ghé về  
Gặp em khắp mặt sơn khê  
Em thành tiên nữ để huê tiên nương  
Gặp em ở khắp phố phường  
Em thành thơ mộng thôn nương thôn làng

*Cuối cùng tận tuyết bóng vang  
Em thành Thần Nữ huy hoàng không tên.*

## Vì Có Lẽ

*Và có lẽ ngày mai anh sẽ khóc  
Vì em đi vào lúc gió đang bay  
Và giông bão đánh chìm bao khổ nhọc  
Của non sông nghìn thuở đã phơi bày*

*Em đi tới một tương lai xa hút  
Anh già nua ngồi lặng lẽ chấp tay  
Từng kỷ niệm mấy chục năm tê buốt  
Ngồi bên đường chờ đợi bóng mây bay*

*Em đã biết từ lâu em rất rõ  
Còn lời gì nói được nữa hay không  
Hãy chậm rãi bên đường em ngồi đó  
Tự hỏi mình còn có nữa hay không*

*Phút giây cuối bên con đường tiếp nối  
Anh chào em như vĩnh biệt muôn ngày  
Một quá khứ nặng nề như một khối  
Giá bằng tràn suốt gian khổ đeo dai*

*Rồi có lúc như lần này có lẽ  
Quỳnh Nga xanh như vang bóng màu Lan  
Và Vinh Thuyết Thừa Thiên thu tận my  
Cùng nắm tay đưa Vinh Dạ lên đường*

Rồi có lúc như lần này lần nữa  
Một bài ca sẽ chuyển điệu khôn hàn  
Lời gay cần đầu thai trong Vó Ngựa  
Hồn hóa sinh về Núi Đá Mưa Ngàn

Rồi có lúc ngẫu nhiên em chợt thấy  
Rằng anh điên như từng đã điên rồi  
Vì điên ấy là triều vui tràn giây  
Ngập bến bờ của tình mộng chia trôi

Em chợt thấy yêu đời vô cùng tận  
Vì đời là rất mực rất thiêng liêng  
Em chợt thấy không buồn đau oán giận  
Vì Thiêng Liêng không chia biệt cõi miền

Em chợt khóc như anh từng đã khóc  
Em chợt vui như anh chẳng được vui  
Em chào đón những xuân xanh bất ngát  
Đang đi về từ tuyết thể xa xôi

Anh ngồi lại bên đường chờ đợi lúc  
Của phút giây lịch sử chuyển thành linh  
Là giây phút từ sử xanh cổ lục  
Của cỏ thơm từng lần giở trước đèn

Còn truyền lại chuyện phong tình cổ lục  
Của tân kỳ cùng cực cổ ra kim  
Giờ đón ngộ nơi thiên nhai hải giác  
Em nâng ly khánh chúc nước non mình.

## Vỗ Về

Ta đứng lại bên này chờ đợi  
Ồ phải không? Em đó phải không  
Ta đếm lại từng ngón tay lấy bảy  
Đời chúng ta là mấy trăng tròn

Ngày vui ngắn? Lòng đã vui mấy bận  
Ngày vui đi? Mấy bận giữa lòng ta  
Đổ lầy lất mưa về xuân lấm tấm  
Ồ thiếu quang tan biến vội sao mà

Em có khóc? Ta xin em đừng khóc  
Em nhìn ta? Lệ chảy có vui gì  
Trang phượng mở giữa nguồn em hãy đọc  
Nước xuôi dòng ngàn thu hận tan đi.

## Xuân Thôn Nữ

Gò mô mấp mé bãi cồn  
Lá lơ thơ xuống bên tồn sinh bay  
Mép rìa vòm cỏ hoa phai  
Con chim mùa cũ hẹn ngày giờ sang

Từ phen mất lệ ám đàn  
Trút hui hắt đợi lau vàng vô mong  
Chiêm bao kỳ mộng vô cùng  
Đẩy băng tuyết lại mấy vùng lang thang

Hai tay vốc nước suối ngàn  
Rắc lên cảnh đại giọt ngân như sương

Em người thôn nữ bờ nương  
Ngồi nhìn cá nhảy lên vườn như chim  
Ta người viễn khách đưa tin  
Bỗng dờ dẩn đứng chợt nhìn nhận ra.

## Yêu Thương

Giờ ngẫu nhi như hồn dâng em a  
Và yêu thương như lá giầy bên hoa  
Và luyến ái như tơ vàng theo dạ  
Bay vì vu như thoáng mộng la đà

Em đã lại với đời về nắng ấm  
Thấm không gian thương nhớ bóng hình em  
Anh đã đợi chờ em từ lâu lắm  
Ngày đi không để lại lạnh trắng rằm

Anh mơ ước với lòng xanh mở rộng  
Quên nào nùng, sa mạc của yêu thương  
Chân cứ bước theo nhịp hồn cứ động  
Em là em! Anh đợi khắp nẻo đường

Em có nụ cười buồn môi mộng  
Em có làn môi khép nhẹ rung rung  
Em có đôi mắt như sậu thu soi bóng  
Hồ gương ơi! Sao sáng lục vô chừng



Khoé mắt ấy cứ gieo buồn rớt lệ  
Trên nẻo đường lạnh lẽo bước lang thang  
Môi thắm ấy mấy lần thao thức kể  
Với đèn khuya vô vô mộng khôn hàng

Ta nhớ lại lần đầu năm trước  
Chỉ một lần đôi mắt đã nhìn lên  
Và ta biết ngày sau đôi mắt ngược  
Một lần kia sẽ còn dịp đắp đền.

## II

### **Đi vào cõi thơ**

(Nguyễn Du, Trần Trọng Kim, Tản Đà, Hoài Thanh,  
Hàn Mặc Tử, Huy Cận, Xuân Diệu, Ngân Giang Nữ Sỹ,  
Hồ Dzếnh, Phạm Hài, Đinh Hùng, Bùi Giáng, Tuệ Sỹ;  
Lý Bạch, Shakespeare;  
Thơ, Dịch, Tư Tưởng Và Thi Ca)

---



Bùi Giáng – Chân dung tự hoạ

## LỜI TỰA CỦA BÙI GIẢNG

*Đi vào cõi thơ theo lối ngẫu nhiên tao ngộ. Cơ duyên sẽ dun dúi... Chẳng nên gò ép cưỡng cầu.*

*Người viết sách này có dụng tâm không sắp đặt theo thứ tự thứ loại thường thấy. Những bài thơ đến rồi đi. Lời “nhận định” cũng đi rồi đến...*

### NGUYỄN DU<sup>(\*)</sup>

#### I

Nguyễn Du cũng như Camus, lúc nào linh hồn ông nói đúng tiếng nói của hồn ông, thì lời thơ biến ra làm thơ phong cảnh.

Điều nên lưu tâm là: phong cảnh Nguyễn Du tuyệt nhiên không liên can chi tới loại thơ phong cảnh của bọn chuyên môn tả thực.

*Sen tàn cúc lại nở hoa*

*Sầu dài ngày ngắn đông đà sang xuân.*

---

(\*) Trong nguyên bản văn của Bùi Giảng, về một nhà thơ ông có thể nói tới nhiều lần, ở những đoạn khác nhau, được sắp xếp ngẫu hứng hoặc theo một trật tự nào đó của riêng ông. Những người biên soạn sách này xin ghép tất cả những đoạn nói về cùng một tác giả vào một chỗ, có đánh số I., II., II..., và xếp các tác giả theo trật tự thời gian xuất hiện (một cách tương đối), để bạn đọc dễ theo dõi.

Nguồn: *Bùi Giảng, Đi Vào Cõi Thơ* (Cuốn I), *Cà Dao* xuất bản lần thứ nhất 10/69; *Thi Ca Tư Tưởng (Số Đoạn Trường - tức Đi Vào Cõi Thơ cuốn II)*, *Cà Dao* xuất bản lần thứ nhất 12/69, Sài Gòn..

*Sen tàn cúc lại nở hoa*

*Sầu dài ngày ngắn đông đà sang xuân...*

Những câu thơ đẹp thiên hình vạn trạng, Nguyễn Du đã dành riêng cho Thúc Sinh một bỏ rất lớn.

*Mây xanh trắng mới in ngần*

*Phấn thừa hương cũ bội phần xót xa...*

Lưu tâm tới những vần riêng biệt Nguyễn Du dành riêng cho Thúc Sinh, ắt ta sẽ nhận ra một ngụ ý sâu thẳm của Nguyễn Du. Người ta sẽ không xô bỏ đúng trên quan điểm tâm lý học để bảo rằng Nguyễn Du đã tả được linh động một nhân vật nhu nhược, sợ vợ, hèn nhát, v.v...

Hình ảnh Thúc Sinh sẽ đứng tại Trung tâm cái vùng tư tưởng thăm thẳm của Liệt Hộ, mà *Dịch Kinh* sẽ chiếu cố tới bằng những tiếng chả hạn như: “*Nhút tịch nhút hạp vị chi Biến, Vàng lai bất cùng vị chi Thông...*”

Hoặc: “*Phù kiển thiên hạ chi chí kiện dã. Đức hạnh hằng dị tri tri hiểm. Phù khôn thiên hạ chi chí thuận dã. Đức hạnh hằng giản dĩ tri trở...*”

Hoặc: “*Nguy giả, an kỳ vị giả dã. Vong giả báo kỳ tồn giả dã. Loan giả hữu kỳ trị giả dã. Thị cố quân tử an nhi bất vọng nguy, tồn nhi bất vọng vong, trí nhi bất vọng loạn...*”

Vân vân vân vân. Và mọi thứ vân vân đều có thể lược giảm về một tiếng đơn sơ “*vô khả, vô bất khả*”.

Riêng một sự nhầm lẫn dị thường của học giả bấy nay về Thúc Sinh, đủ khiến chúng ta kinh dị hải hùng, chẳng còn biết ăn nói gì ra gì được cả. Chẳng còn biết phải đặt vấn đề từ đâu ra đâu.

(Đã như vậy, còn biết rõ vào đâu mà bừa bãi nêu câu hỏi về Shakespeare, Homère, Lý Bạch, vân vân?)

Cái cuộc Kim Kiều dễ hiểu. Cuộc Từ Hải Kiều, cũng không rắc rối gì lắm. Nhưng cái cuộc Thúc Sinh Kiều, Hoạn Thư Kiều, lại là cái cuộc hăm hốn gây náo động nhiều nhất trong tác phẩm Nguyễn Du.

Đừng nói chi xa xôi. Chỉ thử hỏi: - Riêng cái việc Kiều tắm hoa trong một mùa Hè, lúc lửa lựu lập lòe đơm bông ở đầu tường, riêng cái việc cô Thúy tắm thôi, đã có gì như một “biến cố” hải hùng, đến nỗi Nguyễn Du đã phải để chàng Thúc vịnh vào chỗ đó, bằng một bài Đường Thi – nghĩa là bằng cả lịch sử thi ca Trung Quốc? Dem cả một khối lịch sử kia về mở đối thoại với cái tòa thiên nhiên dày sần đức kia, Nguyễn Du có dụng ý gì? Và từ đó Thiên Nhiên (*Phusis*) đã thành Tượng?

Người ta sẽ xô bồ đáp một cách nông nổi rằng: - Nguyễn Du chả có đặc biệt dụng ý gì hết cả. Ông phỏng theo truyện Tàu, trong truyện Tàu có bài thơ vịnh Kiều tắm, thì ông Nguyễn Du cũng nhắc qua loa cái chuyện Thúc Sinh vịnh Kiều tắm đấy thôi. Hỡi ôi! Nếu xét cho cùng kỳ lý, thì trong truyện Tàu lại còn tỳ mỹ ghi chép bài thơ này lừa nọ ra:

*Dạ nguyệt thanh lâu đảo ngọc hồ  
Mỹ nhân thừa túy khiết cù du  
Băng cơ thổ phách tranh minh mỹ  
Tuyết thái hoa âm bán hữu vô  
Sở khôi đãi tu hô bạn thức  
Dạ hành hăm tiểu thiên nhân phò  
Lâm ty khoái nhập phù dung trướng  
Chẩm thượng đề thanh xứng chá cô....*

Bây giờ chúng ta nghĩ sao? Có phải rằng bấy lâu nay những lời bàn tán của chúng ta về Nguyễn Du, chẳng qua chỉ là tán

hương tán vượn? Nếu có đúng chẳng nữa, thì cũng phải nên trả hết những lời ấy về cho truyện Tàu của Thanh Tâm Tài Nhân?

Nếu câu hỏi nào nùng ra như thế, bỗng nhiên chúng ta chạm phải một ẩn ngữ không cách gì trực tiếp giải đáp.

Trong truyện Tàu, quả thật Thanh Tâm Tài Nhân đã có dành cho cặp Thúc Sinh Thúy Kiều một chỗ nằm ngời rộng rãi tinh tứ miên miên. Há đâu phải đợi tới ông Nguyễn Du mới có!

Kiều tiền Thúc Sinh đi, để mười bài miên man những tán thán “Kim tịch thi hà tịch?” những thở than “Vấn quân hà nhứt tái quy đầu? Bất tri hà nhứt thị quy kỳ?”, Chiêm vọng hương quan hà xứ thị?”...Thúc Sinh đi rồi, Thúy Kiều nằm trong giường mê man hoài niệm ngâm vịnh sáu bài trùng trùng điệp điệp những “Tự quân chi xuất hỹ”, những “Bất cảm thượng thanh lâu”, những “Bất ngôn diệt bất ngữ”, những “Vô nhứt bất nam tư”, “Tư quân quân bất chí...” vân vân...

Kinh khủng thật.

Những lời nồng nàn cháy bỏng máu me liên tồn thốt ra như thế, quả thật không còn coi trời đất ra gì. Chúng ta không dám nấn ná ở lại lâu. Ở lại lâu trong bầu khí hậu đó, ắt sẽ loạn mất tâm thần, tiêu ma tinh thể, còn đâu bình tĩnh sáng suốt mà nhận định đâu vào đâu để bàn tới dụng ý ông Nguyễn Du hay là dụng tâm của ông Du Nguyễn. Xếp lại mọi thứ đó, câu hỏi được nêu thành chất vấn như sau: “Cả ông Nguyễn Du, cả ông Thanh Tâm Tài Nhân, cùng có dụng tâm dụng ý gì, mà lại tả cái cuộc Thúy Kiều Thúc Sinh một cách nào nùng thiết tha như thế?”

### III

*Từ rằng: ân oán hai bên*

*Mặc nàng xử quyết báo đền cho mình*

*Nàng rằng: nhờ cậy uy linh  
Hãy xin báo đáp ân tình cho phu  
Báo ân rồi sẽ trả thù  
Từ rằng: việc ấy để cho mặc nàng*

Hai lần Từ Hải dùng tiếng “mặc nàng”. Để cho mặc nàng. *Mặc nàng xử quyết báo đền cho mình.*

Rồi Từ Hải im lặng suốt buổi. Trong con im lặng, Từ Hải đã nhìn thấy Kiều chẳng mình mẫn gì hết. Nhưng không hề gì. Điều trầm trọng là cái tiếng “mặc nàng” Nguyễn Du đã để cho Từ Hải thốt lúc bấy giờ.

Hai tiếng “mặc nàng” đó ngày sau sẽ quyết định cuộc đầu hàng của Từ Hải. Việc bây giờ để cho mặc nàng, thì mọi việc về sau cũng sẽ để cho mặc nàng quyết định.

*Nghe lời nàng nói mạn mà  
Thế công Từ mới đổi ra thế hàng  
Chính nghi tiếp sứ vội vàng  
Hẹn kỳ thúc giáp quyết đường giải binh*

*Chính nghi tiếp sứ vội vàng.* Nguyễn Du dùng tiếng “vội vàng” một cách thật kỳ bí. Càn khôn vũ trụ gì cùng theo nhau điên tam đảo tứ hết cả, trong hai tiếng vội vàng kia. Cái “triều đình riêng một góc trời” của Từ Hải đang lặn lội quay lông lốc trong hai tiếng vội vàng.

Từ Hải “chịu chơi” đến cái mức bất khả tư nghị. Tuyệt đỉnh của thiên tài Từ Hải là ở chỗ đó. Trong một nháy, đem xô ủa hết cả cứu cánh đời mình để đáp lại những lời “nhạt như nước ốc” của Kiều. Nhạt như nước ốc, mà chàng thấy mạn mà khôn tả, ấy bởi vì cõi lòng của kẻ anh hùng vốn là: đã chịu chơi, thì bất kể lam hồng tạo bạch. Từ Hải và Tú Bà là hai thái cực. Nhưng đáo cùng, hai thái cực khác nhau ở hai điểm:



*Chơi cho liễu chán hoa chê  
Cho lẫn lóc đá cho mê mẩn đời*

Từ Hải đã vì Thúy Kiều mà nghênh ngang dựng một cõi biên thùy, theo chàng nói:

*Bao giờ mười vạn tinh binh  
Tiếng loa giã đất uy linh rợp đường  
Làm cho rõ mặt phi thường  
Bấy giờ ta sẽ rước nàng nghi gia*

Nhưng bây giờ Kiều đã bảo “Nghìn năm ai có khen đầu Hoàng Sào” thì lập thời Từ Hải vội vàng xóa bỏ hết cái cuộc kia.

*Tin lời thành hạ yêu mình*

Cái niềm tin thật sự của chàng đã mất, thì bây giờ chàng trở thành đứa bé thơ ngây, tin mọi thứ tầm phào vầy.

*Tin lời thanh hạ yêu mình  
Ngọn cờ ngơ ngác trống canh trể trăng...  
Từ công hờ hững biết đâu  
Đại quan lễ phục ra đầu cửa viên*

Những tiếng “hờ hững, trể trăng, ngơ ngác”, Nguyễn Du dùng một cách nào nuốt quỳ khốc thần sầu.

Tôi viết vội vã. Tôi không có một ngàn năm ở trước mặt. Nhưng kẻ nào có được trước mặt một ngàn năm, thì hãy thử thả đọc lại Nguyễn Du và sẽ khám phá ra nhiều thú thiên thu vạn đại khác.

Heidegger bảo rằng: “Nhà tư tưởng càng hoang viễn, thì phản vô ngôn trong sách họ càng khôn lường”. Lúc nói câu đó, Heidegger ắt là có nghĩ tới Nguyễn Du vậy.

Phản vô ngôn khôn lường? Khôn lường đối với mọi người và khôn lường tự mình đối với mình. Người tư tưởng (cũng như thi nhân) không bao giờ lường được hết tư tưởng mình. Đọc tư tưởng, đọc thi ca, từ đó chúng ta chỉ có thể nêu những câu hỏi đại khái kỳ dị như sau:

Vì sao con đường đi trong đó không bằng phẳng?

Đó có phải là một lối cưỡng bức không?

Nguyễn Du đã cưỡng bức đủ điều. Heidegger đi tới đâu cũng cưỡng bức tràn lan tới đó. Cưỡng bức Nietzsche, Rilke. Rồi quay lại tự mình cưỡng bức chính mình.

Cổ kim có nhà tư tưởng nào tự mình cưỡng bức mình nhiều như Nietzsche, như Heidegger, như Sade? Sự đó có liên can mật thiết gì tới Khổng Tử, Jésus Christ hay không?...

## TRẦN TRỌNG KIM

Trần Trọng Kim cũng là một thiên tài thơ sỹ. Ông dịch thơ Đường không đạt tới cái độ tài hoa của Tản Đà, nhưng trong mạch ngầm lại thâm hậu hơn Tản Đà.

Tản Đà bị tẩu hỏa nhập ma. Trần Trọng Kim lại là người duy nhất trong thế kỷ này, giữ vững được tâm hồn trong niềm tịch nhiên bất động giữa mọi phong ba.

Tản Đà chú giải *Truyện Kiều* một cách thô thiển lệch lạc quá. Trái lại Trần Trọng Kim có những ghi chú hoành đại âm thầm.

## TẢN ĐÀ

Nếu tiên sinh còn sống, ắt tại hạ xin được phép cùng tiên sinh nhậu nhẹt một trận lu bù. Thơ của tiên sinh lắm, chẳng có chi xuất sắc. Nhưng bản dịch “Trường Hận Ca” của tiên sinh quả thật là vô tiền khoáng hậu.

# HOÀI THANH

## I.

Ngôn ngữ thơ Việt Nam thành tựu bởi Nguyễn Du. Văn xuôi Việt Nam đạt tới cõi thâm viễn với Hoài Thanh. Hoài Thanh bình Kiều, Hoài Thanh viết *Thi nhân Việt Nam*, có những lời bất hủ. Thiên tài Hoài Thanh đủ tư cách dụng sùng sùng những thiên tài đứng lên chót vót. Và ông mở ra không biết bao nhiêu con đường cho những thy sỹ và phê bình gia đi sau. Dù thỉnh thoảng cũng phải bài bác ông trong phép “cưỡng bức chịu chơi”, nhưng phải nhìn nhận rằng nếu không có Hoài Thanh, thì có lẽ ngày này chúng ta chẳng có thể viết nên một cái gì ra cái gì gì cả?

Hoài Thanh, Đào Duy Anh, Trần Đình Đan... là ba ông thầy cũ của tôi. Ba ông thuộc nòi giáo sư xuất chúng. Rồi thay ngày học với ba ông, tôi đã thuộc Huy Cận, Nguyễn Du, Nerval, nên bài vở nhà trường của các ông chẳng đem lại chút gì đáng kể cho tôi. Nhưng cái phong thái trang nhã thâm viễn của các ông, vô hình trung, lại giúp đỡ tôi rất nhiều. Và vì thế sách vở của các ông, về sau tôi chịu khó đọc chậm rãi.

Bây giờ các bạn thử tưởng tượng. Nếu không có sách Hoài Thanh, Đào Duy Anh, Trần Trọng Kim... thì ngày này có quả rằng chúng ta giống như những con gà con mất mẹ.

Riêng nói về Hoài Thanh, cái tâm hồn thi nhạc nơi ông còn cao xa hơn hầu hết mọi thy sỹ tôi đã gặp.

Tiện đây tôi xin tặng ông Hoài Thanh một bài thơ.

*Cõi nguồn quá vắng lặng sao  
Câu kinh trầm thống phương nào dậy tuôn  
Mộng thừa nhĩ bội bất buông  
Lòng vang tử trúc điệu buồn như mai.*

Nếu cuốn sách của Hoài Thanh (Thi nhân Hiện đại) không ra đời, thì thi ca hiện đại Việt Nam ắt phải tang hoang tình thế do sức tàn phá của cuốn sách *Nhà văn Hiện đại* Vũ Ngọc Phan. Trong thế hệ trước, ngoài Hoài Thanh ra, không còn một kẻ nào có thể ngờ ra thiên tài Huy Cận. Dẫu có ngờ ra ắt cũng không thể viết được như Hoài Thanh.

Hoài Thanh am hiểu thi ca Tây Phương, mà vẫn dám coi nhẹ Tây Phương trước thiên tài Huy Cận, Nguyễn Du. Đó là điều hy hữu.

Hoài Thanh thừa biết rằng những thứ ta quen gọi là “chủ đề” trong thơ Huy Cận - những suy tư về thân phận con người, về cái chết, về tình yêu v.v... - những thứ đó chả có chi tân kỳ. Cũng như *Truyện Kiều* của Nguyễn Du chả có chi bí ẩn, nhưng thiên tài chính là kẻ làm “mới” lại những chủ đề cũ kỹ trong ngôn ngữ đơn giản của mình.

Thơ Xuân Diệu tràn lan những chất liệu thi ca Pháp. Nhiều phen ông nói toàn chuyện rôm. Nhưng thiên tài của ông là ở chỗ: vì quá thâm hậu, nên đùa chơi suốt kiếp với chuyện rôm. Hoài Thanh cũng là kẻ riêng biệt âm thầm cảm thấy sự đó.

## HÀN MẠC TỬ

### I.

Làm sao nói gì về Hàn Mạc Tử? Ông gào kêu trong thơ thảm họa của đời ông. Mà đời ông là chỗ về tụ tập của mọi thảm họa nhân sinh.

Thơ ông là một tiếng thét và một lời than. Tiếng thét đầy

máu, tiếng than tràn ngập hư vô. Lúc hải hùng khiếp đảm, lúc quanh quẽ lạc phách xiêu hồn.

Tôi không đọc thơ ông. Tôi đứng xa xa, người ta hỏi tôi về thơ ông thì tôi xin đánh trống lảng.

Thơ tôi làm, một lần tôi tặng ông trong *Mưa Nguồn* – ngoài ra mọi lần sóng bành bãi trong mấy cuốn thơ của tôi chỉ là một cách diu ba đào về chân trời khác. Đi vào giữa trung tâm bão giông một lúc thì lập thời xô ngôn ngữ thoát ra, phá vòng vây áp bức. Tôi gạ gẫm với châu chấu chuồn chuồn, đem phó thác thảm họa trần gian mang trên hai cánh mỏng bay đi. Bay về Từ Trúc Lâm, bay về Sương Hy Lạp, ghé Clavaire viếng thăm một vong hồn bát ngát, rồi quay trở về đồng ruộng làm mục tử chăn trâu. Làm mục tử không xong bỏ trâu bỏ chạy lạc, phá phách mùa màng khoai sắn, thì tôi chạy về bám báo với ni cô cho phép con chuồn chuồn của tôi cư lưu một phút giây trong linh hồn bao dong phương trượng. Ni cô xưa đuổi tôi thì tôi ra bờ sông nằm ngủ khóc một mình thơ đại giữa chiêm bao. Trong chiêm bao, thơ về lãng đãng thì từ đó vẫn bắt tuyệt cũng lãng đãng chiêm bao:

*Một hôm đếm một ra hai  
Lộn là lẹ lăm lại rai bốn lần  
Trăng Châu Thổ rất mực gần  
Mà ra tại hạ vô ngần chiêm bao.*

## II.

*Thưa, tôi không dám si mê  
Một mai tôi chết bên khe ngọc tuyền  
Bây giờ tôi đại tôi điên  
Chấp tay tôi lay cả miền không gian.*

Ông nói lời như thế mặc nhiên xóa sạch hết mọi nguồn thơ thế gian. Còn ai có thể làm thơ được nữa.

*Thưa, tôi không dám si mê  
Một mai tôi chết bên khe ngọc tuyến  
Bây giờ tôi dại tôi điên  
Chấp tay tôi lạy cả miền không gian*

Tôi lạy cả miền không gian? Hãy để yên cho tôi điên tôi dại. Đừng ai nói đến tôi. Và nhất là đừng có bàn đến thơ tôi. Tôi không dám si mê, cũng không dám hoài vọng. Một mai tôi chết. Nghĩa là bây giờ tôi không còn sống. Tôi sống trong con dại con điên. Tôi làm thơ trong con điên con dại. Nghĩa là tôi chết hai ba lần trong trận sống. Tôi lạy cả miền không gian đừng có bắt tôi chết thêm một trận thứ tư, thứ năm, thứ sáu, thứ bảy, chủ nhật...

*Một mai tôi chết bên khe ngọc tuyến*

Còn bây giờ không có ngọc tuyến đâu để tôi đến một bên tôi chết.

*Bây giờ tôi dại tôi điên  
Chấp tay tôi lạy cả miền không gian*

Người yêu đừng bèn mắng tôi. Bạn bè hãy đi xa. Để tôi một mình tha hồ tôi điên tôi dại. Ai có đến gần thì hãy thử điên dại như tôi.

*Tôi vẫn còn đây hay ở đâu  
Ai đem tôi bỏ dưới trời sâu  
Người đi một nửa hồn tôi mất  
Một nửa hồn tôi bỗng dại khờ*

Ông xua đuổi người đi vì ông không thể kêu gào người ở lại. Bởi vì nếu người ở lại, thì ông sẽ giết chết mất người. Ông giết chết mất người vì ông không thể dám cho vờ toang vũ trụ.

*Bao giờ mặt nhật tan thành máu  
Và khối lòng tôi cứng tỵ si?*

Nhưng vì sao ông muốn mặt nhật tan thành máu? Tan thành máu để cùng nhân gian chìm ngập trong đoạn trường? Mặt nhật chưa tan thành máu, thì chỉ riêng con người chịu đau khổ mà thôi. Hàng triệu triệu con người bị chìm trong máu. Trong oan nghiệt không cùng. Hàng triệu con người cũng đang cầu nguyện cho lòng mình cứng tợ si.

Cả thế giới này đang cùng Hàn Mạc Tử chia một thảm họa.

*Em cố nghĩ ra một chiều vàng ủa*

Ngày nay người ta không cần cố gắng cũng thấy rõ sờ sờ một chiều vàng ủa kia.

*Em cố nghĩ ra một chiều vàng ủa*

*Lá trên cành héo hắt gió ngừng ru*

*Một khối tình nức nở giữa âm u*

*Một hồn đau rã lẩn theo hương khói*

*Một bài thơ cháy tan trong nắng dội*

*Một lời run hơi hóp giữa không trung*

*Cả niềm yêu ý nhớ cả một vùng*

*Hóa thành vũng máu đào trong ác lẩn.*

Hàn Mạc Tử biết rằng trừ ông ra, ngàn thế kỷ sau không còn ai có thể nói tới tận cùng thảm họa nhân gian. Nên ông phải dốc hết tim phổi nói một lần. Đó cũng là lời cầu nguyện cho nhân gian. Lời cầu nguyện sẽ phát khởi từ thảm họa dâng lên tới trời xanh. Lời cầu nguyện vang dội song song với lời nguyện rửa, vì có lẽ đó là chỗ bất khả tư nghị của từ tâm. Chúng ta có thể đọc ẩn ngữ kia trong mấy câu:

*Ánh trắng mỏng quá không che nổi*

*Những vẻ xanh xao của mặt hồ*

*Những nét buồn buồn tơ liễu rũ*

*Những lời năn nỉ của hư vô...*

Ánh trắng mỏng quá không che nổi, thì lời năn nỉ của hư vô

đã khiến Hàn Mặc Tử dốc hết bỏ đề tâm của mình ra trong tiếng gào thét hỗn độn của Caligula...

## HUY CẬN

### I.

*Hồn lưu lạc chưa hề thờ một chúa*

*Yêu một người ta dâng cả tình thương*

Câu thơ đó dường như là cái chìa khóa mở đường vào cung thành *Lửa Thiêng*.

Huy Cận chẳng khi nào trực tiếp nói tới tình yêu một cách quay quắt sôi cuồng như Xuân Diệu, hoặc tràn lan ra như Nguyễn Bính.

Huy Cận kín đáo ngậm ngùi. Và thỉnh thoảng vài lời chân thành thăm thẳm của ông bỗng xô nguồn thơ tình yêu kia vào một cõi thống thiết cổ kim chưa từng có.

*Bóng đêm tỏa khắp lấp niếm thương nhớ*

*Tình đi mau sầu ở lại lâu dài*

*Ta đã để hồn tan trong tiếng thở*

*Kêu gọi người đưa tiễn nổi tan phai.*

Bốn câu đơn giản thiết tha dôn hậu thượng thừa như thế, chính là vùng khí hậu riêng biệt để toàn thể cuốn *Đoạn Trường Tân Thanh* Nguyễn Du đi về ngưng tụ hết mọi màu hương vang bóng.

Huy Cận là người đồng quận Nguyễn Du – Hà Tĩnh. Sông núi non nước kia đẹp dị thường. Và con người đất nước kia sống lặn dạn làm ăn cày cấy cũng cực nhọc dị thường. Giữa phong cảnh



và con người từ đó liên miên có một cuộc đối thoại thiết tha không lời, về một nỗi bất khả tư nghĩ. Tình yêu sẽ đưa con người ta tới một cõi xót xa, là căn bản cho một cuộc phát nguyện từ bi, gây dựng nên những thiên tài vô song của Hồng Lĩnh.

Chỉ những thiên tài Hồng Lĩnh mới thành tựu một cuộc Trùng Phục dị thường giữa vũ trụ trời mây phong cảnh.

Phong cảnh trong thơ Huy Cận là một loại phong cảnh đã khiến con người mở những cuộc “Lữ” huyền hoặc của *Dịch Kinh*. Khổng Tử đã chu du theo một cuộc Lữ dị thường Homère Hy Lạp, mà con người ngày nay không thể nào quan niệm được ra.

*Xa nhau mười mấy tỉnh dài*

*Mơ màng suốt xứ đêm ngày nhớ nhung*

*Tâm tình một nẻo quê chung*

*Người về cố quận muôn trùng ta đi.*

Nguyễn Du đã làm Liệp Hộ. Huy Cận đã đi muôn trùng. Mặc dù các ông có thể ngồi im lìm giữa một triều đình, các ông vẫn cứ thành tựu cuộc “Lữ” như thường, nơi một triều đình khác, riêng ở một góc trời miêu cương mạc ngoại.

*Trông vời trời biển mênh mang*

*Thanh gươm yên ngựa lên đường ruối rong.*

*Dùng cương nghỉ ngựa non cao*

*Dặm xa lữ thứ kẻ nào héo hon*

*Đi rồi khuất ngựa sau non*

*Nhỏ thưa tràng đặc tiếng còn tịch liêu.*

Tiếng nhỏ thưa tràng đặc đó bằng bạc tịch liêu trong *Lửa Thiêng* cũng như suốt *Đoạn Trường Tân Thanh*, là khởi từ một duyên do uyên nguyên thăm thẳm, mà bấy lâu ta không ngờ tới, nên thường ngạc nhiên tự hỏi vì lẽ gì thơ Huy Cận lại đạt tới hai

chóp đỉnh huyền diệu nhất ở hai cội chênh vênh: thơ phong cảnh của ông không ai đi kịp; thơ tình yêu của ông khiến mọi thiên hạ đầu hàng.

Tình yêu và lữ thú, lữ thú và không gian, đó là những gì quyết định hết nguồn thơ *Lửa Thiêng*. Bao nhiêu màu quan san ly biệt bàng bạc trong *Truyện Kiều*, bỗng nhiên về quy tụ tinh hoa trong một bài “Thuyền Đi” của Huy Cận.

*Trăng lên trong lúc đang chiều  
Gió về trong lúc ngọn triều mới lên  
Thuyền đi sông nước ưu phiền  
Buồm treo rắng đỏ giông miền viễn khơi  
Sang đêm thuyền đã xa vời  
Người ra cửa biển nghe hơi lạnh lòng  
Canh khuya tạnh vắng bên cồn  
Trăng phơi đầu bãi nước dồn mênh mang  
Thuyền người đi một tuần trăng  
Sầu ta theo nước trường giang lừng lờ  
Tiễn đưa dôi nuôi đợi chờ  
Trông nhau bữa ấy bây giờ nhớ nhau.*

Lời thơ đi phiêu phiêu, tuyệt nhiên không thấy dấu vết một chút kỹ thuật nào còn vương sót. Tưởng như không còn một chút cố gắng tìm lời lựa ý gì hết cả. Nguồn thơ ngập tràn dâng lên nhẹ nhẹ, len lỏi thấm nhuần mọi ngôn ngữ ly biệt Nguyễn Du và toàn thể Đông Phương Lữ Thú, Tây Phương Lang Thang.

Các bạn thử thông dong hình dung lại cái khối Đường Thi Vương Duy, Lý Bạch, Thôi Hiệu, Thôi Hộ, Cao Thích, Sầm Tham, Apollinaire, xem thử có một cái gì lọt ngoài vòng lục bát Huy Cận kia chăng.

Chúng ta quen thói ngóng chạy theo đuôi mọi thứ trào lưu chủ nghĩa, chúng ta tuyệt nhiên không còn giữ một chút tinh

thể còn con nào cả để thể hội rằng lục bát Việt Nam là cõi thi ca hoàng viễn nhất, kỳ ảo nhất của năm châu bốn biển ba bảy sông hồ.

Cái thói học đòi vá víu thông thái đã âm thầm giết chết mất máu me thân thể chúng ta. Hết chạy theo đuôi ông Camus, tới chạy theo đít bà Simone Weil, rồi xô ùa chạy theo giò cẳng ông Krishnamurti. Nghĩ rằng cũng đáng tui cho cái kiếp con người. Nhục cho cái phận con ngợm.

Đó chính là cái lỗi của lai rai thượng thừa, của bê bối tối hậu. Tới bao giờ mới chịu đi về giữ áo đuôi ương? Hỡi những thằng trung niên thý sỹ, và hỡi những đứa chẳng thý sỹ trung niên. Cái trò ma quái lóc lẩn nọ, kể cũng đáng tòm hơn cuộc đập diu mà Tú Bà đã bố trí cho Nuông Thúy xưa kia.

Cái tinh thần nô lệ không tự biết mình nô lệ, cái tinh thần ấy nó thấm nhập tủy xương chúng ta đến độ nào, mà mỗi phen chúng ta kêu gào tự do, đòi hỏi tự tại, gào thét tự tôn – càng mỗi phen cho thấy hiện thị lù lù cái linh hồn đi điếm.

Chúng ta thả chui vào một cái hang để đen ngòm, một cái hang chim đen ngòm, một cái hang chuột đen thui, cam lòng thờ phượng Brigitte, sùng phụng Bardot, chui đầu vào tà xiêm Monroe để nằm ngủ, hơn là phải đi thức tỉnh tự do trong cái bầu khí hậu gớm guốc kia.

Nghĩ cũng kỳ dị thật. Người Việt Nam vốn là người thơ mộng thý sỹ nhất thế giới (chỉ riêng cái màu da vàng Việt Nam thôi cũng đã thơ mộng hơn mọi màu da đen trắng) thì người Việt Nam lại chẳng bao giờ đọc thơ Việt Nam, lại luôn luôn đem trút hết cõi lòng thơ mộng của mình cho những thứ sách vở thô lổn tạp pí lù ở đâu đâu. Lại chạy đi si mê những da trắng Marilyn những da đen Phi châu chiêm bao bờ cỏ. Làm bao nhiêu thơ mộng lại đem gán hết cho châu chấu chuồn chuồn. Ấn ngữ gì mà đoan trường ra

như thế. Lâu lâu lại còn ca ngợi tài hoa ông Kút Xếp, tài liệu ông Vương Dương Minh.

*Thôi thì thôi cũng chịu lòng*

*Cũng cho nghỉ ngơi trong vòng lai rai.*

Huy Cận cũng đã có phen gián tiếp giải oan cho mọi người lưu lạc:

*Hỡi Thượng Đế! Tôi cúi đầu trả lại*

*Linh hồn tôi đã một kiếp đi hoang*

*Sầu đã chín xin người thôi hãy hái*

*Nhận tôi đi dù địa ngục thiên đường...*

Huy Cận nói cái lời gì bao la như thế? - Nhận tôi đi dù địa ngục thiên đường?

Đáp: Huy Cận đã khai tỏ cái chỗ u ẩn nhất trong ngôn ngữ Jésus Christ.

Và đọc Huy Cận, chư vị Bồ Tát ắt phải gật đầu với Long Thọ Bồ Tát mà rằng:

“Chư Phật vô lượng phương tiện lực, chư pháp vô quyết định hướng; vị độ chúng sinh, hoặc thuyết nhưt thiết thực, hoặc thuyết nhưt thiết bất thực, hoặc thuyết nhưt thiết thực bất thực, hoặc thuyết phi thực phi bất thực...” (Xem Sương Bình Nguyên, trang 490).

Cũng vì lẽ đó, nên lần giờ *Dịch Kinh*, chúng ta đọc lại ngôn ngữ thi ca của Không Tử:

“Hữu thiên địa, nhiên hậu vạn vật sinh yên, doanh thiên địa chi nhân giả. Duy vạn vật, cố thụ chi dĩ Truân. Truân giả doanh dã. Truân giả vật chi thủy sinh dã. Vật sinh tất Mông, cố thụ chi dĩ Mông. Mông giả Mông dã. Vật chi tri dã, vật tri bất khả bất dưỡng dã. Cố thụ chi dĩ Nhu. Nhu giả ẩm thực chi đạo dã... Ẩn thực tất hữu Tụng. Cố thụ chi dĩ Tụng. Tụng tất hữu chúng khởi. Cố thụ chi dĩ Suz... vân vân vân vân vân vân...”

Từ cội Vô Ngôn của Bồ Tát tới cội Vô Ngôn của Khổng Tử chúng ta trở lại với *Kiều, Lửa Thiêng*, sẽ nhận ra một chân lý mà không có sách vở học giả ru rú nào có thể chỉ vẽ ra. *Phusis* Sơ Nguyên Hy Lạp cũng lại lập lòe hiện thị một cách phong nhiêu di thường trong hai câu mở đầu bài “Thuyền Đi”:

*Trăng lên trong lúc đang chiều  
Gió về trong lúc ngọn triều mới lên.*

*Thuyền Đi*

Thuyền đi là nước đi, thời gian đi, hay đời người đi? biệt ly, nói tóm lại?

Nhưng tại sao bài thơ “Thuyền Đi” của Huy Cận lại xa vắng mênh mông hơn bất cứ một bài thơ ly biệt nào xưa nay? Nó tiềm ẩn những tố chất gì như thế?

*Trăng lên trong lúc đang chiều  
Gió về trong lúc ngọn triều mới lên  
Thuyền đi sông nước ưu phiền  
Buồm treo ráng đỏ dong miền viễn khơi.*

*Sang đêm thuyền đã xa vời  
Người ra cửa biển nghe hơi lạnh buồn  
Canh khuya tạnh vắng bên cồn  
Trăng phoi đầu bãi nước dòn mênh mang.*

*Thuyền người đi một tuần trăng  
Sầu ta theo nước tràng giang lững lờ  
Tiễn đưa đôi nôi đợi chờ  
Trông nhau bữa ấy bây giờ nhớ nhau.*

Bài thơ mười hai câu cả thấy. Mười hai câu lục bát Huy Cận trông giống như một cung thành Đông Á, một chùa chiền Á Đông,

một tượng vân thạch, hoặc đồng đen Đông Phương đang nhỏ lên nhìn sang khối Sơ Nguyên Hy Lạp.

*Trăng lên trong lúc đang chiều*

*Gió về trong lúc ngọn triều mới lên.*

Một cái gì bỗng dưng về giữa hai câu thơ, một cái gì đồ sộ, bất tuyệt, vô thủy vô chung về trong một lúc? Phải là Thời Gian của Vĩnh Viễn về tri ngự trong Physis Mờ Phơi? Về trong một lúc? Là về trong một sát-na của Viên Mãn Viên Dung cho âm dương tịch hạp? Cuộc Nảy Nở của Càn Khôn đang phơi mở thịnh triều tri ngự trong tiếng “trăng lên, triều lên”. Tươi thắm của Sơ Khai hiển hiện trong những tiếng “gió về trong lúc, trăng lên, đang chiều...”

Hai câu thơ đồng đưa kỳ ảo diu Thiên Nhiên về giữa lòng vạn vật để thành tựu cái mà người xưa đã thể nghiệm thiên hình vạn trạng qua những tiếng Vĩnh Thế và Tồn Lưu, Thời Gian và Thời Thế. Một cái gì nhiệm màu cũng song trùng về trong những tiếng “là là” nhịp điệu của Nguyễn Du.

*Thanh minh trong tiết tháng ba*

*Lễ là tảo mộ hội là đạp thanh.*

Trong bài thơ Huy Cận, cuộc Lễ Hội ấy đang hiển hiện trong cảnh trời là nơi chốn của Phùng Ngộ trong chia ly. Một cuộc hôn phối dị thường mà Khổng Tử xưa kia cũng đã từng thể nghiệm qua cuộc Lữ.

Thiên Nhiên rộng rãi đang lên lời giục giã người lên đường lữ thứ để thành tựu cuộc Trùng Phục Quy Hồi trong mỗi bước chân đi.

*Trăng lên trong lúc đang chiều*

*Gió về trong lúc ngọn triều mới lên*

*Thuyền đi sông nước ưu phiền*

*Buồm treo ráng đỏ giông miền viễn khơi.*

Ra đi như thế là kết hợp vũ trụ vào trong nhịp lưu ly của tại

thể mình. Điều tồn lưu về để mở phơi ra và đón nhận lấy. Cái ân huệ vô ngần kia đòi hỏi những cuộc ra đi, từ già cỗi miền đóng kín quanh quần trong nếp quen thuộc nhân tuần. – “Lữ chi thời nghĩa đại hỷ tai!”.

Cái nghĩa thời của cuộc Lữ to lắm lắm thay!

Nỗi ưu phiền của sông nước kia là một niềm kỳ vọng, một niềm chúc phúc lên đường.

*Sang đêm thuyền đã xa rồi*

*Người ra cửa biển nghe hơi lạnh lòng.*

Thế thì các cuộc đi kia đã khiến cho sự hiện diện của kẻ đi càng bát ngát thêm trong con khiếm diện.

Kẻ đi và toàn thể cái khối gì đang đi?

Và do đó một cõi mệnh mông nào đang phát hiện tinh thể? Cõi thái hư tịch mịch? Cõi sâu bi siêu thoát?

*Canh khuya tịch vắng bên cồn*

*Trăng phơi đầu bãi nước dòn mệnh mang*

*Thuyền người đi một tuần trăng*

*Sầu ta theo nước tràng giang lững lờ.*

Có cuộc đi trong một tuần trăng thời thể, mới có theo về trong một xứ sở của dĩ ngân chon von. Thời gian được thời thể hóa. Thời thể được thể nghiệm trong *Mnemosyne* Ký ức lưu tồn. Nó giữ lại một cái gì trường lưu hằng cửu mà con người vong thể ngày nay chẳng thể nào thể hội được nữa. Chạy theo đuôi danh từ lí nhí, đem phân chia cắt xén thời gian ra làm khoảnh khắc tũn mủn, rồi chối bỏ lung tung chẳng còn rõ mình đang tham dự vào cái cuộc nhảy múa ma trôi nào thiếu nào.

*Thuyền người đi một tuần trăng*

*Sầu ta theo nước tràng giang lững lờ*

*Tiền đưa dôi nuôi đợi chờ*

*Trông nhau bữa ấy bây giờ nhớ nhau*

Cuộc ra đi như thế trở thành cuộc lên đường lữ thứ tìm lại tinh thể mình. - Hãy trở thành... Nhà người là gì, hãy trở thành cái ấy. “Deviens ce que tu es” – Té ra con người phải đi một cuộc mười lăm năm, rồi ra mới nhận chân được tinh thể mình nằm tiềm ẩn trong cung đàn ban sơ bạc mệnh: và từ đó? – phát nguyện đại từ bi?

Đức Khổng còn không lờ nói lên sự đó một cách đơn sơ ẩn mật vô ngần:

“Hữu thiên địa, nhiên hậu vạn vật sinh yên, doanh thiên địa chi nhân giả, vạn vật, duy cố thụ chi dĩ Truân... Truân giả doanh dã. Truân giả vạn vật chi thủy sinh dã. Vật sinh tất Mông, cố thụ chi dĩ Mông...”

Bấy lâu chúng ta quen nghĩ rằng Huy Cận chỉ là nhà thơ có cảm giác bén nhạy và tài hoa riêng biệt trong phép tả cảnh tả tình sâu. Nhưng thật ra Huy Cận là khối óc vĩ đại đạt tới một cõi tư tưởng bát ngát nên tự nhiên như nhiên, lời thơ ông đi vào trong phong cảnh bao la, dội vào đáy thăm thiên nhiên, và gửi lại cho ta những dư vang bất tận. Khối óc kia cũng là thông tuệ của tâm thể thiên tài.

## CHẾT

*Chân quán quít rồi đến ngày nghỉ bước  
Miệng trao lời rồi đến buổi làm thinh  
Thân có đôi chờ lúc ngủ một mình  
Không bạn lửa cũng không mền ấm nóng*

*Tai dưới đất để nghe chùng tiếng sống  
Ở trên đời - đầu ấy ngừng lên cao  
Sẽ nằm im! Ôi đau đớn chùng nào  
Thân bay nhảy giam trong vỏ nhỏ tí*



*Một dáng điệu suốt trăm nghìn thế kỷ  
Ngày sẽ về gió sẽ mát hoa tươi  
Muôn trai tơ đi hái vụn môi cười  
Làn nắng ấm vào khuya trong lá sắc*

*Nhưng mắt đóng trong đêm cảm dằng dặc  
Còn biết gì đất ở trên kia  
Bướm bay chi! Tay nhậy đã chia lìa  
Tình gọi đó nhưng lòng thôi bất mộng*

*Bỏ chung chạ để nằm khô một bóng  
Chẳng ai vào an ủi nắm bàn tay  
Khổ bao nhiêu cho một kẻ hằng ngày  
Tìm thế giới để làm khuấy lè chiếc.*

Huy Cận tặng Thân Chết một bài thơ cảm động. Nói là tặng Thân Chết nhưng cũng là dâng cho Cuộc Sống. Cuộc Sống ôi! Hình dạng của Thân Chết đã ra như thế thì Thánh Sống nghĩ sao?

Ắt nghĩ rằng: Nên kiệt tận miên bạc bình sinh để sống cho đậm đà thơ mộng. Vì không làm thế, thì cái sống sẽ giống tợ như cái chết.

Cái chết trông dị dạng quá. Mà hằng ngày vô tình ta sống theo lối chết đó. Tuy không đến nỗi cảm cảm gớm guốc như thế, nhưng cũng tai hại điều linh gần bằng. Chúng ta dường như quên mất rằng mỗi người chỉ có một cuộc sống thật xinh, và cuộc sống đó rất có thể bị những thứ tai hại trong hồn ta làm cho méo mó đi. Và meo móc tử khí bám đầy rẫy cái hình hài cuộc sống.

Tiếc sao! Tiếc sao! Một sự sống quá đơn sơ, chúng ta cứ đòi đòi quên bằng.

Xin một lần thử thông dong nhìn lại rõ bộ mặt cái chết, để hỏi lại linh hồn mình nên nhớ lại chuyện chi.

Thì từ đó rất có thể rằng cái chết hải hùng sẽ là một cơ hội huy hoàng cho cái sống thành tựu được tinh hoa. Ta sẽ nhìn các em, các em sẽ nhìn con chim, con cá. Con cá sẽ nhìn con dế con giun... Mọi mọi sinh vật sẽ mọi mọi nhìn nhau bằng một nhãn quan khác hẳn. Và cõi đời từ đó sẽ đúng là đời cõi của yêu thương.

Đức Phật ôi! Chính Ngài đã có cái dụng tâm giống như chàng Huy Cận. Ngài đã đem những náo nùng sinh lão bệnh tử ra nói lên cho kiếp phù du thể hội cái nghĩa náo nùng, là phát nguyện bi tâm để dịu tồn sinh về bỉ ngạn...

Cái chết được thể nghiệm sâu xa sẽ trở thành cái khả năng vô thượng của con người mang một cái sống phù du. Đó là lý do (do lý) đã khiến ông Heidegger đem cái chết mà thiết lập căn cơ cho cái sống của Dasein. Và gọi rằng: Con người ta là một sinh-thể-cho-tử-diệt.

Tinh thể của con người là: sinh-thể-cho-tử-vong?

Thì tử diệt tử vong chính là Tặng Vật vô ngần cho Sinh Thể. Sinh Thể sẽ ôm cái Tặng Vật vô ngần đó mà đi khắp mặt biển dâu lão đảo.

Em quốc sắc, em thiên hương, em hoàng hậu, em nữ chúa, em giai nhân da vàng, em mọi nào da trắng, em mọi nào da đen...

Thấy thấy mọi mọi em em cùng chia nhau cái món quà kỳ ảo. Thì can chi các em lại bảo rằng cái da vàng thơ mộng hơn cái da đen? Cái da trắng văn minh hơn cái da đỏ?

Buổi hội trần gian sẽ từ đó mà mất vui. Thế giới mất ân tình. Cõi đời mất đời cõi. Thì lẽ hội mất đi cái gọi là. Là gì? Ban sơ xuân xanh ngày đó, ông Nguyễn Du đã bảo rằng:

*Thanh minh trong tiết tháng ba*

*Lễ là tảo mộ hội là đạp thanh.*

Hội đạp thanh mất đi cái ý nghĩa vô ngần của thanh đạp, một phen thanh đạp trở thành đạp thanh, phá lũy, theo thể điệu

Caligula. Ấy cũng chỉ vì đâm đâm riêng nghĩ tới hội là đập thanh, mà bỏ quên cái tình riêng của lẽ là tảo mộ...

*Ai chết đó? Nhạc sầu chi lắm thế?*

*Kèn đám ma? Hay ấy tiếng yêu thương*

*Của cuộc đời...*

Tiếng đau thương đó của cuộc đời dội vào cuộc sống, thì cuộc sống đổi hình thay dạng...

*Tôi nhớ lại ngày tháng chuyển dịch*

*Những thay hình đổi dạng mở phơi*

*Trong ly nước mộng tuyết vời*

*Mối sầu dao động nổi đời giao thoa*

*(Apollinaire)*

Cuộc sống thay đổi hình dạng theo thể thái sâu bi ngậm ngùi đó trong tâm hồn người ta. Cũng có thể nó đổi dạng theo lối tuyệt vô hy vọng, hoặc điên cuồng, hoặc rồ dại. Nhưng cuối cùng, phải nên diu nó về thể thái thanh thần khiêm tòng... Cạo đầu sạch sẽ đi tu? Đi làm đạo sỹ? Hay tiếp tục làm thy sỹ phiêu bồng? Làm nhà thương mãi đi buôn? Kỹ nghệ gia? Làm gì thì làm, cũng hơn là làm Caligula vậy.

Ngày còn đi học, hai bài thơ “Chết”, “Nhạc sầu” của Huy Cận đã gây chấn động dị thường cho tôi. Tôi bỏ học, chẳng thiết chi sách vở. Chạy về quê làm thằng chăn bò. Bao nhiêu thơ làm ra, tôi âm thầm tặng hết cho chuồn chuồn châu châu!

Thế cũng là một cách chịu chơi với Thần Chết vậy. Nghe tin Marilyn Monroe lia đời, tôi buồn bã suốt mấy tháng. Phải chi bình sinh nàng có đọc thơ Huy Cận, ắt nàng chẳng nên giận phận gì mà vội ngang tàn tính mệnh như thế.

Bây giờ tôi xin chậm rãi chép bài “Nhạc Sầu” ra tặng nàng. Mong rằng ở dưới tuổi vàng nàng hãy bỏ chút thì giờ đọc giải trí cho vui.

## NHẠC SÂU

Ai chết đó! Nhạc buồn chỉ lắm thế  
Chiều mờ cõi đời rét mướt ngoài đường  
Phố chiều hiu màu đá cũ lên sương  
Sương hay chính bụi phai tàn lá tả

Từng tiếng lệ ấy mộng sâu ủa lá  
Chim vui đâu? Cây đã gãy vài cành  
Ôi chiều buồn! Sao nặng quá mong manh  
Môi tái nhạt nào cười mà héo vậy

Ai chết đó! Trục xoay và bánh đẩy  
Xe tang đi về tận thế giới nào  
Chiều đông tàn lạnh xuống tự trời cao  
Không lửa ấm chắc hồn buồn lắm đó

Thê lương vậy mà ai đánh lia bỏ  
Trần gian sao? Đây thành phố đang quen  
Nhưng chốc rồi nẻo vắng đã xa miền  
Đường sá lạ thôi lạnh lòng biết mấy

Và ngựa ôi đi nhịp dầm chó nhẩy  
Kéo thân đau chưa quên nệm giường đời  
Ai đi đưa, xin đưa đến tận nơi  
Chớ quay lại nửa đường mà làm tủi

Người đã chết. Một vài ba đầu cuối  
Dắm bảy lòng thương tiếc đến bên mộ  
Để cho hồn khi sắp xuống hư vô  
Còn được thấy trên mặt người ấm áp

*Hình dáng cuộc đời từ đây xa tắp  
Xe tang đi xin đường chó gập ghềnh  
Không gian ơi xin hẹp bớt móng mênh  
Áo nào quá trời buổi chiều vĩnh biệt*

*Và người nữa tiếng gió buồn thê thiết  
Xin lặng giùm cho nhẹ bớt cô đơn  
Hàng cờ đen như bóng quạ chập chờn  
Báo tin xấu dẫn hồn người đã xé*

*Ai chết đó? Nhạc buồn chi lắm thế  
Kèn đám ma hay ấy tiếng đau thương  
Của cuộc đời? Ai rút tụt trong xương  
Tiếng nước nở gỏi gió đường quanh quẽ  
Sầu chi lắm trời ơi chiều tận thế...*

(Huy Cận)

Nhưng cố nhiên, chép xong rồi thì nên xếp giấy lại, ra đường phố dạo một phen rong chơi. Để nhìn lại đậm đà những tà áo phấp phới. Chẳng nên đắm chiều dằng dặc. Chẳng nên ơ bể cái chết. Kéo dây dưa cuộc tình duyên với Tử Thần, là điều tối kỵ. Nó có tính ăn hiếp. Ta lẩn la chơi đùa với nó, thì nó rút mòn xương tủy ta.

Bây giờ nên ngâm chơi vài vần “Tặng Em Mười Sáu” của Huy Cận:

### TẶNG EM MƯỜI SÁU

*Em mười sáu xuân lang vừa độ tốt  
Trời trong sáng sông trôi vui chim lãnh lót  
Để tay người nối lại với tay anh  
Anh thấy mơ hồ huyền diệu mong manh*

Một giải lụa quán qua hồn đây đó  
Nỗi vui cũ ngày nay anh lại có  
Thêu đời hồng anh nói ít lời hoa  
Em ca lòng cho bốn phía sinh ca

Dem dâng tặng mặt trời muôn thuở mới  
Hãy đẹp giọng khúc huy hoàng vơi vơi  
Nhạc tung bùng tuôn chảy tự hồn vui  
Thuyền du dương anh cầm lái em vui

Chèo một nhịp hò khoan cùng vũ trụ  
Em mười sáu ấy hoa đời đương nụ  
Nở xuân quang anh vừa quá hai mươi  
Ta nối tay tròn kết một vòng tươi

Mà vẫn lấy cuộc đời. Em có thấy  
Trong máu thấm dòng vui luôn tiếp chảy  
Suối hân hoan cuộn cuộn sóng dương hòa  
Lâm nụ cười cho vạn vật muôn hoa  
Em! Nào ta hát bài Thiên Cổ Lạc

(Huy Cận)

Nguồn thơ vui nhất của Việt Nam nằm trong Huy Cận. Mà nguồn thơ buồn nhất Việt Nam cũng là nơi Huy Cận. Sự đó không còn chi đáng nên ngạc nhiên.

Huy Cận đã sống trọn vẹn với linh hồn mình, vì thế ông sống trọn linh hồn nhân gian. Nguồn thơ ông chảy khắp mặt buồn vui của nhân thế.

Từ Nguyễn Du đến chúng ta bây giờ, chỉ có một Huy Cận mà thôi. Một Quang Dũng mà thôi. Một J. Leiba, Kiên Giang, Hồ Dzếnh mà thôi.

Và mọi mọi chúng ta cũng từ đó mà mọi mọi được có một nguồn thơ duy nhất của ta ta mọi mọi mà thôi.

Ta còn bận tâm chi nữa về câu chuyện xếp loại, định nguồn, nhận riêng khuynh hướng?

Huy Cận có làm văn nghệ văn gừng gì đâu. Thi sĩ chân chính cổ kim có một ai chịu thiết lập trường trại gì đâu. Họ vào cuộc Lễ Hội Trần Gian cũng đơn sơ như con chim về Mùa Xuân ca hát. Đến từ xứ lạ? Xứ quen? Xứ xa xôi vô ngần thân thuộc? Ngựa cổ hát chơi? Khi gió nằng vào reo um khóm lá? Khi trăng khuya lên ử mộng xanh trời? Chim ngậm suối đậu trên cành bịn rịn? Kêu tự nhiên nào biết bởi sao ca? Tiếng to nhỏ chẳng xui chum trái chín? Khúc huy hoàng không giúp nở bông hoa?

Họ đơn sơ hồn nhiên như thế. Sao ta lại cầu kỳ buộc họ phải cầu kỳ gay cấn như ta? Họ có đòi hỏi chi đâu? Họ chẳng bao giờ tranh giành địa vị? Chẳng bao giờ chịu làm thần tượng. Chỉ xin vào cuộc Hội Hoa Đăng, ca một lời cho Hoa Đăng xán lạn. Cho mọi người cùng yến tiệc giữa Hoa Đăng...

*Khi ta đến các người đã đến cả*

*Có Thiên Nhiên Suối Chì với Rừng Anh*

*Cỏ vạ đại đã quen chiều óng ả*

*Liều thiên thu từng thuộc lối buông mảnh*

Thơ Huy Cận dịu dàng như thế đốt cháy bông máu me ta bởi ông đơn giản ca ngâm. Ông chân thành khiêu vũ. Đừng ai nỡ đem gán bùa cho họ những gì họ chẳng hề có bận tâm. Bao phen chúng ta từng tàn nhẫn một cách quá vô tình. Và vì thế, họ đành quay lưng trốn chạy. Kêu gọi buổi chiều về bên mình để tâm sự cô đơn:

*Chiều ơi hãy xuống thăm ta với*

*Thiên hạ lia xa đời trống không*

*Nắng xế ngậm ngùi bên mái cũ*

*Điêu hiu bên phố nhớ bên lòng.*

Thiên hạ lia xa? Thiên hạ vẫn ngồi đó. Vẫn làm thơ tặng nhau. Nhưng cùng bằng gấp mấy quan san trong gang tấc. Vì đã tuyệt dòng chân thành tương ứng. Mỗi người mỗi đánh lạc mất linh hồn tinh thể mình, và mỗi mỗi đẩy dọa nhau dằng dặc...

*Đã mấy năm rồi thơ nở hoa  
Trang vui cũng lúc lệ buồn nhòa  
Giòng đời cũng nặng sầu lưu thủy  
Tóc nặng sầu tư gió thổi tà*

*Chiều ơi gấp gờ đã đòi con  
Sương lạnh dần thêm lệ tủi hờn  
Một buổi xưa kia phòng vắng bạn  
Đó ngày quen biết với cô đơn*

Buổi hoàng hôn dị thường nào xưa kia Nguyễn Du đã nhìn và tâm sự? Buổi hoàng hôn nhân loại. Ngày tận thế đó chăng? Không có lẽ như thế. Vì lời thơ thân thiết vẫn như âm thầm báo hiệu một bình minh sắp mọc trong hoang liêu:

*Có lúc xa người bơi quá yếu  
Than ôi sông núi lại buồn nhiều  
Mây xa lạc gió bên trời vắng  
Đời bạt lòng ta lại gặp chiều.*

11.

*A thân thế! Một cái bình tội lỗi  
Đất sơ sinh đã hóa lại bùn lầy.*

Một ý tưởng chẳng có chi mới lạ. Nhưng câu thơ của Huy Cận lại tươi mát như bầu trời.

*Và cổ đứng như mình cây vừng chãi  
Và vai ngang như mặt nước xuôi dài.*



Viết câu thơ lai rai như thế mới đích thật là thiên tài. (Còn như bài “Tràng Giang” của ông chính ông cũng lấy làm đắc ý lắm, thật ra còn vương vương, không có chi huyền ảo cả.)

Và cái câu:

*Tôi đội tang đen và mũ trắng  
Ra đi không hẹn ở trên đường.*

Ông viết hai câu thơ kỳ tuyệt như thế, thì thử hỏi: còn chi đáng kể nữa? Ông thừa sức xô ủa Đường Thi chạy mất hút. Toàn khối thi ca Trung Quốc, toàn khối thi ca Tây Phương, hầu như bị nổ bung lông lốc, vì trái lựu đạn đơn giản đó của ông tung ra.

*Và đôi mắt ấy biết nhìn xa  
Khi ngoảnh gần bên biết đậm đà  
Nhưng cũng biết gieo buồn khía cạnh  
Lạnh đồng tê giá nét thu ba.*

Tại hạ mấy mươi năm nay đọc cũng nhiều loại thi ca ngoại quốc, mà tuyệt nhiên chẳng thấy một văn nào dám ngang nhiên đứng vững trước mấy văn thất ngôn của Việt Nam nọ.

Ấy bởi vì? Bởi vì thơ Huy Cận vốn là sâu, nhưng đó là loại sâu thượng đẳng Như Lai, nên chỉ trong cái nổi sâu có pha chút gay cần chịu chơi. Thơ Homère, Sophocle, Shakespeare, Nietzsche cũng thường có chất đó. Trái lại, thơ hoàng viễn như không của Nerval, Hoelderlin, Eluard, lại dường như không có. (Ấy bởi vì họ chịu chơi theo lối từ bi khác).

Dù sao ta cũng có thể nói rằng thơ Huy Cận quả có như là cõi miền huyền bí nhất của tinh thể Đông Phương.

# XUÂN DIỆU

## I.

Dường như thuở bấy giờ ông linh cảm rằng ngày mai chỉ còn đau khổ và tan nát trên mặt đất quê hương, nên trong tiếng thơ thanh xuân của ông, ông đã dốc hết ra một lần tất cả niềm vui và nỗi buồn của thời đại.

### GỬI HƯƠNG CHO GIÓ

*Biết bao hoa đẹp trong rừng thẳm  
Đem gửi hương cho gió phụng phàng  
Mất một đời thom trong kẽ núi  
Không người du tử đến nhằm hang*

*Hoa ngở đem hương gửi gió kiêu  
Là truyền tin thắm gọi tình yêu  
Song le hoa đợi càng thêm tủi  
Gió mặc hồn hương nhạt với chiều  
Tán mác phương ngàn lạc gió cầm  
Dưới rừng hương đẹp chẳng tri âm  
Trên rừng hoa đẹp rơi trên đá  
Lặng lẽ hoàng hôn phủ bước thẳm*

*Tình yêu muôn thuở vẫn là hương  
Biết mấy lòng thom mở giữa đường  
Đã mất tình yêu trong gió rui  
Không người thấu rõ đến nguồn thương*

*Thiên hạ vô tình nhận ước mơ  
Nhận rồi không hiểu mộng và thơ*

*Người sĩ muôn kiếp là hoa núi  
Uống nhụy lòng tươi tặng khách hờ.*

(Xuân Diệu)

Xuân Diệu có chỗ đặc biệt là: ông nói tới niềm bi đát tồn sinh, ông nói rất ráo rức, mà vẫn ẩn ẩn một chút mỉm cười mát mẻ. Nhưng hình tượng ông vẽ ra bay múa rộn ràng khiến cho thâm kịch trở thành một ân huệ mưa móc. Nỗi đời gay cấn biến làm màu sắc phiêu du. Đoạn trường trở thành mùi hương rớt hột.

Người thi sĩ vốn tiềm tàng một chứa chất một tư lự hoàng viễn của những linh hồn thượng đạt, nên ngôn ngữ quay cuồng đủ hướng vẫn qui về thể thái phiêu nhiên niêm hoa vi tiếu của Khổng Tử điềm đạm trang nghiêm; niêm hoa vi tiếu của Như Lai heo hút man mác; niêm hoa vi tiếu của Long Thọ Bồ Tát và Heidegger đi bước nghiêm mật trù tượng trong ngôn ngữ quần quần quanh quanh thoáng hiện thoáng ẩn: niêm hoa vi tiếu của Huy Cận suốt bình sinh thốt tiếng ngậm ngùi; niêm hoa vi tiếu của Trang Tử “mộ tứ nhi triêu tam, triêu tứ nhi mộ tam”. Niêm hoa vi tiếu của Xuân Diệu “lòng tôi đó một vườn hoa cháy nắng, xin lòng người mở cửa ngó lòng tôi”...

*Biết bao hoa đẹp trong rừng thẳm  
Đem gửi hương cho gió phũ phàng  
Mất một đời thom trong kẻ núi  
Không người du tử đến nhảm hương.*

Trong kẻ núi? Là nơi chốn của những hang hốc ngổn ngang um tùm cỏ mọc. Hương hoa mất cả một đời thom trong kẻ núi. Nghĩa là gió phũ phàng không đem hương hoa về đồng nội thôn làng thôn ỏ, cho nhân gian tiếp đón. Gió phũ phàng đẩy hương vào trong kẻ núi tối om om, lạnh căm căm, chịu đọa đày trong quạnh hiu tù ngục. Một đời thom mất đi trong kẻ núi đá dờ dẩn ra như thế, thì kẻ cũng đã thiếu não lăm thay. Còn khôn đồn hơn

tình cảnh Thuý Kiều lênh đênh đầu nũa cũng là lênh đênh. Bởi vì lênh đênh là trôi dạt. Trôi dạt thì còn dịp được tấp vào bờ. Hoặc còn mong lưu ly thì được gặp bàn tay tế độ của Thúc, của Từ... Mà cho dầu không gặp bàn tay nào cả, thì riêng cái việc được lưu ly cũng là thơ mộng. Có chìm, có nổi, có dui dặt, có nhấp nhô.

Còn như? Còn như cái sự tình mất một đời thom trong kẽ núi, là cái sự tình ngọt ngào, không khác chi bị vùi chôn trong nấm mồ, chẳng khác chi cái nhà mồ Siêu Hình Học Âu Châu đã chôn vùi sắp giữa Nerval Hölderlin.

Bị vùi chôn ngọt thơ, hy vọng có người du tử nào ngẫu nhiên đi nhằm hang trủng hổ, mà cứu ra? Nhưng núi non thì trùng trùng điệp điệp, hang hổ thì hàng triệu ngổn ngang, nằm ù lỳ trong tịch mịch.

Hy vọng được cứu thoát là hy vọng của tuyệt vô hy vọng.

*Biết bao hoa đẹp trong rừng thẳm*

*Dem gửi hương cho gió phụ phàng.*

Biết bao hoa đẹp? Hoa đẹp của rừng thẳm rừng thiêng? Loại hoa đó không giống loại hoa của phần hoa son phấn. Loại hoa đó u nùng như rừng thẳm âm u. Loại hoa đó mọc từ uyên nguyên vũ trụ. Từ giữa lòng tịch hạp của căn khôn.

Nó tin cậy đem ký thác tinh thể nó cho gió. Thấy gió phiêu bồng chịu chơi, nó hân hoan gửi hương cho gió. Thì đừng một cái, vừa gửi đi, thoát thấy mình chết đuối. Tại sao gió không mang nó đi tỏa ra man mác bốn chân trời chân mây tứ hải. Gió lại chơi khăm đưa nó vào trong kẽ núi bịt bùng. Cái tiếng phụ phàng chơi lại đem gửi. Chơi một cách kịch liệt. Dem gửi? Dem ra mà gửi? Là tin cậy mới đem ra. Gửi đi là kỳ vọng.

Bốn câu tiếp chậm rãi nói ra sự tình trở trêu các cơ:

*Hoa ngở đem hương gửi gió kiêu*

*Lá truyền tin thắm gọi tình yêu*

*Song le hoa doi cang them tui*

*Gió mặc hồn hương nhạt với chiều...*

Mọi tiếng không một tiếng nào không nói ra có sự ảo não. Hoa bản chất vốn là phù du. Dối nhiều như thế thì còn gì tinh thể của hoa:

*Gió mặc hồn hương nhạt với chiều*

Chiều là hoàng hôn. Hoàng hôn là đêm tối. Đêm tối là dậm khuya ngất tạnh mù khơi. Ngất tạnh mù khơi là cảm nín. Không một âm thanh tương ứng vọng lại suốt rừng cao, lũng thấp, cồn bãi lẻ tẻ.

*Tân mác phươg ngàn lạc gió cảm*

*Dưới rừng hương đẹp chẳng tri âm*

*Trên rừng hoa đẹp rơi trên đá*

*Lặng lẽ hoàng hôn phủ bước thẳm.*

Gió cảm? Gió sao lại cảm? Nó cảm bởi vì nó điếc. Nó không nghe cái lời. Nếu nó có nghe cái lời thì ắt nó không điếc. Nó không điếc thì ắt nó không cảm. Nó không cảm ắt nó thốt lời đáp.

Nhưng sự tình trái hẳn. Dưới rừng cũng như trên rừng, hai ngả đều lạnh giá cảm nín cả hai.

*Dưới rừng hương đẹp chẳng tri âm*

*Trên rừng hoa đẹp rơi trên đá.*

Nếu rơi trên đất còn khả dĩ gọi là. Mà nếu rơi được trên giòg khe thì càng may mắn hơn nữa. Nhưng hoa đẹp rơi trên đá? Rơi trên đá thì còn ra cái thể thống gì?

Thì cũng tỷ như cô Marceline rơi rụng cái hồng nhan mình trên cái hình hài anh chàng Michel (*L'Immoraliste*).

Hoặc cái chú Jan chạm phải cái phũ phàng cứng rắn của cô em gái Martha. Hoặc cái cứng nuồng Caesonia Seiphion vấp phải cái khối Caligula sa mạc.

Sa mạc phát tiết anh hoa ra ngoài một phen thì sự tình đi tới chỗ trầm trọng bất khả vãn hồi.

Jésus Christ phải lên Calvaire, song song với hai tên trộm cướp...

*Tình yêu muôn thuở vẫn là hương  
Biết mấy lòng thom mở giữa đường  
Đã mất tình yêu trong gió rui...*

Cái trận gió rui kia đã đem tai họa đến cho gia đình Nguyễn Trãi. Đã xô Nguyễn Du về giữa triều đình Gia Long. Đó là nơi chốn phát tiết tiếng thơ xưa kia :

*Kim cổ vô cùng giang mạc mạc.*

Và:

*Chắc chi thiên hạ đời nay  
Mà đem non nước làm rẫy chiêm bao*

Và:

*Người đâu tá? Quê nhà chưa tỏ  
Tuổi bao nhiêu? Tên họ là chi?  
Đã sinh cùng nước cùng thì  
Cùng ta không biệt mà ly bao giờ?*

Không biệt mà ly có nghĩa là: mất hết mọi tương ứng thông cảm. Xô bỏ chém giết nhau đủ lối. Thì như thế cõi đời không còn là cõi sống của con người ta. Lúc Jésus Christ nói với Ponce Pilate: “Vương quốc ta không phải là cõi đời này” thì ý Ngài muốn nói gì như thế?

Nói xong câu đó, thì Ngài im lặng. Ponce Pilate hỏi: “Bọn chúng lên án Ngài lan tràn như thế, Ngài nghĩ sao?” Jésus Christ vẫn im lặng.

Ấy bởi vì câu nói trên của Ngài đã là lời đáp cho mọi câu hỏi rồi. Ngài không phải là con dân của non nước này, thì luật lệ của non nước này sao có thể lên án Ngài. Ngài chỉ ghé lại viếng chơi

giấy lát, ôn tồn tâm sự phút giây, rồi phiêu nhiên nhĩ khứ, như đã phiêu nhiên như lai...

Mọi oan nghiệt trần gian thế là được gột rửa sạch sẽ vệ sinh.

Trong trận lặng lẽ kia của Ngài, chẳng còn ai giết ai, chẳng còn ai anh hùng hữu hận...

Ngài đã đóng xong vai trò của thân thể ở trong cuộc hý trường hư vô kim cổ vô cùng giang mạc mạc.

Bài thơ của Xuân Diệu không có nói ra như thế. Lời thơ Nguyễn Trãi cũng không. Nhưng nó đã bao hàm tất cả những gì chuẩn bị cho linh hồn con người ta thể hội sự tình kia, trong cái thể điệu thi ca hiu hiu hắt hắt. Nó nói chuyện hoa rừng mà không phải chuyện hoa rừng. Nó nói chuyện người thơ, mà không hẳn là chuyện người thơ. Nó nói một đường để người ta nghe một ngã. Nó nói chuyện bà la mật để người ta thấy bí ngạn là thử biên. Mà thử biên cũng có thể là vô biên vô tế. Vô biên vô tế cũng có thể là hư vô mà cũng có thể là không phải là hư vô. Non nước ta không phải ở cõi đời này nhưng vì sao ta lại về đây và gieo Phúc Âm vào cho non nước? Gieo vào cho non nước, mà vẫn biết trước rằng non nước chẳng nghe ra. Non nước chẳng nghe ra thì công gieo là công uống. Công uống là luống công lao. Thế tại sao lại bận lòng gieo rắc? Bận lòng gieo rắc mà lòng dạ vẫn chẳng bận tâm. Chẳng bận tâm sao có sự đoạn trường. Sao có sự vụ đoạn trường tân thanh? Đã có đoạn trường tân thanh sao còn gọi là góp nhặt lời quê mua vui một vài trống canh cũng được? Mua vui chơi một cuộc sao còn thở than “bất tri tam bách dư niên hậu?”.

Nêu câu hỏi lại rai ráo rết như thế rốt cuộc ta chạm phải cái gì? Ấy là lời thơ hắt hiu đồng Bương Cấn:

*Bao giờ ta gặp em lần nữa*

*Ngày ấy thanh bình chắc nở hoa*

*Đã hết sắc màu chinh chiến cũ*

*Còn có bao giờ em nhớ ta?*

Triệt ngộ cái lẽ ẩn mật trong nếp gấp thi ca, từ đó về sau chẳng bao giờ ta còn dám trách chúa Jésum mâu thuẫn. Tại sao lúc Ngài bảo là non nước này chẳng phai non nước của Ngài, rồi lúc lâm biệt, ngài lại thở than: “Hỡi Thượng Đế! Vì sao Người bỏ rơi con!”. (Xem *Trăng Châu Thỏ*).

## II.

Nếu đọc Vân Đài và Ngân Giang, phải nghĩ rằng đó là lời thơ của bà ngoại bà nội chúng ta, mới cảm thấy hay thấm thía – thì đọc Xuân Diệu, ắt nên nghĩ rằng đó là thơ của một thằng em. Sự tình tứ đó sẽ đổi hẳn tính cách.

Sau ba mươi năm dài, trải bao trận phiêu du ngoài đời, cũng như lưu ly trong thi ca tư tưởng, ngày nay cầm lại cuốn *Thơ Thơ*, tại hạ cảm thấy một cái gì không thể tả. Đọc lại thơ Nguyễn Bính, thơ Lưu Trọng Lư, có thể không bồi hồi chi mấy. Nhưng đọc *Thơ Thơ*, lại khác hẳn. Đường như toàn thể tuổi xuân bỗng sống dậy kêu gào.

Xóa đi những lời lếu láo lải nhải, còn lại những lời chân thật riêng biệt chân thành của tuổi trẻ:

*Không có cánh nhưng vẫn thềm bay bổng*

*Đi sâu trong sân mà nhớ chuyện trên trời*

*Trút thời gian trong một phút chơi vui*

*Ngắm phong cảnh giữa hai bẽ lá cỏ*

Thơ hồn nhiên rộng rãi như thế đúng là thơ của thiên tài tuổi trẻ.

*Đi trong sân mà nhớ chuyện trên trời*

*Ngắm phong cảnh giữa hai bẽ lá cỏ*



Chúng ta đã ngót ngạt vì thơ đoạn trường của Nguyễn Du, thơ đìu hiu của bà huyện Thanh Quan, thơ ồ ạt lếu láo của Nguyễn Công Trứ, thơ trắng trợn của Trần Tế Xương... thơ già trước tuổi của những thi tài nẩy ra trong vòng mười năm nay...

Thì bây giờ cũng đã tới lúc xưa ủa đi hết mọi thứ thơ nào nùng kia, và đọc lại Xuân Diệu:

*Vì sao giáp mặt buổi đầu tiên  
Tôi đã dày thân giữa xứ phiên  
Không thể vô tình qua trước cửa  
Biết rằng gặp gỡ đã vô duyên.*

Kể từ sau 1945, các loại thơ này vốn không mấy may rung động chúng ta được nữa. Chúng ta đứng trước những phong ba, linh hồn chúng ta mang những ưu tư khắc khoải khác. Thơ trữ tình, thơ yêu đương vớ vẩn nhớ nhung kia, chúng ta bỏ trôi mất hút, không một chút bận tâm.

Nhưng rồi phong ba cứ dồn dập, càng ngày càng mang tính cách nhố nhếch thêm ra, tũn mủn đầu độc thêm ra, thì ưu tư khắc khoải trở thành chuyện tầm phào, siêu thi, siêu tưởng, siêu triết... trở thành chuyện đi điếm. Văn chương văn nghệ trở thành chuyện bán cá ngoài chợ. Nợ tang bồng vay trả trả vay, trở thành chuyện phỉnh phờ con nít. Lưu thủ đàn tằm, trở thành chuyện tán gái đâm toàng. Chiêu hân thanh, trở thành chiêu chặn mài cọ lầu xanh meo mốc.

Ngót hai mươi năm rồi, ngụp trong đó, chúng ta lừa lọc nhau và tự lừa dối mình. Bây giờ đã thấm mệt với cái trò nhảy nhót nhấp nháy kia. Thôi xin từ già mọi thứ đó. Xin chạy theo sau thằng thanh niên ngáy ngô ngày trước chơi một trận.

*Trưa hôm nay con ngồi như trẻ nhỏ  
 Giữa đây trưa trong lòng mẹ vô cùng  
 Con là sáo, Mẹ là ngàn vạn gió  
 Mẹ là trời, con là hạt sương rung.  
 Sương uống mãi chẳng bao giờ hết sáng  
 Của trời cao chói lọi mỗi chiều ngày  
 Sáo ca mãi, lòng mẹ run choáng váng  
 Gió vẫn đầy ngàn nội bốn phương bay*  
 ("Mẹ Việt Nam")

Thơ Xuân Diệu thường có chất bát ngát hồn nhiên như thế. Tây Phương Đông Phương cổ kim không có nguồn thơ nào sánh kịp. Chúng ta quen thói chạy theo đuôi phong trào sùng phụng những Nerval, Hoelderlin, Rilke, Đỗ Phủ, Thôi Hiệu, Tagore, chúng ta không còn cách gì ngờ ra rằng nguồn thơ Xuân Diệu có thể bao la hơn bất cứ một nguồn thơ thý sỹ nào. Việt Nam đã có một Nguyễn Du đi khắp cung bậc đoạn trường gay cấn, về sau có một Huy Cận tiếp hậu ngâm ngùi, một Phạm Hân cô tịch, một Nguyễn Bính man mác ca dao. Thử hỏi: chúng ta còn cần chi tới bất cứ một nguồn thơ Tây Phương nào? Dù là Nerval hay Rilke, dù là Whitman hay Henri Michaux?

Chúng ta cần Xuân Diệu. Cần một vài vần lục bát của Hồ Dzếnh. Chúng ta đứng xa xa, nguyện cầu cho Hàn Mặc Tử, Chúng ta phải để cho thơ Xuân Diệu rúc vào tủy xương mình. Vì y đủ thói bông lông thắm thiết của con người thượng đạt. Y trẻ đại, y lãng nhãng, y nói tới nỗi đời rồi y xóa đa đoan dẫu biển. Y hồn nhiên giữ áo, nắm dây cung cầm Tăng Diên đánh lên giữa mùa Xuân...

*Có một suối thơ chảy từ gần gũi  
Ra xa xôi và chảy đến gần quanh  
Một suối thơ lá ngọt với hoa lành  
Nói trong xóm và rộn cười dưới phố  
Nguồn thơ mới tuôn ra từ vũ trụ  
Có lẽ là hơi là gió cũng nên...*

(Suối)

“Thiên hạ xuôi xuôi ngược ngược, khênh khặng kền càng, còn ta, ta hồn hồn ngạc ngạc ca hát như trẻ thơ... Hãy để cho trẻ thơ tới bên ta... Chim chóc tới bên ta... Các người hãy gột rửa cái thói học đòi bác học đi. Các người hãy mù lòa đi, và các người sẽ không còn tội lỗi...”

Chân nhân đời xưa nói gì? Nói rằng: các người đừng dùng thủ đoạn, đừng lợi dụng những ông Nietzsche để sát hại trẻ con. Thảm họa của Nietzsche không phải là ở chỗ bị công kích, cũng không phải bị mấy ông linh mục lên án. Thảm họa của Nietzsche là ở chỗ: bị bọn hãnh tiến lôi về phe cánh mình để tiện bề gây rối loạn.

## HUY CẬN, XUÂN DIỆU

Huy Cận đi từ *Lửa Thiêng* tới *Hội Hoa Đăng, Tặng Em Mười Sáu*, tức là ông đi cái bước tối hậu, tại bách xích can đầu. Cũng như Nguyễn Du đã dẫn cung cầm bạc mệnh Thúy Kiều tới giai đoạn “đằm ắm dương hòa”. Xưa sao sầu thảm, nay sao vui vầy? Xuân Diệu già trước tuổi, nên ngay từ đầu, ông đã xóa tiếng đoạn trường bạc mệnh bằng cái thể điệu ngấm ngấm niêm hoa vi tiếu bàng bạc trong thơ ông. Già trước tuổi? Nghĩa là phản lão hoàn đồng? Nghĩa là quá già nên hóa ra trẻ nít trở lại? Quá già kể từ đâu? Kể từ cội Nguyễn Du vậy. Kể nào chưa hiểu rõ chỗ tận cùng

tàn sơn thặng thủy trong cung bậc Nguyễn Du, kẻ đó không thể nào hiểu Huy Cận Xuân Diệu đã vì đâu mà già, do đâu mà trẻ.

(Xét lại xem Shakespeare đã đánh cung bậc nhị bội như thế nào kể từ Hamlet, Macbeth, Othello sang những vở hài kịch bất ngát của ông. Xét lại Sophocle: bên bi kịch *Oedipe*, còn có vở kịch *Philoctète*).

## NGÂN GIANG NỮ SỸ

Xin tặng bà mấy câu thơ tôi lấp lại thơ bà một buổi chiều lơ dờ:

*Hoa đào ngỏ vắng rụng mong manh*

*Tĩnh giấc trà sương liễu rủ mảnh*

*Đất lạnh xóm nghèo hoa chậm nở*

*Can tràng ai hẹn với ngày xanh.*

Ngày xưa chúng tôi không được đọc thơ bà. Sách Hoài Thanh Hoài Chân đã bỏ sót. Nay gặp bà trong sách của Nguyễn Tấn Long, Nguyễn Hữu Trọng. Thấy ông Bùi Khánh Dân họa thơ bà, tôi cũng xin nói điệu chút ít. Tôi không biết họa thơ. Xin gieo vài lời vịnh lạc lõng:

*Mưa thu buổi sáng ướt thêm*

*Tiếng rên rỉ nọ còn thêm nỗi gì.*

*Dáng lên từng đợt lối nghi*

*Mùa xuân đã chết ai về gọi thu.*

Tôi đọc kỹ những bài thơ và văn xuôi của bà trong cuốn sách ấy. Tôi biết nói gì bây giờ? Chẳng lẽ lại lảm nhảm nói một điều quá hiển nhiên rằng thơ bà cũng quan trọng như thơ Bà Huyện Thanh Quan? Đằm thắm nào nùng như linh hồn Đoàn Thị Điểm? Bà hiện giờ ở đâu? Nếu quần quanh có mặt ở Sài Gòn? Thì chắc tôi xin rúc ra khỏi gian nhà, đi tìm thăm viếng bà.

Bài “Xuân Tường”, bà có ghi: “Dám mong các bạn thơ trả lời bằng những câu hỏi thơ này”.

Tôi cũng không thể trả lời bằng thơ. Trả lời bằng văn xuôi cũng không thể. Chỉ có thể viết câu hỏi của bà đã nêu ra:

*Hoa cào múa cánh cuối đông rồi  
Một vấy tay tiên đủ tám bài  
Ngày muộn trường văn tân nét bút  
Người làm thơ muộn đấy là ai?*

Là ai? Tôi không biết. Nhưng người làm thơ muộn có thể biết. Vậy để nhờ người ấy đáp.

*Cách mấy mươi năm giấy mực già  
Bất ngờ trùng hiện gió xưa hoa  
Người làm thơ muộn nêu câu hỏi  
Kẻ muộn làm thơ họa há là...*

Tạm đáp dờ dang như thế. Bây giờ tạm gọi là bình tĩnh yên ổn. Xin chậm rãi chép lại vài bài thơ của bà ra đây.

## 1. NGÀY XƯA

*Ngày xưa có một người thơ  
Vào rừng thông lạnh đợi chờ gió reo  
Chim hôm loáng thoáng qua đèo  
Cảnh chiều buông tiếng chuông chùa ngân nga...*

## 2. THẾ RA

*Thế ra thu đã đến rồi  
Thảo nào mưa gió toi bồi mấy hôm  
Xa xôi ai đấy có buồn?  
Thôn Dương nhành liễu võ vàng tương tư*

### 3. ĐÊM MƯA

*Gió mưa ướt áo đủ rồi  
Sao còn ngấm lạnh lòng tôi thế này  
Ốm đau đã mấy tuần nay  
Nét cười đã với tháng ngày trời xa  
Giờ không gạn chút vui thừa  
Tựa song quạnh vắng nhìn mưa rơi buồn  
Nhờ ai chấp hộ mảnh hồn  
Đã vì đau giận rũ tan khắp trời  
Mưa rơi từng giọt mưa rơi  
Lòng ai có lạnh như tôi thế này*

Kính thưa Ngân Giang nữ sỹ!

Vân bối nhận thấy rằng thơ và văn xuôi của tiền bối đều đạt tới mức lô hỏa thuần thanh. Tiền bối hồn nhiên đạt tới như thế là vì tâm hồn tiền bối mệnh mông? Hay là tiền bối có chịu khó luyện tập nhiều năm nên mới đạt được thập thành công lực?

Nay mai nếu tôi làm được bài thơ nào, tôi xin đề tặng tiền bối. Và nếu tiền bối cần thỉnh giáo điều gì, tại hạ cũng sẽ sẵn sàng chỉ vẽ cho. Chả hạn? – Chả hạn: tại hạ vốn là thằng thý sỹ đi khắp cõi uyên nguyên, siêu thực, gặp từ con chuồn chuồn nguyên thủy bảo giông, tới con hùm thiêng thủy nguyên giông bảo, vì lẽ gì tại hạ lại còn chiều chuộng những bài thơ chả có chi bảo tố phong ba? – Đáp rằng: tại hạ đã chán ngấy hết mọi thứ phong ba bảo tố rồi. Tại hạ thấy nó cũng ù lý le lói ra một thứ nhà ma đó thôi. Ích gì mà triển miên lâu ngày ở trong đó. Nên bế mạc sớm cho xong. Tại hạ tìm tới viếng thăm tiền bối, xin uống một tách nước trà đậm nhiên là đủ. Chỉ cầu mong một điều: trà kia không có pha thêm những bột phấn phấn hoa, và bàn tay pha trà không phải là

bàn tay của một kẻ tốt nghiệp chuyên môn nơi một trường cao đẳng Trà Đạo, Trà Lý gì gì hết cả.

## HỒ DZÉNH

### I.

Bài “Rằm Tháng Giêng” của Hồ Dzếnh quả thật là một bài thơ hay:

*Chị tôi vào lễ trong chùa  
Hai chàng trai trẻ khấn đũa hai bên  
Lòng thành lễ vật dâng lên  
Cầu cho tiểu được ngoài giêng đất chồng  
Chị tôi phụng phịu má hồng  
Vùng vàng suýt nữa quên bóng cả tôi  
Tam quan ngoài mắt chị ngồi  
Chị nghe đoán quẻ chị cười luôn luôn  
Quý thần thóc mách mà khôn  
Số này chồng đất để con cũng nhiều*  
(“Rằm tháng Giêng”)

Người Việt Nam có thể không đọc Nguyễn Du, nhưng không thể nào không đọc bài thơ kia của Hồ Dzếnh.

Bài “Lời Về” của ông riêng bốn câu cuối cũng đủ là một tuyệt tác cổ kim:

*Vó ngựa từ ngày vỗ xuống Nam  
Trông mòn đũa lối Hải Vân San  
Áo nâu phai nhạt màu cây cỏ  
Lá rụng hoa rơi đất nước Chàm.*

Một bài tứ tuyệt như thế đúng là một tặng vật của Đường

Thi. Nhưng Đường Thi ghé xuống Việt Nam, Đường Thi đã nhảy một bước vô biên. Không còn Lý Bạch, Thôi Hiệu, Tô Đông Pha nào chạy kịp được nữa.

Vì trong đó có ba sử lịch đang gùn ghè nhau. Sử lịch Trung Hoa, sử lịch Việt Nam, sử lịch Chiêm Thành:

*Lá rụng hoa rơi đất nước Chăm.*

Một câu thơ đơn giản như thế mang toàn khối Như Lai trong mấy trăm bộ kinh Phật. Và thừa dư công lực hư vô để thiết lập căn cơ cho Siêu Hình Học Tây Phương. Ông Heidegger khỏi phải bận tâm hý hục lời cả Hoelderlin, Sophocle, Parménide, vào trong cuộc thiết lập cơ sở mới làm gì.

Cái cuộc Lữ dị thường của Khổng Tử bỗng nhiên tiếp giáp với Thái Hư Tịch Mịch trong bốn câu thơ kia của Hồ Dzếnh. Đó là điều mà trong tập *Điều Tàn* của Chế Lan Viên, ta mãi mãi tìm không thấy.

## II.

Phải quên mấy bài lục bát của ông Hồ Dzếnh thì mới còn can đảm làm thơ. Hoặc còn chịu khó đọc thơ Tây thơ Tàu.

Nhưng mỗi phen đang giữa cơn chịu khó liên trì mà chợt sực nhớ cái bài “Phút Linh Cầu” của Hồ Dzếnh, thì ối thôi! ối thôi! Chẳng còn thể nào tiếp tục công việc gì nữa cả. Linh hồn bỗng nhiên xô ủa máu me chạy tuột đi hướng khác, vô phương nắm cầm lại...

*Khói trầm bén giấc mơ tiên*

*Bâng khuâng trắng rải qua miền quạnh hiu*

*Tô Châu lớp lớp phù kiều*

*Trăng đêm Dương Tử mây chiều Giang Nam.*

Không còn một loại thơ kim cổ nào đứng nổi trước cái trận



chiếm bao kỳ ảo kia. Tôi thách các bạn tìm bất cứ trong thi ca cổ kim một bài thơ nào đứng vững nổi trước mấy vần lục bát của ông bạn Minh Hương kia.

Hễ thông dong tự tại thả mình theo thơ đó, thì cảm thấy như mình biến làm thiên thần. Mà hễ hì hục cố bàn giải vào, thì bỗng nhiên tức thở, ngột hơi, cảm thấy mình là một con đười ươi lếu lảo lơ trên, không biết xấu hổ là gì.

Lỡ viết ra đôi lời giải thích thì về sau sẽ ân hận, sẽ mòn mỏi máu me kịch liệt.

Cũng may cho ông Nguyễn Du sinh ra ở thế kỷ trước. Nếu sinh ra đồng thời với Hồ Dzếnh, ắt ông Nguyễn Du không còn chịu viết *Đoạn Trường Tân Thanh* làm gì.

Mọi thi sỹ ngày nay đều là kẻ bất hạnh. Bị đọa đày làm thi sỹ, trong khi côi thơ không còn lối để bước. Mấy chục bài lục bát của Hồ Dzếnh là đại dương thi ca. Ta còn đem vài giọt nước rớt vào đại dương làm gì?

Có lẽ Hồ Dzếnh cũng rõ điều ấy, và vì lòng từ bi, ông bèn làm thêm nhiều bài thất ngôn xoàng xoàng in xen lẫn vào. Cốt để che bớt côi bao la của đại dương. Nếu không làm thế, thì mặc nhiên lên án tử hình hết mọi thi sỹ năm châu.

Ấy có nghĩa rằng: tập thơ *Quê Ngoại* của ông cho người đọc nhìn ra ẩn ngữ thơ mộng của mặt đất chỗ này: một tâm hồn nhỏ dại, quanh quẩn với những nhớ nhung nhõng nhẽo tâm tình bé tha, mỗi phút xuất thần kỳ ảo bỗng nhiên nhảy vọt một bước lên tột đỉnh thiên tài, không có gì giải thích được.

### III. (HỒ XUÂN DZÉNH)

Tôi thêm chữ Xuân vào tên ông, ấy chẳng phải là hoàn toàn làm điều phi lý. Chính ông đã có tập thơ *Hoa Xuân Đất*

*Việt.* Tôi không thể tự ban thêm cho mình một tiếng xuân vào trong tên tuổi. Nhưng riêng biệt với Hồ Dzếnh, chúng ta được quyền gọi ông là Hồ Xuân Dzếnh. Chính ông cũng đã ngang nhiên tuyên bố:

*Ý thiêng người thiếu ta thừa*

*Nghìn kho ân lộc trăm mùa mạnh xuân.*

Một loại xuân kỳ lạ cứ về kêu gào làm nứt rạn những vụn lục bát của ông. Nứt rạn không phải là vỡ toang. Nứt rạn là cái vùng ẩn mật để cho mọi thứ mùa xuân có chỗ len lấn đi về trong một mùa xuân. Chất thơ xuân của ông từ đó mang tính chất hàm hôn bát ngát. Xuân vui mà nghe như buồn. Xuân buồn mà nghe như vui.

*Ý thiêng choán hết linh hồn*

*Còn đâu gió nhớ cung buồn mà ca.*

Ông vừa dứt câu, quyết liệt như thế, thì mọi người bỗng nhiên tê lạnh cả máu me, vì biết rằng cái cung buồn kỳ ảo đang lù lù thị hiện trong câu thơ đôi xóa sạch cung vui. Và quả thật người ta không lầm. Trong Hoa Xuân Đất Việt bốn câu này vẫn nằm sừng sững đó:

*Ngoài kia niên thiếu ca xuân mới*

*Trong lũy tre xanh đời vẫn buồn*

*Ai biết để lòng yêu một buổi*

*Bay về thăm viếng mái cô thôn.*

Bài “Mái Lều Tranh” ghi lại hình ảnh đối kháng nhau ; đi sát bên nhau, vẫn không làm sao hòa vào nhau cho được. Hai hình ảnh thăm thẳm riêng biệt trong lịch sử người ta:

*Mẹ tôi sống lặng trong làng nhỏ*

*Đâu biết thời gian đổi mới rồi*

*Lòng vẫn đau buồn thiên vạn cổ*

*Nào hay non nước hãy reo vui*

Cái tiếng “hầy” đơn sơ kia lại đang làm nứt rạn câu thơ một lần nữa. Cũng như tiếng “đâu biết, đổi mới rồi”. Còn tê buốt hơn tiếng “Đau buồn thiên vạn cổ”.

*Vú mẹ đã khô nguồn sữa cũ  
Tình con còn lại bấy nhiêu thôi.*

(“Trang sách xưa”)

Trở lại với *Quê Ngoại*, chép bài “Phong Châu”:

*Giếng vàng ánh ngọc nghìn xưa  
Giở trang sách cũ hương thừa còn bay  
Mà sao người đó ta đây  
Tình duyên phảng phất như ngày đã xa.  
Người về ta mới nhớ ra  
Yêu là thế ấy mơ là thế thôi.*

#### IV.

Bài “Giang Tây”, và bài “Phút Linh Cầu” khiến tôi bải hoải tay chân. Không còn can đảm đọc thơ Nguyễn Du Huy Cận Hàn Mạc Tử Nguyễn Bính gì được nữa.

Hồ Dzếnh cũng không thể nào làm thơ tiếp được nữa.

Gauguin bỏ chạy trốn Âu Châu, tìm tới một hải đảo vô biên vô tế, suốt bình sinh ngồi vẽ lại màu mắt gái trùng khơi trong những buổi hoàng hôn đại hải, ấy cũng là một lối đi tìm cái dư vang nào trong thơ Hồ Dzếnh.

*Biển chiều vang tiếng nhân ngư  
Non xanh thao thiết trời thu rượu sầu  
Nhớ thương bạc nửa mái đầu  
Lòng nương quán khách nghe màu tà huân.*

# PHẠM HẦU

## I.

*Đưa tay ta vẫy ngoài vô tận  
Chẳng biết xa lòng có những ai*

Đó là hai câu thơ cuối bài “Vọng Hải Đài”. Đó cũng là bầu khí hậu mệnh mang sâu cô độc bàng bạc khắp mấy bài thơ của Phạm Hầu còn rơi rớt lại chúng ta ngày nay.

“Chúng tôi đã cố công sưu tầm nhưng chỉ được đãi ngộ sáu bài thơ. Ấu cũng lấy đó là niềm vui vậy.” (*Việt Nam Thi Nhân Tiền chiến*)

Hai ông Nguyễn Tấn Long, Nguyễn Hữu Trọng đã viết một bài hoàn hảo về Phạm Hầu.

*Chẳng biết trong lòng ghi những ai?  
Thềm son từng dội gót vân hài  
Hỡi ơi! Người chỉ là du khách  
Giây phút dừng chân vọng hải đài*

Kể từ ngày gặp Phạm Hầu trong *Thi Nhân Việt Nam* (của Hoài Thanh Hoài Chân) tới nay đã ngót một phần tư thế kỷ. Thằng học sinh đầu xanh nay tóc đã bạc. Nó xin đọc ôn lại thơ Phạm Hầu.

*Mãi dăng tròn hồn vui muôn độ trước  
Chưa đủ sao? Đòi đòi hỏi thêm chi?  
Tai dờ nghe, mí triu nặng từ bi  
Gió bốn hướng dăng co trong tử biệt.*

Phạm Hầu viết những lời như thế thuở ông hai mươi mấy tuổi đầu. Hai mươi mấy tuổi mà dường như đã có đủ trong hồn một trăm năm đạo hạnh. Ông đi vào thi ca, nghệ thuật, với tâm hồn con người thanh tu đạt đạo. Người thanh niên ấy đã biết

khước từ hết mọi thứ “đường chất trần gian” và âm thầm gửi cho trần gian một chút tặng vật nho nhỏ.

Ngờ đâu tặng vật nho nhỏ kia lại khổng lồ như một Kim Tự Tháp nằm giữa sa mạc mệnh mông để ghi lại ngắn tích một nền văn minh huyền ảo nhất thế gian.

Ông là con nhà thế phiệt trăm anh. Ông được kế thừa “y bát” của phụ thân Phạm Liệu. Y bát chân truyền kia đã đặt toàn khối văn học tư tưởng Trung Hoa tới đứng trước trận gió Tây Phương thổi lại. Thơ Phạm Hầu từ đó là cái vùng kết tinh của hai thể tinh văn minh. Hai văn minh đang gặp gỡ nhau, gùn ghè gần bó hay tương tranh tiêu diệt nhau chơi? Chẳng rõ. Nhưng cái Tại Thế Thi Nhân của Phạm Hầu đã chịu hiến dâng thân mình ra làm Trường Sở Trữ cho cuộc con kia. Ông chấp thuận cuộc hôn phối cũng như cuộc giằng co. Và đem thân mình làm chiếc dương cầm cho ngân lên những cung bậc mệnh mang chưa từng thấy trong văn chương kim cổ.

*Mãi dâng trọn hồn vui muôn độ trước*

*Chưa đủ sao? Đòi đòi hỏi thêm chi?*

*Tại đó nghe, mi trữu nặng từ bi*

*Gió bốn hướng dâng co trong tử biệt*

Trong Thi Ca Tiền Chiến, đã có một Xuân Diệu làm người thanh niên ráo riết, một Huy Cận làm người thanh niên ngậm ngùi, một Hàn Mặc Tử làm người thanh niên đau khổ cực độ, Chế Lan Viên làm người chứng nhân cho điêu tàn, Hồ Dzếnh làm người đề huề giao hảo...lại thêm một Phạm Hầu làm người nghệ sỹ cao vời trang trọng mang một thánh tính u u ẩn ẩn như Nerval. Phạm Hầu mở ra trở lại chân trời bát ngát của Nguyễn Du trong giai đoạn cuối buổi Hoàng Hôn. Ông nói ít hơn Nguyễn Du, ông không đi vào giữa những thiên vạn thể của biển dâu, ông chỉ đơn sơ có mấy lời, nhưng mấy lời dào sâu

khôn tả trong mạch giếng tân thanh. “Mãi Dâng Trọn Hồn Vui” là một kỳ tác muốn chìm sâu xuống mạch thẩm sinh tồn. Rồi khi ta cũng chịu ngập mình xuống đáy thẩm kia, thì kỳ tác nọ bỗng hiện thị như một Tòa Cổ Tháp nguy nga. Xin chép hết ra đây bài thơ đấy.

### MÃI DÂNG TRỌN NIỀM VUI

*Mãi dâng trọn hồn vui muôn độ trước  
Chưa đủ sao? Đòi đòi hỏi thêm chi?  
Tại dờ nghe, mi triu nặng từ bi  
Gió bốn hướng dăng co trong tử biệt*

*Tiếng rên siết giờ tàn khi chấm hết  
Cảnh thường xuyên đêm sáng đổi thay màu  
Tìm nhói lên nức nở những Ban Đầu  
Những giờ cuối roi roi thẩm tuyệt vọng*

*Hay đòi hỏi thịt êm và tùy nóng  
Tôi xin nằm yên ổn cả chân tay  
Nắng có lên không mượn rợp cây bầy  
Mưa có xuống thêm băng hàn chút nữa*

*Trong đây ả mình trần tẻ ngọn lửa  
Tiệc chim bằng rĩa rơi một lòng đơn  
Nếu tôi đau mà người nhẹ cảm hôn  
Chắc hoa núi vui lay ngàn đóa mộng*

*Muôn miệng thẩm tươi nụ cười hé rộng  
Muôn chân say lay động khúc quân thiếu  
Nếu tôi đau mà người được tin yêu  
Trang sách nhỏ nâng niu hồn xứ lạ*

*Trên đêm thủy hoa nô liễu áp má  
Đôi bạn đôi tay dính nhựa a-giao  
Nếu tôi đau, Trời đẹp! Nếu tôi đau  
Mà muôn đời mưa nắng hiểu lòng nhau.*

Jésus Christ lúc lên Calvaire, ắt Ngài cũng âm thầm nguyện cầu như lời đó. Ngài đã về giữa bụi hồng, rửa chân cho bụi hồng nhân gian; bây giờ Ngài vĩnh biệt nhân gian, bây giờ Ngài vui lòng vĩnh biệt, và lời chúc phúc tối hậu của Ngài hẳn nhiên là: bụi hồng ở lại hãy tiếp tục rửa chân cho nhau.

Còn Như Lai? Như Lai ôm ờ niêm hoa vi tiếu: - “Ta có thấy bụi hồng nào đâu? Ta đâu nào thấy đâu có bàn chân chi đâu mà rửa với chẳng rửa? – Tu Bồ Đề! U ý vân hà?...”

Như Lai có cái tài tình trong phép đánh trống lảng. Đọc mấy bộ kinh Phật, ta xin xóa hết những nhan đề “Kim Cương Kinh, Bát Nhã Kinh, Bà La Mật Kinh, Hoa Nghiêm Kinh, Pháp Hoa Kinh, Diệu Hoa Kinh, Huyền Hoa Đệ Nhị Kinh, Áo Hoắc La Treizième Kinh...” Xóa hết và chép lại là: “Nhu-Lai-dịch-đánh-trống-lảng-tài-tình-tuyệt-kỹ-kinh.

## II.

*Sầu hương hoa gạo đỏ bên chân  
Xa nắng chiều hoe nhạt mấy phần  
Một cột đèn cao mơ góa bụa  
Đường dài toan nối hận gian truân.*

Bốn câu thơ đầu bài “Lý Tưởng” của Phạm Hảo dường như kết tụ cả mối sầu của lớp người ngày trước... Sầu trong *Lửa Thiêng*, sầu trong những vắn tịch mịch nhất của Xuân Diệu, Lưu Trọng Lư, Nguyễn Bính... cùng tìm về đây hội họp. Bốn câu quá

sức mệnh mang trăm tịch. Đường như tất cả những buổi chiều cô tịch Việt Nam đã ngưng đọng lại một lần. Những buổi chiều Thừa Thiên, chiều Hà Tĩnh, chiều Quảng Ngãi Nam, chiều Sơn Tây...

Nhưng mà thật ra trong bài thơ kia Phạm Hân không có dụng ý tả buổi chiều gì cả. Nhan đề là “Lý Tường”. Người thi sỹ đi theo bóng lý tường đã bắt gặp màu sắc chiều tàn. Lý tường ở đâu? Thiết tha theo đuổi, nhưng chỉ nhìn thấy hoang vu. Chẳng ra lý tường là hoang vu hư không? Phải o bế hư không? Hôn phối với hư không, để thành tựu mộng hồ lý tường? Lý tường là mộng hồ? Biết rõ mộng hồ mơ góa bụa, sao vẫn cứ đeo đai đòi giao hoan với góa bụa?

*Biết rằng vô ích sao tôi vẫn*

*Phung phí đời tôi mấy độ tươi.*

Cổ kim có một thi nhân, nghệ sỹ, hiền nhân chân chính nào, lại chẳng nhận ra chính mình trong lời thở than đó của Phạm Hân?

*Đời tôi nếu rụng bao nhiêu sắc*

*Cũng bởi vì tôi quá mộng hồ.*

Nói theo ngôn ngữ bình dân thì ấy chính là cái cuộc:

*Thả mỗi bắt bóng*

*Bóng bắt chẳng được*

*Mỗi kia không còn*

*Há chẳng là*

*Đáng tiếc lắm ru?*

Vâng. Biết rành rành rằng thế là đáng tiếc, mà sao vẫn cứ lu bù mãi miệt trong cuộc đáng tiếc kia? Vì sao như thế?

Ấy bởi lẽ trăm trọng sau đây:

Thằng thi sỹ có cái cảm tưởng các cố rằng: nếu từ bỏ cái cuộc cạm cũi loay hoay bắt bóng nọ, đã đành là tránh được một cuộc đáng tiếc, nhưng vì lẽ gì, hỡi ôi! Chính cái sự tình tránh được cuộc



đáng tiếc, lại chính đó là điều đáng tiếc khôn hàn, gay cấn trong mọi sự đáng tiếc ở đời.

Do đó, dù biết rằng đuổi đeo là đáng tiếc, là mòn thân mỏi thể, thân tàn ma dại, v.v... vẫn cứ ù lý đuổi theo mãi mãi suốt một bình sinh.

Thì cũng chẳng khác chi ông già Heidegger suốt một bình sinh cố công nhọc sức chạy đi kiếm tìm hư vô, để nắm lấy cái hư vô mà dắt dìu dẫn nó về cho Tại Thể đem nó ra mà thiết lập căn cơ cho Siêu Hình Học!!! Một hai lần dạn nói mãi rằng Tồn Lưu chỉ có thể nhận diện mình là lúc Tồn Lưu chịu soi bóng mình trong tấm gương vô dạng của Hư Vô!

Một trận hiện diện dị thường trong khiếm diện gây nên một tình tự vừa hoang vắng vừa chan hòa, một khuyết pháp thường hằng lại để mọc ra xum xuê những lá cây viên mãn cứ xô ùa nhau rụng mãi.

Đó là cái tạm gọi là *rapprochement des extrêmes: participation totale et solitude*.

Bây giờ chúng ta nên thử thả đọc lại bài “Lý Tưởng” kia, suốt từ đầu tới cuối, thử đọc thuộc một trận chơi, để xem mai sau trong chiêm bao, có còn cơ hội điều tra ra manh mối chập chờn kia của “Lý Tưởng”.

## LÝ TƯỞNG

*Sầu hương hoa gạo đỏ bên chân  
Xa nắng chiều hoe nhạt mấy phần  
Một cột đèn cao mơ góa bụa  
Đường dài toan nối hận gian truân*

Tôi theo tư tưởng vô cùng tận  
Chỉ gặp vô cùng nổi quạnh hiu  
Sáng sớm: rạng đông, chiều: chạng vạng  
Nhưng giờ mới lạ có bao nhiêu?

Thuở nhỏ đêm mơ nằm thấy bướm  
Giờ không mơ bướm lại mơ thơ  
Đời tôi nếu rụng bao nhiêu sắc  
Cùng bởi vì tôi quá mộng hồ.

- Ao ước ngày mai sắc nắng thom  
Chiều mai thôi rắng nhuộm cô đơn  
Chiều qua gió thổi lời tôi nguyện  
Quên thổi giùm tôi hận chấp chôn.

Tôi đợi người đây, Tuyết Địch ơi!  
Dấu xa, xa cách mấy phương trời  
Biết rằng vô ích sao tôi vẫn  
Phung phí đời tôi mấy độ tươi.

Nếu bây giờ chúng ta đem cái tiếng “lý tưởng” của Phạm Hân ra bài xích theo lối thô thiển của những người chuyên môn đéo gọt từ ngữ theo lối phân tích tẩn mẩn “hợp thời trang”, thì ắt cái lý tưởng kia không còn đất đứng. Phải xóa sạch nó đi để dọn đường cho khoảng khác hiện tại. Người ta quên mất rằng mọi ngôn ngữ thi ca là của riêng thi ca. Chúng không có liên can chi tới cái ngôn ngữ máy móc. Chúng nằm trong cái mạch sinh động tuôn trào như một làn phi tuyến từ lòng đất uyên nguyên. Chúng nói lên cái niềm ngạc nhiên nguyên thủy của con người đối diện với cõi thế lưu ly. Nó quên bằng mọi thứ nhân tuần cập kê trong xã hội ganh đua. Vì thế nó khai trừ cái “kỷ ức” lếu lảo, cái “kinh nghiệm” bon chen, để phục hồi cái kỷ ức mệnh mông, cái kinh nghiệm bát ngát trong những cuộc Lữ dị thường “Trải qua một cuộc biển dâu...”

Muốn quên, thì phải có nhớ. Muốn nhớ thì phải có quên. Nhưng quên cái gì và nhớ cái gì? Người ta xao lãng sự xác định đó. Người ta hí hửng a dua lao đầu tới ghì chộp viên kẹo “mới” và cứ tưởng mình tân kỳ biết coi thường cái bánh cũ.

Nếu bây giờ chúng ta thử quên hết mọi giáo lý mà Ki Tô Giáo cũng như Phật Giáo ngày nay nói với ta, thì ắt cái hình ảnh nguyên thủy của Chúa Ki Tô và Như Lai sẽ hiện ra trong một niềm kinh thần bao la. Nếu ta quên đi hết mọi bài giảng giải chuyện Kiêu của giáo dục nhà trường và của mọi ông học giả, ắt Nguyễn Du uyên nguyên sẽ hiện trở lại với cái vùng sương bóng của cuộc Lữ mệnh mộng Liệp Hộ, và của con Tịch Nhiên bất động của Thanh Hiên. Từ đó sẽ nảy ra một cuộc Hiện Diện vô ngần trong một cuộc Đối Thoại vô tức vô thanh. Vô tức vô thanh, vì nó không liên can chi tới những âm thanh của học giả. Vô ngần nghĩa là vô ngần tích. Cuộc hiện diện vô ngần tích vì nó nằm trong một trận khiếm diện dị thường đối với mọi thứ mưu toan thủ đoạn.

Bài thơ của Phạm Hảo đi về giải thích cho Gia Long cái thái độ im lìm của Nguyễn Du. Giải thích cho Gia Long? Nhưng có đời nào Gia Long hiểu. Những ông vua Gia Long là những ông Chúa Tế Vạn Vật, nhưng ông ấy không bao giờ chịu làm Kẻ Láng Giềng thơ mộng của Tồn Lưu. Biết rõ rằng những ông ấy không bao giờ nghe ra gì gì cả, nhưng Khổng Tử xưa cũng cứ mở cuộc Lữ Chu Du tới bên gùn ghè đối thoại. Đó cũng là một cách chịu chơi với Sa Mạc. Cuộc Chu Du của Khổng Tử từ đó mang trọn cái ý nghĩa câu thơ:

*Một cột đèn cao mơ góa bụa*

*Đường dài toan nối hận gian truân.*

# ĐÌNH HÙNG

## I.

Nguồn thơ của Đình Hùng trong *Mê Hồn Ca* là nguồn thơ lạ nhất trong thi ca Việt Nam.

Tôi *Đường Vào Tình Sử*, thì nguồn thơ kia bỗng như tắt ngấm. Đình Hùng trở thành kẻ rờ rờ rầm rầm. Tuy nhiên, trong *Đường Vào Tình Sử* cũng còn mấy bài bát ngát ở lại buồn bã vô song.

## II.

*Chúng ta khóc như một bầy thú dữ  
Lòng dã man nghe trái đất tan tành.*

Câu thơ như thế đủ giúp mọi người bước vào cung cấm *Mê Hồn Ca*, chậm rãi đón nghe cái lời gì trong linh hồn vân thạch.

Tặng ông Đình Hùng vài vắn cảm khái:

*Bị thường bách tận toan dự khổ  
Ngọc vẫn hương tiêu tộ thử thân  
Vẳng nghe hàng xóm lối gần  
Chân đi gót bước cơ trần đa đoan  
Hoàng hậu luống muộn màng công chúa  
Nây hoa xuân cùng mùa lộn vòng  
Ba thu càng lắc càng đong  
Càng đẩy tâm sự nổi lòng càng voi.*

Ngày ông còn sống, tôi gặp ông mấy lần. Câu chuyện cứ lạc lõng âm thanh. Ông đánh mất ông, tôi đánh mất tôi. Không hề gì. không hề gì.

Tặng ông một bài nữa:

*Tam thiên thủ lạc thiên trường đoản  
Tiểu viên hương vũ loạn môn lung  
Cuồng ca túy hậu điệp trùng  
Diệu từ tiền diện bách tùng tiểu tiên  
Hà xứ khán minh niên minh nguyệt  
Thử sinh hòa thử tuyết thử sương  
Vô thanh ngân hán đoản trường  
Mộ vân thu tận vô thường vân tiêu.*

### III.

Con người nguyên thủy, ta không thể rõ tâm tình họ như thế nào. Đứng trước những quyền lực thiên nhiên, những bão giông sấm chớp, nhìn lại phận thân mình, họ khủng khiếp kinh hoàng, hay là hồn nhiên chấp thuận? Nhìn xác đồng loại bị rấn độc cắn, hoặc bị cọp beo vồ nát, họ rú lên những âm thanh hãi hùng như thế nào, ta không hình dung nổi. Những đêm đông mưa bão rét buốt, ẩn thân trong những hang đá lạnh lẽo, họ suy gẫm những gì về kiếp sống phù du của mình? Họ không được che chở trước trời đất. Đời sống vật chất cũng như tinh thần, đều hoàn toàn phó thác cho hiểm họa điều mang. Không một đức lý, triết lý nhân sinh vũ trụ nào che chở linh hồn họ. Không một thánh hiền nào thiết lập một Hình Nhi Hạ để họ chui vào nằm yên ổn giữa cương thường.

Ngày nay, con người có được nhiều chốn “nuơng tựa”. Rượu đế, la de, cà phê, khiêu vũ, xi nê... Nếu những thứ đó không còn chi cảm dỗ nữa, thì còn người chạy đi đào sâu những hang hố siêu hình, tồn thể, hết đào hang xuống tận ruột rà trái đất, lại đào hang lên khắp cõi thanh thiên. Hoặc chạy ra đại hải đuổi theo con

cá vô hình của trùng khơi. Hoặc chạy vào sa mạc, đuổi theo con chim vô dạng của hư vô. Rồi về vùi bao nhiêu luyện tiếc, chờ mong, hoài vọng, thiên hình vạn trạng để che lấp khoảng trống vắng dị thường của phù sinh hư huyền. Rốt cuộc vẫn đối diện với cái khối lù lù bất khả tư nghị do Tử Thần dựng lên ở giữa đường. Cái khối dị dạng nọ quả thật gay cấn khôn hàn. Xua đuổi nó không được. Trừ khử nó không tan. Thôi đành ôm chầm lấy nó ve vuốt mà bảo rằng: - Tử Thần ôi! Em chính là lẽ sống của ta. Ta sống bao nhiêu tuổi nguyệt lao đao lặn đạn, là chỉ cốt để thành tựu đời mình trong cái Chết Thơ Ngây Man Mác. Ta ôm lấy em và cảm thấy ấm cúng vô song. - Tử Thần ạ, lại gần đây đối mặt! Trao bàn tay cho ta nắm bên miền...

Đó là một lối tự dối mình vậy. Tô son phết phấn vào khuôn mặt Tử Thần, kể cũng đã thiếu não lòng người bấy nay. Mà kể ra, suốt bình sinh, con người ta đeo bám vào những thứ gọi là văn minh tiến bộ, gây dựng nên những thứ gọi là công nghiệp lưu tồn, chẳng qua cũng chỉ là một cách tự dối mình đầy thôi.

Đình Hùng *Mê Hồn Ca* muốn nhảy vọt một trận, trút bỏ hết mọi thứ "quả" của văn minh gặt gẫm, đi giữa thế kỷ hai mươi, ông muốn sống lại tâm tình người nguyên thủy về đối diện với xã hội văn minh. Ông muốn khước từ hết mọi thứ xây dựng êm ấm của xã hội văn minh, muốn trom trụi gào kêu giữa lạnh lùng vạn vật.

*Chúng ta khóc như một bầy thú dữ*

*Lòng dã man nghe trái đất tan tành.*

Trái đất chưa tan tành, nhưng liên miên như đang tan tành, vì kể từ nguyên thủy, linh hồn con người và thể xác con người đã nối đuôi nhau tan tành giữa vạn vật. Và mọi cuộc xây dựng chân chính nào của con người, rốt cuộc vẫn như oái oăm góp phần thêm vào mọi thứ tàn phá ở mọi bình diện.

Người thợ dệt thâm cảm sự tình éo le đó trong tuổi xuân xanh, và nỗi phần nọ không sao gặp tất được. Không còn tìm đâu ra con đường “phục vụ”. Mọi cố gắng giữa nhân gian, dường như phó thác hết cho điều mang hỗn độn “giữa chợ đời vất vưởng bóng sâu nhân...” Thì văn minh, thì đức lý, thì thi thi? Phân biệt thị phi, hư thực thế nào? – “phù dung bên phù thế, côi nào thực côi tiêu tao? Hồng phấn lẫn hồng trần, đâu đã vì đâu ô trọc?”

Thì tiếng gào thét của con người nguyên thủy trở thành tuyệt đối trắng trợn đã man cho vừa tầm điều mang của côi đời hỗn độn:

*Ta lao đảo vùng đứng lên cười ngất  
Ghi chặt nạng cho chết giữa mê ly  
Rời dây xéo lên sông núi đỏ kỳ  
Bên thành quách ta ra tay tàn phá  
Giữa hoang loạn của lâu đài đỉnh tạ  
Ta thân nhiên đi trở lại núi rừng  
Một mặt trời đầm máu xuống sau lưng.*

Nhưng chỉ có thể thét lời ấy trong thơ, và thét một lần. Rồi ân hận tới. Trong con đoạn trường, vị “bạo chúa” kia đã nằm thiêm thiếp khóc. Vì cuộc tàn phá kia, chẳng giải tỏa được gì. “- Giết đi hồn nguyệt hoa chiều? Giết đi cả dáng diễm kiều của xuân?” Tàn phá trong tưởng tượng xong một trận, lại tha thiết nguyện cầu cho người làng.

*Đi vào mộng những Sơn Thần yên ngủ  
Em! kia em! đừng gọi thức hư không  
Hãy quỳ xuống đọc bài kinh ái mộ  
Hồn ta đây thành tượng giữa Vô Cùng.*

Toàn tập *Mê Hồn Ca*, văng lên một tiếng thét và một lời than. Tiếng thét của bạo động, của phản kháng, và lời than của

ân hận nguyên cầu. Tiếng thét đạt tới chỗ cuồng loạn thống thiết nhất. Lời than cùng thể thâm sâu xa nhất.

Tiếng thét và lời than trăm thống của Đinh Hùng “Sầu trong tà dục, vui ngoài hiện tâm” dội lên song song với Hàn Mặc Tử, mở ra cuốn sổ đoạn trường của con người thế kỷ hai mươi, không còn nơi cư trú. Cuốn sổ đoạn trường mở ra như thế để làm gì? Không biết. Không biết. Nhưng cuộc mở ra nào cũng đi tới một trận khép lại.

Đinh Hùng trong *Đường Vào Tình Sử*, vốn đã có một lối khép lại của riêng ông sau cái trận *Mê Hồn Ca*, một lối “Dùng độc được thử lòng thế tục”. Chúng ta còn có nhiều lối “tĩnh hạp” khác. Xin để tùy mỗi người tìm lối riêng của mình.

Ngôn ngữ thơ trong vài thế kỷ này đã nảy nở xum xuê, thiên hình vạn trạng. Hoặc ẩn mật thần bí, hoặc đơn giản như một lời ca dao, thi ca vẫn có sức đưa dẫn người ta vào giữa huyền nhiệm của cuộc sống. Cuộc sống vừa khủng khiếp vừa nên thơ, cuộc sống không thể nào đem ra lý luận một cách máy móc. Luận lý học đã gặt gẫm người ta, người ta thì đua nhau tán dóc. Thăng thy sỹ không thể nào nhảy vào vòng luận lý đủ đôn để hơn thua. Nó cảm thấy chán chường khi phải cùng người luận lý bàn luận thị phi. Tha hồ để cho bọn họ mặc sức tán hươu tán vượn, ngấm ngấm dùng mọi thủ đoạn để sát hại thi ca và thăng thy sỹ.

Nhưng thăng thy sỹ có tội lỗi gì đâu. Nó chỉ ghi lại một đường trăng tê dại, vẽ lại một màu tuyết lạnh, ngắt một chùm bông ở trên núi chiêm bao đem về làm tặng vật cho con người được rõ dại chịu chơi giữa chốn phù vân hoặc bụi hồng lông lốc. Mở ra những cuộc tình yêu ròn rợn vô thủy vô chung, o bế những cơn mơ tuyệt vọng, thì kể cũng hơn o bỗng hôn hít mãi những con vợ già cục mịch cần nhân. Đem tân hôn chỉ có một



lần, buổi ly dị cũng chỉ ra tòa một bận, uống rượu ly bì cũng tới lúc tỉnh ra, chém giết nhau cũng mất công đào huyệt... Chi bằng vợ lấy bài ca mê hồn, thì lúc nào cũng có thể mở trận đảo tứ diên tam, ngang tầm với tứ khuynh ngũ phúc của cuộc thế dâu biển ngục tù. Tuyệt vọng? Thì thà rằng tuyệt vọng với những *Kỳ Nữ Chiêm Bao*, những *Nữ Chúa Thái Cổ*, những màu mắt nâu vô ngần của *Gái Hải Đảo* sơ khai, cũng hơn là tuyệt vọng vì những thiếu phụ đầy dãi ngồi trước quầy hàng đếm những đồng tiền dị dạng... Một tay đếm tiền, một tay gãi vào chòm lông nách... thì như vậy còn chi là khói trầm bén giấc mơ tiên? Còn chi là băng khuâng giải qua miền quạnh hiu? Ôi ông Hồ Dzếnh!

*Thơ về nắng sáng lòng lay  
Gấp đi cánh phượng cho ngày rạng ra  
Cõi trần vắng tiếng Thiên Nga  
Thơ không tuổi, ý không già: muôn năm  
Gói lên Bắc Đẩu ta nằm  
Nghe rung chân lạ, thơ thần mười phương.*  
(*Hoa Xuân Đất Việt*)

## BÙI GIÁNG

Những bài thơ “chuồn chuồn châu chấu” của ông quả thật là có ý nghĩa. Nó bay nhẹ vi vu quả có đúng như là phận mỏng cánh chuồn. Vào những buổi sáng mùa đông lạnh lạnh ở Trung Việt, vào những buổi chiều mùa thu ở Bắc Hà, hình bóng những con chuồn chuồn bay lượn cuối ngõ, đầu xuân, quả thật là tha thướt. Đôi phen mất cái tiết điệu riêng biệt ấy cũng còn tái hiện trong đôi vản phồn hoa, mặc dù ở chốn phồn hoa không bao giờ có chuồn chuồn bay vòng múa lượn.

Bài thơ “Giữa phố” sau đây là một thí dụ :

*Thiên tiên đẹp cũng như người  
Ngẫu nhiên kỳ ngộ miệng cười nửa môi  
Miền xanh đứng bóng mặt trời  
Cõi xanh cung nguyệt cạn lời cáo thom*

*Đi qua làn gió xanh rờn  
Đi về ở lại còn hơn xanh rì  
Phút giây dề nặng như chì  
Thoảng qua như mộng không kỳ hạn qua*

*Chiêm bao nàng ghé lại nhà  
Môi cười nửa miệng như là ngẫu nhiên  
Nửa môi còn ngậm phi tuyến  
Tuyết pha in mặt thần tiên như người.*

Tuy nhiên vì Bùi Giáng là chỗ quen biết với tôi nên không tiện bàn luận chi nhiều. Chê thì mất lòng nhau. Mà khen thì mang tiếng “mẹ hát, con vỗ tay”.

Dù sao, bài sau đây cũng nên trích thêm vào tập:

*Bóng dương buồn ngủ qua chiều  
Qua sông tại hạ toan liêu dẫn thân  
Đường sông bóng đổ cơ trần  
Gấm chông gai ấy ai từng đạp qua  
Ghi môi con mộng la đà  
Tiêu dao suốt cõi mù sa bên rừng  
Nửa vời trắng rộng mộng lung  
Đường hoa nghi hoặc thấp tùng ni cô.*

## TUỆ SỸ

Tuệ Sỹ là một vị sư. Ông viết văn nghiêm túc, những sở tri của ông về Phật học quả thật quảng bác vô cùng. Thấy ông về người khắc khổ, không ai ngờ rằng linh hồn kia còn ẩn một nguồn thơ thâm viễn u u ...

Một bữa ông đọc cho tôi nghe hai câu thơ chữ Hán của ông:

*Thâm dạ phong phiêu nghiệp ảnh tùy*

*Hiện tiền vị liễu lạc hoa phi*

Ông bảo làm sao tiếp cho hai câu để nên một bài tứ tuyệt.

Tôi đề nghị với ông nên nhờ ni cô Trí Hải tiếp giùm. Ông ngượng ngịu bảo tôi đừng nên rờn đùa như thế. Vậy tôi xin lai rai thử viết:

*Thâm dạ phong phiêu nghiệp ảnh tùy*

*Hiện tiền vị liễu lạc hoa phi*

*Phiêu bổng tâm sự tân toan lệ*

*Trí Hải đa tâm trúc loạn ty.*

Và xin ông chớ nên lấy thế làm bực mình.

Nhưng có ai ngờ đâu nhà sư kín đáo e dè kia, không hề bao giờ có vương lụy, lại còn mang một nguồn thơ Việt phi phạm? Một bài thơ “Không đề” của ông đủ khiến ta khiếp vía mất ăn mất ngủ:

*Đôi mắt ướt tuổi vàng cung trời hội cù.*

*Áo màu xanh không xanh mãi trên đôi hoang*

*Phút vội vã bỗng thấy mình du thủ*

*Thấp đèn khuya ngồi kể chuyện trăng tàn...*

Mới nghe bốn câu thôi, tôi đã cảm thấy lạnh buốt linh hồn, tê cóng cả cõi dạ.

*Từ núi lạnh đến biển im muôn thuở*

*Đỉnh đá này và hạt muối đó chưa tan*

*Cười với nắng một ngày sao chóng thế  
Nay mùa đông mai mùa hạ buồn chẳng*

*Đếm tóc bạc tuổi đời chưa đủ  
Bụi đường dài gót mỏi đi quanh  
Giờ ngó lại bốn vách tường ủ rû  
Suối nguồn xa ngược nước xuôi ngàn.*

Tôi hoảng vía đề nghị: Đại sư nên gác bỏ viết sách đi. Và làm thơ tiếp nhiều cho. Nếu không thì nên thi ca Việt mất đi một thiên tài quá lớn.

Ông đáp:

- Để về hỏi lại cô Tri Hải xem có đúng như lời thế chẳng.

*Đôi mắt ướm tuổi vàng*

*Cung trời*

*Hội cũ*

Xin viết xuống giòng thư thả như thế. Ất nhìn thấy chất trang trọng dị thường của hoài niệm. Hoài niệm gì? – Cung trời hội cũ. Một hội đẹp thanh? Một hội nao nức? – “Giờ nao nức của một thời trẻ dại?”.

*Đôi mắt ướm tuổi vàng cung trời hội cũ...*

Mở lời ra, nguồn thơ trực nhập vào trung tâm cơn mộng chiêm niệm. Đây đủ hết mọi yếu tố bất ngát: một cung trời xán lạn bao la, một hội cũ xao xuyến, một tuổi vàng long lanh... Một đôi mắt ướm ngậm ngùi của hiện tại.

Nhưng mạch thơ đi ngầm. Tiết nhịp âm thầm nhiếp dẫn. Thi sĩ không cần tới một hình dung từ nào cả, vẫn nói được hết mọi điều “phải nói” với mọi người “muốn nghe”, với riêng mình “không thiết chi chuyện nói”.

Người thi sĩ xuất chúng xuất thần thường có phong thái khác thường đó. Họ nói rất ít mà nói rất nhiều. Họ nói rất nhiều mà

chung quy hồ như chẳng thấy gì hết. Họ nói cho họ, mà như nói hết cho mọi người. Nói cho mọi người mà cơ hồ chẳng bận tâm gì tới chuyện thiên hạ nghe hay là chẳng nghe.

Nỗi vui, nỗi buồn của họ, dường như chẳng có chi giống nỗi vui buồn của chúng ta. Do đó chúng ta trách móc họ một cách lệch lạc hết cả - *par manque de justice interne*.

Trong một cuộc vui, ta hỏi họ vài điều. Họ lơ đãng thờ ơ, ta tưởng họ kiêu bạc. Trong lúc mọi người đang gào khóc giữa một đám tang, họ phiêu nhiên đi qua, trông có vẻ như mỉm cười, niềm hoa vi tiếu. Ta tưởng họ tàn nhẫn thô bạo.

Vua Gia Long ngày xưa đã từng lấy làm quái dị về thái độ Nguyễn Du: - “Trẫm dùng người, không phân biệt kẻ Nam, kẻ Bắc. Ai có tài thì trẫm trọng dụng (.....) Có sao khinh lại u sầu ít nói suốt năm như thế?”.

Ông vua kia lấy làm lạ là phải lẽ lắm, hợp với lương tri thói thường thiên hạ lắm. Ông không thể hiểu vì sao vị di thần kia cứ miên man như nằm trong cõi mộng thần di, hồn dịch!

Vua đã ban cho chan hòa mưa móc, ơn Thánh Đế đã dồi dào với Liệp Hộ như thế, lộc trọng quyền cao đặc ân thâm hậu như thế, có sao Liệp Hộ chưa vừa lòng, vẫn cứ như thả mộng chạy lang thang về chân trời hướng khác.

Đáp: Ấy chính bởi đôi mắt nhìn đây mà thấy những đâu đâu.

*Đôi mắt ướt tuổi vàng*

*Cung trời hội cũ.*

Đôi mắt ướt? Đôi mắt của ai? Vì sao ướt? Vì lệ trào, hay vì quá long lanh?

Thi sĩ không nói rõ. Ấy là giữ một khoảng trống vắng lặng phóng niệm cho thơ.

Tha hồ chúng ta tự do nghĩ hai ba lối. Hoặc là đôi mắt thi nhân ướt trong hiện tại vì nhớ nhung một trời hội cũ.

Hoặc là đôi mắt giai nhân nào long lanh dịu mật như nước  
suối chan hòa, soi bóng một khung trời hội cũ bất tuyệt nào, mà  
ngày nay tại hạ đã đánh mất rồi chăng?

*Áo màu xanh không xanh mãi trên đôi hoang...*

Áo nào màu xanh? Màu xanh màu chàm của cô gái Mán gái  
Mường, gái núi nào xưa kia băng rừng và thi nhân đã ngẫu nhiên  
một lần nhìn đắm đuối?

Tôi nói không sai sự thật mấy đâu. Vì Tuệ Sỹ vốn xưa kia ở  
Lào. Cha mẹ ông kiều cư trên đất Thượng Lào Trung Việt. Bà mẹ  
ông thỉnh thoảng cũng có về Sài Gòn tới chùa viếng ông, đem quà  
cho ông một đôi giẻ riêng biệt, một tấm khăn quàng riêng tây.

*Đôi mắt ướt tuổi vàng*

*Cung trời hội cũ*

*Áo màu xanh*

*Không xanh mãi*

*Trên đôi hoang*

Phút vội vã bỗng thấy mình du thủ. Thấp đèn khuya ngồi kể  
chuyện trắng tân.

*Phút vội vã bỗng thấy mình du thủ?*

Mình là thân bồ tát, quanh năm kinh kệ trai chay, thế sao  
bỗng nhiên một phút vội vã lại dám làm thân du thủ? Dám gác bỏ  
kệ kinh? Dám mở cuộc thấp đèn khuya ngồi kể chuyện trắng tân?

Phải có nhìn thấy gương mặt khắc khổ chân tu của Tuệ Sỹ,  
mới kinh hoàng vì lời nói thăm thẳm đôn sơ nọ. Lời nói như ngân  
lên từ đáy sâu linh hồn tiền kiếp, từ một quê hương trên thượng  
du bao la rừng núi gió sương canh chiều nguyệt rung rinh trong  
đêm lạnh.

*Từ núi lạnh đến biển im muôn thuở*

*Đỉnh đá này và hạt muối đó chưa tan*

*Cười với nắng một ngày sao chóng thế  
Nay mùa đông mai mùa hạ buồn chẳng.*

Mối tình rộng thả suốt biển non im lìm lạnh lẽo. Một hạt muối vẫn chưa tan. Một nếp u ầu của lòng mình bơ vơ không gột rửa.

*Từ núi lạnh đến biển im muôn thuở  
Đỉnh đá này và hạt muối đó chưa tan.*

Ta tưởng như nghe ra “cao cách điệu” bi hùng của một Liệp Hộ, một Nerval, một chỗ trầm thanh nhất trong cung bậc Nietzsche.

Thi nhân đã mấy phen ngồi ngó trăng tàn? Ngồi trên một đỉnh đá? Bốn bề rừng thiêng giăng rộng ngút ngàn màu trắng xanh tiếp giáp tới chân trời xa xuôi đại hải?

Đỉnh đá và hạt muối là hai chốn kết tụ tinh thể của núi và biển. Đỉnh đá quy tụ về mọi hương màu trời mây rừng rú. Hạt muối chứa chất cái lượng hải hàm của trùng dương. Đó là cái bất tận của tâm tình dừng sững tại giữa tuế nguyệt phiêu du:

*Cười với nắng một ngày sao chóng thế  
Nay mùa đông mai mùa hạ buồn chẳng.*

Một tiếng “buồn chẳng” lơ lửng nửa như chất vấn, nửa như ngâm ngùi ta thán, diu về cả một khúc tàn thanh đoạn trường:

*Sen tàn cúc lại nở hoa  
Sầu dài ngày ngắn đông đà sang xuân.  
Đếm tóc bạc tuổi đời chưa đủ  
Bụi đường dài gót mỏi đi quanh.*

Tiết nhịp lời thơ lại biến đổi:

*Đếm tóc bạc  
Tuổi đời  
Chưa  
Đủ  
Bụi đường dài*

*Gót  
Mỗi  
Đi  
Quanh*

Tiết điệu cũng rời rạc như gót mỗi đi quanh. Một tuổi đời chưa đủ? Một tuổi Xuân chưa vừa? Một tuổi vàng sớm chấm dứt? Một tuổi “đá” sớm già từ mọi yêu thương?

*Giờ ngó lại bốn vách tường ủ rũ  
Suối nguồn xa  
Ngược nước  
Xuôi ngàn...*

Bài thơ dừng lại. Dư âm bất tuyệt kéo dài trong đêm lữ thứ khép mình trong bốn bức tường vôi nhạt nhòa ủ rũ ngục tù.

Chỉ một bài thơ, Tuệ Sỹ đã trù lấp hết chân trời mới cũ từ Đường Thi Trung Hoa tới Siêu Thực Tây Phương.

## LÝ BẠCH

Cái sâu của Tản Đà dễ hiểu. Cái lối cọt nhả của Trang Tử, cũng chẳng có gì lạ. Nhưng mỗi phen nghĩ tới Lý Bạch, lại như chạm phải một cái gì đồ sộ quá xa xôi. Chúng ta cũng nhiều phen thử uống rượu lu bù, xem có gần gũi được ông Lý chăng. Nhưng lời thơ nhẹ như tờ trời của ông vẫn xa vắng quá.

*Yên thảo như bích thý sỹ  
Tần tần đề lục chi  
Đương quân hoài quy nhật  
Thị tiếp đoạn trường thi...*

Hoặc:

*Sàng tiền minh nguyệt quang  
Nghi thị địa thượng sương...*



Rượu chúng ta uống ngày nay không phải là thứ rượu Lý Bạch ngày xưa đã uống. Phong cảnh Trung Hoa ngày xưa cũng chẳng giống phong cảnh thế giới ngày nay. Mà Lý Bạch lại là kẻ thý sý quá riêng biệt. Chúng ta có thể làm thơ chữ Hán vượt hẳn Đỗ Phủ, Thôi Hiệu, Lý Thương Ẩn. Nhưng chẳng thể nào viết được những lời đơn sơ bát ngát như mấy câu thơ của Lý Bạch.

## SHAKESPEARE

Những hài kịch hý hước của ông đã đành là vui đáo để. Nhưng những bi kịch âm u nhất của ông cũng pha cái điệu cười ngầm bất tuyệt. Những nhân vật bé bối nhất cũng chịu chơi trong tấn tuồng quỷ loạn, và có cái vẻ khả ái riêng biệt.

Cũng vì lẽ đó nên đọc Shakespeare có cái chỗ nguy hại là: sách ông khiến cho người ta mất ngủ trong những trận cười suốt đêm.

Chỉ riêng một điều: ngôn ngữ Tây Phương không có phép nói lái. Do đó Shakespeare đã tiêu hao tài nghệ trong những trận cưỡng bức dữ dội. Ngôn ngữ không nói lái, mà những Tèn Hề của ông, ông buộc chúng phải nói lái bằng bất cứ giá nào. Thì thử hỏi: làm sao thành tựu viên mãn cuộc nói lái cho được?

Thế mà Shakespeare vẫn cứ thành tựu được cuộc ấy như thường. Có lẽ ông đã tận dụng khả năng Anh ngữ trong cái kho văn chương bình dân bát ngát. Từ đó, những kịch bản của ông vượt hết mọi kịch bản Hy Lạp Eschyle Sophocle Euripide. Bởi vì trong kịch bản của ông có bao hàm mọi thứ dị thường của kịch bản Hy Lạp được đẩy tới tột cùng cuống rốn, mà còn thêm những màu sắc riêng biệt của thiên tài ông, không một thiên tài cổ kim nào bì kịp trong lãnh vực kịch trường.

Shakespeare có con mắt trông thấu cả sáu cõi, tấm lòng nghĩ suốt cả nghìn đời – đó là điều mà học giả Tây Phương không thể

nào ngờ tới. Mọi sách biên khảo về Shakespeare đều bung bít trong những nhận định tũn mủn, gò bó trong những nhận xét về tâm lý nhân vật, về nghệ thuật kịch bản - những định kiến bám sâu trong tủy não người học giả Âu Châu trải mấy thế kỷ - trong khi anh hoa thiên tài là tái tạo, là tái lập mọi quy chế, là phá vỡ những lề luật vớ vẩn chỉ cần thiết cho bọn tài năng thông thường.

Những bản dịch Shakespeare ra Pháp ngữ đều chịu đầu hàng vô điều kiện trước phép nói lái của Shakespeare.

## THƠ

Thơ là cái gì không thể bàn tới, không thể dịch, diễn gì được. Người ta có thể diễn tả một trận mưa rào bằng lời thơ. Thì có lẽ muốn diễn tả một bài thơ, người ta chỉ có thể phát động một trận mưa rào, hoặc một cơn gió thu. Mà muốn thực hiện sự đó, thì ngoài việc làm thơ ra, con người không còn phép gì khác. Thế có nghĩa là: muốn bàn tới một bài thơ, diễn dịch thơ, người ta chỉ có thể làm một bài thơ khác.

Người xưa am hiểu sự đó, nên họ chỉ vịnh thơ, chứ không bao giờ diễn rõ gì mà luận bàn về thơ. Người đời này trái lại. Họ buộc phải luận thơ cho có mạch lạc luận lý, không được “bóc đồng” (!) vịnh lằng nhằng. Cái chỗ ngu sy đó là điều bất khả tư nghị vậy.

Sự ngu sy đã tràn lan khắp chốn, thì kẻ hiểu thơ đành phải tuân theo khắp chốn để mở trận ngu sy.

Từ đó nảy ra không biết bao nhiêu trận luận về thơ theo lối bừa cùi, dịch thơ theo lối gặm xương gà (gặm được chút da, nhưng không hút được cái tủy).

Muốn hút được chút tủy, đành phải liều nhắm mắt cắn mạnh

một cái. Cắn mạnh một cái, thì gãy mất hai cái răng. Thì còn bù vào đâu mà hút tủy được nữa. Kể đã thiếu não lòng người bấy nay.

Ông Crayssac dịch *Kiểu*, ông có hút được nhiều chút tủy, và đã chịu gãy bao nhiêu cái răng của ngôn ngữ Pháp. Sau đây là một thí dụ của hút tủy và gãy răng.

*Sinh răng lân lý ra vào  
Gắn đây nào phải người nào xa xôi  
Được rày nhờ chút thom roi  
Kể đã thiếu não lòng người bấy nay  
Bấy lâu mới được một ngày  
Dùng chân gạn chút niêm tây gọi là*

Cái chất tủy trong thơ Nguyễn Du là: dùng chân gạn chút, được rày nhờ chút, người nào xa xôi, gắn đây nào phải, lân lý ra vào, kể đã thiếu não, bấy lâu mới được, lòng người bấy nay, mới được một ngày, dùng chân gạn chút... vân vân.

Hãy xem Crayssac dịch:

*Et le jeune homme alors à Thuy Kiéou répondit:  
"Je suis votre voisin; j'habite près d'ici...  
Ne voyez pas en moi quelque étranger, ma chère  
Arrivant, impromptu, d'une lointaine terre...  
Grâce à cet incident, j'ai respiré, très doux,  
Quelque peu du parfum qui rayonne de vous,  
Mais, hélas! de combien et de combien d'angoisses  
Mon cœur dut-il subir les étreintes tenaces,  
Et combien dut attendre, ô Ciel, mon triste amour  
Avant de recevoir l'ivresse de ce jour!  
De grâce, arrêtez-vous; que je puisse, de suite,  
Montrer les sentiments intimes qui m'agitent..."*

Ông dịch thơ Việt ra thơ Pháp như thế, kể còn trùng cách điệu hơn người Âu Châu dịch thơ người Âu Châu.

Henri Michaux có bốn câu vịnh “Băng Sơn” (*Icebergs*) đơn sơ bát ngát, mà bản dịch ra Đức ngữ đã chịu gãy mấy cái răng?

*Icebergs, Icebergs, dos du Nord-Atlantique, augustes  
Boudhas,  
Gelés sur des mers incontemplées,  
Phares scintillants de la Mort  
Sans issue, le cri éperdu du silence dure de siècles*

Bản dịch:

*Eisberge, Eisberge, Rücken des Nord-Atlantik,  
großartige  
Gefrorene Buddhas auf den unruhigen Meeren.  
Blitzende Leuchtfeuer des Todes ohne Ende wilder  
Schrei des zähen Schweigens der Jahrhunderte.*

Tiếng *incontemplé* (vô quan chiêm) lại dịch ra làm bất an, dao động... Le cri éperdu du Silence dure des siècles, trong bản dịch biến ra làm: le cri sauvage du dur silence des siècles.

Thế là nghĩa lý gì? Không biết. Không biết.

Duy có điều: dù sai lệch bao nhiêu chăng nữa, thì tinh thể ngôn ngữ Âu Châu vẫn nhiều điểm tương đồng, khiến dịch giả không đến nỗi phải chịu phạt gãy răng lang bởi bất kham.

Trái lại, giữa ngôn ngữ Âu Châu và ngôn ngữ Á Đông, có quá nhiều hang hốc. Và những kẻ tự phụ cho mình đạt, công kích kẻ khác dịch là diệt, những kẻ đó hãy thu thả găm lại xem. Nếu những kẻ đó chịu bỏ ra vài chục năm suy gẫm vấn đề, ắt chẳng còn bao giờ dám tự phụ nữa.

## I.

Từ trong tinh thể của nó, dịch là tái tạo. Sự ấy dường như quá hiển nhiên. Ông Nguyễn Du, ông Nguyễn Khắc Hiếu đều tái tạo triệt để trong các bản dịch chuyện Tàu của các ông.

Nhưng nói gì xa xôi. Thử nói gần gũi hơn. Nếu bây giờ ta đem *Truyện Kiều* dịch trở lại bằng văn xuôi Việt ngữ, hoặc bằng thơ thất ngôn, ngũ ngôn, thì ấy cũng là tái tạo.

Một ca nhi đem một bài ca, ca lên, cũng là tái tạo bài ca.

Xét cho cùng, mọi hành động và vô vi, cũng là tái tạo. Tái tạo bằng hơi thở riêng biệt một lần.

Tôi có cảm tưởng rằng lúc thật sự “sáng tạo”, tôi lại cũng đang dịch. Tôi viết văn thơ “độc đáo” nào, cũng là đang dịch. Tôi dịch lại ông Nguyễn Du, ông Hồ Dzếnh. Cũng như ông Nguyễn Du ông Hồ Dzếnh đã từng dịch người trước, và người trước đã từng dịch người xưa, hoặc dịch một cái gì đó ở trong vạn vật đang muốn hiển hiện liên tồn trong âm thanh ngôn ngữ.

Và những người cho rằng kẻ dịch không có tinh thần sáng tạo, những người ấy cũng đang dịch.

Vậy bây giờ chúng ta hay thi đua nhau dịch, và thi đua nhau bỏ dở dang cuộc dịch, và dừng thi đua gì hết cả, để cho cuộc dịch tự nó thành tựu thể thân nó. – “Trời có nói gì đâu... bốn mùa vẫn chuyển nhịp tuần hoàn... Trời có nói gì đâu...” (Khổng Tử).

## II.

Từ trong tinh thể nó, Dịch là làm điều cường bức. Dịch văn xuôi là điều cường bức. Dịch thơ lại càng là cường bức triệt để hơn nữa.

Đừng nói chỉ tới sự vụ dịch thơ ngôn ngữ này sang ngôn ngữ khác. Chỉ thử hỏi: Có thể nào đem thơ Việt, dịch ra trở lại làm thơ Việt được không? Có thể nào đem thơ lục bát dịch ra làm thơ thất ngôn, hoặc ngũ ngôn, hoặc song thất lục bát, hay là thơ tám chữ?

Nói triệt để hơn nữa: Có thể nào đem thơ lục bát dịch trở lại làm thơ lục bát? Chính ông Nguyễn Du, ông có thể nào tự mình đem thơ lục bát của mình dịch trở lại làm thơ lục bát?

Không. Lời thơ kia chỉ hiện ra một lần trong phong thái riêng biệt của anh hoa phát tiết một lần. Buộc nó phải hiện ra trở lại trong phong thái khác, thì anh hoa tài tử có thể cho phát tiết một lần nữa, nhưng lần sau không còn là lần trước.

Màu xanh của biển chiều thu năm nay không phải màu xanh của biển chiều thu năm ngoái. Màu xanh biển phút trước, không phải màu xanh biển phút sau. Luôn luôn trong vạn vật cũng như trong sinh hoạt tâm linh, có một trận tái tạo không ngừng. Phải chấp nhận sự đó như là điều hiển nhiên, thì mọi cuộc dịch dy mới có thể còn chút gì chính đáng trong cơn liên tồn cường bức.

Trái lại, nếu quan niệm hẹp hòi, nếu cho rằng dịch phải thật “sát”, không được cường bức dịch dy, thì mặc nhiên người ta đã cường bức một cách không chính đáng. Vì cuộc cường bức nọ không đưa tới tái tạo tinh hoa, mà dẫn tới nô lệ ngục tù, nghĩa là sát phạt tinh hoa.

Thử đưa một thí dụ. *Truyện Kiều* mở ra với bốn câu:

*Trăm năm trong cõi người ta*

*Chữ tài chữ mệnh khéo là ghét nhau*

*Trải qua một cuộc bể dâu*

*Những điều trông thấy mà đau đớn lòng.*

Nếu người dịch là kẻ tài hoa, ắt nhận thấy rằng điều cốt thiết trong mấy câu thơ kia, chẳng phải là cái ý tưởng nó hàm ngụ - ý tưởng “tài mệnh tương xung”, “cõi người ta trăm năm ngắn ngủi”,

“cuộc biến đau thương hải tang điền”... là những ý tưởng sáo. Trái lại, cái chỗ bất tử, cái chỗ huyền diệu của câu thơ kia lại là ở những điệp thanh, điệp âm, đối ngữ...

*Trăm năm - một cuộc - những điều...*

*Trong cõi - trải qua - trông thấy...*

*Chữ tài - chữ mệnh...*

*Khéo là ghét nhau - mà đau đớn lòng...*

Một cuộc tương tranh, một cuộc xô sát, trong một cõi trăm năm, được âm ý nêu ra âm thầm triển miên trong những đối ngữ, điệp âm nọ. Đó là cái chỗ thần diệu phát tiết của thơ. Vậy lời dịch làm sao tái lập được cái chất linh diệu đó?

Ông René Crayssac, ông Trương Cam Vũ, vô tình hoặc hữu ý đã tái tạo được trong hai bản Pháp ngữ và Hoa ngữ cái chất thơ âm thầm triển miên trong cốt cách lục bát Việt Nam. Mỗi ông theo mỗi lối, thuận theo tinh hoa ngôn ngữ mình, đã thể hiện trở lại trong bản dịch được chín phần mười tinh hoa ngôn ngữ.

Hãy xét bốn câu của Trương Cam Vũ trước:

*Nghịch lữ nhân sinh bách tuế trung*

*Mệnh tài lưỡng tự xảo tương xung*

*Nhất kinh thương hải tang điền biến*

*Mục kích tâm thương kỷ vãng tung.*

Có thể nghĩ rằng đó là do ngẫu nhiên mà Việt ngữ và Hoa ngữ đã hôn phối chặt chẽ. Cũng có thể nghĩ rằng ấy là do cuộc tương giao hằng bao thế kỷ mà nảy ra kết quả đẹp đẽ kia. Dù sao thì dù, lời thơ dịch đã không bỏ lạc cái cốt yếu trong thơ Nguyễn Du. Xin ghi ra những ngôn ngữ gùn ghè tịch hạp:

Bách tuế - lưỡng tự - nhất kinh (trăm năm - hai chữ - một trải qua.)

Đó là những đối ngữ. Và đây là những điệp thanh:

Tuế - tài - tự - tương - tang - tâm - tung nhất kinh - mục  
kích - thương hải - tâm thương...

Bốn câu dịch bốn câu, Trương Cam Vũ có thể tái lập được  
chừng đó điểm đặc biệt, lại còn dịch được tiếng “khéo là ghét  
nhau” ra làm “xảo tương xung” - Thế là người dịch đã thể hội huy  
hoàng cứu cánh của công việc vậy. Ông vừa thông dong đi sát ý,  
lại còn thể hiện được viên mãn cái hồn thơ.

Bây giờ xét tới lời dịch của René Crayssac. Crayssac sử dụng  
Pháp ngữ, Crayssac không thừa thụ những thuận lợi như Trương  
Cam Vũ - những thuận lợi do những tương giao lâu ngày giữa  
Hoa ngữ và Việt ngữ đem lại - Crayssac đã phải cưỡng bức như  
thế nào, theo đường lối nào, trong lời dịch?

Những đối ngữ đi mật thiết sát gót nhau trong bốn câu  
nguyên tác, Crayssac không cách gì thể hiện lại được, thì ông thể  
hiện theo lối khác bằng cách dịch đôi ra và đưa vào những điệp  
thanh phong phú.

Bốn câu của Nguyễn Du, ông phải dịch ra làm mười hai câu  
cả thầy mới tạm gọi là lột được phần nào tinh hoa nguyên tác:

*Cent ans – le maximum d’une humaine existence!  
S’écoulent rarement sans qu’avec persistance  
Et comme si le Sort jalousait leur bonheur,  
Sur les gens de talent s’abatte le malheur  
Subissant l’âpre loi de la métamorphose,  
On voit naître et mourir si vite tant de choses!  
Bien peu de temps suffit pour que fatalement  
Surviennt ici-bas d’étranges changements,  
Pour que des vert muriers la mer prenne la place  
Tandis que, devant eux, ailleurs, elle s’efface!*



*Or, dans un temps si court, ce que l'observateur  
Peut bien voir ne saurait qu'endolorir son coeur.*

Nhận định thấy gì?

Những tiếng “trăm năm, một cuộc, những điều” của Nguyễn Du không còn có thể đi sát nhau để gùn ghè mật thiết, vì chúng bị loãng mất trong mười hai câu dài đậm đục.

Nhưng Crayssac ngược lại đã biết tận dụng những điệp thanh lai láng để thể hiện chất thơ bàng bạc của Nguyễn Du. Xin chép ra đây những âm thanh âm vận lấy đi lấy lại:

*Cent ans – s'écoulent – sans que – comme si – le sort –  
sur les – s'abatte – subissant si vite – suffit – surviennent  
– s'efface – si court – ne saurait – son coeur –*

Ngoài ra, những đối ngữ thật sự của Nguyễn Du mà Crayssac không thật sự tái lập được, thì ông cũng đã tái lập đối ngữ theo cách khác:

*Sans qu'avec – et comme si – Bonheur – malheur  
Naitre – mourir  
Tant de choses – bien peu de temps  
Prenne la place – elle s'efface*

Trên đây chỉ là một trong muôn ngàn thí dụ khác có thể đưa ra khi bàn tới chuyện dịch. Dù sao, điều cốt yếu, chẳng phải là đạt hay không, có lẽ... Điều cốt yếu, là ý thức về cái chỗ gay cấn kia, lúc khởi sự đọc văn thơ. Thơ Nerval, thơ Apollinaire, Baudelaire, Whitman, Dickinson, Rilke, Nietzsche, Heidegger, vân vân, đã bao phen khiến người dịch đành phải bó tay, bó chân, xin nhảy lùi từng trận.

Vậy nên kẻ biết dịch là kẻ biết nhảy lùi. Vì dịch là tư tưởng một cách nghiêm mật. Kẻ tư tưởng thâm viễn bao giờ cũng nhảy lùi. Kẻ biết dịch tối cao, là kẻ không bao giờ chịu dịch. Trường hợp buộc phải dịch, thì đành cưỡng bức. Cưỡng bức để đưa tới dễ huê. Trường hợp không thể đưa tới dễ huê, thì đành tái điệp nhảy lùi,

song trùng bỏ cuộc. Bỏ cuộc thì kể cũng đều hui. Bèn nhảy vô cuộc trở lại. Rớt cuộc? Rớt cuộc, con người tẩu hỏa nhập ma sa vào giữa một vòng lẩn quẩn kỳ quặc. Trong cái vòng lẩn quẩn kỳ quặc ấy, hốt nhiên lời thơ Nguyễn Du lại thị hiện một cách nào nùng:

*Trăm năm trong cõi người ta*

*Chữ tài chữ mệnh khéo là ghét nhau*

*Trải qua một cuộc bể dâu*

*Những điều trông thấy mà đau đớn lòng.*

Thơ Nguyễn Du thị hiện một cách đoạn trường như thế, thì sự cố nào xảy ra cho thằng tài tử? Ấy là sự cố *Mưa Nguồn, Lá Hoa Cồn*... Mọi bài thơ tôi viết ra, đều là vịnh thơ Nguyễn Du tại chỗ gay cấn âm thầm nhất. Dịch thơ từ đó biến ra làm Vịnh Kiều, trong từng cơn cuồng bức. Thơ Nguyễn Du cũng là tự mình cuồng bức mình. Người ta công kích thơ tôi, chẳng qua chỉ vì người ta tưởng rằng tôi làm thơ đưa ra cái gì độc đáo lắm.

Lại có kẻ cho rằng thơ tôi làm u ám, súc tích, hơn thơ Nguyễn Du. Ấy chẳng qua là người ta không chịu đọc thơ Nguyễn Du trong nếp gấp của nguồn thơ ông đầy thôi.

## TƯ TƯỞNG VÀ THI CA

Chân nhân đời xưa đưa ra một “chủ thuyết” nào, đều có như là tình phi đặc dị. Chẳng dùng được mà phải nói. Nói ra, mà vẫn có chỗ như là chẳng có muốn nói ra.

Chẳng dùng được mà phải nói tới nhân nghĩa lễ nghĩa, như Khổng Tử. Chẳng dùng được mà phải nói bỏ nhân nghĩa lễ nghĩa đi, như Lão Tử. Chẳng dùng được mà viết tẻ vật luận, như Trang Tử.

Trang Tử thường dùng phép “chi ngôn”, ấy là bởi ông đứng ngay giữa cơn lốc của sự tình bất đặc dị: muốn gạt bỏ chuyện thị phi, mà vẫn cứ bị bó buộc phải nêu mãi chuyện thị phi.

Ta thường đem tư tưởng Khổng Lão Trang ra đối kháng nhau (kẻ chủ trương vô vi, kẻ hữu vi, kẻ xuất thế, kẻ nhập thế ...) nhưng nếu xét tới cái lẽ “sở dĩ nhiên” của những chủ trương “trái ngược” kia, ắt mọi lời phân biệt phải dừng lại. Mọi lời biện bác bỗng có tính cách phù phiếm.

Và dường như không còn ai còn có thể đưa ra được một “tổng hợp” dưới hình thức một học thuyết.

Sau ba cái khối Khổng Lão Trang, tư tưởng Trung Hoa đã đi vào phiêu nhiên trong cung bậc Đường Thi. Rồi nó kết tinh trong *Truyện Kiều* của Nguyễn Du. *Truyện Kiều* là chỗ dung hợp của Khổng Lão Trang Phật.

Người tư tưởng không còn dám viết gì về tư tưởng nữa. Trang Tử tái sinh sẽ nghĩ sao về cuốn *Nam Hoa Kinh* của ông? Ông sẽ viết một bộ *Tân Nam Hoa Kinh*, hay là ông hồn nhiên ngâm câu thơ Hồ Dzếnh?

*Thơ về nắng sớm lòng lay*

*Gấp đi cánh phượng cho ngày rạng ra.*

Hoặc câu thơ Xuân Diệu?

*Trưa hôm nay con ngồi như trẻ nhỏ*

*Giữa đây trưa trong lòng mẹ vô cùng*

*Con là sáo mẹ là ngàn vạn gió*

*Mẹ là trời con là hạt sương rung*

*Sương uống mãi chẳng bao giờ hết sáng*

*Của trời cao chói lọi mỗi chiều ngày*

*Sáo ca mãi, lòng tre run choáng váng*

*Gió vẫn đầy ngàn nôi bốn phương bay.*

Thơ như thế là cái chốn của “Tâm vô thổ hồ thị phi, hữu hồ thiên quân”.

(1-11-69).

# Hai

## MỘT MAI NHÌN LẠI

(VIẾT VỀ BÙI GIÁNG)

- I. Hỏi tên? Rằng biển xanh dâu
- II. Xin chào nhau giữa con đường
- III. Ta đi còn gửi đôi giòng



Thi Sĩ Búi Giáng

Tranh của Trịnh Thanh Tùng

# I

## Hỏi tên? Rằng biển xanh dâu

---

*Hỏi tên? Rằng biển xanh dâu  
Hỏi quê? Rằng mộng ban đầu rất xa.*



## TIỂU SỬ TỰ GHI<sup>(\*)</sup>

- 1926 - được bà mẹ đẻ ra đời
- 1928 - bị té bể trán, vết sẹo còn nguyên kỷ niệm, hai năm trời chết đi sống lại
- 1933 - bắt đầu đi học a, b, c... trường làng tại Thanh Châu với thầy Cù Đình Quý
- 1936 - học trường Bảo An với thầy Lê Trí Viễn
- 1939 - ra Huế học tư thực với những thầy Cao Xuân Huy, Trần Đình Đan, Hoài Thanh Nguyễn Đức Nguyên, Đào Duy Anh, vân vân
- 1940 - về Quảng Nam chăn bò
- 1942 - trở ra Huế, vì nhớ nhung gái Huế
- 1949 - nhập ngũ, bộ đội công binh. Hai năm sau giải ngũ
- 1952 - vào Sài Gòn, 1955 (57) khởi sự viết về Nguyễn Du và một vài nhận xét về *Truyện Kiều* và một vài nhận xét về Bà Huyện Thanh Quan, một vài nhận xét về *Chinh Phụ Ngâm...* (TÂN VIỆT xuất bản)

---

(\*) Đây là tài liệu do cố thi sĩ Bùi Giảng ghi chép ngay trong cuốn sổ tay của chúng tôi vào một buổi trưa ngày mùng 10 tháng 11 năm 1993 tại chùa Pháp Vân, Gia Định, Sài Gòn. Nay công bố nguyên văn để các nhà tiểu sử học có thêm một tư liệu chân xác về cuộc đời của cố thi sĩ. (Thích Nguyên Tạng).

Biên tập chú thêm: Đưa vào tập sách này, chúng tôi giữ nguyên câu chữ, chỉ chỉnh lại một số lỗi chính tả thống nhất và phù hợp với cách viết phổ thông ngày nay.



• 1957 - TÀN VIỆT xuất bản: *Giảng luận về Tản Đà Nguyễn Khắc Hiếu, Giảng luận về Chu Mạnh Trinh, Giảng luận về Tôn Thọ Tường và Phan Văn Trị*

• 1962

*Tập thơ Mưa Nguồn*

*Tư Tưởng Hiện Đại*

• 1963

*Lá Hoa Cỏn* (thơ)

*Ngân Thu Rớt Hột* (thơ)

*Màu Hoa Trên Ngân* (thơ)

*Martin Heidegger Và Tư Tưởng Hiện Đại* (hai tập) (do đưa em...)

• 1965 - nhà cháy mất trụi bản thảo

In vôi vàng *Sa Mạc Phát Tiết* (An Tiêm)

*Dialogue* (viết *Avantpropos* (viết giúp cho Nhất Hạnh, Lá Bối) và *Lettre à René char*) (Lá Bối in)

*Sa Mạc Trường Ca* (An Tiêm in bản)

• 1968 - 68

Dịch *Martin Heidegger Erlauteninger gu Heidergger* dịch. Giảng giải về thơ.

(*Lời Cổ Quận* (An Tiêm) *Lễ Hội Thăng Ba*) (Quế Sơn Vô Tánh)

*Con Đường Ngã Ba* (An Tiêm)

*Bài Ca Quần Đảo* (Nguyễn Đình Vượng)

• 1969 - Bắt đầu điên rục rờ

• 1970

1. Lang Thang Du hành Lục Tỉnh (Khách sạn Long Xuyên Bà Chủ cho ở đầy đủ tiện nghi không lấy tiền)

2. Gái Châu Đốc Thương yêu và Gái Long Xuyên Yêu dấu

3. Gái Chợ Lớn khiến bị bệnh lậu (bệnh hoa liễu)

• 1971 - 75 - 93

Diễn rõ lòng lầy chết đi sống lại về vãng

Rong chơi như hài nhi (con nít)

Được gia đình ông Phó Chủ tịch (482) Lê Quang Định, Hội đồng Thành phố đối xử thơ mộng thên.

Kính Dâng Kim Thúy, Kim Hồng, Kim Hoa, đôi lời rớt cuộc....

Bình sinh mộng tưởng vấp phải niềm thương yêu của Kim Cương Nương Tử, Hà Thanh Cố Nương và Mẫu Thân Phùng Khánh (tức Tri Hải Ni Cô)

Do đâu mà ra được như thế?

Đáp: Có lẽ đầu tiên kỳ tuyệt là do ân nghĩa bốn bề thiên hạ đi về tập hợp tại Già Lam, Vạn Hạnh và Long Huệ và Tịnh Xá Trung Tâm và Pháp Vân và xiết bao Chùa Chiền Miền Nam nước Việt, không biết nói sao cho hết.

## VÀI NÉT VỀ BÙI GIÁNG (Đôi lời tiếp dẫn)<sup>(\*)</sup>

Ngô dừ Diễm giả  
KHÔNG TỪ

Viết đôi lời hay nhiều lời về Bùi Giáng không bằng đọc Bùi Giáng. Đọc Bùi Giáng không bằng giao du với Bùi Giáng. Giao du với Bùi Giáng không bằng sống như Bùi Giáng. Mà sống như Bùi Giáng thì thật vui mà thật khó vậy.

Hiếm có tác giả nào mà khi ta đọc đôi câu cũng có thể cảm thụ được cái tinh thể của toàn bộ văn nghiệp đồ sộ, nhìn một hành vi mà thấy được phong độ dị thường của cả bình sinh. Một giọt nước mang cả lượng hải hàm của đại dương, nói như nhà Phật. Các bậc thâm trầm ngày xưa gọi đó là *Mỏ của thấy núi, một khí xuyên suốt* (*Khai môn kiến sơn, nhất khí quán hạ*), Phương Tây bảo rằng Văn là Người. Quả ở đây, Người trở thành Văn, Văn với Người không hai.

---

(\*) Bài này nguyên văn có tên *Vài nét về Bùi Giáng*, in lần đầu (1990) như là bài viết nội bộ cho gia phả của dòng họ ("Bùi Tộc Phổ Hệ", Vĩnh Trinh, Duy Xuyên, Quảng Nam), sau đó được đăng lại trên tạp chí *Khởi Hành*, số 2 năm 1998 và nhiều tạp chí khác. Được sự đồng ý của tác giả, chúng tôi lược đi phần đầu nói về tiểu sử (sơ lược) của Bùi Giáng; về tiểu sử Bùi Giáng, xin xem bài của Đặng Tiến dưới đây.

Bùi Văn Nam Sơn - dịch giả, nhà nghiên cứu triết học, là người trong gia tộc (chủ họ) của Bùi Giáng.

Anh Giăng là sao Văn Khúc “hạ giăng” vào cửa họ Bùi ta chăng? Là một Thi Quí hay Thi Tiên có một không hai trong nền Văn Dân tộc? Là một bậc La Hán tự phát nguyện trở thành xác thịt để khóc cười an ủi chúng sinh? Khen hay chê, thích hay không, Anh vẫn thuộc vào loại thiên tài không định nghĩa được (génie indéfinissable) làm bằng một thứ nguyên liệu rất hiếm, là một giống chim lạ rất dễ tuyệt chủng mà Trời Đất – không nỡ làm đứt mạch Văn, làm cạn nòi Tình – lâu lâu lại cho phục sinh một lần. Thứ nguyên liệu ấy rất nhẹ đồng cân nên ít bám bụi, lung linh sương bóng (hốt hê hoảng hê), khó nắm bắt mà lại cũng rất bền vững, quá cỡ thọ mộc, nếu ta không chịu khó gắng sức lên một tí thì không đo lường được:

*Hỏi tên? Rằng biển xanh dâu*

*Hỏi quê? Rằng mộng ban đầu đã xa*

*Gọi tên rằng một, hai, ba*

*Đếm là diệu tượng, đo là nghi tâm.*

Bốn câu tự giới thiệu gọi ta nhớ đến René Char, một thi sĩ lớn của Pháp:

*Je parle de si loin*

*Comment m'entendez-vous?*

*(Tôi nói từ cõi rất xa*

*Ngài nghe tôi như thế nào?)*

Nếu *Thính* là nghe ở vòng ngoài, còn *Văn* là lắng tai Chung Kỳ, nghe được ở bề sâu, bề xa thì nghe tiếng thơ Bùi Giăng giống như nghe một cơn mưa từ ngàn thu trước, đến hôm nay mới *rớt* *hột* trở về. Nguồn thơ ấy u huyền, bí nhiệm như một mê cung chỉ tự *giải mã* với người đồng điệu. Nó sâu xa, hùng hậu mà hồn nhiên, trong sạch và ngộ nghĩnh như những bài kệ khẩu chiếm của các Thiền Sư. Nó cương bức ngôn ngữ một cách dữ dội, không thương tiếc để giúp cho ngôn ngữ tự bộc lộ năng lực sinh hoá

không cùng, từ đó khơi mở ra một chân trời với thi ca nhân loại: một hồn Thơ rất cổ kính đồng thời lại mang tâm thức hiện đại, đúng hơn, *hậu hiện đại* (post-moderne), nơi đó mọi ý, mọi lời đều đa tầng, đa nghĩa, đa chức năng, nhằm bộc lộ cho được một cái gì rất Sơ Nguyên, Đơn Giản, song đã trải qua biến dịch nên phong phú, điệp trùng.

Hồn thơ ấy, bắt đầu từ những gì rất trần thế, không ít đau buồn từ thuở nhỏ:

*Bước xa bờ cỏ, xa đường thương yêu...*

*... Tóc xanh kỳ hẹn sai ngày*

*Khóc ngang ngựa mộng canh dài mấy phen...*

*... Già từ khi bước chân ra*

*Chết từ sơ ngộ màu hoa trên ngàn...*

*... Tuổi thơ nhiếp dẫn sai miền*

*Đổ xiêu phấn bướm, phi tuyến vọng âm...*

Và khi lớn lên chứng kiến:

*Hải hùng bi kịch đối tranh*

*Trùng quan vô ngựa tể nhanh trong mù*

*Thấy người nát ở phía sau*

*Nghìn thu khép mắt khổ đau khôn hàn*

lại trở thành nguồn thơ nghịch ngợm nhất, vui vẻ nhất xưa nay:

*Tôi nói điệu điên rồ*

*Ấy là vui vậy.*

Bùi quân bước được vào *Hoan hỷ địa*, sau khi đã *khóc ngang ngựa mộng*, đã *rú như beo rống*, như *hùm đối hang* trong những trận tung hoành bút mực. *Sư tử biến thành hải nhi*. *Nhân loại mới nói cười như trẻ nhỏ*. Quá trình chuyển hóa và đạt đạo của Bùi Giáng là tiêu biểu cho ý thức và tinh thần thời đại mà anh đã gặp gỡ, chia sẻ với những nhà tư tưởng và nghệ sĩ lớn Đông Tây.

Cái Vạn Vật nhất thể ở khởi nguyên chưa phân ly thì còn hàm hỗn nhưng đầy sức sống. Biểu hiện nơi con người là các bậc Thánh Hiền còn nguyên khối: họ là nhà thơ, nhà tư tưởng, nhà hành động. Huyền thoại và lý tính còn chan hòa vào nhau. Song, lô-gich tất yếu của sự phát triển thúc đẩy sự phân ly, mang lại sự phức tạp và cả những nguy cơ, thảm họa: sự phân ly giữa Lý Tính (Apollon) và Đam Mê (Dionysos), giữa Tư Duy và Mơ Mộng, giữa Đông và Tây, giữa Cơ Giới và Tự Nhiên... Sự phân ly ấy còn trầm trọng khi con người thời đại xem sự phân ly là tự nhiên, lãng quên mất nguồn suối nguyên thủy và nhất là không tìm ra phương thuốc cứu nguy. Sa mạc lớn dần, chủ nghĩa hư vô lan tràn khắp chốn:

*Trần gian bất tuyệt một lần.*

*Nghe triều biển lục xa dần non xanh...*

*Mâu hoang đảo từ đây em sẽ ngó*

*Cát xa bờ tơ chỉ rối chiêm bao*

Làm sao nối lại non xanh và biển lục, giữa cát và bờ? Làm sao chuẩn bị cho một cuộc đối thoại tái hợp nhất thiết phải có giữa Đông và Tây? Làm sao bắt lại nhịp cầu tương giao, tương ứng giữa thi ca và tư tưởng, hai lĩnh vực vốn hoạt động theo quy luật riêng ở hai đầu vực thẳm mà lại có mối quan hệ tàng ẩn thâm thiết ở cội nguồn?

*Cánh Lương mộc bão bùng về vây hãm*

*Sầu Thái Sơn cô tịch lạnh liên miên*

*Hoài vọng uống bên nỗi đời thê thảm*

*Hòn núi sông xin tái lập xanh miên.*

Tái lập lại một miền tương ứng xanh tươi sức sống nguyên sơ (Anh cùng em đi hái lộc xanh đầu) để núi Thái Sơn không bị sụp

đổ, cảnh Lương mộc không bị huỷ hoại<sup>(1)</sup> như lời thở than và mong mỏi của Đức Khổng ngày xưa là đi lần theo con đường của Tăng Điểm *Tám sông Nghi, hóng mát ở đền Vũ Vu, rồi ca mà về*<sup>(2)</sup> theo nghĩa sâu xa là thoát khỏi chấp trước vui vẻ, trở về nguồn cội với trí tuệ bao dung rộng mở:

*Đời xiêu đổ nguồn xưa anh trở lại*

*Giữa hư vô em giữ nhé ngàn này.*

Hiếm hoạ dập dồn. Cần một cứu tinh. Như mọi nhà nhân bản, Bùi Giáng lên tiếng kêu cứu và báo động. Cứu tinh chính là trí tuệ bao dung, mềm dẻo của Nguyên Lý Mẹ, của Thiên Tính Nữ tràn ngập, rộn ràng trong thơ Bùi Giáng. (Theo quan điểm phân tâm, kẻ nói nhiều, nói công khai và không nguy trang về tính nữ lại là kẻ không còn bị ẩn ức mà đã tìm được con đường thanh tẩy, giải thoát). Bởi vì Phật Tổ có thể giải ngộ cho ta, nhưng Quan Âm mới ra tay cứu khổ; Phục Hy kiến lập quy củ, nhưng Nữ Oa mới chịu khó vá trời chở che con cháu. Âu Cơ, Thủy Kiều, Monroe, Kim Cương, Phùng Khánh...<sup>(3)</sup> đều là biểu tượng của Huyền Tân<sup>(4)</sup> như thế cả:

*Mẹ xin chiếu cố sa mù cho con*

Nói những điều nghiêm trọng như vậy bằng ngôn ngữ *thần*

---

(1) Đức Khổng Từ khi gán mắt đã than: *Thái sơn kỳ đối hồ, Lương mộc kỳ hoại hồ, Triết nhân kỳ nuy hồ?* (Núi Thái Sơn mà đổ sào, cây gỗ tốt mà hỏng sào, bậc triết nhân mà nguy sao?).

(2) Ông Tăng Tích, còn gọi là Tăng Điểm, và con là ông Tăng Sâm, thường gọi là Tăng Tử, đều là môn đệ của Đức Khổng Tử. Một hôm được Đức Khổng hỏi về chí hướng của mỗi đệ tử đang ngồi hầu ngài, ông Tăng Điểm đã thưa: [...] *Dục hồ Nghi, phong hồ Vũ Vu, vịnh nhi quy*, ngụ ý muốn sống ngoài vòng cương tỏa của lợi danh. Đức Khổng Tử tán đồng quan điểm đó, Ngài đã nói: *Ngô dư Điểm dã* (Ta cùng với Tăng Điểm vậy).

(3) Các nhân vật nữ mà thi sĩ Bùi Giáng thường nhắc đến trong các tác phẩm của mình.

(4) Huyền Tân (Huyền = nghĩa lý sâu kín; Tân = con thú giống cái) nghĩa là Nguyên Lý Mẹ (chữ trong *Đạo Đức Kinh* của Lão Tử).

*thông du hý*, vì ngôn ngữ là quê chung của Thi Ca và Tư Tưởng và cũng là biểu tượng đẹp đẽ nhất của Mẹ: nó sinh sôi vô hạn, sinh hóa vô lường và luôn ẩn mật, tinh tế ở cả phần vô ngôn, ẩn ngữ. Ngôn ngữ biểu hiện ra nơi Bùi Giáng bằng ngụ ngôn, hoa ngôn, chi ngôn... để gói ghém những gì uyên nguyên, sâu kín mà ngôn ngữ thông thường của khái niệm bị cục hạn không hàm chứa nổi:

*Nguyên hình Nữ Chúa trên ngày phù du*

*Nữ Chúa* là sức mạnh cứu khổ cứu nạn của Mẹ, làm Ngôi Lờ cho nhân thế. Có thể hiểu tại sao các tác phẩm cổ kim qua ngòi bút dịch thuật tài hoa của Bùi Giáng đều là những cơ hội để được tái tạo theo nguyên nghĩa chữ Dịch là chuyển hoá nhằm bắt nhịp cầu Ô Thước như đã nói trên kia. Trong tay người thợ xoàng thì phiên dịch, sao chép ba lần là mất gốc (tam sao thất bản). Trong tay người thợ thiên tài, nó được nâng lên ba lần để có thể hợp giao với nhau ở phương trời mới. Kinh A Di Đà trang nghiêm; kinh Hoa Nghiêm thì bay bổng, rực rỡ muôn màu, nhưng cả hai đều nhất lí, chỉ tùy theo căn cơ của mỗi người.

Bùi Giáng là *Tiếp Dẫn Đạo Sư* trong ngôn ngữ Việt Nam hiện đại.

Văn nghiệp phong phú, anh hoa phát tiết của Bùi Giáng chắc sẽ còn làm tốn nhiều giấy mực của người đời sau.

Nhưng riêng cái huệ tâm và nguồn vui từ bi bất tuyệt của anh Giáng là phước huệ dư dự dành cho họ Bùi ta vậy. Hãy biết ơn anh.



## SƠ THẢO TIỂU TRUYỆN BÙI GIÁNG<sup>(\*)</sup>

*Des lisières lointaines  
les cerfs ont bramé  
(Từ ven rừng xa  
tiếng nai gào gọi)  
Apollinaire*

Sơ thảo, gọi như vậy vì tính cách sơ lược của bài viết.

Vì một số dữ kiện nêu lên, không chắc chắn, dù cho người viết hết lòng tìm căn cứ. Chung quanh Bùi Giáng có nhiều giai thoại, dần dần trở thành huyền thoại, đồng thời với những tư liệu có khi không hợp lý, hay mâu thuẫn, không dễ gì kiểm chứng.

Sơ thảo, vì lối biên tập còn rườm rà, khi chúng tôi cố tình muốn đưa ra nhiều tư liệu, có lúc ngoài lề, để người khác có thể men theo và truy cứu thêm, về chuyện này hay chuyện khác.

Sơ thảo, tóm lại, không phải là lời từ tốn vào đề chiếu lệ, mà là lời mời gọi giới văn học và độc giả cải chính, bổ sung đào sâu hay nâng cao.

Bùi Giáng đứng tên trên khoảng 60 đầu sách, chủ yếu là 14 tập thơ, xen kẽ 19 dịch phẩm, 6 sách giáo khoa đầu tay, phần còn lại là biên khảo về triết học và thơ. Hiện nay còn khoảng 10 tập

---

(\*) Bài viết nhân ngày tưởng niệm Bùi Giáng 7-10-2003, in theo *talawas.org*.  
Dặng Tiến - nhà văn, nhà nghiên cứu, phê bình văn học, cựu Giáo sư Ban Việt học, Đại học Paris 7.

thơ và nhiều văn bản dịch, chưa in... Bùi Giáng có vẽ tranh và có để lại tác phẩm, chủ yếu là ký họa.

Trên cơ bản, Bùi Giáng là nhà thơ.

\*

\* \*

Bùi Giáng là tên thật.

Có khi sử dụng nhiều bút danh khác: Văn Mông, Bùi Bàng Giũ, Bùi Bàng Giũ, Bàng Giũ, Trung Niên Thi Sĩ, Đuôi Uoi Thi Sĩ.

Ông sinh ngày 17 tháng 12 năm 1926, Bính Dần, tại làng Thanh Châu, nay đổi thành Duy Châu vì thuộc huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam<sup>(1)</sup>.

Thân phụ là Bùi Thuyền, tục danh Cửu Tý, địa chủ giàu có; thân mẫu là Huỳnh thị Kiền, còn tên là Hai. Cụ Bùi Thuyền có hai đời vợ, bà trước là con Phạm Tuấn, là một trong năm tiến sĩ đồng khoa 1898 cùng quê Quảng Nam, gọi là Ngũ Phụng Tề Phi<sup>(2)</sup>. Bà mất sớm khi hạ sinh người con thứ ba. Bà sau là cháu nội cụ Hoàng Văn Bàng, em ruột Hoàng Diệu, Phó bảng khoa 1853, Thượng thư Bộ Binh, Tổng đốc Hà Ninh, tuấn tiết tại Hà Nội năm 1882. Bà sinh được hai gái và bảy trai. Bùi Giáng là con thứ năm, kể cả con bà mẹ trước, nên còn tên là Sáu Giáng.

Những chi tiết này chứng tỏ Bùi Giáng xuất thân từ một giòng họ gia thế. Họ này gốc Nghệ An, di dân vào đây từ đời Hồng Đức<sup>(3)</sup>

---

<sup>(1)</sup> Du khách đi thăm di tích Chàm ở Mỹ Sơn, từ quốc lộ số 1, lấy tỉnh lộ 610 khoảng 15km sẽ đi qua làng Duy Châu. Đi thêm 30km sẽ đến làng Trung Phước, nơi Bùi Giáng chôn dề, nay đổi là Quế Phước vì thuộc huyện Quế Sơn, phía mỏ than Nông Sơn. Cả hai làng đều nằm bên sông Thu Bồn, bờ bên này và bên kia.

<sup>(2)</sup> Năm người theo thứ tự là: Phạm Liệu, Phan Quang, Phạm Tuấn, Ngô Truân và Dương Hiến Tiến. Ngoại trừ Phan Quang huyện Quế Sơn, bốn người kia đều thuộc huyện Diên Phước, nay là Điện Bàn.

<sup>(3)</sup> Bùi Tấn. *Chóp Biển*, Sài Gòn, Anaheim, 1996, tr. 35.

Nhiều người trong giòng họ này nổi tiếng như bác sĩ Bùi Kiến Tín, sản xuất dầu khuynh diệp, kỹ sư Bùi Thanh, hay giáo sư Bùi Xuân Bào, gia đình ra lập nghiệp tại Huế.

*"Dòng họ Bùi giàu có bậc nhất trong vùng với những sở ruộng "cò bay thẳng cánh, chó chạy cong đuôi". Bùi Giáng trong mắt người dân thuở đó là một trang công tử. Dòng họ Bùi gốc ở Vĩnh Trinh lên ngụ cư ở Trung Phước khoảng những năm đầu của thập kỷ 40. Hồi đó, dòng họ có những căn nhà lầu đầu tiên ở xứ này. Trong nhà của họ có rất nhiều nô bộc. Sau này, nhà Quảng Nam học Nguyễn Văn Xuân nhận xét rằng những dòng họ giàu có nổi tiếng ở xứ Quảng đều sinh sống dọc hai bên triền sông, tận dụng lợi thế "nhất cận thị, nhị cận giang"<sup>(4)</sup>.*

Sông Thu Bồn quanh năm có lưu lượng cao, nối liền miền Thượng Du với cửa Đại (Hội An), cửa Hàn (Đà Nẵng) và cửa Kỳ Hà (Tam Kỳ) qua nhiều sông lớn khác. Do đó, Vương quốc Chăm đã đóng đô tại vùng Trà Kiệu, bên sông này, khoảng thế kỷ IV.

Nhờ kinh tế phồn thịnh, dân địa phương nhiều người học hành và đỗ đạt.

Bùi Giáng sinh ra và lớn lên giữa *"những dãy nhà rộng thênh thang tường xây bằng đá"*<sup>(5)</sup>. Thời niên thiếu giữa một thiên nhiên phong phú, nhiều sắc thái: sông hồ, đồi núi, ruộng nương là một thiên đường mà *Bùi Giáng* suốt đời hoài vọng, và gọi là *cố quận*. Trong *Ngày tháng ngao du*, ông kể: *"Hồi nhỏ, tôi được sanh ra và lớn lên trong miền quê hẻo lánh. Chung quanh có ruộng đồng sông núi trùng điệp, những đám cỏ chạy suốt tuổi thơ. Làng tôi xưa kia có nhiều cỏ mọc, cỏ mọc từ trong làng ra ngoài ruộng, tới những cồn, gò, đồi núi thật xanh. Từ đó về sau, tôi tìm kiếm*

<sup>(4)</sup> Nguyễn Minh Sơn, báo *Người Lao Động*, số Xuân Quý Mùi, 2003, TPHCM.

<sup>(5)</sup> Bùi Công Luân (em ruột Bùi Giáng), báo *Khởi Hành*, số 25, tháng 11/1998, tr. 27, California.

*mãi một màu xanh không còn nữa vì những trái bom và hòn đạn khổng lồ”.*

Có lẽ vì vậy mà mãi đến tuổi 71 ông mới về quê sau non 50 năm xa cách, qua bài thơ *Tâm sự*, 1996, trong *Đêm ngắm trăng*.

Về học trình của Bùi Giáng, tư liệu chi tiết nhất là bài diễn văn năm 1995 của Bùi Văn Vĩnh, em ruột: “*Thuở nhỏ, anh học trường Bảo An, tại Điện Bàn, Quảng Nam. Sau đấy, anh theo Trung học ở trường Thuận Hóa, Huế. Năm 1945, đang lớp đệ tứ thì gặp đảo chính Nhật, song anh kịp đậu Thành chung (Diplôme). Cùng năm, anh lập gia đình riêng - chị qua đời ba năm sau. Việt Minh lên, anh trôi nổi khắp các tỉnh Nam Ngãi Bình Phú của Liên Khu V trong vùng kiểm soát này. Cho đến 1950, khi có kỳ thi Tú tài đặc biệt do Liên Khu V tổ chức (“đặc biệt” vì đề thi do Liên Khu IV gửi vào, thi xong bài thi gửi ra Liên Khu IV chấm), anh đậu Tú tài II Văn chương, rồi lên đường ra Liên Khu IV, tới Hà Tĩnh, để tiếp tục vào học Đại học. Từ Liên khu V ra Liên khu IV phải đi bộ theo đường mòn trên núi, hơn một tháng rưỡi trời. Khi ra đến nơi, trong này khai giảng sau khi nghe ông Viện trưởng Đại học đọc diễn văn, Bùi Giáng quay ngay về Quảng Nam - với một tháng rưỡi đi bộ nửa theo đường mòn trên dãy Trường Sơn. Và anh bắt đầu quãng đời “Mười lăm năm chẵn dê ở núi đồi Trung Việt”. Xin mở một ngoặc đơn: con số “15” được hiểu với nghĩa tượng trưng của điển “mục dương”, và anh chẵn dê chứ không bò hay trâu! Tháng 5-1952, gửi đàn dê lại cho... chuồn chuồn, châu chấu, anh băng qua Huế lấy Tú tài tương đương, để vào Sài Gòn ghi danh theo học Đại học Văn khoa. Lần này nữa, sau khi nhìn danh sách các giáo sư sẽ giảng dạy, anh quyết định chấm dứt việc học ở trường của mình tại đây»<sup>(6)</sup>*

<sup>(6)</sup> Bùi Văn Vĩnh, trong *Chớp Biến*, sdd, tr. 90.

Nhiều bài biên khảo sử dụng tư liệu này, vì tư cách của tác giả và những dữ kiện cụ thể được đưa ra. Nhưng cũng có người tự hỏi: Hà Tĩnh thì làm gì có Đại học? Năm 1952, thì Sài Gòn làm gì có Đại học Văn khoa<sup>(7)</sup>.

Chúng tôi dò hỏi và đề nghị một học trình khác của Bùi Giáng:

- Tiểu học: Bùi Giáng có học trường Viên Minh, Hội An.

- 1940 ông bắt đầu vào Trung học, trường Cẩm Bàng, Quy Nhơn. Trường tên như thế vì là tên làng của chủ trường, ông Lâm Tô Bồng, người Quảng Ngãi.

- 1941-1945: Bùi Giáng ra Huế, học trường Tư thực Thuận Hóa. Thầy là các vị Hoài Thanh, Đào Duy Anh, Trần Đình Đan, Lê Trí Viễn... Hai ông sau là cùng quê với Bùi Giáng. Nhà thơ khâm phục và về sau có viết bài ca ngợi các bậc thầy này.

- 1945: Nhặt đảo chính.

Ông đỗ bằng Thành chung, thường gọi là Diplôme, sau khi thi hỏng năm trước, và ở lại lớp Tứ niên C.

- 1943: Bùi Giáng đọc trên báo *Bạn Đường*, do Hướng Đạo chủ trương, in tại Thanh Hóa, mấy câu thơ:

*Một mừng một néo quê chung*

*Người về cố quận, muôn trùng ta đi.*

Theo Bùi Giáng “*Đấy là một niềm tương ngộ, cuộc trùng phùng, nhưng tao ngộ tình cờ trong một cuộc Hội Thoại*”.

Có thể xem như là khởi điểm nguồn sáng tạo văn học của Bùi

---

<sup>(7)</sup> Trường Đại học Văn khoa, Sài Gòn có từ 1958. Trước đó, có lớp Văn dạy tại Đại học Sư phạm, 1956. Khoa trưởng cả hai trường thời đó là GS. Nguyễn Huy Bảo, mà Bùi Giáng tỏ lòng ngưỡng mộ, như đã tuyên bố ở trang 17, báo *Thời Văn*, 6-1997, Sài Gòn.

Tại Khu IV, khoảng 1948, chỉ có lớp dự bị Văn khoa, 7 sinh viên học với GS. Đặng Thai Mai, làng Quần Tín, Thanh Hóa, và GS. Cao Xuân Huy tại Diễn Châu, Nghệ An. Cụ Huy là thầy Bùi Giáng môn Pháp văn, tại trường Thuận Hóa, Huế.

Giáng, như ông thổ lộ ở phần đầu *Lời Cố Quận* (1972), mà không cho biết tên tác giả câu thơ.

Tuy nhiên trước đó, trong *Đi Vào Cõi Thơ* (1969), Bùi Giáng có trích hai câu này trong một đoạn 4 câu trong bài *Cảm thông* (14 câu, 1940) và nói rõ là của Huy Cận. Bài này chưa bao giờ được in ở các thi tập đã xuất bản của Huy Cận.

- 1945: ông về quê, cưới vợ, dọn lên Trung Phước, một làng trung du hẻo lánh.

Vợ ông tên Phạm Thị Ninh, trạc tuổi ông, sinh trưởng trong một gia đình công chức khá giả, ông bà Phán Trai, Hội An, ở gần Chùa Cầu, nay còn người em là Phạm Văn Hòa, 71 tuổi.

Bà Ninh qua đời năm 1948 vì bệnh dài hạn và đẻ non, đưa con cũng mất, tại làng Trung Phước. Người em, Bùi Công Luân, kể lại rằng khi mất, thì "*Chị không thấy mặt chồng. Anh Bùi Giáng bấy giờ đang ở Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên gì đó, nghe phong thanh anh đang đi học*"<sup>(8)</sup>

Chúng tôi lần theo, và được biết là giai đoạn này, Bùi Giáng tiếp tục học tại trường Nguyễn Huệ Bồng Sơn, tỉnh Bình Định. Trường này không dạy đủ lớp, chỉ dạy hai trên ba năm, bậc Tú tài, và chỉ dạy chuyên khoa Toán Lý Hóa. Bùi Giáng có ra Hà Tĩnh - bài *Kỷ niệm*, trong tập *Mưa Nguồn*, làm tại Hà Tĩnh, 1951- nhưng có thể để học tiếp ban Tú tài văn chương, rồi bỏ dở.

Tháng 5-1952, Bùi Giáng về thành<sup>(9)</sup> Rồi vào Sài Gòn dạy học.

---

<sup>(8)</sup> Bùi Công Luân, trong *Chớp Biển*, sdd, tr. 15, có đăng lại trên báo *Khởi Hành*, số 16 tháng 2-1998, tr. 20, California.

<sup>(9)</sup> Cùng một thời điểm với nhà thơ Tạ Kỳ (1928-1979). Tạ Kỳ vào học trường Khải Định 1952, Huế, học đủ ba năm cấp ba, đầu Tú tài năm 1955. Tạ Kỳ cùng quê, và ở cùng xóm, trong làng Trung Phước với Bùi Giáng. Làng này đã trở thành một đề tài thi ca qua câu thơ Tạ Kỳ:

*Trung Phước ơi, sông sâu dài uốn khúc,*

*Tình cheo leo cao vút một con đèo.*

Trong chiến tranh, một chiều mưa bên bờ sông Vĩnh Điện, nhà thơ Tường Linh,

Học trình Bùi Giáng, chúng tôi chỉ biết có vậy.

Trên cơ bản ông là người tự học và đã đạt tới một kiến thức uyên bác, làm nhiều người ngạc nhiên và kính phục.

Chúng tôi phụ chú thêm ba điểm:

1. Việc hôn nhân: Khi trả lời một bài phỏng vấn của báo *Thời Văn*, 1997, Bùi Giáng có tiết lộ: “*Phải thuận theo ý cha mẹ lấy cô vợ người thành phố Hội An, suốt đời không biết cây sáo cuộc bầm là gì*”<sup>(10)</sup> Người em trai Bùi Công Luân có đề cập đến điều này trên báo *Khởi Hành* số 25 đã dẫn, nói rằng hai bên không yêu nhau, nhưng theo ông Hòa, em bà Ninh, thì đây là một hôn nhân tự nguyện.

2. Việc chăn dê: Khoảng 1948, tại Trung Phước, chúng tôi tin vào kỷ niệm của ông Phạm Văn Hòa:

*“Ông anh rể tôi kỳ lạ lắm. Hồi đó ông mua một đàn dê khoảng 100 con và rủ tôi đi chăn cùng. Buổi sáng ông thường lừa dê vào Giáp Nam, Gò Om, sau đó hai anh em rủ nhau xuống khe (suối) Le ngồi dưới bóng của các lùm tre và... đọc thơ suốt buổi. Có những buổi ông lang thang lên tận các quả đồi hái hoa, lá kết*

---

quê ngoại ở Trung Phước, học trò Pháp văn của Bùi Giáng, nhìn về Trung Phước, có câu thơ cảm động:

*Thấy gì đâu, chỉ thấy núi mây mờ  
Lòng gọi mãi tên làng xưa Trung Phước!*

Nhà văn Võ Phiến, 1986, có lời bình luận: “Làng Trung Phước, ngày còn ở trong nước tôi chưa đến bao giờ, chính dân làng còn khó về làng hướng hồ người xa kẻ lạ. Từ khi xa nước, nghe nói tới Trung Phước càng thấy mơ hồ tí tấp. Tôi đinh ninh đó là một làng đáng tưởng nhớ, đáng mê say: dễ gì một ngôi làng nhỏ bé hẻo lánh, mà có được hai thi sĩ dễ thương ngoan lành như vậy? Hơn nữa, ngoài Tạ Ký và Tường Linh, làng Trung Phước còn liên hệ đến một thi sĩ thứ ba rất quen thuộc là Bùi Giáng, người đã từng sống với đàn dê tại đây một thời gian thời kháng chiến chống Pháp”.

(Võ Phiến, *Văn học Miền Nam – Thơ*, nxb Văn Nghệ, tr. 3145, 1999, California.)

Khi mộ Tạ Ký được dời về Gò Dưa, Thủ Đức, Tường Linh có đọc điệu văn. Ngày nay cùng nghĩa trang với Bùi Giáng.

<sup>(10)</sup> Bùi Giáng, tạp chí *Thời Văn*, số 19, tháng 6-1997, tr. 26, TPHCM.

vòng thơ thần đeo vào cổ cho dê... Đặc biệt Bùi Giáng rất thương vợ. Sáng nào ông cũng vắt một bát sữa dê đem chung lên cho vợ uống. Tôi chẳng hiểu hỏi ông có tâm sự gì nhưng chỉ biết ông nuôi dê để chơi thôi, không thấy bán (vì nhà rất giàu, đâu cần tiền), cũng không thấy giết thịt vì ông rất yêu những con dê. Mỗi con ông đặt cho một cái tên, rất kỳ lạ.

Chuyện Bùi Giáng chăn dê nhiều người còn nhớ. Đây là hình ảnh một thanh niên hàng ngày lặn lội lùa dê vào núi, trên tay ôm một cuốn sách tiếng Pháp dày cộp.

Quãng đời du mục của Bùi Giáng kéo dài khoảng 3 năm thôi nhưng sau này khi viết Nỗi lòng Tô Vũ, thi sĩ đã đề từ “Kỷ niệm một đoạn đời 15 năm chăn dê núi đồi Trung Việt Nam Ngải Bình Phú”. Mười lăm năm - nhiều người cho rằng có thể Bùi Giáng lấy thời gian lưu lạc của nàng Kiều để nói về đời mình<sup>(1)</sup>

3. Thời kháng chiến: Ngày Toàn quốc Kháng chiến chống Pháp, Bùi Giáng đúng 20 tuổi. Vậy ông làm gì? Chẳng nhẽ chỉ chăn dê và làm thơ?

---

<sup>(1)</sup> Nguyễn Minh Sơn, báo *Người Lao Động*, sdd.

Chúng tôi chưa thêm hai điều:

a) Mười lăm năm là cái “khớp” trong đời Bùi Giáng: mười lăm tuổi, rời thôn ấp về “thành phố” Huế, mười lăm năm sau, đất nước chia đôi, rồi 1969, vào đường tri viện Biên Hòa, v.v... Ông có bài thơ *Mười Lăm Năm*:

*Mười lăm năm ngọn tử phần*

*Mù sương cổ quận chín tầng tầng rơi.*

Linh cảm, có thể quan hệ với thân phận Thủy Kiều.

b) Tâm sự u uất: Bùi Công Luân xác nhận điều này, khi Bùi Giáng rời gia trang ở Thanh Châu miền trung du Trung Phước chán dê: “Đường như anh muốn xa lánh trốn tránh, thậm chí đoạn tuyệt với một cái gì đó. Có thể là một quá khứ với những kỷ niệm không phai. Có thể là một đoạn đời với nhiều bảo giồng còn âm ỉ”.

Bùi Giáng có thơ:

*Người điên mang một mối buồn*

*Chưa bao giờ biết cội nguồn từ đâu.*

(*Một Lần Nàng Tiên*)



Theo nhà thơ Tường Linh, Bùi Giáng trong khoảng một năm, có đi bộ đội, thời đó là Giải phóng quân.

Ngoài ra Bùi Giáng trong lúc “*vui lòng cõi mờ*” ở dưỡng trí viện Biên Hòa tháng 5-1969, có kể với các bác sĩ trong viện: “*Trong thời trai trẻ, đi kháng chiến, một chiều nọ, mệt, đói, anh đang lê từng bước một với chiếc ba lô khá nặng sau lưng, thì vừa quẹo một đường mòn, anh chợt thấy một thiếu nữ thiếu số đang giặt áo bên bờ suối, anh vừa ngừng chân thì “Bông hoa rừng” nọ cũng vừa ngừng tay giặt, mỉm cười với anh và niềm nở hỏi chào anh. Anh tưởng mình như đang lạc vào suối Đào Nguyên, và hình ảnh này vẫn không phai trong tâm khảm anh. Đó là phần Cô em Mọi nhỏ; còn Hoàng hậu Nam Phương thì đến với anh trên một bao thư: người mẫu nghi thiên hạ này, sau anh có gặp lại ở Huế - lần này, người thiệt, chứ chẳng phải là một con tem thư - nhưng thực và mộng vẫn không sai biệt.”<sup>(12)</sup>*

Đoạn văn được trích dài, đều quy chiếu về một chi tiết trong tiểu sử mà các tài liệu khác không đề cập, và trong chừng mực nào đó giúp ta hiểu thêm về hình ảnh người đàn bà - rất nhiều đàn bà - trong thơ Bùi Giáng.

\*

\*   \*

1952 - 1960: về vùng “quốc gia”, Bùi Giáng vào Sài Gòn lập nghiệp, dạy Pháp văn và Việt văn cho nhiều trường tư thục: Tân Thịnh, Vương Gia Cẩn... và gửi thơ đăng báo.

---

<sup>(12)</sup> *Thơ Diên*, Nxb Ki-Gob-Jô-Ci, *Thái Bình Diên Quốc*, năm Chó 70, tr. 81, 1970, Sài Gòn. Sách do các bác sĩ dưỡng trí viện Nguyễn Văn Hoài, Biên Hòa, thực hiện, 140 trang khổ 16x24 cm.

Ông cư ngụ tại đường Trương Tấn Bửu, nay là Trần Huy Liệu, gần chợ Trương Minh Giảng, cùng với các em, trong một *ngôi nhà giữa vườn cây vú sữa*<sup>(13)</sup>. Võ Phiến, ở gần đó, thường lui tới. Có lần Bùi Giáng chiêu đãi Đinh Hùng tại nhà, mời ăn mì Quảng, nhưng tại một căn nhà đường Dixmude, Đề Thám, theo lời kể của Mặc Thu<sup>(14)</sup>.

Mì Quảng là món ăn quê hương mà ông tự hào và ưa thích. Có lần tuyên bố: *"Ta ăn hai ngàn tô mì Quảng nữa ta chết"*<sup>(15)</sup>

Thời gian dạy học, ông đã soạn 6 cuốn sách giáo khoa, do nhà Tân Việt ấn hành, về Bà Huyện Thanh Quan, Lục Vân Tiên, Kiều (1957), Tản Đà, Chu Mạnh Trinh, Tôn Thọ Tường và Phan Văn Trị (1959), và một số sách giáo khoa khác, chủ yếu cho học sinh cấp hai.

1960-1975:

1960: xuất bản *Tư Tưởng Hiện Đại*, biên khảo về tư tưởng Phương Tây, chủ yếu là Chủ nghĩa Hiện sinh đang thời thượng. Có thể xem như là sáng tác đầu tay quan trọng.

Dường như từ thời gian này ông mới học tiếng Đức, bắt đầu đọc Heidegger, do ảnh hưởng nhóm Phật giáo Vạn Hạnh với Thượng tọa Thích Minh Châu, Tuệ Sỹ, và Phạm Công Thiện. Hai cuốn về Heidegger, in 1963, trích nhiều tiếng Đức.

1962: xuất bản tập thơ *Mưa Nguồn*, có bài làm từ 1950, thời chần dề. Có lẽ *Mưa Nguồn* là tập thơ đầu tay và giá trị nhất của Bùi Giáng. Liên tiếp, năm sau, là 4 thi phẩm: *Lá Hoa Cỏn*, *Ngàn Thu Rớt Hột*, *Màu Hoa Trên Ngàn* và *Sa Mạc Trường Ca*.

(13) Viên Linh, *Khởi Hành*, số 25 bdd, tr. 23.

(14) Mặc Thu, *Khởi Hành*, số 25, tr. 25.

(15) Trần Hữu Cư, báo *Thời Văn*, bdd, tr. 71.

Đường như sau đó có thời gian ông về ở chùa Phát Hội, một trung tâm nghiên cứu Phật học, tiền thân của Đại học Vạn Hạnh, với Nhất Hạnh, Tuệ Sỹ, Phạm Công Thiện,...

1965: chiến tranh leo thang. Cùng với nhóm trí thức Nhất Hạnh, Hồ Hữu Tường, Tam Ích,... Bùi Giáng tham gia kêu gọi hòa bình. Đường như đây là hoạt động chính trị chính thức duy nhất trong đời Bùi Giáng. Nhưng lá thư gửi René Char của Bùi Giáng chỉ nói đến hòa bình chung chung.

Thời gian này ông chú tâm dịch sách, xuất bản 13 dịch phẩm, nhiều nhất là Camus. Kịch bản *Ngộ Nhận* (le Malentendu) xuất bản 1967, đã đăng trên báo *Bách Khoa* từ 1963, và Bùi Giáng yêu thích Camus từ lâu. Đường như đôi bên có trao đổi thư từ.

1969: xuất bản 10 tác phẩm trong một năm, chủ yếu về thơ.

Đồng thời xảy ra tai nạn lớn: một hỏa tai thiêu rụi căn gác ông ở và chứa sách, trong một ngõ hẻm trên đường Phan Thanh Giản, bây giờ là Điện Biên Phủ. Căn gác này do tu sĩ Thanh Tuệ, chủ nhà xuất bản An Tiêm, thuê cho Bùi Giáng ở, chứa nhiều tư liệu và rất nhiều sách Pháp, Anh, Đức, Hán, có ghi chú. Hỏa hoạn xảy ra khoảng 3 giờ chiều, trước đôi mắt bất lực của Bùi Giáng và Thanh Tuệ, thiêu rụi tư liệu, bản thảo, và sách tặng của Camus, dường như có cả sách tặng của Heidegger.

Bùi Giáng, cuồng nhẹ từ trước, nổi cơn điên, được gia đình đưa vào dưỡng trí viện Biên Hòa đầu tháng 5-1969. Theo các bác sĩ của viện: “*Người cầm bút cô độc này, bệnh đã chuyển từ cuồng nhẹ sang cuồng nặng*”<sup>(16)</sup>. Không biết bệnh có di truyền hay

---

<sup>(16)</sup> *Thơ Diên*, sdd, tr. 80. Giám đốc dưỡng trí viện là Tô Dương Hiệp, con trai nhà văn Bình Nguyên Lộc. Bác sĩ chuyên trị Bùi Giáng và thân thiết, là Nguyễn Tuấn Anh.

không, vì thân sinh ông cũng bị cuồng nhẹ, theo lời người địa phương “*Thân sinh ông Bùi Giăng là ông Bùi Thuyên, thường gọi là Cửu Tỷ. Ông Cửu Tỷ cũng là một người... điên, hàng ngày thường làm bộ cưỡi ngựa bằng mo cau đi từ làng Trung Phước đến làng Cà Tang đọc thơ, làm câu đối và đặc biệt ông này rất thích chọc ghẹo... các cô gái có nhan sắc!*”<sup>(17)</sup>

Ra khỏi dưỡng trí viện, Bùi Giăng sống lang thang nay đây mai đó. Từ đầu năm 1973, ông dọn về khu nội xá của Đại học Vạn Hạnh, đường Trương Minh Giảng, có phòng riêng ở lầu 3. Thời gian này Bùi Giăng thỉnh thoảng có dự những buổi đàm luận chính trị với nhóm trí thức chủ hòa thời đó: Nguyễn Đăng Thục, Tuệ Sỹ, Ngô Trọng Anh... Nhưng vẫn ăn ngủ đó đây và biểu diễn nhiều trò lạ mắt trong y phục thùng thình trên hè phố Sài Gòn. Thân hữu và gia đình vẫn ồ ạt xuất bản sách cho ông. Tạp chí *Văn* đã ra một số đặc biệt Bùi Giăng tháng 5-1973, và Mai Thảo, phụ trách tờ báo giải thích về sau: “*Phải làm cái gì về ông. Để ghi nhận lại.*”

Mai Thảo còn kể tiếp: “*Chưa biết tìm Bùi Giăng ở đâu, thì thi sĩ bất ngờ ghé thăm tòa soạn. Ông chỉ còn là da bọc xương trong quần áo thùng thình, mái tóc dài đạo sĩ, cái túi vải còn thêm cây gậy (...)* *Mấy tháng trước biến cố 1975, chỉ thỉnh thoảng nghe thấy ông vẫn lang thang đây đó, một quán này, một bãi hoang kia, ngủ bất cứ ở đâu*”<sup>(18)</sup>

1975 - 1998: sau 1975 bệnh cuồng trầm trọng thêm, dù rằng vẫn có lúc ông sáng suốt. Sống nhờ bạn bè và trợ cấp của gia đình từ nước ngoài. Có lúc ở nhờ chùa Già Lam, xóm Gà, Gia Định.

---

<sup>(17)</sup> Nguyễn Minh Sơn, báo *Người Lao Động*, sdd.

<sup>(18)</sup> Mai Thảo, tạp chí *Văn*, số 26, tháng 8-1984, California, in lại trong *Hợp Lưu*, số 44, tháng 12-1998, tr. 15-16, California.

Từ 1985, về ở với gia đình người cháu gái, đường Lê Quang Định, quận Bình Thạnh. Vợ chồng người cháu giúp Bùi Giáng định cư và định tâm, an dưỡng và sáng tác, đến ngày cuối đời. Hiện gia đình này còn giữ nhiều di cảo.

Từ 1992, tâm trí có phần ổn định, Bùi Giáng làm nhiều thơ trong năm 1993. Sau đó sáng tác cầm chừng, vẫn làm nhiều thơ.

1996 về thăm lại “Cố Quận” Quảng Nam khi đã 71 tuổi.

7-10-1998 (ngày 17 tháng Tám năm Mậu Dần): Bùi Giáng mất tại Sài Gòn vì bị tai biến mạch máu não.

Đêm 23-9, ông có uống rượu, trượt té và rơi vào hôn mê sâu. Giải phẫu tối 25-9, nhưng ông vẫn hôn mê, cho đến 14 giờ ngày 7-10 thì qua đời.

Tang lễ được tổ chức trọng thể tại chùa Vĩnh Nghiêm. Khoảng 600 người, phần đông là thanh niên, sinh viên đến canh thức, ngâm thơ. Một đám tang nhẹ nhàng, nhắc lời ông thường nói, đề đề: “Vui thôi mà”.

11-10-1998: an táng tại nghĩa trang Gò Dưa, Thủ Đức.

Hiện nay Bùi Giáng còn 10 tập thơ và dịch phẩm chưa in.

*Sơ Thu Quí Mùi*

## II.

# **Xin chào nhau giữa con đường**

---

*Xin chào nhau giữa con đường  
Mùa xuân phía trước miền trường phía sau.*

II

Xin chào giữ KỶ MÃO



## LẠI MỘT NHÀ THƠ ĐỘC ĐÁO<sup>(\*)</sup>

Ngày xưa, khi còn bé, tôi sống gần anh Bùi Giáng, sau này trở thành nhà thơ, trong Nam nhiều người biết. Anh tính nét thất thường, tư tưởng lăm lức kỳ dị, nên có người gọi anh là nhà thơ điên. Anh giỏi nhiều thứ, văn học, triết học, ngoại ngữ, tất cả đều ở mức uyên thâm. Từ ngày còn đi học, anh cũng đã giỏi tiếng Pháp. Nguyên nhân là do năng khiếu một phần, nhưng một phần có lẽ nhờ anh đã dùng một biện pháp đặc biệt: anh thường xuyên viết thư tình bằng tiếng Pháp (tôi có đọc trộm được một số) để gửi cho một cô rất giỏi tiếng Pháp mà anh theo đuổi.

Về sau, qua những sách anh viết và dịch tôi biết anh còn giỏi cả tiếng Anh, tiếng Đức, chữ Hán, và nghe đâu cứ mỗi lần học một thứ tiếng nào anh lại tìm được một người đẹp giỏi tiếng ấy để theo đuổi bằng những lá thư tình viết bằng thứ tiếng đương học.

Sau này, gặp lại, có lần anh hỏi tôi (khi ấy chúng tôi còn đương trẻ):

- Ngoại ngữ của mày đến đâu rồi?
- Chỉ làng nhàng thế thôi.
- Thế mày có theo cách của tao không?
- Chịu, không theo được.

---

(\*) Bài trích từ tác phẩm *Bài toán cuộc đời* của Bùi Tuồng, in theo *Đặc san tưởng niệm thi sĩ Bùi Giáng* do nhóm thân hữu Quảng Nam Đà Nẵng thực hiện, lưu hành nội bộ.

Bùi Tuồng – em ruột nhà thơ Bùi Giáng.



- Đã biết mà! Những đứa đại gái như mày định theo đuổi ai là lập tức chết mê chết mệt vì người đó, như vậy còn đầu óc đâu mà suy nghĩ về chữ nghĩa văn chương!

Tôi im lặng. Được thể, anh tiếp tục:

- Chúng nó bảo tao điên. Nhưng tao hỏi: giữa mày và tao, một đứa đứng trước gái đẹp là hồn xiêu phách lạc, mất hết trí khôn, áp a áp úng không nói được nên lời, còn một thằng thì tỉnh táo sáng suốt đường hoàng, nhờ vậy mà tìm được ở người đẹp một nguồn cảm hứng dồi dào, một sức cổ vũ lớn lao trên con đường học hỏi và phụng sự nhân quần. Như vậy là tao điên hay mày điên?

Tôi chịu không trả lời được đành dấu dùi:

- Nếu tôi điên, thì mọi người đều điên như tôi, còn nếu anh điên thì có ai điên được như anh đâu?

Anh suy nghĩ một lúc rồi khe khẽ gật đầu:

- Ừ, mày nói phải.

\*

\* \*

Những cuộc nói chuyện giữa chúng tôi thường diễn ra theo kiểu đó: sau khi đánh đòn phủ đầu anh rút lui để bảo toàn danh dự cho đối phương. Không ai giận anh bao giờ. Sống giữa thị thành anh như đi trong giấc mơ. Anh thích trẻ con, kể cả loại “bụi đời”, và ra đường thường bị chúng nó “trấn lột không còn manh giáp”. Vì vậy đôi khát là chuyện hằng ngày. Sống đến ngày nay, là nhờ bạn bè ở gần và những độc giả mến mộ thơ anh. Giữa đời anh yêu một người đẹp như yêu một nhân vật tiểu thuyết, như những nàng tiên trên trời, thậm chí như yêu một bóng ma, thêm một bằng chứng để nói rằng anh điên thật, chứ không phải giả vờ

như người ta đã nghĩ. Có điều, như nhà thơ Nguyễn Quang Sáng đã viết<sup>(1)</sup>: “Bệnh điên của anh là bệnh điên thi ca, nó không gây ra những hành động phá phách hung dữ khiến chúng ta sợ mà rớt vào hồn ta những vẩn thơ nhân ái ngọt ngào”. “Anh là một người biết yêu thương thành khẩn mặt đất này. Yêu và nhớ nó tha thiết đến độ điên đảo. Điên đảo để càng yêu càng nhớ nó thiết tha”. (Trịnh Công Sơn)<sup>(2)</sup>

\*

\*   \*

*Bỏ trắng gió lại cho đời  
Bỏ ngang ngựa sóng giữa lời hẹn hoa  
Bỏ người yêu, bỏ bóng ma  
Bỏ hình hài của tiên nga trên trời  
Bây giờ riêng đối diện tôi  
Còn hai con mắt khóc người một con.*  
(Mưa Nguồn)

---

<sup>(1)</sup> Văn nghệ, Đặc san số 2, 1972.

<sup>(2)</sup> Văn nghệ, số đã dẫn.

(BT chủ theo Đặc san tưởng niệm thi sĩ Bùi Giáng, sdd).

## BÙI GIÁNG, NHÀ THƠ CỦA NGÀY THÁNG NGAO DU<sup>(\*)</sup>

Thi sĩ Bùi Giáng đã ra đi. Cuộc rong chơi rất đổi tài tình của ông rồi cũng tạm ngưng. Ngưng phần hình. Phần hồn hãy tiếp tục tồn sinh cùng sử lịch qua tác phẩm của ông và chính cái sống rất mực Bùi Giáng nơi ông. Bùi Giáng giờ đây đã thông dong bỏ chân xuống tháng ngày một cuộc lữ tào nhã khác, cho riêng một đời thiêng Hoàng hạc.

Bùi Giáng đã trải một cánh bay dài mệnh mông chiếc bóng trong bầu trời Thi ca Việt Nam nửa thế kỷ qua. Có thể mai kia, khi thần thái xã hội bình an hơn, việc thẩm định những giá trị được công bằng, trường hợp Bùi Giáng sẽ lại được lật qua lật về tự do, nghiêm túc hơn.

Tôi viết bài này như một tri ân đối với những gì Bùi Giáng lưu dấu nơi tôi.

### \* Đòi điều phân vân thừa trước

Hiểu về Bùi Giáng là khó; viết về ông thật vô cùng khó; nhất là Cõi Thơ riêng ông. *"Lâm thơ chỉ là một cách điu ba đào về chân*

---

(\*) Bài in theo Đặc san *Hợp Lưu* số 44, tháng 12/1998 tháng 1/1999.  
Cung Tích Biên – nhà văn, quê ở Quảng Nam, hiện sống ở Sài Gòn.

*trời khác*". Bùi Giáng từng nói như thế. Nhưng tùy nghi vào thể điệu rong chơi ngôn ngữ của Bùi Giáng thì nó không hẳn thế. Ba đào, chân trời? Hay Ba chân trào đời? Ba đời trào chân? Hay chân, trời, ba, đào? Hay chân-trời-ba-đào? Diu ba đào về chân trời? Hay làm thơ là diu chân trời về ba đào? Một trôi giạt đến mênh mông, ngay từ thể sự ngữ ngôn. Thật khó cho cách thơ và cách nghĩ của người viết về ông - dù thơ đủ kiểu và nghĩ ngợi ngay trong lúc chiêm bao.

*Em về giữ áo mù sa*

*Trút quần phong nhụy cho tà huy bay<sup>11</sup>*

Đây là câu thơ đẹp ở nhiều góc độ, nhưng nó rất có... vấn đề. Với một số nào trạng thì nó rất mông lung, người đọc sẽ không nắm rõ chủ đích của tác giả như khi đọc câu: *"Nếu anh sản xuất tãng gia, là em thu hoạch bò gà sản khoai"*, Cái gì là áo mù sa? Và ta vào supermarket nào để tìm cho ra cái phong nhụy quần? Do vậy, viết về Bùi Giáng không phải cho quan nào cũng đọc.

Trong *Lễ Hội Tháng Ba* Bùi Giáng chỉ ra một con đường không có bốn bên mép rìa: *"Đó là tiếng nói Tinh Thể Uyên Nguyên của thơ: Thy Sĩ đã bước vào Vòng Tay Rộng Rãi của Thiên Nhiên, và cuộc tiến nhập đó đã đặt người Thy Sĩ trong Cõi Nguồn Tinh Thể của mình"*. Đây là một đoạn viết hoa gấm nhưng dễ hiểu về mặt trực nhận. Nó hãy còn xôn xao dưới lớp từ ngữ kia những ẩn nghĩa rất cần thiết tìm ra để lý giải cho tận ngọn nguồn. Nó lại đòi hỏi một song trùng tính luận về Thiên Nhiên - Nhà Thơ, Tinh Thể - Tập Ngoại Thực Tại, Biến, Dịch... sau cùng

---

<sup>11</sup> Thơ văn Bùi Giáng được trích từ *Mưa Nguồn, Đường Đi Trong Rừng, Mùa Thu Thi Ca, Lễ Hội Tháng Ba, Sa Mạc Trường Ca, Biển Đông Xe Cát, Trắng Châu Thổ. Ngày Tháng Ngao Du, Rong Rêu, Đêm Ngắm Trăng*, và những bài thơ sau cùng chưa in thành thi tập.

là mối “liên hệ, phân hủy, lập dựng”, giữa Những-Cái-Tôi trong một Vũ Trụ Riêng Tôi.

Quả thật, viết về Bùi Giáng là tôi làm cái việc chỉ vào cục gạch mà bảo rằng đây là Như Lai phụ nhân.

### 1. Bùi Giáng – Vài nét chân dung

Bùi Giáng sinh thời có một khuôn mặt kỳ dị với một cặp mắt của rắn. Nó tròn vành vạnh, sắc sảo; khi Bùi Giáng nhìn tự nhiên là rất thông minh hiền từ; khi trừng trừng chú mục nó biểu lộ một tinh lực rực lửa, kỳ bí; nó có hai màu đen trắng quấn nhau, như cái hình vẽ biểu tượng cho thái cực; đôi mắt ấy luôn rực sáng, như hai vì sao; nó là cái lò luyện đan để tất cả lời thơ phi phạm bốc khói mây.

Ông có nụ cười khá băng lãnh, tha thứ; một giọng nói hiền hòa, không phân tranh. Hai đặc trưng này họa ra một Bùi Giáng trọn một đời phiêu bồng, ngoài Cõi, không tơ hào đến mây may danh vọng quyền lực, không vợ con, không mái nhà; ông sống tha thiết với cuộc đời nhưng thường trực ngay ngã ba ngã tư những con đường lem luốc bụi giăng hồ; dù thơ ông rất trang trọng, tri huệ.

Lý Bạch xưa đã từng uống rượu của triều đình, Đào Tiềm đã lờ ra làm quan sau mới Qui khứ lai từ. Bùi Giáng không hẳn đã hơn Đào Tiềm, Lý Bạch nhưng ông không giải quyết bế tắc như Khuất Nguyên mà ông thanh thản rong chơi, kịch liệt đùa rôn, luôn thông thái đối mới cách chơi ngày ngày, nguy nga tạo dựng một nhân sinh quan rộng tỏa trên mọi nẻo đường tư tưởng; mãi tràn lan cuộc vui cùng nhân gian thoáng rộng năm dài.

Như chúng ta, ông vẫn có nỗi buồn, vẫn nghe trong hương thời gian hắt hiu nỗi đau, vẫn sống vào một thời đạn bom - đạn

bom tiếng nổ và đạn bom của lời; đạn bom thâm họa hiểm nghèo và đạn bom thương nhớ - nhưng ông đã gởi cuộc đời mình vào cái thế giới huyền nhiệm của Thi ca, đã “tàn dưới nguyệt” cho trò chơi riêng của mình. Ông cũng đã, như chúng ta được ân sủng và cùng lúc chịu tác hại từ thánh nhân, sách vở, tư tưởng, đạo lý, nhưng ông đã minh triết hóa giải nó vào một cuộc Điện, Một thế giới điện của nung nấu lửa tam muội, của bên kia bí ngạn. Một lễ Trung Dung trác tuyệt, trong cái Điện. Bỏ nhằm cuộc đời xuống nhân loại buổi ấy chỉ có tả và hữu, ta và thù, chiến tranh là thường trực, hòa bình chỉ là một nhịp thở ngắn ngủi, Bùi Giáng đã có một thần thái đỉnh đặc để ngắm về nó, xem như bóng mây.

Sống giữa đời, ông có khả năng lấy mật đắng ót cay làm ngọt. Ăn cơm để thiêu nguội rất nhiều ngày. Ông ăn chè ngọt nấu cả với tương chao, nêm vài con mắm. Ông nổi tam bành lúc người đời lẽ ra nên cười, được phúc đặc lợi. Ông rất vui với những ngày chói lòa ánh dương trong một thị thành mà nhìn xe cộ tưởng hươu nai: *Buôn phố thị cũng xa bay như gió/ Cộ xe nhiều cũng nhảy bổng như hươu/ Bờ cõi dựng em xuân xanh còn đó/ Bến đào nguyên anh khoác áo khinh cừ.* Ông lạ sinh hoạt đời thường, lạ trong thi ca, tư tưởng. Ông rất đổi cô đơn tự họa đây; vậy cuộc chơi múa hát chỗ vô thanh, đùa giỡn quỷ thần, tương đặc kẻ ở [dưới - BT] mộ, nhớ nhưng người sẽ tới. Ông trào lộng tuyệt cùng giữa bi đát, siêu thoát ngay giữa một tồn sinh tinh mật. Nói chung cuộc sống của ông khá bí ẩn và kỳ dị.

## 2. Bùi Giáng - Những giai thoại tiêu biểu

Đã có rất nhiều giai thoại, huyền thoại về ông; vô số được thố gian tô bồi sau này, khó minh xác thực hư. Xin lại rai vài chuyện tiêu biểu.

*Chuyện thứ nhất.* Xưa kia ở Quảng Nam, quê chúng tôi, người ta kể rằng khi còn trẻ Bùi Giáng đã có vợ. Vợ sớm qua đời. Hôm tắm liệm, ông nhờ người hàng xóm làm thịt 21 con gà. Ông thành tâm bỏ thịt con gà còn sống vào quan tài tắm liệm người vợ thân yêu. Họ hàng thấy quái. Bèn can ngăn. Ông bảo: “*Vợ tôi ưa ăn thịt gà, nay có thể lên thiên đường hoặc xuống địa phủ chi đó, thịt gà đâu ăn*”. Câu chuyện trên là hoàn toàn khó tin. Bịa đặt, phao tin đồn nhảm, gia đình người ta kiện cho. Nhưng cái tuyệt hảo ở đây là người đời rất dối yêu ông, giai thoại trên như phóng họa phần nào những quái ảnh kỳ tâm nơi một Bùi Giáng lắm điều xem ra bất khả tư nghị. *Bà đi thể diện bước ra/ Tay khăn tay áo là hoa thêu thùa/ Bà về cỏ rậm dậu thưa/ Đêm tàn cấm nguyệt chiều trưa lâm tuyết.*

*Chuyện thứ hai.* Vào đầu thập niên sáu mươi có lúc ông đi dạy Việt văn ở trường trung học tỉnh lỵ. Một hôm giảng *Truyện Kiều*, đến chỗ nàng Kiều phải hồng trần lưu lạc, thầy Giáng khóc òa. Khóc vỡ tan. Nhảy phóc qua cửa sổ lớp học, băng bộ ra bến xe, về Sài Gòn. Học trò nam nữ ngồi chờ mãi, tưởng thầy đi đâu đó sẽ trở lại. Trên bàn sách vở, bao thuốc lá hãy còn. Hóa ra thầy “bay” luôn, bỏ lớp bỏ trường, bỏ cả tỉnh lỵ nhiều năm sau. Hôi hà có. Thầy ngậm ngùi nói mẩn rằng trở lại nơi Em Kiều đã một lần hy sinh cho cái trò chơi nhân gian kỳ ảo chỗ liên tồn.

Nguyễn Du xưa kia đã một lần than thở “*Địa địa xứ xứ giai Mịch La*”<sup>(2)</sup>. Bùi Giáng hôm nay cũng có thể.

Sau này, đọc *Mùa Thu Thi Ca*, đoạn nói về *Đoạn trường tân thanh*, ta thấy ông viết:

---

<sup>(2)</sup> Trên mặt đất này đâu đâu cũng là dòng Mịch La.

*“Nguyễn Du không kinh hoàng nhảy lui. Cũng không bị tấu hóa nhập ma rú lên một tiếng như Zarathustra also sprach. Ông đậm nhiên làm Nam Hải Điều Đồ. Kể câu cái gì tại Nam Hải?”*

*Đáp cho câu hỏi ấy, ta mượn một câu thơ Phùng Khánh:*

*Con làm Nam Hải Điều Đồ*

*Ngồi câu con Cá Hư Vô Tâm Hồn.*

*Tự trung mỗi phen sờ mó vào Kiều nhi, vừa chạm tới những tuyệt diệu từ làng dâng phù động kia, chớm gặp Xuân đã ngộ phải Thu, vừa ước hỏi ra Thu đã vấp phải Đông Phong Thanh Hạ, vừa tân thanh ngâm bài đã trường đoạn thê nhiên, chợt mới hội thương tình đã hốt bách cảm sinh, mới vừa mơ màng nhìn Hồng Lĩnh vân phong đã giật mình nghe ra Tiền Đường triều tiêu, chưa kịp qui ẩn kinh, đã bàng hoàng với phiến oan thanh. Bỏ ra Nam Hải buông câu chỉ bắt được Hư Vô Con Cá...”*

*Chuyện thứ ba. 1975. Thời của thu vàng một loáng hóa rừng phong hoang hồng, xao xác đến muôn trùng số mệnh con người hoa cỏ. Tôi có dịp lai rai sống với Bùi Trung Niên Thi Sĩ. Thuở ấy đói kinh. Người người tăng gia, nhà nhà sản xuất. Cuộc đào cả lẽ đường hè phố, vườn biệt thự, trồng luống khoai hàng sắn. Cây xói nát bộ não vì cái ăn, cái đi - Ở. Tâm linh màu chì. Một hôm chúng tôi đang đi long nhong gần nhà thờ Ba Chuông kiếm vài chung quốc lủi, Bùi Giáng bồng nói: nè cha, ta về nhà chút đã. Tôi hỏi về mần chi. Ông bảo cho heo gà ăn chó không tụi nó chết. Hóa ra thi sĩ cũng tăng gia sản xuất. Về nhà - trong hẻm, gần cửa xe lửa số 6 - đã thấy ngay trước hàng hiên có mấy con... heo đất, mấy con vịt nhựa - loại được khoét một đường rãnh trên lưng, để bỏ tiền tiết kiệm. Chúng được đặt trong rọ, hoặc úp bằng những cái rổ sàng hoang, như heo gà thật. Bên con heo đất hãy còn mấy cọng rau tươi, nơi gà vịt nhựa có dăm hạt gạo vung vãi. Một người bà con*



nói nhỏ với tôi: “Phải chăm sóc cẩn thận, ảnh về thấy heo gà không có thức ăn ảnh khóc”.

Trên đây, ba giai thoại tiêu biểu về mỗi Bùi Giáng.

Giai đoạn đầu, thuở liệm vợ bằng thịt gà sống đã phơi pha hoang đường, định mệnh chỉ ra ông sẽ là một hiện tượng kỳ vĩ, khác người. Một cái Diên đang hăm he cái Tỉnh. Một Muôn Điều Tài Hoa sẽ vùi chôn người Bùi Giáng thường tình. Cuộc điều linh sẽ gạn lọc, phiên dịch, phơi bày ông ra giữa trận đồ hoang vu nồng cháy của Phố Thị Đìu Hiu, của Mù Sa Cổ Quận. *Sông ơi em bỏ sa mù/ Đi thiêm thiếp cõi quân thù gọi nhau/... Một đời lận đận do rồi đếm/ Mỗi gối người đi đứng lại ngồi.*

Giai thoại thứ hai nhằm vào thời ông rời quê nhà - xứ Trung Việt nơi ông đã từng chăn dê; đã lừa bò vào đồi sim trái chín - để vào Sài Gòn; là khởi nguyên nơi ông mùa tinh hoa tụ hội: Thi tập *Mưa Nguồn* chào đời. *Xin chào nhau giữa con đường/ Mùa xuân phía trước miên trường phía sau.* Sau đó là những tuyệt phẩm: *Lá Hoa Cỏn, Ngàn Thu Rớt Hột, Mùa Thu Thi Ca, Đường Đi Trong Rừng, Suong Tỳ Hải, Sa Mạc Phát Tiết, Sa Mạc Trường Ca, Trăng Châu Thổ, Lễ Hội Tháng Ba, Suong Bình Nguyên, Biển Đông Xe Cát, Lối Cổ Quận, Ngày Tháng Ngao Du* v.v... Ông dịch vô số tác giả từ Đông chí Tây, cổ kim; dịch rất tài hoa thông suốt, như *Hoàng Tử Bé, Ngộ Nhận, Khung Cửa Hẹp, Kim Kiếm Điều Linh, Hòa Âm Diễm Dã* v.v...

Sức diên, sức rong chơi, sức đọc, sức làm việc của Bùi Giáng là vô cùng tận. Ông là tượng trưng cho sự nhạy cảm, sự thông minh thoáng đạt, và sự bất định, bay bổng. Đây là tai họa tự chính ông - tự dọa đầy trực diện. Lúc này ông đã là một hấp lực kỳ vĩ với người đọc. Đọc ông là si mê mơ màng, là lơ đãng tìm ra thuốc chữa cho một căn thiết thoát ly, đối kháng, chối từ, tái thẩm

định. Là diu dặt vào hương vị đắng cay mật ngọt thời hoang hóa  
hòn đạn làm nổ trái bom, điều linh giữa tồn sinh phân hủy, giữa  
gươm đao đang thừa mà hụt hao nhân ái. Là chiến đấu thoát vượt  
cuộc khốn vây công bằng tự do; một xô bồ rừng rú tư tưởng; một  
trần gian xanh đen đến tiêu hao, phân ly chính mình. *Bờ Lúa* của  
Bùi Giáng.

*Em chết bên bờ lúa  
Để lại trên đường mòn  
Một dấu chân bước của  
Một bàn chân bé con*

*Anh qua miền cao nguyên  
Nhìn mây trời bữa nọ  
Đêm cuồng mưa khóc điên  
Trắng cuồng khuya cuốn gió  
Mười năm sau xuống ruộng  
Đếm lại lúa bờ liền  
Máu trong mình mòn rỗng  
Xương trong mình rã riêng*

*Anh đi về đô hội  
Ngó phố thị mơ màng  
Anh vùi thân trong tội lỗi  
Chợt đêm nào gió bờ nọ bay sang.*

Giai thoại thứ ba là hiển thị cuộc hí lộng đã dặt diu thi sĩ  
chơi với đồ nhựa vô tri. Ký gởi sự sống trên những “con-vật-  
không-có-sống-không-có-chết”, là lúc ông xấn tới tột đỉnh đất trời  
đổ lộn nguyên khê. Ông tỉnh táo trong một trạng thái dặt biệt của  
người điên. Ông sắp xếp cái Điên theo cách người tỉnh. Cái điên  
phản nào giúp ông siêu thoát. Nhưng cũng đặc biệt dọa dầy cho

ông là chính ông ý thức về cái điên của mình: *Xuống sông xuống biển hải hùng/ Mà không thể giết được linh hồn mình/ Trãi bao nhiêu trận bất bình/ Cuồng điên tôi tự giết mình tôi chơi. Là tự hiểu: Tôi từ khỏi sự cuồng điên/ Tôi từ uống rượu triền miên tháng ngày/ Hết la tháng rộng năm dài/ Tình yêu tiêu diệt từ ngoài tử sinh.*

Khoảng đầu thập niên 70 có lần người ta đưa ông vào nhà thương Biên Hòa chữa cái bệnh đứng ngã ba nhìn ra ngã bảy. Từ nhà thương điên trở ra, bữa gặp nhau thấy ông rất tỉnh, bèn hỏi một câu thường tình: *"Nhà thương điên Biên Hòa trị cái tẩu hỏa hay hí!"*. Ông trả lời tỉnh queo: *"Chữa trị quái gì đâu. Chẳng là ở ngoài mình thấy mình điên số một, khi vô nhà thương điên mới hiểu ra mình là đồ bỏ, điên nhí, điên tiểu thủ công nghiệp; trong nhà thương điên nhiều cha điên thượng thừa, điên vĩ đại hơn mình nhiều. Do vậy mà mình tự động thôi điên".*

Có thể Bùi Giáng chẳng điên. Thiên địa nó tẩu hỏa nhập ma; chính thái cực lưỡng nghi nó lôi ông vào trận địa gây cản tà huy. Hãy đọc một đoạn nhỏ trong *Mùa Thu Thi Ca*, sau khi nhà thơ dứt phèo phổi được tin Marilyn Monroe đang lộng-lấy-một-tòa lại tự động chuyển-sang-từ-trần bên trời Tây:

*"Mọi Nhỏ - Tại sao chị tự tử*

*Monroe - Tại vì chị là người da trắng. Huống hồ nữa là...*

*Mọi Nhỏ - Là sao huống nữa?*

*Monroe - Huống nữa là màu da trắng của chị còn trắng hơn tất cả màu da của mọi người da trắng khác.*

*Mọi Nhỏ - Thế nghĩa là màu da trắng của chị đã đạt quai nhai cảnh giới của lô hỏa thuần thanh thánh thần thiên tiên liên tồn tố bạch?*

*Monroe - Nhiên*

*Mọi Nhỏ - Sao gọi là liên tôn tổ bạch?*

*Monroe - Tổ bạch là tách bộ.*

*Mọi Nhỏ - Còn liên tôn? Cũng đồng nghĩa với tôn liên chẳng?*

*Monroe - Nhiên”.*

Sau, chết rồi mà em Monroe lại gặp tình cờ em Mọi Nhỏ. Mọi Nhỏ lúc này đã dẫn mình một cách nhiệt huyết vào trung tâm điểm lửa đạn chiến tranh Việt Nam. Monroe ngậm ngùi hỏi:

*”Monroe - Chị tự tử đã đành. Sao em cũng tự tử? Em ở trong rừng mát mẻ, em tự tử làm gì cho phí mất màu da bỏ quân bánh mật của em như thế?*

*Mọi Nhỏ - Em đâu có tự tử. Chính là thật ra cái hòn đạn nó tự tử em.*

*Monroe - Hòn đạn nào như thế?*

*Mọi Nhỏ - Hòn đạn hoặc trái bom gì đấy. Nó nổ một trận tam bánh. Nó tự tử mất em, đồng thời với cái trường đào thơ mộng chiều hôm qua.*

*Monroe - Sao em không dòi đi nơi nào ẩn trú, lại ở yên một chỗ mà chờ đợi đạn bom mà làm gì như thế?*

*Mọi Nhỏ - Dòi đi nơi khác thì đồng thời phải dòi cái trường đào đi nơi khác. Em sức mấy mà làm cho xuể sự đó. Kể ra lúc bấy giờ em cũng định lặn xuống ở dưới đáy nước cái khe kia thì thật là bảo đảm nhưng không kịp. Cái bom nổ còn chớp nhoáng hơn cái ý định nảy ra trong đầu óc em.”*

Đâu phải con người không chuẩn bị kịp cho một trái bom nổ chớp nhoáng. Trong kiếp người chúng ta có những cái vô cùng không kịp. Đã vô cùng từ bỏ vườn cũ trường đào không mang theo, trong hun hút máu xương. Đã một phương trời gom nhặt phút sống, mà vắng mất nắm đất bên đàng chỗ cổng làng khe nước rẫy nương. *Bây giờ ta hỏi lại thu/ Khu vườn lá ngọc sao thu*

*phiêu bồng*. Nơi hải giác thiên nhai anh hay tôi, Em Mọi hay Đêm Nguyệt Cẩm Ca - Ly, đã thức giấc nổi lòng *Nhật mộ hương quan hà xứ thị*<sup>3)</sup>. Và đâu phải anh tự do hân hạnh được quyền có hay không cái tẩu hỏa nhập ma. Trái bom nó - tự - tử - em kia mà.

### 3. Bùi Giáng - Tề Thiên ngôn ngữ

Thơ Bùi Giáng còn với người đọc bây giờ hay không? Với thời gian, hiện thực luôn bị xé rách, cây xói, đào thải. Lỗi thời ngay khi còn là bây - giờ. Mỗi sát na, nghệ thuật mỗi chuyển dịch, thay áo, vì cái kỳ cùng tốc độ thế kỷ. Nhưng ngay hôm nay vẫn có một số đông người thường ngoạn say mê Bùi Giáng. Vẫn thấy lạ ý tưởng. Vẫn thấy mới ngôn ngữ. Vẫn nhận ra ở đó một thế giới giàu mộng tưởng, đôi khi sấm uất những linh cảm xuất thần. Người đọc rất đổi hoang mang bay bổng, kỳ thú, dù có chỗ khó thể hiểu thấu đạt thơ Bùi Giáng, nhưng cảm được. Đọc qua mắt, bằng đầu, với trái tim, từ hồn. Một hồn rất nhẹ, rất bơ vơ, rất rộng xanh của biển trời, và rất khắc nghiệt trí tuệ của thời đại. Từ đó, tiếp cận thơ Bùi Giáng người ta nghiêm chỉnh băng khuâng, và được dịp rong chơi trong một não trạng bấy lâu khô hơn nhựa, cần thiết phải thích ứng bon chen.

Bùi Giáng không hề cực nhọc hô hào nhiệm vụ *giáo dục quần chúng, văn dĩ tải đạo* mà là những phóng mình đỉnh điểm tự do cho riêng người thường ngoạn. Nhưng rõ ràng Cái Đẹp cần nó, và Đạo không thể thiếu nó: tự do viết, tự do đọc, tự do tư tưởng. Với Bùi Giáng, tuy Đau, nhưng tất cả là Rõn là Rong Chơi, trò chơi, cuộc chơi. Hí trường này bằng lãng mà không thiếu xót đau một

---

<sup>3)</sup> *Lúc trời chiều dừng ngắm cảnh tự hỏi đâu là quê nhà - Hoàng Hạc Lâu, Thôi Hiệu.*

quá trình khổn bách kiếp người. Nếu Ông Trời Xanh và Bà Trời Trắng nói được, nếu Như Lai và Như Lai Phụ Nhân hạ cố, nếu Phó Như Lai và Phó Như Lai Ái Nữ mà trả lời được, sẽ trả lời mệt nghỉ, với những Điều Rờn mà Bùi Giáng lót đường huyền ảo như kinh. Khi còn nói *Xử thế nhược đại mộng/ Hồ vi lao kỳ sinh*<sup>41</sup> là còn so bì, chẳng là chơi. *Diên chơi cho bớt diên đầu/ Diên đầu cho bớt diên râu rĩ chơi/... Buồn vui ai biết đâu ngờ/ Nằm trong tử diệt nhớ giờ tái sinh...* Rờn, Chơi, có thể là hình thái sinh động nhất, rất mực nghiêm chỉnh cho một sân đuổi thực tế, làm chủ những trò ảo hóa mà tự nhiên xã hội cùng thiên nhiên kim cổ hầy còn tàn nhẫn giấu mặt.

Đầu tiên là Bùi Giáng chơi ngôn ngữ thiên tài. Ông xài chữ một cách hào phóng, phung phí. Ông tự thân thoát khỏi ý nghĩa ngôn tự, ngữ cảnh nhào lộn, du bay, không gốc rễ, như cảnh ráp nối người giữa không trung cuộc nhảy dù biểu diễn. Như cái pháo hoa xòe cánh trong đêm Hội, thể hiện cái rục rở rất đối đánh thức, lại rất đối phù du. Do bản thân sự ngao du rong ruổi trong sa mạc chữ nghĩa, trong thế giới ảo hóa này, thơ Bùi Giáng tạo cho người đọc một giá trị cảm thức sâu sắc, bàng hoàng, đẩy tới những hoài cảm, tưởng vọng mệnh mông hơn, chính ý lực của bài thơ mà từ đầu tác giả muốn hàm gợi.

Bùi Giáng giàu ngôn ngữ như cát bãi biển. Mỗi chữ lại ẩn tàng nhiều mặt biểu hiện, đa dung mạo, đa nội lực. Nó có khả năng biểu thị rộng lớn cái Tận Cùng Ý Nghĩa, không phải Đã - Nói, mà là Sẽ - Nói. *Đầu khe lá cỏ phai rồi/ Đã vang tiếng ngựa bên lời ước mong/... Em nhìn nhé giờ đây ta trở lại/ Nghe giầy hồng một mùa cũ tái sinh.* Ông dùng từ Hán Nôm đến mức tuyệt

---

<sup>41</sup> *Sống ở trên đời như giấc mộng lớn, Làm chi cho vất vả thân mình – Xuân nhật túy khờ ngôn chí, Lý Bạch.*

hảo, và đảo lộn, nói lái, trá hình, ngẫu hứng, ẩn dụ lại rất mực tài tình. Đôi khi chữ dùng của ông tưởng vô nghĩa nhưng là một mật ngữ, mật mã. Ông phóng khoáng rất coi thường hạng người mà ông cho rằng hương Nho, Nho nguyên, một sách, bỏ câu chữ lên bàn cân xem bao lạng mới dùng; ông khinh bỉ bọn viết sách cứ tả núi phải có đỉnh, tả con bò phải có hai lỗ tai. Vì chỗ tế nhị này mà rất nhiều người - hăm cả người làm thơ viết văn - đã dị ứng, đổ ky, không hiểu, rồi không chịu được Bùi Giáng. Họ không muốn đọc, hoặc có đọc mà thiếu khả năng thẩm thấu thứ chữ nghĩa nhẩy múa, bay lượn như gió, biến hóa của mây. Họ từ khước ông khi ông còn đi trên mặt đất. Họ cư xử ông bằng thái độ trong “nội ô của nhà thương Biên Hòa”. Chỉ hôm ông qua đời, đột nhiên - nhưng không đáng ngạc nhiên - tất cả môn phái “ngũ nhạc”, không kể chính tà, hữu chiêu vô chiêu, nhà văn thượng thư cùng nhà văn vỉa hè, đều tề tựu trước quan tài Bùi Giáng đầy đủ. Phạm nhân của hai chân lý đối nghịch bên này và bên kia *Pyrénées* đã may mắn có một dịp nhíp nhàng, thăm lặng nghiêng mình dưới chân Núi.

Toàn bộ thơ Bùi Giáng không có cái cách làm dáng trí thức, gây nhiều khê đến rắc rối hoặc làm loãng cuộc chữ nghĩa đẹp đẽ trong tiếng Việt nghìn xưa vốn có. Ông là một nhà thơ triết nhân nhưng không hăm nghĩa thơ phải nêu chí cao trí cả như quan niệm cổ điển hằng mong đợi ở thi nhân. Trừ những thơ văn xuôi triết luận - và những bài thơ ông dịch tam bành qua một trận thấu triệt đến ngọn nguồn, mà khó nói ra căn cớ khi đương đầu cùng Heidegger, Rilke, Hoelderlin, Shakespeare, Neitzche... thơ Bùi Giáng hầu hết hình thành qua ngôn ngữ thông thường, xã hội càng ngày càng dùng nhiều hơn, rất nôm, lại lắm khi những ngữ từ rất lem luốc bụi giang hồ. Nó đã nhẹ tênh, gần gũi, tự nhiên như nói chuyện, giản dị đậm ảm như ca dao. Nó rất kỳ cục,

thường hằng, nhưng tinh tế. Nó rất đơn sơ như là một chứng minh cho kĩ thuật thượng thừa của Bùi Giáng. Trong lịch sử văn học nước nhà ít thấy thi nhân nào - kể cả thi nhân ta rất mực mến yêu thờ phụng như Hồ Xuân Hương, Tú Xương, Tản Đà - bày cuộc vui chơi chữ nghĩa đó đây một cách đơn giản nhưng thâm thúy, trù phú và thiết tha ngộ nghĩnh như Bùi Giáng. *Ghi mới con mộng la đà/ Tiêu dao suốt cõi mù sa bên rừng/ Nửa vời trăng rộng mộng lung/ Đường xa nghi hoặc thấp tùng ni cô... Tôi chấp nhận trăm lần trong thôn thú/ Tôi bàng hoàng hốt hoảng những đêm đêm/ Tôi xin chịu cuồng si để sáng suốt/ Tôi dúi mù cho thỏa dạ yêu em.*

Bùi Giáng có một não trạng khá đặc biệt; giạt mình mơ hoang có thể mỗi cánh chuồn chuồn bay chiều; mỗi dặm hải hôm nay không còn động vang của Thúy Kiều; bắt gặp màu xanh trong sắc tím; nghe ra hơi thở của Lão Trang từ nghìn dặm phả về; *Con nai vàng ngơ ngác đạp lên lá vàng khô?* đã là một sự quá ư nặng nề, giày xéo đối với ông. Phải nhẹ hơn nữa kia. Nhẹ hơn cả hư không rỗng trống. Vì cái não trạng vọng viễn phi biên giới kia mà khi tiếp cận với những Khổng Tử, Hoelderlin, Heidegger, Homère, Empédocle, Nerval, Whitman, Lão Tử, Nguyễn Du, Khuất Nguyên, Vương Bột... là cùng lúc Bùi Giáng phải chịu đựng một sự công phá chính tâm hồn mình. Ông băng băng dong ruổi trong mộng lung tri thức rất mực uyên bác, sầm uất tường tượng, chói lọi cái bãi hoang vô thức từ im lìm bấy lâu giấc ngủ. Ông bắt trắc dẫm lên một mặt đất rạn vỡ, bất nhần và vô tình trùng phùng một định mệnh tùy ngẫu, trôi buộc. Lại bắt trắc bị trùng vây bởi một trận đồ ngôn ngữ của thơ, của hồn thơ. Của Diên. Và của Ý Thức Về Cái Diên. Sự thể ấy làm ông rất đổi sáng suốt trong diên đảo, chưa nói một đã lộ lộ mười, đi trên đường độc đã thấy muôn nghìn ngã ba ngã bảy, chưa kịp nhớ Mẫu Thân



Phùng Khánh đã hoài Nam Phương Hoàng Hậu, vừa sớm mai tươi sáng bình sinh đã chột tồn vọng con thắm đậm đêm Xiêm La Hy Lạp; thế rồi ông viết tràng giang, bằng cả vô thức, ông cuồng ngây tấu hỏa dịch bừa sang thơ Việt cả những đoạn triết luận chẳng chịt; ông khai triển Nguyễn Du bằng cách hợp lực làm thơ ký chung Nguyễn Du - Bùi-Trung-Niên-Thi-Sĩ. Ông củng cố, ông dịch, ông chuyển tải tư tưởng bằng cách triệt hạ nguyên bản, khuynh đảo chữ nghĩa bằng cách lạ thường; biến những chữ cụ thể, những nghĩa đã chết trong sự củng cố đã trở thành một hiện trình khác hơn, lại rất thơ, tinh diệu, biến hóa hơn. Ông làm giàu nghìn lần tiếng Việt. Một số nhà thơ, nhà sáng tác ở miền Nam trong nhiều năm, không chối bỏ rằng mình đã xài, đã từ lâu tự nhiên sâu thắm bị ảnh hưởng cách dùng chữ nghĩa từ thiên tài Bùi Giáng.

Những địa danh quê hương – Trung Việt, Vĩnh Trinh, Quế Sơn, Bình Thạnh, Gò Vấp, Cừu Long, Cà Mau, Huế, Hà Tĩnh, Sài Gòn, Bạc Liêu, v.v... - đã hiện ra trong thơ Bùi Giáng rực rỡ gấm hoa, êm đềm màu núi, thồn thức như suối nguồn. *Đêm thua Vĩ Dạ về gần/ Đã từ lâu lắm thiên thần nhớ em/... Ngồi đây tưởng nhớ xa xăm/ Nhớ nhung Lục Tỉnh trắng trẻo Long Xuyên/ Ba mươi năm trước hiện tiền/ Hình về hiện tại bóng nghiêng nghiêng đầu.* Có lúc ông tiên tri giỡn chơi một cách lạ lùng - mà sau này lúc đời sống cô đơn ngọt ngào - ta đọc lại đến ứa nước mắt:

*Tôi gọi Bình Dương là Bình Dương*

*Dương di ơi thương nhớ cháu nhiều không*

*Tôi gọi Cần Thơ là Cần Thơ*

*Cần Thơ ơi... cần thơ đến bao giờ?*

Bình? Dương? Thơ. Không hề là chơi chữ. Mà là tiếng kêu thống thiết của tâm linh trước một thế giới người đã kiệt cạn nhân tính, đánh tráo bình đẳng tự do; đã phơi phơi những lừa

mị, tàn nhẫn cùng nhau; đã tình vì biến những đòi hỏi nhân sinh cần thiết thật sự trở thành trêu tượng trêu người trên khẩu hiệu giấy tờ.

Khác với tất cả thi nhân Đông Tây kim cổ, Bùi Giáng động đây bay lượn với đủ sinh vật côn trùng. Chuồn chuồn châu chấu, con nai rừng chú dê nội, bướm bướm bò gà, cá... vì trùng sâu bọ cũng trùng trùng mộng ảo yêu thương. *Ấy mộng đời đi với mộng rồi/ Trời ơi trắng rớt ngó trắng rồi/ Con ruồi con kiến con châu chấu/ Bướm bướm chuồn chuồn cũng thế thôi... Còn yêu mãi yêu và yêu nhau mãi/ Trần gian ôi cánh bướm với chuồn chuồn/ Con kiến bé cùng hoa hoang cỏ dại/ Con vì trùng cùng sâu bọ cũng yêu luôn.*

Bùi Giáng dùng cả những loại chữ nghĩa “thép-dã-tôi” như hạ quyết tâm, chỉ tiêu, gia tăng, bổ sung, khu vực,... Hãy xem ông bùa phép vung vãi, lắm xót xa mà đậm đà hài hước: *Ngày nay hạ quyết tâm rồi/ Về trần thế bóc lột người thế gian/ Tình yêu đã lỗi muôn vàn/ Chỉ còn bóc lột vạn ngàn máu tim... Mỗi năm mộng một ra giêng/ Con dẫn ông dạo suốt miền vực khu/ Khu này Bình Thạnh quận khu/ Khu trên Gò Vấp tuyệt trừ lưu phong/ Dưới kia Bà Chiểu Lăng Ông/ Lên xe buýt thẳng đông chơi Sài Gòn.*

Chính thể giới ngôn ngữ Bùi Giáng bày cuộc lập nhiên như thế nên khi đọc thơ ông ta không nên vô ích cưỡng lại, cho đăng cấp suy nghĩ, cho trí tuệ làm việc, mà hãy thông dong trôi theo, tà tà thơ thần, rất mực vô tình như nhìn con tàu chiều không có bóng hình ai trên ấy. Ta sẽ bắt gặp một thần thái thanh tao hơn, một tổng thể bát ngát hơn, bởi vì đó chính là Thơ. Nó rộng rãi và thơ thói hình thành từ một thiên tài chung qui chỉ vì thơ mà điên, mà sống để điên cùng thơ.

#### 4. Bùi Giáng – Ngao du tư tưởng

Nói đến nhà thơ là nói tới rượu và mỹ nhân. Lý Bạch một đời sống chết cùng rượu. Ông làm thơ tặng vợ thú nhận một năm ba trăm sáu mươi ngày mình túy lúy như con nê hóa bùn: *Tam bách lục thập nhật, Nhật nhật túy như nê (Tặng nội)*, Apollinaire một đời ngắn ngủi, nhưng đã rất nhiều nàng, cô Linda, nàng Annie Playden, Marie Laurencin, nàng Louise de Coligny Châtillon, Madeleine Pagès... Các nàng của thi nhân này duy chung một mẫu số: Tình Yêu. Nhưng ở Bùi Giáng là khác thể điệu, rất nhiều mẫu số. Ông có Mẫu Thân Phùng Khánh, mẹ Trí Hải (tuy hai mà một, *Mẹ về đứng giữa đầu sân/ Cuối cùng Mẹ bước vô ngần Mẹ đi*), Kim Cương Kỳ Nữ, Nàng Monroe, Gái Xiêm La, Gái Tô Châu, Hà Thanh Ca Sĩ (*Đi về phố rộng mà ra/ Đi tu giản dị cô Hà Thanh ôi*), mấy em Da Đen Phi Châu, Em Mọi, Nàng Dạm Tiên, Thúy Vân, Thúy Kiều, Bé Con Bình Thạnh, những chị miệt quê, *Thiểm Năm Sáo xā Tân Phong/ Thiểm về chín suối long đông thế nào... Ôi người thực nữ Long Xuyên/ Tìm đâu thấy lại thuyền quỳên một lần*. Những con người hữu hình, những em vô hình, những nàng sương bóng, *Bây giờ em ở nơi đâu/ Cỏ trong mình mấy em sầu ra sao*, đã mang mác thị trùng trong một Bùi Giáng tha thiết đến tê điếng, điên ngây. Một Bùi Giáng ngoại thể bằng hồn mà lòng đau kiếp người truyền động đến nguyên sơ. Bàng hoàng đuổi bắt một bản lai diện mục ẩn huyền. Mỗi Phùng Khánh Trí Hải, mỗi Kiều Nhi, mỗi Em Mọi là mỗi trận địa cuồng mê đến đầm đìa phủ chụp người thơ trong bàng hoàng nương náu. Bàng hoàng thể phách, mộng hoài đêm Da Đen tới Rú Rừng Da Trắng, Apollinaire tìm người yêu có thật, dẫn mình trong một điểm ảo nhu cầu. Bùi Giáng hư vô hóa tất cả trong miền trường vọng mỹ nhân hê thiên nhất phương.

Mỹ nhân? Cái Đẹp? Lý Tưởng? Một Phương? Hãy tìm chỗ Mù Sa Cổ Quận? Đảo lên nguyên khê, lộn về phố thị, chỗ sân ga bến tàu, trên chiếc giường hoan lạc, giữa bàn hội nghị, lúc ngâm vịnh khi nhảy disco, ở đâu? nơi nào? trong Cõi Tồn Sinh rất nhiều Đánh Mất này một đúng nghĩa Lý tưởng? Cái Đẹp? Vả, trong tuyệt trù ngóng vọng còn chẳng một thiên nhất phương để *ký gởi*? *Em còn ở với son hà/ Anh còn mất hút gần xa mất hoài... Hỏi rằng người ở quê đâu/ Thưa rằng tôi ở rất lâu quê nhà.*

Tuy nhiên, với những người con yêu dấu, cuộc bám trụ mang nặng tổn thất này xem ra vẫn là một giếng mối đạo ký mãi mãi tươi xanh đạo lý. Nó hoài hoài thơ mộng khi quê nhà đã là một hiện trường có thật - trần trụi từ khi tôi ở trường chào đời đến lúc tôi không còn khả năng bận mỗi bộ áo quần để chui vào quan tài - là thế, không nên giải thích nữa, tuy chưa hóa đá nhưng quanh tôi vốn vậy; diễn dịch nó bằng cách nói đương nhiên cạn cợt mà tất nhiên sâu thẳm, như nói về một cục gạch, mỗi bếp lò *Dạ thưa xứ Huế bây giờ/ Vẫn còn núi Ngự bên bờ sông Hương.*

Một câu hỏi cần thiết tôi muốn hỏi: “Quê nhà Bùi Giáng nơi đâu?”. Đã hẳn là quê nhà ông “thưa rằng” đó không? Bùi Giáng chưa hề định nghĩa một quê nhà rộng hẹp, ghét yêu, kiểu Quốc văn giáo khoa thư, mặc dù ông từng tha thiết yêu, và khẩn thiết, kêu gọi vi trùng, chuồn chuồn châu chấu, tập-thể-bò-dê trong đôi sim trái chín hãy rộng lòng để cùng ông hòa mình cuộc thương yêu. Đã không hề giam mình trong định nghĩa, lại càng không giam mình trên một mặt đất dù nó khá mệnh mông, vậy Bùi Giáng có một quê nhà nào trong cái vũ trụ mà ông họa đây khắc khoải gọi tên?

Có thể, hiển nhiên là có thể thôi, Bùi Giáng có một mái nhà trong một quê hương rộng dài: Cõi Thơ. Trên quê hương không chiều kích không gian và thời gian đó, Bùi Giáng là đứa con trung thành rất mực dưới mái nhà Thơ, và là một tay kịch liệt tung

hoành, mặc tình dâng hiến, thỏa dạ cuồng si trong quê hương  
Thơ. Ở đó ông trùng phùng những công dân thế giới, những con  
người ưu tú từ nhân loại cổ kim.

Hãy đọc một trong những bài thơ sau cùng của ông:

*Uống xong ly rượu cuối cùng  
Bỗng nhiên chợt nhớ đã từng đầu tiên.  
Uống như uống nước ngọc tuyết  
Từ đầu tiên mộng tới phiên muộn sau  
Uống xong ly rượu cùng nhau  
Hẹn rằng mai sẽ quên nhau muôn đời  
Em còn ở lại vui chơi  
Suốt năm suốt tháng suốt nơi lan tràn  
Riêng anh về suốt suối vàng  
Trùng phùng Lý Bạch nghênh ngang Tản Đà  
Em còn ở với sơn hà  
Anh còn mất hút gần xa mất hoài*

*(Uống rượu)*

Thường tình thì hẹn là để gặp lại, nhưng Bùi Giáng hẹn là để  
“quên nhau muôn đời”. Lời di chúc cho Em trước một Ra Đi. Nó  
buồn tênh nhưng sáng ngời cái khí phách thanh sạch, ngời sáng  
của một Thi Sĩ. Giã từ phương này trùng phùng được Lý Bạch  
Tản Đà đầu kia. Uống ly rượu cuối cùng trong thân thái đầu tiên.  
Không hề là Vĩnh Biệt, chỉ có Ra Đi, là Được Về. Đặt biệt ở đây  
mọi hình tượng hiện tồn vọng viễn chỉ tinh mật gộp lại một từ, đó  
là Em. Không phải Bùi Giáng hôm nay mệt mỏi, hóa ra hiện từ,  
không còn bay phá trong thế giới chữ nghĩa muôn điệu của ông,  
mà Em chỉ là Một Tiếng Kêu. Là *Nhất phiến hàn thanh tống cổ  
kim*<sup>(5)</sup> Em là Ai? Người ta đã từng gọi Tự Do là Mi kia mà. *Tây*

---

<sup>(5)</sup> *Một tiếng sóng lạnh tiễn đưa kim cổ* - Nguyễn Du.

*cầm cung bạc xỏ ngang/ Nửa chừng dâu biển lấp ngàn ước mong.  
Tuy nhiên Anh suốt suốt vàng, Vẫn mong Em còn suốt cõi trần  
vui chơi. Một chia biệt buồn bã vẫn tràn đầy tự nhiên, hò hẹn, hy  
vọng; một cuộc đùa vui trong sáng, tự tại. Máy rùng thẳng chấp  
bổ sung/ Mộng đi theo mộng cuối cùng cho mai.*

Sau cùng, một điều nên đề cập tới - không thể tách rời khi viết về một Bùi Giáng thơ - đó là phong cách đặc biệt của ông trong khảo luận, dịch thuật và những bài tạp luận. Vì đây cũng chính là thơ.

Bùi Giáng đề cập đến tất cả các nguồn triết học Đông Tây cổ kim (hàng trăm thi sĩ triết nhân nhà tư tưởng đã được đề cập), ông ca ngợi cùng lúc cũng phê phán tất cả từ Khổng, Trang, Lão, đến Socrate, Platon, Heidegger, Kant, Sartre... nhưng cái nhìn của ông - qua văn xuôi - rất thơ, lẫn thơ mộng, lẫn mộng mị, do vậy ta nên đọc theo cách chịu chơi, như một thưởng ngoạn lấy cái thi vị. Trong bài *Đạo Đức Kinh* ông đề cập tới Đạo như vậy: *"Không tin tưởng vào bất cứ gì mà vẫn yêu đời, ấy là đạo vậy. Tin tưởng tất cả mà vẫn chán đời, ấy là đạo vậy... Không đi lính mà mặc áo nhà binh ấy là đạo vậy. Đi tu mà cứ ăn mặn hoai, ấy là đạo vậy..."* Trong *Đi Vào Cõi Thơ* là thế này: *"Thế nghĩa là gì? Có một cõi và một cuộc đi. Cuộc đi có nhiều thể thái. Có thể đi theo lối chu du của ông Khổng Tử. Có thể đi theo lối ngồi im không rục rịch suốt bao nhiêu diên trường tuế nguyệt dưới gốc cây bồ đề theo lối Như Lai. Cũng có thể đi theo lối anh lừa bò vào đời sim trái chín"...* Trong *Đường Đi Trong Rừng*, Bùi Giáng làm thơ lý luận về học thuật một thời rồi quay ra "tả cảnh" các triết gia thi sĩ thế này: *"Ôi đầu hiu con chim nhận Hoelderlin! Ôi con ngỗng trời bất tuyệt Nguyễn Du! Con hạc vàng huyền ảo Nerval! Con sư tử hồng thời phương thảo lục Nietzsche! Con tượng vương hồi xú lạc hoa hồng Heidegger! Con du hí thần thông tam muội tận*

Shakespeare! Con phiêu bồng hồng nhan tuyết trung khan Homer Sophocles! ôi con gà rừng con nai rú!...”.

Những phạm trù tư tưởng được ông đùa chơi đề cập, thường là thông qua chiều kích của ngôn ngữ hình tượng, biểu trưng, hơn là Đáp - Giải bằng Lý. Ông bày ra trên bàn tiệc hình nhi thượng là những cô em phương trời, ông phó Như Lai, bà Trời Tráng; bằng một kỹ thuật dựng hình lẩn ngẩn, lý luận không biết đầu là Hỏi ra Đáp.vào. Bởi, bày ra câu hỏi cũng chính là một Trả Lời. Trả lời chính là một nan vấn, khẩn thiết một khối đầu cho một tra vấn mới. Giải mã được: “Vì sao hôm nay đã đánh mất Nguyên Sơ” có nghĩa là “vì sao Sơ Nguyên không là hôm nay”, như thế là ta đã đẩy đưa một sự vụ thật ra đơn giản trở thành âm đạm rối rắm; ngay lúc ấy ta đắm chìm trong một tường mộng sơ nguyên khi đang sống trên một mặt đất trầm trọng với đạn bom thương nhớ, *Tại ni hằng thế là ta tự tình*. Dưới mái lợp ngàn ngàn tinh tú này luôn hồi vọng những tiếng kêu xanh đen, lạc loài. Và bao nhiêu lời giải đáp là ngàn ấy nhân lên những nan vấn kế thừa. Vậy thì, hãy nghe bằng vô ngôn thông vậy.

Vì sao có sự thể vừa tinh mật vừa phồn tạp trong một Bùi Giáng. Chúng ta nên hiểu thêm một con người khác trong ông. Đó là một Bùi Giáng thông tuệ hãy còn lưu dấu sâu xa cái góc gác thánh thiện một trẻ thơ lớn lên từ luống cây nương rẫy. Cái thật thà hài thơ ấy đã trở thành bản chất, đã nằm trong bịt bùng tầng tầng vùi lấp của cõi thời gian đời người. Nó được nén chặt, đè kín, được *lay-out* kỹ càng nơi vô thức nhưng nó có sức bật dậy và phóng bủa mông lung khi được thực tại *click* vào nó. Nó đã giúp ông bao năm lang thang giữa phố thị mà vẫn vô tình gắn chặt với hương đồng cỏ nội, với nương rẫy vườn rau lối ngõ quê mùa - cả thơ văn lẫn con người. Phát biểu của ông lắm khi dân dã thật thà, thể hiện một cái Đẹp trần trụi, khật khùng, thô, không hào

nhoáng son phết. Ngôn ngữ Bùi Giáng là mặt bằng của tranh lụa, của tranh sơn dầu, của cả hốc hang một tượng điêu khắc.

Bùi Giáng cũng là người rất mực tình cảm, rất mực thiết tha với bất cứ cái đẹp nào. Sống ở đâu ông cũng lưu lại một nỗi nhớ, một kỷ niệm, một nhắc nhở. Nhưng cái nhớ ấy không cạn liệt mà đã hóa thân là mơ màng, tưởng vọng, bay bổng tiếng kêu chung của phận người. Ông diên giữa phố thị nhưng Mỹ Tho Sài Gòn vẫn là nơi thuận tiện ngắm trời mây, dễ dàng hà tiện, dễ dàng bê bối, không cần thiết nhân danh tháng ngày để tiết kiệm thời gian.  
*Ở đời sáng uống cả phê/ Quán trong hém nhỏ như quê quán nhà/  
Ngoại ô thành phố phồn hoa/ Ấy Sài Gòn ấy thiết tha bầy chầy.*

Tóm lại, cuộc phiêu bạt của Bùi Giáng qua cuộc đời này là hình ảnh của một thiên thần trên chốn lưu đày. Nơi đây ông đã tự thân bày cuộc ngao du, minh triết hí lộng. Để chi vậy? Để viên mãn: “Cuộc - đời - ở - nơi - tạm - cư” ; và đánh trả cái nhân danh thiên đàng, lãnh địa của mọi nguồn gốc lưu đày.

Bùi Giáng đã có một đời thơ năm mươi năm sáng tác; hơn hai mươi năm ông đã cùng các nhà thơ lỗi lạc Phương Nam mở ra một vận hội Muôn Màu cho Văn Hóa Phương Nam. Nhưng nhìn ở bất cứ góc cạnh nào ông mãi mãi là một thi hào riêng Côi, độc lập, một bát ngát tượng đài. Do đó, tôi thấy không nên - không thể qui kết định đặt Bùi Giáng vào một trường phái khuynh hướng, một tổ chức nào cả. Mọi nhãn hiệu có lẽ chỉ vô tình khoanh tròn, thu hẹp, công thức hóa cái thế giới Thi Ca dài rộng mênh mông của Bùi Giáng.

### Lời tạm biệt

Anh Bùi Giáng! Hôm nay anh đã thật sự có ngày tháng ngao du. Anh để lại đây một tượng đài trong lòng người đọc giữa bạn bè



anh em; một tượng đài không cần thiết phải xây bằng bê-tông cốt thép mới đời đời bền vững. Hôm kia tôi ghé Bình Thạnh để thấp anh một nén nhang. Con đường mưa, đầy vườn lá rụng. Tôi nhớ anh Những Ngày. Ngày ở Đại học Vạn Hạnh. Ngày ngồi cà phê Nắng Mới. Ngày của những Đêm-Đen Giữa-Ban-Ngày. Mỗi chúng ta bị thời gian nghiền nát mỗi cách, nhưng anh luôn là một khuôn mẫu tự nhiên nét đặc biệt. Tôi rất khoái cuộc tự hủy mang tính nhiệm mầu tỏa bóng của anh.

Tương lai sẽ nói gì? Đó là quyền của tương lai. Nhưng tương lai sẽ có một thái độ rất trung thực, thanh sạch, và tích cực lưu giữ những gì là tốt đẹp Hôm Nay. Chúng ta không ích kỷ kỳ vọng tương lai nhớ mình, nhưng Ngày Mai sẽ có trách nhiệm lưu giữ anh, soi sáng những gì anh để lại. Chúng ta chưa hề đi vào những con đường hầm không có đầu kia.

Sau cùng, tôi nghiêng mình xin lỗi anh vì đã quá ngớ ngẩn bàn luận về thơ anh, điều mà anh rất ghét kỵ. Anh chẳng bảo: *"Thơ chẳng có gì để bàn ra tán vào. Muốn, hãy cứ làm một bài thơ tương xứng nợ để đáp vào tận địa một bài thơ kia"*. Nếu anh trách giận, tôi sẽ cười như niềm vui nhắc bảo và dầm ầm thừa rằng: *"Cõi bờ con mắt Hoa Nghiêm/ Tường vôi lá cỏ lim dim vô cùng"*.

Mong thượng giới hãy dành một suất tự do để Con Người Chối Chối được tiếp tục cuộc tràn lan phiêu bồng.

## THI SĨ “PHÓNG TÚNG HÌNH HÀI, NGANG TÀNG TÍNH MỆNH”<sup>(\*)</sup>

### 1. Bàng Giúi tiên sinh

Tánh khí Bùi Giáng như chúng ta từng biết, đó là con người của niềm hoan lạc phát tiết đến vô cùng, ngay cả tên của mình ông cũng đem ra đùa giỡn một cách rất hồn nhiên. Khi cuốn *Hoàng Tử Bé* được in, ông có tặng tôi một cuốn, ký tên *Bàng Giúi* kèm theo hai câu lục bát sở trường: “*Chép tờ Kim Hải Thạch Bi/Hồn ca Vũ Địa lối về Long Quân*”.

Ông ăn mặc lôi thôi lếch thếch, bầy hầy hết chỗ nói. Một lần, vào năm 1964 hay 1965 gì đó, tôi thấy ông “bỏ áo vô thùng” với giấy vớ hần hoi, đến tòa soạn tạp chí *Bách Khoa* do ông Lê Ngọc Châu làm chủ biên và quản lý, ở 160 Phan Đình Phùng (nay là Nguyễn Đình Chiểu, TP. Hồ Chí Minh). Tôi còn nhớ mang máng là ông nói chuyện rất lịch sự với ông Nguyễn Minh Tuynh, chủ biên tạp chí *Mai*. Hồi ấy tôi nhìn ba ông như những tượng đài. Nhưng có lẽ đó là lần ăn mặc đàng hoàng duy nhất trong đời Bùi Giáng.

Người ta thường bảo “an cư” mới “lạc nghiệp”, nhưng điều này hoàn toàn trái quy luật đối với Bùi Giáng. Vì cả đời ông, tôi

---

<sup>(\*)</sup> Chùm bài đăng trên *thanhnien.com.vn*. Đầu đề do chúng tôi đặt (BT).  
Cung Vân Nguyễn Vạn Hồng - nhà báo, hiện sống tại TP. Hồ Chí Minh.

nghe vậy, có lẽ chưa có một ngày an cư. Với Bùi Giáng thì cái câu “*Quần tử thực vô cầu bảo, cư vô cầu an*” mới là chân lý. Nhiều người cho rằng Bùi Giáng điên, và đã có lần người ta đưa ông tới nhà thương điên Biên Hòa. Tuy vậy, theo tôi thì ông bất cần đời thì có chứ không hề điên loạn. Thần kinh của ông là thứ thần kinh “ngoại cỡ”, rất dễ bị kích hoạt trước xung động của đời sống bốn xung quanh. Tất nhiên, ông đã ra khỏi nhà thương điên và ghi lại sự kiện đó bằng thơ: “*Biên Hòa bệnh viện ghi tên/ Đoạn trường số ấy còn nên ghi gì?*”.

Nhạc sĩ Phạm Duy, trong hồi ký của mình, đã từng ao ước có được một ngày sống “hết mình” như Bùi Giáng. Sống hồn nhiên hết mình được như Bùi tiên sinh thì thật thú vị biết bao nhiêu, nhưng trong chúng ta mấy ai có thể hồn nhiên hết mình như vậy được!

Tôi xin kể chuyện này, không biết chị Kim Cương biết không. Có một buổi sớm, Bùi Giáng, trong trang phục “thập cẩm”, quần đủ thứ chai, lọ, bao bì mà người ta vớt ra đường, đến gõ cửa ngôi nhà mới của kỳ nữ Kim Cương ở quận Phú Nhuận.

Xui cho ông, kỳ nữ vắng nhà. Gia nhân thấy diện mạo dị nhân, sợ quá chỉ hé cửa, không mở hẳn. Bùi tiên sinh của chúng ta đòi vô nhà ngồi đợi chủ nhân. Tưởng ông già đi ăn xin, người nhà của kỳ nữ chạy xuống bếp xúc một lon gạo mang lên cho ông. Bùi Giáng vui vẻ nhận lon gạo đổ vào túi, cười khềnh khệch rồi tròn mắt khen lấy khen để: “Hạt châu, hạt châu!”. Vừa nói, Bùi tiên sinh vừa bước theo cách của các nhà sư khát thực, rồi thò tay vào túi lấy gạo ra rải dọc đường, từ Hoàng Diệu ra Trương Quốc Dung, rồi Công Lý (nay là Nguyễn Văn Trỗi). Ông vừa hân hoan rải gạo vừa giải thích với những người qua đường tò mò nhìn ông rằng làm như vậy cho “chim muông biết lối quay về tổ ấm”.

Chúng ta đã biết con người “điên điên khùng khùng” đó không chỉ đạt đến cõi mệnh mang của thi ca, uyên thâm trong học thuật mà còn là một bậc thầy thượng thừa của nghệ thuật chữ nghĩa. Cố Đại đức Thích Thanh Tuệ, người khai sinh ra Nhà xuất bản An Tiêm, đã mê Bùi Giáng đến mức coi Bùi Giáng như một “thương hiệu” riêng của nhà xuất bản mình. Trong rất nhiều sách của ông được An Tiêm xuất bản, có 2 cuốn tôi đặc biệt thích thú. Đó là 2 bản dịch tiểu thuyết của Saint-Exupéry. *Le Petit Prince*, ông dịch là *Hoàng Tử Bé*, còn *Terre des Homes*, ông dịch là *Cõi Người Ta*. Dịch hai cái tựa như thế quả là thần sầu.

Tôi còn nhớ một bài tứ tuyệt trong *Thanh Hiên thi tập*, nguyên tác là:

*Thiên địa phiêu chu phù tợ diệp  
Văn chương tân tức nhược như ty  
Lang tạ tàn hồng vô mịch xứ  
Đông phong thành hạ bất thắng tình.*

Bùi Giáng đã dịch bài tứ tuyệt đó ra lục bát như sau:

*Thuyền con chiếc lá giữa trời  
Thơ văn tiếng thở như lời to than  
Trông vơi hồng rụng ngổn ngang  
Tìm đâu chốn cũ muôn vắn dưới kia.*

“Chuyển ngữ” được như Bùi tiên sinh, theo ngu ý, nước ta không có được bao lắm người!

## 2. Phóng túng hình hài, ngang tàng tính mệnh

Đó là nhận xét, đồng thời là một lời cảnh báo, khuyên răn Bùi Giáng của một người có vai vế trong dòng họ Bùi - ông Bùi Văn Nam Sơn.

Ông Bùi Văn Nam Sơn là một trí thức lớn định cư ở hải

ngoại, là Chủ tịch Hội Người Việt Nam yêu nước ở Cộng hòa Liên bang Đức suốt ba thập kỷ. Gần đây ông có một công trình đồ sộ, đó là công trình dịch và chú giải cuốn *Lý tính thuần túy* của Immanuel Kant, dày gần 1.300 trang, là tác phẩm kinh điển nền tảng của triết học cổ điển Đức và Phương Tây. Trong một bức thư gửi Bùi Giáng viết bằng chữ Hán từ CHLB Đức, Bùi Văn Nam Sơn viết: *“Bùi tần thân lão diệt nhĩ giám”* (tạm dịch: *“Thân gửi người cháu già họ Bùi tần tã của ta”*). Trong “trùng trùng tâm cảnh”, bức thư có đoạn: *“Ngô viên tự hữu vô tâm chi trúc, tự nhĩ lai thời, kiêm hữu trường lữ chi nhân, khả phát nhất tiếu! Nhiên nhi, vu vơ chi vũ mạc đình; phóng túng hình hải, ngang tàng tính mệnh, phát vi dã !...”*. (Tạm dịch: *“Trong khu vườn của ta tự dung xuất hiện một cây trúc vô tâm, nó vốn là một kẻ lữ hành lang thang, có thể nở một nụ cười, hồn nhiên vu vơ như mưa rơi đầy sân, rồi bỏ mặc cho thân xác, ngang tàng không coi tính mệnh ra gì cả...”*). Sinh thời Bùi Giáng rất kính nể Bùi Văn Nam Sơn, chắc hẳn là do trí tuệ uyên thâm của người chú họ này, mặc dù ông nhỏ tuổi hơn Bùi Giáng. Trong nhiều dịp gặp gỡ, gặp gỡ, đàm luận, tranh cãi về chuyện đời chuyện người trước đây mà tôi được mục kích, hạnh ngộ, tôi thấy Bùi tiên sinh là người rất “chịu” lắng nghe Bùi Văn Nam Sơn. Đó cũng là một chuyện lạ.

Trở lại chuyện *Hoàng Tử Bé*. Đọc lại bản dịch của Bùi Giáng, người ta không chỉ thấy ông lột tả được bản chất của nguyên tác mà còn “nhập hồn” vào câu chuyện. Có lẽ từ tâm hồn ngây thơ khoáng đạt của mình mà ông đã dịch đến chỗ vi diệu nhất của tác phẩm. Trong trang đầu của cuốn sách, Bùi Giáng trích 4 câu thơ của Huy Cận: *“Bích Câu đầu nửa bóng*

*chàng Uyên/ Sông núi thô sơ bật tiếng Huyền/ Có lẽ hồn ta không đẹp nữa/ Nét thần thôi họa bức thiên duyên*". Bốn câu thơ đó không dính dáng gì đến câu chuyện của Saint-Exupéry cả, nó như một tiếng tơ rung khởi động trong tâm hồn trước khi đọc tác phẩm. Và đọc xong câu chuyện thì ta chợt hiểu... Chưa hết, ông còn làm thơ tặng tác giả "Trung Niên tặng Saint-Exupéry": "*Ngậm ngùi từ biểu ngôn trung/ Âm dương tiểu mạo hình dung xa vời*". Và trong phần cuối cuốn sách, Bùi Giáng còn đăng kèm một chùm 10 bài thơ của mình<sup>(\*)</sup>

---

<sup>(\*)</sup> Bài này đăng trên *thanhnien.com.vn* còn chép thêm hai bài thơ của Bùi Giáng, chúng tôi xin không đưa vào đây (BT).

## BÙI GIÁNG VÀ NHỮNG NGƯỜI THÂN<sup>(\*)</sup>

### 1. Ngây thơ trong cõi người ta

Nhà thơ Bùi Giáng có tất cả 8 anh chị em, nhưng đều ở xa. Người bên Mỹ, người tại Hà Nội, người gần nhất cũng ở Bà Rịa - Vũng Tàu. Tính quen lang thang không nhà không cửa, lấy đường phố Sài Gòn đùa giỡn, nên người quan tâm ai cũng lo cho trong những ngày cuối đời của thi sĩ kỳ dị này.

Nhà thơ Bùi Giáng có một người em họ là ông Bùi Văn Võ vào Nam từ năm 1965 cất nhà sinh sống tại đường Lê Quang Định, Gò Vấp, sau này là chốn nương tựa cuối cùng của nhà thơ lãng tử giang hồ. Ông Võ không biết đích xác anh họ mình trôi dạt nơi đâu. Đến 1978, tình cờ một hôm con trai ông là Hải đi bộ đội về thăm nhà, lên Thủ Đức chơi, thì gặp “ông bác” Bùi Giáng của mình trên đó. Hải dắt bác về, với một bộ dạng thật là kinh khủng. Ông Võ thương quá, thôi thì đất nhà còn rộng, cất thêm một căn nhà lá nhỏ cho ông anh nương tựa. Gò Vấp hồi ấy còn vườn tược sum suê, khu đất của ông Võ lại khá rộng, nên căn nhà lá nép mình dưới tàng cây râm mát, chim kêu hoa nở suốt ngày. Căn nhà hư, ông Võ lại cất căn khác, tất cả ba lần, cho đến khi Bùi Giáng được ở trong căn nhà lợp tole, vách tường đang hoàng.

---

(\*) Chùm bài đăng trên *thanhnien.com.vn*. Dấu đề do chúng tôi đặt (BT).  
Hoàng Kim - nhà báo, hiện sống tại thành phố Hồ Chí Minh.

Nhưng ông nào chịu ở. Ông mắc võng giữa hai cây xoài to tướng, nằm lắc lư nhìn hoa nắng đọng đũa. Hôm tôi và nghệ sĩ Kim Cương trở lại thăm chốn cũ, hai cây xoài vẫn xòa cành như cô gái xòa tóc che cho nhà thơ, và hai đầu dây võng vẫn được ông Võ để nguyên nơi gốc cây, không tháo ra, cứ như lát nữa đây chàng giang hồ thi sĩ sẽ từ đâu đó quay về mắc võng ngủ say. Hoa nắng vẫn lung linh từng đốm nhỏ, rọi vào áo Kim Cương, như hào quang lấp lánh của nàng tiên nữ mà suốt cuộc đời Bùi Giáng tôn thờ. Kim Cương thoáng cúi ngùi ngồi cạnh gốc xoài, nhắc đóa hồng ngày xưa bà tặng ông chính tại nơi này, và nhà thơ đã ngủ say trước mắt bà hồn nhiên như một đứa trẻ. Guơng mặt ấy mãi mãi si tình, nhưng mãi mãi trẻ con.

Ông Võ nói: *"Thì Bùi Giáng mê trẻ con cũng lạ kỳ như thế. Đi đâu bạn bè cho tiền, hay vô chùa được nhà sư cho tiền, ông cũng đem chia hết cho trẻ con. Tụi nó thương ông lắm. Nhưng đứa nào tới sau, ông hết tiền để chia, thỉnh thoảng có đứa lại đánh ông. Chẳng những thương trẻ con, ông còn thương hết bá gia thiên hạ. Có lần ông kêu cháu Uyên con tôi đưa tiền, Uyên rút chiếc nhẫn đang đeo cho ông, ông đi một hồi gặp bà bán vé số than là không có vốn, thế là ông cho luôn chiếc nhẫn. Đến bộ đồ người ta mới cho, ông cũng đem bố thí".* Cô Oanh, con ông Võ còn nhớ như in kỷ niệm về ông bác của mình, nhiều lần đã mở cửa mời mấy bà ve chai vô gom đồ. Lũ cháu hoảng hốt: *"Trời ơi sao bác lại cho người ta lấy đồ nhà mình!"*. Bùi Giáng thủng thẳng đáp: *"Thì người ta không có, người ta mới lấy. Có thì lấy làm chi!"*. Hết ý kiến. Cả xe Honda dựng ngoài sân, ông cũng bảo đừng khóa. *"Kệ nó, mất chi đâu mà sợ!"*.

Cuối đời, Bùi Giáng được sống trong tình cảm gia đình khá ấm áp, có anh em cháu chắt nhân hậu cuc mang, dù chỉ là anh em họ. Gia đình ông Võ cũng "chịu đựng" Bùi Giáng không kém gì



Kim Cương, nhưng cũng không ai khiển trách. Thường thì mỗi sáng ông Võ cho anh mình tiền bỏ túi, nhưng tới đến khi Bùi Giáng quay về nhà là y như rằng ông Võ phải chạy ra trả tiền xịch lô. Còn số tiền hồi sáng đã vào tay lũ trẻ con hoặc một người hành khất nào đó. Có khi Bùi Giáng say khướt, nằm mẹp ở đầu hèm, các cháu phải xúm lại khiêng vò. Có khi cả nhà phải dọn rác cả đống vì Bùi Giáng “tha” về đủ thứ hộp lon, nón rách, giày rách, áo quần, rom rạ... Có khi ông đi suốt một tuần mới về, trên người chỉ còn cái quần đùi và mắt thì tím bầm, người ốm tong teo. Hồi ra, ông lạc tới Bình Chánh, bị người ta đánh rồi nhốt vô thùng phuy, may được đưa nhỏ kéo ra. Ông bà Võ lại chăm chút anh mình cho lại sức.

Vợ ông Võ, bà Hoàng Thị Như Hồng, mỉm cười nhắc lại những nét dễ thương ngộ nghĩnh của ông. *“Ông thương cháu lắm. Lũ con và cháu ngoại của tôi gần với ông suốt, nhưng tôi không dám cho ông bế vì sợ rủi ông lên con... Ông đi chùa, thấy cho thức ăn chay hay bánh cam ông cũng mang về cho cháu”*. Tôi thắc mắc chuyện vệ sinh của ông, rằng không biết ông tắm rửa như thế nào. *“Ồ, ông sạch sẽ lắm chứ. Nằm lán ra đất thì cứ nằm, nhưng rồi tắm rửa rất kỹ. Tôi giặt đồ cho ông, nặng quá nên phải lấy chân đạp. Ông nhìn một hồi, thờ dài: Tội hấn quá! Hấn làm chi mà cô đạp nó? Tôi nín cười không được. Tôi bộ quần áo mà ông cũng thương”*, bà Hồng vừa cười vừa rom rớm nước mắt.

## 2. Những cơn điên ngộ nghĩnh

Thấy Bùi Giáng có những biểu hiện không bình thường, chính quyền phường cũng có lần mời nhà thơ đi trị bệnh tâm thần, ông liền trả lời: *“Bác sĩ cả thế giới này trị được bệnh điên chưa mà cỡ phường đòi trị?”*. Cán bộ phường đầu hàng!

Ông thường nằm vông tới 10 giờ đêm mới chịu vô nhà. Nổi hứng, ông trèo lên hai cây ổi trong vườn la hét ầm ĩ hoặc ca hát nghêu ngao. Trăng sáng, hương ổi thơm thơm tỏa ra khu vườn, chắc là gọi cho ông những điều kỳ bí, nên đầu óc cũng chung chiêng. Nhánh ổi xòe xuống mái nhà nhỏ, có một bóng người râu tóc um tùm ngồi chơi với trăng, thật tình chẳng biết là cảnh điên hay cảnh tiên nơi trần thế, nơi nhân gian đang đắm chìm trong mộng mị, tính toán.

Nhiều hôm, ngủ vài tiếng đồng hồ, khoảng 3-4 giờ sáng ông leo rào đi ra. Nhà ông Võ khi ấy chưa xây tường rào, mà chỉ có dàn kìm gai bao quanh. Bùi Giáng kiểm đồ quăng lên đồng kìm, thế là leo ra khỏe re, không bị trầy xước tí gì. Ông Võ cười: *"Ông khôn chứ điên chỗ nào! Ông còn nhớ dai kinh khủng. Ai nói câu gì, mấy năm sau ông còn nhớ như in. Có bạn ông gặt gù bảo: Thầy bói nói bậy giờ tôi nghèo chớ chừng tôi chết rồi tôi mới giàu. Chẳng biết thầy bói xem cho ông hồi nào mà ông còn nhớ kỹ như vậy"*.

Bùi Giáng đi lang thang suốt năm, nhưng có lúc lại không thèm đi đâu, ở nhà luôn cả tháng. Và cả tháng đó là thời gian ông... tịnh khẩu. Không la hét, không chửi mắng, cũng không đọc thơ, không nhắc Kim Cương, ni sư Trí Hải, cũng không giỡn đùa với cháu chắt... Tuyệt đối im lặng. Bà Võ hỏi: *"Anh có ăn cơm không?"*. Đáp: *"Ừm..."*. Hỏi: *"Anh ăn thêm nữa không?"*. Đáp: *"Không"*. Một tiếng duy nhất. Và lúc tịnh khẩu là lúc ông đem quần áo ra... vá. Có tin được không? Bàn tay ấy, tâm trí ấy mà ngồi tỉ mỉ từng đường kim sợi chỉ? Bà Võ nói: *"Trời, ông vá áo khéo lắm, khéo hơn cả phụ nữ. Ông vá miếng hình tròn, miếng hình vuông, hình tam giác, đẹp như người ta vẽ. Ngồi im thin thít mà vá, không nói tiếng nào. Tiếc quá, lũ nhỏ nhà tôi dọn dẹp, không còn giữ được cái áo, cái quần nào của ông để mọi người xem bàn tay khéo léo ấy"*. Bà Võ cũng có một cái áo vá chằng vá đụp,

đem ra làm giẻ lau, thì ông cản lại: “*Cô cất vô tủ đi, sau này nước ngoài qua mua đất lắm đó!*”. Bây giờ thì lại lên con diên thiết!

Hết thời kỳ “tĩnh chân, tịnh khẩu” thì ông tiếp tục đi lang thang. Mấy đứa cháu đi học tỉnh cờ gặp ông đang... ngồi thiền tại ngã tư Quận 6. Thế là mấy bà người Hoa nghĩ rằng “Phật sống”, xúm nhau quỳ lạy. Mấy bà mà biết đó là “nhà thơ Bùi Giáng” chắc dám đem thơ của ông về... tụng.

Trong con diên, ông lại đi lấy cho bằng được chiếc giày của Kim Cương, rồi xỏ dây đeo tông teng nơi cổ như... dây chuyền. Bà Võ nhớ, chiếc giày đó mới toanh, hình như chưa đi bao giờ. Về tới nhà, ông tháo ra đặt trên bếp để đi tắm. Bà Võ thấy vậy, dọn vô một nơi gọn gàng. Ông tìm không thấy, hốt hoảng như mất vàng mất ngọc. Chừng bà Võ mang ra, ông chửi muốn... tắt bếp, và đòi đánh cô em dâu vì dám xúc phạm tới “tiên nữ” của ông.

Vậy mà gia đình vẫn thương yêu đùm bọc ông. Khi ông mất, gia đình lập bàn thờ, cúng giỗ suốt 4 năm. Sau đó đem di ảnh ông về nhà thờ họ tộc tại Bình Chánh, và mỗi năm cúng giỗ tại mộ phần ở Gò Dưa. Hiện nay anh Hoài (rể của ông Võ) coi phần cúng kiến. Nhưng khổ nỗi, chẳng năm nào dự đoán được chính xác số khách đến dự. Vì bạn bè văn nghệ và người ái mộ ông ở khắp nơi kéo về, khi lên đến vài trăm, chẳng biết đường nào mà chuẩn bị thức ăn đãi tiệc. Mấy năm đầu đãi tiệc chay vì có nhiều nhà sư đến dự, sau đãi tiệc mặn vì bạn bè đông quá.

Bùi Giáng không còn nữa nhưng ông không chết. Dường như ông “giáng” xuống cõi trần này rong chơi một chút ta bà, rồi cười thơ về trời, nhẹ như mây như khói...

### 3. Thăng hoa cuối đời và lá thư tình chưa “công bố”

Năm 1978 Bùi Giáng về ở với ông Võ, nhưng đến năm 1985

ông mới gặp được người bạn vong niên, không ngờ cũng là người thừa kế của mình sau này. Đó là đứa cháu rể tên Hoài, con rể của ông Võ, cất nhà trong khuôn viên của gia đình.

Anh Hoài thật sự ngỡ ngàng trước một ông bác vợ “kỳ quặc” nhưng vốn không có cha từ 18 tuổi, nên anh rất quán quýt, thương yêu và kính trọng ông. Mãi đến năm 1990, anh mới bắt đầu đồng cảm với Bùi Giáng, và động viên ông sáng tác trở lại. Bùi Giáng là một cô riêng huyền diệu, cả thế gian này chưa chắc được mấy người hiểu ông, huống chi một kẻ “ngoại đạo” với văn chương như anh Hoài. Với tấm lòng thương quý thôi, anh đã xâm nhập được vào cõi riêng ấy, và giữ lại cho đời một bóng hình Bùi Giáng thiên thu.

Có lẽ Bùi Giáng tỉnh táo ra kể từ khi tập thơ của ông được nhóm Việt Thường cho xuất bản tại Canada vào năm 1990. Rồi năm 1993, NXB Hội Nhà văn lại cho tái bản tập *Mưa Nguồn*. Bùi Giáng được tôn vinh trở lại, và ông cũng hết điên, bắt đầu một cuộc thăng hoa mới không kém phần rực rỡ. Anh Hoài tiết lộ, ông đã từng thì thầm bí mật với anh: *“Tao đâu có điên. Tao phải giả điên như thế để đi hết cuộc hành trình của tao, khỏi bị quấy rầy”*. Ai quấy rầy? Thì anh em, họ hàng, bạn bè, chính quyền, và tất cả mọi người trong cõi nhân gian... Thôi kệ, ông nghĩ vậy thì cứ cho là vậy! Trong cái cõi mênh mênh mang mang của ông ấy mà... Chẳng ai bắt bẻ làm gì. Thật tình, người ta thương Bùi Giáng nhiều hơn ông tưởng. Ông quá nhân hậu với đời, làm sao đời không nhân hậu với ông!

Ông nằm trên vông lắc lư, và quẹt thơ vào bất cứ cuốn sổ nào, trang giấy nào. Nói “quẹt”, vì nét chữ ông khi ngang, khi ngửa, khi lại xiên xiên, khi chen chúc vào một góc giấy học trò. Có nhiều bài, nhiều trang, ông làm rơi vãi trong con say. Người đi nhặt, rồi cất giữ trân trọng chính là anh Hoài. Đến khi anh gom

góp và xuất bản dùm ông cuốn *Rong Rêu*, ông trở mắt hỏi: *"Ủa, mày lượn của tao đó hả? Tao vui vui làm mấy bài thơ, mày lượn làm gì". "Bác cứ làm thơ đi. Con hứa với bác cái gì bác làm con sẽ in hết"*. Anh Hoài hứa, mà như một lời thề với chính mình. Bùi Giáng cảm động. Và sau này làm được bài nào ông thường gọi anh Hoài đến cho xem.

Sách vở trong phòng ông, ông quý hơn vàng, đồ ai đụng tới được, kể cả bà Võ và chị Uyên (vợ anh Hoài) vào dọn dẹp ông cũng không cho. Ông cố tình để dơ dáy vậy để đừng ai bước vào cõi riêng của ông. Chỉ duy nhất anh Hoài có thể vô sắp xếp lại dùm ông. Anh đau lắm khi phát hiện nhiều người đã "chôm" thơ của bác mình bằng cách xé ngang nửa cuốn thơ ông đang viết dở dang. Từ đó, ông viết xong cuốn nào, anh đem cất kỹ. Ông cười hề hề: *"Mày cứ đọc đi, rồi muốn hỏi gì thì hỏi, tao nói cho"*. Nhớ lại, anh Hoài thở dài: *"Tiếc là tôi không thấu nổi tư tưởng của bác. Có lần thu băng nghe ông nói, mở ra nghe, cũng không theo nổi. Ông nói đủ chuyện cổ kim, bên Tây bên Tàu, rất uyên bác. Lại còn dạy chữ Phạn cho các sư trong chùa nữa"*. Anh chỉ còn biết động viên bác sáng tác để làm vui.

Nhưng Bùi Giáng không sáng tác cho vui, mà ông làm trời chết. Ông họa một lèo hết tron tập thơ của Thân Thị Ngọc Quế, lấy tên *Tuyết Băng Vô Tận Xứ*. Và ông ngồi ngay cái bàn trước cửa nhà anh Hoài mà dịch cuốn *Thục Nữ Học Đường* của André Gide, đêm nào cũng thức trắng, chỉ một tháng là xong. Đây là quyển tiểu thuyết nói về tâm lý phụ nữ rất hay, mà tính ông vốn yêu phụ nữ, nên say mê là lẽ đương nhiên. Đến cuốn thứ hai cũng của André Gide là *Dưỡng Chất Trần Gian*, thì anh Hoài hoảng quá không cho bác làm việc kiểu đó nữa, bỏ dở dang nửa cuốn. *"Thôi thôi, bác làm thơ cho vui đi!"*. Anh "dụ dỗ" Bùi Giáng, và ông nghe lời. Nhờ vậy mà ông có gần chục tập thơ vào lúc cuối đời,

nghư *Tâm Sự Tuổi Già, Trúc Mai, Rớt Hột Phiêu Bồng...* anh Hoài sẽ cho xuất bản nay mai cùng với *Tuyết Băng Vô Tận Xứ và Thực Nữ Học Đường*. Người ta không thấy Bùi Giáng làm việc lúc nào, vậy mà vẫn có tác phẩm, hóa ra ông chỉ làm việc về đêm, thường là thức trắng. Bộ não ông rất lạ kỳ, say đó, rồi tỉnh như không. Bác Võ kể: “*Một hôm ông Ngô Văn Tao đến nhờ Bùi Giáng dịch dùm một quyển sách, thấy ông nằm vồng dưới gốc xoài, say khướt, ông Tao bảo thôi đi về. Bùi Giáng mở mắt, đưa đây, đưa đây. Rồi dịch một lèo mấy trang, xoa hai tay giấy rơi lá tả xuống đất, xong ngủ khò*”.

Giai đoạn 1994 - 1996, Bùi Giáng sáng tác rất dữ. Và ông cẩn thận làm giấy ủy quyền cho đứa cháu rể quản lý toàn bộ tác phẩm của mình. “*Sau này máy in sách lo cho mấy đứa nhỏ*”. Đó là những đứa cháu nhỏ xiu mà ông cũng dành cho nhiều câu thơ chân thành:

*Ngày mai ông sẽ lia đời  
Các con ở lại buồn vui thế nào  
Ông về chín suối chiêm bao  
Thần tiên mộng mị mừng chào các con.*

Không chỉ cao siêu, diễm tuyệt, mà ông còn có hàng trăm bài thơ đời thường, đầy thương yêu như thế. Ông ban phát thơ cho khắp nhân gian, hình như ai cũng có phần...

*Ta sự tình máu tim vừa mới chớm  
Đã thiên thu ở lại giữa hồn ta  
Phối tim như cây lá trước hiên nhà  
Cùng chim hót chan hòa ta tình giấc.*

Bùi Giáng viết thư và làm thơ cho Kim Cương nhiều vô kể, nhưng trong đó có một bức thư Kim Cương chưa hề trông thấy. Đó là bức thư ông viết năm 1998 (trước khi chết vài tháng) rất tình tảo, nhưng lại không đưa cho Kim Cương, chỉ anh Hoài cất

giữ. Sau này, anh Hoài có kể cho Kim Cương nghe về lá thư này, nhưng vì quá bận bịu nên lá thư lại trôi vào quên lãng. Mãi đến khi chúng tôi thực hiện loạt bài này anh mới đưa cho chúng tôi đăng tải, cũng là “ra mắt” Kim Cương lần đầu tiên.

*Cô Kim Cương yêu quý,*

*Kể cũng gần 50 năm quen biết và yêu mến cô. Đó là hạnh phúc lớn đi suốt đời tôi. Sau này cô cao hứng đến nhà viếng thăm tôi. Ấy thật bất ngờ. Rủi ro lần đầu tôi say rượu chẳng biết gì cả. Lần thứ nhì, tôi tỉnh táo. Tâm hồn thoải mái như được cùng tiên tái ngộ. Máy ngày rày cứ giờ mấy tấm ảnh chụp chung với cô. Guong mặt cô càng ngày trông càng lạ. Mấy đứa cháu gái, cháu dâu, cháu ruột chúng xúm xít trầm trồ: “Cô Kim Cương ngoài đời đẹp hơn trên ti vi... Lạ quá! Lạ quá!”. Guong mặt cô có nét hồn hậu, trung hậu dịu dàng. Ai ai cũng nhận thấy thế. Hình như sau này cô gặp hạnh phúc lớn hay sao mà bỗng nhiên trông cô còn trẻ hơn xưa nay? Lúc trước đọc báo nghe cô nói có ý mua cho tôi một cái nhà. Tôi cảm động đến ngẩn ngơ. Giữa đêm tĩnh giấc, còn âm ỉ khóc lóc một mình. Nhưng cô nghĩ xem? Làm sao tôi dám chấp nhận? Tôi vốn già điên say rượu... ở với tụi cháu sum vầy mấy chục năm nay, chúng quen thuộc tính nết tôi rồi. Chúng vui vẻ hân hoan chịu đựng. Nhiều lúc tôi lại có ý chộc cho chúng la rầy để nghe cho vui về lỗ tai... đỡ buồn hiu quạnh... Tuổi già tôi có được đôi bà bạn thân và còn giữ được tình nghĩa của cô thì thử hỏi còn gì tốt đẹp hơn nữa? Xin mời cô thỉnh thoảng ghé lại nhà coi như đi nghỉ mát. Được nhìn thấy cô là tự nhiên hết buồn, hết điên, hết say rượu. Chúc cô suốt đời sung sướng.*

*Bùi Giáng 98 (Mậu Dần)*

## BÙI GIÁNG TRONG TÔI<sup>(\*)</sup>

Trước mắt tôi là chân dung của một người đứng tuổi, tóc và râu cằm lưa thưa, gương mặt hốc hác, có một mắt mang kính đen khiến tôi nghĩ đến một câu nhạc của Trịnh Công Sơn “còn hai con mắt khóc người một con...”. Đó là chân dung Bùi Giáng do bé Kỳ vẽ để lại cho tôi trước khi xuất ngoại. Còn lại là, đầy ắp trong tôi, những điều tôi nghĩ về Bùi Giáng và đã kết luận từ lâu.

Điều tôi kết luận, thứ nhất, rằng tên tuổi Bùi Giáng thuộc lớp thi sĩ hàng đầu của hậu bán thế kỷ XX, có trước cả những tác giả của những câu thơ sang trọng kiểu này: “*Thuốt tha hồn của bông hương, nghe trong hơi gió còn vương máu hồng*”. Vậy cứ một nửa thế kỷ còn lại một người. Tôi nói như thế chắc sẽ làm nhiều người bực mình, và tôi cũng e rằng miền Bắc ít có người biết đến Bùi Giáng thuở ông nổi tiếng. Chế Lan Viên đã khẳng định trên báo *Tuổi Trẻ* như thế về Hàn Mặc Tử và thơ Việt Nam tiền bán thế kỷ XX.

Bùi Giáng có công rất lớn với thi ca Việt Nam, trước hết là về phương diện từ ngữ, chữ của Bùi Giáng là chữ bụi bặm thường ngày; hình như người ta vứt đi, và ông nhặt lên, phúi phúi, hà hơi vào, để tất cả hóa thành thơ. Trong thơ Bùi Giáng có cả “*cánh chuẩn chuẩn và cánh bướm*”. Đó chính là tập thơ *Mưa Nguồn* mà

---

(\*) Bài in theo *Phụ bản Thơ*, báo *Văn nghệ*.

Hoàng Phủ Ngọc Tường - nhà văn, nguyên Chủ tịch Hội Văn nghệ Quảng Trị, Tổng biên tập các tạp chí *Sông Hương*, *Cửa Việt*, quê gốc ở tỉnh Quảng Trị, hiện sống ở Huế.



gần đây Nhà xuất bản Văn học mới in lại của Bùi Giáng. Bên cạnh thơ siêu thực, thơ tự do của thời thượng bấy giờ, giọng thơ dân gian của Bùi Giáng đã khiến ông trở thành một hiện tượng không thể phủ nhận, cũng giống như Nguyễn Bính thời tiền chiến. Ví dụ, ai đã đọc những câu sau:

*Làm con bé chạy đổi sim  
Vấp chân hóc đá tiếng kèn nguyệt ma  
Ngây mai bung mắt khóc òa  
Trời trên đất dưới hóa ra chung tình.*

thì ắt không thể nghi ngờ về công của Bùi Giáng đối với thơ Việt Nam.

Thứ hai, nói đến thơ Việt Nam, là chắc chắn ta nghĩ đến thơ lục bát. Không hẳn vì chỉ có Việt Nam mới có thể thơ này (Chiêm Thành cũng có) mà bởi vì đó là thể thơ của nhịp hai, là nhịp của cái gàu tát nước, là tiếng đưa vồng, là nhịp của tao nôi, và là nhịp của trái tim đập trong lồng ngực. Thí dụ thứ nhất thuộc về Nguyễn Du:

*Trăm năm/trong côi/người ta  
Chữ tài/chữ mệnh/khéo là/ghét nhau*

Bùi Giáng cũng đi nhịp hai như vậy. Hồi chúng tôi còn trẻ (cuối thập niên 50), tôi thường lui tới một căn nhà trọ thuộc hẻm Lê Văn Duyệt (nay là đường Cách Mạng Tháng Tám), và đi ngang qua nhà của Bùi Giáng. Đó là một căn nhà hầu như trống trải, nghe nói do một người bà con giàu có là bác sĩ Tín mua cho và gửi trước cả tiền com tháng dù ông Bùi Giáng có về ăn hay không. Tôi nhìn vào thấy lũ trẻ trong xóm đang ngồi đầy căn phòng, miệng hò la:

- Ông Bùi Giáng! Ông đờn (đàn) đi!

Bùi Giáng làm bộ cầm một cây đàn violon và kéo, vừa “hát” thơ của ông theo điệu bài chòi:

*Đem tôi đến giữa màu đêm  
Giết tôi chết giữa người quên mặt người.*

Lũ trẻ vỗ tay ran ran. Chúng tiếp tục hò reo:

- Ông Bùi Giáng đồn hay quá! Đồn nữa đi!

Bùi Giáng tiếp tục:

*Hãy đem tôi tới ngoài xa*

*Giết tôi chết giữa màu hoa trên ngàn.*

Ông lại cười ha hả, vừa đàn với cây vĩ cầm ảo tưởng, vừa hát theo ý lũ trẻ: “Ông hát đi, ông hát nữa đi”

*Hãy đem tôi tới ngoài xa*

*Giết tôi chết giữa dẫu Tần cô Yên...*

Ông Bùi Giáng giống như người Nghệ, ít thay đổi giọng nói. Giọng Quảng của ông phổ vào điệu bài chòi nghe gan ruột lạ lùng. Có người thấy việc kể lại rằng: Một ngày nọ, ông Bùi Giáng ra hóng mát đầu hè, thấy một người đàn ông từ lục tỉnh lên, vừa đi vừa dòm những số nhà. Bùi Giáng giữ ông già lại, mới biết ông đang đi tìm thuê một căn nhà. Bùi Giáng đơn dả:

- Mời ông vô ở với tui, khỏi phải thuê nhà, tui cho ông ở không lấy tiền.

Ông già lắc đầu:

- Cảm ơn thầy, nhưng tôi còn ở chung với cả gia đình.

Bùi Giáng ngập ngừng một lát, rồi gật đầu:

- Gia đình cũng được. Tui ở một mình buồn quá!

“Gia đình” của ông già gồm có vợ, hai cô gái mà ông gọi là “con Hai, con Ba”, và người chồng của cô Ba là một trung sĩ (chế độ cũ). Một hôm ông trung sĩ đi chiến trường Tây Nguyên về, gặp ông Bùi Giáng đang đưa cô Ba đi chơi công viên. Ông Bùi Giáng lịch sự xin phép ông trung sĩ đi chơi với cô Ba một quãng, tới cái máy nước gần đó rồi đi vào trở lại, “trả vợ” cho ông trung sĩ. Ông trung sĩ cười vui vẻ:

- Thầy cứ tự nhiên, có sao đâu!

Và Bùi Giáng làm theo lời hứa.

Một hôm cả nhà làm một bữa cơm thịnh soạn đãi ông Bùi Giáng. Nửa chừng, ông già ngó ý gả cô Hai cho ông Bùi Giáng, “vì con Ba đã có chồng rồi”. Ông Bùi Giáng nói tỉnh bơ:

- Tui biết rồi. Hiếm vì cô Hai xấu quá, không hạp nhãn tui.

Sau này người ta biết rằng ông Bùi Giáng yêu cô Ba mê mết. Thỉnh thoảng người ta đọc thấy một dòng chữ viết phấn trên cái bảng đen vẽ giữa nhà: “Vì BG làm cô Ba giận nên không dám về. BG xin phép cô Ba vắng mặt... ngày...”.

Hồi đó, tôi dạy Việt văn ở trường Tư thực Văn Lang, còn Bùi Giáng dạy lớp luyện thi ở gần đó. Tôi thấy Bùi Giáng ra đề: “*Nếu cho anh chọn giữa Thúy Kiều và Thúy Vân làm vợ, thì anh sẽ chọn ai*”. Tôi cười thầm trong bụng, vì tôi cũng dạy *Kiều* ở lớp đệ nhị. Lớp đông học trò, nên dạy nửa chừng, áo ông Bùi Giáng ướt đầm đề. Ông cứ tự nhiên đứng giữa lớp cởi áo ra, nhét vào túi quần và lôi từ túi quần kia một cái áo nhàu nhò và mặc thay vào cũng giữa lớp. Cách dạy đó, từ lối ra đề đến lối mặc áo đều bộc lộ tính tự do tuyệt đối của Bùi Giáng.

Ở Huế, có một người in thiệp, dòng trên tên mình thì dòng dưới ghi cả chức vụ của cha, ông nội và cố, toàn là quyền cao chức trọng. Bùi Giáng chẳng xem những điều đó quan trọng gì, dù ông thuộc về gia đình của Hoàng Diệu. Nhân một cuộc cãi vã, ông đứng trước nhà thờ họ Hoàng, kêu Hoàng Diệu bằng thẳng, chửi và một hồi rồi bỏ đi thẳng đến mấy chục năm.

Rồi chiến tranh làm chúng tôi xa nhau.

Sau giải phóng, tôi tìm thấy một tấm thiệp mốc meo ở trong sách nhà Đinh Cường, tấm thiệp chỉ ghi:

*Hỏi tên, rằng: “Biển - Dâu - Ngàn”*

*Hỏi quê, rằng: “Xứ mơ màng”, đã quên.*

Quả nhiên đó là thiệp của Bùi Giáng. Ông chỉ nhớ như vậy và đã quên cả tên của mình. Tôi nhớ Đặng Quân “ở bên Pháp” có

lần nói: “*Quê hương nhà thơ thuộc Bông Lông xã, Ba La huyện. Hỏi quê, rằng xứ mơ màng đã quên*”.

\*

Tôi có thói quen khi đi đường rừng một mình thường ngâm thơ, hoặc hát vang, để nghe giọng người trong hoang vắng cũng đỡ cô độc. Lần ấy, tôi đi lấy lá nón về lợp nhà, ngâm to bài thơ sau đây:

*Người trở về trên năm ngón chân  
Tôi buồn, người bảo có tay nâng  
Bàn tay người có đầy năm ngón  
Người đứng xa tôi tiến lại gần  
Tôi gặp người mừng rỡ biết bao  
Trời xanh như lá ở trên cao  
Con chim nó nhảy trên cành lá  
Người nắm tay tôi nhẹ dẫn vào*

*Ngôi nhà người dựng giữa trời xanh  
Cửa ghép bằng cây với nhành cành  
Để khép sơ sơ và cũng để  
Mở mời anh chị bước vào nhanh*

*Hôm xưa đi đốn củi trong rừng  
Lạc mất đường về chột bỗng dưng  
Sực nhớ nơi đây rừng núi thẳm  
Là quê, thân thiết biết bao chừng.*

Vừa đọc đến đoạn cuối tôi chợt nghe một giọng sang sang vang lên sau lưng:

- Chà, anh T đọc thơ hay quá. Thơ ai đó?

Nghe giọng nói tôi đoán là anh Th, đang đứng bên lề con đường mòn dẫn vào cơ quan tỉnh ủy, tôi lẹ miệng:

- Dạ, thơ Xuân Diệu.

- Ông Xuân Diệu làm thơ hay quá nhỉ? Vậy mà hỏi đi học tôi không biết.

- Ai mà đọc cho hết thơ của Xuân Diệu. Ông Xuân Diệu làm thơ nhiều lắm.

Tôi quay nhìn lại, thấy anh Th vội vã đi trên đường mòn. Thật ra đây là một bài thơ của Bùi Giáng, không biết bao giờ đã lọt vào trí óc tôi. Tôi nhận thức đây là một bài tóm gọn hiện tượng luận của Heidegger trong quyển *"Những Con Đường Rừng"*: Khách thể (ở đây là chân lý) có đặc điểm cởi mở (sẵn sàng để được nhận thức) và chủ thể thì hiểu bằng sự thông cảm. Hình như Bùi Giáng thích hiện tượng luận của Heidegger hơn thuyết hiện sinh của Jean - P. Sartre. Chả thế mà trong một quyển sách viết về Heidegger, Bùi Giáng đòi dùng roi quất Jean-P. Sartre, *"Để cho nó biết thế nào là triết học"* và khi có người chê quyển sách ấy thì Bùi Giáng đến xóm gò của đòi đánh nhau (lúc ấy Bùi Giáng còn trẻ nên rất hăng).

Tôi cho rằng cái tài năng làm thơ không cần phải đi thực tế. Một lần tôi đi ngang qua Rừng Thông, một xã Trường Sơn giáp giới giữa Thừa Thiên - Huế và Quảng Trị. Những o du kích bị bắt hầm sau Mậu Thân lên sống tạm ở hầm hố trên núi đến độ họ bị nạn chảy rận: Các o đi ra miền Bắc, ngồi giữa rừng thông bắt chấy cho nhau và khi họ vạch tóc ra, thấy tóc xanh trở thành bạc vì trúng chấy. Tôi nhớ lại:

*Hai bên đường ngồi lại*

*Những người đếm tóc nhau*

*Kỷ niệm về kinh hãi*

*Tóc xưa đã phai màu.*

và trầm nghĩ: Quái lạ! ông Bùi Giáng đi thực tế lúc nào mà biết cảnh này? Có lẽ ông đã thấy nó khi ông còn là một thiên thần sống trong thế giới hoàn hảo mà Platon gọi là thế giới ý niệm; ở đó, ông đi dự đám rước những ý niệm, trong đó có ý niệm đếm tóc trên. Ông sa

đọa xuống cõi trần và trở thành nhà tiên đoán, đời gọi là thi sĩ...

\*

Năm ngoái, tôi và Ngô Văn Tao có đến nhà riêng ở Bình Thạnh tìm Bùi Giáng. Ông Văn Tao là giáo sư toán học ở Canada, thi sĩ đã in nhiều tập thơ ở trong nước và xem Bùi Giáng như sư phụ... Bùi Giáng giằng diếu thuốc trên tay tôi như sợ tôi hút hết và quên mời ông, nói:

- Từ đây đến chết tao còn một vạn câu thơ, nhưng mày chỉ cần nhớ hai câu này là đủ, - và ông đọc:

*Ngây mai cá sống phiêu bồng*

*Ngàn trăng ngậm bóng sương đồng ra đi.*

Ông nói chuyện với tôi, ngồi xỏm trên nền nhà và mặc chiếc quần lãnh ở trong, thò hai ống quần ra ngoài chiếc quần cộc. Nền có người nhận thấy ông choàng một tấm vải có treo lon tùm lum và rong chơi khắp phố phường. Ông tự xưng là “Trung Niên Thi Sĩ”. Còn tôi coi ông là người của nỗi cô đơn không thềm nói ra. Nghe nói chiếc quần lãnh kia cũng thuộc một người đàn bà mà ông ngưỡng mộ. Trong bài thơ *Phụng Hiến* nổi tiếng, ông đã viết những câu thật là nhân ái:

*Tôi gửi lại đây mấy dòng ảo não*

*Mấy vần thơ tuyệt vọng gửi cho em*

*Rồi gục đầu trên trang giấy hão*

*Em bảo rằng:*

*Đừng tuyệt vọng nghe không?*

*Còn mãi đây,*

*Trang thơ thắm lại với trời hồng<sup>(\*)</sup>.*

Hoá ra dờ dẫu cho nỗi cô đơn của ông cũng là một bàn tay con gái...

---

(\*) Đoạn trích có dị biệt với nguyên bản trong *Mưa nguồn* (BT)

## MỘT VÀI KỶ NIỆM VỚI BÙI GIÁNG<sup>(\*)</sup>

Nhiều buổi chiều Sài Gòn, tôi chẳng còn có thể nhớ đích xác vào những năm nào, đâu như năm 1962, đâu như năm 1965 (nếu sai, nhờ hai anh Cung Tiến, Phạm Công Thiện nhớ lại dùm cho), tôi thường được mời tới những họp mặt ăn nhậu trên căn lầu ngấn nấp, thoáng mát của thầy Thanh Tuệ ở đường Lý Thái Tổ. Mỗi lần họp mặt với Thanh Tuệ, hồi đó là Giám đốc của nhà xuất bản An Tiêm và còn là nhà sư trẻ tuổi tấn chưa cởi áo hải tặc, thường vì một cuốn sách. Một cuốn sách mới, vừa in xong chưa ráo mực. Và trước khi gói sách vào nắng mưa đời, họp mặt An Tiêm với thân hữu là một tiệc rượu lạc thành cho sách.

Những họp mặt vì sách và do sách đó thường có tôi, Thanh Tâm Tuyền, Phạm Công Thiện, đôi khi Nguyễn Đình Toàn, Dương Nghiễm Mậu, Doãn Quốc Sĩ, và đương nhiên nhân vật chủ chốt là tác giả sách là Bùi Giáng. Tôi chỉ kể tới Bùi Giáng, bởi suốt thời kỳ đó, có thể nói, thầy Thanh Tuệ vì một tấm lòng liên tài đặc biệt, chỉ mê thích thơ văn Bùi Giáng, chỉ in Bùi Giáng, dành trọn phương tiện cho ưu tiên xuất bản trước mọi tác giả khác. Và giai đoạn có thể đặt tên là giai đoạn Bùi Giáng này, An

---

(\*) Bài đăng lần đầu ở tạp chí *Văn*, số 26, tháng 8-1984.

Mai Thảo (1927-1998), quê ở Nam Định, đã làm báo, viết văn tại Hà Nội, vào Sài Gòn năm 1954, là một trong những nhà văn nổi tiếng ở Miền Nam, sau 1975 sang cư trú và mất tại Hoa Kỳ.

Tiêm đã in đêm in ngày, in mệt nghỉ, vì những năm tháng đó chính là những năm tháng đánh dấu cho thời kỳ sáng tác kỳ diệu sung mãn nhất của Bùi Giáng, cõi văn cõi thơ Bùi Giáng bấy giờ ào ạt vỡ bờ, bát ngát trường giang, mệnh mông châu thổ, Bùi Giáng bấy giờ mỗi tuần viết cả ngàn trang khiến chúng tôi bàng hoàng khiếp đảm, ngôn ngữ và tư duy của Bùi Giáng bấy giờ hiển lộ tới không bến không bờ, vô cùng vô tận, và tài năng ông cũng vậy.

Bùi Giáng chất ngất một trời chữ nghĩa, Bùi Giáng trùng trùng một biển văn chương. Vậy mà mỗi lần gặp thi sĩ hồi đó, cảm tưởng bao giờ cũng giữ được là đã gặp một Bùi Giáng rất nhàn rồi, rất rong chơi. Bước chân vào nhà Thanh Tuệ chúng tôi đã thấy Bùi Giáng ngồi trước đó, tươi cười, ung dung, trong cái phong thái của một người nhàn nhã nhất thế giới, chẳng có một dấu vết nào của một người viết đang gió táp mưa rơi trên ngàn ngàn trang sách. Có như Bùi Giáng trước sau vẫn đang chập chờn với đời như một cánh bướm, lũng thũng với đời như một áng mây. Có như Bùi Giáng, cái áo vải cũ, râu tóc để mặc, diều thuốc trên tay, chén trà trước mặt, vẫn chỉ ngồi chơi thanh thoi ngày ngày với An Tiêm như thế. Sau này, sống với Bùi Giáng nhiều hơn, tôi cũng chỉ thấy Bùi Giáng như hồi đầu thấy ở An Tiêm. Trong một phiêu hốt, một ung dung chưa từng thấy. Có như, trọn một đời cái đầu của thi sĩ không một chút nào dành cho suy nghĩ, bàn tay thi sĩ không một phút nào dành cho cây bút. Có như trang giấy trắng, mặt bàn viết là những vật thể xa lạ chẳng bao giờ ông biết tới. Vắn tắt là Bùi Giáng chẳng làm gì hết, chẳng ai một lần nhìn thấy Bùi Giáng đang làm gì hết. Mà hoàn toàn phiêu bồng, hoàn toàn rong chơi.

Vậy mà cái sức viết hồi đó đến như Bùi Giáng là tột đỉnh, là không tiền khoáng hậu. Vậy mà cái lực viết đến như Bùi Giáng và thấy Bùi Giáng là ngàn người không một, là phi phạm, là vô địch rồi.



Một lần, tôi đem cái điều khó hiểu này ra hỏi một người cũng làm thơ thật nhiều, cũng làm thơ rất đều tay là Thanh Tâm Tuyền. Tác giả *Liên Đêm Mặt Trời tìm thấy* lắc đầu cười: “Chịu không giải thích được. Chỉ biết Bùi Giáng khác. Với tôi. Với hết thấy. Là cái chỉ có một. Với tôi là từng bài thơ. Nói đến từng bài thơ Bùi Giáng, bài thơ này bài thơ kia của Bùi Giáng lại là chuyện tức cười lắm lắm. Bùi Giáng là cái hiện tượng dị thường của một suối thơ ăm ắp không ngừng. Đọc thơ Bùi Giáng cũng phải đọc như thế. Đứng trên đơn vị từng bài. Bùi Giáng đặt tựa cho từng bài là ngắt thơ ra, ngắt chơi ra vậy thôi. Nói đến mấy ngàn bài thơ Bùi Giáng là đúng. Mà nói thơ Bùi Giáng chỉ có một bài, vô tận vô cùng là đúng hơn. Ngủ ra thơ, thở ra thơ, đi ra thơ, đứng ra thơ. Chứ không phải nghĩ ra thơ, làm thơ. Ta cứ tạm hiểu cái trạng thái thơ kỳ lạ khác thường ở Bùi Giáng là như vậy”.

Sự ngược nghịch giữa cái rong chơi một đời của Bùi Giáng với cái lực thơ, cái số thơ, cái lượng thơ khủng khiếp làm ra, tôi đem hỏi thêm nhà xuất bản hằng ngày sống cùng Bùi Giáng, rồi đến chính thi sĩ, cũng không được sáng tỏ gì hơn ngoài suy diễn có tính chất phỏng đoán của Thanh Tâm Tuyền. Thầy Thanh Tuệ cũng chỉ lắc đầu cười. “Tôi cũng lấy làm kỳ”, Thanh Tuệ nói. “Anh lang thang suốt ngày, chẳng thấy lúc nào ngồi viết hết. La cà hết nơi này đến nơi khác, uống rượu say ngất rồi về lầu lẩn ra sàn ngủ, nhiều ngày bỏ cả bữa ăn. Đêm cũng không thức, chỗ nằm tối thẫm. Tôi in không kịp, nói ảnh tạm ngừng thi ảnh ngừng. Nói có máy, có giấy, nói buổi sáng buổi chiều ảnh đã tới ném bịch xuống cả năm, bảy trăm trang. Cứ thế đem sắp chữ thôi, đâu có thì giờ đọc. Điều kỳ lạ là không riêng một thể loại mà thể loại trước tác nào anh cũng có ngay sách, dễ dàng và nhanh mau vô tả. Từ thơ đến văn. Từ một cuốn tiểu luận về Camus đến một cuốn tiểu luận

*về Nguyễn Du. Từ dịch thuật tiểu thuyết đến phê bình triết học. Tất cả như đùa như chơi vậy.”*

Nhà An Tiêm suốt mấy mùa sách, hầu như không thờ được nửa trước cái viết tràn bờ của Bùi Giáng, điều này ai cũng biết.

Rồi tôi rủ Bùi Giáng tới quán. Đãi ông uống rượu. Vận hỏi chính thi sĩ. Để cũng chỉ được Bùi Giáng cười cười thích thú trước tìm hiểu có vẻ ngớ ngẩn của tôi. Ông không chịu giải thích, chừng như ông không có gì giải thích, sự thành hình tác phẩm nơi Bùi Giáng cuối cùng vẫn là một bí ẩn hoàn toàn trong cái vùn vụt, cái bất tuyệt thao thao, cái chớp mắt đã là của nó. Cười cười, ông đốt điếu thuốc, cầm lấy ly rượu: “Vui thôi mà”. Ừ vui, ba chữ “Vui thôi mà” là câu trả lời mơ hồ nghịch ngợm duy nhất của Bùi Giáng trước mọi tìm hiểu của lực thơ và số lượng thơ không thể tưởng tượng được ở nơi ông, cỏi thơ vô bờ của ông trăm phương nghìn ngả mênh mông và chính ông là hiện thân của mênh mông nghìn ngả trăm phương ấy.

Bùi Giáng nói vui thôi mà. Quả vậy, thơ ông vui cực kỳ. Con châu chấu, con chuồn chuồn. Con chuồn chuồn, con châu chấu. Rừng Marilyn. Biển Brigitte Bardot. Ngành Novak. Đóa John Keats. Ngành Mặt Niệm. Đóa U Linh. Hồng Linh Hạc Lâm. Quỳnh Lai Thị Xứ. Thơ đốt pháo bông, ngôn ngữ triệu triệu, như chữ thần diệu:

*Người nằm ngủ thấy gì*

*Thấy rất nhiều nắng lạ.*

Giấc ngủ đầy nắng, đầy nắng lạ. Bùi Giáng nói vui thôi mà. Thơ ông vui thật. Từ cánh tay áo rộng, thơ bay. Từ trí tuệ gió lộng, thơ phát. Nghìn thu cổ lục. Ngày Hy Nga. Đêm bé chị. Mọi trên ngàn. Sóng Hồng Hoang. Thềm dục vọng. Thơ ghé thăm đá, thăm bàn ghế, thăm bún bò, thăm lá.

*Ghé thăm trái mạn ban đầu*

*Bình minh bắt gặp nguyên màu ban mai.*

Tiếng thơ sáng rõ, chói lọi, kỳ ảo, cánh rừng ngôn ngữ ấy sôi reo, chim hót, hoa nở, cây ào ào sóng vỗ, sóng từng từng xanh cây, beo gấu rờn nghịch, con chuồn chuồn hóa thân, con châu chấu suy tưởng, những môi nhỏ hằng ngày, gì cũng là thơ, thấy đều biến dạng. Thơ Bùi Giáng vui thật. Một vĩ đại vui. Hãy đọc thơ ấy, như cùng ông đi vào một trận vui lỏng lẻo. Đừng cần tìm hiểu. Đừng cần giải thích. Hãy đọc lại *Mưa Nguồn, Bài Ca Quần Đảo*.

*Xin chào nhau giữa con đường*

*Mùa xuân phía trước miên trường phía sau*

Sẽ thấy cái vẫy tay chào lấp lánh của thi sĩ. Cái sự “Vui thôi mà” trước sau ông chỉ nói vậy, ba chữ này tôi ao ước được thấy khắc vào mộ chí ông khi ông mất đi, ông và giữa con đường vui, không dưới không trên, không đầu không cuối gì hết. Giữa, và Mùa xuân phía trước miên trường phía sau.

Thơ là người. Ngoài đời Bùi Giáng cũng thật vui. Thời kỳ Thanh Tuệ chấm dứt, nhà xuất bản An Tiêm tạm ngừng hoạt động, Bùi Giáng gặp lại Thanh Nam, Viên Linh, Vũ Khắc Khoan và tôi ở toà soạn tuần báo *Nghệ Thuật* và những kỷ niệm chúng tôi có với thi sĩ thời gian này vẫn là những kỷ niệm vui. Lúc này, thần thái ông ấy không còn được rạng rỡ như mấy năm về trước. Cuộc phiêu bồng qua đời sống của ông kỳ dị và tận cùng hơn. Mái tóc ông đổi màu. Mấy chiếc răng cửa bị gãy, nụ cười vừa trẻ thơ vừa móm mém. Cặp mắt sâu hóm xa khuất dần với mọi hình hài thực tế. Những con đường trên đó ông đi, cái túi vải thơ nào, những ngả tư ông ngừng lại, tách thoát với nhân thế, tất cả ở Bùi Giáng phơi hiện dần dần một hủy hoại khô khốc, ấy là tôi chỉ biết nhìn thấy ông một cách “hình hài” như vậy, nhưng “Vui thôi mà” thì vẫn là rất vui. Ông vào tòa soạn, ngồi xuống ghế, nhìn mọi

người, cười trẻ thơ, thường nói khát quá và xin một chai bia uống. Ông uống từng ngụm nhỏ, nói thích chai bia lớn vì uống được nhiều hơn, châm thuốc hút, những ngón tay vụng về lóng ngóng. Uống cạn chai bia, cái túi vải đeo lên và bỏ đi. Đó là cái đến cái đi êm ả của Bùi Giáng. Nhiều lần không thể. Ông ra tắm ở cái máy nước trước tòa soạn, thân nhiên trước người qua kẻ lại, quần áo lướt tuốt đi qua đường, một đám con nít tròn mắt đi theo. Một lần khác, chúng tôi đi ra ngoài một lát trở về, thấy ông nằm ngủ ngon lành trên hai cái bàn viết kê liền lại. Giấc ngủ dài, quên đời, quên hết, mặc hết, phải đánh thức dậy. Những lần đó, ông ngồi im lặng, bất động, thăm thì “Vui thôi mà” rồi lặng lẽ bỏ đi, cái bóng dáng gầy đơ, gầy guộc trong chiều xuống.

Chính là trong cái tình trạng suy nhược đã trầm trọng quá chừng và tiêu tụy quá thể này của Bùi Giáng mà chúng tôi bắt đầu cảm thấy quan tâm thực sự đến thi sĩ. Đến sức khỏe ông, ngày mỗi cạn kiệt. Đến cách sống ông ngày mỗi tiêu tụy. Đến tâm thức ông, ngày càng bất định. Cuộc vui của ông Bùi Giáng tuyệt vời nhưng chẳng thể phiêu bồng mãi mãi. Phải làm một cái gì về ông. Để ghi nhận lại. Về thế nào là cái tiếng thơ trác tuyệt của Bùi Giáng, cội ngôn ngữ đạt tới hoang đường kỳ ảo của Bùi Giáng. Trong khi còn gần ông. Trước khi ông chẳng gần, chẳng chịu sống cùng ai nữa.

Số đặc biệt về thiên tài thi ca Bùi Giáng phải chờ đến hơn một năm sau, tờ *Nghệ Thuật* đình bản, tôi sang trông coi tờ *Văn* chung với Nguyễn Xuân Hoàng, mới thực hiện được. Cũng nhờ số *Văn* này mà tôi mới nhìn thấy và hiểu được sự không hiểu của tôi nói ở trên là sự ngược nghịch giữa Bùi Giáng tháng ngày rong chơi với Bùi Giáng một tuần lễ cả ngàn câu thơ, cả ngàn trang sách. Số *Văn* ấy, phần nhận định nhờ Thanh Tâm Tuyền, Ninh Chữ, Tuệ Sỹ, Trần Tuấn Kiệt... viết. Bài phỏng vấn Nguyễn

Xuân Hoàng thực hiện. Phần giới thiệu những bài thơ mới nhất là tôi. Chưa biết kiếm tìm Bùi Giáng ở đâu, thi sĩ bất ngờ ghé thăm tòa soạn. Ông chỉ còn là da bọc xương trong quần áo thùng thình, mái tóc dài đạo sĩ, cái túi vải còn thêm cây gậy. Kéo ông ra trước báo quán chụp chung tấm hình làm kỷ niệm rồi tôi hỏi xin ông những bài thơ mới nhất. Ông gật. Tưởng lấy ở túi vải ra. Hoặc nói về lấy, hoặc nói hôm sau. Tất cả đều không đúng. Ông hỏi mượn một cây bút, xin một xấp giấy, một chai bia lớn nữa, đoạn ngồi xuống, và trước sự kinh ngạc cực điểm của chúng tôi, *bắt đầu tại chỗ làm thơ*. Ông không chép lại thơ đã làm. Ông làm thơ tại chỗ. Lần đầu tiên tôi thấy Bùi Giáng viết, thoăn thoắt, vùn vụt, nhanh không thể tả. Như thơ không thể từ đâu, từ tim chảy xuống, lâu quá, mà ngay từ ngọn bút từ đầu ngón tay thôi. Làm thơ ứng khẩu, làm thơ tại chỗ, nhiều người cũng làm được. Nhưng là thơ thù tạc, và chỉ năm bảy câu một bài thôi. Bùi Giáng khác. Chai bia còn sủi bọt, ông ngồi viết không ngừng, tự dạng nắn nót chỉnh đốn, chỉ một thôi đã xong hơn hai mươi bài thơ, chúng tôi cần lên coi, thấy bài thơ nào cũng khác lạ, cũng thật hay, cũng đích thực là từng hạt ngọc của cái thơ thượng thừa Bùi Giáng. Lần đó, tôi đã hiểu tại sao Bùi Giáng cứ cánh bướm rong chơi, cứ phiêu bồng lang du mà vẫn có ngay nghìn câu một buổi. Đúng là ngủ ra thơ, thở ra thơ, uống la-de, hút thuốc lá ra thơ. Mà thơ không ai sánh bằng, thơ không ai đuổi kịp. Ông uống cạn chai la-de, lập lại ba tiếng bất hủ “Vui thôi mà” rồi đứng lên từ biệt.

Mấy tháng cuối cùng trước biến cố 1975, tôi không thấy Bùi Giáng trong đời sống tôi nữa. Chỉ thỉnh thoảng nghe thấy ông vẫn lang thang đây đó, một quán này, một bãi hoang kia, ngủ bất cứ ở đâu, dưới trời sao, ở một gầm cầu, dưới một mái hiên. Có lúc thấy nói ông đeo một xâu chuỗi toàn giấy dép và quần áo phụ nữ quanh cổ như một vòng gai quái dị, đám con nít reo hò chỉ trỏ

người điên, người điên. Có khi nghe thấy, ông ẩn lánh ở ngôi chùa vùng ngoại vi thành phố, ăn chay niệm Phật cả ngày không nói.

Ở trình trạng này, anh em chúng tôi, những bạn bè một thời thân thiết với Bùi Giáng, từng đã chén thù chén tạc với Bùi Giáng bao lần trên căn gác đường Lý Thái Tổ của nhà xuất bản An Tiêm, nhận sách tặng của Bùi Giáng, ở với ông và trời thơ trác tuyệt của ông, chúng tôi biết chúng tôi chẳng làm gì cho Bùi Giáng được nữa. Chẳng phải bỏ ông. Ông cũng không bỏ. Chỉ là ông đã đi khỏi, đi xa, vào một trời đất khác.

Hai câu thơ hay tuyệt hay vào tập cho tập *Mưa Nguồn*:

*Xin chào nhau giữa con đường*

*Mùa xuân phía trước miên trường phía sau*

Đã mang một ý nghĩa khác. Lời chào như một xa cách vĩnh viễn. Một bỏ đi. Một vĩnh viễn. Cái kho tàng chữ nghĩa phong phú vô tận ở đó Bùi Giáng vừa tạo dựng nên cái thế giới ảo huyền của mình vừa phá hủy tan tành cái thế giới ấy, kho tàng ấy thì sẽ không thêm sử dụng nữa, và chúng tôi chẳng còn con đường nào tới được với ông.

(.....)

Bùi Giáng đã đem lại cho cuộc đời biết bao nhiêu châu ngọc. Bằng tài thơ trác tuyệt. Bằng cội ngôn ngữ ảo diệu, không tiền khoáng hậu. Có ông, thi ca mới đích thực có biển có trời. Từ ấy, thi ca mới không cùng không tận. Đọc lại *Mưa Nguồn*, đọc lại *Ngân Thu Rớt Hột*, *Bài Ca Quần Đảo*, tôi còn muốn bật cười với thơ Bùi Giáng. Vui thôi mà. Đúng vậy, vui thôi, có khác gì đâu. Mất Bùi Giáng, thơ ta lại trở về với cái hữu hạn đời đời của thơ. Nhiều người bảo ông chỉ là một thằng điên. Tôi chỉ muốn nghĩ thêm cho tôi là nếu có thêm được ít người điên như Bùi Giáng, thơ ca ta văn học ta còn được lạ lùng được kỳ ảo biết bao nhiêu.

## BÙI GIẢNG, MỘT VÙNG ĐẤT HẸP VÀ MỘT THẾ GIỚI LỚN<sup>(\*)</sup>

Nhớ lại cái lần ngược dòng sông Thu năm ấy, cái lần “*Lạc về đầu rú khe truông*” mà lòng vẫn mơ về những thị thành thấp thoáng trời xa. Thuyền qua Trung Phước, một bên là Đại Bình với những vườn cam đỏ ối, một bên là chợ quê một sớm mai náo nhiệt. Núi Cà Tang sừng sững trước mặt. Dòng sông đã xanh mà hai bờ cũng xanh. Xanh với những bãi ngô, đậu và những rặng tre già lặng lẽ soi mình. Thuyền ngược nữa, ngược nữa. Mỏ than Nông Sơn thấp thoáng bờ xa với những mái ngói nhấp nhô sườn đồi, chói chang dưới ánh tà huy. Và cậu thanh niên mới lớn nhưng lắm mơ mộng phải nhăn nhu đôi mày để hình dung cho ra những phố xá kinh kỳ dọc theo Danube đôi bờ, con sông xanh mờ màng của những điệu luân vũ rập rờn sóng nước mây chiều...

Rồi cái đêm hôm ấy, trên chiếc ghe neo dọc triền sông. Ngược lên, về phía Mưa Nguồn, là Dùi Chiêng, Trà Linh, là Hòn Kẽm, Đá Dừng, những cái tên đã đi vào ca dao: *Ngó lên Hòn Kẽm, Đá Dừng/ Thương cha nhớ mẹ quá chừng bạn ơi*. Không gian trầm lại, thoang thoang mùi rượu nếp chua chua. Tiếng cá quẫy nước. Làn gió vi vu trên những giọt trắng lấp loáng đùa sóng. Khung cảnh êm đềm quá, êm đềm như thể lạc lối Thiên thai. Nhưng lòng

---

(\*) Bài đăng trên Đặc san *Hợp Lưu* số 44, tháng 12/1998 tháng 1/1999.  
Nguyễn Hoàng Văn – nhà văn, hiện sống tại Sydney, Australia.

Lưu Nguyễn vẫn vương nợ trần, không chút tha thiết với cảnh trắng nước Bồng lai mà cứ mơ tưởng về những ánh sáng kinh kỳ trời xa, những đại lộ náo nhiệt hay những mái ngói rêu phong giả hàng thế kỷ, những tháp chuông cổ kính dọc theo hai bờ con sông xanh chảy qua bảy nước.

Đã mười mấy năm rồi kể từ ngày ấy. Cái ngày mà mái đầu hãy còn xanh ngắt và tâm hồn luôn ấp ủ giấc mơ về đôi cánh bay lên và những phương trời thật xa. Nhưng lúc đó, và cả trước đó cũng như bao nhiêu năm sau đó nữa, có một đôi mắt hun hút sâu, một tâm hồn si đại hoài niệm luôn hướng về mảnh đất có con sông mang tên Thu Bồn chảy qua. Thân xác phiêu bạt ở một góc trời cách xa. Tâm thức còn phiêu bồng xa hơn nữa. Cùng Hoàng Tử Bé của Saint-Exupéry la đã bay qua những tinh tú chi chít trên giải Ngân Hà. Chắp cánh sang tận vòm trời tư tưởng Âu Châu để bắt khoản cùng những Heidegger, Hoelderlin hay Camus và lui về hai trăm năm trước để thồn thức cùng Tố Như.

Đó là Bùi Giáng. Con người với đôi mắt và nguyên khối tâm hồn đắm đắm về nơi “đầu rú khe truông”, nơi đêm nào cậu trai mới lớn cảm thấy tù túng mà mơ tưởng về những chân trời góc bể xa xăm:

*Những bạn nào Trà Linh qua Đá Dừng Hòn Dựng  
Dùi Chiêng về Phường Rạnh ngược Khe Rinh  
Bao lần anh cùng chúng em lặn dận  
Bôn ba băng rú rậm luống rừng mình  
Những bạn nào Quế Sơn Rù Rì con suối ngược  
Nước trôi nguồn nước lũ cuốn phăng phăng  
Những bạn nào mịt mù mưa gió ướn  
Đắm thân mình co rúm lạnh như băng*

*(Nỗi Lòng Tô Vũ)*



Mảnh đất đó gắn chặt với Bùi Giáng đến nỗi nửa thế kỷ Sài Gòn không hề làm loãng đi chất giọng Quảng Nam *Doáng bỏ nhiều tuổi Doáng già*. Nơi một Doáng trẻ đã từ già và một Doáng già đau đầu nhớ nhưng:

*Nhắm mắt mơ màng thấy viễn vông  
Thấy tình rộng biển ngĩa dài sông  
Vu vơ khắp ngả nghe chim hót  
Ca khúc phi nhiều đất ruộng đồng*

(*Nhắm Mắt*)

Đó, mảnh đất của “tình biển nghĩa sông” mà nhà thơ đã:

*Non nửa thế kỷ xa quê  
Mà chưa có dịp về quê một lần  
Bảy mươi một tuổi tần ngần  
Nước non Nam Việt chiếm gần trọn tim  
Về Trung biết chốn nào tìm  
Lại ngôi nhà cũ lảng giềng đã qua?  
Giật mình lúc chợt nghĩ ra  
Rằng toàn thân thuộc đã qua đời rồi...*

(*Tâm Sự*)

Non nửa thế kỷ với biết bao là phù du dâu bể, biết bao là tử biệt sinh ly? Nhưng quê nhà vẫn chờ đợi đứa con lưu lạc “Sài Gòn quuyến rừ tôi chưa chịu về” :

*Gió trắng sông núi đợi ta  
Chờ sương nhị nguyệt màu hoa dăng mùa  
Một mình vào núi đợi mưa  
Đợi nghe chớp biển xế trưa mưa nguồn  
Phồn hoa có nhớ đèo truông?*

(*Nhớ Mông Lung*)

Đèo truông vẫn còn đó, trong lòng người phồn hoa. Và cả gió trắng, gió trắng vẫn đợi; nhưng sao người đi cứ mãi chần chờ:

*Trút đi bất tuyết triển miên cõi bờ*

*Thị thành thiên cổ thành thơ*

*Thôn làng thiên lý chần chờ chiều hôm*

*Một hôm bất chợt một lần*

*Rụng rời ký ức bạch tần rong rêu.*

*(Rong Rêu)*

Chần chờ bởi cứ mãi nâng niu niềm vui hạnh ngộ, như thể nâng niu như một thứ gì quý giá. Bởi sợ nó sẽ tan biến, sẽ mất đi:

- Ủa! Anh Sáu Giáng! Anh về lúc nào?

- Mới vừa về một phút.

- Ở Sài Gòn về chơi, anh đi bằng phương tiện gì? Xe đồ? Tàu bay?

- Anh đi bộ. Đi bằng hai chân.

- Đi trong bao lâu mới tới?

- Ròng rã suốt hai tháng trời.

....

- Sao anh không đi xe đồ cho chóng tới nơi?

- Anh muốn từ từ thông thả. Vừa đi vừa ngắm phong cảnh dọc đường. Và cũng cố ý kéo dài để dành?

- Để dành cái chi?

- Cái gì quý trọng. Tỷ như dưa bẻ để dành cái bánh, viên kẹo của người ta cho mình.

- Còn anh để dành cái chi?

- Để dành cuộc gặp gỡ sau nhiều năm xa nhau. Đừng gặp vội....

*(Thôn Nữ - Chuyện Chiêm Bao)*

Và thế, ngày về với Bùi Giáng cũng chỉ là những hẹn hò, những đính ước cùng biển nước mây trời:

*Ngày nào có nắng gió mưa  
Anh về trở lại làng xưa tỉnh nhà  
Gặp em như mới hôm qua.*

*(Anh Sẽ Về Thăm)*

Nhưng bao giờ mới có “gió nắng mưa”? Khác nào Hồ Dzếnh với những hên hò lẫn lữa *Em cứ hên nhưng em đừng đến nhé?* Khác nào khúc nhạc dạo cho bản romance một đời người mà những tiểu thư dài các ngôi mơ màng chờ đợi bên cửa sổ? Cái ngày về “để dành” lẫn lữa ấy cũng chôn vùi lãng đãng khác nào mộng mị chiêm bao? Khác chăng, là đoạn *prelude* mở đầu cho khúc *romance* một đời người của các tiểu thư bao giờ cũng ướm đắm những hương hoa và loạt soạt xiêm váy lụa là; với Bùi Giáng, giấc chiêm bao ấy trở nên cụ thể, mộc mạc và chân tình:

*Đi về làng xóm năm xưa  
Viếng thăm quê cũ người chưa quên người  
Người hỏi tôi: “Từ đâu ông đến đây?”  
- “Thưa cô thôn nữ từ đây tôi về!”  
- “Ủa phải anh Sáu Giáng đó không?”  
- “Và cô có phải cô Bông năm nào?”  
- “Anh còn nhớ rõ! Ôi chao!  
Vợ chồng tôi cũng lúc nào nhớ anh  
Anh điên mà dzui dzê thập thành  
Chúng tôi tình tảo mà đành buồn hiu”*

*(Đi Về Làng Xóm)*

Trong Bùi Giáng, quê nhà vẫn nguyên vẹn. Nguyên vẹn như ngày mới cất bước ra đi cho dù bể đời phù du đã đẩy voi mấy chặng. Nguyên vẹn như tấm lòng của vợ chồng cô Bông “cũng lúc nào nhớ anh”. Nguyên vẹn với những địa danh gắn chặt với tình yêu ban đầu:

*Điện Bàn Đại Lộc Duy Xuyên  
Xiết bao tình nghĩa thân tiên mộng đầu*

Vĩnh Trinh Lệ Trạch Thanh Châu  
Thị Lai Hà Mật nhìn đầu dáng người  
Người đầu tiên đã mỉm cười  
Nhìn tôi tưởng thấy niềm vui vô cùng...

(Ký Úc)

Vọng về nẻo quê xưa, ấy cũng là vọng về cái thời trẻ dại đã đánh mất:

Xuân xanh về khóc giữa giòng  
Tuổi già quá cỡ, tấm lòng quá vui  
Chần chờ tôi bước thụt lùi  
Tôi bao giờ gặp lại thẳng tuổi thơ...

(Bé Già Nua Khóc)

Và quê hương đâu chỉ có hình ảnh bến nước cây đa hay tuổi thơ đánh mất? Quê hương còn gợi nhớ cái thuở ban đầu lưu luyến. Một Bùi Giáng thanh niên hay một Bùi Giáng trung niên có thể cười cợt hoang đường với một Bardot chênh vênh đồi núi, một Monroe ẩn khuất khe nương. Nhưng ở chốn sâu thẳm nhất của tâm hồn đó hẳn phải là hình ảnh người thôn nữ *Em chết bên bờ lúa/ Để lại trên đường mòn/ Một dấu chân bước của/ Một bàn chân bé con*. Cái chết của người vợ trẻ hẳn đã để lại một vết hằn không thể nào xoá nhòa để rồi ở một Bùi Giáng lão niên, những ký ức dồn nén từ trong sâu thẳm tâm hồn ấy có dịp thăng hoa để trở thành những day dứt triền miên bất tận trong lửa tuổi xế chiều:

Mỗi giây phút mỗi bất ngờ  
Mỗi đêm tưởng tượng then thò tình em  
Tình em bao xiết êm đêm  
Tình tôi như thể chênh vênh lạ thường...

(Thôn Nữ)

Đó là người thôn nữ yếu mệnh đã đi thiêm thiếp trong cõi sa mù. Đi biệt biệt. Gặp lại chẳng, chỉ là những thoáng chiêm bao

“suốt cứ sơn Khê lâm tuyết”. Nhưng khác nào những mộng mị “trông vời quê cũ”, hình ảnh hư ảo dồn nén trong ký ức ấy cũng là những gì dễ tan vỡ:

*Bất ngờ gặp lại người quen  
Từ muôn năm đã từng quen biết rồi  
Giật mình tỉnh giấc than ôi  
Trùng phùng trong mộng muôn đời tiếc thương...*  
(Chiêm Bao)

Khi đã đánh mất, khi đã “tỉnh giấc than ôi”, còn biết làm gì hơn? Thôi thì lặng lẽ một mình:

*Nàng đi mất hút cuối miền thời gian  
Tôi ngồi khóc lóc hoang mang  
Một mình cô độc muôn ngàn tương tư...*  
(Một Nàng Tiên)

Nếu đã chất chiu “dành dụm” ngày về đến cả nửa thế kỷ thì cái cảnh từ biệt sinh ly lúc tuổi chỉ mới chớm đôi mươi ấy còn gần chập vào tâm hồn kia si dại kia đến nhường nào? Năm mươi năm trời đặng đặng với bao chuyện chớp biến mưa nguồn, bao cảnh phù du dâu bể, nhà thơ vẫn lèo đèo bên mình một hình bóng. Âm thầm. Lặng lẽ. Và chung thủy:

*Gặp em từ ấy tới giờ  
Năm mươi năm chẵn như tờ lặng im  
Biết bao dâu biển nổi chìm  
Đôi lần con mắt lìm dim nhớ gì  
Bảy mươi tuổi quá nặng nề  
Còn em đã sáu tám rồi em ơi  
Ngày mai vĩnh biệt cõi đời  
Trùng lai có lẽ cuối trời biệt ly.*  
(Tặng Gái Quê)

Như thế, giờ đây Bùi Giáng hẳn đã thực sự ra đi để “trùng

lai” trong cảnh “cuối trời sinh ly”. Còn sống, người ta đã nói nhiều về ông. Ra đi, người ta càng nói nhiều hơn nữa. Họ nhắc lại những giai thoại mà không ai có thể đoán chắc tính chất xác thực và họ kể lại những kỷ niệm gặp gỡ. Chỉ một số ít e dè về cách cảm thụ thơ Bùi Giáng, và ít hơn nữa những người dãi sạn tìm vàng trong khối ngôn-ngữ-thơ Bùi Giáng.

Bùi Giáng, đó là chú Hoàng Con la đà bay qua những tinh tú rong chơi nhưng lòng vẫn đau đáu nỗi nhớ về miền đất hẹp đầu nguồn. Bùi Giáng, đó là gã đàn ông giọng đặc sệt Quảng Nam, lang thang trên những vỉa hè Sài Gòn mà vẫn có thể đem triết học Đông Tây về với ca dao lục bát, vẫn có thể quàng vào thân thể của Bardot hay Monroe những xiêm y của Xuân Hương, vẫn an nhiên tự tại đưa thơ vượt qua những chuẩn mực ngôn ngữ. Với mảnh đất chật hẹp “cuối cùng quê” ấy, Bùi Giáng có cả một vũ trụ dẹt nên từ những hoài niệm về thuở ban đầu. Trong một thế giới rộng lớn để thả hồn rong chơi, Bùi Giáng có một mảnh đất của kỷ niệm để chiêm bao mộng mị!

Nên, nhớ về cái đêm trăng sông nước trên thượng nguồn dòng sông Thu năm ấy, dòng sông chảy qua mảnh đất chiêm bao mộng mị của Bùi Giáng, tôi cứ hình dung nhà thơ trong phút giây *“Trùng lai có lẽ cuối trời biệt ly”* với người thôn nữ độ nào. Mà không hẳn chỉ là nơi ấy. Nhà thơ sẽ nắm tay cô thôn nữ năm xưa, thung thăng rong chơi cùng những Heidegger, Hoelderlin, Saint-Exupéry... la đà bay qua những tháp chuông cổ kính rêu phong hai bên dòng sông Danube hay những vì sao rục rờ trên dải Ngân Hà:

*Mai sau còn dự hội nào*

*Ngó nhau từ kỷ niệm đầu bão giông.*

Chắc là vậy...

*Sydney, 11.98*

## NHỚ BÙI GIÁNG<sup>(\*)</sup>

Tản văn

Sáng nay bùng dậy, ngồi thư, thấy lòng rộng không, vợ hỏi ăn sáng cái gì để em mua cũng không thềm trả lời.

Bật máy lên rồi cứ ngồi thư, không biết đọc gì, viết gì.

Có cái kịch viết dở cho Idecaf mở ra rồi đóng lại. Còn chục ngày nữa, đúng hạn nộp cho Thành Lộc rồi cũng mặc kệ.

Tự nhiên nhớ Bùi Giáng.

Nhớ ai không nhớ lại nhớ Bùi Giáng, mình có quen biết gì nhiều lắm đâu.

Còn nhớ năm 1980, mình lục tủ sách anh Hoành Phủ Ngọc Tường, thấy có cuốn *Tư Tưởng Hiện Đại* (hay gì đó quên rồi) của Bùi Giáng, đọc chẳng hiểu gì cả, chỉ nhớ có một câu ông nói về ông, nghe hay hay: *Bùi Giáng là một cái tên có âm hưởng lãng nhãng, không gây được tin tưởng...*

Mình hỏi anh Tường: Bùi Giáng là ai, anh Tường nói ui chà, ông này hay lắm. Rồi anh kể ông học giỏi ra sao, bỏ trường bỏ lớp đi chăn bò ra sao, đang dạy *Kiểu nổi điên* làm đám ma Từ Hải ra sao. Mình nghe như nghe chuyện trên trời, khó tin, một ông điên điên khùng khùng, suốt ngày lang thang đầu đường xó chợ lại

---

<sup>(\*)</sup> Văn bản tác giả gửi tới, trên cơ sở bài đã đăng trên blog của Nguyễn Quang Lập. Nguyễn Quang Lập – nhà văn, quê ở Quảng Bình, hiện sống ở Hà Nội.

viết mấy vạn trang, toàn chuyện siêu hình, cả thơ văn lẫn triết học thì lạ quá.

Nghe anh Tường, anh Sơn khen nức nở thơ văn Bùi Giáng, mình sắp mặt đọc mãi, nghĩ mãi, chẳng thấy hay, không thấm được, không dám chê, chỉ sợ mình dốt chưa tìm được chìa khoá lối vào thơ văn của ông.

Kì lạ, gặp ai hễ nhắc đến Bùi Giáng là khen nức nở, tuyệt không thấy một người nào chê, còn mình thì thật sự không thấy hay, ngoại trừ mấy câu, như ông vẫn nói là theo điệu du côn, đại loại *Sài Gòn, Chợ Lớn rong chơi / Đi lên đi xuống đã đời du côn* thì hay. Nhưng bảo là sâu sắc thì mình chịu. Thơ đó mấy ông nhà thơ dân gian Bắc Kỳ, xứ Nghệ siêu hơn nhiều.

Mình cứ nghi nghi hay người ta đùa nhau sùng bái thơ văn ông theo kiểu hoàng đế cỡi truồng, hi hi, nhưng không dám nói.

1988, 1989 gì đó vào Sài Gòn, ăn chơi nhảy múa với anh Cung Tích Biển suốt ngày. Anh Biển nói vợ tao sáng nào cũng cho năm chục. Tao còn lừa bà mua cái này mua cái nọ được vài trăm, anh em mình xài lịp ba ga.

Một hôm đang đi, bỗng anh Biển phanh kít xe máy kêu to: Anh! Mình ngồi sau nhảy xuống, thấy đầu xe một người nhỏ thó, đen gầy, áo quần tóc tai rối rắm, không bắn nhưng thấy ghê ghê, biết ngay là Bùi Giáng. Khi đó ông đeo cái túi còi, vai còn ngoác thêm mấy cái vỏ lon nước ngọt.

Anh Biển giới thiệu mình đây là Nguyễn Quang Lập, anh còn ngoéo thêm làm chỗ Hoàng Phủ Ngọc Tường kéo sợ Bùi Giáng không biết mình là ai.

Bùi Giáng gật đầu chào mình, mắt nhìn thân thiện, nói mới vô à? Anh Biển nói Nguyễn Quang Lập viết văn giỏi lắm đó anh, anh nói biết rồi, *Tiếng lục lạc*. Mình sướng rêm.



Anh Biển chào Bùi Giáng rồi đi, không rủ Bùi Giáng đi uống gì cả. Mình hỏi sao không rủ Bùi Giáng đi cho vui. Anh Biển nói mình con nít, ảnh bậc trưởng lão, style khác nhau, không hợp đâu. Chắc anh Biển nói tránh thế thôi chứ anh Biển với Bùi Giáng thì hơn thua nhau mấy tuổi.

Mình ngồi sau xe thấy Bùi Giáng cúi đầu đi bộ trên vỉa hè, dáng tất bật như đang đi tìm cái gì, thấy thương thương.

Ngồi uống với anh Biển, mình cứ nhắc đi nhắc lại tiếc không mời Bùi Giáng. Anh Biển nói khổ vậy đó, có nhiều người mình yêu nhưng không gần được.

Anh Biển nói Bùi Giáng toàn yêu mấy người trên trời. Mình hỏi sao. Anh Biển nói ảnh yêu Thuý Kiều, yêu Nam Phương hoàng hậu, yêu Marilyn Monroe... tóm lại vợ con không có, nhà cửa cũng không, phiêu bồng suốt đời, ai cũng thấy ảnh cực, chỉ có ảnh là không thấy.

Mình nói nghe anh Tường kể Bùi Giáng yêu Kim Cương mà, anh Biển nói yêu văn thơ vậy thôi, có động được cái lòng l. nó đâu.

Anh Biển đọc thơ Bùi Giáng gửi Kim Cương, mình thấy hay hay, chép lại ngay: *Nếu ngày mai tôi chết đi, mà cô không thể giở cho một giọt nước mắt / thì cô có thể giở cho một giọt nước tiểu cũng được / ( Nhớ nhỏ ngay trên mộ ) / ở dưới suối vàng tôi sẽ ngậm cười đón nhận / ( ngậm cười chín suối hãy còn thơm lây )*.

Mình cười khì khì nói thơ hay, yêu vậy mới yêu, anh em mình toàn giả đồ yêu thôi. Anh Biển nói chà, có con nào thì ăn tươi nuốt sống ngay, chờ đến khi chết nó tụt quần đái cho vài giọt thì sung sướng cái nổi gì. Mà mình đã nằm trong hòm rồi, nó đái trên, cũng có thấy bướm nó đâu.

Mình cười rử. Cười xong thì thấy thương Bùi Giáng đại gái thế thì xưa nay hiếm.

Một hôm đang đứng vỉa hè chờ thằng Bùi Chí Vinh, thấy Bùi Giáng đi qua đường, anh đi thẳng băng, đang đi nhanh bần bật bỗng đứng khựng, lại đi nhanh bần bật, lại đứng khựng. Nhiều người phanh kít xe, cau có nhìn anh, có người chửi. Anh cười cười, vẩy vẩy tay ra hiệu xin lỗi.

Đi đứng thế có ngày chết mất ngáp. Mình cứ đứng nghĩ vẩn vơ không biết Bùi Giáng khùng thật hay khùng giả đồ nhĩ? Có anh Tường đây nhất định anh ấy sẽ nói Bùi Giáng đang cố trải nghiệm mọi nẻo đường dẫn cái chết, hi hi.

Nhiều lần tới quán bia hơi 81 Trần Quốc Thảo, thời đó là nơi tụ bạ của văn nghệ sĩ Sài Gòn, thấy Bùi Giáng cứ đi vào đi ra, không thấy có ai gọi. Đôi khi thấy anh ngồi ghé vào mâm nào đó. Không ai ghê lạnh với anh, cũng không ai mặn, nói đông nói tây không đụng gì đến anh cả. Anh ngồi uống chưa hết ly bia thì bỏ đi.

Chỉ khi gặp anh Thu Bồn thì anh ngồi hơi lâu lâu, vì anh Thu Bồn hay bắt chuyện với anh nhưng cũng chỉ anh Thu Bồn nói, không thấy anh nói năng gì. Cảm giác như anh vừa đánh mất một cái gì, đang muốn đi tìm, cứ nhấp nhồm không yên.

Thu Bồn nói cái câu anh tặng Trịnh Công Sơn: *Công Sơn trịnh trọng phiêu bổng/ thua rằng thơ nhạc chỉ chừng đó thôi*, câu sau tui nghi không phải của anh, đúng không? Anh cười hất ra không nói gì.

Thu Bồn nói câu đó không hay, tui sửa lại vậy nghe: *Công Sơn trịnh trọng phiêu bổng / Thơ hay nhạc giỏi nhưng không có l..* Anh cũng cười hất ra, cũng không nói gì, mắt nhón nhác như đang tìm ai đó.

Rồi anh đi, đột ngột đi vậy thôi, hình như chẳng chào ai. Mình say sưa nói chuyện với mấy người mới đến, ngoảnh lại đã thấy anh đi đâu rồi.

Một hôm anh Sơn hẹn mình đến 81 Trần Quốc Thảo, 10 giờ mình đến không thấy, đi ra cổng đứng ngóng thì thấy đằng xa ba bốn thằng thanh niên đang vây quanh Bùi Giăng sừng sộ. Một thằng đập anh cái ngã ngổ. Mình chạy đến, đỡ anh dậy. Hoá ra anh qua đường láu táu thế nào làm mấy thằng này đi xe máy tránh không kịp, ngã đau, tức, chửi anh ngu, đòi đánh.

Mình xin lỗi, rồi nói đây là nhà thơ Bùi Giăng, chúng nó người Bắc, nói bừa cái con b., rồi bỏ đi.

Anh Sơn đến, mình kể cho anh Sơn chuyện Bùi Giăng bị tụi thanh niên suýt nữa hành hung. Anh Sơn trợn mắt với Bùi Giăng, nói nhiều lần rồi đó, anh qua đường phải cẩn thận chớ. Bùi Giăng cười hất ra nói vui thôi mà.

Hôm anh Thu Bồn chở mình ra ga tàu, chợt thấy ba bốn người đang cố ôm lấy Bùi Giăng, Bùi Giăng thì cố giãy giụa hét lên tui muốn qua đường! Tui muốn qua đường!

Hai anh em phải dừng xe nhảy bổ đến lôi Bùi Giăng ra khỏi đám đông sừng sộ, họ chửi anh, c. lọ tùm lum.

Bùi Giăng vừa thở vừa cười, nói vui thôi mà. Thu Bồn lắc đầu thở dài, nói vui như cha nội sợ quá trời luôn.

## MỘT ÍT KỶ NIỆM VỚI ANH BÙI GIÁNG<sup>(\*)</sup>

Cho đến tận bây giờ, tôi vẫn cảm thấy có lỗi và khuất tất với anh nhiều. Nhớ lại sau ngày Miền Nam giải phóng, lúc còn ở Thị Nghè, anh thường ghé nhà tôi, có khi ở lại một hai bữa, ăn uống, nghỉ ngơi không thành vấn đề. Tôi biết anh từ lâu sống rất hồn nhiên lỏng lẻo, không màu mè cầu toàn. Người thường lần đầu gặp anh chắc hẳn không tránh khỏi ngạc nhiên đến ngỡ ngàng, cho rằng anh “điên” hay đại loại một dạng nào đó giống như vậy. Trông cách ăn mặc của anh, áo quần chẳng ra áo quần, lắm lúc lộn xộn trên mình vài ba cái áo, cái quần sặc sỡ, diêm dúa, xộc xệch, khi thì mang dưới chân, khi thì quảy trên vai với cùng bao nhiêu thứ linh kinh khác toàn là đồ vứt đi ngoài bãi rác. Tôi nhìn anh giống quá một cái bang thượng thừa, vượt trên những Cái-bang bảy túi, chín túi trong sách võ hiệp của Kim Dung. (Anh Bùi Giáng có dịch một cuốn kiếm hiệp *Kim Kiếm Điều Linh* của Ngọa Long Sinh). Bấy nhiêu đó làm sao đủ lột tả được hết cái bề ngoài tự tại của một Bùi Giáng? Tôi biết chắc rằng trong những ngã ba ngã tư ngã năm ngã sáu ngã bảy Sài Gòn, Chợ Lớn không ít lần người ta bắt gặp hình ảnh một ông già tóc muối tiêu đậm, đeo kính cận, ăn mặc khác thường đang đứng “điều khiển” những

---

<sup>(\*)</sup> Bài viết in theo *Đặc san tưởng niệm thi sĩ Bùi Giáng* do nhóm thân hữu Quảng Nam Đa Năng thực hiện, lưu hành nội bộ.

Phạm Mạnh Hiền - nhà văn, hiện sống tại Thành phố Hồ Chí Minh.

dòng xe cộ qua lại vô hồi vô tận mà không biết mệt mỏi là gì nữa! Một Bùi Giáng như thế chẳng trách người ta gọi là “điên” hay sao! Nếu phải luận về điên, nghe anh Bùi Giáng nói thì thú vị lắm. Điên có chân diện mục của điên, có điên thú thiết, có điên không phải thú thiết tức là đồ “dzôm”. Còn như anh Bùi Giáng? Chính anh đã từng bảo: “Bùi Giáng điên thiết, đó là cái điên thượng thừa”. Nhưng Bùi Giáng vẫn cứ là Bùi Giáng, anh không chấp người đời, và tôi nghĩ giờ đây người đời cũng đã hiểu anh một phần nào chăng?

Hai mươi năm qua, tôi biết trong con người tôi, còn hèn, còn nhát lấm, lúc nào cũng bo bo nghĩ đến cơm áo gạo tiền nên vì vậy tôi đã phụ anh nhiều phen, nhiều bận không thể dám cùng anh đi ngao du, ngủ hè, ngủ phố như trước được nữa. Anh mạnh mẽ, anh cuồng nhiệt quá khiến cho tôi phải lấm lúc run sợ, không chịu đựng nổi một hơi thoảng nội lực của anh. Tôi cố tình tránh gặp anh. Giờ đây anh đã sang bên kia cõi vĩnh hằng, người bạn nhỏ là tôi xin anh tha thứ!

Ở miền Nam vào thập niên 50, nhóm Sáng Tạo xuất hiện mang theo nó một dòng thơ đột biến, mới mẻ cách tân, nhưng mãi đến năm 62, *Mưa Nguồn*, tập thơ đầu tiên của Bùi Giáng mới xuất bản, bất chấp trào lưu của thập niên trước còn rớt lại khổng chế. Sau đó người ta thấy xuất hiện thêm hàng loạt tập thơ khác của Bùi Giáng như *Lá Hoa Cỏn*, *Ngàn Thu Rớt Hột*, *Màu Hoa Trên Ngàn*, *Sa Mạc Phát Tiết*, *Sa Mạc Trường Ca*, *Mưa Nguồn Hòa Âm*, *Bài Ca Quần Đảo...* không kể sách viết về triết học, sách dạy làm luận đề trung học, tạp bút, sách dạy Đông, Tây kim cổ. Bùi Giáng thông hiểu nhiều ngoại ngữ: Hán, Anh, Đức. Riêng tiếng Pháp Bùi Giáng vô cùng tinh thâm. Cuốn dịch *Khung Cửa Hẹp* của André Gide, *Hoàng Tử Bé* của Saint-Exupéry phải nói là tuyệt vời, tái bản nhiều lần trước sau năm 75. Nếu tính con số tác

phẩm, anh Bùi Giáng có gần 60 cuốn bao gồm nhiều thể loại sáng tác, biên khảo, dịch thuật. Chỉ riêng trong sách dịch thuật, biên khảo, Bùi Giáng đã để lại dấu ấn rất lạ lùng mà một mình Bùi Giáng có, không ai có thể bắt chước được. Tôi tưởng đó cũng là một cái lạ trong dòng văn nghệ nước ta. Tôi chưa từng thấy ai dịch vừa “cà rỡn” vừa bay bổng như cách của Bùi Giáng. Vui, ngộ ngộ và chịu chơi nữa!

Tôi nhớ năm 73, nhà văn Mai Thảo và Nguyễn Xuân Hoàng lúc đó đang trông coi tập san *Văn* có ý muốn làm số đặc biệt về Bùi Giáng. Tôi vốn mê thơ Bùi Giáng từ lâu, dù chưa được gặp anh, tôi xằng xái viết cho *Văn* một lúc hai bài (ký bút danh Nam Chũ và Thục Khuu. Bão ra, một bữa tôi đến tòa soạn lãnh nhuận bút, bất ngờ gặp Bùi Giáng ở đấy. Sau lời giới thiệu của Nguyễn Xuân Hoàng rồi cùng kéo cả nhau ra quán cóc bên hông tòa soạn uống lave. Thế là tôi đã được gặp Bùi Giáng, một Bùi Giáng bằng xương bằng thịt hẳn hoi! Tôi cảm thấy vô cùng mãn nguyện vừa đồng thời cảm thấy nhỏ bé trước anh vô cùng. Từ đó giữa anh Bùi Giáng và tôi trở nên thân thiết. Anh Bùi Giáng ở một góc nhỏ trong căn phòng rộng với vài vị sư khác trong Viện Đại học Vạn Hạnh. Tôi thường lên anh chơi. “Tài sản” của anh chỉ có chiếc giường sắt cá nhân, manh chiếu mỏng, dưới gầm giường lủ khủ đủ thứ loại sách. Tôi rất ngạc nhiên, sau bao nhiêu năm thân thiết với anh, chẳng bao giờ tôi thấy anh ngồi bàn viết (mà bên chỗ anh nghỉ ngơi cũng không có chiếc bàn chiếc ghế nào), lúc nào anh cũng nằm ngửa viết, nằm ngửa đọc trên chiếc giường cá nhân của mình. Anh viết nhanh, viết nhiều bằng những cuốn vở tập học sinh, những cuốn sổ dày kẻ ca-rô. Tôi thường cùng anh ngao du khắp Sài Gòn, Chợ Lớn, bất kể đêm ngày. Những lúc đó tôi thấy anh làm thơ sao mà dễ dàng, ngồi đứng gì chữ cũng cứ theo ngòi bút trên tay anh trào ra ào ạt. Anh làm thơ bất cứ đâu, bất

cứ chỗ nào, miễn là trên tay anh có bút giấy hay những trang sách nào đó cũng được, đặc biệt sách nào anh đọc qua đều thấy chẳng chịt những ghi chú lẫn cả thơ anh viết. Được đi ngao du với anh như thế cũng là đã lắm rồi. Có lần say ngất ngưỡng, sáng tinh dậy, thấy mình đang nằm ở vỉa hè. Thú vị xen lẫn với ngỡ ngàng, ngỡ ngác!

Hồi đó sách của Bùi Giáng thường in ở Nhà xuất bản An Tiêm, mỗi lần thấy Thanh Tuệ đưa tiền nhuận bút, anh Bùi Giáng bảo tôi phải đi với anh. Lại lên đường ngao du nhờ cái bộ thư sinh hiền lành của tôi mà nhiều lần mấy cái khách sạn ở Chợ Lớn đã để cho chúng tôi cùng vào trú ngụ bởi bên cạnh tôi có cái ông trung niên kỳ dị, ăn mặc cổ quái chẳng giống ai, lại dẫn theo cả đàn chó con hay vài ba chú khỉ nhỏ. Anh Bùi Giáng đặc biệt rất yêu loài vật. Nhất là chó và khỉ. Anh còn tự nhận mình là Đười Uoi Thi Sĩ. Ngày đó hề có tiền là anh Giáng ra ngày khu chợ thú bên Chương Dương mua cả bảy chó, cả bảy khỉ.

Năm 1974, tôi lập Nhà xuất bản Tân An, trong mục tiêu của tôi là muốn in lại toàn bộ tác phẩm của Bùi Giáng. Anh Bùi Luân - người em ruột của Bùi Giáng - lúc đó định hỗ trợ cho một vài cái máy in nhỏ để tự lực. Rồi anh Luân mua nhà ở Thị Nghè gần chỗ tôi ở, anh sửa sang lại nhà thơm mát, lịch sự, mời anh Bùi Giáng về ở, anh về dẫn theo cả đàn chó, đàn khỉ. Hàng xóm ai cũng kinh ngạc. Khi tôi in lại một phần cuốn *Tư Tưởng Hiện Đại*, anh Bùi Giáng bắt tôi viết lời giới thiệu. Tôi sợ hãi từ chối vì biết sức mình kém cỏi, đâu thể múa bậy múa bạ được thì anh Bùi Giáng tỏ ra giận dỗi không cho in. Cuối cùng, tôi cùng đành mạo muội, “một liều ba bảy cũng liều”, viết xong đưa anh đọc và xin anh sửa sang lại cho. Anh đọc xong, thấy anh không sửa gì, tôi lo quá nhưng anh bảo: “Cứ in ở đầu sách. Sách ra, ở cuối sách có thêm trang chú giải của Trung Niên Thi Sĩ, trong đó có mấy dòng cảm tạ, tôi

lại càng nhận ra tâm tình lồng lộng yêu mến tôi dâng đầy của Bùi Giáng.

Tôi lại thêm một điều kỳ ngộ khác nữa. Trước khi được là bạn nhỏ của anh, tôi không hề biết Bùi Giáng có vẽ. Tình cờ, một hôm anh đưa đến nhà tôi anh Bùi Ký và giới thiệu cho biết đó là một người em ruột khác của Bùi Giáng. Thân với anh nhưng chưa bao giờ tôi có ý tò mò hỏi han gia đình, bà con của anh cả. Bởi tôi nghĩ, một thi sĩ quá thi sĩ như Bùi Giáng đâu chẳng là quê nhà, bà con, anh em mình. Mà anh cũng rất ít nói về bản thân, gia đình, thỉnh thoảng anh nhờ tôi đưa đến nhà vài người anh bà con thúc bá nào đó. Qua anh Ký, tôi mới biết được Bùi Giáng đã từng vẽ trong những năm 60-62 trên giấy Crô-ki bằng màu nước. Trong tôi đầy sự tò mò, háo hức muốn được xem anh Bùi Giáng vẽ như thế nào. Anh Ký chịu theo ý muốn tôi và dẫn tôi về ngôi nhà của gia đình anh nằm bên hông chợ Thủ Đức. Tôi thấy những bức tranh được anh Ký cuộn lại giữ rất cẩn thận dù đã trải qua hơn chục năm giấy đã bắt đầu ố lấm thẫm. Anh Bùi Giáng chỉ vẽ để chơi nhưng rất lạ, nét vẽ lại phóng túng, lung linh thơ mộng, trừu tượng có, chân dung có, bức *Quê Chàng Là Ithaque* là một trong những bức đẹp và độc đáo. Sau đó anh Ký đã tặng lại cho tôi hết toàn bộ số tranh anh cất giữ, khoảng 5, 6 bức gì đó, tôi thật cảm động và biết ơn anh. Trong lúc in cuốn *Tư Tưởng Hiện Đại*, tôi đã chụp lại hai bức in kèm theo như phụ bản, có thêm mấy câu thơ của anh Bùi Giáng. Số tranh này, tôi rất tiếc đã lưu lạc, 2 ở Bình Định, 1 ở Thủ Đức, 1 ở họa sĩ người...<sup>(\*)</sup>. Nhân đây, tôi cũng muốn nói thêm về anh Bùi Ký. Theo chỗ tôi biết, người thân thiết ruột thịt còn lưu giữ đầy đủ trọn vẹn toàn bộ tác phẩm của anh Bùi Giáng không ai hơn anh Bùi Ký.

---

(\*) Trong văn bản nguồn chúng tôi sử dụng in đúng như trên, chúng tôi chưa liên lạc được với tác giả để tìm hiểu..



Đã lâu tôi không có dịp gặp lại anh Bùi Kỳ. Anh Bùi Luân thì đã sang sinh sống cùng vợ nước ngoài. Tôi được biết năm anh Bùi Giáng 70 tuổi (1996), gia đình người thân của anh ở bên Mỹ có in tập thơ *Chóp Biển* của anh để kỷ niệm.

Sau năm 1975, anh Bùi Giáng lang thang đây đó nhiều nơi, một vài ngôi chùa mời anh trú ngụ, nhưng cuối cùng anh về nhà người bà con trong một con hẻm sâu trên đường Lê Quang Định. Nơi đây anh có riêng một cái “cốc” nhỏ nằm khuất trong góc vườn tĩnh lặng. Tôi có đến thăm anh đôi lần. Thấy anh sức khỏe yếu đi vì tuổi già. Với Bùi Giáng tôi nghiệm ra một điều, khi nào anh ăn mặc có vẻ tươi tắn chút chút là lúc đó tôi thấy anh nằm ủ rũ; buồn bã lắm. Ngược lại, lúc anh nhảy múa, hý lộng, tôi lại bắt gặp trên khuôn mặt anh niềm vui vô hạn, đúng cái chất Bùi Giáng muôn đời muôn thuở!

Với tôi, thơ Bùi Giáng là một nguồn mặt kỳ diệu của ngôn ngữ, ẩn chứa ma lực quyến rũ mà chỉ riêng một mình Bùi Giáng sở đắc và lạ lùng nhất trong thơ ca Việt Nam hiện đại.

Kết thúc bài viết này, tôi xin mượn 4 câu cuối trong bài thơ anh Bùi Giáng tặng tôi trong *Mưa Nguồn Hoà Âm* như một điểm dừng của tâm thức “*Có trắng thương hải mưa trào biển xanh*”:

*Chào xuân vĩnh viễn nguyên màu  
Trên đường khúc khuỷu nhíp cầu cheo leo  
Bình Sinh tại thế bọt bèo  
Phù du cung bậc giờ gieo sang mùa.*

## TÔI GẶP BÙI GIÁNG<sup>(\*)</sup>

### I. Gặp Bùi Giáng tháng 5/1975

Tôi đã gặp Bùi Giáng nhiều lần trên trang sách trước khi thực sự được gặp ông. Cơ may ấy có được chính là nhờ tôi đi chiến trường. Chứ nếu cứ ở Hà Nội, thì chắc mãi sau ngày giải phóng tôi mới đọc được Bùi Giáng.

Hồi chiến tranh, sách vở của miền Nam ra được Hà Nội rất ít. Nhưng ở chiến trường, tôi lại có điều kiện đọc rất nhiều sách xuất bản ở Sài Gòn từ tủ sách của ông Nguyễn Văn Linh chủ trương sắm cho Ban tuyên huấn TWC (R). Tôi có người bạn làm “thủ thư” của tủ sách ấy, vì vậy không chỉ được đọc thơ Bùi Giáng, tôi còn được đọc nhiều tác phẩm của A.Camus và Saint-Exupéry mà ông dịch. Tôi không thuộc số người làm thơ chịu ảnh hưởng Bùi Giáng - số này tôi biết khá đông - nhưng tôi chịu lỗi làm thơ ngẫu hứng của Bùi Giáng. Nó rất gần với “thơ tự động” của Phương Tây, nhưng lại đặc Việt Nam, vì đó thường là thơ lục bát. Lục bát thì không thể là thơ... Tây được rồi! Bùi Giáng chơi với thơ lục bát như kiểu trẻ con chơi với những con giống hay những mẩu gỗ nhỏ - chơi trò xếp đặt. Những câu lục bát bất thần của ông có thể khiến ta phải giật mình. Không biết *Mưa Nguồn* có

---

(\*) Bài in theo *thanhnien.com.vn*. Dấu đề do người biên soạn đặt.

Thanh Thảo - nhà thơ, quê Quảng Ngãi, Chủ tịch Hội Văn học nghệ thuật Quảng Ngãi.

phải là tập thơ đầu tay của Bùi Giáng không, nhưng tôi đã đọc trong đó những câu thơ tinh khiết, những câu thơ tự nguồn mà thường ở những tập thơ đầu tay - như một mối tình đầu - nhà thơ có được một cách hoàn toàn không cố gắng, thậm chí không ý thức. Ngày còn ở chiến trường, tôi đã biết Bùi Giáng rất mê thơ Huy Cận do đọc những lời “tán” đầy đam mê của ông về thơ Huy Cận. Tôi không ngờ, tháng 5/1975, khi vào Sài Gòn và tình cờ được gặp Bùi Giáng, thì chính ông đã đưa thơ Huy Cận ra đọc tôi. Đạo đó mới giải phóng, người ta thì bận năm bận mười, còn đam phóng viên binh vận chúng tôi thì... thất nghiệp. Chiến tranh đã kết thúc, chúng tôi cũng không còn “đối tượng” để tuyên truyền nữa. Vậy là suốt ngày tôi lang thang la cà ngoài đường, mê mẩn với những “quầy sách dã chiến” trên các con phố lớn của Sài Gòn. Một buổi tối, anh Hoàng Liên - một cây bút sắc sảo của “đội ngũ tuyên truyền binh vận” chúng tôi - xuất thân từ một ký giả Sài Gòn - mời mấy anh em chúng tôi đến nhà anh uống rượu mừng sum họp. Tôi nhớ nhà anh Hai Hoàng ở một con hẻm thuộc khu Nguyễn Thông - Hòa Hưng gì đó, nhà cũng khiêm nhường thôi. Anh Hoàng Liên là người Quảng Nam, trước khi vào chiến khu hình như khá thân với nhà văn Vũ Hạnh. Dĩ nhiên anh cũng là đồng hương của Bùi Giáng thi sĩ, nhưng tiệc rượu hôm đó thì chỉ Vũ Hạnh, nhà láng giềng, lại là “dân công tác thành” - tức “VC nằm vùng” là được mời. Thủ trưởng của chúng tôi hôm ấy cũng có mặt, và tỏ ra hứng khởi. Thì lúc ấy ai mà chẳng hứng khởi: chiến tranh đã chấm dứt, gia đình sum họp, “Miền Nam nhận họ” cơ mà! Chúng tôi và nhà văn Vũ Hạnh vừa uống rượu vừa nói với nhau nhiều chuyện một cách từ tốn và giữ lễ. Anh Vũ Hạnh thì tôi đã biết tiếng và đã đọc nhiều trước đó, biết cả anh là “Việt Cộng nằm vùng” do đọc báo Sài Gòn. Có lẽ do mới giải phóng, người ở rừng và người ở thành lần đầu gặp nhau hay sao đó mà

anh Vũ Hạnh có vẻ dè dặt. Chúng tôi thì vô tư, cứ uống và nói to, vui vẻ thoải mái. Bổng cửa nhà anh Hai Hoàng mở toang, và một vị khách bất ngờ xuất hiện. Một người râu tóc tung bay, già thì không hẳn vì dáng đi còn phong độ lắm, mà trẻ thì không phải do có rất nhiều... râu(!). Anh Vũ Hạnh nhỏ nhẹ giới thiệu: “Anh Bùi Giáng, nhà thơ”. Tôi nhớ, hình như lúc ấy Bùi tiên sinh đang quẩy trên vai cái gì đó, trông nửa như Bồ Đề Đạt Ma, nửa như... bác hành khất. Bùi tiên sinh không đợi mời, ông ngồi luôn xuống sàn nhà cùng chúng tôi, và... đọc thơ. Không phải thơ ông, tôi nhớ, mà hình như là thơ Huy Cận. Đọc thơ và nói huyền thuyên, rất vui, chẳng giữ ý hay để ý đến bất cứ thứ gì. Anh Vũ Hạnh có vẻ hơi ngại, nhất là khi có mặt vị thủ trưởng của chúng tôi. Nhưng Bùi Giáng thì chẳng ngại ngẩn. Ông cũng năng ly, uống một chút rượu cho vui, và nhấm với món... nói. Thấy trong chiếu rượu chỉ có tôi là còn trẻ và tôi tỏ ra phấn khởi khi gặp ông. Bùi tiên sinh quay sang bắt chuyện với tôi. Ông nói như Hoàng Liên đây thì ông tin là VC, vì nhà Hoàng Liên nghèo. Còn Vũ Hạnh, ông không tin, vì Vũ Hạnh có nhà ba hay bốn lầu gì đó! Anh Hoàng Liên phải thanh minh cho khách là nhà văn Vũ Hạnh có được ngôi nhà này do nuôi chim cút chứ không phải làm áp-phe hay bóc lột ai. Bùi Giáng cười khà khà và chuyển sang... đọc thơ. Dĩ nhiên không phải đọc thủ trưởng của tôi vì thủ trưởng hơi nghiêm và có vẻ không hưởng ứng lắm. Bùi Giáng bèn đọc tôi. Ông đọc mỗi lần mấy câu thơ và hỏi tôi có biết thơ của ai không? Có đoạn tôi biết là thơ Huy Cận, có đoạn tôi không biết. Tất cả đều là thơ Huy Cận. Bùi tiên sinh chê tôi, ông không hiểu tại sao một người trẻ được giới thiệu là “nhà thơ” như tôi mà không thuộc hết thơ Huy Cận (?). Đúng là tôi dở, nhưng tôi cãi cố với Bùi tiên sinh là tôi chưa thuộc chứ không hẳn là không thuộc. Chưa thuộc vì tôi chưa có điều kiện đọc hết thơ Huy Cận, chứ nếu đã đọc thì có khi cũng

thuộc (?). Tôi nói lấy được chứ thuộc thơ vốn là điểm yếu nhất của tôi. Ngay thơ mình tôi cũng không thuộc, nói gì đến thơ người! Bùi tiên sinh có vẻ rất vui, ông nói đủ chuyện mà giờ tôi cũng không nhớ là những chuyện gì. Tất nhiên với Bùi Giáng thì không có “vùng cấm” trong những câu chuyện không đầu không đuôi như thế. Do đó thủ trưởng của tôi có vẻ không hài lòng. Ông không nói gì, nhưng tôi và anh Hai Hoàng đều biết. Thủ trưởng của tôi dĩ nhiên không biết Bùi Giáng là ai, có những đặc điểm gì, lại mới giải phóng, tình hình Sài Gòn chưa ổn định, nên ông cảnh giác là chuyện không khó hiểu. Nhưng với Bùi Giáng, đó cũng không là trở ngại gì lớn! Ông vẫn nói, vẫn vui, vẫn hoa chân múa tay như ở chỗ không người. Và ông chuyển sang... coi bói. Cho tôi.

## II. Đôi mắt lạc thần

Đọc bài viết rất hay của nhà văn Đặng Tiến (Paris) về Huy Cận, tôi dừng lại ở đoạn anh Đặng Tiến viết về Bùi Giáng ngợi ca thơ Huy Cận, và chợt nhìn năm sinh cùng năm mất của Bùi tiên sinh: 1926-1998. Vậy là Bùi Giáng sinh năm Bính Dần và mất năm Mậu Dần. Trọn trong vòng Hổ. Một con hổ rất hiền nhưng vẫn là hổ chánh hiệu, không phải “hổ kiểng”. Nhưng vẫn là hổ phải xa rừng, phải “lìa xa cố quận”.

Nói đến hổ, tôi lại chợt nhớ, cái gây ấn tượng nhất cho tôi khi lần đầu (và cũng lần cuối) gặp Bùi Giáng chính là đôi mắt của ông, một đôi mắt lạc thần. Sau ngày Bùi Giáng mất, nhà thơ Nguyễn Đỗ có làm một cái phỏng vấn tôi qua điện thoại về Bùi Giáng, xin được trích một đoạn có liên quan đến đôi mắt kỳ lạ của Bùi tiên sinh:

*Nguyễn Đỗ: Thưa anh, nhắm mắt lại, gương mặt nhà thơ Bùi Giáng như thế nào trong anh ?*

*Thanh Thảo: Dù nhắm mắt hay mở mắt thì tôi cũng chỉ hình dung một Bùi Giáng như người côi khác về chơi côi này. Chơi chán thì đi, thế thôi. Cá gương mặt Bùi tiên sinh dồn vào đôi mắt: một đôi mắt lạc thần. Đó là đôi mắt luôn nhìn quá. Dù Bùi Giáng đọc thơ, nói cười, múa hát, thì đôi mắt ấy vẫn im lặng.*

*Nguyễn Đỗ: Người ta cho rằng: điên hay bất bình thường là một thuộc tố của thơ ca. Còn anh?*

*Thanh Thảo: Tôi không biết. Nhưng tôi biết một điều: làm thơ là một quy trình bất bình thường: đang nói năng bình thường thì lại có người nói năng theo vần nhịp, bằng bằng trắc trắc... chẳng là bất bình thường ư? Còn điên? Ai mà chẳng có những cơn điên trong đời, kể cả những người không làm một câu thơ. Chỉ có khác, với những người làm thơ, những cơn điên lúc họ làm thơ là những cơn điên-tĩnh. Điên hoàn toàn cũng không có thơ, mà tỉnh hoàn toàn thì dẫu có thơ, thơ ấy cũng... dở. Như thế, theo tôi, Bùi tiên sinh là người có nhiều "cơn điên" trong đời hơn chúng ta, những kẻ bình thường. Điều đó biểu hiện trong thơ ông, một giọng thơ khác thường, thậm chí lạ thường:*

*"Gấu ôi điểm tình đi ngang  
Cọp ôi dùng bước giữa hàng thơ hoa  
Đi về trong côi người ta  
Trước là thi sĩ sau là đuôi uoi  
Trận sáu kết chặt con vui  
Tiền trình vạn lý chôn vùi dấu chân."*

Bài thơ của Bùi tiên sinh có nhan đề *Gấu Ôi*, một nhan đề rất... chơi, nhưng bài thơ thì tuyệt vời sâu sắc và rất... hiện thực, nếu ta hiểu sâu hơn về thân phận nhà thơ, thân phận của thơ. Thi sĩ, theo Bùi Giáng, là vậy, khó thoát khỏi cái vòng karma đi về giữa thi sĩ và đuôi uoi. Nhân đây cũng nói thêm, chữ *Đuôi Uoi* là chữ Trung Niên Thi Sĩ rất hay dùng, với ý hoàn toàn nghiêm

túc chứ không mảy may cợt đùa, với ý ngợi ca chân thành chứ không một chút chua cay giễu cợt. Và nếu ai có điều kiện đếm thử (bằng máy tính) xem Bùi tiên sinh đã dùng trong các tác phẩm của mình bao nhiêu chữ *Đuôi Uoi*, cũng như bao nhiêu chữ *Cố Quận*, có lẽ thống kê ấy sẽ góp phần giải mã được thơ Bùi Giáng, một giọng thơ đang chơi chơi đột nhiên thăm thẳm, những từ ngữ như bị hút vào lỗ đen, giống những ngôi sao bị lỗ đen hút tuột. *“Lòng đi trong côi người ta/ Lòng đi đi mất đi là đi đi”*, hai câu lục bát có đến 6 chữ *đi* trong tổng số 14 chữ mà khi đọc ta tự nhiên bị hút vào không hiểu vì sao, không giải thích được. Thơ có lẽ là thế chăng?

Trở lại với cái duyên Huy Cận - Bùi Giáng mà nhà văn Đặng Tiến đã viết rất hay, ta mới biết, hóa ra chữ *Cố Quận* mà Bùi Giáng dùng như một bửu bối trong đời thơ của mình, hai chữ ấy bắt đầu từ Huy Cận, chính xác là từ hai câu lục bát trong một bài thơ của Huy Cận viết khoảng năm 1942, bài thơ chưa một lần được in sách: *“Tâm tình một nẻo quê chung/ Người về cố quận, muốn trùng ta đi”*. “Cố Quận” là một từ Hán - Việt, nhưng có lẽ đã được Việt hóa hoàn toàn kể từ khi Huy Cận dùng trong thơ và được Bùi Giáng tô đậm lại trong suốt đời thơ của mình như một giai điệu chủ. Trong trước tác *Lời Cố Quận* và *Lễ Hội Tháng Ba*, Bùi Giáng dịch giải M.Heidegger bình thơ nhà thơ Đức Hoelderlin, tiên sinh đã thổ lộ cơ duyên vào thi ca của mình: *“Khoảng năm 1943, ở Việt Nam có thằng thiếu niên Việt gặp được một vần lục bát in rơi rớt trên một tờ báo bạn đường: “Tâm tình một nẻo Quê Chung/ Người về Cố Quận muốn trùng ta đi”. Hình như man mác trong không gian, thường có những niềm tương ngộ.”* Bây giờ thì tôi đã hiểu, vì sao Bùi Giáng mê thơ Huy Cận đến vậy! Có một “niềm tương ngộ” nào đó giữa họ. Nhưng hơn tất cả, họ đã gặp nhau trong thơ. Mà với họ, thơ mới là “cố quận” cho suốt một đời họ.

Trở lại chuyện Bùi tiên sinh coi bói cho tôi hồi tháng 5/1975. Với đôi mắt lạc thần, ông nhìn tôi nhưng lúc ấy tôi có cảm giác ông đang nhìn tận đầu đầu. Bùi Giáng phán: “Anh là người bất định”. Chịu thầy! Tôi thì có định gì đâu, cho tới bây giờ, tôi vẫn là người bất định (!). Chỉ một câu nói có vẻ chơi chơi, có vẻ tình cờ ấy thôi, tôi nghiệm lại mấy chục năm đời mình và thấy đúng quá! Nó cũng giống như những câu thơ Bùi Giáng, mới đọc tưởng chơi, tưởng điên, tưởng ông chọc quê, nhưng rồi với thời gian, với sự trải nghiệm trong đời, đọc lại, ta bỗng như phát hiện một điều gì, cảm thấy xa xót một nỗi gì. Những thi sĩ như Bùi Giáng, nói là điên cũng ừ, họ điên giùm cho chúng ta đấy! Mà thế nào là điên cơ chứ? Theo tôi, những người không tự biết mình, những kẻ cứ “bé cái nhảm” tưởng tiền của dân của nước là tiền của... mình, để đến nỗi tan tành cố quận, tung tóe đuôi uoi, những kẻ ấy mới chánh hiệu là... điên. Điên hết thuốc chữa! Chứ sao gọi một thiên tài thi ca như Bùi Giáng là điên ?

### III. Gặp Bùi Giáng ở Paris

Trong bài thơ *Vùng (Zone)* nổi tiếng, G.Apollinaire, có lẽ nhìn từ tháp Eiffel đã thấy những cây cầu bắc qua sông Seine như một bầy cừu “kêu be be sáng nay”. Nếu thay vì bầy cừu là bầy dê, thay nàng chăn cừu là chàng chăn dê, lại thấy tháp thoáng hình bóng một Bùi Giáng nơi thượng nguồn con sông Thu Bồn đang chắn những đám mây trên mặt nước sông vào buổi sáng mùa thu nào đó.

Là người dịch rất nhiều tác phẩm trữ danh của văn học Pháp, nhưng hình như Bùi Giáng chưa có dịp đi Paris. Vậy mà tôi đã... gặp ông ở ngay kinh đô Ánh Sáng này. Cuối năm 2003, tôi sang Paris dự Festival Thơ quốc tế, và khi có dịp ghé quán Foyer



Viet Nam ở số 80 phố Monge quận 5 (khu Latin), người tôi gặp đầu tiên ở đây là... Bùi Giáng! Đúng hơn, là tôi đã gặp một bức chân dung Bùi Giáng vẽ bằng bút sắt. Nét vẽ rất có thần. Lại đôi mắt sáng quắc nhìn tận đầu đầu. Lại vẽ mặt hờn hậu của một lão nông xứ Quảng Nam đang mơ màng như nhớ lại câu thơ tuyệt vời của Apollinaire: *Bergere ô tour Eiffel le troupeau des ponts bêles ce martin (Ô tháp Eiffel nàng chăn cừu bầy cầu be be sáng nay* - bản dịch của Hoàng Hưng). Tôi hỏi nhà thơ Võ Văn Thận - người phụ trách Foyer VN - và được biết bức chân dung Bùi Giáng là của họa sĩ Trần Văn Liêm - một người rất hâm mộ Bùi tiên sinh ở Paris. Mà không chỉ họa sĩ Liêm, khi Võ Văn Thận tặng tôi tập thơ mới của anh *Bàn chân dưới đất*, tôi cũng đã đọc trong những câu thơ của người xa xứ này rất nhiều hơi hướng Bùi Giáng. Anh Thận cũng là người hâm mộ, và có lẽ hơn cả hâm mộ, yêu quý Bùi Giáng.

Đi lang thang giữa những phố cổ của Paris, thỉnh thoảng tôi lại gặp những người già chánh hiệu... Bohemiens. Họ uống rượu hoặc không uống rượu nhưng ngồi hoặc nằm ngay vỉa hè những con phố đông người qua lại. Trong hình dáng những người già tóc râu xòa xụi ấy, tôi lại thấy thấp thoáng một Bùi Giáng đang cảm nhận Paris bằng tất cả thể xác và tâm hồn mình. Chợt nhớ bản dịch tuyệt vời của Bùi tiên sinh tác phẩm u ẩn mà run rẩy tình người của Saint-Exupery *Cõi Người Ta (Terre des hommes)*. Đúng là phải tới tay Bùi Giáng thì nguyên tác này mới có chữ “Cõi” và chữ “Ta” trong bản dịch. Giờ một quyển sổ cũ, cách đây hơn 20 năm, tôi đã chép lại một đoạn văn xuôi trong *Cõi Người Ta*, chép để giữ cho mình như một lời biết ơn tác giả và dịch giả: “Punta Arenas! Tôi tựa lưng vào bờ giếng. Những đàn bà già nua tới đây lấy nước. Trong tấn bi kịch đời họ, ngày mai tôi sẽ biết riêng chỉ một cử động tôi đời ấy thôi. Một bé con ngựa cổ vào tường, khóc

lặng lẽ. Ngày mai trong kỷ niệm của tôi, sẽ chỉ còn ghi riêng hình ảnh một đứa bé lạc loài, sầu khổ không người. Tôi là kẻ lạ tới đây. Tôi không biết, không biết gì hết cả. Thế giới họ, tôi không thể bước vào, làm tôi dám nói. Những yêu thương, những ganh ghét, những niềm vui của con người, cả một tấn tuồng rộng lớn đó diễn ra trong một khung cảnh bé bỏng xiết bao. Từ đâu con người khơi dẫn được về cho mình nguồn khát vọng vô biên. Từ đâu? Con người vốn bị phó mặc cho rủi may, bị vắt ra sống trên một miền đất mà phún thạch hỏa sơn còn hâm hấp nóng, mà những trận bão cát sắp tới, mà những cơn mưa tuyết sắp về, còn hăm dọa mãi! Nền văn minh của họ chỉ là một lớp vàng mạ mỏng manh. Hỏa sơn sẽ xóa, sẽ bôi. Một biển mới sẽ dâng triều. Một cơn lốc cát". Tác phẩm văn học nước ngoài, khi qua một dịch giả đồng điệu sẽ hiện ra bằng Việt ngữ như vậy đó! Một bài thơ văn xuôi đích thực, đầy xúc cảm và nhuyến như thể nó được viết bằng tiếng... Việt. Tôi biết, nhiều người kêu Bùi Giáng ở một số bản dịch khác, rằng ông dịch tùy hứng và cả... tùy tiện quá! Nhưng chúng ta thử đọc *Cõi Người Ta* hay *Hoàng Tử Bé* của Saint-Exupéry, hãy đọc *Ngộ Nhận* hay *Carnets* của Albert Camus qua bản dịch Bùi Giáng, ta sẽ cảm nhận được hết sự tinh tế và uyên áo của nguyên tác qua một bản dịch. Tôi nhớ, ngày còn chiến tranh, ở chiến trường Đông Nam Bộ, tôi đã chép từng đoạn văn A.Camus trong *Sổ Tay (Carnets)* qua bản dịch Bùi Giáng, và những đoạn văn tuyệt vời ấy đã an ủi tôi rất nhiều ngay trong những hoàn cảnh thất ngật của chiến tranh. Sau này, đã có những dịch giả dịch lại những tác phẩm trên của A.Camus hay Saint-Ex, nhưng phải nói thực, họ không vượt qua được bản dịch cũ của Bùi Giáng. Cần phải ghi công ông ở lĩnh vực truyền bá văn học thế giới này. Một người chỉ tự học ngoại ngữ mà có thể trở nên uyên thâm như thế, có thể "tung tăng" như thế trong khi

dịch thuật, quả là hiếm có! Người như thế mà chưa một lần sang Paris để mặc sức chần cừu hay chần dè trên sông Seine thì thật đáng tiếc!

Nhớ những ngày ở Paris hay xuống Orleans với nhà văn Đặng Tiến, ở đâu tôi cũng cảm thấy phảng phất sự hiện diện của Bùi Giáng trong những câu chuyện trao đổi về văn học, trong những bài thơ hay bài viết của các bạn văn người Việt ở Pháp mà tôi được đọc. Anh Thận còn tặng tôi một đĩa DVD về ngày giỗ Bùi Giáng ngay tại Paris, tại quán Foyer thân thiết và ấm cúng. Những bài thơ của Bùi tiên sinh đã được trình bày trong ngày giỗ ấy. Coi như ông đã đến Paris và đã lang thang dọc những con phố lát đá mờ ảo khu Latin này rồi, khu Đại học nổi tiếng của Pháp và cũng là nơi vinh danh rất nhiều nhà thơ nhà văn Pháp mà Bùi Giáng đã có lần chuyển dịch sang Việt ngữ.

Trong dòng sông văn học khá bình thản của ta mà có được một người “quậy tung” như Bùi Giáng kể cũng đặc biệt và thú vị. Nhưng rồi, ngay trong những lúc “quậy” như thế, chợt ta chìm lắng lại với những câu thơ kiểu như thế này: “Một hồn rũ rượi trong mưa/ Nhớ ôi ngọc trắng ngày chưa cát lằm”. Như một khúc bi ca về cội nguồn trinh thực của Thơ. Như nỗi hoài nhớ về một thiên đàng tuổi thơ đã biến biệt. Thiên đàng ấy bên một dòng sông và những ngọn đồi lúp xúp mọc toàn sim mua...

## BÙI GIÁNG VỚI NHỮNG HÌNH ẢNH ĐÃ ĐI VÀO KÝ ỨC TÔI<sup>(\*)</sup>

Trong kháng chiến chống Pháp, ở Quảng Nam Đà Nẵng có hai vùng: vùng bị chiếm tức là vùng có quân đội Pháp chiếm đóng và vùng tự do hoàn toàn do chính quyền Việt Minh tức chính quyền cách mạng quản lý. Chia là chia như thế chứ giữa hai vùng không có một ranh giới nào rõ ràng. Đương thời có thể thấy rõ vùng tự do ấy, về phía Tây Quảng Nam là từ khoảng Chợ La Thập lên đến Trung Phước, Tĩ Sẻ, Dùi Chiêng.

Năm ấy, khoảng 1947, Chính quyền có mở một lớp dạy chữ, chương trình cuối năm bậc tiểu học và mượn nhà Cụ Bùi Thứ tức Cửu Thứ để giảng dạy. Bấy giờ tôi được đi học tại đấy. Nơi đây cách nhà Tạ Ký khoảng một cây số. Một hôm vào giờ ra chơi, tôi và vài anh bạn lớn tuổi như anh Sắc (ở chợ Trung Phước) nhìn ra sân thấy anh Bùi Giáng lưng thưng, tay cầm chiếc roi đi sau vài con dê... Ở mép sân phía sát hàng rào vương vãi mấy cái vỏ đu đủ và hạt đu đủ... Hai chúng tôi lấy làm lạ - anh Giáng đến đó thì dừng lại, cúi xuống nhặt một bụm hạt đu đủ rồi mỉm miệng cười, xong đưa vào mồm nhai ngấu ngiến. Tôi vội vàng bước xuống

---

(\*) Bài in theo *Đặc san tưởng niệm thi sĩ Bùi Giáng* do nhóm thân hữu Quảng Nam Đà Nẵng thực hiện, lưu hành nội bộ.  
Thy Hảo Trương Duy Hy - nhà nghiên cứu văn học, quê ở Hội An, hiện sống ở Đà Nẵng

thêm tiến đến bên anh nói: “*Anh Giảng ơi! Hạt đu đủ đắng thế mà anh ăn làm chi, độc chết...*”

Anh nhìn tôi, từ tốn giải thích, vừa lấy roi trở mấy con dè đang nhón chân bứt lá ở bờ rào: “*Mi không thấy à? Con dè nó ăn nhiều thứ lá còn đắng gấp mấy hạt đu đủ này mà nó cho sữa ngon và bổ ai cũng thêm... thì mình ăn hạt đu đủ này có chất đắng, đương nhiên cũng bổ như bọn dè kia chứ hại chi!*” và anh vẫn tiếp tục đưa hạt đu đủ lên mồm nhai rau rầu.

Đó là hình ảnh tôi ghi trực tiếp từ trong ký ức.

Lần khác, có việc về lại Trung Phước, các bạn bè tôi có kể một chuyện nghe khá lý thú: Chẳng là sau khi đại tá Đàm Quang Trung đem quân từ Liên khu V ra tấn công đồn Văn Ly, chiếm được đồn và bắt trọn đơn vị trấn đóng tại chỗ. Thời ấy, máy bay bắn và ném bom vẫn thường xuyên hoạt động trên bầu trời suốt dọc từ Đà Nẵng lên tận phía Tây Tì, Sé. Vì thế đoàn quân chiến thắng phải phân tán mỏng và di chuyển với cây lá ngụy trang cùng người. Thực sự thì quân ta lúc đó không nhiều nhưng nhờ sử dụng chiến thuật thích hợp với trận chiến công đồn nên thành công - dĩ nhiên là còn nhờ lực lượng khá đông của đồng bào quanh vùng. Do đó, trên đường rút quân về an toàn khu, khi bọn tù binh đang ngồi nghỉ thì đội quân phía sau lần lượt cứ hàng một chậm chậm tiến lên phía trước... khi bọn tù binh tiếp tục lên đường thì ở đằng xa kia có một số quân ta tạm dừng hai bên đường... và cứ thế, cách rút quân theo lối cuốn chiếu ấy, bọn tù binh tưởng tượng quân ta rất đông, nhưng thực sự trong thâm tâm chúng có vẻ không phục.

Khi chúng được phép tạm dừng ở phía dưới nhà ông Cừu Thứ<sup>(1)</sup>, chúng xỏ tiếng Tây ra nói chuyện với nhau và rất nói xấu

---

<sup>(1)</sup> Tức ông Bùi Thứ, thân sinh của Bác sĩ Bùi Kiến Tín, Bùi Thanh, Bùi Phú... Bùi Thị Tư.

quân đội ta... cùng lúc đó, có một chàng chăn dê đang lừa đàn dê gặm cỏ ở vệ đường... chàng lắng nghe hết những lời miệt thị của kẻ bại trận... đó là nhà thơ Bùi Giáng. Không phải anh có lệnh đi dò la tư tưởng hay tin tức gì của địch cả, vì anh chẳng tham gia bất cứ việc gì hồi đó mà chỉ là một chàng giữ dê... nhưng thực tình anh không thể chịu nổi trước những lời miệt thị của bọn chúng, anh tiến đến trước mặt bọn ấy và cũng dùng những tiếng Tây mắng thẳng vào mặt bọn chúng: “Một lũ cướp nước, gây tang tóc đau thương cho nhân dân Việt Nam”. Bọn chúng hoảng hốt, không ngờ đến một thằng chăn dê mà rành rỏi văn hoá Pháp đến thế, đưa nào cũng len lét nhìn anh hoặc gục đầu xuống, thì thầm lời xin lỗi. Câu chuyện này, người quanh vùng chắc còn nhớ. Nó là câu chuyện thật chứ chẳng phải giai thoại.

Lại một chuyện tôi được nghe anh Thắng, con cụ Nguyễn Đình Thống (nguyên Hiệu trưởng Trường Diên Hồng - Hội An) kể lại rằng: Khi Bùi Giáng vào Sài Gòn tự học, đỗ Tú tài toàn phần, tự học, tự nghiên cứu các môn anh ưa thích thì anh có dạy học và cũng từng được mời chấm thi Trung học đệ nhất cấp. Thế rồi, trong một kỳ thi anh được mời chấm Văn tại Trường Gia Long Sài Gòn. Chánh chủ khảo là một bà Hiệu trưởng được Bộ Giáo dục điều động đến. Thời ấy, các trường tư có dạy cho học sinh học ban đêm để sau đó hoặc họ dự thi theo lớp hoặc ghi tên thi “thí sinh tự do” (đối với những người quá tuổi quy định). Do đó, kiến thức phổ thông của nhà trường không tài nào được loại học sinh này tiếp thu đầy đủ. Chính vì thế, trong lúc chấm bài, có một học sinh bình luận một đoạn trích trong *Truyện Kiều* của Nguyễn Du, bài này được giao cho hai thầy chấm. Thầy thứ nhất chấm cho 0,1 điểm. Sau đó bài được chuyển đến thầy Bùi Giáng chấm lần thứ hai và thầy cho điểm tối đa 10/10. Khi thư ký ráp phách thấy số điểm cho hai lần quá chênh lệch thì đệ trình lên Hội đồng giám

khảo. Tại đây, sau một phiên họp Hội đồng dưới sự chủ tọa của bà Chánh chủ khảo, Hội đồng mời cả hai giáo sư đã chấm giải thích cách chấm của mình trước Hội đồng.

Đĩ nhiên, với bài làm ấy, vị giáo sư chấm lần thứ nhất thừa yếu tố để chứng minh cho việc cho điểm của mình là chính đáng, đó chỉ là điểm cho cái công lao động, chứ không phải là cái khả năng làm bài.

Đến phiên thầy Bùi Giáng - rất từ tốn, thầy đứng giữa Hội đồng, trước hết thầy xin bà Chánh chủ khảo và Hội đồng cho địa chỉ của anh đã làm bài đó. Thầy tiếp: “Sở dĩ tôi xin địa chỉ của anh học trò này vì tôi nhận thấy bài viết của anh ra rất sát nội dung của đoạn Kiều ra thi, lời văn thì mượt mà, câu từ mới mẻ...”. Tóm lại, giáo sư Giáng ca tụng bài thi ấy là số một mà từ xưa đến nay giáo sư chưa được hân hạnh đọc một bài nào hay đến thế, nên giáo sư xin địa chỉ để giáo sư đích thân đến đó thọ giáo. Đồng thời, giáo sư Bùi Giáng<sup>(2)</sup> chậm rãi chậm rãi, từ tốn đọc từng câu trong bài thi, vừa giảng - dĩ nhiên là giảng theo ý và lời bình của giáo sư - khiến cả Hội đồng chú ý lắng nghe một cách mê mẩn. Giải thích xong, giáo sư Giáng kết: “Với một bài dự thi viết hay như thế mà Hội đồng buộc tôi phải chấm lại, phải hạ điểm xuống là điều tôi không thể làm được. Tôi tuyên bố, tôi vẫn giữ nguyên số điểm do tôi đã chấm, còn Hội đồng muốn thay đổi gì không là tùy Hội đồng”. Nghe đâu, Hội đồng đành cộng hai số điểm đó rồi chia đôi, làm điểm kết quả cuối cùng.

Mẩu chuyện vừa kể là mẩu chuyện tôi nghe được, còn chính bản thân tôi, vào khoảng 1957 - 1958 tại Sài Gòn, tôi có người em đang học lớp ban đêm tại Trường Tân Thanh, ở hẻm đầu đường Lê Văn Duyệt (hướng Nhà hàng Lê Lai). Cứ

---

<sup>(2)</sup> Giáo sư là danh xưng hồi đó ở miền Nam để gọi những thầy dạy cấp 2, cấp 3.

mỗi lần học về nó thường nói: Thầy Bùi Giáng giảng *Kiều* thật hay, nghe thích lắm, nhưng em chẳng ghi chép được gì. Anh có muốn dự giờ văn thì đi một buổi cho biết, em đưa thẻ vào lớp anh đi (Hồi ấy, mỗi lớp rất đông học sinh, có lớp đến trên 80 học sinh. Cụ thể như lớp 10, 11 Trường tư thục Văn Lang nhận đến 120 học sinh vào chung một lớp), chẳng ai hỏi anh đâu... Rồi vì tính tò mò, nhất là xa hình ảnh anh Bùi Giáng gần 10 năm rồi, nay đến nghe anh giảng văn, chắc là thú lắm. Tôi bèn lấy thẻ học sinh của em tôi và bước vào lớp rất tự nhiên.

... Sau khi thầy Giáng bước lên bục giảng, thầy ghé ngó vào chiếc ghế dựa sau bàn viết giới thiệu bài giảng ngày hôm đó:

“... Hôm nay tôi bình giảng đoạn thơ *Thức Sinh từ già Kiêu về thăm nhà*” - (Giới thiệu chủ đề bình giảng xong, thầy rời ghế và từ đó đến hết giờ giảng thầy không ngồi nữa, chỉ đi qua đi lại trên bục giảng). Đặc biệt thầy đưa ra hai câu:

*Đường xa chó ngại Ngô Lão*

*Trăm điều hầy cứ trông vào một ta”*

Có lẽ hai câu đó thầy bỏ thì giờ đi sâu nhất, lột tả cái chất đàn ông của Thúc Sinh. Điều khác biệt trong cách giảng của thầy là thầy vừa giảng, tay cầm phấn vừa phác họa - chỉ bằng vài nét thôi - rất nhanh: Một mái nhà tranh, một người đàn bà đứng dựa gốc cột hiên nhà trông ra sân và giữa sân, một chàng mang ở vai một tay nải chân bước tới mà mặt ngoảnh lui nhìn vợ...

Để vạch cho được bút pháp tài hoa của đại thi hào Nguyễn Du, thầy Giáng cùng lúc đem một số câu thơ có chữ “Ta” rải rác trong *Truyện Kiều*, ngoài hai câu thơ trên, Thúc Sinh còn một lần:

*“Vì ta cho lụy đến người*

*Cát lăm ngọc trắng thiệt đời xuân xanh!”*



Mã Giám Sinh thì :

*"... Vả đây đường sá xa xôi  
Mà ta bất động nửa người sinh nghi"*

Hoạn Thư thì:

*"Vĩ bằng thú thật cùng ta  
Cũng dong kẻ dưới mới là lượng trên".*

Tú Bà thì :

*"Con kia đã bán cho ta  
Nhập gia phải cứ phép nhà ta đây"*

Sở Khanh thì:

*"Rằng ta có ngựa truy phong  
Có tên dưới trướng vốn dòng kiện nhi"*

Thúy Kiều thì:

*"Nhân làm sao đến thế này  
Thôi thôi ta đã mắc tay ai rồi"*

Từ Hải thì :

*"Một lời đã biết đến ta  
Muôn chung nghìn tứ cũng là có nhau"*

Đặc biệt mỗi cái "Ta" của mỗi nhân vật được thầy Giảng giảng rất sâu, xét, từng con người, từng hoàn cảnh, từng thời điểm mà chữ "Ta" ấy xuất hiện, tâm lý nhân vật Kiều vì thế được khai thác thật sâu, rộng.

Tôi không thể nào quên được, với bài giảng đó, thầy giảng đúng hai giờ liền. Đối với kiến thức văn của tôi hồi đó, tôi thu thập khá đầy đủ, bởi tôi đang học trên đó mấy lớp và nhất là tôi rất thích nghiên cứu bộ môn văn, triết.

Cuối cùng, thầy ngồi vào ghế trước khi hết giờ, nghiêm túc bảo:

"Những điều gì tôi đã phân tích, những điều tôi đã trình bày... đó là theo tôi nghĩ, chứ chưa chắc cụ Nguyễn Du còn sống nghĩ như thế!". Câu kết này, ngay hồi đó làm tôi ngỡ ngàng, trong

lúc sự thật, tôi nhờ bài giảng đó mà kiến thức văn của tôi thêm rộng để sau này đem giảng dạy tại các trường ở Quảng Nam rất đạt kết quả. Ấy vậy mà thầy bảo đó chính là ý thầy chứ chưa chắc Nguyễn Du còn sống lại nghĩ như thế!

Lúc ra về, tôi cố đến gần thầy Bùi Giáng, tôi tin là thầy đã quên tôi về cái buổi tôi gặp thầy ăn hột đu đủ... Tôi nói với thầy: Anh giảng rất hay... (có lẽ lúc đó anh ngỡ ngỡ nhớ lại kỷ niệm xưa chẳng...) và tôi tiếp, hay như thế mà anh kết thế học sinh trung học nó sẽ nghĩ như thế nào? ghi được gì?... Anh cười bảo tôi: “Rồi bọn hần hiểu tất, hiểu Nguyễn Du hay hiểu tôi cũng thế thôi!”.

Sau ngày anh Giáng qua đời, thực tình tôi không được biết, đến lúc tôi soạn tác phẩm “Tác giả và tác phẩm văn học Việt Nam”, nội dung gồm có 86 vị Quảng Nam Đà Nẵng, trong đó tôi có trân trọng đưa tên nhà thơ Bùi Giáng vào và cũng do đó tôi liên hệ với nhà thơ Tường Linh, nhà văn Cung Tích Biền để xin tài liệu, mới biết. Đặc biệt các bài viết về Bùi Giáng mà tôi được anh Hồ Công Khanh trao tặng, mỗi ngòi bút quả là một phần “thị hồn” của Bùi Giáng lúc sinh tiền.

Nhất là bài của Cung Tích Biền - Một hiện thực? Không phải! Một hiện tượng của hư vô? Chưa chắc! Nhưng có điều chắc chắn, tính nhân bản, nỗi thương yêu mọi vật ở thế gian này:

*“... Xin yêu mãi yêu và yêu nhau mãi*

*Trần gian ôi! Cánh bướm, cánh chuồn chuồn*

*Con kiến bé cùng hoa hoang cỏ dại*

*Con vi trùng cùng sâu bọ cùng yêu luôn...”*

của Bùi Giáng - nhà thơ, nhà tư tưởng vẫn luôn luôn là dấu ấn trong lòng những ai đã hiểu anh, quý trọng nhân cách anh.

Bài viết này, xin được thay nén tâm hương tôi kính dâng lên anh hồn thi sĩ Bùi Giáng - người con cao quý của quê hương Duy Xuyên, của tỉnh Quảng Nam, của dân tộc.

## TỪNG TỪNG QUẢNG GẶP TỪNG TỪNG HUẾ<sup>(\*)</sup>

Huế là kinh đô của vương triều nhà Nguyễn, nên Huế phải khác thường. Tâm lý “Đế đô” là tâm lý sang cả, đài các. Ăn thì phải ăn nhiều món, chuẩn bị cầu kỳ - dầu là muối bảy món. Mặc thì phải áo dài lượt là lượt khi ra đường - dầu là gánh chè bán dạo, áo vá bạc màu. Nói thì phải nói cho sang, chữ nghĩa thừa bầm đúng trật tự, không cong đuôi cụt đầu, dầu có mắng nhiếc ai nặng lời thì cũng phải có vắn có điệu phù hợp với bài bản.

Cách biểu hiện tình cảm cũng phải đượm màu quý phái. Có nghịch ngợm thì cũng phải chùng ghẹo “rím rím”. Nghĩa là phải kín đáo, dầu “có hoang chẳng giống người thường”. Không nói toạc móng heo những ý tưởng riêng tư thâm kín mà nói ra nửa kín nửa hở. Khi cái trạng thái hư hư, thực thực, nói năng bóng bẩy, lời lẽ bốn phương, hiểu phương nào cũng đúng nầy mà đạt đến trạng thái thăng hoa nghệ thuật thì sẽ trở thành cái “tùng tùng” điển hình của Huế. Đây là cách kiểu nói ra hay biểu hiện thái độ một cách tự nhiên và tinh táo như đùa như thật; như nghiêm như trêu; như theo như chống...

Trong thơ ca, nhất là thi văn xứ Huế thì sự trêu ghẹo

---

<sup>(\*)</sup> Bài in theo *hue.vnn.vn*.

Trần Kiểm Đoàn - Tiến sĩ Tâm lý học, nhà nghiên cứu văn học, quê ở Huế, hiện sống tại California, Hoa Kỳ.

nhau bằng chữ nghĩa thường trở thành những màn chơi chữ đầy nghệ thuật thú vị. Kiểu nói từng từng nầy thật không ngờ lại chưa hẳn là sở trường của Huế. Một người bạn Huế, phóng một câu tuyệt tác từng từng đến nước nầy thì con dân văn bút nhà Huế chỉ còn nước sắp hàng một vỗ tay hoan hô:

*Dạ thua xứ Huế bấy giờ*

*Vẫn còn núi Ngự bên bờ sông Hương.*

Dạ thua, đó là Bùi Giáng, anh học trò trong *Quảng ra thi* của một thời Quốc học...

Mới nghe qua hai câu thơ đệ nhất từng từng nầy đã có người lên tiếng:

- Nói chi lạ rứa hè! Sông Hương núi Ngự thì muôn năm vẫn là sông núi cũ chứ có bỏ đi mô mà phải tìm kiếm! Nói theo kiểu nì thì có khác chi nói lại rằng:

*Dạ thua cái cổ đã lâu*

*Vẫn còn dính với cái đầu, hai vai.*

Có những chân lý thị hiện hằng ngày đâu cần tìm kiếm. Nhưng sự nghịch lý của đời nầy là càng hiện rõ chừng nào, càng khó thấy chừng đó. Như lý thuyết nhà Phật thường nhấn mạnh chân tâm Phật tánh ở ngay trong mỗi con người, nhưng có được bao nhiêu người tìm ra được. Sông Hương Núi Ngự đi qua ngày hai buổi nhưng mấy người chịu lắng lòng để nghe câu chuyện đầu bể của dòng sông; mấy người nghiêng mình vào cõi vô trú để nhìn ra dáng vẻ đầy uy vũ muôn trùng của ngọn núi.

## **Đập Đá Huế**

Cái nhìn của Hàn Mặc Tử là cái nhìn quá tĩnh lặng và xuyên suốt bản chất mới thấy được “*Nắng hàng cau*” nơi thôn Vỹ Dạ.

Cái nhìn của Bùi Giáng là cái nhìn bão nổi trong cảm xúc và uyên thông trong trí tuệ mới thấy được trái tim của Huế. Bao nhiêu thế hệ đã đi qua. Bao nhiêu nguy biến đã dập vùi mà “*vẫn còn*”. Căn tính chưa lụi tàn, thể tính chưa phôi pha nên vẫn còn, vẫn còn và vẫn còn... *Vẫn còn Núi Ngự bên dòng sông Hương*. Huế vẫn còn là Huế.

Một thời, có ai nói đến thơ xưa, thơ mới, thơ siêu thực, thơ tượng trưng, thơ nguyên tử... tôi lại lan man nghĩ đến Bùi Giáng với *Mưa Nguồn* và những bài thơ đăng rải rác đâu đó trên các sách báo miền Nam thời đi học. Có lẽ tại tôi mê chuyện kiếm hiệp nên thích những mẫu người kỳ lạ hơn là nghiêm túc nghĩ đến văn chương.

Điều tôi thích nhất ở Bùi Giáng không phải là những vòng hào quang cũng như gai góc mà người đời đã không ngót mang tặng cho ông. Tôi thích nhất ở Bùi Giáng là thái độ rong chơi của ông trong thi ca tư tưởng. Ông nói chuyện triết học cao siêu dễ dàng và cà rỡn như nói chuyện Tắm Cám và nói chuyện Tắm Cám xa vời như tư tưởng của Kant, Nietzsche, Heidegger. Đọc sách của ông rất khó phân biệt được biên giới giữa thi ca và triết học. Ông bàn về chuyện triết học như làm thơ và làm thơ như chuyện đùa giỡn. Bùi Giáng là người làm xiếc trong ngôn ngữ với một “bút-pháp-không-bút pháp”. Thơ ông đầy những từ đẹp như hoa gấm, những câu tuyệt bút, nhưng cũng không thiếu những chữ đệm “*tầm rưởng*” (chữ của chính Bùi Giáng), những câu khó hiểu, những ý mờ mờ nhân ảnh, nên rất dễ làm hoa mắt những đầu óc quá thông thái mà thiếu cái Tâm thoáng đạt, hồn nhiên, chất phác; thậm chí... quê mùa!

Khái niệm cổ điển lập ngôn, lập thuyết hay “*Văn dĩ tải đạo*” trong sáng tạo văn chương có vẻ không hợp như những chiếc áo thụng xanh đỏ rộng thùng thình trên tấm thân gầy

guộc của Bùi Giáng. Ông đã bút phá những vòng trời buộc nghìn năm của những thước đo, những “râu mép” (Road Map) làm khuôn vàng thước ngọc cho đường bay sáng tác thi ca: *“Thơ tôi làm... là một cách diu ba đào về chân trời khác. Đi vào trung tâm bão giông một lúc thì lập thời xô ngôn ngữ thoát ra phá vòng vây...”*

Bởi vậy, trong *Thi Ca Tư Tưởng* ông đã “báo động” cho các bậc học giả và giả học rằng:

*“Thơ tôi làm ra là để tặng chuồn chuồn châu chấu, xin các ngài học giả hãy xa lánh thơ tôi.”*

Trong suốt nửa chiều dài của thế kỷ này, cả trong nước lẫn ngoài nước, đã có quá nhiều bài viết về Bùi Giáng. Hay ho cũng lắm mà tào-lao-luận ba hoa chích chòe cũng nhiều. Đường như ai cũng cố vẽ ra một Bùi Giáng, muốn biết một Bùi Giáng thật sự, nhưng hầu như tất cả các cây bút đều ngại ngùng, lúng túng trước một khối lượng tác phẩm “khó tiêu hóa” quá lớn và một bút pháp lắt léo, quanh co, bay lượn của một “Tay phù thủy ngôn ngữ” như ông. Thế nhưng, sau những trận mưa tầm gôi ngôn ngữ của người đời dành cho Bùi Giáng, người ta đành chào thua trong cố gắng nhằm phân tích “Phức liệu Bùi Giáng” để trả Bùi Giáng về lại *Mưa Nguồn* của chính ông. Khổ nỗi là chưa bao giờ thấy Bùi Giáng lên tiếng phản bua hay cãi chính về những khen chê của người khác dành cho mình. Và càng im lặng, ông càng nổi tiếng. Xung quanh Bùi Giáng nổi lên quá nhiều giai thoại. Những giai thoại cứ xoắn riết ông từ lớp nầy đến lớp nọ; trong khi Bùi Giáng vẫn tiếp tục sống lang thang lầy lắt, ăn bụi, ngủ hè, bị gậy, áo rách quần xài, khi ầm chồ, khi ôm mèo, đánh bạn với thú vật, muông cầm, cây cỏ, loanh quanh các nẻo đường gió bụi Sài Gòn.

Có thể nói Bùi Giáng là một hiện tượng thi ca, văn học lạ lùng nhất của Việt Nam thời cận đại. Lạ lùng như một dấu hỏi - vẫn còn mãi là một dấu hỏi nơi ông:

*Hỏi tên? Rằng biển xanh dâu*

*Hỏi quê? Rằng mộng ban đầu đã xa*

*Gọi tên là một hai ba*

*Đếm là diệu tưởng đo là nghi tâm.*

Bùi Giáng đã trải qua một cuộc rong chơi tận tình, chất ngất trong tư tưởng và giữa cuộc đời. Ông sinh năm 1925<sup>\*)</sup> tại Quế Sơn, Quảng Nam, đã từng đặt cho mình nhiều bút hiệu khác nhau: Báng Giùì, Bùi Báng Giùì, Bùi Bàng Giùì, Vân Mông, Trung Niên Bùi Thi Sĩ, Thi Sĩ Đười Uoi, Bùi Brigitte...

Bùi Giáng học trường Quốc học Huế và đột nhiên bỏ học vì lý do, theo lời ông trong tác phẩm *Đi Vào Cõi Thơ*, là bị “chấn động dị thường” bởi tập thơ *Lửa Thiêng* của Huy Cận. Ông bỏ học về quê chăn dê và đọc sách. Từ đó, ông trở thành một học giả uyên bác hầu như “Vô sự tự ngộ”, tự đọc sách, tự học hỏi mà khai phá trí tuệ giống như Thiền sư Huyền Giác ngày xưa đọc kinh *Duy Ma Cật* mà “Phát sinh tâm địa”. Đây cũng là khởi điểm cho Bùi Giáng suốt đời âm thầm đi trên con đường tư tưởng độc đáo và riêng biệt của mình.

## Trường Quốc học

Tập thơ đầu tay của Bùi Giáng là tập *Mưa Nguồn* xuất bản tại Sài Gòn năm 1962 và tập thơ cuối cùng là tập *Đêm Ngắm Trăng* xuất bản năm 1997. Trong cuộc hành trình 35 năm đó, Bùi

---

<sup>\*)</sup> Các tài liệu khác, kể cả *Tiểu sử tự ghi* của Bùi Giáng, đều ghi Bùi Giáng sinh năm 1926 (BT).

Giáng đã càng ngày càng chứng tỏ ông là một người nghệ sĩ với đáng đáp tâng tâng, lọt lọt (chữ của Nguyễn Hàn Thư) đi rong chơi khắp muôn vạn nẻo trong cõi thơ.

Thơ của Bùi Giáng thường không dễ hiểu, nhưng rất dễ ngấm mà những đầu óc “ngầu” chữ nghĩa thích gọi là “trục cảm nguyên ngôn” hay gì gì đó... Thử đọc và “ngấm” một khúc *Ly Tao* của ông:

*Giờ ngấu nhĩ như hồng bay em ạ  
Và yêu thương như lá ở bên hoa  
Và luyến ái như tơ vàng bốn ngã  
Bủa vi vu như thoáng mộng la đà.*

Lần đi từ điểm khởi phát của *Mưa Nguồn* và của *Ly Tao* là một gã trai quê chán bỏ trên vùng quê hẻo lánh xứ Quảng. Thuở đó, tâm hồn Bùi Giáng đầy cây lá và những cảm xúc nhân ái, chân thành. Tâm thức ông tan loãng, hòa nhập với thiên nhiên cỏ nội hoa đồng:

*Anh lừa bò vào đôi sim trái chín  
Cho bò ăn cỏ giữa rừng sim  
Anh nhìn lên trời xanh đỏ chín  
Anh ngó bốn bề cây lá gió rung rinh  
Anh nằm xuống để nhìn lên cho thỏa  
Anh thấy lòng mở rộng đón trời xanh  
Chìm ngây ngất vào trong đôi mắt lá  
Anh lìm dìm cho chết lịm hồn mình.*

*(Anh Lừa Bò Vào Đôi Sim Trái Chín,  
Mưa Nguồn, tr.153)*

Và có chăng tình yêu ngày đó với cô gái quê bên bờ cỏ mượt thì cũng chỉ là những xao xuyến buổi đầu đời. Rồi tình yêu đó cũng chỉ là những cảm xúc rất vi vu và hư ảo, không đậu lại trên một thân xác nào có thật mà rong chơi theo ông, rồi “tan đi trong hố thẳm chôn vùi”:



*Nhìn em nhé bên kia bờ gió thổi  
Lá xanh vườn theo cỏ mượt ngân nga  
Tơ vi vút một đời thương nhớ tuổi  
Của trắng rằm xuống dọ dẫm bên hoa  
Khung cảnh ấy nằm sâu trong đáy mắt  
Có lệ buồn khóc với lệ hòa vui  
Để tràn ngập hương mùa lên ngan ngát  
Rồi tan đi trong hố thẳm chôn vùi*

*(Bờ Nước Cũ, Mưa Nguồn, tr.49)*

Hình như giữa cuộc rong chơi, Bùi tiên sinh có lúc dừng lại để ngắm cái đẹp, chiêm nghiệm cái đẹp, cảm thụ cái đẹp một cách rất chi là náo nùng trang trọng:

*Anh quỳ xuống gờ hai tay bệ vệ  
Chỉ xin nâng một giọt lệ êm dềm*

*(Tự Hài Vi Sao)*

*Em đi đắm đuối tấm lòng  
Có bao giờ biết người trăm năm buồn.*

*(Tình Mê)*

*Anh sẽ khóc suốt thiên thu tình lụy  
Của vắn vương tình nghĩa nặng muôn nghìn.*

*(Vi Có Lễ)*

*Tuổi thơ em có buồn nhiều  
Hãy xin cứ để bóng chiều bay qua  
Mưa có lạnh nhưng chân trời còn mãi  
Những giọt sương là lệ ở trong mây  
Giòng sông đi cho nước nói ngàn ngày  
Bằng biển rộng không bến bờ em ạ.*

## Cố Thi Sĩ Bùi Giáng

Rồi Bùi Giáng tiếp nối cuộc rong chơi. Trái tim ông cũng rất “lãng loạn” khởi phát từ bản chất đa tình nghệ sĩ. Đa tình nhưng lại không đa lụy vì ông vẫn mãi sống một cuộc đời độc thân rong ruổi. Nhưng ông vẫn sống miên man trong cái đẹp thác ngàn của Thúy Kiều, của Kim Cương, của Marilyn Monroe, của Brigitte Bardot, của cô Mọi Nhỏ bên rừng Phi Châu... Nàng thơ, nàng Ly Tao trong thơ Bùi Giáng thường có một vẻ ròn rợn liêu trai, toàn là cõi mộng, cõi tưởng, cõi vi vu đầy mê hoặc:

*Em đã lại với đời về nắng ấm  
Thấm không gian thương nhớ bóng hình em  
Anh đã đợi chờ em từ lâu lắm  
Ngày đi không để lại lạnh trắng rằm  
Em có nụ cười buồn buồn môi mộng  
Em có làn mi khép lá cây rung  
Em có đôi mắt như sâu xanh soi bóng  
Hô gương ơi! Sao sóng lục vô chừng  
Em ở lại với đời ta em nhé  
Em đừng đi. Cho ta nắm tay em  
Ta muốn nói bằng thơ bay nhẹ nhẹ  
Vào trong mơ em mộng giấc êm đêm*

Từ tập thơ đầu, *Mưa Nguồn*, đến những tập thơ sau như *Lá Hoa Cỏn*, *Mùa Thu Thi Ca*, *Ngày Tháng Ngao Du*, *Sương Bình Nguyên*, *Trăng Châu Thổ*... là cả một đoạn đường dài rong chơi, đùa cợt, cù cưa bất tận của Bùi Giáng với ngôn ngữ thi ca. Đến *Đêm Ngắm Trăng* với 227 bài thơ, phần lớn là lục bát, sau cùng trong cuộc rong chơi của Bùi Giáng thì rõ ràng Lão Thi Sĩ đang “nói lục bát” một cách tự nhiên, dễ dàng, khể khà, “tồn hoạt chịu

chơi” như những ông già đang ngồi vuốt râu nhâm nhi vài xì đế. Ông nói về “dzách” (thùng cù lư?):

*Nỗi buồn nỗi khổ đời xưa  
Nỗi sung sướng đến mót mưa bất ngờ  
Đời xưa đất đá cằn khô  
Đời này đất đá đều đờ dần dần  
Điên đuổi dọc, điên ngựa nghiêng  
Điên là hạnh phúc thần tiên ở đời  
Điên rồi rồi cuộc hồi ôi  
Cũng đánh chấm dứt lia đời hết điên*

(Dzách. Đêm Ngắm Trăng, tr.139)

Càng điên điên ông càng “chịu chơi” tới cái mức “thần thông du hí”. Đã có hơn một đầu óc uyên bác đem cái lý thuyết biểu tượng, tinh thể và phá chấp ra để xào nấu những vần thơ sau đây. Nhưng riêng tôi thì lý thuyết nào cũng không thể áp dụng vừa vặn vào đây bằng lý thuyết “chịu chơi” :

*Ông gieo vắn điệu dã man  
Tờ điên hoa giấy lang thang lên mùa  
Ông buồn - quýt ngọt chanh chua? ‘  
Còn cam còn bưởi còn xoài riêng đâu?  
Ông tìm kiếm suốt hương màu  
Thời gian tinh thể đi đâu mất rồi  
Ông ngồi suốt những canh thâu  
Nêu từng nghi vấn trình tâu với người  
Người từ vô tận chịu chơi  
Thần thông du hí chốn nơi nào là*

(Con Vui Vô Tận. Đêm Ngắm Trăng, tr. 145)

Thật ra thì ngay giữa cuộc hồng trần này, Bùi Giáng sống cùng tận trong cái mơ mơ, màng màng thuần lý mang tính “Đồng

nam hiển thánh” (chữ của ĐS); nhưng chưa đến mức dấm bút phá những hàng rào trói buộc hay những quy ước rất thường tình của con người trong cái hệ lụy nhân sinh:

*Anh uống rượu tới mê man khôn dọ  
Đuối tay chân tại tâm điểm bụi đời  
Chiêm bao về ứng mộng giữa tuyết vời  
Quán phong nhụy bất thành linh giữ trút  
Ôi mặt ngọt ôi thiên đường bất chợt  
Hiện huy hoàng hiện thể suốt tâm linh  
Anh chào em từ ảo mộng một mình  
Và dấm chắc nhận nhìn rằng: anh hồng dấm  
...Anh bình tĩnh thừa rằng: anh hồng dấm!  
Hồng dấm đâu! Đâu hồng dấm là đâu...*

*(Hồng Dấm Đâu. Đêm Ngắm Trăng, tr.149)*

Càng đọc thơ Bùi Giáng, tôi càng cảm thấy muốn khóc khi ông cười; và muốn ôm bụng cười khi ông khóc... có lẽ vì tôi chưa có một tí tí “chất nghệ sĩ Bùi Giáng” nào trong mình. Đọc bài thơ tự trào hết sức độc đáo và lạ lẫm của ông, tôi cứ ước chi mình có được một phần trăm cái “điên” và một phần mười cái “ngu si” của Bùi Giáng để có thể có chút nào đồng cảm với ông chăng:

*Cuộc đời tẻ nhạt hôm qua  
Tối hôm nay nữa gọi là hôm mai  
Ba hôm cả thấy than dài  
Thấy thằng Bùi Giáng đêm ngày ngu si  
Tháng tròn năm méo tý ty  
Tồn sinh là tả từ ly cuộc đời  
Nó về tồn hoạt chịu chơi  
Nó đi suốt côi chơi vui hồng trần  
Nó từ vô tận mộng lung  
Nó đi suốt kiếp trùng phùng thiên thai*

*Giữa đêm thở vắn than dài  
Khóc hu hu nó khóc hoài trăm năm*

*(Hôm Hôm. Đêm Ngắm Trăng, tr. 150)*

Đến đây tưởng cũng nên làm sáng tỏ tại sao sẽ có rất nhiều người mơ ước có được một phần cái “ngu si” của Bùi Giáng. Tôi xin được liệt kê lại một phần cuộc rong chơi của Bùi Giáng qua những tác phẩm đã được xuất bản của ông. Ngoài ra, tôi cũng như nhiều người có thể tin; mà cũng có thể không tin, những điều do người khác đã viết trên giấy trắng mực đen rằng, Bùi Giáng đã từng viết ra cả ngàn câu thơ trong một đêm...

Sự rong chơi của Bùi Giáng trong ngôn ngữ và giữa cuộc đời vừa thâm trầm, vừa vui nhộn, vừa “bi... khoái” là vì ông không dè dặt, giữ gìn mà cố tình buông thả đi về lẫn lộn giữa những câu thơ khóc cười đầy uyên bác, trang đài, cổ kính xen với những từ, những câu đầy ngôn từ dân già, bụi đời có khi đến mức giang hồ ngổ ngáo, trần trụi. Vừa nói đến tâm sự mình một cách quý phái:

*Hồn du mục cỏ hoa mòn mỏi  
Rừng đêm xanh trắng tạ không lời  
Vị hơi thở cũng sâu như lá úa  
Rớt lung đèo bới rớt lách theo lau*

... ông “chuyển hệ” mượn lời người khác nói về cái điên của mình một cách thống khoái đầy “Sáu Giáng”:

*Vợ chồng tôi lúc nào cũng nhớ anh  
Anh điên mà dzui - dzẻ thập thành  
Chúng tôi tỉnh táo mà đành buồn hiu.*

Sự đùa bỡn với ngôn ngữ thi ca bằng cách sử dụng kiểu nói lái tinh quái của quê hương ông nhiều khi thô thiển một cách cụ thể chứ không bóng bẩy kiểu Hồ Xuân Hương. Người đọc rất thường gặp trong sách ông những cụm từ như: tồn lưu, tồn liên,

liên tồn, lưu tồn, tồn lí tí ngộ, tồn lập tập trung, tồn lập tập hợp... để đùa nghịch với triết học, nghịch với thi ca, nghịch với cuộc đời và nghịch ngay với chính bản thân ông:

*Lột cùn trần gió đi hoang*

*Tồn liền ở lại xin làn dớn ra...*

*(Mưa Nguồn)*

Thời kỳ ông được coi là điên nặng nhất với lối sống kỳ dị thì cũng là lúc ông bơi trong “Đại dương thi ca” để cho ra đời tập thơ *Bài Ca Quần Đảo*. Bùi Giáng làm thơ dễ dàng đến độ nhà văn Huỳnh Ngọc Chiến phải kêu lên rằng, “*Đôi lúc chúng tôi có cảm tưởng rằng ông có thể đọc ngẫu hứng thơ lục bát từ sáng đến chiều mà không vấp... Ông làm thơ bằng tiếng Việt, tiếng Hán, thỉnh thoảng bằng tiếng Anh và tiếng Pháp. Ngôn ngữ đã nhập điệu trong ông như cây đàn trong tay người nghệ sĩ kiệt xuất. Chỉ ấn tay là thành giai điệu. Tự nhiên như nước chảy, mây bay mà chẳng có chút dụng công nào*”. (Thời Văn 19, tr 66)

Cuối cùng của cuộc rong chơi, Bùi Giáng đã lặng lẽ bỏ mùa xuân của trần gian đi về cõi miên trường phía sau:

*Xin chào nhau giữa con đường*

*Mùa xuân phía trước miên trường phía sau*

...và bỏ tất cả lại cho đời:

*Bỏ trắng gió lại cho đời*

*Bỏ ngang giữa sóng giữa lời hẹn hoa*

*Bỏ người yêu bỏ bóng ma*

*Bỏ hình hài của tiên nga trên trời*

*Bây giờ riêng đối diện tôi*

*Còn hai con mắt khóc người một con.*

Một buổi tối thứ Tư trên xứ Mỹ, tôi đang ngon trớn rong chơi

với vườn thơ “tập cười” qua câu chuyện sinh điệu của cụ Thảo Am Nguyễn Khoa Vy thì nhận được I-meo của Tà Thư báo tin Bùi Giáng vừa qua đời chiều hôm qua (7-10-98) tại Việt Nam. Tôi bỗng chứng lại, quên hết chuyện cười, nhìn xuống thật buồn và cảm thấy một thoáng trống vắng. Những mẹ, những ôn, những hoàng thân, tôn nữ một thời của Huế lần lượt vắng bóng, mang theo cái “từng từng” truyền đời như tiếng chèo đập nước trên sông lụi tàn sau tiếng máy dầu xình xịch.

Và, con mắt trần gian cuối cùng đó giờ cũng đã vĩnh viễn khép lại.

Sáng hôm sau, tôi băng khuâng kêu một người bạn thân báo tin Bùi Giáng đã ra đi và tự nhiên đọc cho người bạn đó nghe hai câu thơ của Bùi Giáng đã làm tôi xúc động miên man trong những tháng ngày viết lách đùa nghịch với bạn bè:

#### MÙA HUẾ

*Ta cứ ngỡ đùa vui trong chốc lát  
Nào ngờ đâu đùa mãi đến điêu linh*

Tự nhiên tôi rom róm nước mắt...

Phía bên kia đầu dây, người bạn cũng lặng im đến nỗi tôi nghe cả tiếng sôi hồ trong đường dây điện thoại. Trong một thoáng phù du đó, tôi biết là người bạn cũng đang rom róm nước mắt như tôi. Trên quê hương yêu dấu cái từng từng của Quảng đã gặp cái từng từng của Huế. Nơi quê người, nếu không không có cái từng từng mang theo, tiếng nói yêu thương của ngày xưa quê mẹ cũng sẽ chìm dần trong cổ tích.

### III.

## Ta đi còn gửi đôi giòng

---

*Em về mấy thế kỷ sau  
Nhìn trăng có thấy nguyên màu ấy chẳng  
Ta đi còn gửi đôi giòng  
Lá rơi có đợi ở trong sương mù?*





Em về mấy thế kỷ sau  
 Nhìn trăng có thấy nguyên môn ấy chẳng  
 Ta đi còn giữ đôi giòng  
 Là nơi có đội ở trong sương mù?

Đắc Thức

Đắc Thức

Bùi Giáng  
 Người đi đâu sông nước lạnh vô cùng  
 Tranh của Đắc Thức

## BÙI GIÁNG, AI NGƯỜI CHIA SẺ<sup>(\*)</sup>

Đã có nhiều người viết về Bùi Giáng, tôi chỉ ghi lại vài cảm nhận của mình để góp thêm một cách hiểu thơ ông, may ra chia sẻ được chút nỗi niềm của ông.

### 1. Trạng thái “điên” của Bùi Giáng có ý nghĩa gì?

Theo thầy Thích Nguyên Tạng (chùa Pháp Vân, Gia Định, Sài Gòn), Bùi Giáng tự ghi tiểu sử của mình cho thầy trong cuốn sổ tay vào buổi trưa ngày mừng 10 tháng 11 năm 1993 như sau:

*“1971 - 75 - 93*

*Điên rồi lũng lầy chết đi sống lại về vãng*

*Rong chơi như hải nhi (con nít)*

*Được gia đình ông Phó Chủ tịch (482) Lê Quang Định, Hội đồng Thành phố đối xử thơ mộng thánh...”*

Bùi Giáng sinh ngày 17 tháng 12 năm 1926 ở làng Thanh Châu, xã Vĩnh Trinh huyện Duy Xuyên, Quảng Nam. Tạ thế tại bệnh viện Chợ Rẫy, Sài Gòn hồi 2 giờ chiều ngày 7 tháng 10 năm 1998. Ông là cháu ngoại của tổng đốc Hoàng Diệu, con của ông Bùi Thuyền và bà Huỳnh Thị Kiền, ông làm nghề dạy học ở Đà

---

(\*) Bài in theo [vannghecongcuulong.org.vn](http://vannghecongcuulong.org.vn).

Bùi Công Thuấn - nhạc sĩ, nhà văn, sinh tại Thái Bình, hiện dạy học ở Đồng Nai.

Lạt, Sài Gòn, biên soạn sách giảng luận về văn học, triết học, kiếm hiệp, viết văn, làm thơ...

Theo Võ Đắc Danh, hồ sơ lưu trữ tại nhà thương điên Biên Hoà ghi nhận Bùi Giáng nhập viện hai lần. Lần thứ nhất vào năm 1969, lần thứ hai vào năm 1977, thời gian này Nguyễn Ngụ Í vẫn còn trong bệnh viện, hai người cùng ở khu 3.

Bệnh án của Bùi Giáng có đoạn ghi: *"Bệnh tái phát từ tháng 4 năm 1969, có hôm thức suốt đêm để viết, nói huyền thuyên, chơi chữ, có khi la thất thanh, ý tưởng tự cao tự đại. Hay phát biểu ý kiến về những vấn đề chính trị, văn hoá trọng đại, có ý nghĩ bị người ta phá hoại sự nghiệp văn chương. Tháng 3 năm 1969 bị cháy nhà và cháy tất cả sách vở quý báu nên đương sự bị bệnh mỗi ngày một nặng hơn..."*.

Tuy nhiên đọc thơ Bùi Giáng, tôi không thấy bệnh điên ảnh hưởng gì đến câu chữ của ông. Trái lại, ông ý thức rõ trạng thái điên của mình, điên là một thái độ sống có ý thức.

*Đời này đất đá cần khô  
Đời xưa đất đá đều dờ dẩn điên  
Điên duỗi dọc, điên ngửa nghiêng  
Điên là hạnh phúc thần tiên ở đời.*

(Dzách)

*Uống và say nói lảng nhảng  
Miệng mồm lý nhý thần lẫn đứt đuôi  
Tâm can chân thể chôn vùi  
Mặt trời không mọc với người lem nhem  
Còn đầu nguyệt tổ bên thêm  
Ôi người uống rượu còn thêm điên rõ.*

(Người Điên Uống Rượu)

*Ông điên từ một lần đau  
Tới lần đau đứt ruột rầu rĩ đau  
Tuyệt mù biển cạn sông sâu  
Bụi hồng tan mát trước sau bây giờ.*

(Ông Điên)

*Anh đã định suốt thiên thu vạn kỷ  
Lâm thẳng điên rồ đại suốt thiên thâu  
Nhưng em ạ, đường như anh vô lý  
Lúc đoạn trường anh đứt ruột khổ đau*

(Quá Khứ Của Anh)

Những dòng thơ “điên” ở trên như ẩn chứa một điều gì sâu kín lắm trong tâm hồn Bùi Giáng. Ngôn ngữ thơ vừa gói kín vừa gọi ra trạng thái mơ hồ, nửa như đùa, nửa như thật, nửa hỗn nhiên, nửa thương đau và cô độc của tâm hồn Bùi Giáng. Không có mặt trời mọc, không có *trắng bên thềm*, chỉ có *tuyệt mù sông sâu, biển cạn, bụi hồng* và sự hiện hữu *người ngòm vô thường* trong *nỗi đau đứt ruột*.

## 2. Thơ Bùi Giáng, thơ tư tưởng

Trong thơ, người đọc khó khám phá ra nỗi đau thực sự của Bùi Giáng là gì, nhưng nỗi đau ấy bằng bạc trong hồn thơ ông

*Niềm đau đón xót xa như vĩnh quyết  
Niềm điêu linh như vĩnh biệt muôn đời  
Tôi về giữ mộng mù khơi  
Kết thành viễn tượng cho đời chiêm bao*

(Ngày Nay Ngày Mai)

*Ăn làm sao? nói làm sao?  
Thủy chung muôn một? còn đau đón nghìn?*

(Mười Hai Con Mắt)

Phải chăng đó là nỗi đau của những cuộc tình “*rã đời*” không thành lời. Sự “*chia ngã đường thu*” đã để lại những vết thương tâm không rõ nguồn cơn, nở thành những “*đóa đóa sầu*” để Bùi Giáng tặng cho đời... Ông có nhắc đến một vài người cụ thể: “*Bình sinh mộng tưởng vấp phải niềm thương yêu của Kim Cương Nương Tử, Hà Thanh Cổ Nương và Mẫu Thân Phùng Khánh* (tức Trí Hải Ni Cô)” (*Tiểu Sử Tự Ghi*). Nhưng những người phụ nữ này được Bùi Giáng tôn vinh như là Mẫu Thân *sinh* để ra mình, tuyệt không có chút gì là quan hệ nhục thể của tình yêu nam nữ, nhớ mong, hôn ghen, đau khổ, hẹn hò, mộng mơ như trong thơ tình của những nhà thơ khác.

*Tặng đời đóa đóa hoa sầu  
Nhớ nhau từ đóa mộng dấu rã đời.*

(Theo Áng Mây Bay)

*Những thương nhớ lạnh bao giờ  
Đường Thu chia ngã chân trời rộng tênh*

(Mai Sau Em Về)

*Kính thưa công chúa Kim Cương,  
Trăm từ vô tận ven đường ngồi đây.  
Tờ thư rất mực móng dầy,  
Làm sao định nghĩa đêm ngày yêu nhau?*

(Kính Thưa)

*Con về giữ áo đuôi uoi  
Nụ cười Trí Hải ngậm ngùi mẫu thân  
Để con một trận vô ngần  
Mẹ còn để nửa một lần nữa thôi  
Mẫu thân Phùng Khánh tuyệt vời  
Chiều xuân thơ mộng dưới trời bước đi.*

(Thơ Điền)

Nhân vật Em trong thơ Bùi Giáng thấp thoáng bóng hình một con người của thực tại, của kỷ niệm của yêu thương, nhưng cũng là huyền hoặc “*sương bóng*” tâm tưởng để Bùi Giáng giải bày

*Em đi sương bóng vô ngần*

*Nhìn anh như ngó một lần người điên.*

(Mộng)

*Xin ngó lại bàn chân em bước*

*Vì em đi vào lúc gió đương bay*

*Năm ngón nhỏ như sương đầm lá ướt*

*Em đưa tay anh với bất chừng này*

*Ngồi kể lại chuyện ngày xưa cũ kỹ*

*Em không nghe vì anh cũng không nghe.*

(Nhiên Tượng)

Chuyện tình yêu chỉ thoáng qua rất nhẹ vậy “*Niềm đau đón xót xa như vĩnh quyết*” của Bùi Giáng là gì? Có lẽ xuất phát từ thâm sâu ý thức về thân phận *thiên tài*, số kiếp kẻ *phong vận bạc mệnh* mà Nguyễn Du nói đến trong *Độc Tiểu Thanh ký*? Xưa nay người *phong vận* phải mang lấy những *hận sự*, những *kỳ oan*, như một định mệnh, biết “*Hỏi đoạn trường từ đâu*”, dù có hỏi trời cũng không có lời giải đáp. *Cổ kim hận sự thiên nan vấn / Phong vận kỳ oan ngã tự cư*. Bùi Giáng tự *kham* lấy những nghiệp chướng ấy chẳng, rồi *nín thinh như cỏ cây*:

*Em về trúc thạch một mai*

*Sẽ nhìn thấy mãi thiên tài chết điên.*

(Mười Hai Con Mắt)

*Thưa rằng bạc mệnh xin kham*

*Giờ vui bất tuyệt xin làm cỏ cây.*

(Chào Nguyên Xuân)

*Dấu bèo phong vận nín thính  
Sóng phơi trường mộng bình minh vô thường  
Nắng hồng chiếu bóng đài gương  
Lời nghi hoặc hỏi đoạn trường từ đâu...*

*(Văn Là Là)*

Thực ra, trong bản chất của thân phận làm người, Bùi Giáng đau nỗi đau kiếp nhân sinh, nỗi đau của sự thất bại trong nỗ lực vượt qua “*bốn nú*” (Chữ của Trần Thái Tông, 1218 - 1277, trong *Thiền Tông Chỉ Nam*), vượt qua *sắc không, ngũ uẩn, vô thường*. Bùi Giáng không sao đặt được bước chân vào cõi thanh tịnh vô vi (Asamkrita). Ông tự dày vò mình trong hình hài “*đuôi uoi*”, con vật, giống khỉ, ngựa mặt cười vu vơ (hình ảnh “*điên*” của Bùi Giáng):

*...Em về giữ áo mù sa  
Tiền trình vạn lý anh là đuôi uoi...*

*...Em về giữ áo đuôi uoi  
Trút quần phong nhụy cho người phụ nhau.  
Đuôi uoi tại hạ ra đời  
Thời gian rạch xé tô bồi cho em.*

*....Ông già rất mực đuôi uoi  
Già nua lấm lấm còn cười vu vơ.*

Nhận ra “*tinh thể đuôi uoi*” trong thân phận người là một giác ngộ tư tưởng của Bùi Giáng.

*Hoặc rằng người cũng là tôi  
Hay là tôi cũng là tôi như người  
Ấy rằng tinh thể đuôi uoi  
Lời rằng quyết tuyệt và tươi vui  
Ấy rằng một cũng là ba  
Là hai mai một một là hôm nay.*

Trong *Thiền Luận*, Daisetz Teitaro Suzuki nhắc đến Thiền Thoại sau: Khi Nguỡng Sơn (804-899) hỏi về Phật tánh, Thiền sư Hồng Ân thí dụ như vậy: *“Như ngôi nhà có sáu cửa nhất khi đột. Ở ngoài có người hô to “khọt khọt”, khi đáp lại “khọt khọt”, cứ thế sáu cửa cùng hô cùng ứng. Nguỡng Sơn hỏi lại: “Vì như lúc ấy khi ngủ thì sao?”. Hồng Ân bước xuống một tay nắm Nguỡng Sơn, vừa múa vừa nói: “Khỉ ơi khỉ ơi, ta với người cùng đối mặt nhau đây”.*

Đoạn thơ trên biểu hiện tâm hồn, tính cách, kiểu nói năng rất Thiền của Bùi Giáng.

Bùi Giáng nhận ra Phật tánh trong hình hài đuôi uoi của người, của tôi. *“Người cũng là tôi, tôi cũng là người, ấy rằng tính thể đuôi uoi”.* Vũ trụ, thời gian là nhất thể, tự tại, không sinh diệt: *“Một cũng là ba, là hai, là một; mai, một cũng là hôm nay”.* Sự giác ngộ như thế là bước giác ngộ thứ nhất để dẫn đến đại ngộ. Đây không phải là sự *“Xoá nhoà ranh giới giữa cái tôi và cái ta, giữa cái riêng và cái chung”* như nhận xét của Nguyễn Hưng Quốc.

Trong đoạn thơ trên, phải chăng Bùi Giáng mượn lời Thiền sư Hồng Ân để thể hiện tư tưởng của mình? Rõ ràng tư tưởng thơ Bùi Giáng là tư tưởng Phật giáo. Đời hư huyền, như hạt sương, bọt nước, như ánh chớp, như áng mây vô thường, chiêm bao (Bùi Giáng có nhiều bài thơ đề tài *Chiêm Bao*). Tự tánh của vạn vật là KHÔNG, sự từ bỏ Ngã, không để vướng mắc vào bất cứ cái gì đạt tới tinh thần *“Ung vô sở trụ”*, (*Giới thiệu Kinh Kim Cang - Thích Thái Hoà*). Đường như Bùi Giáng đang phát tâm, an trú tâm và hàng phục tâm, đoạn trừ ngã chấp, ngộ nhập ngã - không

*Anh đã định sẽ cùng em kể lễ  
Một nỗi đời hư huyền giữa chiêm bao  
Vườn hiu hắt nguyệt hờn mây nhỏ lệ  
Một mùi hương hồng tự ở nơi nao.*



thương, không phải là Phật, kể cả sơn hà đại địa, thiên đả, dòng suối trong rừng, một miếng gỗ, cục đá hay đồng chì.

Nhưng Bùi Giáng không trở thành Thiền sư, ông vẫn sống với thân phận *đuôi uoi khi đột* giữa đời, vẫn tra hỏi *tìm kiếm* mọi *mòn* trong cõi *bể dâu*, và ngày càng xa hút... trong cái nhìn của con người, cái nhìn *đuôi uoi*, nghi hoặc, đo, đếm.

*Đuôi uoi giữ áo tình phong nhả  
Khi đột trút quần tuồng Việt siêu...*

(Chiêm Bao 7)

*Cố gắng trăm năm tìm kiếm mãi  
Mỏi mòn nghìn mối thể thân ly ...*

(Chiêm Bao 3)

*Hỏi tên? Rằng biển xanh dâu  
Hỏi quê? Rằng mộng ban đầu đã xa  
Gọi tên là một hai ba  
Đếm là diệu tuồng đo là nghi tâm.*

(Tặng Mã Giám Sinh)

Ông chỉ đạt tới tiểu ngộ mà không đạt tới đại ngộ của *Thực tướng vô tướng; thực tánh vô tánh*. Trạng thái “điên” của Bùi Giáng chính là trạng thái bất lực trước cuộc *vượt qua* để “*tái sinh*”, mặc dù Bùi Giáng đã nhiều lần nói đến *tái sinh*.

*Anh đã định sẽ yêu đời suốt kiếp  
Suốt thiên thu từ vạn thuở phiêu bồng  
Rồi anh chợt thấy mình luôn liên tiếp  
Nửa điên cuồng nửa rõ đại bông lông.*

(Quả Khứ Của Anh - tại Lễ Gia Trang 1991)

*Tỉnh ra nửa sợ nửa mừng  
Tận cùng gió núi trắng rừng tái sinh*

(Chuyện Chiêm Bao 20)

*Tận cùng gió gác trắng lâu*

*Tái sinh rừng biển buồn rầu trăm năm*

(Chiêm Bao 21)

Chưa giác ngộ, người ta thấy núi là núi sông là sông. Giác ngộ rồi, người ta vẫn thấy núi là núi, sông là sông, nhưng là một tâm hồn tái sinh. Tái sinh trong *tâm bình* thường không phải *tâm sai biệt*. Như trở về nhà xưa, hoa xuân như lộng lẫy hơn, dòng nước đầu non như chảy mát rượi hơn, trong vắt hơn, trong mọi vật bình thường là toàn thể vũ trụ, là tự do.

Chính vì không vượt qua được sắc tướng huyền hoặc hồng trần, Bùi Giáng cứ phiêu du trong cõi đời cô độc mù khơi, hành trình ấy như một bế tắc, lại vừa như một khám phá hiện sinh làm nên thơ Bùi Giáng, những bài thơ ấy chia sẻ được với mọi người nỗi niềm gần xa. Bởi vì nếu Bùi Giáng “ngộ” được *chân như*, có lẽ thơ Bùi Giáng chỉ còn là những bài kệ để thuyết pháp mà thôi.

*tôi người thủy thủ ra đi*

*chân trời thấy nước đợi kỳ lên mây*

*sao đêm đỏ xuống triều đầy*

*ai đưa kiếm rút ngang mây hư không*

(Mãi Hiên)

*lạnh lòng dấu bước bờ sau*

*mấy đời ly biệt về đau trong mình*

*năm sáu sa mạc nín thính*

*đi vào giá buốt mộng mênh cuối trời*

(Mãi Hiên)

### 3. Giá trị thơ Bùi Giáng

Thơ Bùi Giáng tài hoa ở câu chữ, những câu chữ chứa đầy bí mật. Nhiều người đọc thơ Bùi Giáng không hiểu, tấm tắc khen,

rằng là tài hoa, rằng là hay... nhưng bất lực, không giải mã được, đành “tán” như vậy: “*Có khi không hiểu hết nghĩa nhưng tâm hồn vẫn bàng bạc một nỗi cảm hoài. Có thể thơ Bùi Giáng nói được đôi điều rất chân thật với tâm hồn ta, và ta được hưởng ít giây phút sung sướng phiêu bồng mà hầu hết chúng ta đã đánh mất, đã rời quá xa trong cuộc sống đầy phân chia đến chỗ cần cỗi này*”. (Phạm Xuân Đài). Nguyễn Phú Long trích dẫn thơ trong một bài luận về “Sở Dĩ Nhiên” cho rằng, đọc thơ Bùi Giáng không cần hiểu ý nghĩa bài thơ: “*Nhưng tại sao lại đặt vấn đề ý nghĩa cho một bài thơ nhỉ? Bài thơ là bài thơ, những gì ta thấy ta đọc là những gì ta đọc ta thấy vậy thôi. Đừng đi tìm ý nghĩa. Bài thơ như thế đấy, nó không cần có ý nghĩa*”. Nguyễn Hưng Quốc còn đi xa hơn: “*Bùi Giáng rất gần các nhà thơ Hậu hiện đại. Bùi Giáng còn gần gũi các nhà thơ hậu hiện đại ở một khía cạnh khác nữa: một số khá nhiều những bài thơ của ông là loại thơ không thể giảng. Nói cách khác, bài thơ là bài thơ. Không có ý nghĩa nào ẩn đằng sau bài thơ để chúng ta đào xới, tìm kiếm... Chúng ta không thể phân tích. Chúng ta chỉ cần nghiệm (experience). Đọc lần thứ nhất: chúng ta không hiểu gì cả. Đọc lần thứ hai: chúng ta vẫn không hiểu gì cả. Đọc lần thứ ba: chúng ta lại vẫn không hiểu gì cả*”.

Ô hay! Bùi Giáng làm thơ là để mong có người chia sẻ tâm sự điều linh, vậy mà người đọc lại không hiểu, không cần hiểu, không cần đọc những gì ông gửi gắm qua câu chữ, thử hỏi Bùi Giáng có buồn không?

*Xổ bầu tâm sự điều linh*

*Ai người chia sẻ với mình với ta*

(Một Giờ)

Không phải thơ Bùi Giáng là “*Thơ gần với thơ Hậu Hiện Đại, bài thơ là bài thơ, không có ý nghĩa nào ẩn sau để chúng ta đào xới*”, đây chỉ là cách nói của sự bất lực trước ngôn ngữ tư

tướng của thơ Bùi Giáng. Thơ tứ tượng phải hiểu bằng tư tưởng, không phải bằng câu chữ; hơn nữa Bùi Giáng đã dùng một loại ngôn ngữ “*khép kín*”, yêu cầu rất cao đối với người đọc để có thể hiểu thơ ông:

*Ngữ ngôn khép kín mặc dầu  
Hùng tâm tim máu óc đầu mở ra  
Dịu dàng cuối lá đầu hoa  
Mười về châu lệ chín sa dòng dòng.*

(*Bé Con Oi*)

Bùi Giáng bảo rằng phải mở *óc trong đầu* ra, mở *máu trong tim* ra, phải có *hùng tâm*, phải trở về *chín* phương trời *mười* phương Phật nước mắt *dòng dòng tuôn rơi* (như *chín chiều ruột đau*) mới có thể đọc Bùi Giáng, lại phải biết trân trọng nâng niu, *dịu dàng* như nâng niu *hoa lá*. Nhất là phải có “*hùng tâm*”, đừng *nghi tâm*. Chữ “*hùng tâm*” theo tôi, là chữ Bùi Giáng mượn cái tâm của Nguyễn Du: *Tráng sĩ bạch đầu bi hướng thiên / Hùng tâm sinh kế lưỡng mang nhiên*” (*Tạp thi*). Với yêu cầu như thế, việc đọc thơ Bùi Giáng thật không dễ dàng.

Thực ra thơ Bùi Giáng là thơ tứ tượng, thể tính của nó là tư tưởng, không phải câu chữ, hơn nữa ở nhiều bài thơ, Bùi Giáng đã dùng kiểu diễn đạt “vô ngôn” của Thiền. Với kiểu ngôn ngữ này, càng bám vào ngôn ngữ, người đọc càng bị mắc bẫy bởi chính tư duy của mình. Thí dụ:

“Đệ tử hỏi: - Thế nào là Phật?

Thiền sư Tịnh Không (1091-1170) đáp:

*- Nhật nguyệt sáng soi ức triệu cõi  
Ai hay mưa móc gọi non sông!”*

(*Thiền Uyển Tập Anh*)

Bùi Giáng cũng trả lời những người hỏi mình:

*Hỏi tên? Rằng biển xanh dẫu*

*Hỏi quê? Rằng mộng ban đầu đã xa*

*Gọi tên là một hai ba*

*Đếm là diệu tường đo là nghi tâm.*

(Bùi Giáng)

Cách trả lời của Bùi Giáng trong đoạn thơ trên cũng là cách trả lời của Thiền sư Tịnh Không. Nếu người đọc chỉ *tra hỏi, đo, đếm* với cái *tâm sai biệt* (*nghi tâm*), chỉ bám vào câu chữ, thì không thể hiểu ông nói gì. Bởi vì Bùi Giáng tồn tại vô sắc tướng trong đoạn thơ. Người đọc cảm được cái hay của đoạn thơ nhưng khó giải thích được được bản chất thẩm mỹ của đoạn thơ là gì. Đây chính là đặc điểm ngôn ngữ Thiền. Không hiểu mới là Thiền. Bởi vì Thiền “*Bất lập văn tự, trực chỉ nhân tâm*”, Thiền loại bỏ tất cả sự nhận thức của trí. Khi còn bám vào sắc tướng (lời) còn *nghi tâm*, thì không hiểu được ý ở ngoài lời.

Tất nhiên bằng trực giác, ta vẫn có thể hiểu được lớp nghĩa tường minh của văn bản, bởi vì trong ta đã có sẵn vốn ngôn ngữ để hiểu. Ta hiểu được “*Biển xanh dẫu*” vì trong ta đã có câu thơ Kiều “*Trải qua một cuộc bể dâu*”. Trong ta, ai cũng đã từng một lần dặt mộng cho tình đầu của mình, “*Mộng ban đầu*”, “*Mộng dưới hoa*”, “*Mộng bình thường*”. Đoạn thơ còn quen thuộc ở cấu trúc giống với đoạn thơ Nguyễn Du giới thiệu Mã Giám Sinh, một nhân vật để lại nhiều ấn tượng cho người đọc Kiều. Sự thú vị càng tăng lên khi người đọc nhận ra phép đối trong câu chữ của Bùi Giáng với câu chữ của Nguyễn Du: “*Hỏi quê: “rằng huyện Lâm Thanh cũng gần”* (Truyện Kiều), đối với “*Hỏi quê? Rằng mộng ban đầu đã xa*” (Bùi Giáng). Bùi Giáng đối lập mình với Mã Giám Sinh, từ đó đặt mình trong tương quan với Nguyễn Du. Câu thơ Nguyễn Du là câu thơ tả thực nói cái đời thường, quê quán, tuổi

tác, gia cảnh. Câu thơ Bùi Giáng ngược lại, dẫn người đọc vào trường ngôn ngữ nghệ thuật đòi sự cảm nhận lãng mạn. Cái hay của đoạn thơ còn ở chỗ Bùi Giáng làm thay đổi đột ngột cách tư duy của người đọc. Đang từ kiểu tư duy hình tượng với *biển xanh dâu*, đột ngột đổi sang kiểu tư duy cụ thể *đo đếm, một, hai, ba*, rồi tức khắc chuyển sang tư duy triết học với những *"diệu tượng, nghi tam"*. Tư duy logic của người đọc bị lật nhào, đoạn thơ mở ra chiều tư tưởng, buộc người đọc phải thoát ra khỏi câu chữ để nhìn bằng cái *tâm không sai biệt*. Tiến trình đọc như vậy tạo ra khoái cảm thẩm mỹ. Người đọc có thể không hiểu câu chữ Bùi Giáng vẫn cảm nhận được cái hay của thơ ông là vậy.

Nói thơ Bùi Giáng là thơ tư tưởng thì giá trị thơ Bùi Giáng cũng là giá trị của chính tư tưởng ấy. Vậy tư tưởng thơ Bùi Giáng là gì? Ở trên tôi đã nhận ra tư tưởng của kinh Kim Cang, kinh Hoa Nghiêm, tư tưởng Thiền trong thơ Bùi Giáng, nhưng còn một thế giới tư tưởng khác trong thơ Bùi Giáng là thế giới tư tưởng Nguyễn Du: *biển xanh dâu, đoạn trường, phong vận, lầu xanh, cát lằm, bụi hồng, hùm thiêng* (thân phận Từ Hải), *Đạm Tiên, Từ Hải ...* Bùi Giáng mượn thế giới tư tưởng nghệ thuật ấy để thể hiện tâm hồn mình:

*Thưa rằng bạc mệnh xin kham  
Giờ vui bất tuyệt xin làm cỏ cây.*

(Chào Nguyên Xuân)

*Tồn sinh quá khứ chôn vùi  
Con say suốt kiếp - trận cười thâu canh.*

(Gỗ Cửa Tồn Sinh)

*Hùm thiêng chấp nối của tin  
Cho người thôn thức cầu xin đá vàng.*

(Mười Hai Con Mắt)

*Tuyết mù biển cạn sóng sâu  
Bụi hồng tán mác trước sau bây giờ.*  
(Ông Diên)

*Cỏ đơn chưa đặng đầy miền  
Cỏ thom tiền kiếp quả nhiên bây giờ.*  
(Quanh Co)

*Mặc người  
mưa Sở mây Tần  
Riêng mình gìn giữ  
một lần đầu tiên.*  
(Riêng Minh)

*Dấu bèo phong vận nín thình  
Sóng phoi trường mộng bình minh vô thường  
Nắng hồng chiếu bóng dài gương  
Lời nghi hoặc hỏi đoạn trường từ đâu*  
(Văn Là Là)

*Sao bằng riêng một biên thủy  
Cõi diên vũ trụ tùy nghi tung hoành.*  
(Sao Bằng)

*Lòng bay thân thế pha mù  
Sương mây tuyết dậy thân bù cho thân.*  
(Đạm Tiên)

Nhưng thơ Bùi Giáng không chỉ có ngần ấy tư tưởng. Những hệ tư tưởng ấy chưa đủ để ông giải quyết những vấn đề của hiện hữu và cũng không giúp ông nói hết sự trải nghiệm hiện sinh của mình, bởi cuộc đời ông, thời đại ông và tư tưởng của ông khác rất xa với quá khứ. Ông tìm đến một cách thể hiện khác, đó là thái độ “*diên*”. Thiên thoại kể lại nhiều hành vi của các Thiền sư mà nếu

nhìn bằng con mắt bình thường ta có thể sẽ thốt lên rằng “điên thật! điên thật!”, chẳng hạn: có một thượng tọa tên là Định hỏi sư Lâm Tế về đại nghĩa Pháp Phật. Sư bước xuống ghế rom, nắm lấy Định, xướng cho một bạt tai, rồi xô ra. Định choáng váng chưa biết phải làm gì. Một ông tăng đứng bên bảo Định sao không lay Sư đi. Định toan lay thì ngay lúc ấy hốt nhiên ngộ đạo. Sau đó, Định qua cầu gặp ba ông tọa chủ. Một ông hỏi Định: tôi nghe nói dòng thiền sâu thẳm phải dò đến đáy, thế nghĩa là gì?”. Định bèn nắm lấy người ấy, toan ném xuống sông (dẫn theo Suzuki). *Thiền Uyển Tập Anh* kể lại: Thiền sư Đại Xả (1120-1180) thường xoa tóc, quên ăn, không ở hẳn một nơi nào. Ngày 5 tháng 2 năm Trinh Phù thứ 5, sau khi dặn dò đệ tử, sư đọc bài kệ, đến canh năm hôm ấy sư uống thuốc độc mà qua đời. (Thế có là điên hay không?)

Phải chăng *Điên* là một cách hành Thiền của Bùi Giáng? và *Điên* cũng là cách né tránh đối diện với thực tại, thực tại thời chiến tranh Việt Nam, trước và sau 1975? Ta không thấy Bùi Giáng bày tỏ bất cứ chính kiến nào về thực tại đó như thơ văn đương thời. Bài thơ *Về Quảng Nam* được viết bằng ngôn ngữ đời thường thể hiện rõ thái độ né tránh ấy:

*Chiêm bao tôi thấy tôi về Quảng Nam*  
*Rong chơi Đại Lộc, Điện Bàn .*  
*Duy Xuyên, Tiên Phước, Hoà Vang, Thăng Bình...*  
*Tìm người bạn cũ không ra*  
*Còn phong cảnh cũ khác xa những ngày...*  
*Xóm làng đồng ruộng lạ thay*  
*Chỉ còn dáng núi chạy dài xa xa*  
*Giữ nguyên hình ảnh đậm đà*  
*Còn trong kỷ niệm bao la tuổi nào...*



*Ngắm nhìn. Tìm máu xôn xao  
Tôi rời đất Quảng trở vào miền Nam  
Tâm hồn bao xiết hoang mang  
Bài thơ viết vội, dở dang lạ lùng.*

1995

Ta chỉ thấy thấp thoáng tâm hồn Bùi Giáng bao xiết hoang mang, xôn xao, dở dang trước thực tại đã thay đổi lạ lùng. Bùi Giáng không lộ ra bất cứ một phản ứng chính trị xã hội nào. Thái độ này chẳng khác gì Nguyễn Du lúc sinh thời. Nguyễn Du sống im lặng, giấu kín tư tưởng của mình với thực tại thời Gia Long. Nhiều bài thơ của Nguyễn Du mượn đề tài Trung Quốc. Thật khó tìm thấy hình ảnh đời sống thật của xã hội Việt Nam và thái độ của Nguyễn Du trong thơ ông. Thái độ của Bùi Giáng với Nguyễn Huệ (bài *Nguyễn Huệ*) cũng gần như thái độ Nguyễn Du với Từ Hải, mà có ý kiến cho rằng Từ Hải là hình bóng Nguyễn Huệ. Và, phải chăng thái độ của Bùi Giáng cũng là thái độ “giả cuồng” của Nguyễn Gia Thiều trước thời cuộc? Nguyễn Huệ ra Bắc năm 1786, Nguyễn Gia Thiều lần trốn ở núi rừng. Khi không còn trốn tránh được, ông trở lại Thăng Long uống rượu, giả cuồng, bất hợp tác với Tây Sơn.

Bùi Giáng ý thức rõ việc lúc nào điên, lúc nào tỉnh, ông cũng ý thức rõ người đời hoài nghi về thái độ “giả cuồng” ấy của ông:

*Uống và say nói lảng nhãng  
Miệng mồm lý nhý thần lẫn đứt đuôi.*

(Người Điên Uống Rượu)

*Tôi cười tôi khóc bằng quơ  
Người nghe người khóc có ngờ chi không.*

(Bao Giờ)

*Tôi nằm ở giữa vườn cây  
Tắm lòng men rượu từ nay chịu thừa  
Diên cuồng nhảy múa sớm trưa  
Từ nay chấm dứt - thượng thừa hoàng trang.*

*(Cũng Là Như Thế)*

Uống rượu, diên cuồng nhảy múa, nói năng lí nhí, cười khóc bâng quơ... Nếu nhìn ở hiện tượng ngôn ngữ thì đó là hành vi của người diên không còn ý thức, nhưng ở Bùi Giáng đó là một hành vi có ý thức, một thái độ chọn lựa hiện sinh. Nhất định thái độ ấy phải xuất phát từ tư tưởng. Có thể là ông mắc phải sai lầm nào đó trong đời, hay sai lầm của những dẫn thân "tội lỗi":

*Đời đã mất tự bao giờ giữa dạ  
Khi lơ nhìn viễn tượng lúc đầu xanh.*

*(Hư Vô Và Vĩnh Viễn)*

*Máu trong mình mòn ruồng  
Xương trong mình rã riêng  
Anh đi về đô hội  
Ngó phố thị mơ màng*

*Anh vui thân trong tội lỗi  
Chợt đêm nào gió bờ nọ bay sang.*

*(Bờ Lúa)*

Cũng có thể đó là thái độ sống "hồn nhiên" của người "đắc đạo". Người đời nhìn ông diên, nhưng, với ông, đó là *tự do*. Chữ *tự do* hiểu theo tư tưởng Phật, không phải tự do chính trị. Tôi không nghĩ rằng "Anh càng lang thang, càng lên cơn diên dữ dội, càng điều linh tân tã, nhưng cùng lúc anh đang đóng vai trò của một sứ đồ tự do, bản thân anh là một bài ca đầy cảm hứng cho nỗi khát khao tinh thần tự do của xã hội... Anh tượng trưng cho sự

*“ngoài vòng cương tỏa” mà người văn nghệ chân chính nào cũng thêm muốn.” (Phạm Xuân Đài). Thực ra đó là tinh thần “Ung vô sở trú” của kinh Kim Cang, tinh thần tự do của Lâm Tế Nghĩa Huyền (? - 867) “...gặp Phật giết Phật, gặp Tổ giết Tổ, gặp La Hán hoặc họ hàng thân thiết, giết hết, chớ ngần ngại: đó là con đường độc nhất để giải thoát. Đừng để bất cứ ngoại vật nào trói buộc mình, hãy vượt lên, hãy bước qua, hãy tự do.” (Dẫn theo Suzuki).*

*Ngủ yên bên lá cỏ chiều  
Giữa trời thu mỏng gió diu mây trôi  
Ngủ yên bên suối bên đồi  
Bên rừng thu tạnh bên người xót xa*

*Cát lấm ngọc trắng ố hoa  
Bên đời thốn thức thiết tha bên người  
Ngủ yên cây cỏ ngậm ngùi  
Một giờ yên ngủ lấp vùi trăm năm  
Tỉnh ra tìm lại chỗ nằm  
Chốn xa xôi ấy đêm rằm trăng soi*

*(Chuyện Chiêm Bao 17)*

Bùi Giáng có thể ngủ yên bên cỏ, bên suối, bên đồi, bên rừng để lấp vùi trăm năm, nhưng Bùi Giáng không thể quên người nỗi đau đời. Ông gắn bó đá vàng bên đời buồn tủi, bên người xót xa, ông thiết tha bên người với tất cả nỗi ngậm ngùi thốn thức của cõi nhân sinh, và ông bỗng nhận ra mình lạc mất trong chốn xa xôi ấy, tỉnh ra đi tìm lại chính mình.

*Trước khi về chín suối  
Em xin gửi đá vàng  
Của trăm năm buồn tủi  
Về trở lại nhân gian.*

*(Trước Khi)*

Có thể nhận thấy sau Nguyễn Du, Nguyễn Gia Thiều, Cao Bá Quát, thì Bùi Giáng là người làm thơ tư tưởng, và đưa thơ tư tưởng Việt Nam lên những bước phát triển mới. Điều này trở thành giá trị thơ Bùi Giáng, vì đương thời và cả hiện nay, rất ít nhà thơ Việt Nam trở thành nhà thơ tư tưởng (Có chăng là Phạm Thiên Thư, và hiện nay là Trần Ngọc Tuấn với tập thơ *Gió reo*). Tuy nhiên tư tưởng thơ Bùi Giáng không sánh được với tư tưởng thơ Nguyễn Du và Nguyễn Gia Thiều ở sự *giác ngộ* những trải nghiệm bể dâu, ở cái “*hùng tâm*” và thần lực của một hồn thơ mà ngòi bút có thể làm rung chuyển khắp cõi nhân gian như Không Lộ Thiền sư “*Trường khiêu nhất thanh hàn thái hư*” (Không Lộ - ?-1119. *Thiền Uyển Tập Anh*).

#### 4. Bùi Giáng có cách tân thơ không?

Bùi Giáng không có cách tân gì về thơ, ông chỉ kế thừa truyền thống và làm mới thơ bằng phong cách ngôn ngữ của mình.

Về nghệ thuật và tư tưởng, thơ Bùi Giáng nằm trong bầu khí tư tưởng và thế giới nghệ thuật của thơ cổ điển, của Nguyễn Du, tư tưởng Phật giáo.

Thử xem xét yếu tố thiên nhiên trong thơ Bùi Giáng, người đọc nhận ra ngay chất cổ điển trong cách Bùi Giáng sử dụng những chất liệu này. Thiên nhiên trong thơ Bùi Giáng rất ít khi là thiên nhiên đời thường của ca dao, đó là thiên nhiên khái niệm, mang tính trí tuệ, tính tư tưởng của thơ Đường, nó cũng mang cái nhìn Hoa Nghiêm của Bùi Giáng trên hoa cỏ, sông núi, ruộng đồng, gió trăng, mây nước. Thiên nhiên ấy cũng mang màu sắc *Kiểu* của Nguyễn Du. Ta gặp nhiều hình ảnh này: chân trời rộng tênh, nguyệt tỏ bên thềm, biển cạn sông sâu, chiều xuân thơ

mộng, bình minh vô thường, sương đầm lá ướt, vườn hiu hắt nguyệt, hòn mây nhỏ lệ, gió núi trắng rừng, biển xanh dâu, cây cỏ ngậm ngùi, trời thu, rừng thu, mây trôi, bụi hồng, cát lằm, nguyên khô, đầu núi, ...và dường như thấp thoáng Bùi Giáng trong bài thơ này:

*Nhị cú tam niên đắc  
Nhất ngâm song lệ lưu  
Tri âm như bất thưởng  
Quy ngoạ cố sơn thu.*

/Ba năm làm được hai câu thơ / Mỗi lần ngâm lên hai hàng lệ chảy / (nếu) Bạn tri âm mà không thưởng thức / (ta sẽ) Về nằm trong núi xưa (với) mùa thu/

(Già Đào)

*Nằm giữa vườn cây nhớ bốn trời  
Ba bề bảy ngò nhớ muôn nơi  
Tuồng chùng thiên hạ mệnh mỏng quá  
Mà thơ ta chỉ có vài lời  
Tặng người người có nhận hay không.*

(Cũng Là Như Thế - Bùi Giáng)

Thơ lục bát của Bùi Giáng cũng gần gũi như lục bát của *Đoạn Trường Tân Thanh*, và gần như ca dao, có cả thơ đùa cợt kiểu ca dao (*Tuy Nhiên, Em Có Mặc Quần, Lời Sơn Nữ*).

Nhiều bài thơ của Bùi Giáng có giọng thơ của thơ lãng mạn 1930-1945 (*Ly Tao I. Ly Tao III. Mâu Trời Đó...*). Cảm hứng chính của thơ Bùi Giáng là cảm hứng lãng mạn có màu sắc Thiền (*Chào Xuân Nguyên, Có Hoa Hồn Du Mục, Du Vang...*).

Bùi Giáng có rất ít bài thơ nói về thực tại bằng ngôn ngữ đời thường. (*Không Để* - tặng nhạc sĩ Quốc Bảo; *Nguyễn Huệ, Về Quảng Nam, Em Mọi Oi*), ngay cả những bài như thế cũng lãng

đang không khi lãng mạn (*Và Các Em, Nỗi Lòng Tô Vũ* - kỷ niệm 15 năm chẵn dê).

Nhưng Bùi Giáng có phong cách ngôn ngữ riêng, người ta có thể nói đến kiểu ngôn ngữ Bùi Giáng. Ông sử dụng rất nhiều từ Hán Việt bên cạnh từ thuần Việt, đó là vốn từ Hán Việt của nhà Phật và của văn chương cổ điển, đồng thời ông tạo nên những từ lạ so với vốn từ đã quen dùng. Nhiều bài, từ Hán Việt dày đặc đến nỗi trở nên rất khó đối với độc giả bình thường

*Em từ non nước Viễn Khơi*

*Trùng lai Cố Quận chịu chơi một lần.*

*(Em Từ)*

*Thiệt thời đời mộng phiêu linh*

*Cảnh sương ngọc thụ tồn sinh cát lăm*

*Giác quây quả lạnh anh trầm*

*Bóng đu sung rót bến trăm luân sâu*

*Hoài mong hiu hắt nhịp cầu*

*Mà hương quan vắng xa màu mây trôi.*

*(Mùa Phụng Cũ)*

Điều này giải thích tại sao thơ Bùi Giáng khó hiểu. Bùi Giáng cố ý dùng nhiều từ Hán Việt trong một cấu trúc ngữ pháp đã bị xáo trộn so với cấu trúc bình thường để tạo nên “mật ngữ” của riêng ông. Có điều lạ là tuy có nhiều từ Hán Việt nhưng thơ ông không hề cổ điển, có lẽ vì ông khai thác thi tứ, đề tài, chất liệu và tạo ra trường nghĩa mới so với thơ cổ điển chẳng. Cách dùng chữ Hán Việt của Bùi Giáng rất khác Nguyễn Du. Trong *Đoạn Trường Tân Thanh*, Nguyễn Du đặt từ Hán Việt bên cạnh những từ thuần Việt sao cho người đọc dù không biết chữ Hán vẫn có thể cảm hiểu được thơ.

*Song sa vô vô phương trời  
Nay hoàng hôn đã lại mai hôn hoàng.*

*(Nguyễn Du)*

*Thiên hương quốc sắc lạ thay  
Một tòa sẵn đúc dày dày thiên nhiên  
Khiến đời tứ đảo tam điên  
Cuồng quay đảo phụng cuồng kiên điên hoàng.*

*(Gà Gáy Sáng - Bùi Giáng)*

Với Bùi Giáng, làm thơ như một trò nghịch ngợm chữ nghĩa của một con người tài hoa. Trong đoạn thơ trên, rõ ràng có bàn tay nghịch ngợm rất mực tài hoa của Bùi Giáng. Câu thơ *Kiều “Dày dày sẵn đúc một tòa thiên nhiên”* đã được Bùi Giáng viết lại *“Một tòa sẵn đúc dày dày thiên nhiên”*, và câu thơ *“Cuồng quay đảo phụng cuồng kiên điên hoàng”*, xáo trộn nghịch ngợm triệt để những từ Hán Việt, ngữ nghĩa trở nên xa lạ không sao hiểu được. Có thể sắp xếp lại theo cấu trúc thông thường: *Phụng hoàng kiên cuồng quay cuồng điên đảo*. Tất nhiên như thế không còn là thơ Bùi Giáng, và ngay cả khi đã sắp lại như thế vẫn khó tìm ra một cấu trúc thực sự hợp lý để hiểu ý thơ. Mật ngữ của Bùi Giáng là ở đó. Thực ra Bùi Giáng có thể viết những câu thơ thật thả hồn lành thế này:

*Chiều nay anh làm thơ  
Chẳng còn hay như trước  
Suốt một tháng  
Viết không được một câu  
Thì lấy đâu ra thơ  
Mà tặng em cho được  
Tặng một câu cũng chưa đủ*

*Thi lấy đầu bốn câu*

*Cho đủ một bài.*

*(Em Mọi Oi)*

Bùi Giáng là một phong cách đặc sắc, nếu chỉ viết như thế sẽ chẳng bao giờ có thơ Bùi Giáng để người đọc ái mộ.

Phong cách thơ Bùi Giáng trước hết thể hiện ở trò chơi ngôn ngữ thách đố người đọc như trong trò chơi ú tim. Bùi Giáng có khả năng biến hoá ngôn ngữ một cách tài hoa. Tôi không nghĩ đó là thi pháp, mà chỉ là sự tài hoa của ngòi bút, của cá tính sáng tạo. Thi pháp thơ Bùi Giáng nằm trong thi pháp thơ cổ điển và thơ lãng mạn. Bùi Giáng chưa vượt ra ngoài cõi thi pháp ấy.

Nguyễn Hưng Quốc coi những kiểu chơi chữ của Bùi Giáng như là thi pháp, điều ấy có đi xa quá chăng? Ông nhận định: *“Tôi cho đây là đặc điểm nổi bật nhất trong phong cách thơ Bùi Giáng: thơ Bùi Giáng chính là sự xoá nhoà của mọi đường biên quen thuộc vốn được mọi người chấp nhận như là một quy ước, một luật lệ trong văn học từ xưa đến nay... xoá nhoà những đường biên về giọng điệu, xoá nhoà ranh giới giữa truyền thống và hiện đại..., xoá nhoà ranh giới giữa cái gọi là thơ và cái gọi là phi thơ..., xoá nhoà giữa cái lý và cái phi lý.”* (Cuộc Hoà Giải Vô Tận - Trường Hợp Bùi Giáng).

Đúng là có những hiện tượng lẻ tẻ như vậy, nhưng không là chủ đạo của ngòi bút Bùi Giáng... Thơ ông là thơ truyền thống, chủ yếu là lục bát, thất ngôn cổ điển (*Chiêm Bao 7, Chiêm Bao 4...*) thơ 7 chữ, 8 chữ kiểu Thơ Mới (*Kể Chuyện, Giòng Sông, Hư Vô và Vĩnh Viễn...*), lâu lâu ông đùa nghịch một chút, tạo ra một kiểu chơi chữ mới, thách đố ngôn từ, dẫn người đọc vào những miền xa lạ của tư duy, tạo ra sự thích thú, như kiểu làm thơ phá cách vậy thôi, đùa một chút thôi mà!



Phong cách Bùi Giáng toát ra từ thế giới nghệ thuật của cả bài thơ. Thơ Bùi Giáng là một thế giới riêng, thế giới thơ cổ điển của hôm nay. Thế giới của nghệ thuật kết hợp với tư tưởng, của tâm thức hiển hiện trong ý thức, của câu chữ thật nói lời vô ngôn, của sự trộn lẫn tài hoa và bi thương, của thực tưởng và hư huyền, của những “đổ lộn”, “từ bỏ” *núi sông, thành lũy*, hiện hữu, thời gian, thành “*tiếng vàng vang vọng*” xa lạ... Tiếng Việt trở nên sang trọng và phong phú vô cùng, câu thơ trùng trùng nghĩa, chữ gọi chữ, chữ thai nghén nghĩa mới, nghĩa gọi tâm, tâm lay động thái hư, vang vọng mãi vào vô biên. Bùi Giáng có nhiều bài thơ hay, không chỉ có câu thơ hay. Điều đặc biệt là có thể nhặt ra những câu thơ hay, để riêng lẻ, câu thơ vẫn tồn tại độc lập như câu thơ *Kiều*.

*Nghe trời đổ lộn nguyên khê  
Tiếng vàng rung rớt gieo về động xanh  
Gót chân khơi rộng bóng cảnh  
Nhịp vang đầu núi vọng thành lũy xiêu  
Thời gian chắc bước bên chiều  
Khóc sông bên lạ mưa chiều sớm xuân  
Cỏ hoa từ bỏ ruộng đồng  
Hồn du mục cũ xa gần hử em.*

*(Cỏ Hoa Hồn Du Mục)*

Những bài thơ như *Cỏ Hoa Hồn Du Mục* trở nên mới lạ và làm nên phong cách Bùi Giáng so với thơ đương thời. Tôi nghĩ rằng người đọc có thể tìm thấy nhiều giá trị khác trong thơ ông nếu có được trình độ tư tưởng và khả năng vượt qua được kiểu ngôn ngữ Bùi Giáng: Một rừng dây đặc từ Hán Việt trộn lẫn với khẩu ngữ, nghịch ngợm, xáo trộn, thành “mật ngữ”, thách đố năng lực tư duy, tạo ra thú vị.

*“Dù sao chăng nữa, Bùi Giáng tạo được một mẫu ngôn thời*

dại, sáng tạo một kiểu say sưa, chán đời của thế kỷ XX, khác với Nguyễn Khuyến trong thế kỷ XIX và Tân Đà đầu thế kỷ XX “(Thuy Khuê, *Tự điển Văn học* (bộ mới), Nxb Thế Giới 2004). Đó là kết luận của *Tự điển Văn học*.

Nếu Bùi Giáng đọc được nhận định như thế, có lẽ ông chỉ cười, cái cười “đuôi uoi” nắm tay ngựa mặt nhìn “đuôi uoi”, như ông đã cười khi gặp bà Khổng Tử ở Lục Tỉnh (*Đêm Lục Tỉnh*).

Tháng 6.2007

## BÙI GIẢNG VỚI “MARTIN HEIDEGGER VÀ TƯ TƯỞNG HIỆN ĐẠI”: CUỘC HÔN PHỐI TỪNG BỪNG<sup>(\*)</sup>

*“Không tự mình bước tới bờ hương chín  
Thì cõi mặt không tự về trong trái”*  
Martin Heidegger (Bùi Giảng dịch)

Ít hay nhiều, ta từng biết tới một Bùi Giảng Thi Sĩ. Với *Martin Heidegger Và Tư Tưởng Hiện Đại* – mà Nhà xuất bản Văn học chọn cho tái bản – ta được gặp lại, hoặc biết thêm một Bùi Giảng với kích thước mới: một nhà “giải minh” (Hermeneutiker) không kém phần kỳ đặc trong văn chương và triết học.

Tác phẩm đồ sộ này ra đời từ khá lâu – 1963 –, là một trong nhiều quyển cùng loại của ông đã xuất bản trước 1975. Quảng thời gian gần 40 năm là thử thách khá khắc nghiệt đối với bất cứ tác phẩm nào, nhất là loại sách biên khảo vốn trực tiếp gắn liền với một hoàn cảnh cụ thể, với nguồn tư liệu và cách lý giải, cảm thụ của một thời kỳ lịch sử nhất định. Về các mặt đó, quyển sách này cũng không phải là một ngoại lệ. Nhưng mặt khác, như ta

---

(\*) Bài này trích trong *Lời Giới thiệu* của Bùi Văn Nam Sơn in trong cuốn *Martin Heidegger & Tư Tưởng Hiện Đại* của Bùi Giảng, Nhà xuất bản Văn học, tái bản 2001 và 2007. Được sự đồng ý của tác giả, chúng tôi xin tình lược phần II nặng về học thuật, đề cập đến Platon, Baumgarten, Hoelderlin, Hegel, Heidegger... Bạn đọc có thể tìm xem toàn văn trong sách đã dẫn.

biết, trong văn chương và triết học, thời gian thường không có sức mạnh vạn năng để xóa nhòa tất cả và kiến thức thuần túy sách vở không giữ vai trò gì lớn lắm. Cái còn lại – và có thể nhờ trải qua thử thách của thời gian – chính là tâm hồn và cốt cách của tác giả. Và ở đây, quả thực ta gặp được một tâm hồn sâu thẳm với văn phong khác tục của một Bùi Giáng “văn xuôi”.

Là một “Poeta Doctus”, Thi Sĩ – Uyên thâm hay Triết Gia – Nghệ Sĩ, ông muốn thông qua nhiều tác giả và tác phẩm, thử cùng ta tìm lối đi thẳng vào mạch ngầm, tìm lại mối giao hòa, thông ứng theo nghĩa “thanh khí lễ hằng” thường bị che lấp giữa những tâm hồn lớn vượt qua khoảng cách của kim cổ - Đông Tây. (“Tư Tưởng Hiện Đại”, đối với ông không được khu biệt một cách chặt chẽ theo mốc thời gian, mà bất cứ ai – từ Homère, Sophocle, Parmenides, Khổng Tử, Nguyễn Du... đến Camus, Faulkner đương đại – còn gây được xúc động cho “người đời nay”, đều được ông xem như những người bạn tri kỷ cùng thời).

Từ đó, ông kết tập “kim thanh, ngọc chấn”, cho tiếng sắt, tiếng vàng chen nhau một cách kỳ ảo để mời mọc ta vào tham dự cuộc Hôn Phối Tung Bùng, trong đó – dù sao – ngọn nguồn lạch sông cho cuộc vương trôn vẫn là một lẽ nhất quán: trong văn chương là chữ TÌNH, chữ TÂM để phân biệt chân, giả; trong triết học, là chữ NGỘ (mà ông tránh dùng) để phân biệt nông, sâu. Nghệ sỹ và triết gia, con người sáng tạo và con người suy tưởng, từ nhiều chân trời cách biệt, hiếm khi được kết nối, giao thoa trong một mối lương duyên kỳ ngộ. Cho nên, dù hiểu ông hay đồng tình với ông đến mức độ nào, thiết tưởng chúng ta đều trân trọng một nỗ lực cảm thụ và suy tư độc sáng như thế, góp phần làm phong phú thêm di sản của các tác giả Việt Nam quá cố trong cuộc giao lưu với các nguồn văn hóa nước ngoài.

Thoạt nhìn nhan đề sách, ta hình dung một chuyên luận

rất khô và rất nặng bần về mối quan hệ qua lại giữa Heidegger và “Tu tưởng hiện đại” hoặc thử xét các tác giả hiện đại tiêu biểu theo cách nhìn của Heidegger. Thực ra ta có thể tìm thấy những điều đó, nhưng dưới một ánh sáng khác và một bầu khí ngôn ngữ khác.

Triết gia ở nước Đức xa xôi kia chỉ gọi hứng cho tác giả gặp lại chính mình. Ông gặp được nét đồng điệu ở cách đặt vấn đề “*Thiết lập Vinh Thể trên dòng Tồn Lưu*” tuy khó hiểu nhưng không quá xa lạ với truyền thống suy niệm Đông Phương. Và trước hết, là xẻ chia cảnh ngộ chưa xốt: các khuôn mặt lớn trong lịch sử văn chương và tư tưởng Đông Tây ít nhiều đều là nạn nhân của những ngộ nhân, ngộ giải làm rụng tía roi hồng, “không còn thấy cây lá ở trên đầu, không còn thùy dương đậm trùng quan mây trắng”.

Con đường của tư tưởng thường rất trĩu trọng (theo nghĩa đen: chậm chạp và nặng nhọc) vì phải dần dần vượt qua các ngộ nhận, khai quang các thông đạo, tất cả là nỗ lực để chuẩn bị cho những cuộc đối thoại nghiêm chỉnh và chân thành mai hậu.

Nếu Heidegger dành cả đời để làm điều đó bằng “*Cái điệu nói nhì nhằng, quanh quẩn, oái oăm như biểu dương một mối sầu hùng vĩ. Một đoạn trường hàm ẩn trong một điệu tái tân thanh*”, thì Bùi Giáng dùng tiếng Việt duyên dáng của Nguyễn Du để “*Tạo âm vang và dư vang, hé mở những cánh cửa, trao tay cái chìa khóa*” với sự thận trọng vì “*Sợ rằng khó mà kết hợp đầm thắm, trong một nét phác họa, những bao nhiêu tâm tình sâu kín, theo một-đường-ánh-sáng-của-tổng-hợp-vội-vàng sẽ gây ảnh hưởng cho giao thoa*” và mong “*Người đọc, người xem có đặt chút tinh thành để đón nhận dư vang, dư hưởng của những tiếng nói (...) kia không*”, hầu cùng nhau tạo nên bầu khí dịu dàng “*đầy sương bóng*” cần thiết cho đối thoại.

Không có được người như Kim Thánh Thán chỉ cho ta “phép đọc” *Thủy Hử*, ta hãy cú thử đến với Bùi Giáng bằng tấm lòng rộng mở. Ta có thể bắt đầu từ đâu cũng được. Hoặc đi ngay vào phần giới thiệu tư tưởng Heidegger, để từ đó tỏa rộng ra. Hoặc tại sao không lần giở những trang kể chuyện thần thoại Hy Lạp hồn nhiên, thơ mộng rồi vui vẻ bước vào những chương “bay bổng tuyệt vời” giới thiệu Kierkegaard, G. Marcel... trước khi gặp Camus, Faulkner, Shakespeare, Nietzsche... bi tráng rồi hãy dừng lại ở phần Heidegger trong mối tương quan rồi rẫm với Sartre... để củng cố một lối nhìn. Mỗi phần đều có cái duyên tự tại và kết hợp lại nhất khí. Hay nói như Henry Corbin: “...*L'oeuvre est là qui témoigne pour lui – même, qui annonce sa présence...*”<sup>1)</sup> (... Tác phẩm nằm đấy, tự nó nói lên...).

Tác phẩm “nói lên” những gì? Thật khó “*Men lối lá cần để vạch một lối về, tóm thâu những “đề mục” giữa những làn tơ nhay múa*”? Ta đành thử tạm làm quen với ông trên vài chủ đề chính luôn nấu nung xuyên suốt qua các tác phẩm của ông – hoặc trào dâng trong văn xuôi hoặc thành ẩn ngữ trong thi ca –:

1. Những ngộ nhận trong văn chương và triết học thường là hậu quả tai hại của một lối suy tư “bất cận nhân tình”, “sỗ sàng vén tóc nắm tay” vì đã sử dụng “lý tính” một cách vội vàng, nông cạn.

2. Đó là những biểu hiện bên ngoài của một sự khủng hoảng sâu xa hơn nơi bản thân những nền triết học là đưa con tinh thần của một thời đại tha hóa. Tha hóa và những con đường khác nhau “đồng quy nhi thù đồ” cùng hướng về một mục đích “hòa giải”, “khắc phục tha hóa” là mạch ngầm mãnh liệt của lịch sử tư tưởng: hành đạo và đạt đạo trong Tam Giáo Đông Phương, học

---

<sup>1)</sup> Henry Corbin, *Lời tựa* quyển *Siêu hình học nhập môn* của Heidegger do ông dịch ra tiếng Pháp.

thuyết biện chứng trong triết học cổ điển Đức dẫn tới Hoelderlin, Hegel và Marx... Ở đây, ông giới thiệu con đường của Heidegger trong viễn tượng đối thoại với những con đường khác. Trên con đường này, ẩn hiện bóng dáng đặc biệt của Hoelderlin, người thi sỹ - triết gia sẽ được Heidegger ra công minh giải và Bùi Giáng diễn dịch lại trong nhiều tác phẩm về sau của ông<sup>21</sup>. Hoelderlin với quan niệm độc đáo về bản chất và vị trí của ngôn ngữ thi ca sẽ âm thầm làm người giữ nhịp cho cuộc đối thoại mà Heidegger mong muốn mở ra.

Về điểm I, không gì bằng nghe tác giả Bùi Giáng trực tiếp lên tiếng qua một vài trích dẫn ngẫu nhiên. Về điểm II, rắc rối hơn, xin góp đôi lời đề dẫn và ghi chú để giúp các bạn đọc vốn ít thời gian, dễ theo dõi.

I. Ông khởi đầu từ một nhận xét: “... Ngàn năm, trong địa hạt văn chương chỉ có Một Sự Kiện: cái “*Décalage tragique*” (*Lạc Điệu Bi Thảm*) giữa những người sáng tác dành hết tâm hồn trong tạo phẩm và người học giả vừa phi phà điệu thuốc vừa lật vội trang văn. Một bên mang tâm thức hay tâm ý, tâm não hay tâm tình, tâm can của cá nhân mình thao thức theo hồn Logos thế kỷ, còn bên kia để tinh thần chi phối bởi kinh sử miệt mài. Tìm đâu ra một sự tương giao ở một cõi bờ hiu hắt?” Đó là một lối đọc sách “*Không gây được xao xuyến cho chúng tôi, không giục chúng tôi bàn hoàn thao thức muốn lên đường tìm kiếm lại hoặc Camus, Faulkner, hoặc Woolf...*”.

Với Albert Camus, chẳng hạn: “*Bạn đọc sẽ nhận thấy nhiều nhà phê bình đã ngộ nhận tư tưởng Camus một cách thật tai hại*

---

<sup>21</sup> Xem *Lời Cổ Quân, Lễ Hội Tháng Ba...* Bùi Giáng diễn dịch “*Erläuterungen zu Hölderlins Dichtung*” (*Minh Giải Về Thơ Hoelderlin*) của Heidegger: (GA4, 1981). Tác phẩm của Heidegger: *Toàn Tập Heidegger* (Gesamtausgabe, (viết tắt: GA) xuất bản từ 1975, NXB Vittorio Klostermann, Frankfurt/M).

ngu si. Sở dĩ Camus thường nói đến cuộc đời phi lý, nói đến nghĩa sa mạc hư vô của tồn sinh, không phải để rồi ca ngợi tán dương hành động điên cuồng của những “héros absurdes” (các nhân vật “người hùng” phi lý), như Caligula, như Martha v.v...<sup>(3)</sup>. Trước sau, Camus chỉ có một mối ưu tư đau đớn: đẩy tư tưởng hư vô đến cùng độ, đẩy hư vô chủ nghĩa đến cuối đường, để chúng ta nhìn rõ những hậu quả gớm guốc của nó. Có thể, thì sau đó ta mới đủ sáng suốt đưa “tinh thần phản kháng” của mình ra mà chọn lại lối đi về, vượt qua hư vô chủ nghĩa, chống lại những oái oăm của thế sự, tìm lại những thăng bằng giữa đảo điên, chinh phục lại cái tự do chân chính của con người vốn thường bị lạc lối giữa mê cung”.

Vì lẽ, “Cả hai (Caligula – Martha) cùng thuộc nỗi khát vọng tuyệt đối, chối bỏ cuộc sống lấp lờ theo nhân tuần, cả hai cùng sáng suốt nhận chân bộ mặt gớm guốc của tồn sinh, và cùng quyết liệt mưu toan phá hoại để tìm lại một bằng giá trị mới. Nhưng rốt cuộc, cả hai cùng phản bội cuộc sống vì đã quên một điều: khả năng của con người có hạn, da máu của con người và thần kinh của con người không thể chịu đựng mọi thử thách...”. Ông dẫn thêm câu của Nietzsche: “Nói suông về mọi hành động vô luân thì dễ, nhưng liệu có đủ sức chịu đựng được chúng không?”.

Từ đó, “ta cũng nhận thấy rằng, *Ngộ Nhận* (tên vở kịch với nhân vật Martha nói trên) mang quá nhiều âm vang. Ta không thể thu hẹp ý nghĩa tác phẩm của Camus trong nhận định: *ngộ nhận chỉ là một rủi ro hý hữu. Không. Ngộ Nhận của Camus đúng là âm thanh của tiếng đời bi thương dằng dặc. Tiếng đoạn*

---

<sup>(3)</sup> Caligula: tên vở kịch và cũng là tên nhân vật bạo chúa La Mã của Camus. Martha: tên nhân vật nữ trong vở kịch *Le Malentendu* (*Ngộ Nhận*) của A. Camus. Martha muốn “đổi đời”, cùng mẹ mở hắc điểm đầu độc khách trọ để cướp bóc. Một hôm nàng giết nhầm anh ruột của mình...



trường kim cổ của nhân sinh. Và nói riêng ra, nó còn mang đủ sắc thái đặc biệt của xã hội Âu Châu trong vòng nửa thế kỷ nay”.

Với William Faulkner: “Cái khát vọng miên man của Faulkner là tìm về với cái thời gian viên mãn”. “Từ đó, Faulkner muốn rằng tất cả những điên đảo, âm u, quỷ loạn trong tác phẩm của mình (*“The sound and the fury”* – Âm thanh và cuồng nộ) phải hé mở một ảnh tượng bát ngát của Thiên Đường. Cái métaphysique [siêu hình học] của ông còn hoài mong cái éthique [đạo đức học] trong viễn tượng một cái ontologie [bản thể học] gần gũi với Hình Nhi Thượng Không, cái đạo của Lão Trang, cái nụ cười bất tuyệt của Phật pha cái hãi hùng tê buốt của Pascal”.

“Ý hướng đức lý của những tác phẩm lớn là ý hướng tất nhiên, không bao giờ thiếu. Và chính nó là cội nguồn kỳ bí của tác phẩm lớn. Nhưng có điều: nghệ sĩ tầm thường thì đem đức lý làm hại tác phẩm, bởi vì ngay cái đức lý họ quan niệm đã hỏng tự ban đầu. Họ làm ta khó chịu. Đối với nghệ sĩ lớn, không vậy. Đây là điều rất dễ hiểu: kẻ trung nhân dĩ hạ vớ vào đâu làm hư tới đó. Kẻ trung nhân dĩ thượng, trái lại. Họ kết hợp hỗn nhiên cái chân, cái thiện, cái mỹ vào nhau như là ăn và uống vậy”.

Cho nên, “*Guang mặt Camus sau này sẽ nằm sát bên hình ảnh Faulkner trong văn học thế giới để biểu trưng cho sự cố gắng phi thường của con người kỷ nguyên này chống lại những hăm dọa khủng khiếp rình rập xô đẩy nhân gian vào đường tuyệt diệt*”. Tóm lại, “Camus đã sống với thời đại, hiểu trọn vẹn bi kịch của thời đại, thừa sáng suốt để nhận ra những điểm “sơ hở” cần thiết của Nietzsche, những toi bời mãnh liệt của Dostoievski, những lời rờ rã của Kafka... và đủ can đảm để lùi về phía sau, cam lòng chịu để đời ngộ nhận thái độ của mình và chậm rãi bình tĩnh nói tiếng nói muôn đời của nhân loại khát vọng tự do và công chính”.

Trích dẫn đã dài, nhưng khó có thể tự ngăn mình thu nhặt

thêm khá nhiều những nhận định sâu sắc như thể rải rác trong sách của ông. Đây là một ít: Quyển sách hay không phải vì lạ. “*Thử xin hỏi: có gì mới lạ trên trái đất nghìn năm? Một người nông dân lam lũ thời xưa có lẽ đã sống hết mọi bi kịch to và nhỏ của thân phận làm người. Và ngôn ngữ phô diễn tâm tình, cách đây ngót 30 thế kỷ, đã được những Homère và những chàng Hy Lạp lang thang xưa kia tận dụng mọi khả năng. Duy có điều: mỗi thời đại trong cảnh huống của mình, phải “sống” lại tấn tuồng nhân thế và “cử” ra những đại diện – tạm gọi là nghệ sĩ – để bày tỏ theo giọng điệu mình. Nếu ta có sống thật, ắt ta nhận ra được âm vang và dư vang của họ. Ta đã nghe bằng tai hay mắt?*”. “*Toute l'invention consiste à faire quelque chose de rien*”. Tất cả phát minh, sáng tạo là ở chỗ: dựng lập lên một cái gì bằng những vật liệu không đâu. Không đâu, bởi vì chúng ta sẵn có: vui, buồn, thương nhớ, ân hận, hoang mang... Có gì là mới là lạ?

Những Euripique, Homère, ngàn năm vẫn mới. Mỗi lần trở về với họ, trong vòng tồn sinh lặn dạn, mỗi lần lại cảm thấy mình tiếp xúc với thâm đế cội nguồn của tư lự nhân gian”.

Từ nhận định đó, ông trở về với văn chương dân tộc: “*Mọi lời của Nguyễn Du đều chứa đủ dư vang siêu hình của một niềm hoài vọng (...)* Phải luôn luôn nhớ rằng: những tiếng dậm phẫn, đường mây, ngõ lạnh của Nguyễn Du cũng như mọi ngôn ngữ khác của thiên tài đều mang nhiều ý nghĩa hiu hắt mệnh mông. Đoạn trường giữa hân hoan. Xa vắng nhớ nhung nằm giữa lộng lẫy. Muốn suy tư đúng lối không thể không lên đường dẫu biển mấy cuộc trải qua, giấu mình vào sinh ra tử, mấy lần độ mặt với lá cỏ hư không vắng lặng đoạn trường”.

Câu trích dẫn sau cùng mang ý nghĩa cốt yếu để hiểu quan niệm sáng tác của ông: “*Mỗi thời đại trong cảnh huống mình, phải “sống” lại tấn tuồng nhân thế...*”, “*Muốn suy tư đúng lối, không*

*thể không lên đường dẫu biển mấy cuộc trải qua...*". Hoelderlin và Búi Giáng sau giống nhau quá: họ đều lấy sự nghiệp sáng tạo (thi ca) để bảo chứng cho tư tưởng của mình, rồi lấy chính cuộc đời riêng ("*Gấm chông gai ấy ai từng đạp qua*", thơ Búi Giáng) bảo chứng cho thi ca. Họ không "làm" nghệ thuật theo nguyên nghĩa của chữ "Art" là cái gì "giả tạo", "thêu thùa", họ sống thật "vội" và "trong" nghệ thuật, tư tưởng. Mở rộng ra, xin lưu ý: sự trải nghiệm rất đau đớn trong đời sống và tâm thức nơi một cá thể (ontogenèse) phản ánh thu gọn của quá trình đào luyện lâu dài xét trên bình diện cả giống loài (polygenèse) là điều kiện thiết yếu để khắc phục tha hóa, một chủ đề lớn thường được nhắc đi nhắc lại, đặc biệt trong triết học Đức từ Lessing, Herder, Kant đến Hoelderlin, Hegel, Heidegger qua các từ hệ trong như trải nghiệm (*Erfahrung*), đào luyện (*Bildung*)... còn được trở lại trong các trang sau.

Thiếu sự trải nghiệm và đào luyện ấy, những ngộ nhận còn gây hậu quả trầm trọng hơn nhiều trong lĩnh vực triết học. Ở đây, ông chỉ nêu và phân tích khá kỹ một vài trường hợp điển hình như giữa Sartre, J. Wahl với Heidegger để từ đó liên tưởng đến biết bao trường hợp tương tự trong lịch sử dài dằng dặc của triết học.

Có những ngộ nhận do ác ý không đáng nói làm gì. Có những ngộ nhận do không đạt đến được độ cao cần thiết ngang nhau để cùng tiếp tục suy tư là điều thường gặp. Có những ngộ nhận do bị làm "tù binh" trong vòng vây của lẽ lối suy tư của chính mình. Đó là điều mà Heidegger muốn truy nguyên và phơi bày ra khi ông phê phán cả nền siêu hình học Âu Châu hàng nghìn năm ngộ nhận bản thân triết học Tây Phương. Sự ngộ nhận khiến cho Physis trở thành cái Idea, chân lý (*Aletheia*) thành sự nghiệm đúng, Logos trở thành mệnh đề, thành những phạm trù của tư

duy tính toán (*Logismos*), khiến cho Hữu thể (*das Sein*)<sup>(4)</sup> luôn bị khách thể hóa thành một vật thể (*das Seiende*), và vật thể chỉ còn trở lại là một đối tượng nghiên cứu, một đồ vật, một món hàng hóa, một giá trị trao đổi đơn thuần. Ông gọi đó là sự “lãng quên hữu thể” hay “hữu thể đã lãng quên con người (*Seinsvergessenheit*), vì qua quá trình khách thể hóa, người ta đã quên mất nhờ đâu mà có thể khách thể hóa, đã không còn biết “nghe ra từ độ tuổi khe”<sup>(5)</sup> khi hữu thể tự phơi mở ra cho con người trong kết hợp uyên nguyên với thời gian.

Đó cũng là trường hợp điển hình khác mà Bùi Giáng có nhắc qua khi ông dẫn nguyên văn lời của Merleau Ponty trách người khổng lồ Hegel đã “nhầm lẫn dị thường đối với tư tưởng Đông Phương”, xin tạm dịch: “*Hegel và những kẻ theo ông không thừa nhận tư tưởng Đông Phương xứng danh triết học vì xem tư tưởng ấy còn xa lắm mới vươn tới trình độ Khái Niệm*”... Quan niệm về tri thức của chúng ta (Tây Phương, ND) vốn quá nghiệt ngã khiến cho mọi lối tư duy khác hoặc bị xem là những phác họa sơ khai của khái niệm hoặc bị coi thường là phi lý tính<sup>(6)</sup>. Vấn đề đáng được nghiên cứu riêng biệt và cận kề, và thực ra, không chỉ tư tưởng Đông Phương mà cả tư tưởng cổ đại Hy Lạp và của các tiền bối của ông đều được Hegel mang ra đánh giá dưới ánh sáng và trong khuôn khổ của “Phép biện chứng Tinh thần” vừa rất sâu sắc ở mặt này, vừa không khỏi ít nhiều bất công, khiến cưỡng ở mặt kia. Tuy nhiên, đây là những nhầm lẫn “dị thường” có thể có

<sup>(4)</sup> Chữ “Das Sein” thường được dịch sang tiếng Việt là “Tồn tại”. Trong triết Heidegger, dịch là “Hữu Thể” hay “Tồn Thể” như Bùi Giáng hợp hơn chăng? Có khi Heidegger cố ý viết là “Das Seyn” theo nghĩa nguyên sơ (Urspruenglich) để phân biệt hẳn với “Das Sein” của bản thể học (Ontologie) truyền thống và nhất là với “Das Seiende” là *Vật thể, cái tồn tại*.

<sup>(5)</sup> Lời một bài hát của Nhạc sĩ Trịnh Công Sơn.

<sup>(6)</sup> M. Ponty, Signes, dẫn theo Bùi Giáng (II. 106). Xem thêm: Hegel: *Các bài giảng về lịch sử triết học* (3 tập, tiếng Đức).

của kẻ thiên tài, là “quyền được sai lầm” của các triết gia lớn mà người đời sau cần biết tôn trọng.

Còn một loại ngộ nhận nữa mà Bùi Giáng rất sợ – và có lẽ ai cũng vậy – là từ những kẻ ít nhiều tự xưng là môn đệ hoặc gần gũi “*Lắng theo là lắng theo cái vảnh ngoài, không biết tới cái vảnh trong nung nấu*”. Họ làm cho mảnh đất màu mỡ của suy tư bị sa mạc hóa. “*Thật quả không ngờ Đức Khổng mà cũng gặp ông Tổ Siêu Thục ở giữa một Sầu Thành... Sa mạc của Đức Khổng té buốt trong những tiếng “Đời, Nuy, Hoại”<sup>(7)</sup> kẻ nào là chính danh thủ phạm gây ra?*”.

Đức Khổng giận dữ nêu đích danh, đó là “lũ nho hương nguyên”, bọn giặc của Đức. (*Hương nguyên, đức chi tặc dã, Luận ngữ - thiên Dương Hóa 17*). Nếu không thể tìm được những bậc chí thành, thì ông thả giao du với những kẻ “cuồng, quỵn”, vì dù sao, “cuồng” còn có óc cỏi mở, cầu tiến; “quỵn” còn có chút lương tâm để có lúc biết dừng. (“*Cuồng già tiến thủ, quỵn già hữu sở bất vi*”, *Luận ngữ - thiên Tử Lộ 13*). Bùi Giáng gọi chung đám “hương nguyên hiện đại” là “học giả hư ngụy”. Nơi đây không có sự tranh luận song phẳng về học thuật, nói gì đến đối thoại vì những cơ sở của đối thoại đã bị thủ tiêu từ trong trứng nước. Chỉ có sự giả trá lộng hành. Họ không những làm cho lạc lối mà còn nguy hại hơn, khiến cho người đi sau chán ngán, xa rời và ngoảnh lưng lại với chính Con Đường. Bùi Giáng chia sẻ lời nói trầm trọng của Heidegger: “*Sa mạc lớn dần. Nghĩa là hoang tàn lan rộng. Hoang tàn găm guốc hơn tàn phá. Hoang tàn còn ghê tởm hơn tàn diệt. Tàn diệt là tàn phá những gì được xây dựng từ trước tới nay, còn hoang tàn chặn đứng con đường tương lai của sinh trường và ngăn cản mọi Cuộc Xây Dựng Mai Sau*”.

---

<sup>(7)</sup> Lời than của Đức Khổng: “*Thái Sơn kỳ đồi hồ! Lương mộc kỳ hoại hồ! Triết nhân kỳ nuy hồ!*” (Núi Thái Sơn mà đổ sập, cây gỗ tốt mà hỏng sập, bậc triết nhân mà nguy sập?).

Công cuộc “tái tạo”, vì thế, cần thiết và khó khăn. Nếu một lúc nào đó, – trong cái thế giới gãy đổ này (le monde cassé, nói theo G. Marcel) – người ta “*Không còn sức lực để vươn lên ngang trình hạn của thế giới hoàng đại của tinh thần: thực hiện thế giới tinh thần một cách chân chính trong tâm thức mình*”, thì theo Heidegger, chẳng còn cách nào hơn là chịu khó “*Suy tư một cách suy tư hơn chút nữa*” (denkender Denken) bằng sự “*Chiêm nghiệm tinh thần*” (Andenken). Trong ý đó, Bùi Giáng, trong các quyển sau, có khi mượn lối nói của Thiền gia “*Bách xích can đầu hoàn tu cánh tiến nhất bộ*” (Chót vót cây sào trăm thước, nên gắng thêm một bước chân nữa), hay như ở đây, ông kêu gọi: “*Xin linh hồn tuyết bạch của Suy Tư hãy đắm chiếu hơn chút nữa, lúc đi về trong Cổ Lục bên đèn*”. Vì lẽ “*Dư vang của Vần là dư vang của vô ngôn. Vô-suy-tư là cái ẩn kín nằm trong lời ẩn kín*” và “*Cái phần Bất-Suy-Tư trong trang-sách-giới-hạn, kẻ đọc sách phải mở phơi nó ra*”.

Ông thích thú tìm gặp điều hiếm hoi đó trong “*Dòng giao cảm giữa người bàn luận và người sáng tác, giữa triết gia con đẻ của hiện tượng luận và người thi sĩ “témoin du spirituel” (nhân chứng của siêu linh): như Heidegger bàn tới thơ của Hoelderlin hoặc G. Marcel bàn tới thơ Rilke*”. Thi nhân gặp thi nhân là tự nhiên như Nguyễn Du nhớ Đỗ Phủ: “*Dị đại tương liên không sái lệ*” (Sống khác thời nhau nhưng thương nhau luống rơi nước mắt). Giữa triết gia và thi nhân thì khác, khó hơn. Phải hoàng đại như Không Tử đọc Kinh Thi. Hoặc cần “*Mang đủ trong mình mạch thơ của xứ Đức động nguồn vì trời Hy Lạp ngàn xưa đã dậy bùng trong Hoelderlin, Nietzsche thế kỷ trước. Cũng vì lẽ đó mà không ai nói về thơ với những lời phi thường như Heidegger khi ông bàn tới Hoelderlin*”. “*Thi nhân và triết nhân đứng trong ngôn ngữ là đứng trên hai chóp núi xa biệt vô cùng nhưng vời vọi như nhau*”.

*nên cùng đón nhận như nhau mọi sương tuyết phiêu bồng hiu hiu về với Chị - Chị Kiều là thiên thu Hồn Logos". Câu văn "phiêu bồng" của ông diu ta về một phương trời của những cuộc tao ngộ lạ thường. [...]*<sup>181</sup>

*[...] Xin kết thúc bằng một lời tâm sự của tác giả Bùi Giáng: "kẻ viết mấy giòng này, vẫn ân hận: đầu ba thứ tóc, bốn thứ sương, pha mười loại gió tuyết... còn đủ thì giờ chẳng để theo đuổi đến đâu? Xin ngồi lại bên đường. Trao lại chùng này là cây gậy và một ít hành trang. Thiếu thốn nhiều? Khuyết điểm lỗi lầm còn lắm? Nhưng cái cốt yếu – tin chắc là có đủ rồi. Cái cốt yếu giúp nhau trên con đường đi tìm trở lại để bước đến cùng cái nẻo riêng tài hoa mình chọn lựa – đúng hơn: cái lối riêng mà Định mệnh đã phó thác riêng cho tài hoa mỗi người".*

Ông khiêm tốn và thành thật. Trong vòm trời khô khan của triết học, người ta nghiêm nghị và dăm chiêu quá, nhất là các triết gia Đức, họ ít biết cười. Ông nắm tay dẫn họ vào cuộc hôn phối. "Cuộc hôn phối nào? Là Càn lấy Khôn, Trời cưới Đất, Gió Mộng gả Sóng biển cho rừng. Tồn thế đi về trong câu hỏi là của lời câu hỏi cưới xin; môi miệng em thốt lời, là Lời Khói hương phụng hiến". Câu văn trầm mặc của Heidegger trở nên tung bùng qua tay Bùi Giáng. Ông đưa "gió mộng", "khói hương" vào triết học, và như thường lệ, dắt cả Chị Kiều, Em Thúy vào chơi để nhờ Chị Em góp tiếng cười giải thoát trước những "công án" võ đầu. Công ông chỗ đó.

Chúng tôi mạo muội làm việc quá sức mình là viết mấy lời giới thiệu nôm na này, để thay mặt các thân nhân của cố tác giả, xin tạ tấm lòng liên tài của Nhà xuất bản Văn học đã cho in lại sách ông.

Tháng 5-2000

---

<sup>181</sup> Chúng tôi xin lược bỏ phần II.

## I. BÙI GIÁNG, BƯỚC CHÂN ĐI TÌM HỒN NGUYÊN TIÊU VÀ MỘT MÀU HOA TRÊN NGÀN<sup>(\*)</sup>

*Người đã bỏ đường kia ở lại  
Để đi vào đối diện hư không  
Bờ thánh thót thu sau về vạn đại  
Lời chào kia nức nở lạnh vẫn mong.  
(Lá Hoa Cỏn)*

### 1.

Người thi sĩ ấy đã ra đi. Cho dù người đã yêu thương thấm thiết trần gian và cuộc tồn sinh này. Nhưng giờ hẹn đã đến, và người phải rời bỏ cuộc lữ hiện tại để lên đường đi về một biên giới khác. Cho dù cuộc lữ người vừa rời bỏ có thể vẫn còn lắm chuyện thiết tha, người đã bỏ con đường kia ở lại. Trước khi đi vào đối diện hư không, giữa lòng những đêm thâu lục nhật của cuộc đời, người đã nằm suy nghĩ và mơ ước những gì? Có phải người mơ được trở lại "một miền quê hẻo lánh, xung quanh có ruộng đồng sông núi trùng điệp, những đám cỏ chạy dài suốt cả tuổi thơ"<sup>(1)</sup>.

---

(\*) Bài đăng trên *Hợp Lưu*, số đặc biệt về Bùi Giáng, số 44, tháng 12.1998 & tháng 1.1999. Bùi Vinh Phúc - sinh tại Hà Nội, lớn lên ở Sài Gòn, hiện sống, dạy học và nghiên cứu tâm lý, văn chương tại Hoa Kỳ.

<sup>(1)</sup> Trong *Ngày Tháng Ngao Du*, Bùi Giáng thổ lộ: "(...) *Hồi nhỏ, tôi đã được sanh ra và lớn lên trong miền quê hẻo lánh, xung quanh có ruộng đồng sông núi trùng*



Người muốn trở về đó để tìm kiếm lại một màu xanh không còn nữa của những tháng ngày tuổi nhỏ, hay để tìm lại một ánh trắng châu thổ, một giọt sương tỳ hải, hoặc những cánh châu chấu chuồn chuồn mà ai đó đã thả đầy trong mấy vạt nắng mong manh sầu ủa một chốn quê nhà? Chốn quê nhà kia, nơi có những bóng tre, một màu rạ, một bờ ruộng, một con đường, một khúc sông... mà lúc nào người cũng mãi gìn giữ trong chính thịt xương thân thể mình:

*Con đường, bờ ruộng, khúc sông...*

*Bóng tre, màu rạ như trong ruột rà*

*(Martin Heidegger Và Tư Tưởng Hiện Đại II)*

Hay là người vẫn còn mãi nhớ về bờ lúa cũ, nơi người vẫn còn nhìn thấy in đậm một dấu chân em:

*Em chết trên bờ lúa*

*Để lại trên đường mòn*

*Một dấu chân bước của*

*Một bàn chân bé con*

*Anh qua miền cao nguyên*

*Nhìn mây trời bữa nọ*

*Đêm cuồng mưa khóc điên*

*Trăng cuồng khuya trốn gió*

*Mười năm sau xuống ruộng*

*Đếm lại lúa bờ liền*

*Máu trong mình mòn ruộng*

*Xương trong mình rã riêng*

---

*diệp, những đám cỏ chạy suốt cả tuổi thơ (làng tôi xưa kia có nhiều cỏ mọc. Cỏ mọc từ trong làng ra ngoài ruộng, tới những cồn, gò, đồi núi thật xanh. Từ đó về sau, tôi tìm kiếm mãi một màu xanh không còn nữa vì những trái bom và hòn đạn thiêu nung không lồ..."*

*Anh đi về đô hội  
Ngó phố thị mơ màng  
Anh vui thân trong tội lỗi  
Chợt đêm nào gió bờ nọ bay sang.*  
(Bờ Lúa, trích nguyên bài)

Hay là người muốn trở lại những ngày xưa để lừa bò vào đồi sim trái chín:

*Anh lừa bò vào đồi sim trái chín  
Cho bò ăn cỏ giữa rừng sim  
Anh nhìn lên trời xanh đỏ chín  
Anh ngó bốn bề cây lá gió rung rinh*  
  
*Cây lá bốn bên song song từng lúa  
Sánh đôi nhau như ứa lệ ngàn hàng  
Hạnh phúc trời với đất mang mang  
Với bò giữa rừng hoang đương gặm cỏ  
Với người ngó ngát ngáy đương nằm đó  
Không biết trời đất có ngó mình không*  
(Anh Lừa Bò Vào Đồi Sim Trái Chín)

Hay người muốn tìm lại những ngày tháng ngao du cũ, những sương bình nguyên, một màu hoa trên ngàn, và những đêm sáu đầy màu sử lịch của một khúc sa mạc trường ca? Người đã sống điên dại giữa đời, hay đúng hơn, người đã chọn một cuộc chơi vĩ đại, trầm thống với tất cả "thân thể máu me và da xương" của chính mình mà mẹ cha cũng như trời đất đã ban cho. Chẳng mấy kẻ trên đời này đã dám xông vào trận như thế. Người làm ta nghĩ đến Paul Gauguin, kẻ đã dám từ bỏ thế giới văn minh của con người để đi tìm một sắc màu thơ mộng mới cho chính cuộc tồn sinh mình. Gauguin, cũng như người, đã suốt đời lang thang để đi tìm một màu hoa sơ thủy. Người cũng đã làm ta nghĩ đến Van

Gogh, kẻ đã tự ý đánh mất cái khôn ngoan của những con người sống giữa đời thường, để có thể đi sâu vào trong ánh sáng điên cuồng chói lọi của những *starry nights*, của những đêm sao lồng lộng, và nhìn ra ở đó những chính bản của cuộc đời. Cuộc đời như chúng ta đang sống chỉ là những phó bản với thật lắm điều sai chệch. Bùi Giáng đã van xin:

*"... Hãy để yên cho tôi điên tôi dại. Đừng ai nói đến tôi. Và nhất là đừng có bàn đến thơ tôi. Tôi không dám si mê, cũng không dám hoài vọng. Một mai tôi chết. Nghĩa là tôi không còn sống. Tôi sống trong cơn dại cơn điên. Tôi làm thơ trong cơn điên cơn dại. Nghĩa là tôi chết hai ba lần trong trận sống..."*

Hãy nghe lời kinh *Cầu Nguyên Ca* mà người thi sĩ đã viết:

*Hãy mang tôi đến giữa đời  
Giết tôi chết giữa cội đời mọc meo  
Hãy mang tôi tới nắng chiều  
Giết tôi chết giữa một triều khe nương  
Hãy mang tôi tới dặm trường  
Giết tôi chết giữa con đường bơ vơ  
Hãy mang tôi tới bất ngờ  
Giết tôi ngã nhô trong giờ ngẫu nhiên  
Hãy mang tôi tới diện tiền  
Giết tôi chết giữa người thuyền duyên kia....*  
(Sa Mạc Trường Ca)

## 2.

Nhắc đến Bùi Giáng, người ta hay nói về thơ của ông. Đó cũng là điều tất nhiên. Ông là một thi sĩ bát ngát, ngây thơ và cỏ hoa điên đảo. Cỏ hoa điên đảo trong cội đời cũng như trong những cội phi-dời và pha-dời. Còn ngây thơ, bát ngát là ở trong cội bờ

tịch lặng của triết lý uyên nguyên mà ông vẫn hằng lui tới. Thơ Bùi Giáng tràn đầy thiên nhiên hoa cỏ của một thế giới sơ đầu vẫn còn giữ mãi một hồn nguyên tiêu ẩn mật. Thơ ông đục đầy ẩn ngữ, mật ngữ, nhưng không trĩu nặng mà vẫn bay lượn phiêu diêu như những cánh châu chấu chuồn chuồn ở ngoài đồng nội. Ông làm thơ, nhưng không cần biết thơ là gì:

*Bất chước ông Khổng Tử  
Con chim thì ta biết nó bay  
Con cá thì ta biết nó lội  
Thằng thi sĩ thì ta biết nó làm thơ  
Nhưng thơ là gì  
Thi đó là điều  
Ta không biết*

(Sa Mạc Trường Ca)

Kẻ thi sĩ không biết thơ là gì, nhưng ông biết rõ tại sao ông lại làm thơ:

*"Thơ tôi làm (...) chỉ là một cách diu ba đào về chân trời khác. Đi vào giữa trung tâm bão động một lúc thì lập tức xô ngôn ngữ thoát ra, phá vòng vây áp bức. Tôi gạ gẫm với châu chấu chuồn chuồn, đem pho thác thâm họa trần gian cho chuồn chuồn mang trên hai cánh mỏng bay đi. (...) [Tôi] ra bờ sông nằm ngủ khóc một mình thơ đại giữa chiêm bao. Trong chiêm bao thơ về lãng đãng thì từ đó vẫn bất tuyệt cũng lãng đãng chiêm bao..."*

Có những người đã thử bàn về thơ của Bùi Giáng. Tôi cũng đã thử có lần "vạch hai lá cỏ ra nhìn" để rú một lũ chuồn chuồn châu chấu trở về bay liệng trong thơ ông<sup>(2)</sup>. Tôi yêu cái hình ảnh

---

<sup>(2)</sup> Xem Bùi Vinh Phúc, *Vấn đề thẩm thức một tác phẩm nghệ thuật*, Văn Học số 10 (tháng 11, 1986). Đăng lại trong *Hai mươi năm văn học Việt Nam hải ngoại, 1975-1995* (California: Đại Nam, 1995) và *Lý luận và phê bình / Hai mươi năm văn học Việt ngoài nước, 1975-1995* (California: Văn Nghệ, 1996).

của Bùi Giáng trong một màu trắng châu thổ và trong điều hiu của hoang vu những *Lá Hoa Cỏn*, hay trong những *Bài Ca Quần Đảo*, nhưng tôi cũng rất thích cái nét thơ ngây uyên bác đầy nhiệt tình, nhiệt thú, nhiệt huyết và nhiệt mộng của ông trên cả hơn một ngàn trang sách trong ba tập *Tư Tưởng Hiện Đại* (in khổ lớn). Để thấy được những nét tài hoa và cái độc, cái biết phơi phới<sup>(3)</sup> của Bùi Giáng về văn học, tư tưởng và triết lý Tây Phương cũng như Đông Phương, tôi nghĩ người ta phải tìm vào những trang sách này. Những trang sách mà Bùi Giáng đã viết trong những năm ngoài ba mươi tuổi của mình, những năm đầu thập niên sáu mươi. Con người này tài hoa rất mực, chu du trong thế giới tư tưởng và ngôn ngữ Tây Phương nhưng lúc nào cũng yêu thương thấm thiết một màu hoa trên ngàn của ngôn ngữ Việt.

Có lần ông nói với Trần Tuấn Kiệt là ông viết về triết học, bàn về tư tưởng hiện đại là để cuối cùng nêu lên mấy câu về Kiều hay của Huy Cận chơi. Quả thật là có thế. Nhưng không phải chỉ là như thế. Bùi Giáng nói chơi đấy thôi. Trong những quyển này, ông bàn về một số những khuôn mặt lớn của tư tưởng hiện đại như Karl Jaspers, Jean-Paul Sartre, André Malraux, Saint-Exupéry, Gabriel Marcel, Albert Camus, Paul Claudel, Simone Weil, Martin Heidegger, William Faulkner, Nietzsche, Kierkegaard... Từ những khuôn mặt này, và đặc biệt là từ Heidegger, Bùi Giáng đã bàn rộng ra về những vấn đề của triết lý và tư tưởng hiện đại.

---

<sup>(3)</sup> Đọc sách có nhiều cách đọc, và cách đọc của Bùi Giáng (và ngay cả cách dịch của ông) mang rất đậm tính phơi phới, phóng khoáng và thơ mộng. Dù là trong thi ca, trong dịch thuật, hay trong việc phê bình tư tưởng hiện đại, cách làm của Bùi Giáng mang cái cung cách của một thi sĩ. Với tự do của chính hắn ta. Điều đó có thể rất trái chống với tinh thần làm việc một cách khoa học, phân minh và nghiêm túc. Nói như vậy để đặt trở lại tất cả tác phẩm của Bùi Giáng trong một mắt nhìn nào đó mà tôi nghĩ tôi muốn có khi tiếp cận những gì ông viết. Dĩ nhiên, một con người như Bùi Giáng có thể được tiếp cận từ nhiều góc độ khác nhau. Và chính những sự khác biệt trong mắt nhìn của người đời ấy tạo nên vóc dáng của Bùi Giáng.

Đọc mấy cuốn này để hiểu Bùi-Giáng-trẻ là như thế nào. Ông vẫn luôn là một nhà thơ, một con người hết sức thơ mộng. Nhưng ông lại là một con người của lý luận và mang đầy tính "vượt biên" trong cung cách dặt dìu ngôn ngữ, tư tưởng của mình. Ông gạt bỏ mọi rào cản trong sự diễn tả và trong mạch lý luận. Ông sẵn sàng đưa Khổng, Lão, Trang cũng như cả Thúy Kiều, Kim Cương, Phùng Khánh, Brigitte Bardot, Marilyn Monroe, Dương Quý Phi, Ariane, Diane, Nausicaa, Juliet, Desdemona... vào trong cuộc thảo luận mà ông bày ra với Heidegger, Nietzsche, Sartre, cũng như với những nhà tư tưởng lớn khác của thế giới. Bùi Giáng cho rằng những người con gái đó "*Phải trở về bữa rộng chiêm bao để thiết lập mộng luân lưu giữa thời gian bay múa*", và có như thế thì "*Cuộc tồn hoạt của tồn sinh [mới] được tiếp xúc trở lại với hương màu vạn cổ...*"

Bùi Giáng không thích Sartre vì, trong cái nhìn của ông, Sartre đã quá bất công với Camus, không hiểu Faulkner cũng như kỹ thuật thời gian đồng hiện của nhà văn này trong *The Sound and the Fury* (*Âm thanh và Cuồng nộ*), và không ngay thẳng với Heidegger. Sartre đã tìm cách giết chết Camus trong việc "giải thích" *L'Étranger* (*Người xa lạ*) một cách không đúng tinh thần mà thượng trong bài *Explication de l'Étranger* (*Giải nghĩa Người Xa Lạ*) của mình. Và Sartre đã bóp méo, xuyên tạc, rồi sau đó tấn công Heidegger, tung hỏa mù về tư tưởng của Heidegger vào thế giới trí thức Tây Phương. Trong quyển đầu, *Tư Tưởng Hiện Đại*, Bùi Giáng còn khá nghiêm túc, tính chất "vượt biên" trong ngôn ngữ, tư tưởng của ông, phần lớn, còn nằm đằng sau những con chữ, những mặt chữ, chứ chưa lộ hẳn ra ngoài. Những nhận định của ông về Sartre, trong khi bàn về Camus, còn sự quý mến và nể trọng. Qua đến quyển hai, *Martin Heidegger Và Tư Tưởng Hiện Đại I*, vì giận Jean Wahl, giáo sư Đại học

Sorbonne, qua quyển *Vers la Fin de l'Ontologie* của ông này nhằm phê bình quyển *Introduction à la Métaphysique* (Siêu hình học nhập môn) của Heidegger, và giận Sartre trong việc ông cho rằng Sartre đã xuyên tạc triết gia này, có những chỗ Bùi Giáng đã "mày tao chi tở" với họ. Ông cho rằng Jean Wahl đã "Bám vào những chi tiết mập mờ mà bỏ quên nguồn thác chảy. Cái phần sâu thẳm trong chiêm niệm viễn tượng siêu hình "dự dục vô ngôn" Heidegger gọi là cái phần *Im-pensé* [...] hoàn toàn bị Jean Wahl và Sartre hững hờ không dọ tới. Jean Wahl là hình ảnh biểu trưng trọn vẹn cái sa đọa của duy lý thô thiển mãi miệt trong cái học công truyền đo đếm quanh năm [...] Cái gì gì Jean Wahl cũng nặng nề đòi cho được "tout à fait". Đức Khổng Tử thấy vậy, Ngài bèn lắc đầu: Nếu đòi hỏi mãi cho được cái "tout à fait" thì than ôi! còn chi là cái cõi lòng của ta nữa [...] Cái phần vô-suy tư là cái phần quý báu ta trao gửi êm đềm cho mỗi mỗi Hãy mở tâm thức mình ra mà đón lấy..."

Bàn về việc Sartre, trong cái nhìn của Bùi Giáng, bóp méo và xuyên tạc rồi tấn công Heidegger trong khái niệm "In-der-Welt-sein" của triết gia này trong cuốn *l'Être et le Néant* (Hữu Thể Và Hư Vô) của mình, Bùi Giáng viết:

"Ở đây, rõ ràng ý Sartre muốn triệt để công kích Heidegger cho tã tơi tan tành trong-hào-ngoài-lũy-bằng cái toán quan quân kỳ dị truy sát đuổi dài. Bởi đâu ta dám bảo như vậy. Bởi rằng: cái tiếng *l'être-au-milieu-du-monde* là tiếng của Heidegger. Vật-thể-trong-dời hay tại-thể-trong-thế-gian chính là In-der-Welt-sein - một khái niệm cốt yếu trong tư tưởng Heidegger. Và sở dĩ ta bảo rằng đám loạn quân truy sát của Sartre quả thật là kỳ dị, ấy bởi rằng: Sartre xuyên tạc trước, rồi tra tấn sau. Sartre bóp méo tư tưởng của người ta rồi lên án người ta.

Cái khái niệm "trong đời" của Heidegger không có nghĩa ừ li,

trơ trơ gỗ mục như Sartre báo. Tại-thể-trong-dời, là xuất vòng ngoại tồn phát tiết tinh hoa ra ngoài cõi đời để mở-phô-dời-cõi, thiết lập lại bên dòng cái cuộc đời rồi rã cho kết-tụ-tròn-đầy lại liểu soi gương, khám phụng lên đường theo thiết tha phóng hoạt - là thiên chức con người trước tiếng gọi Vô Ngôn.

Sartre đã đẩy Logos Hình Nhi Thượng của Heidegger cho té xuống bình diện Hình Nhi Hạ. Phusis bị dập hết hương màu. Thế còn chi là hồng nhan em Thủy? Tha hồ mà đo đếm đuổi xô. Dem bụi lầy bết vào thân tiên tử, đem bùn-đen trát vào mình mấy mềm mại của giai nhân, rồi la to: - Con đi kia ơi! Mày hãy đưa tứ chi cho ông xiềng xích lại, rồi vào ngục tối mà nằm. Ông là nhân viên kiểm tuc.

Duy có điều: Sartre vẫn đáng được ta mến là ở chỗ: Cái điệu tài-tinh-ba-gai của Sartre nghe ra lắm chiều ngộ nghĩnh. Đường như Sartre thử đùa một cuộc chơi để xem thử thiên hạ sẽ nghĩ như thế nào. Nếu ta nói chơi, mà đời lại nghe theo làm thật, lại gây thơ hơn con trẻ, cứ lượm đá mà ném mãi vào thân thể giai nhân để tự-biến-minh-làm-quỷ thì cũng là đáng cho cái kiếp các người lắm đó. Giai nhân chết đi, thì rồi các người sẽ cười ma-cuồng về mà ôm ấp (...) <sup>(4)</sup>.

Phong cách diễn tả của Bùi Giáng cho thấy ông có sở học rộng, mặc dù ông cũng rất chủ quan. Ở đây, ông là một nhà phê bình; nhưng cái chất nghệ sĩ trong con người ông còn mãnh liệt hơn cái chất phê bình kia. Và nghệ sĩ nào mà lại không chủ quan. Ông có cái tài hoa trong ngôn ngữ, cái nhiệt tình trong việc bênh

---

(4) Trong *Martin Heidegger Và Tư Tưởng Hiện Đại II* (Saigon: Bờ Cừ Long Nam Việt), 1963. [Đề tên nhà xuất bản như thế, nhưng tôi nghĩ đây là nhà xuất bản An Tiêm của thầy Thanh Tuệ]. Ở đây, phê bình Sartre, nhưng Bùi Giáng phần nào vẫn còn lòng quý mến Sartre; bởi thế, ông áp dụng chiến thuật vừa đánh Sartre lại vừa dõ dòn cho triết gia này. Tôi nghĩ, dù sao đi nữa, Bùi Giáng vẫn còn lòng quý mến Sartre, đặc biệt qua vở kịch *Les Mouches* (Ruổi).



vực cho lẽ phải trong quan điểm của mình, và cái cao ngạo, "pha" đời của một người coi thường cái học từ chương, trường ốc, khinh thường cái nhóm "trường trại lao xao". Tự nói về ngôn ngữ của chính mình, ông bảo: "Lời mông-lung-cỏ-lá là xem thường hệ-thống-lý-luận-phình-gạt của những phường giá áo túi cơm là cá chậu chim lồng" (*Martin Heidegger Và Tư Tưởng Hiện Đại I*) và "*Đã là người Việt Nam thì chẳng lẽ lại viết triết học bằng chữ. Phải viết bằng lời. Mà lời của biển dâu không thể là lời văn xuôi. Phải là lời thơ "tái tân thanh" tái tạo. Văn xuôi cũng phải buộc là thơ. Và mở cửa cho thơ rúc vào nằm trong một vòng tròn trịa méo mó ôm nhau.*" (*Martin Heidegger Và Tư Tưởng Hiện Đại I*).

Bởi vậy, cho dù ngoài thơ ra, Bùi Giáng có dịch một số tác phẩm của văn chương thế giới, có bình luận chú thích về tư tưởng hiện đại, thật sự, tất cả những gì ông viết ra đều nằm trong một bài thơ lớn. Một bài thơ lớn theo cả nghĩa đen và nghĩa bóng. Bài thơ đó chính là đời sống của ông, là cuộc tồn lưu kỳ thú mà ông đã chọn lựa để sống trọn vẹn sinh mệnh mình trong cuộc lữ trần gian này:

*Tôi đã nguyện yêu trần gian trọn vẹn  
Hết tâm hồn và hết cả da xương.*

(Mưa Nguồn)

Bùi Giáng viết mấy quyển *Tư Tưởng Hiện Đại* chỉ là để, cuối cùng, nêu lên mấy câu của Tố Như trong Kiều hay mấy câu thơ của Huy Cận. Thì thực là như thế đó. Nhưng ông cũng viết những quyển sách ấy để nói lên những vấn đề trầm trọng của Sử Lịch Việt Nam, của con người Việt Nam giữa mấy trời lửa khói:

*Bóng mây trời cũ hao mòn  
Chiêm bao não động riêng còn hai tay  
Tám thân với mảnh hình hài  
Tám thân thể với canh dài bão dông*

*Cá khe nước công lên đồng  
Ruộng hoang mang khóc đêm mông một giêng  
Tạ từ thánh chạp quay nghiêng  
Ấm trang sử lịch thu triển miên trời*

*Bỏ trắng gió lại cho đời  
Bỏ ngang ngựa sóng với lời hẹn hoa  
Bỏ người yêu bỏ bóng ma  
Bỏ hình hài của tiên nga trên trời  
Bây giờ riêng đối diện tôi  
Còn hai con mắt khóc người một con*

*(Mắt Buồn. trích nguyên bài trong tập Mưa Nguồn)*

*Ấm trang sử lịch.* Sử Lịch. Hình như đây là chữ đặc biệt của Bùi Giáng. Trước ông, hình như chưa có ai dùng từ *sử lịch*. Và kể từ Bùi Giáng, mỗi khi viết về ông, hoặc mỗi khi viết theo thể điệu của ông, người ta thường dùng từ này để nói lên cái tính lịch sử của đời sống, của con người, của một cuộc lữ, hay của một vòng quay, một dòng vận động. Có thể nhiều người trong chúng ta thấy từ ấy lạ, đây nét Bùi Giáng, và đã tưởng là người thi sĩ cho "nét chữ lên dàng quần quanh". Và chúng ta cũng cho nét chữ của mình quanh quần lên dàng đuổi theo nét chữ của người. Điều đó cũng là hợp lý khi đi tìm hay khi nói về phong cách của nhà thơ. Có lẽ ít người biết rằng, dù là có một phong cách dùng từ độc đáo, trong việc dùng từ "Sử Lịch" này, Bùi Giáng có quan niệm rõ ràng của ông. Ông sáng tạo ra từ "Sử Lịch" - hoặc nếu nó đã có trước đó, trong văn mạch của ông nó đã được dùng theo một nghĩa đặc biệt - để diễn một khái niệm triết lý của Heidegger. Ở đây không phải chỉ là chuyện "hóa ra nét chữ lên dàng quần quanh" mà thôi. Sử Lịch là Lịch Sử nhuộm đậm màu thời gian pha phối thiên cổ. Ở phần phụ lục cuối sách trong quyển *Martin Heidegger Và Tư*

*Tướng Hiện Đại II*, trong phần chú giải về những ngôn từ cốt yếu của Heidegger (vài chục từ) mà Bùi Giáng có nhấn gủi với người đọc là: "Nắm lấy chừng này Ngôn Từ, bạn sẽ có cái Chìa Khóa mở một Cửa Mộng", ông chú giải về từ *Geschichte* theo thể điệu Bùi Giáng:

*"Geschichte: Sử Lịch, Sử Mệnh, Sử Kiếp, Hồng Sử, Thanh Sử..."*

Trên trang sách Heidegger, tiếng *Geschichte* có âm vang kỳ bí nào nùng như những tiếng Cổ Lục Sử Xanh của Nguyễn Du. Trong Đức ngữ cũng có tiếng *Historie* như *History* (Anh), *Histoire* (Pháp).

Theo nghĩa thông dụng thì trong Đức ngữ hai tiếng *Historie* và *Geschichte* vẫn không khác gì nhau. Nhưng trong sách Heidegger thì triết gia phân biệt hẳn hai nghĩa. *Historie* được dùng theo nghĩa sử là sử ký, sử sự, sử kiện, sử chi li biến cố. Tính tự là *historisch*. Còn *Geschichte* thì có nghĩa man mác mệnh mông của Thời Gian hòa vào Vĩnh Thể trong tâm thức con người là Tại Thể hoài vọng luân lưu. Âm hưởng Sử Lịch phiêu bồng trong chiều hướng quá vãng theo về bờ cõi mai sau.

Những tiếng *Geschichte*, *geschichtlich*, *Geschichtlichkeit* đều mang đủ những gì trầm trọng của *Sein und Zeit*<sup>(5)</sup> của *Zeitlichkeit* chan gợi tồn lưu tổ chất... Dịch giả Anh, Pháp đã bối rối rất nhiều trước những tiếng này. Việt Nam nhờ có Nguyễn Du nên đỡ sợ.

Tạm đưa một vài thí dụ để dễ nhận nghĩa hơn: khi bàn tới tiếng *philosophia* của Cổ Hy Lạp, Heidegger bảo: vì tiếng kia là của Hy Lạp ngàn xưa mệnh mông, nên lời của *philosophia* là lời của nghĩa Con Đường, lời của Đạo. Đến bây giờ, theo dấu cỏ, ta đi. Bước trên đường, và ta hiểu đạo *philosophia*. Nhưng thật ra cái con đường của yêu thương, cái sophon đã mất nhiều cỏ hoa vì bàn chân ta thô bạo. Ta bút trụ lá cây. Và từ đó ta tưởng mình quen

---

(5) *Sein und Zeit*, *Hữu Thể và Thời Gian*, một tác phẩm cốt yếu của Heidegger.

biết con đường, nhưng thật ra cũng hầu như không biết. Biết rất mù mờ, dù có nhớ rõ vanh vách những hòn sỏi, những cơn lau. Dù có thuộc lâu lâu những gì trong Cổ Sử: chuyện trước, chuyện sau, câu đầu, hàng cuối, sử ký, sử ghi, sử sự tràn lan dùn dấy. Vẫn chưa rõ đạo của đường. Bởi đâu?

[Bỏ một đoạn trích tiếng Đức của Bùi Giáng để làm bật nghĩa *historische Kenntnisse*.]

Ấy bởi rằng những Sở Tri Sử Ký chồng chất kia (viele *historische Kenntnisse*) nó nằm trong trí óc lao xao, nó xui ta bận trí đếm đo hoài, nên ta không còn tâm linh mà mặc niệm. Ta bỏ lạc tồn lưu và mất trụi cái cốt thiết của Căn Cơ ẩn kín (*innerst Grundzug*) của Sử Lịch là *Geschichte* nằm trong Sử-tổ-chất của Tại Thế - *die Geschichtlichkeit des Daseins*.

Cầu thế thủy ngồi tro cổ độ

Quán thu phong đứng rù tà huy

Lời cổ độ gây rung động dị thường. Vì *Dasein* đã nhìn vạn vật trong vẻ kỳ ảo Sơ Khai. U huyền trong cổ độ, huyền mộng trong tà huy, mộng tinh trong thế thủy, tinh tự trong thu phong... Đứng rù vì nhớ nhưng, ngồi tro vì thế thiết. Quán và Cầu là hình ảnh của hoài niệm về Sơ Thủy không nguôi...

Đoạn trích dẫn vừa rồi khá dài. Nhưng, ở đây, tôi chỉ muốn cho người đọc thấy rằng nhiều khi chúng ta cứ tưởng rằng Bùi Giáng chỉ thích đùa cợt gùn ghè giỡn chơi với chữ nghĩa, nhưng thật sự thì chẳng phải vậy. Ông đùa giỡn, điên đảo, quần quanh hoa cỏ thật, nhưng ông cũng là một người thật hết lòng nghiêm cẩn với chữ nghĩa của mình. Ta hãy thử đọc vài ba định nghĩa nữa của ông về mấy từ thiết yếu trong sách của Heidegger, người mà Bùi Giáng rất mực tâm đắc và yêu mến.

‘Sein: Hữu Thế, Tồn Thế, Vĩnh Thế.

Seiende: *Hiện sinh, Hiện Thế, Vật Thế*

Gefrage: *Điều hỏi ở e, lao xao, theo lối trường trại ồn ào, làm tan nát màu hương của chiêm niệm u yên*".

Hai từ đầu nghiêm cẩn. Từ thứ ba rất "mông lung cỏ lá", diễn được cái ý xem thường "lối trường trại" ồn ào của Bùi Giáng.

### 3.

Con người của Bùi Giáng không chỉ để lộ nét tài hoa trong thơ của mình. Hay trong hằng ngàn trang sách của *Tư Tưởng Hiện Đại*, và trong hằng mấy ngàn trang sách khác nữa của những quyển khảo luận về văn chương, tư tưởng Việt Nam cũng như về văn chương, tư tưởng thế giới. Nét tài hoa ẩn mật mở phơi hào hứng của ông còn được thể hiện rất rõ trong những dịch phẩm mà ông đã để lại cho đời. Tùy vào cái tạng của mỗi người mà chúng ta có thể cảm hay không cảm, thích hay không thích cái phong cách diu ba đào về những chân trời viễn mộng trong những bản dịch của Bùi Giáng. Dù sao, ai cũng phải công nhận đó là những bản dịch đặc biệt, những bản dịch có một không hai trong văn dịch của chúng ta.

Có một lần, Bùi Giáng đã thổ lộ về quan niệm dịch văn của mình trong *Lời Tựa* quyển *Cõi Người Ta*<sup>(6)</sup> mà ông dịch từ *Terre des Hommes* của Saint-Exupéry như sau:

*"(...) Theo dõi giấc mộng dài của Saint-Exupéry, lại gọi ngôn ngữ Việt Nam về hạ tứ, nhiều phen phải bàng hoàng: Chúng ta đứng trước mấy lần hiểm họa của màu sắc lục hồng cứ trùng điệp rủ nhau bay, tung lên phủ xuống (...)*

---

(6) A. de Saint-Exupéry, *Terre des Hommes*. Bản dịch *Cõi Người Ta* của Bùi Giáng. Sài Gòn: Quê Sơn Vô Tánh, 1960, trang 77-79.

*Dịch văn - sao cứ gọi là dịch? - dịch văn biến thành câu chuyện; vừa bay lên, vừa lặn xuống, vừa leo dèo nối liền hai bờ ngôn ngữ quá xa nhau. Thật vừa vui, vừa mệt mỏi.*

*Ngôn ngữ đa âm đòi hỏi lối phiên dịch như thế nào qua ngôn ngữ đơn âm? Đó là điều đáng xui chúng ta tư lự dăm chiêu.*

*Vì lẽ: tiết điệu đa âm có một phong thái dồi dào đương yêu cầu được tái hiện. Đây là trường hợp: ở bên kia từ ngữ, tiết điệu của ngôn ngữ đương nói rất nhiều.*

*May sao, Việt ngữ đơn âm lại giàu sang âm vận. Nhưng không phải ở mọi cơ hội đều giản dị giàu sang. Do đó cần thêm một chút chuyển hóa thỏa đáng thì lời dịch sẽ tái lập được "cung bậc" gieo vàng của nguyên ngôn. Mà nguyên ngôn Saint-Exupéry lại chứa chan những thơ mộng khi u trầm, ngậm ngùi lúc lộng lẫy. Cái điệu nói la cà điệu vội, vừa chát chát vừa hắt hiu, lúc nhắc tình bạn hữu, lúc gọi tiếng U già, lúc chuyện trò với gái trên nhịp cầu hai cội hoang vu. "Tả nhi nữ tư tình, đang khi hồi trường. Tả anh hùng sự tích, nghĩa bạc vân tiêu." (...)*

*Trong bản dịch, có mấy chỗ thêm vài lời, ấy là gắng đưa ngôn ngữ đơn âm đuổi theo tiết điệu ngôn ngữ đa âm. Thịnh thoảng lại bớt vài lời, ấy là bởi: Việt ngữ mang nhiều tính chất parataxique trong khi Pháp ngữ lại triệt để là một ngôn ngữ syntaxique."*

Sau đây, ta hãy thử đọc một đoạn trong *Terre des Hommes* của Saint-Exupéry, rồi thử tìm xem cái giọng điệu lãng đãng thơ mộng ấy của Saint-Exupéry ngân vang bởi hồi trong bản dịch *Cõi Người Ta* của Bùi Giáng ra sao:

*"J'ai atterri dans la douceur du soir. Punta Arenas! Je m'adosse contre une fontaine et regarde les jeunes filles. A deux pas de leur grâce, je sens mieux encore le mystère humain. Dans un monde où la vie rejoint si bien la vie, où les fleurs dans le lit*

*même du vent se mêlent aux fleurs, où le cygne connaît tous les cygnes, les hommes seuls bâtissent leur solitude.*

*Quel espace réserve entre eux leur part spirituelle! Un songe de jeune fille l'isole de moi, comment l'y joindre? Que connaître d'une jeune fille qui rentre chez elle à pas lents, les yeux baissés et se souriante à elle-même, et déjà pleine d'inventions et de mensonges adorables? Elle a pu, des pensées, de la voix et des silences d'un amant, se former un Royaume, et dès lors il n'est plus pour elle, en dehors de lui, que des barbares. Mieux que dans une autre planète, je la sens enfermée dans son secret, dans ses coutumes, dans les échos chantants de sa mémoire. Née hier de volcans, de pelouses ou de la saumure des mers, la voici déjà à demi divine.*

*Punta Arenas! Je m'adosse contre une fontaine. Des vieilles viennent y puiser; de leur drame je ne connaîtrait que ce mouvement de servants. Un enfant, la nuque au mur, pleure en silence; il ne subsistera de lui, dans mon souvenir, qu'un bel enfant à jamais inconsolable. Je suis un étranger. Je ne sais rien. Je n'entre pas dans leurs Empires.”<sup>(7)</sup>*

Lời văn của Saint-Exupéry mang tiết điệu trầm buồn, u hoài, đầy nét vợi xa lãng đãng. Và, từ đó, Bùi Giáng dịch là:

*“Tôi hạ cánh giữa tịch mịch chiều vàng. Punta Arenas! Hãy nhìn ta tựa lưng vào bờ giếng mà ngó gái giữa thanh xuân. Cách nhau hai bước, tôi càng cảm thấy rõ cái lẽ huyền nhiệm kiếp người... Trong một thế giới mà sự sống giao tiếp dễ dàng với sự sống, mà những cánh hoa giữa lòng gió hồn nhiên hôn phối với những cánh hoa, một thế giới mà con thiên nga nào cũng quen*

---

(7) A. de Saint-Exupéry, *Terre des Hommes*. Paris: Gallimard, 1963 (trang 71-72) (theo bản in năm 1939)

biết mọi con thiên nga, trong thế giới đó, chỉ riêng con người là xây dựng căn lầu mộng có đơn.

Phần tình anh còn cách biệt nhau nghìn trùng. Một giấc mộng "đầu hoa ngang ngựa thắm" của gái xuân càng chia nường biệt lập tôi, biết làm sao mà tìm cái lối vào trong nẻo đó ở trong kia? Làm sao hạnh ngộ, làm sao nghe ra, làm sao ngóng thấy, làm sao biết rõ những con man mác trong nhịp bước gái tơ đi lững thững chiều hôm về căn nhà cha mẹ, mất lim dim khép mở hai hàng, hai đôi má núng đồng tiền mờ nụ, một mình mỉm cười với gió ẩy tà xiêm một mình em hay, một mình em biết, một mình rộn lên những trận viễn du khai phá, những mộng tưởng phát minh, những u hương rập rình quân nhạc đối nhau xiêu đình đồ quán... Nàng đã tự thiết lập một điện đài ẩn bí trong một vương quốc rề riêng, bằng những gì của riêng ai đem lại, bằng những gì của gã tình nhân đắm chiều tơ tưởng? bằng điệu nói của chàng? bằng lặng lẽ của anh? Từ đó về sau, đối với em, chỉ riêng chàng là hoàng tử chi tôn, ngoài chàng ra, người người trong thiên hạ thấy thấy là bọn lưu manh man dại côn đồ? Em khép thân ngà trong một còi, kín đáo hơn lối vào một viễn cách hành tinh, em che lấp đời riêng trong những lối đi về kiêu diễm, trong những thói nhà băng tuyết, trong những âm thanh diu dặt của ký ức nào nùng lờ lững phi phong. Sinh ra từ giữa lòng núi lửa, từ giữa lòng thảo hoa, từ chất muối trùng khơi thổi mặn, mới đó hôm qua, nay em đã hầu thành Tiên Nữ.

Punta Arenas! Tôi tựa lưng vào bờ giếng. Những đàn bà già nua tới đây lấy nước. Trong tán bí kịch đời họ, ngày mai tôi sẽ biết riêng chỉ một cử động tôi đòi ấy thôi. Một bé con ngửa cổ vào tường, khóc lặng lẽ. Ngày mai trong kỷ niệm của tôi, sẽ chỉ còn ghi riêng hình ảnh một đứa bé lạc loài, sầu khổ không người. Tôi



là kẻ lạ tôi đây. Tôi không biết, không biết gì hết cả. Thế giới họ, tôi không thể bước vào. Làm sao tôi dám nói”.

Ngày còn trẻ, những năm mười tám, mười chín, hai mươi, đọc *Terre des Hommes*, rồi đọc bản dịch *Cõi Người Ta* của Bùi Giáng, thú thật, tôi chịu không nổi. Trong những tháng năm tuổi trẻ ấy, cái gì mình cũng muốn dấn vào đấy, cái gì mình cũng muốn thẳng lối ngay hàng. Mình thích sự nghiêm cẩn, thích sự gọn gàng chính xác. Câu văn của Bùi Giáng thêm thất lòng vòng, ngô trước vườn sau, mông lung lá cỏ. Làm sao tuổi hai mươi ngày ấy chấp nhận được. Nhưng rồi thời gian trôi qua lãng đãng. Bây giờ, đọc lại câu văn dịch của Bùi Giáng, tôi thấy bập bênh cái hơi thở u hoài của trần gian thênh thang mà miên man lỏng lẻo. Trên những câu văn của Bùi Giáng, tôi vẫn thấy còn sót lại một vật nặng vàng trong man mác chiều tà. Người con gái đẩy ấp xuân thì, cúi đầu, tự mỉm cười với chính mình, bước đi lững thững về nhà, trong lòng chất đầy mơ mộng. Những bà già ra giếng kin nước. Một cậu bé con ngựa cổ vào tường, khóc lặng lẽ. Câu văn dịch của Bùi Giáng lòng vòng điệu vơi. Thế mà bây giờ, đọc lại, sao tôi lại thấy nó để lại trong lòng mình những ấn tượng thật mạnh và buồn<sup>(8)</sup>.

Một bản dịch khác của Bùi Giáng, cũng là một tác phẩm của Saint-Exupéry, mà tôi rất thích là quyển *Le Petit Prince*. Bản dịch của Bùi Giáng là *Hoàng Tử Bé*<sup>(9)</sup>. Đây là một cuốn sách tuyệt vời. Và bản dịch của Bùi Giáng cũng đạt được độ tuyệt vời của

---

(8) Để thấy rõ phong cách dịch văn của Bùi Giáng, tác giả bài viết có trích dẫn phần dịch Anh văn của cùng một đoạn văn trên trong bản dịch *Terre des Hommes* của Lewis Galantière dưới tựa đề *Wind, Sand and Stars* (San Diego, New York, London: Harcourt Brace Jovanovich, Publishers, 1967); những người biên soạn tập sách xin lược bỏ đoạn này.

(9) A. de Saint-Exupéry, *Le Petit Prince*. Bản dịch *Hoàng Tử Bé* của Bùi Giáng. Paris, California: An Tiem (in lần ba), 1990.

nguyên tác. Cuốn sách kể lại câu chuyện của một chú hoàng tử bé, sống trên một tinh cầu xa xăm. Chàng có một đóa hoa và chàng đã ngày ngày tận tâm tưới nước, chăm sóc cho đóa hoa ấy. Đó là một đóa hoa đặc biệt của một chủng tử đặc biệt trên tinh cầu chàng. Đó là đóa hoa duy nhất của chủng tử nọ, và chính là vì đóa hoa yêu kiều diễm lệ này mà hoàng tử bé đã lên đường phiêu lưu. Chàng đi qua nhiều tinh cầu khác nhau và thấy được nhiều sự lạ lùng trong tính chất của "con người": một ông vua, một người hay khoe khoang, một chàng thích ăn nhậu, một người làm áp-phe, một người chuyên đi thấp đèn, một nhà địa lý. Tới trái đất, sau khi gặp một con rắn, sau khi gặp những đóa hoa hồng, hoàng tử bé kia gặp một con chồn. Và, trong nguyên tác cũng như trong bản dịch của Bùi Giáng, con chồn này quả là phiêu hốt và thơ mộng đáng yêu quá thể.

Sau khi gặp gỡ, chào hỏi nhau, hoàng tử bé nói chàng muốn con chồn đến ở chơi với chàng, vì chàng buồn quá. Con chồn trả lời là nó không thể chơi đùa với chàng được vì nó chưa được "tuần dưỡng", bởi thế tính khí chưa thuần. Hoàng tử bé hỏi con chồn "tuần dưỡng" là gì. Nhưng con chồn nói sang chuyện khác. Sau hai, ba lần như thế, hoàng tử bé vẫn không quên câu hỏi của mình. Chàng lại hỏi con chồn: Tuần dưỡng có nghĩa là gì?

*"- Đó là một điều bị quên lãng quá nhiều, con chồn đáp: Đó có nghĩa là "tạo nên những mối liên lạc..."*

*- Tạo nên những mối liên lạc?*

*- Hẳn thế, con chồn nói. Đối với tôi, chú hiện giờ chỉ là một đứa trẻ giống y như trăm nghìn đứa trẻ bé khác. Và ta không cần thiết gì tới chú. Và chú cũng chẳng cần gì tới ta. Đối với chú, ta chỉ là một con chồn lúi lang thang như trăm nghìn con chồn lúi phát phơ phiêu hốt dưới sương trời lơ đãng thôi. Nhưng nếu chú tuần tuần thiện dưỡng ta, thì chúng ta sẽ cần tới nhau. Chú sẽ trở*

*nên duy nhất trong cõi đời, đối với ta. Ta sẽ trở nên duy nhất trong cõi đời, đối với chú...*

*- Ta bắt đầu hiểu rồi đó, hoàng tử bé nói. Có một đóa hoa... ta tưởng nàng đã tuần dương ta...*

*Thế rồi con chồn tâm sự:*

*- Đời ta tẻ nhạt. Ta đuổi bắt những con gà mái, loài người đuổi bắt ta. Mọi con gà mái đều giống nhau, và mọi con người đều giống nhau (dù là người phồn hoa rực rỡ, dù là người phố thị điu hiu...) Vậy nên ta có u sầu chán ngán đôi chút. Nhưng nếu chú tuần dương ta, cuộc sống của ta sẽ sáng sủa ra, kể như có bóng mặt trời chiếu vào vậy (...) Và này coi kia! chú thấy ở đằng xa kia kia những cánh đồng lúa mì đỏ chói? Ta không ăn bánh mì. Lúa mì đối với ta vô dụng. Những cánh đồng lúa mì chỉ có nhắc nhở ta cái gì ráo. Và cái điều đó, thật đáng buồn! Nhưng chú có những sợi tóc màu vàng óng. Vậy nên sự vụ sẽ trở thành huyền diệu, một khi chú đã tuần dương ta xong! Lúa mì, màu vàng óng, từ đó về sau sẽ nhắc nhở ta nhớ tới chú. Và từ đó ta sẽ yêu tiếng gió thổi thảnh thót trong lúa mì hiu hiu..."*

*Rồi con chồn thủ thi hẹn hò. Cho nhu cầu "tuần dương", nó yêu cầu hoàng tử bé đến đúng giờ, mỗi ngày. Và nó giải thích rõ lý do vì sao chàng phải đúng giờ như thế:*

*- "Nếu chú đến, chẳng hạn, vào lúc bốn giờ chiều, thì khỏi từ lúc ba giờ chiều, cõi lòng ta đã bắt đầu sung sướng. Tới bốn giờ chiều thì, ha! ta loay hoay, e ngại, ta ngồi đứng không an; ta sẽ khám phá được ý nghĩa vô ngần hắt hiu của phù du mệnh mỏng hạnh phúc! Nhưng nếu chú tới bất kể lúc nào, thì ta sẽ chẳng biết đầu vào đâu mà mò ra cho đúng cái giờ phải chuẩn bị cho cái trái tim, cái phút phải vận y phục vào cho cái cõi lòng đón chào tuôm tất... Cần phải có những nghi thức thơ mộng, những diễn lễ phối pha".*

"*Tuần dưỡng*", từ này nghe lạ. Bùi Giáng khéo chọn từ, nó làm cho mình nhớ mãi. Trong những dịp đi lang thang vào các nhà sách bên Âu Châu, năm này năm nọ tôi đã mua được năm sáu bản dịch khác nhau của tác phẩm này. Vì là sách dành cho trẻ con (!)<sup>101</sup>, ấn bản của ngôn ngữ nào cũng in thật đẹp với những hình vẽ bằng màu nước của chính Saint-Exupéry. Trở lại với "tuần dưỡng". Ở đây, xin lấy ra vài bản dịch với những ngôn ngữ thông dụng. Trong nguyên tác, Saint-Ex dùng từ *Apprivoiser*. Bản Anh dịch của Katherine Woods, dùng từ *Tame*. Bản Tây Ban Nha, dịch giả Bonaficio del Carril dùng *Domesticar*. Nhưng từ này, nói chung, là những từ bình thường, quen thuộc, không đặc biệt tạo ra một ấn tượng rõ nét. Từ của Bùi Giáng dùng, đối với người Việt chúng ta, nghe thấy lạ lẫm. Và nó tạo được ấn tượng sâu sắc làm cho ta nhớ mãi.

Câu con chồn nói, "*Đối với chú, ta chỉ là một con chồn lùi lang thang giống như trăm nghìn con chồn lùi phát phơ phiêu hốt dưới sương trời lỗ đồ thế thôi*" là một câu đầy nét Bùi Giáng. Bản chính chỉ là "*Je ne suis pour toi qu'un renard semblable à cent mille renards.*" Bản Anh dịch là, "*To you, I am nothing more than a fox like a hundred thousand other foxes*". Bản Tây Ban Nha, "*No soy para tí más que un zorro semejante a cien mil*

---

<sup>101</sup> Quyển *Le Petit Prince* của Saint-Exupéry đã được dịch ra nhiều ngôn ngữ trên thế giới. Bùi Giáng có lẽ rất thích thú khi nó được coi là sách của trẻ con. Tôi nghĩ khi dịch quyển này, Bùi Giáng cũng có được cái hạnh phúc rất là con trẻ như Saint-Exupéry khi viết nó vậy. Cuốn sách thật thích hợp với con người Bùi Giáng. Nó là sách kể chuyện cho trẻ con, nhưng người lớn xem vào lại còn thích thú hơn là con trẻ nữa. Cái tuyệt vời và đáng yêu của Saint-Exupéry là ở đây. Viết truyện trẻ con để nêu ra mấy câu hỏi triết lý vừa trầm trọng vừa thơ ngây về con người, về đời sống chơi! Trẻ con tha hồ đọc mà không hề hấn gì. Người lớn cũng tha hồ đọc để sung sướng tìm lại một đứa bé con trong tâm hồn mình.

zorros." Cái sự vụ "lang thang (...) phát phơ phiêu hốt dưới sương trời lổ đổ" hoàn toàn là do Bùi Giáng thêm vào. Nhưng sao nó lại làm cho câu văn phiêu bồng phát phơ thơ mộng làm vậy! Dịch được một câu như thế có lẽ vì chính Bùi Giáng cũng đã là một con người "lang thang phát phơ phiêu hốt dưới sương trời lổ đổ" suốt cả đời mình.

Câu "Cần phải có những nghi thức thơ mộng, những điển lễ phối pha", trong chính bản chỉ là, "*Il faut des rites.*" Bản tiếng Anh, "*One must observe the proper rites...*" Bản Tây Ban Nha, "*Los ritos son necesarios.*"

Câu "Mọi con gà mái đều giống nhau, và mọi mọi con người đều giống nhau (dù là người phồn hoa rực rỡ, dù là người phố thị đìu hiu...). Vậy nên ta có u sầu chán ngán đôi chút", trong chính bản là "*Toutes les poules se ressemblent, et tous les hommes se ressemblent. Je m'ennuie donc un peu.*" Bản Anh, "*All the chickens are just alike, and all the men are just alike. And, in consequence, I am a little bored.*" Bản Tây Ban Nha, "*Todas las gallinas se parecen y todos los hombres se parecen. Me aburro, pues, un poco.*" Cái phần thêm thắt vào, "dù là người phồn hoa rực rỡ, dù là người phố thị đìu hiu", của Bùi Giáng, trong cảm nhận của riêng tôi, thật là "đã". Nó làm cho con chồn lũi ấy phát phơ phiêu hốt hơn những con chồn trong chính bản và trong các bản dịch kia nhiều. Nó làm cho cuộc đối thoại của hoàng tử bé và chú chồn ấy "có da có thịt" thêm. Nó làm cho những "nhân vật" ấy có cá tính hơn nữa.

Như thế, ta thấy rõ là Bùi Giáng đã làm đúng với quan niệm dịch văn mà ông đã đề ra, "*Dịch văn biến thành câu chuyện; vừa bay lên, vừa lặn xuống, vừa leo đèo nối liền hai bờ ngôn ngữ quá xa nhau. (...) Trong bản dịch, có mấy chỗ thêm vài lời, ấy là gắng*

*đưa ngôn ngữ đơn âm đuổi theo tiết điệu ngôn ngữ đa âm. (...)*"  
Bùi Giáng, trên một số phương diện, quả đã thành công một cách đáng yêu trong những bản dịch của mình.

4.

Tôi nhớ trong tập *Mưa Nguồn*, Bùi Giáng có viết:

*Em về mấy thế kỷ sau*

*Nhìn trắng có thấy nguyên màu ấy không*

*Ta đi gửi lại đôi dòng*

*Lá rơi có đội ở trong sương mù.*

Bùi Giáng đã ra đi rồi. Nhưng vầng trăng ông để lại vẫn mãi còn nguyên một màu sơ thủy. Những lá hoa còn hay những dòng chữ mà ông để lại cho đời vẫn thấp thoáng mãi trong những bóng sương mù của thi ca, của hồn nguyên tiêu ngày cũ. Mãi mãi, chúng sẽ còn để ngán lại trong lòng những người yêu quý ông những tiếng gọi trở về. Trở về bến sơ đầu của những cơn mưa nguồn ngày cũ, của những bài ca quân đảo hoang vu, của những lời cổ quận mịt mù gang tấc. Hẳn đã nhiều lần trong cuộc tồn sinh của mình, Bùi Giáng đã nhận thấy rằng quê hương của ông, cố quận của ông, đã không còn như xưa. Dù quê hương hay cố quận đó có được hiểu như thế nào đi nữa thì ông cũng đã "chết nhiều lần trong trận sống", và trong cuộc đời này, hình như nhiều lúc ông đã lạc mất lối về. Bởi thế, để tìm về đường xưa lối cũ của những Hồn Nguyên Tiêu (*Ngô ban sơ, hạnh ngân dài / Cổng xò còn vọng điệu tài tử qua / Lỡ từ lạc bước bước ra / Chết từ sơ ngộ màu hoa trên ngân*), có lẽ người thi sĩ ấy chỉ còn có thể tìm về và tìm vào trong những cuộc chiêm bao:

*Hồn mang về giữa hiên nhà  
Bây giờ cố quận tên là chiêm bao.*

*(Rượu Uống)*

Một giấc chiêm bao có mang mang thật nhiều nắng lạ:

*Người nằm ngủ thấy gì  
Thấy thật nhiều nắng lạ.*

*(Mưa Nguồn)*

Nắng lạ ấy có lẽ là thứ nắng đã làm cho "trời xanh đỏ chín" trong rừng sim những ngày chăn bò tuổi trẻ của Bùi Giáng. Và chắc đó cũng là thứ nắng làm cho ông thấy "*Cây lá bốn bên song song từng lứa / Sánh đôi nhau như ứa lệ ngàn hàng*" khi ông để cho bò tự do gặm cỏ trong rừng sim, còn mình thì nằm ngó ngất ngây trời đất, nghe "*Mùi thoang thoang lách lau sương đượm / Mùi gầy gầy gầy gầy của hương rừng / Mùi lên men phủ ngập mông lung / Không biết nữa mà cần chi biết nữa*".

Bùi Giáng đã yêu trần gian, yêu cuộc sống, yêu cuộc chơi mà ông đã dán thân vào với tất cả hồn xác, với tất cả "*thân thể máu me và da xương*" của mình biết bao:

*(...) Xin yêu mãi yêu và yêu nhau mãi  
Trần gian ơi! cánh bướm cánh chuồn chuồn  
Con kiến bé cùng hoa hoang cỏ dại  
Con vi trùng cùng sâu bọ cũng yêu luôn  
Còn ở lại một ngày còn yêu mãi  
Còn một đêm còn thở với trăng sao  
Thì cánh mộng còn tung lên không ngại  
Núi trời xanh tay với kiếng chân cao.*

*(Mưa Nguồn)*

Đọc Bùi Giáng, biết về cuộc sống của ông sau này, thương yêu và quý mến ông làm có những khi tôi tự hỏi rằng tuổi thơ của

ông đã như thế nào, và ông đã sống tuổi trẻ của mình ra sao. Ông đã nhìn thấy những gì khi ông vừa biết mở rộng cặp mắt để ngó vào đời. Những viễn tượng nào trong thuở đầu xanh mà ông nhìn thấy đã đẩy ông vào cuộc lữ:

*Cũng vô lý như lần kia dưới lá  
Con chim bay bỏ lại nhánh khô cành  
Đời đã mất tự bao giờ giữa dạ  
Khi lơ nhìn viễn tượng lúc đầu xanh*

*Buổi trưa đi vào giữa lòng lá nhỏ  
Tiếng kêu kia còn một chút mong manh  
Dòng nước nở như tia hồng dốm đỏ  
Lạc trời cao kết tụ bóng không thành*

*Lá cũng mất như một lần đã lơ  
Trời đã xanh như tuổi ngọc đã xanh  
Trời còn đỏ giữa tháng ngày lơ dờ  
Hồn nguyên tiêu ai kiếm lại cho mình*

*Đường vất vả vó ngựa chôn lão đảo  
Cồn sương đi vào sương lạnh miên man  
Bờ bến cũ ngâm ngùi sông nước dạo  
Đêm tàn canh khắc vội nguyệt gương ngàn*

*Một lần đứng lên mấy lần ngồi xuống  
Ngón trên tay và tóc xòa trên đầu  
Tình đếm lại muôn vãn thôi đã uống  
Để bây giờ em có biết nơi đâu*



*Bờ trùng ngộ một phen nầy phen nữa  
Tờ cỏ thom như lệ ứa pha hồng  
Hồn hoa cỏ Phượng Thành Hy Lạp ứa  
Nghe một lần vĩnh viễn gặp hư không.*  
(Hư Vô Và Vĩnh Viễn, Mưa Nguồn)

Nguyễn Đức Quỳnh có lần nói Bùi Giáng giống như là Lão Tử. Ông không dẫn giải gì thêm. Thật sự, so sánh nào cũng khập khễnh, nhất là khi ta so sánh những đối tượng sống xa nhau cả trong thời gian lẫn không gian như thế. Nhưng nếu ta chấp nhận tính tương đối của sự so sánh, hẳn nhiên nhận xét ấy có những điểm đích đáng của nó. Lão Tử chống lại và mật sát lễ. Chương 38 sách *Lão Tử (Đạo Đức Kinh)* chép: *"Thất Đạo nhi hậu Đức, thất Đức nhi hậu nhân, thất nhân nhi hậu nghĩa, thất nghĩa nhi hậu lễ. Phù lễ giả, trung tín chi bạc nhi loạn chi thủ"*, có nghĩa là *"Đạo mất rồi sau mới có Đức, Đức mất rồi sau mới có nhân, nhân mất rồi sau mới có nghĩa, nghĩa mất rồi sau mới có lễ. Lễ là biểu hiện sự suy vi của trung tín (trung hậu, thành tín), là đầu mối của sự hỗn loạn"*<sup>(1)</sup>

Bùi Giáng cũng không thích lễ nghi phiền toái. Ông rất ghét cái thói "lễ nghĩa" của những kẻ từ chương, trường ốc mà ông gọi là "bọn trường trại lao xao". Ông không thích cái giọng mà ông gọi là "bo-bo-lễ-nhượng-hương-nguyện-lừa-thừa" của họ. Ông cũng rất ghét những màn thủ tục lễ nghi rườm rà. Thậm chí, theo Mai Thảo, có những lần Bùi Giáng ra đứng tắm ở cái máy nước trước tòa soạn báo *Văn cũ* ở đường Phạm Ngũ Lão, Sài Gòn, thản nhiên trước bao nhiêu người qua kẻ lại, quần áo lướt thướt đi qua đường, một đám con nít tròn mắt đi theo. Ông mặc quần áo thùng thình, mái tóc dài đạo sĩ, cái túi vải trên vai, lại thêm một cây gậy

<sup>(1)</sup> Xem Nguyễn Hiến Lê, *Lão Tử Đạo Đức Kinh*. Hà Nội: Văn Hóa, 1994, trang 17.

chống nũa. Ông lang thang đây đó, ngủ bất cứ ở đâu, dưới trời sao, dưới một gầm cầu, hay dưới một mái hiên. Có những lúc lại thấy ông đeo một xâu chuỗi toàn giấy dếp và quần áo phụ nữ quanh cổ. Trẻ con và người lớn đều xem ông là một người điên. Bùi Giáng điên vì đời. Nhưng, ở một mặt nào đó, ông lại là một người rất sáng suốt. Lão Tử giấu mình, ẩn danh. Bùi Giáng sống với đời, thiết tha với cuộc chơi mà ông đã chọn với tất cả "thân thể máu me và da xương" của mình. Tôi nghĩ, trong nhiều khía cạnh, có lẽ Bùi Giáng giống Trang Tử hơn. Trang Tử chọn lối sống tiêu dao, lại thích lý luận, tranh cãi hào hứng với mọi người, đặc biệt với bạn thân là Huệ Tử. Một cá tính nữa của Trang là vui sống, thiết tha với cuộc sống<sup>(12)</sup> Tất cả những điều này ta đều thấy thể hiện nơi con người Bùi Giáng. Ông là con người của tiêu dao, lang thang phiêu hốt dưới sương trời lổ đổ, không chấp nhận bất cứ một hình thức gò bó nào. Và ông chấp nhận trả giá cho cuộc chơi, cho cuộc tồn sinh của mình.

Nói mà chơi chứ Bùi Giáng chẳng phải Trang mà cũng chẳng phải Lão. Ông là một con người Việt Nam, yêu *Truyện Kiều*, yêu Nguyễn Du, Huy Cận, và yêu luôn ca dao chuẩn chuẩn châu chấu. Ông yêu ngôn ngữ quê hương, và ông đã cả đời ăn nằm, chơi nghịch nghiêm trang với nó. Bùi Giáng là một người đã đi lang thang trong chốn tư tưởng của nhân loại, trong cõi thi ca của thế giới, nhưng lúc nào ông cũng chỉ muốn cuộn mình "tròn trịa méo mó" để nằm trong vòng nôi của ngôn ngữ dân tộc. Hôm nay, ông đã bỏ đi. Bỏ đi để tìm lại một màu hoa cũ. Một màu hoa trên ngàn. Một hồn nguyên tiêu. Một giấc mộng ban đầu đã bao năm khuất bóng. (*Hỏi tên? Rằng biển xanh dẫu / Hỏi quê? Rằng mộng ban đầu đã xa*). Xin chúc ông lên đường phôi phới. Xin chúc ông

---

<sup>(12)</sup> Xem Nguyễn Hiến Lê, *Trang Tử Nam Hoa Kinh*. Hà Nội: Văn Hóa, 1994.

tìm lại được một bầu nắng lạ. Và nguyên sơ một vầng trăng cũ.  
Một vầng trăng châu thổ. Cùng những sắc màu thiên thu cổ độ.  
Và xin bẻ tặng ông một nhành mai ngày cũ.

*Những nhành mai sớm sương bên lá  
Những nhành liễu chiều gió bên cây  
Cùng lay lắt bởi đời xuân em ạ  
Thế nên chi anh cũng viết dòng này*

*Hồng vàng tụ bữa kia em có thấy  
Nước xuôi giòng là cổ độ nhìn theo  
Tuổi mười sáu bây giờ lên gấp gáp  
Mộng miên man là mây phủ lưng đeo*

*Buồn phố thị cũng xa bay như gió  
Cộ xe nhiều cũng nhảy bóng như hươu  
Bờ cõi dựng xuân xanh em còn đó  
Bến đào nguyên anh khoác áo khinh cừu*

*Tìm theo dấu chân người xưa tư lự  
Ở bên đường ngóng đôi khách vân bay  
Mơ con mắt một lần lên tiếng thử  
Em ô em, anh nói một lời này.*

*(Những Nhành Mai,  
trích nguyên bài trong Mưa Nguồn)*

Bùi Giáng, có lẽ đã đến lúc ông lên đường trở về Cố Quận.  
Chúng ta phải chia tay. Lần cuối, xin tiễn ông một bài thơ cũ.  
Một bài thơ năm nào. Tôi vẫn tin rằng, một ngày nào đó, một  
cách nào đó, ông sẽ trở về. Và, ở đây, tôi xin phép được không nói  
lời vĩnh biệt.

*Người đã bỏ đường kia ở lại  
Để đi vào đối diện hư không*

*Bờ thánh thót thu sau về vạn đại  
Lời chào kia nức nở lạnh vãn mỏng*

*Bóng trắng như sương vàng bay pha hạc  
Quanh Trường Thành bờ cõi đất in rêu  
Dòng trở lại ngậm ngùi khe bến cát  
Gió mỏng lung vì mây nổi lung đào  
Xuân đi đến đi về nằm ở giữa  
Hen một kỳ bán loạn mấy mùa đông  
Mâu tuyết bạch mơ màng trang lệ ứa  
Rót chung quanh là đủ đôn cầu vòng*

*Từ vĩnh biệt một lần đi từ đó  
Nước xuôi dòng cổ độ chẳng nhìn theo  
Lòng lay lắt bên trời phương hướng nọ  
Mắt ngu ngơ nhìn bọt nước sa bèo*

*(Từ Thức, trích nguyên bài trong tập Lá Hoa Cỏn)  
Irvine, California, 1998*

## II. THỪ THẨM THỨC VÀI CÂU THƠ CỦA BÙI GIÁNG<sup>(\*)</sup>

(...) Nếu nhiều bức tranh của Picasso xem ra quái dị và không thể chú giải nổi thì chính là bởi cách nhìn của chúng ta. Chúng ta chỉ quen với cái nhìn, qua đó, thực thể hiện ra trước mắt chúng ta trên một mặt phẳng. Thật khó để có thể thay đổi cái nhìn khiến cho nó đem đến cho chúng ta, cùng một lúc, những khía cạnh, những mặt khác nhau của sự vật.

---

(\*) Trích đoạn bài *Vấn đề thẩm thức một tác phẩm nghệ thuật*, Văn Học số 10 (tháng 11, 1986). Đăng lại trong *Hai mươi năm văn học Việt Nam hải ngoại*, 1975-1995 (California, Đại Nam, 1995) và *Lý luận và phê bình / Hai mươi năm văn học Việt ngoài nước*, 1975 -1995 (California, Văn Nghệ, 1996).

Vấn đề thẩm thức ở đây đã trở nên phức tạp. Chúng ta có quyền chê tranh Picasso, và người khác cũng có quyền nhận xét về những... kinh nghiệm mỹ học dễ dãi của chúng ta.

Đọc thơ cũng thế.

Chúng ta hãy thử xét hai câu lục-bát này của Bùi Giáng:

*Bây giờ em ở nơi đâu*

*Cỏ trên mình mấy em sâu ra sao*

(Sa Mạc Trường Ca)

Chúng ta thấy hai câu thơ thế nào? Có dị hợm quá chăng? Có chất thơ chăng? Hai câu thơ này có nằm trong những ước lệ bình thường của thi ca hay không?

Trước hết, ta có thể thấy hai câu lục-bát trên đây là hai mệnh đề độc lập với nhau. Mỗi mệnh đề là một câu hỏi; và hai câu hỏi được đưa ra liên tiếp. Chẳng khác gì mấy chàng Anh, Mỹ gặp nhau nói, “*How do you do? Business looking up, eh?*” Câu hỏi ở về lục, nếu bỏ bớt từ “nơi” thì không khác gì một câu nói, một lời hỏi thăm bình thường. *Bây giờ em ở đâu?* Ngôn ngữ rất giản dị. Y như là lời nói hằng ngày.

Câu hỏi ở về bát có một vài điểm nên phân tích.

Thứ nhất, “cỏ” và “sâu”. Một là danh từ, một là bổ-túc-từ complement) (động từ “thì” được hiểu ngầm). Cả hai đều là những từ chúng ta dễ bắt gặp trong thơ. Tuy nhiên, cách dùng hai từ này trong câu thơ của Bùi Giáng có những điểm đặc biệt. Tại sao để thăm hỏi một người con gái, một người em nào đó, thi sĩ lại hỏi về cỏ. Cỏ đây là cỏ nào? Sao không dùng những ước lệ bình thường? Chẳng hạn như hỏi, “Lòng em, (hoặc tim em) có buồn không?” ...

Vấn đề thứ hai là, tại sao cỏ lại sâu?

Trong thi ca, hình ảnh của cỏ cây, hoa lá có khi là một hình

*Cỏ non xanh tận chân trời  
Cành lê trắng điểm một vài bông hoa*  
hay thơ mộng, lãng-mạn-hồng như cỏ của Phạm Duy:  
*Rước em lên đồi cỏ non ngập lối  
Rước em lên đồi hẹn với bình minh  
Đôi chân xinh xinh như tình đang khép nép  
Hãy vút chiếc dép bước đi trên cỏ hồng*  
(Lời bài *Cỏ hồng*, Phạm Duy)

Có lúc, cỏ cây cũng buồn... Cỏ cây chia theo cái nhịp tâm ý của con người. Lại Nguyễn Du:

*Sè sè nắm đất bên đàng  
Rầu rầu ngọn cỏ nửa vàng nửa xanh*  
Hay Xuân Diệu tiên chiến:  
*Gió lướt thướt kéo mình qua cỏ rối  
Đêm bàng khuâng đôi miếng lẩn trong cành.*

Hoặc Tư Không Thụ đời Trung Đường trong *Tặc Bình Hạo Tống Nhân Bắc Quê*:

*Thế loạn đông nam khú,  
Thời thanh độc bắc hoàn.  
Tha hương sinh bạch phát,  
Cự quốc kiến thanh san.  
Hiếu nguyệt quá tân lũy,  
Phồn tinh túc cố quan.  
Hàn cầm dữ suy thảo,  
Xử xử bạn sầu nhan.  
(Lúc loạn cùng nhau lánh  
Khi yên về một mình  
Quê người tóc đã bạc*

*Núi cũ mây còn xanh  
Trăng sớm vượt tàn lữ  
Sao khuya trọ cổ thành  
Cỏ hoang chim chóc lạnh  
Đáy đó sâu mông mênh)*

(Đào Mộng Nam dịch)

Vậy là cây cỏ cũng buồn. Buồn vui ở đây là do cái tâm ta chiếu vào. Tâm ta là cái tâm vô định, cho nên có lúc buồn lúc vui.

Tại sao Bùi Giáng thấy cỏ sâu?

Bởi lẽ thi sĩ xa người em nên chính cái tâm của thi sĩ động trước, thi sĩ sâu. Và, vừa dùng phương pháp nội quan (*introspection*) của tâm lý học ngôi thứ nhất để nhìn vào lòng mình, vừa dùng phương pháp của tâm lý học ngôi thứ hai để tìm đến và chia sẻ với em, thi sĩ thấy em cũng sâu. Dựa trên một quan hệ thân mật nào đó đã có với nhau từ trước mà ta không rõ, thi sĩ biết chắc là cỏ trên mình mấy em cũng sâu, cũng héo. Đây là một hình ảnh cụ thể, có tính cách vật lý. Không phải lòng sâu hay tim sâu, nhưng là cỏ sâu. Cỏ trên mình mấy là một vật có thực chứ không phải cỏ mọc trong linh hồn, hay cỏ mọc trên nỗi buồn-tôi trong văn chương hiện sinh.

Đến đây, không cần phải trình bày thêm, có lẽ chúng ta đã thấy rõ hai từ “cỏ” và “sâu” trong câu thơ Bùi Giáng đã được dùng một cách rất đặc biệt. Cỏ chính là ... người, sau khi thi sĩ đã liên tiếp áp dụng hai phương pháp so sánh ngầm (ẩn dụ) và hoán dụ. Còn “sâu” được dùng theo lối nhân cách hóa.

Từ kép “mình mấy”, nếu tách khỏi hai câu thơ của Bùi Giáng kể trên, sẽ bị nhìn là không mang màu sắc thi ca. “Mình mấy” thiếu chất thơ. “Mình” nếu đi với một tính từ nào khác, chẳng hạn như mình ngọc (da ngà), thì chúng ta thường thấy trong thi ca;

thiếu chất thơ. “Mình” nếu đi với một tính từ nào khác, chẳng hạn như mình ngọc (da ngà), thì chúng ta thường thấy trong thi ca; còn mình mẩy thường chỉ xuất hiện trong văn xuôi. Loại tả chân. Nhất là nếu từ “mẩy” lại được dùng như tính từ. Hoặc trong những câu nói thông thường hằng ngày, như: “*Vào trong tắm rửa mình mẩy đi anh, rồi muốn làm gì thì làm. Em đâu có biến mất đi đâu. Cắt cỏ xong người anh hôi rình à! Chịu “hồng” nổi!”*...

Tuy nhiên, đọc lại hai câu thơ của Bùi Giáng, chúng ta phải nhận là khó có thể tìm được từ nào hay hơn để thay vào chỗ của từ kép “mình mẩy” mà Bùi Giáng đã dùng. Những từ “cỏ” và “mình mẩy” cuộn lấy nhau, cho chúng ta một hình ảnh rõ nét trong nhãn trường của thi sĩ, đồng thời, cho chúng ta hiểu rõ tâm tư ông và những ước muốn thầm kín của ông. Từ “sầu” đi theo ngay sau đó làm ta bờ ngỡ. Và khiến cho ta thấy thi sĩ đáng yêu quá, thơ mộng quá.

Từ “cỏ” và “mình mẩy” trong câu thơ của Bùi Giáng đặt lại vấn đề cái tục (*profanity*) trong văn chương. Cái tục của Bùi Giáng ở đây có thể được so sánh với cái tục của D. H. Lawrence trong *Lady Chatterley's Lover*, của Anais Nin trong những quyển erotica như *Delta of Venus* và *Little Birds*, của Flaubert trong *Madame Bovary*, của Henry Miller trong *Black Spring*, *Tropic of Cancer* và *Tropic of Capricorn*... Đây là những cái tục thơ mộng, làm đẹp chứ không làm xấu văn chương.

Về ý nghĩa, ta thấy hai câu thơ Bùi Giáng có thể diễn ra văn xuôi đại loại như sau: *Em ở đâu? Anh nhớ em lắm. Anh mong có em ở bên cạnh để anh ân-cần-săn-sóc-nhỏ-to-âu-yếm-vuốt-ve em. Em có buồn nhớ anh từng-chút-một không?!...*

Thật sự thì không nhất thiết phải diễn giảng hai câu thơ của Bùi Giáng ra như thế, có thể có những cách diễn giải khác. Nhưng đại loại, tinh thần hai câu thơ là vậy. Ai quen biết với luật ngôn-



ngữ-tạo-tác (transformational/generative grammar) của Noam Chomsky đều hiểu rằng những câu nói bình thường mỗi ngày của chúng ta đều là kết quả của một chuỗi những cách sắp xếp văn phạm khác nhau với những luật biến hoá liên tiếp, xảy ra một cách tự động trong tiềm thức ta, để, cuối cùng, cho ra những câu nói gọn gàng kia. Có được cái khả năng sắp xếp, biến đổi hết sức đặc biệt và nhanh chóng đó là vì ta đã được nuôi dưỡng trong một dòng văn hoá luôn nhồi nắn, dạy dỗ cho ta cái ngôn ngữ mà ta sẽ sử dụng sau này ngay từ khi ta mới chào đời.

Thi sĩ cũng thế. Sở dĩ thi sĩ tìm được những cách nói thơ mộng, súc tích, hay đẹp đẽ, độc đáo, bất ngờ - so với những câu nói bình thường của chúng ta trong đời sống mỗi ngày - chính là do nơi hần đã luôn sống, mơ, và trau giồi cái ngôn ngữ của hần để có thể diễn tả lại một cách trọn vẹn, độc đáo và đầy hình tượng những giấc mơ mà hần có.

Về mặt nhịp điệu, hai câu thơ của Bùi Giáng có thể được ngắt đoạn như sau:

*Bây giờ / em ở nơi đâu*

*Cỏ trên mình mấy em / sầu ra sao*

Trên quan điểm từ-vụ-học, và hiểu một cách bình thường, thì câu lục bắt buộc phải ngắt 2-4, câu bát 5-3. “Bây giờ” là một trạng từ, đứng vai trò của một trạng ngữ (adverbial phrase), phải được tách ra khỏi mệnh đề chính. Mệnh đề “em ở nơi đâu” là một câu hoàn chỉnh và ngắn, không cần tách đoạn.

Câu bát, nguyên cả cụm từ “Cỏ trên mình mấy em” là chủ từ. Nó là một danh-ngữ (*noun phrase*), đứng vai trò chủ ngữ (*subject*) và không thể tách ra được. Dù sao, ta nhận thấy trong cụm từ này, “Cỏ” là danh từ chính, và “trên mình mấy em” (hiểu ngầm động từ “mọc”) là trạng ngữ chỉ nơi chốn (hay vị trí), làm rõ nghĩa cho danh từ “cỏ” (hay rõ và đúng hơn là cho động từ hiểu

ngâm “mọc”). Cụm từ “sầu ra sao” là vị ngữ (*predicate*), trong đó “sầu” là bổ túc từ (*complement*) (với động từ “thì” được hiểu ngầm), “ra sao” là trạng từ. Trong Anh và Pháp ngữ, cũng như trong một số ngôn ngữ khác, trạng từ ra sao này được một luật biến hóa (*transformational rule*) cho phép nhảy lên đầu câu để biến thành những từ *How* và *Comment*, v.v...; đồng thời luật này lại kéo theo một luật nữa, bắt buộc việc đảo ngược chủ từ và động từ trong câu.

Vậy thì với nhịp điệu như vậy, cách ngắt như thế, vẫn “đâu” và “sầu” trở nên rõ ràng và được nhấn mạnh. “Đâu” vì là vắn ở cuối câu lục nên dĩ nhiên được chú ý. “Sầu” được chú ý nhấn mạnh vì “mình mấy em” đã được đọc nhỏ đi, sau khi “cỏ” ở đầu câu được nhấn mạnh. Vậy “nơi đâu” và “sầu”, hai ý chính trong câu thơ lục-bát của Bùi Giáng, với cách sắp xếp nhịp điệu và cách ngắt giọng của thi sĩ, đã được để ý rõ ràng.

Ngoài ra, ở câu bát, vì ngắt nhịp lẻ 5-3 nên câu thơ đưa ra được một cảm xúc bồn chồn, lo lắng, bứt rứt, bồi hồi... Nó cho thấy sự bất an. Điều đó diễn tả được tâm ý của thi sĩ.

Về phương diện phát âm học, âm “âu” trong “nơi đâu” và “sầu” là một âm chúm. Tôi muốn nói là khi phát ra âm này, đôi môi người đọc hay nói phải chúm lại. Động tác chúm môi tạo hình ảnh một cái hôn, một sự trao gửi, yêu thương. Từ “đâu”, bắt đầu bằng phụ âm đờ trong tiếng Việt, là một âm mà khi phát ra, đầu lưỡi phải chạm vào thành lợi ở ổ răng phía sau những răng cửa ở hàm trên. Tiếng Anh gọi âm này là *apico-alveolar*. Gần giống như âm /ð/ của những từ *do*, *did* trong tiếng Anh, nhưng ở âm Việt không có hiện tượng phì hơi gió. Từ “đâu” lại có thanh phù bình chứ không phải trầm bình. Bởi thế, câu hỏi được đặt ra một cách nhẹ nhàng, âu yếm: Em ở nơi đâu?

Từ “sầu” bắt đầu bằng phụ âm sờ, đọc là [s] theo lối Bắc, đọc

là [s] theo lối Nam hoặc Trung, đều là những âm xuýt, phát ra hơi gió một cách liên tục. Tuy nhiên, nếu đọc theo lối Nam và Trung [s] thì cuống lưỡi phải chạm vào phần vòm cứng ở ngay sau ổ răng cửa hàm trên, hơi gió được cuộn, ép lại, và đẩy ra mạnh hơn. Nếu đọc theo lối Bắc [s] thì nó cũng giống như trường hợp của âm [ð] trong “đầu”. Bùi Giáng sinh ở Quảng Nam, người miền Trung, cho nên chắc đọc “sầu” với âm đầu là [s]. Từ “sầu”, như thế, sẽ có âm gió thổi mạnh ra, lại thêm thanh trầm bình (huyền) đè xuống một cách thiết tha, da diết, rất hợp với tâm trạng thi sĩ.

Có người sẽ nói: “Những từ “đầu” và “sầu” thì ai cũng phát âm như thế, cứ gì phải đến khi thi sĩ nói thì chúng mới có được những tác dụng vừa kể”. Nhận xét này rất đúng; nhưng chính vì thế, nó lại càng nhấn mạnh được sự tinh tế và tinh trực cảm của người thi sĩ khi hẳn biết dùng, biết chọn lựa những từ, những âm thích hợp để diễn tả ý mình.

Thật ra thì Bùi Giáng cũng có thể viết:

*Bây giờ em đã đi luôn*

*Cỏ trên mình mấy em buồn ra sao*

Nhưng, nếu viết như thế, ngoài việc không giữ lại được cái ngữ ý và ngữ khí đáng yêu của câu thơ tuyệt vời kia, câu thơ được sửa đổi đó cũng sẽ không đưa đến được một số hiệu ứng như chúng ta vừa phân tích. Những hiệu ứng liên tưởng xảy ra từ phương diện phát âm.

Như thế, ta thấy là chỉ vồn vện với hai câu thơ của Bùi Giáng, đọc qua tưởng là chơi, thử phân tích một chút như vậy thì ta thấy nó là một cấu trúc rất hoàn chỉnh. Cấu trúc này thi sĩ không cố tìm cách sắp xếp như những phương trình toán học hay như một tòa kiến trúc với những dụng công tỉ mỉ. Thi sĩ thả ra

thơ. Trong vô thức, trong tiềm thức, thi sĩ luôn sống với giấc mơ của mình; bởi thế, khi thổ ra, thơ đã là một chỉnh thể vừa có tính thơ mộng của thi ca, vừa chứa đựng trong nó tất cả những yếu tố ngữ âm, ngữ nghĩa, ngữ pháp, ngữ khí và ngữ ý cần thiết để diễn tả tâm ý mình.

Nếu đọc thơ cho kỹ, ta sẽ thấy con người tác giả hiện rõ môn một.

Lại lấy bốn câu khác của Bùi Giáng. Như Picasso đã phá hết những qui ước cổ điển trong hội họa với những bức tranh lập thể, Bùi Giáng, trong thế giới thi ca, đã phá vỡ mọi thứ đều đều như thế. Hình tượng, ngôn ngữ, tình ý trong thơ ông bị đảo tứ lộn tam và bị sắp xếp lại. *Lưu tồn khuyên giải thấp cao. Chưa xong tồn lý đã đào tồn lưu.* Những hình tượng, ngôn ngữ đó thoát biến thoát hiện và làm mở bùng ra nhiều khía cạnh khác nhau của cõi người ta, để người thường ngoạn nhận ra chúng cùng một lúc. Ấy là cõi thơ Bùi Giáng. Thơ phá ngôn, phá ý và phá hình.

*Người con gái / lội qua khe*

*Bàn chân với nước lạnh / đè lên nhau*

*Nỗi niềm / tưởng lại xưa sau*

*Bàn chân với nước / cùng nhau lại đè*

*(Gái Lội Qua Khe)*

Chúng ta sẽ thôi không phân tích mấy câu thơ này như cách chúng ta đã làm với hai câu thơ trước nữa. Cho dù chúng ta có thể viết được cả một tiểu luận về bài thơ đặc biệt này. Tạm thời, ở đây, ta có thể cùng thấy với nhau là qua cái nhịp ngắt mà ta đã thử làm 3-3 / 5-3 / 2-4 / 4-4, những hình tượng trong thơ được mở ra. Động tác lội qua khe có vương nét gập ghềnh, chao đảo với nhịp lẻ. Nước lạnh và bàn chân đè lên nhau, cứ thế liên tục và tranh chiếm chỗ của nhau, động tác không được nhịp nhàng, cũng

với nhịp lẻ. Thế rồi, một, hai, chục năm sau ta ngồi nhớ lại, và trăm ngàn năm nữa sau khi ta đã mất đi, những hình ảnh đó vẫn mãi còn trong cái vũ trụ của vật lý lượng tử kia. Mỗi hình ảnh đã xảy ra đều còn mãi trong chốn không gian, thời gian mênh mang bất tuyệt và thăm sâu dãn trải không cùng này. Thật ra thì phải nói là ta đã xảy ra với hình ảnh em lội qua khe, phải không? Vì ta rồi sẽ mất đi, mà cái hình ảnh em lội qua khe sẽ còn mãi, dù cho một, hai ba triệu năm sau có tồn lưu lui tới.

Bởi thế, khi tưởng lại sự vụ em lội qua khe như vậy, mọi thứ bây giờ thấy đều nhịp nhàng, êm ái trong nỗi tưởng tôi. Mọi thứ vẫn vậy, vẫn khe, vẫn nước lạnh cùng bàn chân dề qua dề lại, thế nhưng mọi sự bây giờ là thơ mộng, là dịu dàng xuôi chảy. Đúng với những nhịp chân của hai câu dưới.

*Người con gái, lội, khe, bàn chân, nước, lạnh, và dề (hai lần)* có làm cho ta liên tưởng khá khá đến cái dục tính libido và Freud. Nhưng, Bùi Giáng và Nguyễn Đức Sơn thì lúc nào mà lại chẳng... libido trong thi ca Việt Nam.

Những nhận xét vừa rồi về các bức tranh của Matisse, Picasso, và về một vài câu thơ của Bùi Giáng cũng có thể cho ta thấy là vấn đề thẩm thức nghệ thuật có những cái công phu của nó. Chúng ta dễ dàng chấp nhận cái quen thuộc, cái gần gũi, và, nhiều khi, cái giản dị, mà chối bỏ những cái khác lạ, kỳ bí. Nhưng thật sự có những cái khác lạ, kỳ dị ẩn giấu trong chúng những nét sáng tạo. Bởi thế, thẩm thức phải là một thói quen cần phải được luôn luôn trau dồi để mỗi ngày mỗi trở nên tinh tế, sắc bén. Trong sự thẩm thức tác phẩm nghệ thuật ở bất cứ một bộ môn nào, nỗ lực đi đến gần hơn nữa những đối tượng mà lúc ban đầu ta cảm thấy khó hiểu sẽ luôn đưa lại một phần thưởng quý báu là, một lúc nào đó, ta sẽ làm tác phẩm mở bùng ra trước mắt nhìn hạnh phúc của mình.

## BÙI GIÁNG, NGUỒN XUÂN<sup>(\*)</sup>

*Hôm mừng ba mừng bốn theo nhau đẩy lùi  
mồng một mồng hai của hôm nay Nguyên Đán.*

(Mưa Nguồn, tr. 164)

Câu thơ văn xuôi này của Bùi Giáng mang hai đặc tính: một là ý nghĩa nói về ngày Tết và mùa Xuân, hai là chữ nghĩa đi ngược chiều thời gian. Dĩ nhiên là mồng ba đẩy lùi mồng hai; mồng hai đẩy lùi mồng một. Như vậy hôm nay Nguyên Đán nằm ở vị trí nào trên chuỗi tháng ngày? Nói khác đi, Bùi Giáng đứng từ thời điểm nào ở đầu tháng giêng để phát ngôn?

Lời thơ theo trật tự số mục, và lối đếm thông thường: mừng một, mừng hai... mừng ba, mừng bốn... Nhưng theo ý nghĩa câu thơ, thì phải nói ngược lại: mừng bốn mừng ba (sẽ) theo nhau đẩy lùi mồng hai mồng một. Như vậy, nhà thơ phát ngôn từ ngày hôm nay Nguyên Đán, như Nguyễn Bính năm 1940:

*Năm mới tháng giêng mồng một Tết  
Còn nguyên vẹn cả một trời Xuân.*

Nhưng nếu hiểu (đã) theo nhau, thì tác giả lên tiếng vào ngày mồng Năm. Và trong cả hai giả thuyết, trật tự chữ nghĩa trong câu thơ Bùi Giáng vẫn không thuận chiều.

---

(\*) Bài in theo *thanhvien.com.vn*.

Rối rắm như vậy để nói lên một điều cơ bản: thơ Bùi Giáng là một "dòng nước ngược", một tâm thức đi ngược chiều thời gian, trong một Sử Lịch, ngược dòng Lịch Sử.

Trong hàng vạn trang sách để lại, Bùi Giáng thường dùng từ Sử Lịch. Chỉ một lần dùng chữ Lịch Sử để chối bỏ:

*Sử Lịch phai trang*

*Chạy quanh*

*Là Lịch Sử*

(*Lá Hoa Cỏn*, tr. 55)

Xuân trong thơ Bùi Giáng là xuân không mùa, xuân duy nhất và tuyệt đối, mà ông gọi là Nguyên Xuân (*Lá Hoa Cỏn*, tr. 26), là khởi thủy của nguồn sống, nguồn thơ, quê của Em Mọi, của Đười Uoi, đồng thời là đối tượng, là cứu cánh của sáng tạo, của *Lời Cổ Quận, Tiếng Gọi Về*.

*Thưa rằng ly biệt mai sau*

*Là trùng ngộ giữa hương màu Nguyên Xuân.*

(*Mưa Nguồn*, tr. 25)

Tác phẩm, và cuộc đời Bùi Giáng là niềm thủy chung trước sau như một với một *Màu Hoa Trên Ngàn*: ông khởi đi từ đây và trở về lại đây.

Xuân là nguồn mạch thơ tuôn tuôn từ miền xa biệt:

*Lỡ từ lạc bước chân ra*

*Chết từ sơ ngộ màu hoa trên ngàn.*

\*

\*       \*

Mùa xuân xuất hiện thường xuyên trong tập *Mưa Nguồn*, và tái hiện trong *Lá Hoa Cỏn*, về sau chỉ thấp thoáng mỗi ngày một ít, ở những thi phẩm cuối đời.

*Mưa Nguồn* thi phẩm đầu tay và đều tay nhất của Bùi Giáng được in năm 1962, gồm có nhiều bài làm từ 1948. Lời thơ trong sáng, tươi thắm và tha thiết, vào tập bằng hai câu mào đầu:

*Xin chào nhau giữa con đường*

*Mùa xuân phía trước, miền trường phía sau*

là câu thơ nổi tiếng sớm nhất của Bùi Giáng, vì nó có thể được sử dụng ở nhiều tần số khác nhau: buồn hay vui, u hoài hay đùa cợt, ví dụ khi bè bạn gặp nhau ngoài phố, lặp lại câu thơ: *Xin chào nhau giữa con đường*, dù không hiểu miền trường là gì.

Và ý tác giả có thể ngược lại: mùa xuân phía sau, miền trường phía trước. Cũng cần nói thêm, thời đó, 1962, thơ Bùi Giáng chỉ được truyền tụng trong một giới độc giả và bằng hữu, đồng hương, chứ không phải là một "hiện tượng văn học" như gần đây.

Có thể là thơ của tuổi xanh, nên tập *Mưa Nguồn* đã khởi đi từ nhiều hình ảnh thắm tươi, điệu thơ ánh ỏi:

*Những nhành mai sớm sương bên lá*

*Những nhành liễu chiều gió bên cây*

*Cùng lây lất bởi đời xuân em ạ*

*Thế nên chi anh cũng viết dòng này.*

(*Những Nhành Mai*, *Mưa Nguồn*, tr. 10)

Lời thơ tham dự với đất trời vào niềm hoan lạc của mùa xuân. Thể thơ cổ điển, nhưng tác giả đã trộn lẫn thơ bảy và tám chữ, với âm điệu lạ ở câu hai. Nhưng đặc sắc trong thơ Bùi Giáng, thời ấy là những hình ảnh tân kỳ, trong thể thơ truyền thống:

*Tay lấy bầy nít gì xuân bay biến*

*Ô thiếu quang! Làn nước cũ trôi mau*

*Em đi lên với bất mấy hương màu*



*Miền đất Thượng có mấy bờ hoa mọc  
Xa biệt lắm mưa nguồn trên mái tóc  
Đã mấy lần thổi lạc lệ lưa thưa.*

(Giã từ Đà Lạt, 1958, *Mưa Nguồn*, tr. 94)

Lời thơ diễn tả niềm hoang mang trước thời gian, ý tưởng không mới, nhưng lối kết hợp ẩn dụ thì mới, so với lối thơ tám chữ trước đó.

Ở Xuân Diệu, Huy Cận niềm ám ảnh của phôi pha không gây bất ngờ như với *Ôi thiếu quang! Làn nước cũ trôi mau...*

Trần gian phôi pha, thời gian hủy diệt, nhưng nhà thơ chấp nhận quy luật, nên đã ghi siết hai tay Nàng Thơ đẹp của trần gian ứa lệ:

*Tôi đã nguyện yêu trần gian nguyên vẹn*

*Hết tâm hồn và hết cả da xương*

(...)

*Còn ở lại một ngày còn yêu mãi*

*Còn một đêm còn thở dưới trăng sao*

*Thì cảnh mộng còn tung lên không ngại*

*Núi trời xanh tay với kiếng chân cao*

*Nhưng em hơi trần gian ôi ta biết*

*Sẽ rời ra vĩnh biệt với người thôi*

*Ta chết lặng bó tay đầu lắc*

*Đài xiêu ôi xuân sắp rụng mất rồi*

(Phụng Hiến, *Mưa Nguồn*, tr. 30)

Những bài thơ tin yêu cuộc sống, tươi sáng và thấm thiết như vậy ít khi thấy ở những tập thơ sau, mà cũng ít người nhắc đến. Ấu cũng là một thiệt thời cho ông. Chúng tôi trích dẫn một bài thơ xuân thấm tươi, có lẽ làm vào mùa xuân 1973, toàn văn:

## NẮNG NGUYÊN ĐÁN

Chạy đi em, nắng gió bốn chân trời  
Về chân đất dưới chân em mọc cỏ  
Nắng Nguyên Đán lục lam hay hồng đỏ  
Tia vi vu hồng lục cũng bao hàm  
Chạy đi em! Sương gió nắng thênh thang  
Trời đất đẹp từ bình minh vũ trụ  
Nắng Nguyên Đán của nguyên xuân đầy đủ  
Cỏ hoa hương chồi nhú lộc miên man  
Nắng xuân xanh mở cỏ mọc hai hàng  
Và riêng mở duy Một Hàng Ẩn Mật  
Nắng phơ phất vì sắc hương phơ phất  
Dưới khung trời mặt đất mở thênh thang  
Chạy đi em, gót ngọc bỏ hai hàng.

(Bài Ca Quần Đào, tr. 54)

Phong cách nhắc lại một bài thơ trước:

Chạy đi em, qua vườn thắm theo ngày  
Cùng với phút giây này phơi mở lá  
Em ngó nhẹ cảnh xanh cây giục già  
Hoa nghiêng đầu riu rít cạnh chim kêu ...

(Mưa Nguồn, tr. 96)

Nhưng nhịp thơ nhanh, âm điệu khỏe, hình ảnh rộn ràng hơn, một điệu thơ hiếm có ở Bùi Giáng, nhưng vẫn lấy lại chủ đề nguyên xuân, và giọng lảng lơ cố hữu, cỏ mọc hai hàng, đi đến ngôn ngữ Ẩn Mật về sau. Tóm lại, một bài thơ không Bùi Giáng mà vẫn Bùi Giáng.

Trở lại với giai đoạn *Mưa Nguồn*, chàng thanh niên Bùi Giáng còn giữ niềm tin ở mùa xuân, ở trần thế trong thời gian, ở

Màu Xuân: *Ngàn xuân rộng vô ngần trong bóng nguyệt*, hay trong bài *Bờ Xuân* tiếp theo:

*Mùa xuân bữa trước mùa xuân bữa sau, xuân bốn bên trong  
hiện tại vây hãm tấn công đời hạnh phúc lạnh như băng không  
lâm sao nhúc nhích.*

(*Mưa Nguồn*, tr. 38-39)

Mùa xuân, mùa xuân hiển hiện, lung linh ánh sáng, long lanh  
thịnh sắc. Trong niềm hoan lạc của đất trời, con người an tâm vui  
hưởng, vì tin ở sự tuần hoàn miên viễn, như tin vào một cánh én:

*Én đầu xuân tuyết đầu đông  
Rừng cô tịch ngóng nội đồng trở hoa.*

(*Mưa Nguồn*, tr. 62)

Người ta thường nói: xuân về. Chữ về tin tưởng an lạc như  
Về Cố Quận. *Xuân về với gió đông, xuân mang thương nhớ trở về*  
(Nguyễn Bính). Chữ về gây cảm giác ấm cúng, thân thiết, tin cậy:

*Mùa Xuân hẹn Thu về em trở lại  
Ta nhìn nhau trong bóng nước mơ màng  
Nước chảy mãi bởi vì xuân trở lại  
Với dòng trong em hẹn ở bên đường*

*Ta sẽ đợi nghe đời em kể lại  
Thuở xưa kia... bờ nước ấy xưa kia  
Ta sẽ đợi nghe đời em nói mãi  
Bên đời ai vạn đợi đã chia lìa*

*Mùa xuân hẹn thu về em trở lại  
Bên đời đi còn giữ mãi hay không  
Giòng bát tuyệt xanh ngần xuân thơ dại  
Sầu hoang vu vĩnh hạ vọng non hồng.*

(*Mưa Nguồn*, tr. 61)

Thơ là hạnh phúc của ngôn từ như trong *Một Ngày Lễ Hội*, tên một bài thơ Holderlin được Heidegger bình minh. Hạnh phúc trong lời nói, của lời nói, dù nói để chẳng nói gì: thuở xưa kia... bờ nước ấy xưa kia. Câu thơ không mang lại một thông tin nào cả. Xưa kia làm gì? Bờ nước ấy: ấy nào? Nào ai biết. Chỉ biết là không gian và thời gian hạnh phúc. Hạnh phúc không cần nội dung. Hạnh phúc không cần lý do, không cần tự thức.

Ngõ ban sơ, hạnh ngân dài, cổng xô còn vọng... Bùi Giáng mách ta thế, và có lần kể:

*Xưa kia tôi đã có lần*

*Và bây giờ đã đôi phần tôi quên.*

*(Ca dao, Mưa Nguồn, tr. 143)*

Nhà thơ không cho biết đã có lần làm gì, nhớ gì và quên gì, nhưng chúng ta cảm rằng xưa kia ấy là hạnh phúc, ngay trong nhịp thơ tần ngần, ngập ngừng, lơ đãng. Hồ Dzếnh rất được Bùi Giáng yêu thích, đã thật thà hơn:

*Có lần tôi thấy tôi yêu*

*Dáng cô thôn nữ khăn điều cuối thôn*

*Xa rồi, nay đã lớn khôn*

*Biết cô hàng xóm có còn nhớ nhau?*

Chúng ta đối chiếu, sẽ thấy sự khác biệt giữa hai tác giả, và đặc sắc của thơ Bùi Giáng mà chúng tôi gọi là hạnh phúc của ngôn ngữ:

*Xin yêu mãi và yêu nhau mãi mãi*

*Trần gian ôi! Cánh bướm cánh chuồn chuồn.*

Hạnh phúc ấy là *Xuân Trần Gian*, âm ập trong thơ Bùi Giáng, thời điểm mưa nguồn trên mái tóc. Cùng với tinh thần đó, trước khi mất, ông đặt cái tên *Thơ Vô Tận Vui* cho một tập di cảo sắp sửa được xuất bản.

Tuy nhiên, niềm vui vô tận ở đây chỉ là một minh triết về cuộc sống. Từ đó không thể nói đời và thơ Bùi Giáng lúc nào cũng vui, dù theo lẽ buồn vui tương đối của sự đời. Vui ở đây hiểu theo nghĩa hiền triết Đông Phương, như cá vui, bướm vui trong *Nam Hoa Kinh* của Trang Tử. Nhìn dưới góc độ tư tưởng hiện sinh của Phương Tây, thì ngược lại, có thể nói đến "bi kịch".

Từ 1948, Bùi Giáng có câu thơ sấm ký: *Ngày Xuân xanh sơ ngộ để thiên thâu* (*Mưa Nguồn*, tr. 57). Câu thơ quan trọng, mang mâu thuẫn, có tính cách biện chứng, giữa thiên thu và sơ ngộ. Một mặt, nó nằm trong mạch *Vũ Trụ Ca* của Huy Cận:

*Lòng chim gieo sáng dệt ván sa  
Trên bước đường xuân trở lại nhà  
Mở sách chép rằng: vui một sáng  
Nghìn năm còn mãi tấm lòng ta.*

(*Áo Xuân*, 1942)

Mặt khác, nó báo hiệu cho chủ đề "chết từ sơ ngộ", và *Màu Hoa Trên Ngàn* sơ khai đã là *Màu Hoa Cuối Cùng*:

*Lơ từ lạc bước bước ra  
Chết từ sơ ngộ Màu Hoa Cuối Cùng*

(*Chớp Biển*, tr. 45)

Bùi Giáng, rất sớm, đã linh cảm rằng mình suốt đời đứng nguyên ở một tọa độ, xác định bởi một không gian Cố Quận và một thời điểm Nguyên Xuân:

*Rồi tôi lớn, đi vào đời chân bước  
Cỏ Mùa Xuân bị giẫm nát không hay  
Chợt có lúc hai chân dừng một lượt  
Người đi đâu? Xưa chính ở chỗ này.*

(*Chỗ Này*, *Mưa Nguồn*, tr. 82)

Có một mùa xuân nào, tuần hoàn trong trời đất, cùng với niềm vui nào đó. Nhưng có một hạnh phúc khác, mùa xuân khác không bao giờ trở lại với nhân gian:

*Mưa Nguồn cũ quá xa rồi một trận  
Ôi xuân xanh vĩnh biệt như thế nào  
(...) Người viết mãi một màu xanh cho cỏ  
Người viết hoài một màu cỏ cho xuân...*

(*Bài Ca Quần Đảo*, tr. 22-23)

Rồi suốt đời, khi sáng suốt, khi cuồng điên, qua hàng vạn trang sách, người thơ chỉ làm hoài làm hủy một bài thơ, vẽ cho mình một chân dung duy nhất, như viết hoài một màu cỏ cho xuân.

*Xuân mười sáu suốt bốn xuân chìm tắt  
Một bài thơ gieo suốt tự bao giờ.*

(*Bài Ca Quần Đảo*, tr. 11)

Năm mười sáu tuổi đã xảy ra biến cố gì trong đời tác giả làm chìm tắt mùa xuân? Chúng ta không biết, chỉ biết là ông làm thơ từ tuổi ấy, khoảng 1942, tại Huế, theo lời ông kể ở đầu sách *Lời Cổ Quận*.

*Xuân về xuân lại xuân đi  
Đi là đi biệt từ khi chưa về.*

Hai câu thơ đơn giản. Ngổ ngẩn mà thâm sâu. Vớ vẩn mà thần sâu.

Thâm sâu ở chỗ: lời nói tự hủy, tự lời bôi xóa lời. Câu thơ có nghĩa là: tôi vô nghĩa.

Thần sâu ở chỗ: không mấy ai thấy cái chốn thâm sâu.

Thơ Việt Nam nhiều câu hay. Nhưng hay kiểu Bùi Giáng, xưa nay có một.

\*

\*      \*

*Mưa Nguồn*, tên sách là một từ ngữ, hình ảnh thông thường, như trong thành ngữ dân gian, chớp bể mưa nguồn.

Những trận mưa rừng núi là hiện tượng thiên nhiên quen thuộc, có lẽ Bùi Giáng đã nhiều lần chứng kiến cụ thể thời trai trẻ, khi chẵn dế miền trung du Trung Phước, khoảng 1946. Đây là những trận mưa giông lớn, ào ạt đổ xuống rất nhanh, nhất là vào mùa hè, gây ấn tượng mạnh. *Mưa Nguồn* có thể hiểu theo nghĩa đen.

Lại thêm nghĩa bóng: mưa móc, ân sủng dội xuống nơi cội nguồn cuộc sống, ào tuôn, "giáng" xuống một lần rồi thôi, nhưng cũng có thể trở lại, trong lẽ tuần hoàn, như lời chờ mong của Tản Đà: Nước đi ra bể lại Mưa về nguồn, trong *Thế Non Nước*.

Cần hiểu thêm, chữ *Nguồn*, ở quê Bùi Giáng, còn có nghĩa đời sống của dân tộc thiểu số ở miền trung du Trung Bộ, mà Bùi Giáng thường xuyên tiếp xúc. Họ thuộc nhiều chủng tộc, chủ yếu là người Gié Triêng và Ca Tu, mà cuộc đời hoang dã đã tạo ra và lưu lại nhiều ấn tượng sâu xa trong tâm thức Bùi Giáng. Cuộc trao đổi hàng hóa giữa hai miền xuôi ngược – ngày nay gọi là Kinh Thượng – đã để lại câu ca dao:

*Ai về nhẩn với nậu Nguồn*

*Mít non chở xuống, cá chuẩn chở lên.*

Nậu Nguồn là những thương nhân chuyên môn buôn bán với Mạn Ngục. Và ở đây có thể phát âm hai vần ngùn/chùn theo giọng Quảng Nam của Bùi Giáng, cũng như Mưa Ngùn. Như vậy mới kết vần được hai câu ca dao địa phương khác, mà Tế Hanh hay Sơn Nam ưa tham chiếu:

*Chim quỳên xuống đất ăn trùn*

*Anh hùng lờ vắn lên ngùn (nguồn) đốt than.*

Thơ Bùi Giáng, có khi cần phải phát âm theo giọng tác giả, mới thú vị:

*Chén trà sương sớm bên thêm*

*Vừa chờ chim hót vừa thêm chim (chiêm) bao.*

*(Chén Trà, báo Thời Văn, tr. 24)*

Chim hót đối ngẫu với chim (chiêm) bao.

Chữ Nguồn ở Bùi Giáng là một hình ảnh vừa quê mùa vừa uyên bác, tự nhiên mà tinh tế. Gốc Hán Việt là “nguyên”, là nguồn cội, là nguồn sống, là Sơ Nguyên Ngọn Suối: *Con chim diên vì nhớ Suối vô cùng. Suối cũ Suối xanh Suối bờ mọc cỏ. Suối vô vàng em có hai tay Suối mừng nhìn thấy. Suối khóc suốt đêm bảy giờ suối nín...* (Gió Nguồn, Lá Hoa Cỏn, tr. 75).

Suối ở đây là Nguồn Xuân Tinh Thể. Nhưng nói vậy là nói lấp, vì Xuân đã là Nguồn, và Suối đã là Xuân. Tiếng Anh rất hàm súc khi dùng một từ Spring để chỉ Xuân và Nguồn. Trong thơ Bùi Giáng, Xuân đồng nghĩa với Nguồn, như trong tiếng Anh. Nó là cội uyên nguyên có trước Trời Đất, là “cái cửa khe huyền diệu” - “huyền tấn chi môn” theo lời Lão Tử. Chữ “tấn” Ngô Tất Tố dịch là khe, mà có người “cắt nghĩa là giống cái, tức là mẹ đẻ của muôn vật. Đó cũng là một nghĩa”<sup>(1)</sup>.

Có lẽ, từ đó hình ảnh khe, kết hợp với người Nữ, thường xuất hiện nơi thơ Bùi Giáng. Chữ *môn* nghĩa là *cửa* (nhân tạo), linh mục Dòng Tên, Claude Larre dịch là *Porte* (des secrètes merveilles)<sup>(2)</sup> có lẽ, về sau đã gợi ý cho Bùi Giáng làm đoạn thơ nổi tiếng bắt đầu với hai chữ *ngõ* và *cửa*:

*Ngõ ban sơ, hạnh ngân dài*

*Cửa xô còn vọng điệu tài tử qua.*

Niềm vui, nghĩa sống con người đã xô cửa bước ra từ cội ban

<sup>(1)</sup> Ngô Tất Tố, *Lão Tử*, tr. 28, nxb Khai Trí, 1959, Saigon.

<sup>(2)</sup> Lao Tseu, *Tao Te Kíng*, tr. 17, Nxb Declee de Brouwer, 1977, Paris.



sơ ấy, và ngân dài, âm vọng qua lời thơ của người tài tử. Nhưng về sau lại lơ lửng bước bước ra... và tác giả, hay độc giả có thể tùy nghi ráp nối nhiều câu lục bát khác vào đoạn trên, như Tuệ Sĩ đã gợi ý trong một bài báo rất uyên bác, trên báo Văn 1973:

*Ta về ngóng lại mưa sa  
Giọt dài ly biệt nghe ra giọng chào.*

Hoặc:

*Em về giữ áo mù sa  
Trút quần phong nhụy cho tà huy bay.*

Vân vân... Như đã nói: toàn bộ tác phẩm Bùi Giáng có thể xem như là một bài thơ duy nhất, một nét chữ lên đàn quần quanh. Và người đọc lý thú, vì cảm giác tham dự vào cuộc chơi, thậm chí là đồng tác.

Người đời thường trích dẫn mấy câu thơ hay, bề ngoài đơn giản, nhưng kỳ thật là phức tạp:

*Hỏi tên? Rằng biển xanh dâu  
Hỏi quê? Rằng mộng ban đầu đã xa  
Gọi tên rằng một hai ba  
Đếm là diệu tướng, đo là nghi tâm.*

(Chớp Biển, tr. 132)

Hai câu đầu là một hình ảnh từ chương. Câu sau đã khó hiểu hơn: một, hai, ba nghĩa là gì? Hoặc ta cho là thơ cà chớn, không cần tìm hiểu; hoặc ta tìm hiểu và tham chiếu vào *Đạo Đức Kinh*, lời Lão Tử: “Đạo sinh ra một, một sinh ra hai, hai sinh ra ba, ba sinh ra vạn vật”; ý thức con người đang đưa giữa cái *nghi* và cái *diệu*: không *nghi* thì không có *diệu*, không nhờ cái *diệu* thì không giải tỏa được cái *nghi*. Đo và Đếm là hai thao tác của Tâm và Tượng để tiếp xúc và nhận thức ngoại giới: đo cái liên tục và đếm cái gián đoạn. Nhưng còn là, là gì? Là môi giới qua Lời Nói.

Nhưng Lời Nói là gì? Chúng ta trở về vị trí đóng đưa sóng biển giữa Diệu và Nghi.

Hiếu thơ Bùi Giáng không phải lúc nào cũng đơn giản. Mà không hiểu, chưa chắc đã đơn giản.

Bản về một chữ Xuân mà phải dàn xa dặm dài, như vậy phải biết ngừng lời, vì:

*Thưa rằng nói nửa là sai*

*Mùa xuân đang đợi bước ai đi vào*

*Chào Nguyên Xuân, Mưa Nguồn, tr. 25)*

\*

\*      \*

Tháng 5/1969, Bùi Giáng vào dưỡng trí viện Biên Hòa vì bệnh đã từ “cuồng nhẹ chuyển sang cuồng nặng”, các bác sĩ trong viện đã hỏi ông về hình ảnh cô Em Mọi Nhỏ thường thấy trong thơ, và họ kể lại: *“Trong thời trai trẻ, đi kháng chiến, một chiều nọ, mệt, đói, anh đang lê từ bước một với chiếc ba lô khá nặng sau lưng, thì vừa quẹo một bước đường mòn, anh chợt thấy một thiếu nữ thiếu số đang giặt áo bên bờ suối, anh vừa dừng chân thì “bông hoa rừng” nó cũng vừa ngừng tay giặt, mỉm cười với anh, và niêm nở hỏi chào anh. Anh tưởng chừng mình đang lạc vào suối Đào Nguyên, và hình ảnh này vẫn không phai trong tâm khảm”<sup>(3)</sup>.*

Câu chuyện, nếu quả có xảy ra thực cũng nên xem như một giai thoại và một biểu tượng. Người Em Mọi Nhỏ xuất hiện thường xuyên trong đời thơ Bùi Giáng, suốt một nửa thế kỷ khỏi lửa và biển dâu, không dễ gì giải thích được bằng một nụ cười son cước. Cuộc đời, đời ai và đời gì, cũng không đơn giản như vậy và đời Bùi Giáng lại có phần phức tạp hơn bình thường.

---

<sup>(3)</sup> .*Thơ Diệu*, nhiều tác giả, tr. 80, nxb Kí-Gob-Jó-Cà, *Thái Bình Điện Quốc*, Saigon, 1970

Gái Núi, hay Em Mọi Nhỏ, còn có tên Duồng Mô Din, là một ẩn dụ hữu cơ trong thơ Bùi Giáng, và có khả năng cấu trúc thi hứng như một hình ảnh Đầu Nguồn, một Sử Lịch sơ khai, một Suối Xuân diễm tuyệt như đoạn trên đã nói.

Gái Núi là một khai thị, khai tâm, khai tứ, khai từ:

*Em từ Mọi Nhỏ thanh tân*

*Mười hai con mắt thiên thần mở ra.*

*(Mười Hai Con Mắt, tr. 71)*

Mở mắt để tiếp thu mùa Xuân Tinh Thể

*Mọi là Em, Mọi Sơ Xuân*

*Ban Sơ núi đỏ chào mừng non xanh.*

*(Bài Ca Quần Đảo, tr. 34)*

Em Mọi là quần thể, lập thành xã hội sơ khai một ảo ảnh mà nhà thơ đã tiếp thị thời hoa niên, và dần dà ngày một ngày hai đã cấu trúc thành một triết lý uyên nguyên, cấu trúc nguồn thơ và tiềm năng sáng tạo:

*Em ở trong rừng*

*Mọi chị Mọi em*

*Sinh bình quay quần*

*Suốt mấy mùa xuân*

*Một thời thơ dại*

*Em là em Mọi*

*Em ở đâu rồi.*

*(Tặng Em Mọi, Mười Hai Con Mắt, tr. 215)*

Mọi chị Mọi em, vì chi là nhiều Em Mọi.

Kết hợp với mấy mùa xuân, thời thơ dại, hình ảnh Em Mọi ở đây, cũng như ba người con gái chiêm bao ở bờ cỏ Phi Châu ở nơi khác, không phải là hoang tưởng tình ái nam nữ song phương,

kiểu Kinh Thượng giao duyên, như trong những bài hát Bông Hoa Rừng, hay Nụ Cười Sơn Cước.

Thậm chí trong thơ Đinh Hùng:

*Nàng lớn lên giữa mùa xuân hoa cỏ  
Nửa linh hồn u ám bóng non xanh  
Ngoài thiên nhiên nở bùng thân mỹ nữ  
Nàng yêu ta, huyền hoặc mối kỳ tình.  
(...)*

*Chúng tôi gặp nhau bên dòng suối ngọt  
Làm đôi người cô độc thuở sơ khai  
Nàng băng khuâng đốt lửa những đêm dài  
Ta từng buổi bơ vơ tìm bộ lạc  
Nàng là Gái Muôn Đời không đổi khác  
Bộ ngực tròn nuôi dòng sống đương xuân.*

*(Người Gái Thiên Nhiên, trong Mê Hồn Ca)*

Người Gái Thiên Nhiên ở Đinh Hùng là một giấc mơ hiện đại, với bộ ngực tròn trên tấm thân mỹ nữ, như trong những tiết mục trình diễn thi hoa hậu ở Âu Tây.

Nàng băng khuâng đốt lửa những đêm dài là hoang tưởng lãng mạn từ Chateaubriand hồi đầu thế kỷ 19 còn ngân dài qua văn học, đến Đinh Hùng và nhiều tác gia khác.

Nhưng Bùi Giáng đã gặp thơ Đinh Hùng, và thân thiết với cá nhân Đinh Hùng. Bùi Giáng viết nhiều bài khảo luận về các nhà thơ đương thời và quen biết với mình, nhưng dường như chỉ tha thiết với thi phẩm của hai người, là Tuệ Sĩ và Đinh Hùng:

*“Đinh Hùng Mê Hồn Ca muốn nhảy vọt một trận. Ông muốn sống lại tâm tình người nguyên thủy. Ông muốn mang linh hồn nguyên thủy về đối diện với xã hội văn minh...” (Thi Ca Tư Tưởng, tr. 132).*

Tuy nhiên giữa cuộc gặp gỡ đó, có điều khác nhau: Nguyên Thủy trong thơ Đinh Hùng chỉ làm đề tài thi ca, cùng lắm là một ẩn ước. Ở Bùi Giáng là khối ẩn ước, hiểu theo nghĩa đẹp mà Bùi Giáng gọi là Mnemosyne, niềm nhớ nhung sâu kín, nổi u hoài thao thiết, nguồn thi hứng chủ đạo.

Đinh Hùng đã có những câu thơ tình diễm lệ:

*Thương nhau gói trọn hồn trong áo*

*Mất nhau từ trong tà lụa bay.*

*(Hồn Giận, Đường Vào Tình Sầu)*

Những nét diễm tình này, không thấy ở Bùi Giáng, cho dù về sau, Bùi Giáng cũng có vài lời thơ mang âm hao Đinh Hùng:

*Em ở trong rừng một buổi xưa*

*Ngẫu nhiên tao ngộ gió sang mùa*

*Hai bờ lãnh địa đau lòng gọi*

*Sầu suốt giang sơn vọng tiếng thừa*

*Em ở trong rừng em cũng đi*

*Xuân tàn lửa hạ đốt trang ghi*

*Rừng thiêng sự tích mờ vân thạch*

*Vĩnh biệt lâm tuyền em bỏ đi*

*Mất hết rừng xanh suối ngọc rồi*

*Em từng là mọi mộng khơi vơi*

*Rừng xanh nắng biếc em cười nói*

*Một thoáng bình sinh giữa bốn trời.*

*(Em Mọi là Em, Chớp Biển, tr. 84-85)*

Rừng xanh, rừng thiêng, lâm tuyền ở đây không hẹn hò kỳ ngộ như ở Đinh Hùng, mà là nỗi tổn thương không cứu vãn.

Một trần gian lạc dấu Mùa Xuân:

*Còn ngọn suối ngọn sông nào mất ngọn*

*Ngọn nguồn đi trên không ngọn không nguồn*

*Tôi leo mãi những ngọn đồi xa ngọn  
Về xa xuôi những thung lũng xa nguồn*

*Nằm giữa phố giữa trưa tôi về bóng  
Con chuồn chuồn cuối hạ đón đầu thu  
Con châu chấu cuối thu về lóng cồng  
Sắp sang đông từ giá nguyệt hư phù.*

*(Bài Thơ Hay Nhất. Chớp Biền, tr.87)*

Ở đây, một năm chỉ còn lại ba mùa, vì rừng đã thiêu rụi mùa xuân:

*Em là Em Mọi  
Xưa ở trong rừng  
Nay rừng cháy hết  
Em lạc ở đâu*

*(Tặng Em Mọi, Mười Hai Con Mắt, tr. 214)*

Trong chủ đề Người Em Mọi, đời sống sơ nguyên, *Mê Hồn Ca* của Đinh Hùng không mang lại ảnh hưởng gì cho nguồn thơ Bùi Giáng lúc đó đã định hình, vững chắc, nhưng có lẽ đã vun đắp thêm vào niềm tự tin trong thi hứng của Bùi Giáng.

Trường hợp tư tưởng Phương Tây, như của Heidegger, có lẽ cũng tác dụng như vậy, khi Bùi Giáng tiếp cận Heidegger. Triết gia Đức này bình luận thơ Holderlin, đề cập đến nguồn gốc vũ trụ, thời Hỗn Mang (Chaos) và Định Danh (Nomos) và Tính Hoang Dã Thần Thánh (sainte sauvagerie) đâm chồi nảy lộc, những hoang dã linh thiêng (sauvageries sacrées), hoang dã vụng về trong thi tập *Les Titans*<sup>(4)</sup>

Và có lúc, Bùi Giáng đã đẩy niềm u hoài tiền sử của mình lên

---

<sup>(4)</sup> Martin Heidegger, *Approche de Holderlin*, tr. 81, nxb Gallimard, 1962, Paris.

xa hơn nữa trong thời gian, qua hình ảnh Đuôi Uoi – người chưa thành người:

*Ta về rũ áo đuôi uoi*

*Trút tờ phong nhả cho người phụ nhau.*

(*Ta Về*, Thơ Bùi Giáng, tr. 19)

*Đi vào cảnh giới si mê*

*Gọi đuôi uoi dấy răng nhe ra cười.*

(*Nhe Răng U Buồn*, trong *Sa Mạc Trường Ca*)

Bùi Giáng có bài thơ tổng kết đời mình:

*Ấy là thơ thuở chưa điên*

*Ở trong dấu ngoặc quàng xiên reo cười*

*Bây giờ xoang điệu đuôi uoi*

*Điệu hoa lầu các ngậm ngùi dấn thân.*

(*Thuở Chưa Điên*, Thơ Bùi Giáng, tr. 86)

Hai chữ Đuôi Uoi ở đây sao mà bùi ngùi, thê thiết!

Đuôi Uoi Thi Sĩ, nhiều lần Bùi Giáng tự xưng như thế, để bày tỏ niềm hoài vọng tìm lại thiên tính của con người, khi chưa lập thành xã hội, trong cõi trời đất Sơ Nguyên.

Thuở Uyên Nguyên ấy, là Mùa Xuân của Đất Trời, Mùa Xuân của Con Người.

Nói chuyện Mùa Xuân trong thơ Bùi Giáng mà chưa lên tận Ngọn Nguồn để diện kiến Đuôi Uoi, thì chưa vui.

\*

\*

\*

Viết đến đây, chợt về đôi kỷ niệm, chung quanh ngày Tết và Mùa Xuân, hiểu theo nghĩa thông thường, không ẩn ý hay biểu

tượng, triết lý gì. Ba ngày Tết, ba tháng Xuân, và hình ảnh Tuổi Xuân, như một cành hoa mai, nở một lần trong thơ Bùi Giáng:

*Xuân này em có về không  
Nhành mai cố quận nở bông dịu dàng.*

*(Thơ Bùi Giáng, tr. 85)*

Tiếp theo là một hình ảnh khác của ngày Tết Nguyên Đán:

*Mỏng ba Tết ra đường con gặp  
Một trẻ em đi bán đậu phụng rang  
-“Thầy mua giúp! Đậu năm, dịp Tết”  
Con mua nhiều, rồi nước mắt chứa chan  
Vì con biết ngày Mỏng ba một dịp  
Không còn về cho bao đứa trẻ con  
Bán đậu phụng hay lau giày lau dép  
Đã lang thang đầu gối rụng mồi mòn.  
(...)*

*Hỡi Thượng Đế! Cúi đầu con thưa lại  
Ở trần gian ai cũng khổ liên miên  
Người đã dựng cảnh tù đày dọa mãi  
Để làm gì? Cho sáng nghĩa Vô Biên?*

*(Chớp Biển, tr. 127-128)*

Bài thơ hé mở một góc độ khác trong tâm hồn Bùi Giáng: khía cạnh xã hội, nhân đạo trong thơ ông, xuất hiện ngay ở tập thơ đầu, nhưng càng ngày càng rõ nét về sau. Nhất là từ khoảng 1970, trong đời sống lang thang bên hè phố, ông chung đụng với nhiều lớp người cùng khổ, chủ yếu là trẻ em nghèo khổ và cô cút, mà ông rất mực yêu thương, chia sẻ từng miếng cơm manh áo. Đây là thời gian ông ý thức rõ tình người trong cơ khổ:

*Anh vẫn tưởng đầu đường thương xót chợ,  
Ai có ngờ xót chợ cũng thương nhau*



*Ôi đầu đường ôi xó chợ nơi đâu  
Là nơi đó chốn kia anh rất rõ  
Trong máu me từng khoảnh khắc sơ đầu.*

*(Anh Văn Tường, Bài Ca Quần Đảo, tr. 4)*

Trong cảnh dân tộc điêu linh và xã hội lâm than, thì những phong tục ngày xuân trở thành vô nghĩa:

*Mỗi mùa xuân lá trở bông  
Quên tờ cung chúc cũng không hề gì*

*(Huế Lâm Thơ, Bài Ca Quần Đảo, tr. 44)*

Trong chừng mực nào đó – xin nói rõ: trong chừng mực nào đó – Bùi Giáng thuộc về thế hệ thanh niên không có mùa xuân, mà Tạ Ký (1928-1979), một nhà thơ xuất xất đồng tuế và đồng hương với Bùi Giáng, gọi là Thế Hệ Bốn Lăm:

*Chúng tôi:  
Thế hệ bốn lăm  
Vui chưa bao nhiêu, nhiều lúc khóc thầm  
Một phần tư thế kỷ  
Bốn lăm! Bốn lăm  
Nhưng kẻ ra đi, những kẻ đang nằm  
Nhưng kẻ chết, những kẻ còn vất vưởng.*

Có lần nhà thơ Tạ Ký mô tả làng Trung Phước quê hương mà Bùi Giáng gọi chung là Cổ Quận, chìm trong khói lửa:

*Con lạc mẹ, bao đêm chồng khóc vợ  
Mãng bẻ rồi, tre không kín niêm quê.*

Và ngày Tết, mùa Xuân với thế hệ ông:

*Cười nghiêng núi thắm xuân gian khổ  
Khóc đứng quê xa tết dạn dày.  
(...) Có những con người không nói hết  
Cầm cầm thế sự nhieu đôi mây*

*Cố tri dầm dĩa nghèo xơ xác  
Ấn chực nằm chờ khắp đó đây.*

Nhà văn Võ Phiến, trên báo *Bách Khoa* 1963, trong bài viết về Đỗ Tấn, cùng quê, đã mô tả thế hệ này, trong đó có mình: “*Chùng ấy biến đổi dập dòn vào một thế hệ (...) mới lớn lên đã gặp ngay cơn biến động. Trong những năm đáng lẽ nồng nhiệt hăng say nhất của đời họ, thì một niềm tin vừa nhóm lên liền bị phá vỡ, một giấc mơ vừa thành hình vội vàng bị đánh tan. Hy vọng nổ tan tành, liên tiếp, dễ như quả bóng cao su xanh đỏ của trẻ con*”<sup>(5)</sup>.

Di nhiên đây là tâm trạng của một lớp trung niên thi sĩ, ở vào một địa phương, chúng ta không nên khái quát. Thiên hạ thiếu gì người lập thân, lập công, lập danh, lập tài sản, nhờ vào cái mà Võ Phiến gọi là “biến động”, người khác gọi là Lịch Sử, và Bùi Giáng gọi là Sử Lịch.

Nhà thơ Hoàng Trúc Ly, trong lứa tuổi đó, và thân thiết với Bùi Giáng, có câu thơ được truyền tụng một thời:

*Mùa Xuân còn gì thừa em  
Sáu dây rét mướt chưa mềm trắng khơi.*

Và Phạm Công Thiện cũng gần gũi với Bùi Giáng, năm 1964, dạy học ở Đà Lạt, có bài thơ Xuân được bạn bè yêu thích:

*Mùa Xuân bay thành khói  
Tôi ca hát một mình  
Suốt đời không biết nói  
Nước chảy tràn con kinh.*

Tạ Kỳ lúc ấy cũng dạy ở Đà Lạt, rất thích bài thơ này, nhưng bực mình khi nghe một bài hát thời thượng, phổ nhạc thơ Kim Tuấn:

---

<sup>(5)</sup> Võ Phiến, *Văn Học Miền Nam, Thơ*, tr. 2855, Văn Nghệ, California, 1999.

*Anh cho em mùa Xuân  
Nụ hoa vàng mới nở  
Mùa Xuân nào nhưng nhớ (...)*

Ông bực vì cho là thơ xạo và xảo, vì anh làm quái gì có mùa Xuân mà cho ai, hay cho em? (dù rằng ở cõi đời này, yêu nhau có khi là cho nhau những cái mình không có).

Trong tâm trạng này, Tạ Ký có bài thơ *Xuân* tặng Phạm Công Thiện:

*Trời mùa đông rừng núi  
Đời mùa đông vô cùng  
Hút thuốc trong bóng tối  
Khói có bay lên không?<sup>(6)</sup>*

Vào thời điểm ấy, Đà Lạt 1964, Phạm Công Thiện có đọc cho tôi nghe câu thơ mới làm:

*Cô đơn về trắng sương rừng  
Tôi nghe tiếng hát hoang đường nửa đêm.*

Pháp, 1984: bài thơ được in lại trong một album đẹp mà anh tặng tôi. Câu thơ xưa đôi lốt:

*Rắn trườn vờ trùng chim rừng  
Tôi nghe tiếng hát hoang đường nửa đêm.*

Rắn: vì tác giả tuổi Tỵ (1941).

Giữa hai thoại, không biết câu nào hay hơn. Tôi kể lại chuyện này, vì thấm thoát đã tròn hai mươi năm. Và bốn mươi năm.

Đây là thời gian chúng tôi bắt đầu tiếp cận thơ Bùi Giáng.

Một mùa xuân xa...

Xa.

\*

\*      \*

---

<sup>(6)</sup> Tạ Ký, *Thơ*, tr. 82, 86, 72, 30, nxb Hồng Nguyên, California, 2001.

Bùi Giáng là một nghịch lý.

Ông là một tác giả hàng đầu, một nhà thơ lớn trong văn học Việt Nam hiện đại, đã sống, làm thơ và qua đời, bên lề dòng văn học chính thống. Rồi trong những điều kiện lịch sử nhất định, thơ ông được truyền tụng, truyền khẩu, tạo nên một hiện tượng xã hội và chính trị Bùi Giáng, vào ba thập niên cuối cùng của thế kỷ hai mươi.

Tác giả Bùi Giáng, và nhà thơ Bùi Giáng đích thực, bị chen lấn giữa những huyền thoại Bùi Giáng. Và những kẻ mẫn yêu Bùi Giáng đầy thiện chí, đã nhiệt tình viết bài ca ngợi, càng làm rối mù thêm tọa độ của ông trên văn đàn, thêm phần tư chỉ rối chiêm bao.

Bùi Giáng cả đời chăm chỉ đặt hai bàn chân, chân trái và chân phải, bên lề chính trị và xã hội, nhưng đã lừng danh - phần nào đó - nhờ những điều kiện xã hội và chính trị. Đây là một nghịch lý, giới hiện sinh một thời có thể gọi là phi lý.

Bài này dĩ nhiên là không có tham vọng giải quyết nghịch lý nói trên. Nó thoát tiên chỉ là một bài báo Xuân. Nhưng lần theo ý xuân đến thượng nguồn thơ Bùi Giáng, người đọc có thể tìm lại được một trong nhiều sợi tơ mảnh xuyên qua thi phẩm và tư tưởng Bùi Giáng.

\*

\*                      \*

*Niềm xuân cố quận tề tề / Được chẳng góp nhặt lời quê đông  
dài...*

*Người rằng:*

*Nói nữa là sai*

*Mùa Xuân đang đợi bước ai đi vào.*

## HỒN QUÊ TRONG THƠ BÙI GIÁNG<sup>(\*)</sup>

Bùi Giáng xuất hiện trong nền thơ ca VN như một hiện tượng kỳ lạ và độc đáo. Từ thuở sinh tiền cho đến khi ông nằm xuống, người ta đã nói, đã viết về ông quá nhiều.

Và ắt hẳn người ta vẫn còn viết và nói mãi về ông một khi mà “chân diện mục” của ông vẫn còn bị che khuất đằng sau biết bao giai thoại, sau biết bao sáng tác chứa đầy những lộng ngôn hí ngữ, thậm chí sau rất nhiều bài nghiên cứu nghiêm túc.

Hầu hết những người tìm hiểu về Bùi Giáng và viết về Bùi Giáng, dầu nhiều thiện chí đến mấy, cũng thường bị mê hoặc bởi các sáng tác, bởi các dịch phẩm, bởi những bài thơ ông viết ở giai đoạn phiêu bồng bốn cột, đem ngôn ngữ vào cuộc hí lộng, rồn đùa, khi mà cuộc đối thoại mà ông tha thiết muốn mở ra lại bị dập tắt trước khi khởi đầu!

Chính trong nỗi cô đơn khôn cùng, ông đã cuồng điên đem hết thiên tài mình tung hê ngôn ngữ, làm trò phù thủy với thơ ca và triết học. Ông nói về F. Nietzsche mà cũng chính là nói về mình: *“Cái kẻ dưng dưng như hươu non đánh chịu bóp chết lòng mình để rống to như thú dữ. Nhưng lập tức lời nguyên rủa bốn phía vang lên. Và Nietzsche đã điên. Trước Nietzsche mấy chục*

---

(\*) Bài đăng trên *Kiến thức ngày nay và eVan*.

Huỳnh Ngọc Chiến - nhà văn, dịch giả, quê Quảng Nam, hiện sống tại TP Hồ Chí Minh.

*năm, Hoelderlin cũng đã điên. Cùng với bao kẻ khác đã điên. Để ngày nay... Để ngày nay chúng ta tụ hội về đây xôn xao nêu câu hỏi: Có sao mà điên? Nêu một cách rất ngây thơ tròn trĩnh".* (Martin Heidegger Và Tư Tưởng Hiện Đại - *Lời tựa*).

Một điều oái oăm là rất nhiều người nghiên cứu về Bùi Giáng đều đem các tác phẩm đó ra để làm cơ sở cho các bài biên khảo của mình, xem như đó là những tác phẩm chính thống đại diện cho tiếng nói của Bùi Giáng! Có lẽ chúng ta đã bị choáng ngợp bởi kiến thức của ông về thi ca và triết học Đông Tây và bởi cái lối hí lộng ngôn từ không mấy ai hiểu rõ. Chúng ta đã làm những hoàng đế còi truồng và vô tình đã để những *Con Đường Ngã Ba, Lời Cổ Quận, Đường Di Trong Rừng, Sa Mạc Phát Tiết, Sa Mạc Trường Ca...* với những loại ngôn ngữ đại cà sa lẫn át những lời thơ đậm nhiên bình dị mà mệnh mông của *Mưa Nguồn*, của *Cõi Người Ta*, của *Hoàng Tử Bé...*

*Mưa Nguồn* ra đời đã hơn một phần tư thế kỷ. Thời gian trôi qua, bão giông đời lắt dui, chúng ta giờ đây có điều kiện thử thông thả đem một chút tâm tình người nông dân quê hương xứ Quảng của ông để lắng nghe tiếng nói thiết tha của lời thơ đậm nhiên trong *Mưa Nguồn*. Và tôi dám nói rằng, đó chính là nơi mà tinh hoa ông phát tiết ở độ sung mãn. Toàn bộ tác phẩm *Mưa Nguồn* là một khối toàn bích, rất khó lòng trích ra dăm ba câu để phẩm bình theo thể lệ biên khảo. Đó là tiếng nói thiết tha với cỏ hoa hồn du mục của người sống trong cảnh giới mù sương nội cỏ:

*Én đầu xuân, tuyết đầu đông*

*Rừng cô tịch ngóng nội đồng trở hoa*

Quê hương ông thuộc miền trung du xứ Quảng - một trong những xứ nghèo của miền Trung - nơi mà những con lũ trên non hằng năm vẫn chảy về xuôi, cuốn trôi phăng đồng. Những dòng nước đục cuộn qua, vườn tược tiêu điều và lòng người thê thiết lắm:

*Một bờ dương xếp bến sau  
Nước vẫn vũ đục nghe đau lá vườn  
(Thiếu Phụ Trở Về)*

hay

*Em về ở lại đây thôi  
Nghe mùa nước lũ nguồn trôi phăng đồng  
Một trăm cây lá bên rừng  
Gửi trong tiếng vọng xa chừng ngàn mây  
Mười con xóm nhỏ bên này  
Nhắc nhau nhớ lại cái ngày bên kia  
(Tiếng Vọng)*

Nhớ lại cái ngày bên kia? Cái ngày lênh đênh, trôi dạt qua làng bên tránh lũ cùng cô thôn nữ xinh xinh? Cô mang về rất nhiều hương vị mệnh mông của rừng suối, huyền bí của khói mây? Và để hồn thơ ai cứ mãi mơ màng:

*Người xuống theo dòng trôi nước lũ  
Màu sim màu móc núi sương mây  
Suối đá gặp ghềnh hôm sớm tụ  
Khói mù mịt thổi xuống đôi cây  
(Người Xuống)*

Người dân quê Việt Nam, nhất là người dân quê xứ Quảng Nam nghèo nàn của miền Trung sỏi đá, vốn luôn chịu khó chịu thương hai sương một nắng, sống trọn cùng thiên nhiên và vui buồn cùng trời đất. Mồ hôi đổ xuống lưng cây và kết tinh thành những lời ca dao tha thiết. Tâm hồn Bùi Giáng vẫn là tâm hồn của người nông dân chân chất, nên lời thơ ông vẫn mệnh mang như ca dao trên bãi lúa nương dâu. Và thiên nhiên đó đã mang trọn tâm tình con người mà hòa tan vào viễn tượng mệnh mông:

*Viết thơ lạc dấu sai dòng  
Viết trong tức tưởi sợ đồng lúa mong  
Nước xanh lên đợt dòng dòng  
Ngày mai sẽ mất hạt lòng thơ ngây*  
(Ca Dao)

*Một tiếng nói một nụ cười chột tất  
Hết mấy phen buồn trở lại bên đời  
Đồng ruộng cũ màu trôi trong cỏ nhạt  
Dưới bình minh rạ xám gốc tro phơi*  
(Người Đi Đất)

Nhà thơ mở đôi mắt hoang mang nhìn đất trời với tất cả nỗi ngạc nhiên hốt hốt của con người Sơ Thủy. Và tình yêu, từ đó, cũng hòa tan trong viễn tượng mệnh mang kia để biến thành man mác tuyết sương.

*Những nhịp bước bên đường còn dội mãi  
Vang về đâu không vọng lại hồi âm  
Của réo rất riêng một lần mãi mãi  
Gió phương trời ủ mộng giữa hoa tâm*  
(Chiều)

*Mù sa thấp rừng mai xưa lơ hện  
Xuống thôn làng ngó lá rụng ven khe  
Mùa tháng chạp chim trời xa lơ hện  
Với sông Thu từ một buổi bay về*  
(Hang Rừng)

Tâm hồn nhà thơ mở rộng ra đón nhận mọi viễn tượng kỳ diệu của thiên nhiên để nó trở thành lẽ sống và lẽ chết của chính mình. Cái cùng cực phức tạp cũng ở nơi thơ ông, cái cực kỳ đơn giản cũng ở nơi ông.



*Mây đứng lại chân trời phủ khói  
Dòng sông đi đò bến đợi ngu ngơ  
Chiều trời đẹp tâm tình em không nói  
Đất với trời chung một nghĩa bơ vơ*  
(Không Dù Gọi Một Lần)

*Bờ mây trắng dựng cuối trời bóng dáng  
Của ban sơ hoài vọng giữa nhân gian  
Lòng vạn vật mơ màng chiều qua sáng  
Em về nhanh cho mây trắng buông màn*  
...  
*Còn hay mất? Ngày sau ta sẽ lại  
Em sẽ về giữa mùa nước trắng phơi*

(Bờ Mây)

Thiên nhiên ở miền trung du xứ Quảng trong *Mưa Nguồn* là thiên nhiên nằm trong viễn tượng mệnh mông của *Phusis* Hy Lạp Nguyên Sơ. Ông Heidegger đã dành những trang tuyệt vời để diễn giải về *Phusis*, báo rằng: “Người Hy Lạp đã không khởi đầu bằng cách y cứ vào các hiện tượng tự nhiên để thể hội *Phusis* (Thiên nhiên) mà trái lại chính nhờ y cứ vào nền tảng của một thể nghiệm căn cơ trầm tư thơ mộng về Hằng Thể mà họ thấy khai mở trước mắt họ cái mà họ gọi là *Phusis*” (*Introduction à la Métaphysique*).

Cái gọi là “*Một thể nghiệm căn cơ trầm tư thơ mộng về Hằng Thể*” - *une expérience fondamentale poétique et pensante de l'être* - chính là hồn thơ mệnh mông nằm trong *Mưa Nguồn* của Bùi Giáng. Ông cũng từng nói: “*Nếu ta không thực hiện nối cội nguồn trường mộng ở nội tâm thì triết học không thể nào tiếp xúc được với căn cơ chân chính của nó, dù ta có lú lo trong học hiệu phù hoa với bao nhiêu giọng điệu*” (M.Heidegger *Và Tư Tưởng Hiện Đại*, tập 1).

Tùng hòn đá bờ khe, từng chân mây mái rạ, từng con kiến, con chuồn chuồn châu chấu, từng bóng nắng chiều, từng bờ sông bóng mạ... tất cả những hình ảnh thân thương và thân quen của hồn quê xứ Việt đều mang trọn tâm tình con người mà hóa thân vào thơ ông rất mực phiêu nhiên:

*Nhìn, em nhé, bên bờ kia gió thổi  
Lá xanh vườn theo cỏ mượt ngân nga  
Tơ vi vút một đời thương nhớ tuổi  
Của trắng rằm xuống độ dấm bên hoa*

*(Bờ nước cũ)*

*Đó chẳng phải là thiên nhiên hiển lộ  
hay linh hồn Physis mở phơi sao?  
Em về bủa rộng chiêm bao  
Buồn sông bóng mạ chìm sâu bên dòng*

*(Sầu Ca Sĩ)*

Trong lời tựa cho tác phẩm *Martin Heidegger và Tư Tưởng Hiện Đại* - một tác phẩm biên khảo chính yếu của mình, Bùi Giáng có nói: *"Phần tâm hội phải được chiêm niệm theo điệu tâm hội. Và dòng lor lừng của Mưa Nguồn đã bóng bẩy làm việc đó theo nhịp vô-vàng-cổ-độ-Á-Đông"*.

Để rồi sau này, khi rời bỏ quê hương vào Nam, hình ảnh quê hương cứ như một nỗi ám ảnh ray rứt trong ông:

*Chiều hôm đếm lá cây roi  
Bên đèn phố thị thương đôi núi xa*  
*(Chiều Hôm Phố Thị)*

*Bây giờ tôi đã quên xưa  
Sài Gòn cảm dỗ tôi chưa chịu về*  
*(Ca Dao)*

Tôi nghe kể rằng, thuở sinh tiền, nhân dịp coi trực tiếp truyền hình World Cup, ông có ngẫu hứng làm một bài thơ:

*Kể từ ngẫu nhĩ tồn sinh*

*Ngồi xem trực tiếp truyền hình đá banh*

*Bắc thang lên hỏi Trời Xanh*

*Sao không trực tiếp phát thanh Mưa Nguồn?*

Mưa Nguồn đâu không được “Ông Trời Xanh” “phát thanh” như ông hằng mong ước, nhưng những lời thơ ông rồi sẽ kết tập vô số dư vang mà ngày sau hậu duệ của ông sẽ âm thầm thể hội.

## MỘT THỬ NGHIỆM ĐỌC THƠ BÙI GIÁNG<sup>(\*)</sup>

*Hỏi tên, Rằng biển xanh đâu*

*Hỏi quê, Rằng mộng ban đầu rất xa...*

Bùi Giáng

Vào những thập niên cuối thế kỷ 20, hội họa liên tiếp thay đổi, từ Pop Art phản ứng lại Trừu Tượng Biểu Hiện (*Abstract Expressionism*), rồi hội họa Khái Niệm (*Conceptual Art*) lại phản ứng, và đưa ra một quan điểm mới: Nghệ Thuật Về Ý Tưởng. Một tác phẩm nổi tiếng của Joseph Kosuth, vào năm 1965, *Một Và Ba Chiếc Ghế*, chỉ đơn giản là một chiếc ghế xếp bằng gỗ, một bức hình chụp chiếc ghế đó, và phóng ảnh lớn một paragraph trong tự điển, định nghĩa chữ ghế.

Bức tranh đã tạo ra cho người thưởng ngoạn một xúc động mạnh, và đưa ra nhiều vấn đề của nghệ thuật. Trong ba chiếc ghế đó, chiếc nào là chiếc ghế thật? Và ý nghĩa của nó là gì? Không ai có thể biết chắc vì chiếc nào cũng có thể thật và không thật. Và mỗi người bằng cảm quan của mình có thể tìm ra một ý nghĩa, và

---

(\*) Bài đăng trong *Tân hình thức, Từ khúc và những Tiểu luận khác* (Tiểu luận, California 2003), [thotanhinhthuc.org](http://thotanhinhthuc.org).

Khế Iêm - nhà thơ, sinh tại Nam Định, học Luật tại Sài Gòn, hiện sống tại California, Hoa Kỳ.

cũng không chắc đâu là ý nghĩa thật. Ý nghĩa vượt khỏi tầm bắt, ý nghĩa vắng mặt. Ý nghĩa vắng mặt không phải là không có ý nghĩa. Giống như khi đọc những trang sách, nhưng chẳng thể cứ đọc mãi. Phải gấp lại, còn thì giờ để thở, để sống. Nhưng nếu không đọc nữa, những trang sách vẫn còn đó, chờ đợi chúng ta quay tìm lại. Và thời đại của chúng ta, quả thật là thời đại sẵn lòng ý nghĩa, như nhà điêu khắc Jerry Joslin muốn dành sự giải thích tác phẩm ông cho người thưởng ngoạn, vì họ có thể đọc ra được điều gì khác.

Bức tranh phá vỡ lần ranh giữa hội họa và điêu khắc, ra ngoài khung bố và màu sắc - bước vào thực tại. Ngôn ngữ hội họa không còn là màu sắc mà là những đồ vật thường ngày. Nhưng vấn đề là làm sao biến những đồ vật thường ngày trở thành ngôn ngữ là một điều khó, tùy thuộc vào tài năng của người nghệ sỹ. Ở đây, chúng ta đã nhìn ra sự hóa thân của ngôn ngữ, và chính nó tạo nên nghệ thuật.

Từ những ý niệm sơ khởi đó, quay về với thơ. Và cũng như hội họa, chúng ta cần một tác phẩm nào đó, để đối chiếu, thử làm một cuộc truy lùng như thế. Và cũng như những thử nghiệm thơ, đây là thử nghiệm đọc. Tác phẩm *Chớp Biển* của Bùi Giáng, do gia đình và thân hữu in từ Canada (Vinagraphics), kỷ niệm 70 năm sinh, là một tác phẩm thích hợp. Thích hợp vì không giống với bất cứ tuyển tập nào của Bùi Giáng từ trước tới nay, kể cả những tuyển tập được in mấy năm gần đây. *Chớp Biển* tạo nên ấn tượng làm người đọc phải liên tưởng tới *Mưa Nguồn*, bởi vì người tuyển chọn, như một cố gắng muốn đưa Bùi Giáng tới gần người đọc, và hình dung lại chân dung Bùi Giáng. Nếu *Mưa Nguồn* với giọng thơ gân guốc và nhiều chất điền dã, thì *Chớp Biển* như một tiếp nối đậm thắm, tưởng như hai giòong thơ ấy chẳng hề có đứt quãng. *Mưa Nguồn* in năm 1962, là tác phẩm đầu tay, đến nay đã

35 năm. 35 năm coi như đã đủ để nhìn ra một cuộc đời thơ, một hành trình thơ với bao nhiêu tang thương biến đổi. Có thể nói, *Chớp Biển* là tập thơ đi tìm lại *Mưa Nguồn*, những bài thơ đi tìm lại những bài thơ tiền thân. Mà ở khoảng thời gian giữa đó, như nhà phê bình Nguyễn Phan Cảnh, trong bài *Số Phận Bùi Giáng* đã viết: “Bùi Giáng thuộc số rất ít những nhà thơ thiên phú, đã được/bị lịch sử chọn để di truyền gien thơ dân tộc, phải vương cho hết tơ rồi có thác mới được thác. Vì vậy, việc giữa đường đứt gánh...’ thơ một cách không bình thường của anh vào thập niên sáu mươi rất có thể là một cách đã được chương trình hóa như thế nào đấy để chặn lại mạch thơ anh, một mã-khóa như thế nào đấy mà hiện nay chúng ta chưa đọc được”. Như vậy thì vấn đề Bùi Giáng là đi tìm cái mã khóa để mở ra một giòng thơ mà bấy lâu nay vẫn đóng kín, và cái khoảng thời gian giữa đường đứt gánh ấy lại là khoảng thời gian có một ý nghĩa lớn lao trong cuộc đời thơ và cả cho sinh mệnh của giòng thơ Việt.

Nắm lấy, bắt mạch, hoán vị, trực xuất, phá hủy, viết lại bài thơ, như những nốt nhạc dấy lên từ ký ức, đưa bản văn từ bóng tối ra ánh sáng, từ vắng mặt thành có mặt. Bởi ký ức làm cho sự vắng mặt có ý nghĩa. Và như thế, ý nghĩa bài thơ là bài thơ khác, mà người đọc, đọc ra ở đằng sau bản văn. Bởi bài thơ chỉ hoàn tất khi nó được đọc, nếu không thì vẫn cứ mãi ở tình trạng dang dở. Nhà thơ dang dở với thơ, và thơ dang dở với nhà thơ.

*(Trong bài này, người viết phát biểu theo quan điểm của mình, tác phẩm lên tiếng, và người đọc là trung gian đánh giá và góp ý, tương tự như kiểu đối đáp trong thoại kịch, dù chỉ trên mặt giấy. Như vậy, người đọc có thể tìm ở đây, ít ra, một giá trị giải khuây nào đó. Bởi một điều, nếu trong sáng tác, chúng ta luôn trông chờ một điều gì mới, thì trong cách viết và đọc, cũng phải thay đổi một chút, cho trạch di, và người đọc có thể tham dự trực*

*tiếp để thơ có nhiều lối nhìn, nhiều cách soi rọi. Người viết có thể sai lầm, nói ra ngoài tác phẩm, người đọc điều chỉnh lại; và mặt khác, người đọc cũng có thể bước ra ngoài bài viết và tác phẩm để tìm kiếm một điều gì khác. Những bài thơ trích dẫn, không hẳn là tiêu biểu, vì đằng sau đó là trùng điệp thơ; và chỉ là cái cớ, đẩy người đọc đi tìm lại một dòng thơ... như thác đổ từ nguồn, hãy cứ để nó chảy lai láng, cuốn ta đi, và sau đó, trong khoảng khắc tình cờ, ta nhận ra nó, nó nhận ra ta. Như vậy không phải là điều thú vị lắm hay sao? Chú thích này trong bài, xin như một đoạn nhắc tưởng về vị trí của mỗi phía tham dự.*

## RUỢU UỐNG

*Thưa em rượu uống bây giờ  
Là trăm năm gục hai bờ tử sinh  
Động hồ hững Chúa điều linh  
Em làm Hoàng Hậu mộc tinh cỏ phơi  
Nhà ma cửa quỷ đi đời  
Chim hơi thở đục trong lời sương xanh  
Cần khôn xiêm mỏng che mảnh  
Về trong thiên hạ em thành thiên thâu*

*Thưa em rượu uống bây giờ  
Là thiên cổ lụy còn tro bên mình  
Tài hoa tiếng vọng điều linh  
Phạm Đan Phượng chết theo Quỳnh Như sao  
Thưa em từ bữa nghiêng chào  
Chóm trang đầu chọt sóng trào trường giang  
Em đi rắc lá bên đàng  
Cỏ xanh rì mọc suốt cần khôn kia*

Mùa xuân mưa rười ruộng lia  
Về trong nắng hạ mép bìa sai bâu

Thưa em rượu uống bây giờ  
Là trong lát nữa lên bờ đuổi ma  
Chạy quanh cồn cụm lá già  
Rách như bướm suốt ruộng sa mạc đồng  
Cần khôn gió đổ chất chồng  
Rú như beo rống như hùm đối hang  
Trên rừng dưới lòng tan hoang  
Vẫn sừng sững bóng chắn ngang quỹ sấu

Thưa em rượu uống bây giờ  
Là trong lát nữa trắng mờ hời ma  
Hồn mang về giữa hiên nhà  
Bây giờ cố quận tên là chiêm bao  
Nhìn nhau trong lũy ngoài hào  
Lời phôi dụn một điệu chào di sai  
Trên đầu thế kỷ chia hai  
Nguồn man mát lạnh tìm ai bây giờ

Thưa em rượu uống bây giờ  
Là thiên thu lại còn tro hận trường  
Cầm chung dẫu biển khôn lường  
Chân trời mộng lý con đường chia ba  
Nam đình doanh trại dần qua  
Trống chầu trùng ngộ thưa là không mong  
Hoạt tồn phát tiết sấu đông  
Tràng giang thế kỷ xô dòng xuống lên



Thơ Bùi Giáng là cuộc vận chuyển không ngừng của ngôn ngữ. Và khi chuyển động, nghĩa của chữ chưa kịp xuất hiện thì ngay tức khắc bị chữ khác thay thế. Cứ như thế, thơ truy lùng thơ, ngôn ngữ truy lùng ngôn ngữ, và bài thơ này trùng lấp vào bài thơ khác. Nghĩa chữ chồng chất lên nhau, chữ này ẩn vào trong hay bị bao trùm bởi chữ khác, của bài thơ khác. Ý của thơ không còn nguyên rỗng - bất định và ảo hóa. Đi tìm lại tiền thân, nhưng cũng chẳng ai biết bài thơ nào là tiền thân của bài thơ nào. Thơ ở trên trời dưới đất, muốn đọc thì với lấy, nhặt lên, bất chợt và tình cờ, chẳng thể chọn lựa, chẳng thể dừng lại vì vòng quay có bao giờ dừng lại.

Trong lịch sử thơ Việt, chưa bao giờ lại có cuộc luân vũ mãnh liệt đến như thế, của ngôn ngữ. Và thơ, phải chăng, không nằm ở chính ngôn ngữ, mà ở khoảng khác bốc hơi của ngôn ngữ, và chúng ta có thể tạm gọi cho đơn giản là quy trình hóa thân của ngôn ngữ. Bài thơ chẳng còn ở quá khứ hay hiện tại (và cũng chẳng phải tương lai) mà là tiến trình của thời gian. Và người đọc được mời gọi, nhập vào tiến trình ấy, để cùng hoàn tất thơ. Thơ làm khó diễn dịch và giải thích, vì vậy, chỉ còn lại người đọc và tác phẩm. Ngay tác giả cũng mờ nhạt trong định mệnh của vòng chơi. Nhưng không phải vì thế bài thơ không cần diễn dịch; sự diễn dịch cần thiết vì nếu nó kéo người đọc càng lúc càng xa tác phẩm, xa cách thơ, thì sẽ tạo nên phản ứng và nỗ lực làm người đọc tìm cách đến gần tác phẩm. Freud, khi đề cập tới việc đọc một tác phẩm văn học, cho rằng, đọc là phát hiện diễn tiến hóa thân của những yếu tố làm nên tác phẩm. Như vậy, ý nghĩa của bài thơ không quan trọng, mà quan trọng là cách nó tạo ra ý nghĩa.

Nếu ngôn ngữ là hệ thống những ký hiệu, có nghĩa là sự tập hợp nhiều ký hiệu tạo nên ngôn ngữ, thì ngôn ngữ hẳn phải được

nhìn theo một cách nhìn khác. Roland Barthes cho rằng, quần áo, quảng cáo, những hoạt động thể thao và tất cả đối tượng và hình thái ứng xử đều là hệ thống những ký hiệu phải được giải thích qua những ẩn tính văn hóa. Như vậy cái gì cũng có thể trở thành ngôn ngữ, nếu nó chuyên chở được một ý nghĩa, như một bông hoa là ký hiệu, nhưng nếu kết thành vòng hoa, nó trở thành ngôn ngữ. Ngôn ngữ chi phối mọi khía cạnh trong đời sống, và nếu ngôn ngữ có trước cá thể, thì thơ đi trước nhận thức con người. Thơ, như một động lực phá vỡ ngôn ngữ, bởi ngôn ngữ tạo thành quyền lực, bao vây và nô lệ hóa con người. Chống lại ngôn ngữ, chẳng có cách nào khác hơn là đuổi bắt, giễu cợt và gây rối, bóp méo và làm dị dạng ngôn ngữ. Tựa như nhân vật Gregor Samsa của Franz Kafka (trong *The Metamorphosis*) bỗng chốc hóa thành dị hợm, không phải con người dù vẫn mang tâm trí của con người, hay những con vật trong *Animal Farm* của George Orwell, dù có biến thái thế nào đi chăng nữa, thì người ta vẫn có thể đọc được thông điệp từ đằng sau những biến cố. Những biến cố ấy chẳng qua cũng chỉ là những động lực giải phóng đời sống, cũng có nghĩa là giải phóng khỏi những chật chội, tù túng, áp bức của thực tại.

## LÀM THÂN CON GÁI

*Trăng mới lên từ bữa nước không về  
Một hôm nào em mở cửa đầu khe  
Và bữa đó đến bây giờ có rạ  
Thì nhau mọc mặt trời lên lá tá  
Bông lúa chín trong rừng kêu tiếng lá  
Chóc chim xanh đòi đẻ trứng bây giờ  
Đến bây giờ từ giờ một giờ hai*

Đến bây giờ từ giờ ba giờ bốn  
 Soi gương mặt mây cong do đếm lộn  
 Tóc tơ nhưng là nhớ lạc lăm trời  
 Mây trên trời dầm đĩa suốt chung soi  
 Ghềnh bóng vang đá ngựa tía cương đòi  
 Đầu rớt xuống khi ngựa nghiêng tay gió  
 Chân ngựa mỗi khi lời không thể tỏ  
 Chân ngựa bay khi tiếng hệt chân trời  
 Chân ngựa về khi điệu hỏi về môi  
 Đất tròn tựa gối xanh trong thớ cỏ  
 Sương đắng cay vì trái chín bây giờ  
 Người hai chân là quốc sắc tò mò  
 Người hai tay là đẹp không thể ngờ  
 Người hai gối là tròn không thể tưởng  
 Người hai một một hai là ngực ưỡn  
 Người mở cửa để cho đời sung sướng  
 Người chết đi để thiên hạ quên người  
 Người trở về trong mộng đủ hai môi  
 (Và không thiếu bất cứ cái gì trong thân thể)

Thơ Bùi Giáng, gọi ra và soi sáng một điều: thơ là một chuyển động không ngừng, cuộc hóa thân đến kỳ cùng của ngôn ngữ. Từ thơ có vần đến thơ tự do, và cho đến những thể loại mang tính hình tượng bây giờ, cũng chỉ là những biến hóa của ngôn ngữ mà thôi. Nhìn lại thơ Mỹ, từ thơ có vần đến thơ tự do thời Walt Whitman, cho đến *Concret Poetry* (Thơ Cụ Thể), *Found/Collage Poetry* (Thơ Tìm Được/Cắt Dán)<sup>(1)</sup>, *Projective Poetry* (Thơ Dự

<sup>(1)</sup> *Found/Collage Poetry* (Thơ Tìm Được/Cắt Dán): tương tự như Pop Art, cốp nhặt câu chữ từ các nguồn khác như quảng cáo, truyện... dán dựng thành bài thơ hay tạo hình bằng cách cắt dán chữ, hình vẽ từ các báo và tạp chí...

Phóng)<sup>(2)</sup> hoặc *Organic Poetry* (Thơ Hữu Cơ)<sup>(3)</sup> hàng loạt những cách tân, thử nghiệm, kéo theo hàng loạt những phát biểu, những tuyên ngôn, thì cũng là những đột biến từ dạng thể này sang dạng thể khác. Ngôn ngữ chẳng qua là phương tiện như bất cứ phương tiện nào khác, một cục đá, một vật thể vô tri, cũng được, hà cớ phải là con đường chữ.

Từ đó có thể nhìn ra, Thơ Mới Tiền chiến là loại thơ mà ngôn ngữ bất động. Người đọc bắt được ngay ý và cảm xúc thơ. Tựa như một vật bất động, chúng ta dễ dàng nhìn ra hình dạng của nó, nhưng khi chuyển động thì khó lòng thấy được. Nếu chuyển động theo tốc độ cao, như tốc độ ánh sáng, thì vô phương nhận biết. Nói chung, người đọc có tâm lý chiếm đoạt và tiềm đoạt, nên dễ cảm thông được với thơ Tiền chiến, bởi vì qua đó, ai cũng có thể làm thơ và phát biểu một vài điều về thơ. Nhưng khi bước qua cái khoảng vào đời ấy, tới một thời kỳ trưởng thành của thơ, thì không ai có thể vượt qua những khó khăn. Thơ của thời kỳ này, đối với người đọc thật tối tăm, khó hiểu, cầu kỳ, hủ nút và chùng như không phải thơ. Thơ lạ mặt với người đọc đã đành mà còn làm bối rối ngay cả với những người muốn tìm hiểu nó. Nếu thơ dị ứng với người đọc thì cũng tạo nên những phản ứng từ ngay những nhà thơ. Bùi Giáng quay về với con cuồng điên (có thật là cuồng điên?), Thanh Tâm Tuyền ẩn dật vào nơi chốn nào đó của ông, và Lê Đạt bông đùa với nhân thế. Quay về với con cuồng điên cũng là nhập vào cuộc xoay vần của con chữ. Nói cho ngay, đời sống chính là ngôn ngữ. Và người đọc nếu muốn hiểu thơ ông,

---

<sup>(2)</sup> *Projective Poetry* (Thơ Dự Phóng): Gồm những chùm chữ thay cho dòng và các khoảng trống, có thể đọc từ chùm đầu tới bất cứ chùm nào, hoặc từ mảng chữ của chùm này đọc trông treo qua các mảng chữ của chùm khác.

<sup>(3)</sup> *Organic Poetry* (anh PTH dịch là Thơ Hữu Cơ): Chủ trương thể thơ và hình thức bài thơ tùy thuộc vào cảm hứng tự nhiên hơn là các thể có sẵn, tương tự như Dạng Thức Thơ.

cũng không có cách nào khác là nhập vào dòng chuyển động ấy. Nếu không thì người ta cứ tha hồ bới trên những bản văn, áp đặt những gì không dính líu gì đến thơ để tìm kiếm thơ. Nếu thơ, một nửa phần nằm trong tinh thần chiêm nghiệm và kinh nghiệm, còn nửa phần khác là sự học hỏi và đời sống, thì nếu không nhìn thấu suốt được cái toàn thể ấy, thì chẳng bao giờ chạm tới chốn cốt lõi của thơ. Nói cho cùng thì thơ là vấn đề của ngôn ngữ. Và nếu nắm được sự biến hóa của ngôn ngữ thì nắm được thơ.

## CHÂN TRỜI

*Người đi lại thân đời vui như thế  
Sầu lên hoa dâu lá lạnh như hương  
Và mặt đất cát bờ cây phơi hé  
Nước lên cồn câu chuyện kể bên nương  
Lời cũng nói những lời vui như thế  
Mây xanh trời về đỏ hội môi cong  
Người thiếu nữ điểm trang hồng mắt lệ  
Chiều hôm qua chi phần cũ phơi giòng  
Mái bỏ rớt xuống trần gian rơi tóc  
Áng can qua là buổi hẹn tương phùng  
Bờ liễu rộng bình minh em khóc lóc  
Hoàng hôn xanh thương nắng rộng vô cùng  
Vị bữa trước xuân đầu khô trụi lá  
Bốn chân trời thổi gió buốt thân tre  
Và chân bước mang em về tác dạ  
Trong tám lòng thu động rú truông khe  
Ngàn thông rụng đầu le sương lá cỏ  
Nước xuôi giòng em bước lại nghiêng vai  
Mây tơ tóc phai màu xuân chẳng rõ  
Tuyết thiên thu cảnh dâu gục ngân dài*

Nếu ví sự chuyển động của ngôn ngữ như sự chuyển động của hình ảnh, thì những hình ảnh liên tiếp vừa hoán đổi vừa vắng mặt tạo nên ý nghĩa, và ý nghĩa ấy cũng vừa hoán đổi, vừa vắng mặt. Sự đọc, chính là quy trình của vô thức, bởi vô thức là sự trượt lướt của ý nghĩa bên dưới những hình ảnh. Và nếu ví bản văn là tấm gương soi, thì qua đó, hình ảnh trong tấm gương cũng chẳng phải hình ảnh thực của chúng ta. Nó vừa thật vừa ảo, tạo nên sự mê hoặc của sự nhận biết, ta là chính ta, và qua cái chính ta đó, ta nhận biết được ta. Như vậy, có phải là bài thơ đã giúp chúng ta đi từ sự bí ẩn cùng tận để trở về hiện thực, từ vô thức trở về ý thức, từ tưởng tượng trở về thực tại. Vậy thì, vô thức chẳng phải là những gì chôn kín trong ta, mà là những gì ở ngoài ta, tác động và đan dệt chung quanh, từ thế giới bên ngoài, giúp chúng ta đi tìm lại được cái bản lai diện mục (của thơ hay của ai?). Thơ Bùi Giáng, cũng như thơ Đặng Đình Hưng, Lê Đạt, Thanh Tâm Tuyền, những nhà thơ đã móc vào được quy trình biến hóa đó, chẳng phải đã chuyển cách đọc một bài thơ, từ đáy sâu của vô thức đó sao?

### ÔNG TRỜI CHỊU THUA

*Bây giờ tôi rất có quyền*

*Hỏi ông trời: - chớ thuyền quyền là gì?*

*Mà nhân gian nhớ li bì*

*Từ thiên thu tới tám kỳ can khôn*

*Trời rằng: người rất có quyền*

*Hỏi như rửa đó... nhưng...*

*- Nhưng sao*

*- Nhưng ta không đủ thẩm quyền đáp đâu.*

Trở về với bức họa *Một Và Ba Chiếc Ghế*, đó là thí dụ khá cụ thể, để chúng ta có thể lường tượng quá trình của ngôn ngữ, quá

trình thường ngoạn, từ phía sau của bức họa. Một tác phẩm nghệ thuật ví như ngôi nhà đóng kín, nếu không mở được cánh cửa thì làm sao thấy được những gì ở bên trong, nhìn ra giá trị đích thực của nó. Và người đọc phải chính mình bước vào, đối mặt, thẩm thấu và ném mình theo cơn sóng cuồng bí ẩn, với nó. Giống như những bức tượng của Rodin, đã có hàng ngàn trang viết về Rodin, nhưng không có gì có thể thay thế được tác phẩm ngoài chính tác phẩm. Và nếu tác phẩm là một cách lạ hóa đời sống, thì cách lạ hóa đó chẳng qua, là chỉ phát hiện những gì bị che mờ bởi thực tại, phát hiện cái thực tại của thực tại. Và lại, thơ vượt lên và trải dài qua mọi thời kỳ, mọi trường phái lý thuyết. Và dù hiện nay, vẫn còn đang có tranh cãi gay gắt giữa các lý thuyết, thì mới thấy rằng, chính tác phẩm tạo nên lý thuyết chứ không phải những lý thuyết tạo nên tác phẩm. Nhưng nói gì thì nói, cả lý thuyết lẫn tác phẩm, nếu không có những cập nhật thường xuyên, thì sẽ chẳng bao giờ theo kịp được với những chuyển biến nhanh chóng của thơ và thực tại. Có điều là, những hành trình thơ, có dung chứa nổi và xuyên suốt được qua nhiều thời đại hay không.

Một bức họa, một bài thơ, một tác phẩm văn học luôn luôn ẩn chứa những ma lực. Nhưng trước khi bước vào, chúng ta phải tìm cho ra cách đọc nó. Thơ Bùi Giáng có cái ma lực quyến rũ ấy, và ở thời ông, đã có biết bao nhiêu người làm thơ giống ông, nếu không về ngôn ngữ thì cũng về giọng điệu. Thật ra họ không làm thơ đâu, họ đọc ông đấy thôi. Và từ bao lâu nay, đã có nhiều người đọc, viết về thơ ông, nhưng đa phần cũng chỉ chạm tới được những gì ở bên ngoài thơ. Vì thế thơ ông càng lúc càng xa người đọc, và ông càng càng lúc càng cô đơn, càng cô đơn thì càng đẩy ông vượt khỏi tầm bay, và lao vào một tình cầu khác. Đọc, là đối thoại giữa ý thức và vô thức, giữa quá khứ và hiện tại, giữa người đọc và tác phẩm. Chúng ta nói tiếng nói của chúng ta, tác giả nói tiếng nói của tác

giả, có khi trái cựa, có khi mỗi người mỗi ngã, nhưng qua đó, nảy sinh ánh chớp sáng, ánh chớp ấy xẹt ngang, thanh tẩy và làm mới tâm hồn ta. Sự đọc, mỗi bài thơ, mỗi nguồn thơ, dường như đòi hỏi những cách khác nhau. Cách đọc ấy vốn đã có sẵn trong tác phẩm, không thể áp đặt từ bên ngoài, và vì thế, người đọc phải tự tìm lấy. Đó cũng chính là hàm ý, làm một bài thơ khác. Bài viết này cũng chỉ là một thử nghiệm, một cuộc đối thoại, giữa thế hệ này và thế hệ khác, như một nhấn mạnh, chỗ khởi đầu là phát hiện nơi chính thơ, một cách đọc khác. Và những bài thơ trích dẫn, chẳng qua, là đánh thức một nguồn thơ, mà chúng ta dường như đã quên mất, trong quá khứ (hay trong tiềm thức), làm nó sống lại, ẩn hiện, như giấc mơ hồi sinh. Và thơ Việt, dù đang trong sự chuyển mình theo một chiều hướng khác, thì chẳng qua cũng vẫn nằm trong cách thức hóa thân của ngôn ngữ, có gì lạ đâu.



## CUỘC HOÀ GIẢI VÔ TẬN: TRƯỜNG HỢP BÙI GIÁNG\*

Khi viết về thơ ở miền Nam trước 1975 cũng như thơ trong nước sau 1975, tôi ít nhắc đến Bùi Giáng. Không phải vì tôi đánh giá ông thấp. Ngược lại. Tôi đồng ý với Mai Thảo: Bùi Giáng là một tài thơ trác tuyệt. “*Có Ông, thi ca mới đích thực có biển có trời*”<sup>(1)</sup> Càng đọc Bùi Giáng tôi càng thấy ông lạ lùng. Con người ông lạ lùng: nói như Thanh Tâm Tuyền, qua lời kể của Mai Thảo, Bùi Giáng là người “*Ngủ ra thơ, thở ra thơ, đi ra thơ, đứng ra thơ. Chứ không phải nghĩ thơ, làm thơ*”<sup>(2)</sup>. Thơ ông càng lạ lùng, lạ lùng đến nỗi ai cũng ngại ngùng khi viết về ông. Kể chuyện về ông: có, nhưng phê bình thơ ông: chưa. Có lần, Thanh Tâm Tuyền gọi Bùi Giáng là một “*Thiên tài tự hủy ghê gớm nhất của thi ca Việt Nam hiện đại*” và là “*Một hồn thơ bị vây khốn*”<sup>(3)</sup>. Bị vây khốn bởi cái gì? Theo tôi, Bùi Giáng bị vây khốn, trước hết, bởi những hoài nghi, những dằn vặt. Thì một số khá đông các nhà thơ

---

(\*) Bài này là *Chương thứ 14* trong cuốn *Thơ, v.v... và v.v...* của Nguyễn Hưng Quốc, *Văn Nghệ*, California, 1996), in theo *talawas.org*.

Nguyễn Hưng Quốc - nhà phê bình văn học; quê ở Quảng Nam, hiện dạy ngôn ngữ, văn học, tại Victoria University, Australia.

<sup>(1)</sup> Mai Thảo (1994), “*Thay lời bạt: Một vài kỷ niệm với Bùi Giáng*”, in trong tập *Thơ Bùi Giáng*, Nxb Thế kỷ 21, California, 1994. tr. 146.

<sup>(2)</sup> Như trên, tr. 139.

<sup>(3)</sup> Thanh Tâm Tuyền (1994) “*Bùi Giáng, một hồn thơ bị vây khốn*”, *Tạp chí Thơ* (California) số 1, Mùa thu 1994, tr. 73-75.

khác ở miền Nam thời kỳ 1954-1975 cũng hoài nghi, cũng dần vật. Song, có điều, không ai sống đến tận cùng sự hoài nghi, sự dần vật như là Bùi Giáng. Thơ Bùi Giáng là những phún thạch phun lên từ hỏa diệm sơn của hồn ông. Nhưng khác các nhà thơ khác, Bùi Giáng lại ngụy trang thâm kích của mình bằng một giọng cọt nhả, bông đùa. Trong một bài viết về Hàn Mặc Tử, sau khi ghi nhận thơ Hàn Mặc Tử là *"Một tiếng thét và một lời than. Tiếng thét đầy máu, tiếng than tràn ngập hư vô. Lúc hải hùng khiếp đảm, lúc quạnh quẽ lạc phách xiêu hồn"*, Bùi Giáng nhắc đến thơ của chính ông như một sự so sánh:

*"Thơ tôi làm... là một cách diu ba đào về chân trời khác. Đi vào giữa trung tâm bão giông một lúc thì lập thời xô ngôn ngữ thoát ra, phá vòng vây áp bức. Tôi gạ gẫm với châu chấu chuồn chuồn, đem phỏ thác thâm họa trần gian cho chuồn chuồn mang trên hai cánh mỏng bay đi. Bay về Tử Trúc Lâm, bay về Suong Hy Lạp, ghé Calvaire viếng thăm một vong hồn bát ngát, rồi quay trở về đồng ruộng làm mục tử chăn trâu. Làm mục tử chăn trâu không xong bỏ trâu bỏ chạy lạc, phá phách mùa màng khoai sắn, thì tôi chạy về bám báo với ni cô cho phép con chuồn chuồn của tôi cư lưu một phút giây trong linh hồn bao dung phương trượng. Ni cô xua đuổi tôi thì tôi ra bờ sông nằm ngủ khóc một mình thơ đại giữa chiêm bao. Trong chiêm bao, thơ về lãng đãng thì từ đó vẫn bất tuyệt cùng lãng đãng chiêm bao"<sup>(4)</sup>.*

Có diu ba đào về chân trời nào khác thì ba đào vẫn cứ là ba đào, động biển vẫn cứ là động biển. Bay đi đâu cánh chuồn chuồn của Bùi Giáng cũng gặp giông bão. Giông bão dậy lên, trước hết, từ đôi cánh của nó: ngôn ngữ. Đã đành làm thơ, ai cũng chú trọng đến ngôn ngữ. Song tôi có cảm tưởng ít có ai bị ám ảnh bởi vấn đề ngôn

---

<sup>(4)</sup> Bùi Giáng (1969), *Thi Ca Từ Tưởng, Ca Dao* xuất bản, Saigon. tr, 102-3.

ngữ một cách nặng nề, triền miên như Bùi Giáng. Chữ “ngôn ngữ” thường xuyên xuất hiện trong thơ ông, đặc biệt trong hai tập thơ mới xuất bản ở hải ngoại sau 1975(5). Ở đó câu *Đường qua ngôn ngữ tuyệt trừ*, *Đường qua ngôn ngữ điệp trùng* và *Đường qua ngôn ngữ cuối cùng* được nhắc đi nhắc lại nhiều lần trong nhiều bài thơ khác nhau. Hãy để ý đến nhóm từ “*đường qua ngôn ngữ*”: với Bùi Giáng dường như công việc làm thơ chủ yếu là một cuộc hành trình vượt qua ngọn đèo cheo leo của ngôn ngữ trước khi làm bất cứ một cái gì khác. Ngọn đèo ấy không những cheo leo mà còn mù mịt, thăm thẳm. Phần lớn các câu thơ kế tiếp mấy câu vừa dẫn đều là bóng đêm (*Mùng xuân viễn vọng đêm bù cho đêm*; *Mùng xuân viễn vọng đêm lưng lầy đêm*; *Mùng xuân viễn tuyệt đêm từng từng đêm...*) Xuân, ừ thì xuân. Nhưng đêm vẫn mịt mùng đêm. Đêm vô tận. Ngôn ngữ không làm cho bóng đêm ấy tan biến. Trái lại.

*Chấm ngòi bút sắt se vào mực*

*Viết ra câu thúc giục sương mù.*

(*Mùa Xuân Chiêm Bao*)

Trong lúc hầu hết các nhà thơ khác, mặc dù nhận chân được vị thế hẩm hiu của nhà thơ trong xã hội, vẫn tin tưởng vào ngôn ngữ và vẫn tự hào về công việc sáng tạo của mình, nói như Thanh Tâm Tuyền, “*Cuộc hành trình hoàn toàn cô độc*” trên một “*con đường chưa ai tới*”<sup>(6)</sup>, Bùi Giáng, ngược lại, tuy vẫn làm thơ, hơn nữa, còn làm thơ cực kỳ nhiều, nhiều hơn bất cứ một người nào khác, lại có vẻ rất coi thường cái việc làm thơ ấy và chắc chắn là không mấy tin tưởng vào khả năng thể hiện của ngôn ngữ:

(5) *Thơ Bùi Giáng*, Việt Thường xuất bản tại Montreal, 1990 và *Thơ Bùi Giáng*, Thế Kỷ 21 xuất bản tại California, 1994.

(6) Trong bài “*Bao Giờ*” và “*Bài Thơ Của Tháng Giêng*” in trong *tập Liên, đêm mặt trời tìm thấy*, Nxb Sáng Tạo, Saigon, 1964.

*Người diên ngôn ngữ điệp trùng  
Dở chừng như mộng dở chừng như mê*

*Thua em ngôn ngữ quật què  
Làm sao nói hết nghiệp nghề người diên.*

*(Người Diên)*

Trong quyển “*Mùa Thu Trong Thi Ca*”, Bùi Giáng viết:

*Một hôm Mai Thảo bảo rằng  
Làm thơ bé bối sao bằng đi rong  
Phố phường mọc cỏ quanh năm*

*(Sa Mạc Phát Tiết)*

Có người đọc câu thơ thấy đâm ra bực mình hỏi: “*Phố phường đâu có cỏ nào mọc! Thằng thi sĩ ăn nói tầm phào, sai sự thật!*” Ấy thế là người ta cưỡng bức thi ca một cách không chính đáng. Và trầm trọng hơn nữa, người ta tưởng chừng như tin rằng ngôn ngữ có thể nói ra được sự thật. Tưởng chừng như người ta chẳng bao giờ suy gẫm về *Kim Cương Kinh*. “*Thế gian ngôn ngữ phi chân kinh*”.<sup>(7)</sup>

Ngôn ngữ không những quật què, không những không nói ra được sự thật mà, hơn nữa, trong thời hiện đại, đặc biệt khi cuộc chiến tranh lạnh giữa hai khối Tư bản - Cộng sản đang gay gắt, khi cuộc chiến tranh giữa hai miền Nam và Bắc Việt Nam đang ác liệt, khi vấn đề thắng bại không những được quyết định ngoài chiến trường mà còn trên các bàn hội nghị quốc tế, ngôn ngữ còn có tác dụng ngược lại: nó che giấu sự thật và, thay vì đem lại sự cảm thông giữa loài người, nó lại làm cho con người ngộ nhận lẫn nhau, thù ghét lẫn nhau, say sưa chém giết lẫn nhau. Đó là lý do tại sao Bùi Giáng lại:

---

(7). Bùi Giáng (1970), *Mùa Thu Trong Thi Ca*, *Sống Mới* in lại tại hải ngoại, không ghi năm, tr. 223-224.

*Tôi gọi Mỹ Tho là Mỹ Thỏ  
Mỹ Tho muốn đời là lục tỉnh hôm nay  
Tôi gọi Sóc Trăng là Sóc Trăng  
Gọi người sương phụ gái thơ ngây.*

*(Lăn Lộn Lung Tung)*

Bùi Giáng xáo trộn chữ nghĩa để nói lên một sự thật: ngôn ngữ đang bị xáo trộn, đang bị tha hóa. Bùi Giáng gọi Mỹ Tho là Mỹ Thỏ, Mỹ Thọ, người ta cho là hài hước hoặc điên khùng, nhưng chẳng phải là trong cuộc sống, người ta đã không từng gọi một kẻ bán nước là yêu nước, một kẻ giết người như ngoé là nhân đạo, một kẻ bắn súng vào anh em vào đồng bào vào đồng loại vì một thiên đường không tưởng nào đó là cách mạng đó ư? Chẳng phải là người ta đã không từng gọi nhà tù là trại học tập, độc tài là tập trung dân chủ, sự ngu dốt là đỉnh cao trí tuệ, khổ xanh khổ đỏ là quốc gia, thái độ khom lưng trước ngoại bang là biểu hiện của tinh thần dân tộc đó ư? Thử thế chữ Mỹ Tho bằng bất cứ chữ nào trong từ điển chính trị Việt Nam hiện đại, người ta sẽ thấy ngay cái điều mà Ionesco từng nói: *"Một nền văn minh của ngôn ngữ là một nền văn minh quán trí, hỗn độn"*<sup>(8)</sup>. Ngôn ngữ mất linh hồn. Ngôn ngữ xác xơ, rách mướp, toi tã. Nhiều người thuộc loại nhạy cảm nhất trong thời đại chúng ta đã thất vọng náo nức. Sự thất vọng ấy ở Tây Phương dẫn đến sự im lặng của một số người cầm bút, sự ra đời của loại kịch không lời; ở Bùi Giáng, tạo ra những vần thơ đại loại thế này:

*...Một hai hai một di hải  
Dài hi hữu mộng an bài chắm ma  
Chả xin? Chả hỏi? Vịt gà?  
Và thân thể máu me và thịt xương...*

(8) Dẫn theo Steiner, G. (1967), *Language and Silence*, Faber & Faber, London, tr. 72.

*...Ma đèn ỳ nê ô mã  
Xơ tin ô đố đầu là đến đây  
Xén nô đô thí xi đây  
Xê rê tê nển ngọn lầy lội con  
A tin a tỉ oan hồn  
Vong lưu lý lầy cung đờn cọt trâu  
Người ơi ô ướt dẫu bèo  
Ổ thôi thế vạy thu vèo sang thu  
Lùng bay thân thế pha mù  
Sương mây tuyết dầy thân bù cho thân.*

*(Đạm Tiên)*

Gắn liền với sự hoài nghi ngôn ngữ là sự hoài nghi lý trí. Trong lúc hầu hết các nhà thơ khác, mặc dầu hoài nghi lý trí, luôn luôn khắc khoải tìm kiếm sự thật, với niềm tin dù mơ hồ và mong manh, là sự thật ấy có đâu đó, sẽ gặp được một ngày. Bùi Giáng, ngược lại, tuy dịch và viết khá nhiều tác phẩm về triết học hiện đại Tây Phương, lại hoàn toàn phủ nhận đầu óc duy lý của Tây Phương, hoàn toàn mất niềm tin với mọi cái gọi là chân lý. Cuộc đời, với Bùi Giáng, là chuỗi dài những nghi vấn và phản nộ:

*Đi vào giữa cuộc thị phi  
Nửa tam bánh tới nửa nghi vấn về  
(Y Ư Mộng, Du Ư Mê)*

Làm thơ, với Bùi Giáng, là một hành động phản kháng, phản loạn. Như Từ Hải trong *Truyện Kiều* của Nguyễn Du:

*Sao bằng riêng một biên thù  
Côi diên vũ trụ tùy nghi tung hoành  
Xiết bao vô ngại ngọn ngành  
Chọc trời khuấy nước tan tành thịt xương*

*Ấy như thế, ấy như đường  
Đi vô tận ý đi đường chơn không  
Đi mây gió đi phiêu bồng  
Ngàn trắng ngậm bóng sương đông ra đi  
Đi về thế lệ lâm ly  
Đi đi suốt cõi lời nghi vấn lời.*

*(Sao Bàng)*

Nghi vấn. Lúc nào cũng nghi vấn. Nghi vấn cả lời nói của mình. Bài thơ *Tặng Mã Giám Sinh* là một bài thơ hay:

*Hỏi tên? Rằng biển xanh dàu  
Hỏi quê? Rằng mộng ban đầu đã xa  
Gọi tên là một hai ba  
Đếm là diệu tượng đo là nghi tam.*

Tôi đoán là Bùi Giáng rất tâm đắc bài thơ này. Nó được in lần đầu trong “*Mùa Thu Trong Thi Ca*” với tựa là “*Mã Giám Sinh*”, sau in lại trong “*Thơ Bùi Giáng*” xuất bản tại Canada năm 1990 với sự thay đổi nhỏ: thêm chữ “*Tặng*” ở tựa đề. Có hay không có chữ “*Tặng*”, thật ra cũng chả có gì quan trọng. Cũng như mọi cái tựa trong thơ Bùi Giáng chả có gì là quan trọng. Lười, ông thường nhặt bất cứ từ hay nhóm từ nào trong bài dùng để làm nhan đề. Bài thơ trên được đặt tựa là *Mã Giám Sinh* hay *Tặng Mã Giám Sinh* có lẽ để ghi lại xuất xứ một nguồn cảm hứng: nó xuất phát từ mấy câu thơ trong *Truyện Kiều* có liên quan đến Mã Giám Sinh:

*Hỏi tên, rằng: Mã Giám Sinh  
Hỏi quê, rằng: huyện Lâm Thanh, cũng gần.*

Trong bài *Chiều Nguyên Xuân* in trong tập *Mưa Nguồn*, xuất bản từ năm 1963, Bùi Giáng đã bị ám ảnh bởi vấn đề quê hương:

*Hỏi rằng: người ở quê đâu  
Thưa rằng: tôi ở rất lâu quê nhà.*

Từ “Ở rất lâu quê nhà” đến “Mộng ban đầu đã xa”, tư tưởng của Bùi Giáng đã vượt biên, lấn sang một tầm khác. Với một sức oằn khác. Dầu sao, ở đây điều quan trọng nhất là câu cuối cùng: “Đếm là điệu tường đo là nghi tâm”. Mọi sự phân biệt đều bị xóa nhòa. Tôi cho đây là đặc điểm nổi bật nhất trong phong cách thơ Bùi Giáng: Thơ Bùi Giáng chính là sự xóa nhòa của mọi đường biên quen thuộc vốn được mọi người chấp nhận như là một quy ước, một luật lệ trong văn học từ xưa đến nay.

Thứ nhất là xóa nhòa những đường biên về giọng điệu. Những ai từng viết lách ít nhiều cũng đều hiểu cái khó nhất đối với người cầm bút là pha trộn giọng điệu, nghĩa là, chẳng hạn, vừa nghiêm túc lại vừa cười cợt, vừa uyên bác lại vừa bình dân, vừa suy tư lại vừa thích thắng. Bùi Giáng vượt qua tất cả những khó khăn ấy một cách nhẹ nhàng. Ví dụ dưới đây, tôi chọn một cách tình cờ:

*Hai cô bán phở dịu dàng  
Đừng nên nói bậy hai nàng buồn ta.  
- Trăm từ lịch kiếp phơi pha  
Tái sinh bất chợt mà ra phụ lòng  
Tình thương ẩn mặt từ trong  
Nội tâm vô tận mà long đong vì  
Phong tao phấn đại tương nghi  
Tùy thời thể dụng mà tùy nhiên là.*  
(Tặng Quán Phở Huyền Trân)

Ai cũng thấy rõ hai câu đầu và sáu câu sau có giọng điệu khác hẳn nhau. Vậy mà, riêng tôi, thú thật, tôi không hiểu tại sao Bùi Giáng có thể chuyển từ hai câu đầu xuống sáu câu dưới một cách dễ dàng tự nhiên như vậy. Mà đây cũng lại là một đặc điểm rất phổ biến trong thơ Bùi Giáng. Nói một cách tóm tắt, thơ ông có hai loại từ vựng: một loại tạm gọi là bác học và một loại tạm gọi



là bình dân. Bác học thì như thực nữ, thuyền quỳên, cảo thom, thượng thừa, miên trường, đoạn trường, băng tuyết, thập thành v.v... nghĩa là những từ Hán Việt lâu lắm không còn được sử dụng nữa. Còn bình dân thì như đại ca, Huê ky, Liên xôn, lai rai, nhậu nhẹt, máu me, số dzách, dấn bước, dấn liêu v.v... nghĩa là những khẩu ngữ còn lăm lem bụi bặm ngoài đường ngoài phố. Cả hai loại đều dễ khiến giới làm thơ chùn tay. Dùng loại trên thì dễ có nguy cơ trở thành sáo, cổ. Dùng loại dưới thì dễ có nguy cơ trở thành nhả nhót, rẻ tiền. Bùi Giáng hoàn toàn thoát khỏi hai nguy cơ ấy. Hơn nữa, ông còn hòa trộn cả hai loại ngôn ngữ ấy lại với nhau một cách tài tình. Đọc, người ta không hề có chút cảm giác lẩn cẩn nào. Như một phép màu.

Gắn liền với sự xóa nhòa trên là một sự xóa nhòa khác: xóa nhòa ranh giới giữa truyền thống và hiện đại. Không phải Bùi Giáng kết hợp truyền thống và hiện đại, như cái điều chúng ta có thể nói về một số nhà thơ khác. Nói đến sự kết hợp giữa truyền thống và hiện đại tức là thừa nhận chúng ta có thể ít nhiều khu biệt đâu là truyền thống và đâu là hiện đại. Ở Bùi Giáng, mọi nỗ lực khu biệt ấy đều trở thành vô vọng. Ở Bùi Giáng, tính chất truyền thống và tính chất hiện đại tan hòa vào với nhau. Là một. Thể thơ ông dùng: cũ; hình tượng ông dựng: cũ; ngôn ngữ ông viết: cũ, thế nhưng, rất lạ, toàn bộ bài thơ của ông thì lại mới, mới như chưa từng có ai viết được như thế. Mới đến độ tôi có cảm tưởng phần lớn những từ, những chữ nào đã được Bùi Giáng sử dụng một lần đều trở thành của riêng của Bùi Giáng, một thứ tài sản của Bùi Giáng, trên đó có dấu ấn của Bùi Giáng; sau đó, ai dùng lại những từ ấy, chúng ta cứ ngỡ ngỡ như họ ăn cắp của Bùi Giáng. Đọc thơ của bất cứ người nào, hễ gặp chữ “giữ áo”, “rót hột”, “đuôi uoi”, “chuồn chuồn”, “châu châu”... chúng ta hay tri hô lên: Bùi Giáng! Ngay cả một số từ quen thuộc hơn, như “thập

thành”, “máu me”, “lai rai”... chúng ta cũng lại tri hô lên: Bùi Giáng! Trong lịch sử thi ca Việt Nam hiếm có trường hợp nào lạ lùng đến như vậy. Phần lớn, tính chất độc đáo chỉ ở cấp độ bài hoặc cấp độ câu. Ở Bùi Giáng, tính chất độc đáo thể hiện ngay ở đơn vị từ. Với sự xuất hiện của Bùi Giáng, số phận các nhà thơ đâm ra lao đao hẳn. Khi chọn chữ không khỏi có cảm giác e dè vì sợ dẫm vào dấu chân của Bùi Giáng.

Thứ ba, là sự xóa nhòa ranh giới giữa cái gọi là thơ và cái gọi là phi thơ. Ngổn ngang trong thơ Bùi Giáng những chi tiết ngỡ như không bao giờ thành thơ được, ngỡ như mãi mãi thuộc thể giới của văn xuôi, của tiểu thuyết, của đời thường. Nhớ người yêu, có lẽ ai cũng nhớ như Bùi Giáng nhưng không có ai viết được như Bùi Giáng:

*Bây giờ em đứng nơi đâu*

*Cỏ trong mình mẩy em sâu ra sao.*

*(Gửi Thôn Nữ Vĩnh Trinh)*

Bùi Giáng có tài hóa giải những tình thế oái oăm: cái đáng lẽ sàm sỡ, dưới ngòi bút ông, tự nhiên thành thơ mộng, thiết tha, tội nghiệp. Bùi Giáng cũng có tài làm cho những cái lắt nhắt trở thành mệnh mang:

*Sáng nay bao tử mơ mòng*

*Cà phê bên nọ, cháo lòng bên kia.*

*(Sáng Nay)*

Tất cả những chi tiết ấy đều tâm thường đến độ nhảm nhí. Đi vào thơ Bùi Giáng, tự dưng chúng lại có một âm vang gì rất lạ, rất xa, tưởng như không còn là chuyện “cà phê” hay “cháo lòng” nữa.

Một nỗi phân vân giữa cuộc đời, chẳng hạn. Một niềm xót xa trong cảnh khốn cùng, chẳng hạn. Bùi Giáng còn có tài làm cho những cái linh thiêng trở thành bình thường. Những Thượng Đế,

Phật, Thánh Hiền... đi vào thơ ông, mất một chút hào quang, song bù lại, dường như đẹp hơn. Bùi Giáng làm cho cái đáng kính biến thành cái đáng yêu. Hình tượng ni cô trong thơ ông là một ví dụ. Bùi Giáng cũng lại có tài làm cho cái thô và tục trở thành những cái thơ mộng, xôn xao. Cuối cùng, thứ tư, tôi tạm gọi là sự xóa nhòa giữa cái lý và cái phi lý; ít có ai để ý trong thơ Bùi Giáng có đặc điểm này: ông rất thích dùng những từ có tính chất lý luận như “mặc dù”, “càng... càng”, “vẫn là”, “và”, “vì”, “rằng”, “bởi chung”, “chín e”, “té ra”, và đặc biệt, nhiều nhất là từ “tuy nhiên”... Chắc chắn là không có nhà thơ nào dùng các từ này nhiều bằng ông. Thế nhưng, cách Bùi Giáng sử dụng các liên từ này rất lạ lùng, không giống bất cứ người nào trước ông hoặc sau ông. Xin hãy đọc lại bài *Tặng Quán Phở Huyền Trân* dẫn ở trên, và hãy chú ý đến ba câu cuối cùng: chữ “vì” và chữ “là” đứng hết sức lủng lọng. Chúng không nối kết cái gì cả. Chúng cũng không giải thích cái gì cả. Chúng hoàn toàn trái ngược mọi luật lệ ngữ pháp. Chúng thường xuất hiện ở những vị trí thật bất ngờ: ở cuối câu, thường là câu cuối bài:

*Em về - nhà cửa nhỏ nhoi*

*Buồn rầu khôn xiết em soi gương và...*

(Em Đi)

*Nói đuôi khỏi sự từ đầu*

*Vì dù kết thúc trước sau vẫn là...*

(Vẫn Là Là)

*Bá phương phảng phất rồi xa*

*Mùi hương xa vắng càng xa xôi càng...*

(Bằng Tâm)

*Mai sau dù có đi về*

*Xin nhìn gió rụng ngành tre thưa rằng...*

(Em Về)

Một điều vừa thú vị vừa khó hiểu là: người đọc thơ Bùi Giáng lại ít chú ý, không bị giật mình vì những cách dùng từ, đặt câu ngược ngạo như vậy. Mà, ở những trường hợp này, Bùi Giáng đều cố tình cả. Một mặt, tần số xuất hiện của những kiểu câu như thế ề ề; mặt khác, nhiều lúc Bùi Giáng đem những liên từ lý luận ra đùa nghịch:

*Nếu và nhưng vẫn ắt rằng  
Tuy nhiên thế nọ thường hằng thế kia  
Và nhưng tuy dầu là chia  
Lìa cha biệt mẹ bốc tia sinh tồn.*

(Tuy Nhiên)

*Tuy nhiên đất quanh sơn hà  
Còn tuy nhiên mãi họa là nhiên tuy.*

(Ich Dung Hung Sự)

*Mẩn rãng ra rửa ví dù  
Mẩn ri thế nọ tịt mù thế kia.*

(Mỗi Ngày)

Một lần, Bùi Giáng giải thích: “*Dù sao, tôi nói dù sao, bởi vì thiên hạ vốn ưa thích dù sao. Cho có mạch lạc. Chứ thật tình tôi chẳng rõ sao gọi là mạch lạc liên tục ngụ trong tính tình của ngôn ngữ dù sao dao sử*”<sup>(9)</sup>. Cách phân tích như trên khá nguy hiểm: nó dễ làm cho người ta có cảm tưởng thơ Bùi Giáng là một cái gì tĩnh tại và cố định. Thật ra, không phải. Theo dõi thơ Bùi Giáng chúng ta sẽ nhận ra ông thay đổi không ít. Tập *Mưa Nguồn* xuất bản năm 1962 rất trong sáng; từ tập *Ngân Thu Rớt Hột* (1963) về sau, thơ ông tối tăm hẳn; sau năm 1975, ở hai tập thơ xuất bản tại hải ngoại, thơ ông trong sáng trở lại, nhưng so với *Mưa Nguồn*, đảm

---

(9) Bùi Giáng (1970), *Mùa Thu Trong Thi Ca*, sđd. tr. 17.

hơn, lắng hơn và chín hơn. *Mưa Nguồn* là niềm nhớ thương đồng ruộng không nguôi:

- *Viết thơ lạc dấu sai dòng*  
*Viết trong tức tuổi sợ đồng lúa mong.*  
- *Viết thơ là trở lại bên*  
*Con người thôn nữ răng đen hai hàng.*

(Ca Dao)

Sau này, ông vẫn băng khuâng nhớ đồng quê. Chỉ băng khuâng thôi. Nghĩa là rất man mác. Có một câu thơ có lẽ ông thích, cứ lặp đi lặp lại rải rác ở nhiều bài thơ khác nhau:

*Trông về đồng ruộng đôi khi*  
*Thị thành tâm sự hoài nghi trắng tã.*

(Gấu Buồn)

Nhưng tâm sự chính của ông là nỗi tuyệt vọng về khả năng giao cảm giữa người và người, niềm cay đắng trước một xã hội ngày một đảo điên. Ông hoàn toàn cô độc:

*quay về một côi riêng thôi*  
*liệu trong tác cỏ kiếm trời ba xuân.*

(Đời Rộng Dương Chìm)

Ông làm thơ cho hư không:

*Bây giờ xin ngó cụm cây*  
*Chấp hàng viết nốt áng mây về trời.*

(Bây Giờ)

Ông đọc thoại:

*Ngán năm độc đối riêng hàng*  
*Tờ xanh ứa lệ đắm trang xuân đầu.*

(Khởi Từ)

Có khi ông im lặng:

*Từ đây đổi vịt thay gà*

*Chán chường đến thế là ta ngậm lời.*

*(Nhà Ma Đi Đời)*

Sau 1975, cảm giác cay đắng và tuyệt vọng ấy, không hiểu tại sao dường như nhẹ nhàng đi nhiều. Đời sống ông cơ cực hơn, những con diên đến với ông thường xuyên hơn<sup>(10)</sup>, song thơ của ông lại có vẻ thanh thản hơn. Ông bớt những thắc mắc siêu hình để quan tâm hơn đến khía cạnh cảm xúc, từ đó, nhấn mạnh đến yếu tố tâm hồn, coi đó là nguồn gốc của thơ:

*Chợt mùa thơ vội đổi giọng*

*Cõi nguồn cũng bởi tự lòng mà ra.*

*(Từ Bấy Tôi Nay)*

Với quan niệm như vậy, thơ không còn là trò đùa nghịch chữ nghĩa nữa mà là một sự bộc bạch tâm sự:

*Lời tỉnh táo, lời mê man*

*Điều thể thiết rống điệu bàng hoàng ca.*

*(Y Ư Mộng Du Ư Mê)*

Do đó, ông khao khát được thông cảm:

*Xổ bầu tâm sự điệu linh*

*Ái người chia sẻ với mình với ta.*

*(Một Giờ)*

Bài *Bao Giờ* in trong tập *Thơ Bùi Giáng* do Thế Kỷ 21 xuất bản là một bài thơ hay:

*Bằng bút chì đen*

*Tôi chép bài thơ*

*Trên tường vôi trắng*

*Bằng bút chì trắng*

---

<sup>(10)</sup> Xem Phạm Xuân Đài, *Kẻ Cuồng Sĩ Trong Vườn Cây*, lời tựa tập *Thơ Bùi Giáng*, Thế Kỷ 21, 1994, tr. 15-26.

*Tôi chép bài thơ  
Trên lá lục hồng  
Bằng cục than hồng  
Tôi đốt bài thơ  
Từng phút từng giờ  
Tôi cười tôi khóc băng quơ  
Người nghe cười khóc có ngờ chi không.*

Thơ, với Bùi Giáng, trước hết là một sự hiện hữu cụ thể với những màu sắc cụ thể nhất định: đó là một văn bản với những từ, ngữ, giấy, mực cụ thể. Văn bản ấy có đời sống riêng của nó: có sinh có tử. Nhưng đằng sau, ẩn náu phía trong cái hình thức cụ thể ấy lại là một tâm tình, là tiếng cười, là tiếng khóc. Tâm tình của người làm thơ óa vỡ bất chấp những giới hạn tự thân của ngôn ngữ:

*Ngữ ngôn khép kín mặc dầu  
Hùng tâm tím máu óc đầu mở ra*

*(Bé Con Oi)*

Bùi Giáng bản khoán:

*Tôi cười tôi khóc băng quơ  
Người nghe cười khóc có ngờ chi không?*

Bùi Giáng lại năn nỉ:

*Tặng nhau từ ngữ lạc lăm  
Cũng xin hồng lệ hãy đầm đĩa tuyền*

*(Y Ư Mộng Du Ư Mê)*

Trong bài *Thuở Chưa Diên* in trong tập *Thơ Bùi Giáng* do Việt Thường xuất bản tại Canada năm 1990, Bùi Giáng tự so sánh thơ mình ngày trước với thơ mình bây giờ:

*Ấy là thơ thuở chưa diên  
Ở trong dấu ngoặc quàng xiên reo cười  
Bây giờ xoang điệu đuôi uoi  
Điệu hoa lầu các ngậm ngùi dấn thân.*

Sự khác nhau không phải ở chỗ: có lúc ông “quàng xiên reo cười”, có lúc ông lại “ngậm ngùi dấn thân”. Ở Bùi Giáng, cái cười và cái khóc đôi khi rất giống nhau. Theo tôi, chỗ khác nhau căn bản là: trước đây, Bùi Giáng loay hoay mãi trong “dấu ngoặc” của ý thức, của cái tôi; sau này, ông tung hê hết, ông hòa nhập vào cái chung của cuộc đời:

*Ta quên như thể mình ta quên mình*

*(Tặng Hai Châu Quỳnh Và Na)*

Ông trở thành dễ thương và tội nghiệp vô cùng:

*Trái tim mỗi mới mỗi ngày*

*Mỗi giờ phút động mây trời rung rinh*

*Đường đi mất hút thành linh*

*Những khuôn mặt lạ những hình ảnh quen*

*Tạm nhờ men rượu nguôi quên*

*Niềm vui nổi nhớ chênh vênh lạ lùng*

*(Đường Quanh Ngõ Quẹo)*

Ở khía cạnh này, có thể nói Bùi Giáng xóa nhòa ranh giới giữa cái tôi và cái ta, giữa cái riêng và cái chung:

*Hoặc rằng người cũng là tôi*

*Hay là tôi cũng là tôi như người*

*Ấy rằng tình thế đuôi uoi*

*Lời rằng quyết tuyệt và tươi vui và*

*Ấy rằng một cũng là ba*

*Là hai mai một một là hôm nay.*

Xóa nhòa. Xóa nhòa ranh giới giữa các giọng điệu, giữa truyền thống và hiện đại, giữa thơ và phi thơ, giữa cái lý và cái phi lý, giữa cái tôi và cái ta, cái riêng và cái chung, xóa nhòa mọi sự phân biệt, biện biệt; theo tôi, đó là những đặc điểm nổi bật nhất trong thơ Bùi Giáng. Bằng những sự xóa nhòa ấy, Bùi Giáng xóa nhòa luôn cả ranh giới giữa cái gọi là văn hóa cao cấp và văn



hóa bình dân. Đồng thời, Bùi Giáng cũng xóa nhòa luôn cả tính chất nghiêm nghị, nghiêm túc với những khẩu hiệu ồn ào như “vị nhân sinh”, “vị nghệ thuật” vốn kéo dài rất lâu trong văn học Việt Nam. Khác với các nhà thơ khác, lúc nào cũng nhấm nháp nhây, lao vào thơ như lao vào một trận địa, kỳ khu và khắc khổ, lúc nào cũng khắc khoải sáng tạo ra cái mới, mà chưa chắc đã mới và chưa chắc đã hay. Bùi Giáng, ngược lại, làm thơ cứ như đùa như giỡn, như không phải đang làm thơ, vậy mà tự nhiên thơ lại trở thành bát ngát, lấp lánh và lộng sắc lộng hương. Mai Thảo kể: “ba chữ “vui thôi mà” là câu trả lời mơ hồ nghịch ngợm duy nhất của Bùi Giáng trước mọi tìm hiểu của (về?) lực thơ và số lượng thơ không thể tưởng tượng được ở nơi ông”, rồi bình tiếp: “*Thơ Bùi Giáng vui thật. Một vĩ đại vui*”<sup>(11)</sup>. Theo Leslie Fiedler, sự xóa nhòa văn hóa giữa văn hóa bình dân và văn hóa cao cấp, và cùng với nó, việc đoạn tuyệt với chủ nghĩa đặc tuyển (elitism) và tính chất nghiêm cẩn (seriousness) là những đặc điểm chính yếu của chủ nghĩa Hậu hiện đại (*postmodernism*)<sup>(12)</sup>. Ở khía cạnh này, Bùi Giáng rất gần các nhà thơ Hậu hiện đại.

Bùi Giáng còn gần gũi các nhà thơ Hậu hiện đại ở một khía cạnh khác nữa: một số khá nhiều các bài thơ của ông là loại thơ không thể giảng. Susan Sontag cho một trong những đặc trưng lớn của chủ nghĩa Hậu hiện đại là tính chất phản diễn dịch (*anti-interpretation*), là sự nhấn mạnh vào hình thức và sự trình diễn (*performance*) hơn là nội dung và ý nghĩa<sup>(13)</sup>.

Chúng ta biết theo quan niệm của Ferdinand de Saussure, ngôn ngữ chỉ là một hệ thống ký hiệu, ở đó, mỗi đơn vị ký hiệu đều có hai mặt: cái biểu đạt (*signifier*) và cái được biểu đạt (*signified*).

(11) Mai Thảo (1994), bài đã dẫn, tr. 141.

(12) Fiedler, L. (1975) *Cross the Border - Close the Gap: Postmodernism*, in trong tập *American Literature since, 1900*, do Cunliffe chủ biên, Sphere Books, London, 1975, tr. 344-366.

(13) Sontag, S. (1966), *Against Interpretation and Other Essays*, Delta, New York.

Cái biểu đạt là âm hoặc chữ viết. Cái được biểu đạt là ý niệm do âm hoặc chữ viết ấy gọi lên trong đầu chúng ta. Ví dụ, nghe âm “chó” (cái biểu đạt), chúng ta nghĩ ngay đến giống vật thường được nuôi trong nhà (cái được biểu đạt)<sup>(14)</sup>. Từ đó, người ta đi đến chỗ coi bài thơ cũng là cái biểu đạt. Đọc thơ là để tìm kiếm cái được biểu đạt, tức ý nghĩa, điều ẩn giấu phía sau bài thơ. Với Bùi Giáng, cũng như với các nhà thơ Hậu hiện đại, ngược lại, bài thơ là cái được biểu đạt chứ không phải là cái biểu đạt. Nói cách khác, bài thơ là bài thơ. Không có ý nghĩa nào ẩn sau bài thơ để chúng ta đào xới, tìm kiếm. Nó giống như một bức tượng đá. Bề mặt: đá; trong ruột: cũng là đá. Do đó, nếu hỏi ý nghĩa bài thơ *Đạm Tiên* tôi dẫn ở trên là gì ư? Chui! Ý nghĩa của nó là chính sự hiện hữu của nó, là bài thơ có nhan đề *Đạm Tiên*, vậy thôi! Chúng ta không thể phân tích. Chúng ta chỉ cần nghiệm (*experience*). Đọc lần thứ nhất: chúng ta không hiểu gì cả. Đọc lần thứ hai: chúng ta vẫn không hiểu gì cả. Nhưng càng đọc, chúng ta càng nghe rõ, càng thấm, càng cảm cái nhạc điệu lảm rảm, lảm rảm của bài thơ. Nghe như thần chú. Như tiếng tụng kinh. Như lời cầu hồn. Chúng ta sống trong một không khí huyền bí, ma quái, không có gì rõ nét. Thì *Đạm Tiên* là một bóng ma mà! Ở nhiều bài thơ khác, điều chúng ta nghiệm được thường là sự bất lực của ngôn ngữ; chúng ta không hiểu vì chính nhà thơ cũng không thể diễn tả được những gì ông chỉ cảm nhận một cách mơ màng hoặc bằng trực giác hoặc bằng tiềm thức.

Chúng ta có thể gọi Bùi Giáng là nhà thơ Hậu hiện đại được chăng? Khái niệm Hậu hiện đại, mặc dầu xuất hiện từ thập niên 30 và 40 với Frederico de Oniz, Dudley Fitts và Arnold Toynbee, được

---

<sup>(14)</sup> Tác phẩm chính của Saussure, *Cours de linguistique générale*, in tại Paris năm 1916, sau đó, được dịch ra nhiều thứ tiếng và tái bản rất nhiều lần; một thời gian dài, ít nhất cho đến đầu thập niên 70, được xem như một tác phẩm kinh điển trong ngành ngôn ngữ học trên khắp thế giới. Về Saussure, có thể xem quyển sách giới thiệu rất hàm súc của Jonathan Culler, *Saussure, Fontana/Collins*, 1976.

sử dụng khá nhiều tại Mỹ vào thập niên 50 và 60, trở thành thời thượng tại Âu Mỹ từ giữa thập niên 80 đến nay<sup>(15)</sup>, vẫn còn khá xa lạ với giới cầm bút Việt Nam. Điều đó dễ gọi cho chúng ta ấn tượng chủ nghĩa Hậu hiện đại là cái gì rất mới, chỉ gần đây thôi, gắn liền với máy vi tính, chẳng hạn. Tuy nhiên, trên thực tế, khác hẳn. Danh sách các nhà thơ Hậu hiện đại được Jerome Mazzaro phê bình trong quyển *Postmodern American Poetry* bao gồm W.H.Auden (1907-73), Randall Jarrell (1914-65), Theodore Roethke (1908-63) v.v...<sup>(16)</sup>. Với Margaret E. Gray, ngay cả Marcel Proust (1871-1922) cũng là một nhà văn Hậu hiện đại<sup>(17)</sup>. Chúng ta có thể gọi Bùi Giáng là nhà thơ *Hậu hiện đại* hay *Hậu "iện" đại* (người vượt ra ngoài chủ nghĩa "iện" đại tại Việt Nam) hay "hậu" hiện đại (người ít nhiều - chứ chưa hoàn toàn - nhích ra khỏi chủ nghĩa hiện đại theo cách hiểu truyền thống tại Tây Phương) được chăng? Dù sao, vấn đề xác định danh xưng ở đây, tôi nghĩ, cũng không phải là điều quan trọng. Quan trọng hơn, chúng ta cần ghi nhận đóng góp lớn lao của Bùi Giáng: ông đã tiến một bước khá xa trên con đường hòa giải giữa thơ và hiện thực cũng như giữa nhà thơ và người đọc.

(15) Về lịch sử thuật ngữ "Chủ nghĩa Hậu hiện đại", có thể xem: Bertens, H. (1986), *"The Postmodern Weltanschauung and Its Relation with Modernism: An Introductory Survey"* in trong *Approaching Postmodernism* do Fokkema, D & Bertens, H. biên tập, John Benjamins xuất bản tại Amsterdam, 1986, tr. 9-51; Best, S & Kellner, D. (1991), *Postmodern Theory*, Macmillan, Hampshire, tr. 1-33. Về Chủ nghĩa Hậu hiện đại trong lãnh vực văn học, có thể xem: Hassan, (1982), *The Dismemberment of Orpheus: toward a Postmodern Literature*, Oxford University Press, NY.; Hassan, I. (1987), *The Postmodern Turn: Essays in Postmodern Theory and Culture*, Columbus; Spanos, W. (biên tập) (1979), *Martin Heidegger and the Questions of Literature: toward a Postmodern Literary Hermeneutics*, Indiana University Press, Bloomington; Connor, S. (1989), *Postmodernist Culture: an Introduction to Theories of the Contemporary*, Basil Blackwell, Oxford, đặc biệt chương 4, *"Postmodernism and Literature"*, tr. 103-131; McHale, B. (1986), *"The Semantic and Syntactic Organisation of Postmodernist Texts"* in trong tập *Approaching Postmodernism*, sđd, tr. 81-98; và Jameson, F. (1988), *"Postmodernism and Consumer Society"* in trong *Postmodernism and its Discontents: Theories & Practices*, Kaplan E.A. biên tập, Verso, London, tr. 13-29.

(16) Mazzaro, J. (1980), *Postmodern American Poetry*, University of Illinois Press, Urbana.  
(17) Gray, M. E. (1992), *Postmodern Proust*, University of Pennsylvania Press, Philadelphia.

## “NGƯỜI THƠ” CUỐI CÙNG CỦA THẾ KỶ 20<sup>(\*)</sup>

Có những từ chỉ cần *nhắc chữ là đọc nghĩa*. “Người Thơ” có lẽ bao hàm trong nghĩa “Thi Nhân”. Nhưng “Thi Nhân” là từ Hán Việt. Còn “Người Thơ” lại là từ thuần Việt. Tôi còn có cảm giác từ “Thi Nhân” đã mòn cũ hẵn đi kể từ khi Hoài Thanh viết *Thi nhân Việt Nam* đưa ra một loạt những thi sĩ tên tuổi làm nên phong trào Thơ Mới. Từ ấy đến nay cũng xấp xỉ tròn thế kỷ. Chữ dùng nhiều cũng vệt mòn. Chữ chuyên chở một dấu hiệu, một biểu tượng càng đóng khung, bó hẹp nó trong một hàm nghĩa. Cũng như tầm quan trọng của Thơ Mới trong lịch sử phát triển thi ca Việt Nam là điều hiển nhiên, khó có thể phản biện, nhưng việc kéo dài tầm ảnh hưởng của nó qua nhiều thế hệ thơ Việt lại làm trì trệ, chậm lụt, thậm chí suy đồi, giảm hẳn tính sáng tạo. Là một lực cản đáng phê phán cho những đường bay nghệ thuật. Bùi Giáng “Người Thơ” vượt ra khỏi những quy chuẩn có tính áp đặt ấy!

Gọi Bùi Giáng là “Người Thơ”, tôi muốn xác tín hai điều: Bản chất thuần Việt của thi ca, tác phẩm ông; và tính cách dân dã, bụi bặm, “bụi bặm giúi”, “bụi bặm giúi”, “vân mỏng”, “đười ươi thi sĩ” gần gũi với quần chúng của ông. Trong lịch sử thơ ca Việt Nam hiện đại chưa từng sản sinh ra một trường hợp nào lạ lùng và độc đáo như vậy. Thơ với cuộc đời Bùi tiên sinh như đã được quán

---

<sup>(\*)</sup> Bài đăng lần đầu trên *vnexpress.net*, tác giả có sửa chữa, bổ sung.

Nguyễn Hữu Hồng Minh. Nhà thơ, sinh tại Đà Nẵng; sống tại thành phố Hồ Chí Minh.

luận, được thực hành như một Đạo. Đạo Thơ. Hình ảnh còn lại của ông ngày nay được đọc giả yêu thơ, yêu nghệ thuật khắc họa qua tranh, ảnh, thư pháp, điêu khắc... trên các chất liệu sơn dầu, mực tàu, rễ cây, rễ tre...lung linh tiềm ẩn một sức sống kỳ lạ. Nó cho thấy Bùi Giáng như một quan điểm, triết thuyết, một biểu tượng sống. Đôi lúc thấy ông ung dung, “nhi bất hoặc” giữa cuộc đời, cũng như đôi khi cần thiết thì sẵn sàng tận hiến, đốt cháy bản thân mình, bày tỏ một thái độ. Đôi mắt với cái nhìn thẳng quắc thước không khoan nhượng vì sự thật và cái đẹp khiến ông như một Tế Diện hòa thượng hay Bồ Đề Đạt Ma trong điển cố.

Bởi thế, viết về Bùi Giáng thật khó. Nhiều giai thoại cuộc đời đã kể về ông, cũng như sự cống hiến hết mình cho văn học, nghệ thuật thi ca của ông viết bao nhiêu cũng không đủ. Viết bao nhiêu cũng hóa thừa. Tôi tâm đắc với lời nhà nghiên cứu Bùi Văn Nam Sơn: *“Viết đời lời hay nhiều lời về Bùi Giáng không bằng đọc Bùi Giáng. Đọc Bùi Giáng không bằng giao du với Bùi Giáng. Giao du với Bùi Giáng không bằng sống như Bùi Giáng. Mà sống như Bùi Giáng thì thật vui mà thật khó vậy!”<sup>(1)</sup>*

Sự nghiệp của Bùi Giáng tỏa rộng qua nhiều lĩnh vực, từ thơ, nghiên cứu phê bình, làm báo và dịch thuật. Nhưng có thể khẳng định thơ đã “can thiệp”, xuyên suốt và xuyên thấu qua hết mọi địa hạt của ông. Nói cách khác, cái lõi của vấn đề Bùi Giáng là “lời thơ”. Không những Bùi Giáng dịch hay như làm thơ (tiêu biểu như các cuốn *Cõi Người Ta*, *Hoàng Tử Bé* (Saint-Exupéry), *Mùi Hương Xuân Sắc* (Gérard De Nerval), *Hòa Âm Điện Dã*, *Khung Cửa Hẹp*, *Trường Học Đòn Bả* (André Gide), *Ngộ Nhận* (Albert Camus), *Nhà Sư Vương Luy* (Tô Mạn Thù)... mà ông viết nghiên cứu cũng dào dạt mê cuồng như làm thơ (*Tư Tưởng Hiện Đại*, *Tuyển Tập Luận Đề*, *Thi Ca Tư Tưởng*)... Sự “nhập đồng”, thăng hoa ấy hiếm người có được!

Hãy thử khảo sát một vài đoạn trong các tiểu thuyết của André Gide, Gérard De Nerval “phổ” qua thơ của Bùi Giáng để thấy chuyện dịch thuật với ông là thân thuộc, biến hóa, là “ăn dằm

<sup>(1)</sup> Bùi Văn Nam Sơn, *Vài nét về Bùi Giáng*, Nxb. Trẻ 1999.

nằm dề”, “nhiễm sâu vào máu”, ý vị, sâu sắc, gần gũi mà bay bổng thế nào. Cái thần kỳ của những câu lục bát: “*Hỡi ôi! Quả thật là là / Song trùng đao kiếm đầy qua đún về / Hở hang tồn lý ề chế / Lẳng lơ chết lịm trận để huê gieo / Hồn mang thị hiện ngặt nghèo / Cung giây so lệch thu vào sang đông*” là cảm hứng của ông khi đọc đoạn văn tiếng Pháp “*Je relis encore une fois tout le chapitre. C’est le depart d’une discussion infinie...*”<sup>(2)</sup>. Một đoạn khác, ca ngợi thân xác, đầy âm hưởng tượng trưng của thơ Bích Khê: “*Hương ngáy tôi lồi rai mơ màng / Da thịt du dương của một nắng / Đã luống đời xanh trên gối lục / Linh hồn tỉnh dạ hận dư vang*” từ tuyệt bút “*Le tintement de la cloche du matin était encore dans mon Oreille et m’avait sans doute reveillé...*”<sup>(3)</sup>. Và đây có thể xem là một bài thơ thể 6-8 toàn bích với gợi nhớ từ *Truyện Kiều* của Nguyễn Du. Sức hấp dẫn của Bùi Giáng không chỉ khẳng định tài năng sử dụng ngôn từ của mình mà ông còn thuộc rất nhiều thơ, nói cách khác, sẵn sàng cúi đầu lĩnh hội những cái hay, cái đẹp từ thơ của các bậc tiền bối đi trước. Một thái độ học hỏi nghiêm cần, thành tâm ngày nay hiếm thấy ở các nhà thơ trẻ: “*Dư vang tiếng trống tiếng còi / Rập rờn đầu liễu mộng hoài xanh buồn / Xa xôi thôn ổ ngâm buồn / Thanh xuân gái dệt từng guồng hoa bay / Còn nghe điệu hát nghiêng mây / Sử xanh lần giờ bên ngày phù du / Tráng hoa thêu gấm khơi mù / Dòng tuôn thủy lục xuân thu lên ngàn / Ta về ngón lại dư vang / Rồi mai ly biệt lên đường nhớ nhung*” là lúc cảm hứng xuất thần, không thể kiểm chế với bên bờ phù trầm từ *Carnets* của Albert Camus: “*Le cor et le tambour résonnaient au loin dans les hameaux et dans le bois les jeunes filles tressaient des guirlandes et assortissaient, en chantant, des bouquets ornés des rubans...*”<sup>(4)</sup>.

Dẫn chứng như thế để thấy rõ ràng Bùi Giáng đã lấy “thi tưởng” để “quán” hết mọi lẽ trong hành động. Vì thế mới có những nhận định về Bùi Giáng theo kiểu như của nhà thơ Thanh Tâm

<sup>(2)</sup> *Hòa Âm Điện Dã*, André Gide, Bùi Giáng dịch (Nxb. Văn Học, 1969).

<sup>(3)</sup> *Mùi Hương Xuân Sắc*, Gérard De Nerval, Bùi Giáng dịch (Nxb. Văn Nghệ, 2006).

<sup>(4)</sup> *Ngộ Nhân*, Albert Camus, Bùi Giáng dịch (Nxb. Văn Nghệ, 2006).

Tuyên, “ngủ ra thơ, thờ ra thơ, đi ra thơ, đứng ra thơ”<sup>(5)</sup>.

Điều tôi quan tâm ở thơ Bùi Giáng cũng là thái độ về lẽ biến hóa, vô thường đó. Ông là người kết hợp được những lý lẽ uyên áo, trầm mặc của tinh thần Phương Đông với triết lý thực nghiệm, thực dụng của Phương Tây nên càng về cuối đời, thơ Bùi Giáng càng có những cuộc đảo lộn dữ dội về ngôn ngữ, lật nhào cả những hệ thống quan điểm thơ mà gần như cả một đời ông xây dựng. Từ cái thuở tinh khôi và căn nguyên như trong *Mùa Nguồn*:

*Em về mấy thế kỷ sau*

*Nhìn trăng có thấy nguyên màu ấy không?*

*Ta đi còn gọi đôi dòng*

*Lá rơi có đợi ở trong sương mù.*

Hay *Mùa Màng Tháng Tư*<sup>(6)</sup>:

*Đã đi đã đến cuối trời*

*Đã về như vẫn muôn đời đã đi*

cho đến khi xóa sổ, tung hô hết:

*Sài Gòn Chợ Lớn rong chơi*

*Đi lên đi xuống đã đời du côn.*

Triết lý trong cuộc chơi và kiếm tìm ngôn từ của Bùi tiên sinh cuối cùng chỉ còn lại mấy chữ “vui thôi mà!” cứ ngỡ rằng ai hiểu thế nào cũng được. Cao hơn, như Bồ Đề Đạt Ma giảng trong *Tuyệt Quán Luận*: “Vấn viết: Hà tâm chi tri? Hà mục chi kiến? Đáp viết: Vô tri chi tri, vô kiến chi kiến” (*Vấn: Tâm nào thì hiểu được? Mắt nào thì thấy được? Đáp: Hiểu bằng vô tri, thấy bằng vô kiến*)<sup>(7)</sup>.

Nhưng theo ý tôi, “vui thôi mà” đó chính là khát vọng và bi kịch của một thi sĩ đã “tuần nạn trên lộ trình của chữ”. Đường như mỗi thi sĩ đích thực không thể lý giải hết khát vọng và sự có mặt của mình. Bùi Giáng viết:

*Xin chào nhau giữa con đường*

*Mùa xuân phía trước miền trường phía sau.*

<sup>(5)</sup> Theo Mai thảo, tạp chí *Văn*, số 26, tháng 8-1984.

<sup>(6)</sup> *Mùa Màng Tháng Tư* - Di cảo IV Bùi Giáng (Nxb. Văn Nghệ, 2006).

<sup>(7)</sup> *Tuyệt Quán Luận* - Bồ Đề Đạt Ma - Đoạn 14 - Vũ Thế Ngọc dịch và chú giải (Nxb. Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh, 2006).

Nhiều bài viết của các học giả cho rằng, ở văn học miền Nam một giai đoạn, nếu Phạm Công Thiện là đỉnh cao của trí tuệ thì Bùi Giáng chính là tinh hoa của trời đất<sup>8)</sup>. Vì thế Bùi Giáng là kẻ hát rong giữa chợ đời hay kẻ vì yêu đời quá mà hóa điên, trở thành một gã cuồng khẩu vô vọng? Không ai hiểu hết những con đường nào mà thi sĩ đã đi. Đường trần, đường thơ, đường định mệnh. Khi tôi biết Bùi Giáng và đến chơi với ông thì ông không còn đi rong nữa. Có lẽ ông đã thuộc lòng mỗi con đường, mỗi ngõ phố Sài Gòn. Ông dường như chỉ còn ngồi một chỗ trong căn nhà của một người cháu tên là Nguyễn Thanh Hoài trên đường Lưu Quang Định, quận Gò Vấp. Trên trán ông, lớp băng trắng vẫn còn thấm máu bởi những vết thương đời do những kẻ ít hiểu thi sĩ gây ra. Chỉ riêng hai con mắt vẫn sáng bừng như muốn nhìn thấu, muốn ôm trọn hết mọi cõi. Đến lúc ấy tôi mới hiểu hai câu thơ:

*Bây giờ riêng đối diện tôi*

*Còn hai con mắt khóc người một con.*

Tất nhiên, ý thơ này là của Bùi Giáng chứ không phải của nhạc sĩ Trịnh Công Sơn. Cũng cần phải nói thêm, Nhạc sĩ Trịnh Công Sơn đã từng sử dụng rất nhiều ý tưởng của Bùi Giáng cho nhạc của mình nhưng ít khi ông chính danh về điều đó. Ví như ý câu thơ *Từ khi trắng là nguyệt* vậy. Nhưng Bùi Giáng, theo chỗ tôi biết, chưa một lần có phản ứng về điều này. Đến khi Bùi Giáng mất, Trịnh Công Sơn là người đã khóc trên báo *Thanh Niên* số tưởng niệm Bùi Giáng ngày 7.10.1988. Trịnh Công Sơn viết đại ý, ngày còn sống Bùi tiên sinh đã có thơ tặng ông. Thơ viết rằng:

*Công Sơn trịnh trọng phiêu bồng*

*Thưa rằng thơ nhạc có ngần ấy thôi.*

Tôi có nhiều lần được tiếp xúc và gặp gỡ với Bùi Giáng nhưng không có một buổi trò chuyện nào ông chịu hết mình với tôi. Dường như ông muốn vô ngôn trước mọi cuộc đối thoại. Ông thường nằm du đưa trên cánh võng trong khu vườn nhỏ tịch diệt cô đơn. Nhưng

---

<sup>8)</sup> Dẫn lại theo trí nhớ của nhà thơ Nguyễn Quốc Chánh nói với tác giả (NHHM).



anh Hoài cho biết, ông vẫn âm thầm viết, âm thầm dịch thuật, ghi chú cho đến ngày cuối cùng. Ông thường viết chữ nắn nót rất đẹp trên những trang giấy nhàu nát, vỏ bao thuốc lá ông tình cờ nhặt đâu đó. Nhiều bài thơ trong di cảo ông, anh Hoài đã góp nhặt được bằng cách ấy. Một trong những bài trên giấy rác ấy, ông viết :

*Trước khi về chín tuổi*

*Em xin gửi đá vàng*

*Của trăm năm buồn tủi*

*Về trở lại nhân gian.*

Cho thấy một nỗi niềm, một nỗi buồn nhân thế! Không ai có thể chia sẻ. Ở một góc nào đó, theo tôi, chính là niềm đau thân phận mà ông và các văn nghệ sĩ bạn bè cùng lứa ngẫu nhiên bị cuốn vào, tan tác lốc cuốn, quay cuồng trong bão loạn của thời đại. Và tôi cũng hiểu tài năng, cốt cách của những nghệ sĩ lớn thường được thử thách đến cùng qua những “điểm chết” hay biến cố của lịch sử. Và Bùi Giáng là một trong những tài năng lớn giữ được, bảo vệ được vẹn toàn nhân cách đó. Chính ông đã trở thành một biểu tượng cho chính những người yêu thơ ông vì thế!

Một điểm nữa mà tôi muốn nói trước khi kết thúc bài viết này là Bùi Giáng rất hay nổi điên khi có một người nào truy bức ông đến cùng. Cho dù đó là thi ca hay học thuật. Tôi cho rằng ông tránh các cuộc va chạm nảy lửa và tàn khốc ấy với hai lý do: Một, cuộc đời ông quá đủ đầy như một minh chứng; và hai, ông không muốn tái lập lại bất cứ một đặt đề, một định đề nào cho Nghệ thuật. Đi vào nó thì giống như đi vào *Sa Mạc Phát Tiết* Ước mơ của ông là tung hê hết chữ nghĩa để nhảy múa và hát ca. Mang tinh thần Lão Tử, hòng diễn giữa chợ đời hiện đại. Vì thế ở một góc chợ Bà Chiểu, hay giữa cầu Trương Minh Giảng, người ta đã từng thấy thi sĩ múa may quay cuồng hay “nhập đồng” phóng ào từ trên xích lô xuống diễn kịch, múa gậy giữa đám đông hồ hởi và cuồng nhiệt. Những hình ảnh thơ như thế sẽ không bao giờ còn nữa. Ông chính là “người thơ” cuối cùng của một thế kỷ và đã ra đi giữa một thời đại đang ngày càng xa vắng những tâm hồn và những tâm tình thơ.

## NGHĨ VỀ BÙI GIÁNG, HÀN MẠC TỬ VÀ THANH TUỆ<sup>(\*)</sup>

Trong một bài tạp ghi viết cách đây khá lâu, tôi có ghi nhận mối duyên nợ thẩm thiết giữa nhà thơ và nhà chùa. Hầu hết các nhà sư đều thích đọc thơ, làm thơ, in thơ. Hầu hết các nhà thơ, ngược lại, đều có quan hệ thẩm thiết với nhà chùa, nhất là vào những lúc nhà thơ gặp cảnh hoạn nạn. Cũng lạ. Tôn giáo nào cũng tuyên xưng lòng thương yêu. Chùa chiền, giáo đường, thánh thất... luôn luôn mở cửa chào đón những kẻ khốn cùng, những người bất hạnh. Một nhà thơ đau khổ cũng tuyệt vọng, xót xa như bất cứ ai, nhiều khi người biết làm thơ ít đau khổ hơn những người không biết làm thơ, vì nhà thơ có thể chia bớt nỗi đau cho chữ nghĩa. Đau mà khóc được thì mau vơi hơn nỗi đau thâm. Nhưng khi tìm một nơi an trú, hình như các nhà thơ lại có những cách lựa chọn khác hơn người thường. Lý do? Nói như ngôn ngữ nhà Phật, các nhà thơ thường có cái *Ngã* lớn hơn người thường. Dù trong cảnh hoạn nạn, các nhà thơ không thích những đôi mắt nhìn xuống thương hại, không thích bị đối xử như một đứa trẻ mồ côi trong viện dục anh. Thử tưởng tượng một nhà thơ như Alfred de Vigny (tác giả bài *Cái chết của con chó sói*) hay Tản Đà (người tự nhận là ông tiên bị giáng xuống trần) mà phải chịu đứng yên

---

<sup>(\*)</sup> Bài đăng trên *nguoiviet.com*.

Nguyễn Mộng Giác – nhà văn, quê ở Bình Định, hiện sống tại Hoa Kỳ.

cho các bà mệnh phụ ngắm nghía hình hài và xuýt xoa thương xót, chúng ta sẽ thấy hình ảnh đó nghịch lý biết chừng nào. Thi sĩ có thể nghèo đến độ nhìn hoa cúc vàng mà gan ruột cồn cào vì đói như Nguyễn Du, có thể chết dầm dúi trong một chiếc thuyền rách như Đỗ Phủ. Nhưng phải chịu thu vai bó gối cho thiên hạ nhìn xuống thương hại, thì không. Nhất định không. Thi sĩ thích tìm nơi an trú nào ở đó, anh ta vẫn có thể tiếp tục làm thi sĩ, ở đó không có những ánh mắt thương hại, ở đó khỏi phải ngừng đầu lên mà cầu khẩn. Nhìn quanh, hình như chỉ có chùa chiền là nơi an trú thích hợp cho các nhà thơ.

Kể cũng đúng thôi. Vừa qua khỏi cổng chùa, thi sĩ đã gặp một thi sĩ thực thụ (hay một Chuẩn Thi Sĩ) là nhà sư trụ trì. Hai bên đều thâm nghĩ thơ mình hay nhất, nhưng cách định giá chủ quan ấy không làm cho mối quan hệ khó khăn nặng nề hơn, vì đã có một lối phân định ranh giới hợp lý: tôi thơ đời, thầy thơ đạo. Trong thơ tôi nổi thống khổ lên cao đến hết cung bậc. Trong thơ thầy, nổi đau chỉ là gió thoảng. Lối xác định rạch ròi ngay từ ban đầu giữa hai thi sĩ không phải là ngẫu nhiên. Nó bắt nguồn từ Phật pháp. Khi Đức Phật nhận mình chỉ là Người dẫn đường chứ không phải là Đấng thiêng liêng cứu thế, và mỗi người phải tự đốt đuốc soi tìm đường đi, thì nhà sư trụ trì không thể đứng trên cao nhìn xuống cái thế gian nheo nhóc này mà thương xót được. Mỗi người đều tự tạo nghiệp cho mình, và chỉ có mình chứ không có ai khác có thể cứu mình. Đạo Phật cũng không đòi hỏi mọi người phải chấp nhận những tín điều mình đưa ra như những chân lý tuyệt đối bất khả tư nghị. Chính Đức Phật cũng thường xuyên cảnh giác Phật tử, khuyên họ không nên tin theo những điều chính mình cũng chưa hiểu rõ, chưa thông suốt, kể cả những điều đã được người xưa truyền lại, ngay cả những điều đã được ghi trong kinh sách. Tinh thần vô chấp của Đạo Phật rất thích hợp

với khát vọng suy nghĩ và sáng tạo tự do của văn nghệ sĩ. Nhà thơ vào chùa thoải mái, không bị ai chặn cửa thu thẻ căn cước, khỏi phải rón rén bước đi vì kinh sợ đáng thần linh, lỡ nói năng ba hoa quá lời cũng không sợ tội phạm thánh vì nhà chùa không có thánh, và nếu không chịu được cuộc sống tu hành kham khổ phải rời chùa, cũng không bị ai chê trách. Đúng là chỗ an trú lý tưởng của các nhà thơ, khi họ cần một chỗ trú. Vì thế Phạm Công Thiện là khách quý của khắp các chùa lớn chùa nhỏ ở Việt Nam và ở hải ngoại. Nguyễn Tất Nhiên lái xe đến chùa trước khi quyết định từ giã cõi đời. Và Bùi Giáng trong suốt cuộc chơi lớn với đời vẫn xem chùa chiền là chỗ dừng nghỉ thoải mái.

Nói như thế, không có nghĩa là khi khổ đau các nhà thơ Việt Nam chỉ tìm tới một địa chỉ: nhà chùa. Nói như thế không công bằng, khi ai trong chúng ta cũng biết bài thơ tuyệt tác *Eve Maria* của Hàn Mặc Tử trong tập *Xuân Như Ý*. Trong *Thi Nhân Việt Nam*, Hoài Thanh viết: *"Đây là mùa xuân trong tưởng tượng, một mùa xuân theo ý muốn của thi nhân, đầy rẫy những lời kinh cầu nguyện, những hương đức hạnh, hoa phẩm tiết, nhạc thiêng liêng, cùng ánh trắng, ánh thơ. Nhất là ánh thơ. Với Hàn Mặc Tử, thơ có một sự quan hệ phi thường. Thơ chẳng những để ca tụng Thượng đế mà cũng để nối người ta với Thượng đế, để ban phước cho cả và thiên hạ"*. Rồi Hoài Thanh đưa ra nhận xét chung: *"Hình như trong các thi phẩm xưa nay có tính cách tôn giáo không có gì giống như vậy"*. Hoài Thanh nói đúng. Hàn Mặc Tử là nhà thơ đầu tiên mang không khí *Phúc Âm* vào thi ca Việt Nam. Và cũng là lần đầu người đọc chứng kiến một nhà thơ say sưa dâng trọn đời mình cho Đức Tin:

*Maria! Linh hồn tôi ón lạnh*

*Run như run thần tử thấy long nhan*

*Run như run hơi thở chạm tơ vàng  
Nhưng lòng vẫn thấm nhuần ơn triu mến..*

*Lạy Bà là Đấng tinh tuyền thanh vẹn  
Giàu nhân đức, giàu muôn học từ bi  
Cho tôi dâng lời cảm tạ phò nguy  
Con lâm lụy vừa trải qua dưới thế...*

Giả dụ Hàn Mặc Tử sống cùng một thời một chỗ với một thi sĩ lớn khác là Bùi Giáng. Trong khi Hàn Mặc Tử dọn mình tinh sạch để “*Dâng lời cảm tạ phò nguy*” lên Đức Mẹ trong khung cảnh trang nghiêm thiêng liêng của giáo đường, thì Bùi Giáng vung tay hươ chân đùa cợt với Thượng Đế:

*Hôm nay ông Thượng Đế đề huê  
Ngày mai cô độc mỗi mê linh hồn  
Hôm nay Thượng Đế ăn com  
Ngày mai ông ăn cá con con cuộc tình  
Hôm nay ông ăn nói đĩnh ninh  
Đàng hoàng rất mực tặng Na Quỳnh bài thơ...*

Nhất định không ai cho Bùi Giáng được phạm thánh ở chỗ Hàn Mặc Tử đang cầu nguyện, dù ông được mọi người cho rằng ông điên, khỏi phải chịu trách nhiệm về những điều nói ra. Gọi Thượng Đế bằng “*ông*” là một tội lỗi không thể tha thứ được, chưa nói tới vụ bắt Thượng Đế “*ăn com, ăn cá, con con cuộc tình*” và sợ cô độc, y như Bùi Giáng vậy. Không ai có thể cao hơn Đấng Sáng Thế, kể cả các thi sĩ ngông cuồng tự xem mình là trịch tiên như Lý Bạch, Tản Đà.

Không có thứ tài ba nào có thể ở ngoài sự xếp đặt của Đấng Sáng Thế, cho nên kiểu tự phong ngang xương mà đáng yêu của Bùi Giáng không có chỗ trong giáo đường:

*Làm thơ hay nhất trần đời  
Cái điên cũng đến tuyệt vời cuồng điên*

*Cái khùng cũng vậy tuy nhiên*

*Cái tài hoa cũng muộn phiền lắm thay.*

Bùi Giáng chỉ có thể đến nương náu nơi cửa chùa, vì Đức Phật chẳng những không cấm đoán mà còn khuyến khích cái quyền ngờ vực chân lý có sẵn. Thơ Bùi Giáng bay lượn giữa thực và ảo, nghiêm chỉnh và bông đùa, phóng túng và cổ điển nhờ ông tận hưởng được cái quyền tự do tìm kiếm chân lý và chọn kiểu sống theo ý mình. Ngược lại, thơ Hàn Mặc Tử có giá trị trường cửu nhờ Đức Tin nhiệt thành của ông. Hai con đường vào thơ cũng là hai cách chọn chỗ an trú. Hai cách chọn khởi điểm để sống trọn đời mình: biết ngờ, và biết tin.

Con đường vào thơ của Bùi Giáng dẫn tới cửa chùa.

Nói cụ thể hơn, không có nhà xuất bản An Tiêm của Thanh Tuệ thì bạn đọc không có cơ hội thấy hết được sự nghiệp thơ đồ sộ của Bùi Giáng. “*Cuộc chơi lớn*” của Bùi Giáng không dễ tìm được một nhà xuất bản nào chịu bỏ tiền ra in thơ cho ông, ngoài nhà An Tiêm. Có thể nói hầu hết những tác phẩm quan trọng của Bùi Giáng (và cả Nguyễn Đức Sơn) đều do anh Thanh Tuệ in, dù nhà xuất bản biết không thể lấy lại vốn in đã bỏ ra. Đường như có một trùng hợp may mắn cho văn chương miền Nam trước 1975: một nhà thơ lớn đẩy thơ vào một cuộc chơi lớn, thì ngay lập tức cũng có một nhà xuất bản “*chịu chơi*” có đôi mắt xanh sẵn sàng bỏ công bỏ sức ra in thành quả khác thường của cuộc chơi ấy. Thời nào cũng vậy, bỏ tiền ra in thơ là một hành động đầy “*thi vị*”. Nhưng in thơ một cách trân trọng, trang nhã, mỹ thuật như anh Thanh Tuệ lúc đó in cho Bùi Giáng, thì người đi tiếp cuộc hành trình của Bùi Giáng cũng phải có tâm hồn của một nhà thơ lớn.

Phải, tôi tin chắc rằng anh Thanh Tuệ kiếp trước cũng là một nhà thơ. Không, tôi lắm. Không cần phải đi ngược lên kiếp trước. Ngay trong kiếp này, anh “*đã là*” một nhà thơ. Thi nghiệp của anh là

An Tiêm. Mỗi quyển sách anh in ra là một bài thơ, vì hầu hết đều rất đẹp. Rất trang nhã. An Tiêm đã nâng tiêu chuẩn hình thức sách của miền Nam trước 1975 lên một mức cao hơn trước đó rất nhiều, bắt buộc các nhà xuất bản khác phải chú trọng đến cách trình bày bìa, cách chọn kiểu chữ, cách chọn màu giấy, cách bố trí trang... Không phải là nói quá lời, nếu bảo An Tiêm là cái mốc cho trình độ của ngành xuất bản ở miền Nam. Nói đến giá trị hình thức sách, phải nói đến phân ranh *“trước và sau An Tiêm”*. Tôi chưa thấy ai mê sách đẹp cho bằng anh Thanh Tuệ. Rảnh lúc nào, anh dạo một vòng qua các hiệu sách. Anh dán mắt vào tủ kính trưng bày những cuốn mới xuất bản và vừa phát hành. Anh không quan tâm tới tên tác giả, và nội dung. Anh say sưa ngắm nghía cách nhà xuất bản chọn chữ cho nhãn sách, màu bìa, phẩm chất giấy, cách bố cục hài hòa giữa màu sắc và hình ảnh... Cái đẹp của sách là cái nghiệp nặng làm trở ngại không ít cho cuộc đời tu hành của anh. Mê sách đẹp và những tâm hồn rộng, cuộc chơi lớn, anh đứng đợi Bùi Giáng vào lúc, vào chỗ thích hợp nhất, để hai người sống vai thực hiện một cuộc hành trình mới vào thơ. Anh Thanh Tuệ làm thơ theo cách của anh, chất liệu thơ anh là những trang sách đẹp, và cái mới trong thơ anh là những quyết định in thơ đầy táo bạo và thi vị.

Hậu thế yên tâm thừa hưởng những thành quả của nghệ thuật, tưởng nhớ và biết ơn những nghệ sĩ sáng tạo ra các thành quả ấy. Nhưng hậu thế cũng thường bất công khi quên ơn những người có đôi mắt xanh biết trước mọi người những viên ngọc nằm lẫn lộn trong đám cát bụi đất đá, những người bỏ công thu góp những viên ngọc ấy rồi cặm cụi mài giũa, gắn kết lại thành những giá trị vĩnh cửu.

Với văn chương chữ nghĩa, họ là những người làm xuất bản như anh Thanh Tuệ của nhà An Tiêm

2008-04-10

## BÙI GIÁNG - NGƯỜI THI SĨ CHỐI BỎ THI CA<sup>(\*)</sup>

Bùi Giáng (Trung Niên Thi Sĩ), thuở còn bé, ham đọc thơ. Bỏ học về nhà quê chăn trâu. Làm thật nhiều thơ, thân tặng chuẩn chuẩn và châu châu.

Bùi Giáng đã tự giới thiệu với dòng chữ trên, được in ở mép bìa tập thơ *Sa Mạc Phát Tiết* do nhà An Tiêm xuất bản năm 1969. Lời giới thiệu đó cũng là ý hướng tỏ bày quan niệm về chiều hướng thi ca của thi sĩ. Cõi sống này không làm gì còn ai, có ai biết và hiểu thơ nữa, nên người thơ đành gửi tình hoa, huyết lệ mình cho đám côn trùng đồng nội! Mĩa mai thay, Bùi Giáng! Đi già nửa vòng đời với gần 30 năm đọc sách, làm thơ, để hôm nay nói lên lời cay độc! Bùi Giáng đã sử dụng cái tinh thể của ngôn ngữ để đạt tới thượng đỉnh của suy nghĩ, nhưng không cần ai biết suy nghĩ đó để làm gì? Thơ với Bùi Giáng, đích thực không phải cứu cánh, chỉ được thực hiện nhằm giải tỏa ám ảnh về thân phận trong vòng dai cuộc sống nhiều băn khoăn với ý thức siêu hình. Cái sa-mạc-cõi-đời-thể-giới-hôm-nay đầy nguy trang, bất trắc. Nó u tối như vùng địa ngục, nếu không, cũng rừng rú man rợ, hỗn loạn trước mắt nhìn thi sĩ.

---

(\*) Bài in theo *Mười khuôn mặt văn nghệ hôm nay*, Lá Bối, Sài Gòn, 1972.

Ta Ty (1922 – 2004) - họa sĩ, nhà thơ, nhà văn, sinh tại Hà Nội, sau vào Nam và ra cư trú ở Hoa Kỳ, mất tại Thành phố Hồ Chí Minh.



Bùi Giáng - người thơ, không ở trong trạng thái bình thường cả tâm hồn lẫn nghệ thuật. Sự đòi hỏi về mình, cho mình cái tuyệt đối trong sáng tạo là yếu tố căn bản cho mỗi cá nhân làm văn học, nghệ thuật. Tuyệt đối, con người từ vạn cổ đã đi tìm tuyệt đối. Nhưng tuyệt đối cũng như chân lý, chúng không phải vật thể để con người có thể dùng mắt nhìn, dùng tay sờ, dùng trực giác phán đoán và phân tích chúng qua suy luận. Tuyệt đối là vô hình, vô ảnh. Nó sống do mơ ước, cũng chết theo mơ ước! Cũng chính vì con người ham tìm tuyệt đối nên mới này sinh tiến bộ. Cái tuyệt đối biến mất, và trở thành tương đối lúc con người tưởng rằng đã tới nó. Vậy, cái điều thi nhân mơ ước giữa cõi Thơ, đi tìm tuyệt đối trong tư tưởng, ngôn ngữ, mãi mãi chỉ là thất bại! Điều này, khi luận về chữ “Đạo” Lão Tử đã nói:

*... “Có một cái nó bao gồm hết thấy, nó sinh ra trước khi có Trời có Đất. Nó yên tĩnh biết bao! Nó trơ trọi biết bao! Nó đứng một mình và không thay đổi. Nó hồi chuyển về bản thể của nó không một chút nguy hại và nó là Mẹ của Vũ Trụ. Ta không biết tên nó, nên gọi nó là “Hành Lộ” là “Đường Đi”(the Path). Miễn cưỡng ta gọi nó là “Vô Cùng Tận” (the Infinite). Vô Cùng Tận là Phù Du (Fleeting); Phù Du là Tiêu Tán (the Vanishing); Tiêu Tán là Phản Hồi (the Reverting). Đạo ở “Thông Lộ” (Passage) hơn ở trong “Hành Lộ” (Path). Nó là tinh thần của “Vũ Trụ Biến Hóa”, - sự sinh trưởng không ngừng luôn luôn quay trở về bản thể để sinh sản ra những hình thức mới. Nó cuộn mình lại như rồng, biểu tượng sở thích của môn đồ Đạo Gia. Nó cuộn lại và tỏa ra như mây. Có thể ví Đạo như cuộc Biến Thiên Vĩ Đại. Theo chủ quan, nó là khí chất của Vũ Trụ. Tuyệt Đối của nó là Tương Đối...”*

(Trà Đạo - Tiểu luận, trang 53-54, Okakura Kakuzo, Bảo Sơn dịch)

Thơ có phải là Đạo? Không, thơ không phải là Đạo nhưng nó sinh hoạt tương tự như Đạo, nghĩa là nó cũng đi tìm cái biến

thiên vĩ đại trong cõi mông lung Trời Đất. Nó đi tìm niềm Tin trong mắt nhìn, hồn nghĩ. Cái niềm Tin đó không lệ thuộc vào nguyên tắc hay giáo lý của Đạo Pháp mà nó phiêu phiêu giữa ý thức của cá nhân, trong cái *Nhìn* và cái *Nghĩ* về Vũ Trụ đối chiếu với bản-thể-đời-sống. Người thơ vừa đóng vai Giáo Chủ vừa làm tín đồ ngoan đạo. Thơ, tiếng nói siêu ngôn ngữ. Cái giá trị mỹ cảm của nó, không lệ thuộc vào sự thẩm xét có tính cách thông thường mà thuộc về cái-gì-bền-bỉ và cao-đẹp-nhất của con người trong địa hạt suy tưởng. Thơ, không phải là cơ hội giải trí, nó có tính cách sùng mộ. Trong thi ca, cái đẹp không nhất thiết phải có Chân, có Thiện. Nó được quan niệm rộng rãi hơn, tự do hơn và vượt trên những thứ đó. Bởi vậy, sự dấn thân của thi nhân không phải để giành về phần mình những đặc ân, mà chính để ban phát đặc ân cho kẻ khác, còn mình chỉ thu nhận khổ đau, khác nghiệt.

Nói vậy, không hàm chứa ý nghĩa tuyệt đối của mỗi số phận thi nhân ở môi trường thi ca, mà nhằm tỏ bày ý niệm. Bùi Giáng, người làm thơ đã chối bỏ thi ca vì đã nhìn rõ cái mong manh của ngôn ngữ trước Định Mệnh và cõi Siêu Hình. Có lẽ, vì chịu ảnh hưởng quá nhiều các triết thuyết Tây Phương và gần đây của Đông Phương, nhất là giáo lý Phật giáo, nên người thơ đã đánh mất bản ngã, để chịu giầy vò trong “vòng quay” của các nhà đại-tư-tưởng cả Đông lẫn Tây, làm cho ngơ ngác. Nhưng ác thay, cũng nhờ nó, để có vóc dáng đặc biệt Bùi Giáng hôm nay:

*... Chân nhân đời xưa đưa ra một “chủ thuyết” nào đó, đều có như là tình phi đặc dị? Chẳng dùng được mà phải nói. Nói ra, mà vẫn có chỗ như là chẳng muốn nói ra.*

*Chẳng dùng được mà phải nói tới nhân nghĩa, lễ nghĩa, như Khổng Tử. Chẳng dùng được mà phải nói bỏ nhân nghĩa, lễ nghĩa đi, như Lão Tử. Chẳng dùng được mà viết Tề Vật Luận, như Trang Tử. Trang Tử thường dùng phép “Chi ngôn”, ấy là bởi ông đứng*

ngay giữa con lóc của sự tình bất đắc dĩ: muốn gác bỏ chuyện thị phi, mà vẫn cứ bị bó buộc phải nêu mãi chuyện thị phi...

... Sau ba cái khối Không, Lão, Trang, tư tưởng Trung Hoa đã đi vào phiên nhiên trong cung bậc Đường Thi. Rồi nó kết tinh trong Truyện Kiều của Nguyễn Du. Truyện Kiều là chỗ dung hợp của Không, Lão, Trang và Phật.

Người tư tưởng sẽ không còn dám viết gì về tư tưởng nữa. Trang Tử tái sinh sẽ nghĩ sao về cuốn Nam Hoa Kinh của ông? Ông sẽ viết một bộ Tân Nam Hoa Kinh, hay là ông hồn nhiên ngâm câu thơ Hồ Dzếnh?

Thơ về nắng sáng lòng bay

Gấp đi ánh phượng cho ngày rạng ra.

Hoặc câu thơ của Xuân Diệu:

Trưa hôm nay con ngồi như trẻ nhỏ

Giữa đáy trưa trong lòng mẹ vô cùng.

Con là sáo mẹ là ngân vạn gió

Mẹ là trời con là hạt sương rung

Sương uống mãi chẳng bao giờ hết sáng

Của trời cao chói lọi mỗi triều ngày

Sáo ca mãi lòng tre run choáng váng

Gió vẫn đẩy ngàn nôi bốn phương bay.

Thơ như thế là cái chốn của “tâm vô thố hồ thị phi, hựu hồ thiên quân.

(Thi Ca Tư Tưởng)

Chính vì say mê triết thuyết này nọ, nên Bùi Giáng bị ám ảnh đến nỗi nghi hoặc cả thi ca và càng lúc, càng đưa thi ca vào vùng trời u mặc để cười giỡn cho vui, vì đời là chiêm bao cả! Cái Có, cái Không, cái Còn, cái Mất hàm trong tinh thể của Tạo Hóa mà sức người không có cách nào làm cho lay động! Đúng, Bùi

Giáng đã đi vào chiêm bao giữa cuộc sống vì cuộc sống vừa khủng khiếp vừa nên thơ, con người không thể dùng luận lý để biện minh phải trái. Nhưng dù nói gì mặc lòng, đích thực Bùi Giáng bị cái hàng rào triết học bủa vây thật chặt chẽ. Giả dụ, Bùi Giáng không đọc sách Triết, hoặc chú trọng tới vấn đề Siêu Hình mà chỉ làm thơ thôi, chắc thơ Bùi Giáng không mang sắc thái độc đáo với tinh thần u mặc thâm thúy của Lão Tử, kèm theo đấy, nào Platon (triết gia Hy Lạp, môn đồ của Socrate và là thầy của Aristote), nào Parménide, Nietzsche, Dylan Thomas, Rilke, Hoelderlin, Baudelaire, v.v. là những khuôn mặt lớn của Tư Tưởng và Thi Ca Thế Giới để chứng tỏ khả năng hiểu biết của mình. Đôi lúc, người thơ cũng bị lôi cuốn vào khung trời quái dị qua hình ảnh “Thiên Tài Đầy Đọa” Edgar Allan Poe, người đã có những tưởng tượng dị thường với cái nhìn ma quỷ, luôn luôn bị ám ảnh bởi các “Thiên Thần Kỳ Quái” trong kích thước văn nghệ quốc tế.

Thơ Bùi Giáng súc tích, chứa đựng nhiều u uẩn. Cái khung trời sáng láng, hiền hậu, chan hòa mơ ước phiêu bồng của buổi nào xa xôi, vẫn thấp thoáng hiện về trong thi nhân qua những vần điệu:

*Rời mai đi về xứ nào chẳng biết  
Đỗ quang ôi và có lẽ quyên ôi  
Đi lìa xa xứ sở của mặt trời  
Thì chuyện cũ cũng như từng chưa biết...*

Ngày mai, ôi! Ngày mai khi con người lìa xa cuộc thế, khi mắt đã nhắm không còn nhìn thấy mặt trời cùng người quen, kẻ lạ, thì còn nói làm chi cũ, mới? Cái chết nào đó chết biết từ đâu tới làm mờ mịt cõi nhân gian! Nó làm người đi quên hết, quên “dấu tiên sa” và “đông tàn thu gãy”, cả chút tình Đông Á cũng trôi vào về xứ nào mù thắm, nhưng xin em, người yêu dấu, còn ở lại cõi đời cứ nô đùa, cười vui như chuyện qua rồi:

Tôi chẳng rõ cội nguồn tôi ly biệt  
Dấu tiên sa và ngấn tích tiên nga  
Bờ dạt bèo hay bến lạnh trôi hoa  
Ngày ngóng mộng hay đêm chờ máu chảy  
Xuân thơ dại hay đông tàn thu gãy  
Chút tình xưa Đông Á mất đâu rồi  
Rồi mai đi về xứ nào chẳng biết  
Những người em hãy ở lại bên đời  
Nô hay đùa xin cứ mỉm hai môi...

(Sa Mạc Phát Tiết)

Sự đi, ở tùy số mệnh, nhưng người thơ sở dĩ phải nói ra để chứng tỏ, mình đã sẵn sàng chờ đón nó, không hề sợ hãi. Vì thế mỗi lời nói, mỗi chữ viết, mỗi ý nghĩ tuy cay đắng, nhưng vô cùng thành thực. Sống và chết, hai vấn đề cùng chung định lý: có sinh phải có tử. Vì ý thức rõ ràng, nên người thơ thung dung tỏ bày tâm sự:

Thưa em rượu uống bây giờ  
Là trăm năm gục hai bờ tử sinh...  
Thưa em rượu uống bây giờ  
Là thiên cổ lụy còn trơ bên mình...  
Thưa em rượu uống bây giờ  
Là trong lát nữa lên bờ đuổi ma...

Thưa em rượu uống bây giờ  
Là thiên thu lại còn trơ hận trường...

(Sa Mạc Phát Tiết, Rượu Uống)

Bài “Rượu Uống” hàm chứa một ý tình tuy can đảm, nhưng quả thực thê lương. Nếu đời sống chỉ được sinh ra để chờ đợi cái chết, chắc chẳng còn ai muốn có mặt ở cõi đời này cho một xác. Mọi cuộc đua tranh, mọi cố gắng để làm cho cuộc sống mỗi ngày mỗi tốt đẹp hơn cũng là thừa. Nhưng may mắn thay, cái tình

thần hoài nghi và bi quan ấy không phải là giáo điều cho mỗi kiếp người. Nó chỉ được phát sinh trong một cảnh huống, một trạng thái bất thường của cá nhân thi sĩ. Có thể nó bi quan, yếm thế và người thơ cấu tạo cũng nhằm mục đích tác động riêng mình bằng buồn đau, giận hờn cho khuấy khỏa xót thương. Sự chấp nhận hay không, thuộc quyền người thưởng ngoạn.

Con người cô đơn, mãi mãi cô đơn vì mỗi con người, tự nó đã là điều xa lạ. Chính vì mặc cảm cô đơn nên con người cảm thấy nhỏ bé trước rộng lớn của Vũ Trụ. Sự hiện hữu nào đó, có nghĩa gì đối với Sa-Mạc-Hư-Vô? Con người sợ Hư Vô, nhưng vẫn muốn tìm hiểu Hư Vô là cái gì mà khiếp đảm thế? Con người phải dùng đến suy luận để giải đoán bản khoản qua môn học Siêu Hình. Đã bao nhiêu thế kỷ, qua nhiều công khó tìm tòi nghiên cứu mong đem lại một định nghĩa rõ ràng, để ấn định minh bạch cương vị con người và linh hồn trước Vũ Trụ. Nhưng cho tới nay, hình như các nhà đại-tư-tưởng vẫn chỉ đưa ra những *nguyên cơ siêu hình* mà chưa đạt tới cái *tinh thể siêu hình* tức là *giá trị tâm linh và chu kỳ con người trước Hư-Không-Tuyệt-Đối*. Bởi vậy, Bùi Giáng khuyên mọi người đừng nói làm gì đến giao hưởng, đến Tồn Tại và Hư Vô. Bạn tâm làm gì cái Nếp Gấp Siêu Hình “bất khả tư nghi” trong *Sein und Zeit*, trong *Holzwege* hoặc trong *Der Satz vom Grund*. Sống trong cái cỏi “tư lự dị thường đó” mệt lắm! Nó trừu tượng quá. Nó bao trùm mọi sinh hoạt tâm tư và ngoại giới, ngay cả ngôn ngữ nữa. Cái sa mạc Chân-Không-Tịch-Mịch chắn ngang tầm suy nghĩ đã có đủ những đau đớn rồi đó. Ngay cả Heidegger, một trong những triết gia đã cấu tạo nên triết thuyết Hiện Sinh, một nhà Đại-Tư-Tưởng chẳng những của Đức quốc mà còn của thế giới nữa, người đã mở ra được một chân trời siêu hình rộng rãi nhất, nhưng từ xa, con người u mê đứng ngắm mãi vẫn chẳng thấy vóc

dáng mình đâu! Bùi Giáng cũng đề cập đến vấn đề căn bản của Siêu Hình Học qua Heidegger mà người thơ đã chịu ảnh hưởng nhiều trong ý hướng thi ca. Điều này, trái ngược hẳn với Nguyên Sa, học Triết và dạy Triết, nhưng làm thơ rất trữ tình, không để lộ chút gì dính dấp giữa thi ca và triết học. Có lẽ Nguyên Sa đã quan niệm rõ ràng, mục đích của triết học là đi tìm cái nguyên nhân đầu tiên còn nghệ thuật là sáng tạo và phát huy chăng?

Bùi Giáng đi vào trời Thơ như một trận hiện diện dị thường trong khiếm diện, gây nên một tình tự vừa hoang vắng vừa chan hòa, một khuyết pháp thường hằng lại để mọc ra sum suê những lá cây viên mãn cứ xô ủa nhau đung mãi:

*Hồn tại thể tan lia trong điệu ấy  
Vàng là rằng không ấy phủ mây xuân  
Núi bất tuyết mưa đầu trướng phượng dầy  
Bước lên miền lũng thẳm bạch dương thân  
Cỏ phát tiết bờ khơi sông dẫn sóng  
Biển lên trời đầu ngọn mở nghe chim  
Đất từ tạ Lam Kiều ngân nguyệt vọng  
Năm xuân xanh về giữa tối khuya tìm...*

Ngôn ngữ trong thơ Bùi Giáng đi vào cõi suy tưởng. Ở đây, người thơ như bị cấu xé giữa Thực và Mơ. Tiếng thơ buồn bay lang thang trong vòm cong trí tuệ để bất chợt vượt thoát ra khỏi kiểm tỏa tung vào quỹ đạo dự ước, trong tâm cảm người thơ. Giữa cái say sưa vô độ, linh hồn bay lả lả, ngất ngất trong cõi rộng rinh ảo tưởng. Nó là một tư lường không định trước. Từ một khắc khoảnh đơn sơ đi vào thênh thang mộng mị đầy hào quang diễm lệ:

*... Khung cảnh hẹp tờ bay trong mấy ngọn  
Chết là gieo vàng lộn mấy phen rồi  
Sầu nhan sắc đèn lay trong mấy ngọn  
Đến năm sau chờ buổi trước không lời*

*Nhưng màu lá nhớ màu cây đầu ngõ  
Thị thành vui gì sắp sửa sang đèo  
Gió khuyến khích trong dập dờn hiềm họa  
Hồn thu phong trường kiếm dựng cho bèo...  
(Sa Mạc Phát Tiết, Phát Tiết)*

Cuộc sống là trò chơi, thay đổi bất tường trong mỗi giờ phút, nhan sắc chỉ là hư ảnh, cũng như dầu bèo in trên mặt nước làm uổng đi cái khí phách “*Thu phong trường kiếm*”. Chết là gieo vàng, là luân hồi tiền kiếp mấy phen rồi sinh tử? Vì:

*Con chim sầu tuyết băng nguồn  
Mở heo hút cỏ phơi trường đá xanh  
Trên vòm thời đại đi quanh  
Rách quần quỳ đạo tan vành nguyệt hoa...  
(Sa Mạc Phát Tiết)*

Bùi Giáng đã thấy rõ thân phận mình với chu kỳ góp mặt và thấp thoáng cõi hư vô mở rộng bát ngát làm choáng váng mặt mày. Để chứng minh sự có đấy, Bùi Giáng luôn luôn đòi hỏi về phần mình cái nguyên có đầu tiên của lẽ sinh tồn, giữa vũ trụ thuần nhất, bất khả phân, bất biến của Aristote. Cái cõi vô hình, vô ảnh nó làm thi nhân cảm thấy thương thật đấy, nhưng nó là vùng Sa-Mạc-Hoang-Liêu chẳng ngào ngạt hương hoa và chất ngất mẩn thương. Giữa ý nghĩ mơ hồ của tiềm thức, chợt nở lên đóa hoa tâm ý: tình yêu và thương tiếc, cả hai vòng tử sinh quán quýt, như tinh thể giao hòa cùng bản thể giữa vòm trời hiền hậu:

*Vì ảo mộng ở chân mình đi tới  
Bước chân trời muôn hướng gọi mây xanh  
Nên mùa nọ đường nằm canh ngõ lợi  
Đến tìm nhau ở dưới bóng thiên tài*

...



*Em gục khóc, em mỉm cười với mộng  
Với môi răng và khoe hạnh mây ngai  
Với dáng dập tuối rằm trăng lay động  
Sầu nguyên tiêu tư lự nước trôi dài...*

*(Sa Mạc Phát Tiết, Dặm Mòn, Lá Hoa Cồn)*

Tự cổ, mỗi sầu có cùng với bao niềm ăn năn vì đã trót làm kiếp thi nhân. Con người đi từ cuộc sống vào chiêm bao hay trái lại, nhưng trong địa hạt thi ca đích thực con người đi tìm đau khổ và thất bại! Cái vùng trời Siêu-Thoát, cái Sa-Mạc-Hư-Không mà người thơ thông dong bước vào, mong tìm thấy chân lý, chao ôi! Nào ngờ phải gặp lại tiền kiếp hoang vu, cùng với bàng hoàng, diên diên tỉnh tỉnh, mập mờ không phân định. Nó là Vô Thường đó! Một khi đối diện với nó, ở trong nó rồi thì không còn chi thắc mắc, không còn gì thiết tha, ân cần, vồ vập.

*... Nếu giả sử mùa xuân thu lại căn cơ thiết lập mọi cuộc con tồn sinh tồn hoạt, thì cái sự vụ bàn hư luận tới nó, có thật là thập phần tâm phào lẫn thẩn? Không còn dấu biển thì mất luôn cả trường sinh tử diệt phù du? Mọi mọi mất hết cả, thì còn lại riêng một cái chi? Mọi mọi mất đi, chẳng lẽ duy chỉ còn riêng Có Em Mọi Nhỏ? Hỡi ôi!...*

*(Mùa Thu Trong Thi Ca)*

Bùi Giáng đi vào thơ, luôn luôn đeo bên mình niềm ám ảnh của thần học để giầy giụa trong đó với bản khoán, tuy trong thâm tâm, một thoáng nào đó, cũng muốn buông xuôi cho nhẹ nợ. Bùi Giáng đối thoại với Nietzsche, Sophocle, Parménide, Khổng Tử, Lão Tử, Sartre, Camus, v.v. lại còn trò chuyện với Brigitte Bardot, với Marilyn Monroe, cô đào chiếu bóng đã tự tử ở bên trời Mỹ quốc năm nào, và cô em Mọi Nhỏ cùng “Phùng Khánh Mẫu Thân” nữa:

... Nhiều người hỏi tôi có quả Phùng Khánh đã có đẻ tôi ra đời chăng. Bà đẻ tôi ra lúc nào?

Sự thật là Phùng Khánh chẳng hề có đẻ ra tôi một phen nào cả. Tôi nay bốn mươi bốn tuổi đầu. Phùng Khánh chỉ mới hai mươi sáu tuổi. Làm sao một thiếu nữ hai mươi sáu tuổi lại có thể đẻ ra một ông cụ lưng tuổi bốn mươi bốn, bốn mươi lăm?...

... Thế thì bởi đâu Phùng Khánh lại là mẫu thân của tôi mặc dù bà không đẻ ra tôi? Ấy là bởi cái đường tư luận lý học như thế này: Phùng Khánh vốn là bà mẹ Việt Nam. Vậy tất nhiên Phùng Khánh là mẹ của tôi vậy. Nếu tôi không nhận Phùng Khánh là mẹ, thì chẳng ra tôi là người nào? Hoặc người Cao Miên. Hoặc con dân Âu Mỹ ư?... Huống nữa là: Phùng Khánh là bà mẹ của loài người. Tôi là con người. Vậy Phùng Khánh là mẹ của tôi. Nếu tôi không phải là con của Phùng Khánh, thì chẳng ra tôi chẳng phải là con người? Chẳng ra tôi là con vật?

Phân tích nghiêm mật luận lý học ra như thế, rành rành Phùng Khánh là Mẹ của tôi.

... Mỗi khi tôi mơ màng nghĩ tới dung nghi diễm lệ Phùng Khánh thì dòng thơ bát ngát lại tuôn ra ào ào. Vậy thì hiển nhiên tài của tôi là do liên tôn Phùng Khánh đẻ ra vậy...

(Thi Ca Tư Tưởng)

Người thơ đã sử dụng luận lý học để giải thích về “Mẫu Thân Phùng Khánh”. Nó thật hay đùa? Nó là chiêm bao hay thực tại? Nó là sự mất thăng bằng trí não hay công việc thuần túy của luận lý học? Sự vụ này lạc quan hay bi quan? Là thất bại hay hy vọng? Dù nó là gì đi nữa, ít nhất, thi sĩ cũng đưa ra một mẫu người để bầu vùi vào mà lý luận qua thi ca cho đỡ buồn, cũng như Nietzsche đã dùng Zarathoustra để khai triển thuyết siêu nhân và ý lực của quyền uy, qua tập văn vần trong

khung trời triết học Tây Phương. Mục đích và giá trị tuy khác nhau nhưng ý hướng là một.

Có người cho rằng, Bùi Giáng lập dị. Có người nói, vì mất thăng bằng trí não nên thi nhân mới nảy sinh ý nghĩ bất bình thường qua ngôn ngữ thi ca. Bệnh hoạn, điều may mắn hay bất hạnh cho mỗi con người làm văn học, nghệ thuật? Nếu không vì bệnh hoạn, làm sao Hàn Mặc Tử có thể chuốt sáng trời thơ Việt Nam qua ngôn ngữ thống thiết, nghẹn ngào. Tiếng thơ Hàn Mặc Tử kêu khóc không thôi từ mấy chục năm rồi đó! Cái vùng trăng lạnh leo mơ hồ lẩn quanh trái đất với chu kỳ đều đặn kia, đã chìm chết thi hào Lý Bạch dưới đáy nước đêm nào với cơn say chưa dứt. Nó còn làm thể xác Hàn Mặc Tử đón đau đến tột độ, mỗi lần nó “lên ngôi” nên tự đáy lòng người thơ bật lên vần điệu vừa ghê rợn vừa nguy nga:

*Gió rít từng cao trắng ngã ngửa  
Vỡ tan thành vũng đọng vàng khô  
Ta nằm trong vũng trăng đêm ấy  
Sáng dậy điên cuồng mửa máu ra...*

*(Say trăng, Hàn Mặc Tử)*

Và thi nhân đã hơn một lần, xin chị Hằng tha thứ cho bàn tay tội lỗi của mình đã kẻ lên trắng những ngôn từ si mê, cuồng dại! Cái khuôn mặt xanh xao ấy, tạo nên bao nhiêu mộng mơ cho kiếp làm thơ? Vùng ánh sáng mát dịu chảy từ trời cao đối với thi nhân là mơ, là mộng, là nguồn yêu thương vô lượng. Giữa cõi tỉnh không mù khơi, dòng Ngân Hà xa xôi quá, các vì tinh tú lạnh lẽo quá, không làm cõi nhân gian ấm áp hằng đêm, chỉ có vầng trăng treo lơ lửng với bí mật quyến rũ qua trí tưởng tượng của thi nhân mà thôi. Nhưng đau thay, khoa học đã làm trắng mất hẳn nét thiêng liêng từ khi có bàn chân nhân thế bước chậm

chạm trên thân thể chị Hằng và còn để lại dấu tích đến bao lâu nữa?...

Bích Khê cũng vì bệnh lao, tạo nên tập *Tinh huyết*. Phạm Hài, họa sĩ kiêm thi sĩ, chết vì bệnh thần kinh tại nhà thương Vôi (Bắc Giang) cách đây mấy chục năm, cũng để lại ít bài thơ bất hủ. Vậy, bệnh hoạn đầu phải là một dọa đầy toàn diện cho mỗi số phận tài hoa? Cái thân xác đầy tội lỗi, như nhớp có đáng gì, mà phải quan tâm. Người thơ bước trên mặt trái đất nhưng tâm hồn bay bổng giữa thình không. Một khung trời sáng tạo chói lói có muôn vạn ánh hào quang rực rỡ - vì mặt trời thì bị nhân gian hãm giữa trái tim - để rơi vào hố thẳm nhân gian từng ý nghĩ tuyệt vời, diễm lệ. Bùi Giáng làm thơ, nhưng chẳng bao giờ thừa nhận thi ca là lẽ sống duy nhất của đời mình. Người thơ coi kiếp sống như một hiện hữu bất đắc dĩ, nên làm thơ cho khuây khỏa ám ảnh, cái ám ảnh thực sâu đậm, bị thương giữa cõi đời hỗn mang và suy tưởng thuần khiết. Bùi Giáng cho rằng, con người đã đánh mất cái nghĩa thiêng liêng của nó rồi. Nó không còn linh hồn nữa. Nó được chỉ huy và phán xét bằng ước lệ. Nó tàn nhẫn, độc ác ngay với chính nó. Thời đại hôm nay đã in đậm vết tích rừng rú với hổ, báo, heo, v.v. Con người biến thành dã nhân tự bao giờ chẳng biết! Bùi Giáng thoát hồn vào ảo giác để nhận ra sự thật:

*Trần gian rộng rộng hơn nhiều nữa  
Mệnh mỏng hơn và bất ngát mây hơn  
Thi thua kém hay so le tàn úa  
Thi thế thôi giới luật cũng phiêu bồng  
Một mây chiều nguyệt có khổ buồn không?*  
(Mùa Thu Trong Thi Ca, Vì Như Vậy)

Thua kém, so le, tàn úa cũng vậy cả thôi. Cái phù du mệnh số đi song hàng với rộng rộng trần gian thì con người lấy gì để

cường chống, lấy gì để sinh tồn qua kiếp trăm năm? Và Thượng Đế kia, Đấng Tối Cao, Tối Linh mà con người hằng kính cẩn, liệu có còn giữ nguyên tín mộ?

*Hỏi: Tại sao các hạ tin rằng có Thượng Đế?*

*Đáp: Bởi vì nếu không tin là có, ắt phải tin rằng không có, mà hễ tin là không có, ắt thời gian phong cảnh sẽ hoang liêu. Mọi “đương chất trần gian” ắt sẽ do sa mạc cung cấp. Làm sao chịu đựng nổi sự tình đó? Uống một chai la-de, mà nghĩ rằng đó là của cải do hư vô ban cho, thì hời ôi! Làm sao còn sum suê uống ăn nhậu nhẹt thơ mộng được nữa. Tuy nhiên...*

*Hỏi: Tuy nhiên thế nào?*

*Đáp: Tuy nhiên tại hạ thỉnh thoảng cũng đánh mất Thượng Đế.*

*Hỏi: Thỉnh thoảng đánh mất như thế nào?*

*Đáp: Như trường hợp chán chường một cách đột ngột không còn muốn uống la-de.*

*Hỏi: Hoặc như thế nào nữa?*

*Đáp: Hoặc như trường hợp đọc sách vũ hiệp tới chương kết thúc.*

*Hỏi: Vì sao như thế?*

*Đáp: Vì kết thúc, thì tức nhiên là chấm dứt hết mọi miền cõi liên tồn. Còn biết lấy đâu mà đeo đuổi chiêm bao được nữa. Hỡi ôi! Đến sách vũ hiệp mà cũng kết thúc, thì Trời Xanh Thượng Đế cũng thi đua nhau tử vong, tiêu tán tuốt hết cả ngấn tích di hài...*

*(Mùa Thu Trong Thi Ca, Vắn Đáp)*

Hình như, không cách nào Bùi Giáng kinh qua được cái góc suy luận về Siêu Hình. Luôn luôn người thơ đặt cho mình mỗi bản khoán về cái Còn, cái Mất. Đi từ vật thể qua tinh thể đến

khách thể rồi chủ thể, sự gì cũng tiêu tan trước Hư Không làm người thơ chán mỗi:

*Bây giờ ai biết hỏi ai*

*Dù lòng biển rộng sông dài thênh thênh...*

Cái côi thơ trình nguyên, đơn hậu mà tự cổ các thi nhân thường nhìn vào đấy, coi như cứu cánh, nó đã xa vời, chìm khuất. Bùi Giáng thường gặp mình, giữa hồn mình. Cô đơn và cô đơn trước bạt ngàn vương mặc. Mảnh trời xanh kia, trái đất hệ lụy này và kiếp sống bọt bèo như mối vấn vương làm người thơ khắc khoải, trốn mình trong đường mòn suy tưởng. Nhưng suy tưởng chỉ dẫn vào tuyệt lộ trước Hư Vô. Sợ quá, người thơ ôm đầu nức nở. Những mơ ước nào đó, những khát vọng rỏ dại nào đó, cũng chỉ để đi tới đỉnh nhọn của chán chường! Nào có gì đâu? Nào còn gì đâu? Một chu kỳ ngắn ngủi, một góp mặt vô danh, một ganh đua vô ích. Trời thì lãng quên, Đất lại vô tình. Ta hiện hữu hay ta thừa thãi cùng nghĩa, vì cát bụi lại trở về cát bụi! Thơ Bùi Giáng, có nhiều bài đọc nghe vui vui, nhưng nếu tìm hiểu sâu xa, phân tích kỹ, nó vẫn chứa đựng trọn vẹn những nỗi niềm bi đát: nào tình yêu vọng tưởng qua vóc dáng mẫu thân Phùng Khánh, nào “dồn nén” qua Nuông Mọi Cao Nguyên, với vùi dìm căng mộng Monroe, Bardot, v.v. Không biết cái tình này có nằm trong diễn trình Phân Tâm Học của Freud không? Nó là “Es” (Bản Ngã) qua “Ich” (Cá Ngã)? Nó đã được Ueberich (Thượng Ngã) kiểm soát chưa?

*Người con gái lợi qua khe*

*Bàn chân với nước lạnh dề lên nhau*

*Nỗi niềm tưởng lại xưa sau*

*Bàn chân với nước cùng nhau lại dề.*

*(Sa Mạc Phút Tiết, Bàn Chân Với Nước, Lá Hoa Cỏn)*

Thơ Bùi Giáng mang nhiều ẩn dụ ở chiều sâu ngôn ngữ. Lời thơ tuy đơn sơ, ý thơ tuy thanh thoát, nhưng tâm trạng chắc gì

xuôi mái? Thư gửi nương tử Monroe là hình thức u mặc hay chưa chấp mối ẩn ức?

*Ngày nương tử còn bình sinh cuộc sống, tại hạ vốn có phen một đôi lần đôi lúc nằm ngủ chiêm bao thấy nương tử ghé về thăm nước Việt. Nương tử đưa bàn tay mềm mại nắm lấy cái hình hài xương xẩu của tại hạ, rồi ầm bồng tại hạ ở trong lòng lồng bát ngát vô biên của liên tôn nương tử... Trong lúc nằm khoan tròn ở trong lòng nương tử, tại hạ có sờ nhẹ nhẹ (sẹ sẹ) vào chỗ rốn của nương tử, thì cảm thấy một mối sung sướng siêu phàm. Nhưng mà bồng nhiên lúc bấy giờ nương tử thét lên tiếng “Chao ôi! Nhột quá, nhột quá”. Đồng thời nương tử vung hai cánh tay, thì tại hạ té lăn nhào xuống đất, giữa một thửa ruộng bùn lầy...*

*(Mùa Thu Trong Thi Ca)*

Lá thư viết với ý nghĩ thật ngộ nghĩnh. Bùi Giáng viết đùa, nhưng cũng có phần thực nằm trong dự tính của thi nhân. Bùi Giáng đùa qua triết học, đùa với nhiều nhân vật siêu phàm chứ chẳng riêng gì nàng Monroe. Có khác, ở mỗi người, thi nhân đùa mỗi cách. Đây có lẽ, một phương pháp dùng để tạm trốn mình chốc lát vì suy nghĩ và làm thơ khổ quá!

Bùi Giáng làm nhiều thứ thơ lắm. Ngoài thơ Việt, còn thơ Pháp và Anh cũng như chữ Nho viết bằng quốc ngữ nữa. Có thể nói, không thi sĩ nào làm nhiều thơ bằng Bùi Giáng. Nhiều ở đây, không phải tất cả, cũng không có nghĩa toàn bích, mà chỉ để chứng minh sức sáng tạo rất phong phú của thi nhân. Cái cội rễ đích thực Bùi Giáng hằng nguyện cầu và mơ ước nó vẫn mệnh mang dấu bể, bát ngát ở đầu bến Mê, với bóng dáng chàng nghệ sĩ phiêu đảng Gauguin:

*Ngài đã gặp tượng đá kia của đá*

*Một hoàng hôn hồn lữ thứ tiêu tao*

*Ngài đã thử trao cho ngàn cây lá*

*Gọi chim bay về mím miệng cười chào*

*Ngài đã định một lần kia thư thả  
Dưới trăng rằm vô định tuyệt tâm hơi  
Mở ngọn cỏ tìm vết chân hội họa  
Giấu quan san liễu một trận không lời  
Ngài bắt gặp một lần kia xứ lạ  
Nước mênh mông hồ hải mộng xanh trời  
Ngài đã vạch một ngân hà óng ả  
Cho tinh kỳ du ngoạn giữa kim bôi  
Và tinh sương thấp thoáng lấp chôn rồi...*

*(Sa Mạc Phát Tiết)*

Gauguin (1848-1903), nhà danh họa thuộc phái Dã Thú (Fauvisme) đã bỏ nước Pháp qua đảo Tahiti để làm hội họa. Gauguin kẻ đam mê chẳng những màu sắc, còn ma túy và tình yêu nhục thể. Gauguin, nghệ sĩ trên nghệ sĩ, dần thân để tìm về cho mình chân trời sáng tạo mới và cuối cùng đã bắt tử trong địa hạt nghệ thuật tạo hình thế giới. Người thơ cũng muốn làm cuộc lãng du để mong gặp được chân trời mới trong trí tưởng, nhưng ở cương vị của người thơ bé nhỏ và hiền lành trước cuộc sống Việt Nam, đành gửi hồn qua vóc dáng Gauguin với hàng hàng tường niệm!

Thơ Bùi Giáng không có chiều hướng rõ rệt ở mỗi giai đoạn. Nó được cấu tạo miên man, tùy hứng. Nó tự do tuyệt đối. Người thơ là ông Hoàng, là Lãnh Chúa trong địa hạt thuộc riêng mình. Bởi vậy, trong mỗi tác phẩm, đều có phần của tác phẩm khác. Nó giao hòa trong mọi chiều tư tưởng để hình thành dòng thơ đặc biệt Bùi Giáng. Người thơ quyết định hết và chịu toàn trách nhiệm. Bùi Giáng sáng tác không cần dẫn đo hơn thiệt trong mỗi bài, mỗi ý. Thơ Bùi Giáng tựa như cơn gió, lúc tàn mác thổi dịu nhẹ mơn man da thịt, khi tập trung từ xa tấp không gian, cuốn thành cơn lốc quét từng luồng giận dữ làm đổ vỡ, xiêu dạt trần gian.



Viết về thơ Bùi Giáng, nên hệ-thống-hóa hoặc phân loại một cách thông thường tức là giết người thơ vậy, vì Bùi Giáng không chỉ làm thơ với ý nghĩa chung chung, mà đích thực người thơ dùng thi ca để chuyên chở tư tưởng và phô diễn những trạng thái phức tạp nảy sinh giữa cõi lòng chứa chấp nhiều hệ lụy.

Người thưởng ngoạn thơ cũng vậy, thích thì đọc, nếu không, cứ việc vứt xuống bất kỳ chỗ nào. Bùi Giáng làm thơ cho mình, nhưng tại đời. Cuộc đời chán quá! Công danh, phú quý là cái gì đâu, làm con người ham hố đến quên cả chức phận thiêng liêng mà Đấng Tối Cao ban riêng cho loài người, đó là một linh hồn thuần khiết để hướng vào Chân, Thiện, Mỹ. Người thơ u uẩn đi vào cõi Tịch Mịch. Bùi Giáng làm thơ thật tự nhiên không kiểu cách, gò bó, dù đôi chỗ để lộ ý kiêu bạc ngay cả với mình:

*Hãy mang tôi tới giữa đời*

*Giết tôi chết giữa cõi đời mớ meo*

*Hãy mang tôi tới nắng chiều*

*Giết tôi chết giữa một chiều khe nương*

*Hãy mang tôi tới dặm trường*

*Giết tôi chết giữa con đường bơ vơ*

*Hãy mang tôi tới bất ngờ*

*Giết tôi ngẫu nhi trong giờ ngẫu nhiên*

*Hãy mang tôi tới diện tiền*

*Giết tôi chết giữa người thuyền quỳên kia.*

*(Sa Mạc Trường Ca, Cầu Nguyễn Ca)*

Giết tôi, hãy giết tôi trong những điều kiện do tôi mong muốn và tự nguyện. Một cuộc đời mớ meo, nhảm chán, một khe nương dơ dáy, một dặm trường bơ vơ và một ngẫu nhiên nào đó, hay giữa tôi và thuyền quỳên đang “diện tiền” góp vui, thì cái chết đó cũng là điều thú vị lắm chứ? Cái chết rất triết học vì với triết học người ta chẳng có chơi một con, đùa một cuộc, nháy múa một

vòng, vậy cái chết do thi nhân mong muốn cũng chỉ như một nuôi dưỡng sinh tồn quần quanh giữa suy tư và cõi đời chán mỏi mà thôi!...

Bùi Giáng là một hiện tượng. Người yêu thơ phải nhìn Bùi Giáng qua phong cách độc đáo, ở đây, mỗi dòng, mỗi chữ, mỗi ý, được viết ra là máu thịt của thi nhân dâng hiến cho đời. Thơ Bùi Giáng không thuộc môn phái nào hết. Nó không cũ, chẳng mới. Nó có thể là thơ, là tư tưởng, đôi khi thơ và tư tưởng lẫn lộn giao hòa tạo thành một vùng “mờ mịt thức mây”. Thơ Bùi Giáng như cơn đau chưa dứt, như nỗi bàng hoàng chiêm bao chợt tỉnh, để rồi lại chìm vào chiêm bao khác. Nó băng khuâng ở mỗi vần, mỗi chữ. Có lúc, nó buồn bã như niềm tuyệt vọng! Người yêu thơ cứ phải men lần theo, như đi trên một hành lang trú ngụ nhiều điều bí mật. Mỗi khúc quanh lại mở ra những kỳ dị phi thường. Cái trạng thái hỗn mang này Hàn Mặc Tử đã thấy:

*Bây giờ tôi đại tôi điên*

*Chấp tay tôi lạy cả miền không gian...*

Kể từ năm 1924, André Breton và một số nhà thơ tiến bộ đồng ký tên vào bản tuyên ngôn, chính thức khai trương trường Siêu Thực giữa vòm trời thi ca Lãng Mạn Tây Phương. Cũng kể từ đó, khuôn mặt thi ca thế giới đổi thay. Thơ đã có một ngôi vị cao hơn trong ước lệ xã hội. Thơ vượt thoát dần dần mọi quy luật và đồng thời cởi bỏ những ràng buộc quá chặt chẽ và phi lý trong văn điệu, ngôn từ. Ở Việt Nam, thi sĩ Thanh Tâm Tuyền cũng đưa ra một quan niệm về thi ca, tuy không phải bản tuyên ngôn về thơ mới, nhưng nội dung bản văn cũng tóm lược đầy đủ chủ điểm của vấn đề:

*... Người thơ hôm nay quan niệm rằng: người ta có thể viết những bài thơ có văn điệu, nhưng người ta không biết làm thơ... Trong thơ hôm nay có một số tiếng bỗng mất tích, một số khác biến dạng và vô số những tiếng lạ xuất hiện làm nên cái thế giới*

riêng. Cái thế giới ấy quá kỳ quái với người đọc, người ta không hề quen thuộc, chưa nghe nói tới và ngỡ mình lạc vào một tinh cầu khác. Thơ hôm nay là một tinh cầu biệt lập với thơ hôm qua. Người ta không tìm thấy trên tinh cầu này những cảnh tượng, những sự vật trong trí người ta vẫn coi là vĩnh viễn không đổi dời của thơ. Trong thơ hôm nay không còn những bông hoa kiêu diễm, những đêm trăng huyền ảo, những buổi chiều băng khuáng, những mối tình thơ mộng dù tan vỡ, những nhớ nhung cách trở tự nhiên, những khúc đàn ca nhịp nhàng, người kỹ nữ bên Tầm Dương, tà áo tha thướt trong ánh nắng, mùa xuân với giọng chim ca, mùa thu trong lá vàng, những cơn mưa buồn hiu hắt không thôi, cái tâm hồn của ngàn đời còn run hoai chưa hết những đau thương vỡ mộng, thoáng qua của một hình bóng, một cơn gió, một bóng mây...

... Trong thơ hôm nay, người ta lạc vào cái thế giới có những đêm tối nghen ngào, những ánh sáng của lộ liễu, những bệnh viện lạnh lẽo, những nấm mộ hoang vu, những thành phố đổ nát không chim muông, chỉ những gạch ngói, những nỗi lặng câm khắc khoải, những cặp mắt đen cú vọ, những hoảng kinh xô đẩy của loài cầm thú trốn chạy thiên tai, những mối tuyệt vọng sâu thẳm không được cứu vớt, những hồn chết dần trong thèm khát tương lai, những ràng buộc vô lý vào cuộc đời lạ mặt với đám đông ồn ào nhưng nhúc, những tâm thường khổ đau gọi ra tên tuổi, cái tâm hồn hôm nay chịu vùi dập bởi những khốn nạn tang thương đòi giải phóng ngay chính ở hiện tại...

... Trong thơ hôm nay hoặc là thiên nhiên không được nhắc đến nhường chỗ cho những vỉa hè, cột đèn, gạch ngói, khối sắt, khối thép, da thịt, tay chân, mặt mũi hoặc là hiện ra thân nhiên lạnh lùng khó chịu nếu không muốn nhập với một ý thức...

(Nỗi buồn trong thơ hôm nay)

Trên đây, chỉ tóm lược ý chính của bài văn, nhưng cũng đủ chứng minh sự dứt khoát của Thanh Tâm Tuyền trong vấn đề thi ca. Bùi Giáng không nói gì cả, nhưng toàn bộ thi phẩm của Bùi Giáng đã khơi động một trời thơ rộng rinh, bát ngát. Thi nhân không dấn thân vào đâu hết, coi cuộc đời như côi rong chơi tạm bợ. Làm thơ cũng là một cách rong chơi cho quên đi từng dần đo, phiền muộn! Bùi Giáng đi vào thơ như đi vào cõi vô định. Không có chọn lựa hay thử thách, chỉ có xúc cảm và ngôn ngữ giao thoa, diễn đạt những gì ám ảnh trong hồn. Với từng bước khoảng khoát nhưng rất ưu tư, người thơ đắm đắm ngó về phía trước qua sự tàn phai của vật giới trong cái bất diệt của Tạo Hóa:

*Mây năm sắc giảng sông mười sáu*

*Tuổi mười lăm đổ máu ấu thơ*

*Tin vui giục già hai bờ*

*Mỗi buồn chết gục từng giờ đi qua...*

*(Sa Mạc Thi Ca, Xuân)*

Thời gian, ai cũng sợ nó. Sáng, trưa, chiều, tối, cái nhịp đi rất êm nhưng vô cùng nghiệt ngã làm chia lìa tất cả:

*Nằm xuống đất bất bình một lúc*

*Chợt nghe ra từng phút đang trôi*

*Sát na gây cấn hồi lời*

*Xin thăm tạ đất và trời xa nhau.*

*(Sa Mạc Thi Ca, Một Tấm Áo)*

Đất trời xa nhau đành một lẽ. Nó là cái xa của vũ trụ bất biến tự côi vô cùng, trời đất vẫn quán quít luân chuyển bồi hồi trong vòng ảnh hưởng lẫn nhau. Nhưng cái xa của con người và cuộc sống, cái bất lực của chủ thể và Hư-Không-Tuyệt-Đối, sự vụn vỡ mới thật đau thương! Cái nên thơ của Horace trong thi ca với quan niệm Thượng Đế là thuần nhất, chân lý cũng thuần nhất

hình như cũng phơi pha theo năm tháng, với bao nhiêu tìm tòi của nhiều thế hệ qua nhiều triết thuyết. Một vùng Chân-Không-Tịch-Mịch còn đó, dù cho tinh lực của đời sống (force vitale) có là căn bản thiết yếu cho mọi sinh hoạt tinh thần hay vật chất, dù nó là yếu tố sinh tồn cho mọi chu kỳ nhân loại, nó vẫn thuộc về trù tượng. Đời sống cho đi hay giữ lại cũng chẳng có cách nào ra thoát khỏi vòng “*Tử sinh hữu mệnh*”. Vì ham tuyệt đối của suy nghĩ nên Bùi Giáng thường tỏ ý buồn phiền về hai danh từ thực mệnh mông và bi đát: Thực-Tại với Hư-Không. Nó là đám rong rêu bám chặt vào chiếc sọ suy tư, nó đẩy thi nhân vào vùng sương mù dày đặc. Người thơ đưa tay quờ quạng lần đường, và cuối cùng phải trồng cây vào niềm tin để khai thông mê lộ qua bài thơ *Chấp trước*:

*Không trước Đông thì trước Tây*

*Không trước cây thì trước lá*

*Không trước ma đầu gió thì trước quỷ cuối sương*

*Không trước thiên đường thì trước Ba La Mật*

*Không trước thật thì trước hư*

*Không trước hư thì trước hữu...*

Bài thơ gồm 29 chữ Không ở đầu mỗi câu. Không cái nọ thì cái kia, không người này thì người khác, có nghĩa là khi ta góp hơi thở thứ nhất, đời sống đã có sẵn những phiền lụy và cảnh huống vây quanh, vậy “cố chấp” làm gì trước sự kiện đã rành rành như vậy? Tại sao không kinh qua, không vượt lên để giải tỏa kèm hãm, để tìm đến cõi tịnh độ lảng lảng? Lời than thở choáng váng của Chúa Jésus trên đỉnh Golgotha hay lời từ bi của Đức Phật dưới cội Bồ Đề, muôn đời vẫn là sự “thấu suốt cơ cực trần gian” trong vòng tay độ lượng. Vì thế, trước cuộc đời, Bùi Giáng chẳng cần tỏ bày thái độ, cứ dùng dung sống theo ý mình, thả tâm hồn vào cõi đầy đưa tới đâu cũng được! Chuyện đời dù ngàn năm

trước, trăm năm sau, hay bây giờ cũng vậy thôi! Nếu đôi khi đáng dấp cuộc đời có được người thơ nghĩ đến, cũng chỉ có nghĩa như nói đến trò chơi cút bắt có đấy. Hãy cứ vui đùa cho nhẹ bớt buồn thương. Phần nộ hoặc nguyên rủa xã hội là điều vô ích! Ngay cả chiến tranh và cái chết do nó tạo nên, cũng được tượng trưng bằng “Nuông” Mọi Nhỏ. Cái chết đó, lẽ đương nhiên thuộc số mệnh, nên có tìm cách tránh cũng vô ích! Hoạt cảnh chiến tranh cũng được “siêu-hình-hóa” qua cuộc “luận lý” di dôm, chứa chấp ẩn dụ giữa hai linh hồn Monroe và Mọi Nhỏ:

*Monroe: Chị tự tử đã đành. Sao em cũng tự tử? Em ở trong rừng mát mẻ, em tự tử làm gì cho phí mất cái màu da bô quân bánh mật của em như thế?*

*Mọi Nhỏ: Em đâu có tự tử. Chính thật ra cái hòn đạn nó tự tử em.*

*Monroe: Hòn đạn nào như thế?*

*Mọi Nhỏ: Hòn đạn hoặc là trái bom gì đấy. Nó nổ một trận tam bành. Nó tự tử mất em, đồng thời với cái truông dào thơ mộng chiều hôm qua.*

*Monroe: Sao em không dời đi nơi nào ẩn trú, lại ở yên một chỗ mà chờ đợi đạn bom làm gì như thế?*

*Mọi Nhỏ: Dời đi nơi khác, thì đồng thời phải dời cái truông dào đi nơi khác. Em sức mấy mà làm cho xuể sự đó. Kể ra lúc bấy giờ em cũng chợt có cái ý định lặn xuống ở dưới đáy nước khe kia thì thật là bảo đảm, nhưng không kịp. Cái bom nó nổ còn chớp nhoáng hơn cái ý định nảy ra trong đầu óc em.*

*Monroe: Lần sau em phải lo xa hơn mới được.*

*Mọi Nhỏ: Lo xa như thế nào?*

*Monroe: Em phải sắp đặt có ý định cho sẵn sàng trước đi.*

*Mọi Nhỏ: Trước bao lâu?*

*Monroe: Một tuần lễ là ít nhất. Chẳng hạn như trái bom nổ vào Chủ Nhật tuần này, thì em phải sắp đặt cái ý định lặn xuống khe từ hôm Chủ Nhật tuần trước.*

*Mọi Nhỏ: Còn nếu như mình sắp đặt xong xuôi cái ý định, mà rồi ra rốt cuộc cái trái bom nổ thì có phải là uống cái công trình sắp đặt kể biết mấy mươi?*

*Monroe: Đâu có chi mà uống. Cuộc sắp đặt chính tẻ, tự nơi nó cũng đã làm một cái gì thơ mộng lắm rồi. Cũng tỷ như chàng thi sĩ kia bao năm trời nó làm thơ tặng chị, mặc dù nó biết rằng chị đã chết rồi, thì làm sao tiếp nhận được những bài thơ nhớ nhung của nó.*

*(Mùa Thu Trong Thi Ca)*

Tất cả sắp đặt đều vô ích trước định mệnh. Con người và định mệnh luôn luôn chơi trò ú tim để chụp bắt nhau ở mỗi cung số. Chính vì người thơ đã thấy được và biết qua thực tại, nên mỗi suy nghĩ như niềm đau hủy diệt! Nhưng cuộc sống là một dòng nối tiếp vĩnh cửu cũng như Vũ Trụ, chỉ có khác, nó thay đổi theo mỗi giai đoạn góp mặt của từng lớp người liên tiếp và liên tục, nên cái qua đi và cái sắp đến, không chắc đã nằm chung ước lệ. Thơ Bùi Giáng ít có chuyện đề cao tình yêu hay lãng đãng nhớ nhung một vóc dáng đàn bà nào. Tình yêu chỉ được coi như chuyện đùa bỡn qua từng ý nghĩ u mặc. Bản chất người thơ như vậy:

*Em xin chàng chớ lai rai  
Con đường thôn lấm ngày dài chi mô  
Mở môi ngôn ngữ hồ đồ  
Vén xiêm em lội xuống hồ nước kia...*

*(Lá Hoa Cỏn, Thôn Nữ)*

*Trình nữ em có mặc áo quần  
Mà không ắt hẳn là quần thật xinh*

*Nếu như em chẳng mặc quần*

*Thì ông trời ắt càng mừng rỡ hơn...*

*(Sa Mạc Phát Tiết, Tuy Nhiên)*

Thơ Bùi Giáng không quần quít, vội vã. Ngôn từ đi dần vào thân nhiên, suôn sẻ gần như buông lơi trước mắt. Nhiều bài cho người đọc cảm tưởng, làm thơ dễ quá! Nhưng xin chớ tưởng lầm. Cái hồn nhiên, thư thái đó là kết quả của công phu học hỏi, ví như vị Trưởng Thượng dày công tu luyện tới mức “thượng thừa”, đã nhập Đạo rồi, thì sắc diện và thân xác bên ngoài ngó nhẹ như tơ, nhưng nội tại thâm hậu, tóm thâu càn khôn một mối.

Bùi Giáng thường nhìn cuộc đời qua tấm lăng kính bi quan, có lẽ vì mãi mê suy luận. Người thơ cho rằng, cái nhân loại man rợ này đã làm ung thối hết mọi tinh hoa, và máy móc làm con người trở thành nô lệ cho phương tiện, Bùi Giáng phải đi tìm cái tinh thể đích danh của thi ca trong suy tưởng. Mỗi con người là một vũ trụ của riêng nó, tại sao chẳng ai hay biết? Cái vùng Chân-Không-Tịch-Mịch kia nào có xa gì và chiếc cánh cửa cuối cùng đều mở cho mỗi kiếp sống đó ru? Thi nhân đi tìm Heidegger trong ngôn ngữ, tư tưởng để nguôi ngoai thần trí. Nhưng cuối cùng: *“Một dị bấu huyền mộng huyền sương dịu hiu như đám hoa nhất hiện. Tại miền biển tục sóng lam (August vốn xưa kia từng ra phiêu du miền biển) có một cái gì động đậy (dù sao chẳng cũng, tuy nhiên ấy mà), và ngoài kia có một thanh âm nào động khứa bọt mơ hồ, một cái gì khả dĩ nghe ra đường gân nhúc nhích, hỡi ôi! một trận thủy lục hòa âm, thủy triều hòa tấu. Tại đây - hư vô gặp gỡ hư vô, ở đâu? Chẳng phải là ở đó, cũng chẳng phải là một cái lỗ, hoặc một khe hang. Chỉ biết cam lòng đành phận lắc đầu mà thôi...”* (SHHNM, Bùi Giáng, trang 306, có kèm theo phần Đức ngữ, nguyên tác của Heidegger)

Nhưng câu hỏi đầu tiên: *“Đáo cùng do đâu mà có hiện thể, sao lại chẳng là hư không?”* vẫn chìm sâu trong Nếp Gấp của nó.



Người thơ muốn cùng lúc làm một triết gia? Không hẳn như thế. Bùi Giáng bị ám ảnh bởi hư vô nên muốn tìm hư vô trong tất cả mọi tư tưởng của các đại-triết-gia Phương Tây lẫn Phương Đông. Vấn đề này mất nhiều thì giờ và làm khổ người thơ không ít. Có lẽ, nó là nghiệp chướng! Người thơ còn để Parménide, triết gia Hy Lạp ở giữa thế kỷ thứ V và VI trước Công Nguyên, đối thoại với thi hào Nguyễn Du về chiều hướng tư tưởng:

*Nguyễn Du: Kể từ thiên thu đứng lại?*

*Parménide: Đứng lại tự bao giờ hồi tưởng công? Lão hủ mạo muội đáp nhé: Đứng lại từ giữa cuộc chuyển di trên một đường-rẽ-trắng-ngã-ba, đi về trong ngôn ngữ của tồn lưu lịch sử ngậm ngùi.*

*Nguyễn Du: Vì sao lịch sử ngậm ngùi? Thưa lão trượng! Chắc rằng lão trượng còn kinh? Giác mơ quý dị bên mình còn reo?*

*Parménide: Thưa trượng công, trượng công từng đã linh cảm tấn kịch bi hùng riêng biệt của non sông này, và đặc dị của dân tộc này. Linh cảm đến mức độ nào, mà lời về trong ngôn ngữ trượng công đã dạy triệu mệnh mỏng đến thế? Đó là điều lão hủ không dám chắc mình đã nghĩ ra, và đó cũng là nguyên nhân khiến lão hủ không ngại dậm nghìn nước thăm tìm tới viếng trượng công bạn này.*

*Nguyễn Du: Dám thưa lão trượng: sao gọi là linh cảm. Tại hạ cũng không rõ mình đã linh cảm trong cơn xuất thần trên nhịp phiêu bông chiêm bao... hay là tại hạ đã xuất phóng hoạt tồn trước những điều trông thấy. Trông thấy một lần và bàng hoàng suốt xứ. Và biên thùy từ đó đã mờ xóa hết để miền cõi kết tụ và hiển hiện ra ở trong ánh vàng nhị bội của một vùng nguyệt biên cương.*

*Parménide: Những điều trông thấy...*

*Nguyễn Du: Vâng. Tại hạ đã nhìn suốt tuổi thanh xuân mình. Và từ đó về sau...*

*Parménide: Từ đó về sau tướng công đã nguyện làm Liệp Hộ.*

*Nguyễn Du: Được chăng, thưa lão trượng?*

*Parménide: Được. Đó là điều kiện tiên khởi cho mọi cuộc tái lập trùng tu. Làn ánh sáng Như Lai đã ngậm ngùi về trên Việt Nam vô song từ đó.*

*Nguyễn Du: Vì sao ngậm ngùi riêng biệt trên non nước Việt Nam?*

*Parménide: Vì Việt Nam là cái chốn, cái nơi của mọi cuộc tương xung sử lịch cõi trần bên mép bờ Hình Nhi Hạ Khổng.*

*Nguyễn Du: Vâng ạ. Và bên cõi miền của Thiên Chúa Giáo xa xôi rã rời trong mạch thẩm. Nguyên tuyên Hy Lạp không nhắc nhở lời nào cho làn nước chảy lang thang.*

*Parménide: Đó cũng là nguyên nhân xui ta về viếng tướng công. Mà ban sơ ta tưởng không thể nào tìm ra lời thích đương để thoát. Nhưng thưa tướng công, ngôn ngữ của tướng công còn khép mở một ẩn ngữ xui lòng ta xao xuyến. Tướng công cùng tư lự trong một cõi với ta. Nhưng những điều trông thấy của tướng công còn dội vào đáy thẩm linh hồn tướng công đến một độ nào ta không rõ lắm. Nêu câu hỏi tại chỗ đó, có là thô lỗ trống trải chẳng? Có làm tướng công phiền muộn chẳng?*

*Nguyễn Du: Lão trượng yên lòng. Chính tại hạ vừa rồi đã có ý nêu ra trong cái lời thoát... Xuất phóng hoạt tồn trước những điều trông thấy. Trông thấy một lần, và bàng hoàng suốt xứ... Thiên cổ vô cùng giang mạc mạc...*

*(Trăng Châu Thỏ)*

Cuộc đàm luận Parménide - Nguyễn Du ở giữa cõi U Minh! Vì sao lại xảy ra sự tình như vậy trong ý nghĩ của Bùi Giáng? Có lẽ qua tìm hiểu, thi sĩ đã khám phá ra giữa hai thiên tài có những điểm trùng hợp về ý tưởng. Hơn hai ngàn năm trước Parménide

đã ý thức được cõi Vô-Cùng-Bất-Diệt trong tập thơ *De la Nature* và Nguyễn Du cũng đã thấu suốt “*Những điều trông thấy...*” nên “*Trái qua một cuộc bể dâu*”, cũng là trải qua khoảng Chân-Không-Tịch-Mịch. Nguyễn Du vì rõ “*Trước, Sau*” nên tại đây tiềm thức hiện ra một dòng sông không ngoi nghỉ từ tiền kiếp tới mai hậu. Cố gắng làm chi, cõi Hư Vô thì câm tiếng, thời gian vẫn ác nghiệt, còn không gian lại ngoảnh mặt làm thinh.

... *Biết thân chạy chẳng khỏi trời*

*Cùng liêu mặt phấn cho rồi ngày xanh...*

... *Nàng rằng tiền định tiền tri*

.....

...*Duyên xưa đầy đặn phúc sau dồi dào.*

... *Xập xè én liệng lâu không*

*Cỏ lan mặt đất rêu phong dấu giày...*

(Kiều)

Có thể do đây, Tố Như đi tìm Vô Cùng qua vóc dáng Giác Duyên? Nguyễn Du, phải chăng là cái gạch nối giữa Lão Tử chối bỏ và Khổng Tử dẫn thân, giữa con người và cõi Siêu Thoát trong đạo Phật? Parménide đi tìm Nguyễn Du cũng vì “*duyên xưa, phúc sau*” để soi tỏ cái thâm hậu của Đông Phương trầm mặc! Nguyễn Du đã đau đớn vì “*biết*” mà không tránh được mệnh trời, “*thấy*” mà vẫn phải làm theo duyên nghiệp với nàng Kiều mười lăm năm lưu lạc! Chẳng rõ Bùi Giáng có “*biết*” và “*thấy*” gì không, hay cũng vì chữ nghiệp mà tự đẩy ải vào cõi mộng lung của luận lý, làm điều đúng đời sống và chết sững tâm hồn trong vẩn điệu? Nguồn thơ Bùi Giáng không chảy chung một mạch nước, nó tỏa ra nhiều nhánh, ở mỗi nhánh lại chứa đựng từng buồn phiền riêng biệt. Nhưng cuộc sống đâu phải lúc nào cũng cho ta thất vọng và con người đâu cần phải có một kiến thức căn bản triết học mới sống được? Cái đời sống hồn nhiên, giản dị, mỗi người đều có thể tự

minh hình thành một cách thỏa đáng, miễn tự biết và đừng có tham vọng. Người thơ chắc cũng muốn tìm đời sống hồn nhiên đó cho mình, nhưng chỉ gặp những “đoạn trường”, để từ đó, đi dần vào mê loạn tâm trí:

*Cuộc điên đã chấm dứt rồi  
Bây giờ điên nữa cho đời điên thêm  
Dưới trời thiên hạ hằng đêm  
Đổ ra thiên thượng ở trên hằng ngày  
Dấu chân tỳ tử an bài  
Mép rìa xuôi ngược nét ngài nở nang.*

*(Sa Mạc Phát Tiết, Nỗi Buồn)*

Cái điên của thi nhân, sự thực, không làm phiền lụy đến ai hết, nó thuộc về đời sống riêng, người yêu thơ chỉ cần cảm thông chứ không cần lý luận.

*Thỏ lặn ác tà mộng tưởng hao  
Mòn con mắt một cõi chiêm bao  
Ngủ canh tâm nã con đồ đạc  
Tam giác tinh hà ảnh động dao  
  
Quá khứ liên tồn vô ngân tích  
Sáng tiền minh nguyệt chiếu hoàng mao  
Hai hàng mọc cỏ thu sương ngậm  
Vành vạnh lê hoa chúc chúc chào...*

*(Sa Mạc Phát Tiết, Quỷ Ma Đồi Thoại)*

Nguyên vẹn đồn nén và ám ảnh, từ chiêm bao ám ảnh đi: Năm canh không ngủ để tâm nã “con đồ đạc” và “liên tồn” không ngân tích, có ánh trăng chiếu sáng “hoàng mao” với hai hàng cỏ mọc ngậm sương thu chào đón. Chao ôi! Cô đơn nó sâu thẳm đến thế sao, nó giãi vò thể xác như vậy sao? Nó là quỷ ma quán rết vòng trí não vì:

*... Mưa đầy trời gian xuống tuyết vơi  
Bay về đùng đình cụng đầu tôi  
Tháng theo ngày dậy rằm xanh nguyệt  
Ba góc càn khôn lộn bốn trời.*

*(Sa Mạc Phát Tiết, Đường Cong)*

“Ba góc càn khôn lộn bốn trời” chỉ là ngôn ngữ tượng trưng trong thi ca, nhưng chắc phải quyến rũ lắm, đam mê lắm, nên người thơ mới ngất ngây giữa thi tứ!...

Bùi Giáng, nhà thơ siêu thoát, coi đời như giấc chiêm bao, nên đùa vui để khuây khỏa, cho quên đi ngày tháng buồn tênh, và đắm chìm nhớ thương vào cõi U-Hoài-Tịch-Mịch. Bùi Giáng, người đã chối bỏ thi ca chẳng phải vì câu nói của Platon thuở nào, đã chạm tới tự ái thi nhân, mà chính vì thi ca bất lực, không có quyền năng cứu vãn được thân phận ai cả, lại còn làm cho con người chán chường thêm! Bùi Giáng đọc nhiều, nhớ nhiều, nhưng càng đọc, càng nhớ lại càng chìm sâu tâm hồn vào cõi mơ cuồng loạn đố vờ:

*... Nếu Thượng Đế quá thật yêu thương loài người thì  
Thượng Đế nên tạo ra nhiều nương tử khổng lồ. Ấy là cốt để làm  
gì? Ấy là cốt phòng khi nào bọn chán đời muốn lọt vào lòng mẹ trở  
lại thì có chỗ để lọt đầu chui vào. Và như vậy sẽ còn có cơ hội được  
sinh ra đời lần khác, khỏi sự làm trở lại một thằng bé sơ sinh  
tuyệt nhiên không biết sao gọi là chán đời.*

Tuy nhiên vì trái đất nhỏ hẹp quá, nếu tạo ra Nương Tử khổng lồ thì các nàng sẽ không có chỗ trú. Vậy trước tiên, Thượng Đế nên thổi phồng trái đất to ra gấp mười lần, thì sự tình sẽ được dàn xếp viên mãn về sau.

*(Thi Ca Tư Tưởng, Thượng Đế)*

Buổi nào đó, Bùi Giáng gặp cõi Tịch Mịch chắc thi nhân mới hết băn khoăn về ý thức Siêu Hình, về nguyên cơ thứ nhất: *Đạo*

*cùng do đâu mà có hiện thế, sao lại chẳng là hư không?... hân nhiên, trong ngôn ngữ thi ca đã có điều đó rồi!*

Bùi Giáng dần thân vào triết học mong tìm trong đó vài điều hợp ý mình. Nhưng có lẽ, càng vào sâu càng gặp thất vọng và cảm thấy đi sai con đường dự tưởng. Hơn nữa, giữa cuộc đời người thơ gặp nhiều u uẩn với bao thị phi rối rắm làm buồn lòng không ít. Bùi Giáng như đứng mấp mé trước hiểm họa “Tẩu Hỏa Nhập Ma”, nên cuối cùng, muốn trút bỏ hết để trở về với những cánh chuồn chuồn và châu chấu trong đồng ruộng quê hương tuổi nhỏ...

## BÙI GIÁNG, HÒN THƠ BỊ VÂY KHÔN<sup>(\*)</sup>

Đối với đa số, Bùi Giáng là một nhà thơ điên. Không nhắc đến bọn tục, bọn tỉnh, bọn khôn suốt cả đời chẳng một giây nào thêm “thơ” đến tuyệt vọng, nói ngay những người quý ông - nhìn được ông như một thiên tài, thiên tài tự huỷ ghê gớm nhất của thi ca Việt Nam hiện đại - nhiều khi cũng né tránh, chẳng dám bước hẳn vào cõi thơ ông, hoặc có bước vào thì cũng theo cái lối “chân trong chân ngoài”, “mắt trước mắt sau”, cười cợt vui đùa hay nghiêm trọng lơ lửng, tưởng như thế là làm thuận ý, vui lòng nhà thơ - người bấy trăn nghiêm trọng và ta nên chiều người.

Chính thái độ của những kẻ yêu ông, những kẻ ghét ông chẳng đáng nói, càng khiến ông phát “bẩn”, càng khiến ông phát “điên” (điên tiết), càng khiến nhà thơ thêm lạc lõng, “một mình một cõi”, càng đẩy ông tới chốn hoang vu bờ bãi, chơi với mọi với beo, với gấu, với châu chấu, chuồn chuồn.

Không. Bùi Giáng không điên. Ông là một nhà thơ sáng suốt, cực kỳ. Ông là một nhà thơ “ngộ”. Đừng hiểu chữ “ngộ” trong cái nghĩa đơn giản của đạo giáo, Bùi Giáng sẽ nhắm mắt nổi quạu, ông có thể sẽ tông cửa chạy tuốt xuống Biên Hoà ngay lập tức. Hãy để cho tiếng ấy “phiêu bồng” từ Nam chí Bắc qua mọi nghĩa

---

(\*) Bài đăng trên *Văn*, số đặc biệt về Bùi Giáng, Sài Gòn tháng 5 năm 1973. Thanh Tâm Tuyền (1936 – 2006) – một trong những nhà thơ nổi tiếng nhất của văn học miền Nam trước 1975, quê Hà Đông, sinh tại Vinh, mất tại Hoa Kỳ.

có thể có: (ngộ đại, giả ngộ, ngộ quá ta, ngộ ngộ, ngộ không, ngộ nhận, ngộ độc...)

Từ buổi đầu Bùi Giáng đã nói:

*Tôi chấp thuận trăm lần trong thốn thức  
Tôi bàng hoàng hốt hoảng những đêm đêm  
Tôi xin chịu cuồng si để sáng suốt  
Tôi đui mù cho thoả dạ yêu em.*

*Tôi tự nguyện sẽ một lòng chung thủy  
Qua những lần buồn tủi giữa đảo điên  
Thân xương máu đã đành là uỷ mị  
Thì xin em cùng lên thác xuống ghềnh.*

*Em đừng mũi chịu sào có vừng  
Bàn tay bưng đĩa muối có chấm gừng  
Tôi đã nguyện yêu trần gian nguyện vẹn  
Hết tâm hồn và hết cả da xương.*

*Xin yêu mãi yêu và yêu nhau mãi  
Trần gian ôi! cánh bướm cánh chuồn chuồn  
Con kiến bé cùng hoa hoang cỏ dại  
Con vi trùng sâu bọ cũng yêu luôn.*

*Còn ở lại một ngày còn yêu mãi  
Còn một đêm còn thở dưới trăng sao  
Thì cánh mộng còn tung lên không ngại  
Núi trời xanh tay với kiếng chân cao.*

(Phụng Hiến)<sup>(1)</sup>

---

(1) Các đoạn trích dẫn rút từ *Mưa Nguồn, Đi Vào Cõi Thơ, Thi Ca Tư Tưởng, Mùa Thu Trong Thi Ca*.



Bùi Giáng đó, Bùi Giáng của *Mưa Nguồn* “bát ngát” mặc dù những “đào điền” không ngọt, còn nguyên vẹn đến giờ nếu chúng ta gặp Ông đúng lúc.

\*

Muốn gặp Bùi Giáng hãy ngao du theo dấu chân Ông để lại, hãy đánh mất mình trong cuộc Lữ, *hãy chịu cuồng si để sáng suốt*. Nghĩa là hãy “thơ mộng” như Ông.

Chẳng khó khăn lắm đâu.

Hầu như Ông đã mở sẵn những cửa mời gọi kẻ đồng điệu.

*“Thơ là cái gì không thể bàn tới, không thể dịch, diễn gì được. Người ta có thể diễn tả một trận mưa rào bằng lời thơ. Thì có lẽ muốn diễn tả một bài thơ, người ta chỉ có thể phát động một trận mưa rào, hoặc một cơn gió thu. Mà muốn thực hiện sự đó, thì ngoài việc làm thơ ra, con người không còn phép gì khác. Thế có nghĩa là: muốn bàn tới thơ, diễn dịch thơ, người ta chỉ có thể làm một bài thơ khác. Người xưa am hiểu sự đó, nên họ chỉ vịnh thơ, chứ không bao giờ diễn rõ gì mà luận bàn về thơ. Người đời nay trái lại, họ buộc phải luận thơ có mạch lạc luận lý, không được “bức đồng” vịnh lãng nhãng. Cái chỗ ngu si đó là điều bất khả tư nghị vậy”.*

*“Thơ tôi làm (...) trong mấy cuốn thơ của tôi chỉ là một cách diu ba đào về chân trời khác.*

*Đi vào giữa trung tâm bão động một lúc thì lập thời xô ngôn ngữ thoát ra, phá vòng vây áp bức. Tôi gạ gẫm với châu chấu, chuồn chuồn, đem phó thác thảm họa trần gian cho chuồn chuồn mang trên hai cánh tay mỏng bay đi. Bay về Tử Trúc Lâm bay về Sương Hy Lạp, ghé Calvaire viếng thăm một vong hồn bát ngát, rồi quay trở về đồng rộng, làm mục tử chăn trâu. Làm mục tử không xong bỏ trâu bò chạy lạc, phá phách mùa màng, khoai sắn,*

thì tôi chạy về bấm báo với ni cô cho phép con chuẩn chuẩn của tôi cư lưu một phút giây trong linh hồn bao dung phương trượng. Ni cô xua đuổi tôi thì tôi ra bờ sông nằm ngủ khóc một mình thơ đại giữa chiêm bao. Trong chiêm bao thơ về lãng đãng thì từ đó vẫn bất tuyệt cùng lãng đãng chiêm bao...”

“Hãy để yên cho tôi điên tôi dại. Đừng ai nói đến tôi. Và nhất là đừng có bàn đến thơ tôi. Tôi không dám si mê, cũng không dám hoài vọng. Một mai tôi chết. Nghĩa là tôi không còn sống. Tôi sống trong con dại con điên. Tôi làm thơ trong con điên con dại. Nghĩa là tôi chết hai ba lần trong trần sống... Người yêu đừng bèn mắng đến, bạn bè hãy đi xa. Để tôi một mình tha hồ tôi điên tôi dại. Ai có đến gần thì hãy thử điên dại cho như tôi...”

“...Ông Whitman ôi. Tại hạ làm thơ nửa phần giống thơ ông, nửa phần giống thơ ông Dylan Thomas, nhưng giống theo một thể thái bẽ bối đuôi uoi, chứ không có được cái phong độ tiên thiên cốt cách. Vậy bây giờ tôi cố gắng làm một bài thơ rất mực cốt cách tiên thiên để tặng ông chơi một trận. Tuy nhiên càng hì hục bắt chước tiên thiên càng lộ ra cái nết na đuôi uoi phong thái. Vậy tôi xin ngậm ngùi dừng bút, chẳng dám ký tên dưới tờ thư cay đắng.”

Không có ai có thể nói về thơ Bùi Giáng hơn Bùi Giáng, bởi chẳng ai ở đây đã sống thâm hoa trần gian thu trong thâm hoa thơ hơn ông. “Chán chương thi ca mà cứ làm thơ hoài ấy là đạo vậy”.

Xin chào nhau giữa con đường

Mùa xuân phía trước miên trường phía sau.

Đó là mở phôi hào hứng một thời - như Whitman, “kẻ rờn như ông già bơi đua cùng lũ trẻ và chịu thua lũ trẻ”.

Đường sông bóng đổ cơ trần

Gắm chông gai ấy ai từng đạp qua

Ghi môi con mộng la đà

Tiểu giao suốt cõi mù sa trên rừng

*Nửa vời trắng rộng mông lung  
Đường hoa nghi hoặc thấp tùng ni cô.*

Đây là phiêu bồng “thơ đại nhất và sầu u nhất” - như Dylan Thomas.

Whitman kẻ mở, Dylan Thomas kẻ đóng, một chân trời. Kẻ say với “lá cỏ”, với “phố thị”, với “ta”; kẻ say với con chết, giọt sầu, với huyền hoặc.

\*

Nhưng còn chúng ta? Chúng ta nghĩ gì về thơ ông?

Đừng có nghĩ, hãy buông mặc theo ông, như ông từng buông mặc trong trận đồ kẻ trước. Ông luôn luôn nhắc bảo nơi ông là những bóng vang ai khác. Và ta hãy là bóng vang của ông.

Hãy để ông nghĩ cho chúng ta về những gì chúng ta có thể nghĩ tới và cả những gì chúng ta không thể nghĩ tới.

*“Chúng ta quen thói ngong ngóng chạy theo đuổi mọi thứ trào lưu chủ nghĩa, chúng ta tuyệt nhiên không còn giữ một chút tinh thể còn con náo cả để thể hội rằng lục bát Việt Nam là cội thi ca hoàng viễn nhất, kỳ ảo nhất của năm châu bốn biển ba bảy sông hồ.”*

*“Cái thói học đòi vá víu thông thái đã âm thầm giết chết mất máu me thân thể chúng ta. Hết chạy theo đuổi ông Camus, tới chạy theo đit bà Simone Weil, rồi xô ùa chạy theo giò cẳng ông Krishnamurti... Đó chính là cái cội của lai rai thượng thừa, của bê bối tối hậu. Tới bao giờ mới chịu đi về giữ áo đuôi uoi? Hỡi những thằng trung niên thi sĩ, và hỡi những đứa chẳng thi sĩ trung niên...”*

*“Nghĩ cũng dị kỳ thật. Người Việt Nam vốn là người thơ mộng thi sĩ nhất thế giới (chỉ riêng cái màu da vàng Việt Nam thôi cũng đã thơ mộng hơn mọi màu da đen hay trắng) thì người*

*Việt Nam lại chẳng bao giờ đọc thơ Việt Nam, lại luôn luôn trút hết cội long thơ mộng của mình cho những thứ sách vở hổ lốn tạp nham ở đâu đâu. Lại chạy đi si mê những da trắng Marilyn, những da đen Phi Châu chiêm bao bờ cỏ. Làm bao nhiêu câu thơ thơ mộng lại đem gán hết cho châu châu chuồn chuồn. Ấn ngữ gì mà đoạn trường ra như thế”.*

*“Những bài thơ chuồn chuồn châu châu của ông quả thật là có ý nghĩa. Nó bay nhẹ vi vu quả có đúng như là phận mỏng cánh chuồn. Vào những buổi sáng mùa đông lạnh lạnh ở Trung Việt, vào những buổi chiều mùa thu ở Bắc Hà, hình bóng những con chuồn chuồn bay lượn cuối ngõ, đầu xuân, thật là tha thướt. Đòi phen cái tiết điệu riêng biệt ấy cũng còn tái hiện trong đôi vản phồn hoa, mặc dù ở phồn hoa không bao giờ có chuồn chuồn bay vòng múa lượn”.*

Chúng ta hãy chịu chơi trong tan nát giữa trận đồ của Bùi Giáng. Mọi điều Bùi Giáng đều nói, chẳng bao giờ hết, nhưng chẳng thể ngậm miệng, nên chúng ta cứ việc ngậm miệng, si mê và chúng ta sẽ được nghe. Nghe bát ngát, nghe phiêu bồng, nghe tối tối im ông trốn lảng, lượn vòng.

\*

Đừng tưởng Bùi Giáng điên, cũng đừng tưởng Bùi Giáng rờn, mặc dầu có lần ông tuyên bố là ông thích bày “cuộc vui”.

Bùi Giáng là một nhà thơ trầm trọng:

*“...Nhu Lai rờn từ bi, Jesus Christ rờn bác ái, Sophocles rờn trang nhã, Thâm trầm kỳ nguyệt, Euripide rờn ẩn ẩn hiện hiện, Ngọa Long Sinh rờn u rùng, Kim Dung rờn bất tuyệt, Hồ Dzếnh rờn nên thơ chân thiết, Tú Mỡ rờn như đuôi uoi, Shakespeare rờn như Phượng Hoàng, Nietzsche rờn tan tành xương máu, Gide rờn*

*lúc giật lúc buông lúc chùng lúc thẳng, Tô Mạn Thù rơn náo nùng đốt cháy máu tim."*

Còn Bùi Giáng?

*"Nhe răng cười trong bóng tối... Không bao giờ bắt chuẩn chuẩn và cứ bảo rằng mình luôn luôn bắt chuẩn chuẩn... Không thiết chi đọc sách mà vẫn cặm cụi đọc sách hoài... Suốt năm khác khoải loay hoay mà tự cho mình thanh thoát phiêu bồng... Chán chương thi ca mà cứ làm thơ hoài, đêm tối trần gian đau đớn vô cùng mà vẫn bảo rằng trần gian lộng lẫy... chuốc sầu vạn đại thì bảo rằng mua vui cũng được một vài trống canh..."*

Rơn trầm trọng là Bùi Giáng, rơn đầy thâm hoa, rơn khắp mặt thể giới như Tôn Ngộ Không - Ngộ Không nhảy trên bàn tay của Quan Âm (Quan Âm biến thành Phùng Khánh, Tri Hải, Marilyn, Brigitte, Kim Cương, ba cô mọi bên bờ Phi Châu...) chỉ vì "Người tư tưởng không còn dám viết gì về tư tưởng nữa."

Bởi rơn trầm trọng nên:

*"Chúng ta phải để cho thơ Xuân Diệu rúc vào trong tuỷ xương mình. Vì y đủ thói bóng lông thấm thiết của con người thượng đạt. Y trẻ đại, y lãng nhãng, y nói tới nỗi đời rồi y xóa đa đoan đau buồn. Y hồn nhiên giữ áo, nắm lấy cung cầm Tăng Điểm đánh lên giữa mùa Xuân..."*

Nói vậy nhưng Bùi Giáng chẳng bao giờ là Xuân Diệu. "Tây Phương, Đông Phương cổ kim không có một nguồn thơ sánh kịp". Cứ chịu khó theo ông "Đi Vào Cõi Thơ", đi vào "Thi Ca Tư Tưởng" mà nghe ông bình thơ, mà nghe ông "Ngàn Thu Rớt Hột" nghe "Sa Mạc Trường Ca". Và hãy nhớ lời dặn dò này:

*"Đi vào cõi tư tưởng, chúng ta luôn luôn phải lưu ý tới cái lối ăn nói nghịch lý của người tư tưởng. Họ nói một đường để ta suy ra một ngã."*

Sở dĩ Bùi Giáng trầm trọng, bởi nơi ông cả cái kiếp hoa của thơ đang diễn: hồn thơ đang bị vây khốn. Bị vây khốn bởi “tư tưởng”, bởi “văn”. Thơ muốn bay thoát, chấp chới như những cánh chuồn chuồn giữa trời. Nhưng đâu là tổ chuồn chuồn đây? Nào ai biết. Bùi Giáng cố muốn biết, cố săn đuổi tới cùng.

Nhưng chuồn chuồn báo hiệu trời sắp mưa. Một trận mưa nguồn thuở cũ, Bùi Giáng mơ màng chẳng? Ông Bùi Giáng ơi, Tang Phường đâu? Trang Phường đâu? Sau trận mưa nguồn kiếm nàng giáp cùng trận đồ ông chẳng thấy. Chỉ thấy trở đi trở lại hoài đây đó hai câu của Hồ Dzếnh:

*Thơ về nắng sáng lòng bay*

*Gấp đi cánh phượng cho ngày rạng ra.*

Đến đây coi như tạm đủ, nói thêm đến bao nhiêu nữa rồi cũng vẫn là tạm. Tạm với Bùi Giáng. Tạm với chúng ta. Tạm hết.

Chỉ mong một lúc nào bạn “ngộ” côi thơ kia.

*“Đi Vào Côi Thơ”. Thế nghĩa là? Có một côi và một cuộc đi, cuộc đi có nhiều thể thái. Có thể đi theo lối chu du của ông Khổng Tử. Có thể đi theo lối ngồi yên không rục rịch suốt bao nhiêu diên trường tuế nguyệt dưới một gốc cây bồ đề theo lối Như Lai. Cũng có thể đi theo lối anh lừa bò vào đôi sim trái chín...”*

*“Đi như vậy dù sao thì dù, cũng là trong ý hướng mở côi ra chơi. Không ai buộc ai phải theo ý riêng độc đoán của ai.”*

*“Anh lừa bò vào đôi sim trái chín? Một mặt anh lưu tâm đến trái chiếu cố cho những con bò, đừng để chúng lạc lối vào sâu trong rú rậm rồi mất lối trở ra... Anh thông dong ngồi xuống một gốc cây sim. Anh có thể chọn một gốc cây sim già, hoặc sim trẻ, hoặc một cây sim sử lịch nào vốn đã từng chứng giám một u tình của một Hoàng hậu Phèdre xưa kia.”*

*“Rồi anh dần dần mở côi. Đã gọi là mở côi thì chẳng nên khép miến. Nghĩa là... tránh cái lối bưng bít...”*

*“Đó là điều kiện cần và đủ, không ai buộc ai phải đi qua miền bạc bình sinh.”*

*“Ta ngồi dưới gốc cây sim, lắng tai nghe bò đương gặm cỏ, thông dong đưa tay với một cành, hái một trái chín ăn chơi.”*

*“Bống dung? Bống dung nảy ra một sự tình kỳ bí: bàn tay ta vừa chạm với một trái sim riêng rẽ, thì suốt dãy rừng, toàn thể ngàn sim lục bống chấn động vang lừng. Đó là bí quyết lạ lùng. Một bí quyết bất khả truyền”.*

## TRƯỜNG PHÁI BÙI GIÁNG<sup>(\*)</sup>

Tôi đến gặp ông vào những ngày đầu năm 1976 và từ đó đến nay ông có đến nhà tôi một lần. Nói cho đúng là tôi đưa ông về nhà tôi số 6 Đặng Thái Thân. Hôm đó ông đang đứng dưới trời mưa giữa ngã tư Nguyễn Tri Phương - Lý Thường Kiệt, chỉ trông người qua đường. Người ông ướt mềm, tay chân run cầm cập. Tôi nhen lửa cho ông sưởi và đưa một bộ quần áo lính cho ông thay. Ông luống cuống tìm chỗ kín. Tôi bảo ông cứ cởi truồng ra. Ông nói cái đó không phải thơ lúc nào cũng bày ra được. Ông vừa sưởi vừa làm tặng tôi một bài thơ. Một ngày sau tôi thấy ông đứng giữa một ngã ba khác, vừa chỉ đường vừa la hét rằng ông ở Campuchia mới về. Thỉnh thoảng ông có đến 81 Trần Quốc Toản uống bia, rất tình tảo. Ông nâng ly bia, trình trọng hớp từng hớp một, trầm lặng. Có một lần tôi và Trịnh Công Sơn cùng ly với ông, trong bàn có một nhà thơ trẻ thích nói tiếng Tây và chê ông nói tiếng Tây bồi. Tôi căn nhà thơ trẻ không được. Tôi nói rằng: Người mà anh chê nói tiếng Tây bồi đó là một gã đã từng dịch khoảng 50 tác phẩm của thế giới. Tôi kể tên tác giả được ông dịch như Martin Heidegger, Albert Camus, André Gide, Saint-Exupéry, Shakespeare và có 10 tập thơ đã in. Trong

(\*) Bài in theo *Đặc san tưởng niệm thi sĩ Bùi Giáng* do nhóm thân hữu Quảng Nam Đà Nẵng thực hiện, lưu hành nội bộ.

Thu Bồn (1935 - 2003) - nhà thơ, nhà văn, quê ở Quảng Nam.



khi nhà thơ trẻ đó hăng hái tranh cãi thì ông rút lui nhẹ nhàng. Tôi quay lại đã thấy ông đứng giữa ngã tư Trần Quốc Toàn và Tú Xương, chỉ trỏ lên trời như muốn hướng dẫn các thần linh đi lại.

Bằng đi một dạo tôi thấy vắng ông, tôi hỏi Bùi Bảy và Thái Râu về sức khỏe của ông. Được biết ông bị một gã chủ quán vô lại đánh bị thương nặng đang cấp cứu ở Bệnh viện Chợ Rẫy. Bùi Bảy làm đơn kiện tên chủ quán thì bị ông ngăn lại. Ông nói *hãy tha cho nó, nó có ngu dốt mới đánh mình, vì nó không biết mình là con nhà trời. Nếu kiện, nó ở tù, không ai bán hủ tiếu cho bà con ăn*. Tôi vào bệnh viện thăm ông thì các bác sĩ nói rằng ông đã treo tường trốn đi mất rồi. Tôi nhìn lên bờ tường bệnh viện Chợ Rẫy cao vợi lờm chớm thép gai thế mà ông đã vượt bằng cách nào?

Vài lần nữa, tôi đọc thơ ở Trường Đại học Sư phạm nhìn xuống thấy ông ngồi nghiêm chỉnh ở dây ghế giữa. Tan đêm “Tiếng thơ” tôi xuống tìm thì ông đã lẩn đâu mất.

Những người thân cận ruột của ông như Bùi Văn Nam Sơn, Bùi Bảy và những người bà con khác cố đưa ông về một chỗ để tiện việc nuôi nấng cấp dưỡng, nhưng ông đâu có chịu. Nhà của ông là vũ trụ. Hồi chiến tranh có lần nhà thơ Hoàng Phủ Ngọc Tường đến thăm ông đang ngủ trong nghĩa trang thành phố, Hoàng Phủ Ngọc Tường đánh thức ông dậy. Ông từ từ ngồi dậy và cố ý bảo Tường nói nhỏ nhỏ đừng làm những người dưới mộ thức giấc.

Ông sinh trưởng ở Vĩnh Trinh, Duy Xuyên trong một gia đình hào phú. Ông cố nội Quảng Nghi có đến 4.000 mẫu đất, giàu có nổi tiếng một vùng. Nhưng lớn lên ông sống cuộc đời

khổ cực lang thang khắp miền Trung, khi thì chần bô, lúc mở nông trại. Rồi cuối cùng không biết ông điên từ lúc nào. Khó có người lý giải được ông. Ông không đứng ở hiện tại. Ông sống tại thể bơ vơ. Khi tận cùng dĩ vãng, lúc chót vót tương lai. Cái có thì không, cái không thì có. Ông si tình và si thượng đế nhưng tình cũng không mà thượng đế cũng không. Ông sống với cõi tiên cõi phật nhưng thể xác đau đớn vì bệnh hoạn. Nhưng ông có thấy đau đâu. Quần áo tả toai nhưng ông không thấy nó rách nát. Ông buộc vá những chỗ lành bằng những túm chỉ xanh đỏ vàng. Những chỗ rách thấy thịt da thì ông cho là lành lặn vì ông nghĩ da thịt ông đã mặc áo da trời. Ông chơi trò bầy sắc cầu vòng trong cái thế giới vô vi mà ông đã bày đặt ra và say mê nó như một cứu cánh an ủi. Ông thương những người da bọc xương và cả những người no béo bị giam hãm trong nhà lầu xe hơi. Khi trò chơi chưa đã, ông bắt đầu kéo căng dĩ vãng về đến tương lai rồi làm ngược lại. Ông đứng chỗ nào trong trời đất này? Ta không lý giải nổi, nhưng ta hiểu nổi:

*... Hôm nay tôi kiếm củi trong rừng  
lạc mất đường về chơi bóng dưng  
sực nhớ rằng đây rừng rú thẳm  
là quê thân thiết biết bao chừng.*

*(Người Về)*

Khi về quê thì ông viết:

*... Bây giờ điệu cũ bay xa  
Nguồn trời... nước bạc đổ ra vô cùng.*

*(Tặng Bạn)*

Cũng có lúc ông lên trời để tìm một nàng tiên:

Nàng tiên ấy đã đi đâu?  
Về thăm viếng một trước sau không lời  
Một lần như một trùng khơi  
Về trao biển rộng muôn nơi nghìn trùng  
Cõi bờ như một mộng lung  
Chiêm bao gió ngược thấp từng chiều xuôi  
Trái tim người chẳng như tôi  
Mẫu người sấm chớp chơi vui dịu dàng  
Người đi tôi ở giữa đàng  
Máu tim mộng tưởng bạt ngàn trắng xanh  
Người đi tôi khóc một mình  
Đuôi uoi vô tận thỉnh linh tôi ca.

(Một Nàng Tiên)

Rồi ông trở lại trần gian, cái trần gian chỉ có mình ông tôi:

Đi về một bữa hôm nay  
Nhớ ngàn xưa đã về đây một lần...

(Trở Lại Trần Gian)

Những năm cuối đời ông lại làm thơ, nhưng bệnh tật khổ đau  
đói rách vò xé ông, sức đã tàn, tim đã yếu:

... Bài thơ lẻ tẻ xuống hàng  
Chào nhau như một chào trăng gang xa  
Đi về bất chợt mà ra  
Tình yêu như đã từng tha thiết buồn.

Gần như tới cõi thiên đường bỗng nhiên thơ ông sà xuống  
gần nhân thế hơn và lòng ta cũng như thất lại:

Đường lay lắt chiều nay sương lỗ đố  
Đứng bên trời em lại hôm qua.

(Không Đẻ)

*Bây giờ em ở nơi đâu  
Có bao giờ biết chốn nào là nơi...*

*(Bây Giờ)*

Và ta đau cùng nỗi đau của thi nhân:  
*... Anh quý xuống giờ hai tay bệ vệ  
Chỉ xin nâng một giọt lệ êm đêm.*

*(Tự Hối Vì Sao)*

*... Gập ghềnh núi đá sương tuôn  
Hoàng hôn xin xóa nỗi buồn trăm năm.*

*(Chuyện Thành Linh)*

Làm sao xóa hộ nỗi buồn trăm năm của ông:  
*Còn hai con mắt khóc người một con!*

Nhạc Trịnh Công Sơn nói hộ ông điều đó.

Có một lần tôi nghe xưng ông là “Hoàng Tử Bé” và tôi nghĩ tác phẩm của Saint-Expéry gần với thơ nên ông dịch rất đạt. Gần đúng như vậy nhưng xa hơn ông đã hoá thân vào “Hoàng Tử Bé”:

*“... Chỉ có thấy một thoáng chớp vàng loé lên mắt cá chui. Chú đứng yên một lúc. Chú không kêu. Chú té xuống dẹt dẹt như một cái cây. Cùng không nghe một tiếng động nào vì cát rộng...”*

*Bây giờ thì tôi thấy hơi an ủi. Nghĩa là... không hoàn toàn an ủi. Nhưng tôi biết chú rõ lắm. Chú bé đã trở về tinh cầu mình, bởi vì lúc trời sáng, tôi không thấy tấm thân chú ở đâu. Tấm thân chẳng có chi nặng lắm... và tôi thích nghe tinh tú ban đêm. Ấy cũng như năm trăm triệu chuông con lấp lánh dẹt dẹt reo...*

*Tôi bỗng ngạc nhiên chợt hiểu sự huyền bí nọ của cát. Thuở tôi còn bé tôi đã ở trong một ngôi nhà cổ kính và một truyền kỳ truyền lại rằng có một kho tàng chôn giấu tại đó. Hẳn nhiên, chẳng bao giờ có kẻ nào khám phá ra kho tàng nọ và cũng chẳng có ai kiếm tìm nó... nhưng nó đã âm thầm làm cho toàn thể ngôi*

*nhà trở thành huyền ảo. Ngôi nhà của tôi chứa chất một niềm bí ẩn ở dưới đáy linh hồn của nó...”*

Có lẽ tôi phải mượn đoạn văn của Saint-Expéry viết về “Hoàng Tử Bé” do ông dịch để nói về ông: *“... Tôi nhìn dưới ánh trăng vắng trán xanh xao nọ, hai con mắt khép kín nọ, mấy mớ tóc run rẩy trước gió và tôi tự nhủ: Cái ta thấy đó chỉ là một lớp vỏ thôi, cái hệ trọng nhất thì vô hình...”*

Tôi ghi thêm vào đây mấy dòng tôi viết về Bùi Giáng, khi giới thiệu ông và thơ ông trong tuyển *Thơ Quảng Nam thế kỷ 20* mà tôi đang làm dở:

*“Riêng một mình thơ ông cũng có chỗ đứng trong thơ Việt Nam - trường phái Bùi Giáng - một trường phái mà không một nhà thơ nào học nổi. Nếu chúng ta không lưu ý nghiên cứu nhà thơ này thì quả là một mất mát đáng tiếc”.*

## HIỆN TƯỢNG BÙI GIÁNG<sup>(\*)</sup>

Sinh thời, Bùi Giáng bảo: *“Hãy để cho tôi yên, tôi đại. Đừng ai nói đến tôi. Và nhất là đừng có lai bàn đến thơ tôi.”*<sup>(1)</sup> Có lẽ vì tôn trọng nhà thơ, cho nên ít ai bàn đến thơ ông<sup>(2)</sup>.

Như thơ, Bùi Giáng sống *tiêu dao* suốt cõi mù sa bên rừng, cả đời lục bát. Tại sao lục bát? Lục bát bởi vì, đối với Bùi Giáng: *“Lục bát Việt Nam là cõi thi ca hoàng viễn nhất, kỳ ảo nhất của năm châu bốn biển, ba bể sóng hồ.”*<sup>(3)</sup> Đó là lộng ngôn Bùi Giáng.

Về bản thân mình, Bùi Giáng tự họa: *“Nhe răng cười trong bóng tối... Không bao giờ bắt chuẩn chuẩn mà cứ bảo rằng mình luôn luôn bắt chuẩn chuẩn... Không thiết chi đọc sách mà vẫn cặm cụi đọc sách hoài... Chán chương thi ca mà cứ làm thơ hoài... Chuốc sầu vạn đại thi bảo rằng mua vui cũng được một vài trống canh.”*<sup>(4)</sup> Đó là mâu thuẫn Bùi Giáng.

Hỏi về tiểu sử, Bùi Giáng trả lời:

---

<sup>(\*)</sup> Bài in theo *Sóng từ trường II*, thuykhue.free.fr.

Thuy Khuê – nhà nghiên cứu văn học, quê ở Nam Định, hiện định cư tại Pháp.

<sup>(1)</sup> Trích theo Thanh Tâm Tuyền, *Bùi Giáng, Hồn Thơ Bị Vấy Khôn*, Văn, số đặc biệt Bùi Giáng, tháng 5 năm 1973.

<sup>(2)</sup> Trừ một số bài như bài của Tạ Tỵ, trong cuốn *Mười Khuôn Mặt Văn Nghệ Hôm Nay*, in năm 1972, tại Sài Gòn, tái bản ở Hoa Kỳ, và các bài viết của Thanh Tâm Tuyền, Cao Huy Khanh, Trần Hữu Cư, Nam Chử, Tuệ Sỹ, Trần Tuấn Kiệt và Thục Khưu trên báo *Văn*, số đặc biệt Bùi Giáng, tháng 5 năm 1973 tại Sài Gòn.

<sup>(3)</sup> Trích theo Thanh Tâm Tuyền, sđd.

<sup>(4)</sup> Trích theo Thanh Tâm Tuyền, sđd.

*Hỏi tên? Rằng biển xanh dàu  
Hỏi quê? Rằng mộng ban đầu rất xa.  
Gọi tên là một hai ba,  
Đếm là diệu tướng, đo là nghi tâm.*

Đó là vô căn Bùi Giáng.

Trên báo *Văn*, số 26 tháng 8 năm 1984, Mai Thảo kể lại rằng khi hỏi về cái lực viết phi phàm của Bùi Giáng, Thanh Tâm Tuyền lắc đầu cười: *"Chịu, không giải thích được. [...] Nói đến mấy ngàn bài thơ Bùi Giáng là đúng. Mà nói thơ Bùi Giáng chỉ có một bài, vô tận, vô cùng là đúng hơn. Ngủ ra thơ. Thở ra thơ. Đi ra thơ. Đúng ra thơ. Chữ không phải nghĩ thơ, làm thơ."*

Vẫn theo lời Mai Thảo, ông Thanh Tuệ, giám đốc nhà xuất bản An Tiêm, thuật lại: *"Ảnh lang thang suốt ngày, chẳng thấy lúc nào ngồi viết hết. La cà hết nơi này đến nơi khác, uống rượu say ngất rồi về lảo lảo ra sân ngủ, nhiều ngày bỏ cả bữa ăn. Đêm cũng không thức, chỗ nằm tôi thăm. Tôi in không kịp, nói ảnh tạm ngừng thì ảnh ngừng. Nói có máy, có giấy, nói buổi sáng, buổi chiều ảnh đã tời ném bịch xuống cả năm bảy trăm trang. Cứ thế đem sắp chữ thôi, đâu có thì giờ đọc."*

Mai Thảo kể tiếp, khi làm số *Văn* đặc biệt về Bùi Giáng: *"Tôi hỏi xin ông những bài thơ mới nhất. Ông gật. Tưởng lấy ở túi vải ra. Hoặc nói về lấy, hoặc nói hôm sau. Tất cả đều không đúng. Ông hỏi mượn một cây bút, xin một xấp giấy, một chai bia lớn nữa, đoạn ngồi xuống và trước sự kinh ngạc cực điểm của chúng tôi, bắt đầu tại chỗ làm thơ [...] Lần đầu tiên tôi thấy Bùi Giáng viết, thoăn thoắt, vùn vụt, nhanh không thể tả. Như thơ không thể từ đầu, từ tim chảy xuống, xa quá, lâu quá, mà ngay từ ngọn bút, từ đầu ngón thôi [...] Lần đó, tôi đã thấy, đã hiểu tại sao Bùi Giáng, cứ cánh bướm rong chơi, cứ phiêu bồng lang du mà vẫn có ngay nghìn câu một buổi."*

Về những con điên Bùi Giáng, Phạm Xuân Đài kể trong lời tựa tập *Thơ Bùi Giáng*<sup>(5)</sup>: “Chỉ có thơ và những con điên [...] Bây giờ (năm 1992) anh ít làm thơ lắm, còn các con điên thì vẫn viếng thăm anh gần như định kỳ. Những lúc ấy anh đi nhiều nơi, nhưng thường xuất hiện ở vùng chợ Trương Minh Giảng (chỗ Đại học Vạn Hạnh, là nơi ngày xưa anh thường trú ngụ) đứng giữa đường vung tay, điều khiển xe cộ, cử chỉ rất linh động, đặc biệt đôi mắt sáng quắc bùng bùng [...] Có khi anh múa may trong một lớp áo lõe loét, động tác mạnh mẽ chính xác gần như múa võ, miệng hò hét như đang nạt nộ với một đối tượng vô hình.”

Đó là hiện tượng Bùi Giáng, qua lời kể của những người thân trong giới văn học.

\*

Bùi Giáng là ai? Bùi Văn Vịnh, em của Bùi Giáng, cho biết<sup>(6)</sup>: Bùi Giáng sinh ngày 17 tháng 12 năm 1926 tại làng Thanh Châu, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam.

Thuở nhỏ, học trường Bảo An tại Điện Bàn, Quảng Nam, trung học ở trường Thuận Hóa, Huế. Năm 1950, đậu Tú tài II văn chương ở Liên Khu V. Sau đó ra Liên Khu IV học tiếp Đại học. Nhưng sau khi nghe qua bài diễn văn khai giảng của ông viện trưởng, Bùi Giáng quay về Quảng Nam và bắt đầu quãng đời được gọi là “Muời lăm năm chần dề ở núi đồi Trung Việt”. Tháng năm 1952, Bùi Giáng về Huế thi Tú tài tương đương và vào Sài Gòn ghi danh Đại học Văn khoa. Lần này, sau khi nhìn danh sách giáo sư giảng dạy ở Văn khoa, Bùi Giáng quyết định chấm dứt việc học ở trường và bắt đầu viết khảo luận, sáng tác, dịch thuật và đi dạy học tại các trường tư thục.

---

<sup>(5)</sup> Nhà xuất bản Thế Kỳ in năm 1994 tại Hoa Kỳ.

<sup>(6)</sup> Trống cuốn *Chớp Biển*, thơ Bùi Giáng in tại Canada năm 1996.



Từ 1957 đến 1997, Bùi Giáng có khoảng 55 tác phẩm đã in về thơ, dịch và triết. Như lời Mai Thảo, Thanh Tâm Tuyền, Thanh Tuệ, thơ có đến nghìn bài. Và nội trong một ngày, có thể ném bịch một vài trăm trang sách. Đúng là một kỷ lục có một không hai.

Chúng ta thử tìm hiểu bản chất của kỷ lục ấy qua một vài trang sách của Bùi Giáng trong *Con Đường Ngã Ba Bước Đi Của Tư Tưởng*, do An Tiêm xuất bản lần thứ nhất tại Sài Gòn năm 1972, và tái bản tại hải ngoại.

Có thể nói trong cuốn sách này, cái gọi là điên của Bùi Giáng phát hiện rõ rệt dưới hình thức loạn ngôn, ngộ chữ cao độ. Về Heidegger, Bùi Giáng viết: “*Tất cả con đường tư tưởng của Heidegger là mọi lối nhiếp dẫn bước đi về những vùng u kín trong cổ lục uyên nguyên.*”(trang 13)

Về Nietzsche, ông viết: “*Nietzsche không phải là đại hải đại dương. Nietzsche đã đón vào lòng mình một dòng sông dơ bẩn. Và từ đó? Từ đó, Nietzsche biến thành một loại người mặt hậu theo mọi nghĩa thái thậm ly kỳ. Con người mặt hậu và hư vô chủ nghĩa, con người mặt hậu và sa mạc tinh hoa, con người mặt hậu và Mặt Hậu “Tử Sinh Môn” Hoạt Tinh Thể, con người mặt hậu và Siêu Hình Học Lãnh Địa, con người mặt hậu và Định Mệnh Phối Tiết Sử Lịch Tồn Lưu, Định Mệnh Phối Tiết Sử Lịch Tồn Lưu và Siêu Hình Học theo nghĩa Sử Lịch chân lý của Hiện Thể như là Hiện Thể, Sử Lịch chân lý của Hiện Thể và Định Mệnh Tồn Lưu thoái tàng ư mặt, Tồn Lưu thoái tàng ư mặt và Hằng Thể bước vào vòng di vong trăm một, từ di vong trăm một, còn chút hậu tình ân ốc nào sẽ “trột mắt” cho một trận Dịch Chuyển thông hành của Định Mệnh hay không? hay là Siêu Hình Học vẫn mãi mãi kiên trì tồn lập trong cuộc đù đôn “trệ lưu ư ngoại” bất khả tư nghì khuyết pháp từ Hoạt Tinh Thể của Hư Vô? ...*”(trang 17)

Và cứ như thế, Bùi Giáng sản xuất 499 trang *Con Đường Ngã Ba, Bước Đi Của Tư Tưởng*.

Điểm thích thú nhất của người đọc trong cuốn sách này là những trích đoạn thơ Bùi Giáng, phần lớn là những câu thơ hay, tỏa ra những suy tư sâu lắng về bản chất con người.

Nhưng trong 499 trang chữ ấy, người đọc tìm thấy rất ít dòng đúng đắn và tinh táo bàn về những vấn đề triết học như hiện sinh và bản thể, tồn tại và thời gian, mặc dù ông rất ngưỡng mộ Heidegger, người thầy hiện sinh được ông trích, dịch một cách kỹ cục. Ví dụ như câu này, ông dịch từ tiếng Pháp, tiếng Đức: *"Nhưng mà lời thuyết thoại tri ngộ, trong (khởi từ) Định Mệnh Phối Tiết mở phổi, sẽ ra sao nếu như cái Sở Khải Khai trong Song Trùng Tịch Hạp bị Định Mệnh Phối Tiết (ruồng rẫy) bỏ phó mặc cho cuộc thể hội vắt vẻo nhân tuần (dung thường nhật lệ) của con người từ diệt chúng tử chúng sinh?"*

(*Con Đường Ngã Ba, Bước Đi Của Tư Tưởng*, trang 12-13)

Dù đặc sệt những tên tuổi triết gia, nặng ký trích dẫn thiên kinh, vạn điển, dù có một số ý trội lên về vấn đề đọc sách, đọc Nguyễn Du, đọc Bùi Giáng, về sự gặp gỡ giữa những nhà tư tưởng lớn, đã kích một số nhà xuất bản không tôn trọng văn bản của tác giả, *Con Đường Ngã Ba* vẫn không phải là cuốn sách bàn về triết học, hoặc đưa ra một hệ thống tư tưởng mạch lạc; mà có thể nói đây chỉ là cuốn phiếm luận bí hiểm, ngôn ngữ thần chú, nhại triết học, nhạo người đọc. Cho nên khi Tạ Ty viết: *"Bùi Giáng đối thoại với Nietzsche, Sophocle, Parménide, Khổng Tử, Lão Tử, Sartre, Camus..."* thì e rằng Tạ Ty quá lời. Sự tìm kiếm siêu hình nơi Bùi Giáng, như chỉ dừng ở phần vỏ của ngôn từ: tồn sinh, tồn lưu, hằng thể, hư vô, logos, ... mà không đi vào nội tâm của suy tưởng. Hoặc có lẽ Bùi Giáng chỉ muốn rôn chơi. Nếu ông có nhắc tới Như Lai, Bồ Tát, Heidegger, Parménide, Platon, Socrate cũng

chỉ như ông nói đến Nam Phương Hoàng Hậu, Dương Quý Phi, Marilyn Monroe, đuôi uoi, chuồn chuồn, châu chấu v.v... vậy thôi, trong một trạng thái “tẩu hỏa nhập ma”, một tinh thần *anarchiste* (vô luật) toàn diện. Một “người phá”, nói theo ngôn ngữ Trần Dần. “Người phá” trong nghĩa tiêu cực của nó, chứ không phải trong nghĩa sáng tạo, ít nhất là ở cuốn sách *Con Đường Ngã Ba*.

Phải chăng Bùi Giáng chỉ muốn “hù dọa” người đọc không chuyên môn? Hay ông muốn nhại, giễu, những hệ thống suy tưởng mà một số trí thức quen dùng như mẩu mực hoạt động tinh thần? Biến chúng thành một thứ *charabia*, ngôn ngữ vắn đáp chuồn chuồn, châu chấu, nói tre, nói xàm, nói bá láp và ông có khả năng sản xuất mỗi ngày vài trăm trang như thế?

Thái độ *anarchiste* toàn diện này mở rộng trong đời sống, trở thành một bản năng phản kháng quấy đời: Cởi quần áo giữa lớp học, tắm nơi công cộng, ngủ vỉa hè, trở thành *clochard* (lang bang say rượu), mặc áo rằn ri lính ngục, để chỉ đường..., tất cả những “con diên” ấy của Bùi Giáng chứng minh sự sáng suốt của một Bùi Giáng không diên.

Không diên vì ông chỉ đẩy đến cùng trạng thái hiện sinh, chứng nghiệm ý thức trần trụi về bản thể. Cởi dần năm bảy lớp quần áo chẳng qua chỉ là hình ảnh “rút gọn hiện tượng”, bóc vỏ các tầng lớp bề ngoài của “hiện tượng” để tìm ra bản chất trong hiện tượng luận Husserl.

Trở thành *clochard* là một cách thể nghiệm tự do và tự hủy.

Trong những đệ tử của hiện sinh thời ấy, Bùi Giáng là người đi xa nhất trong hành động tự hủy và hành xác. Tự hủy để chứng minh: Cá nhân con người đã chán ngấy cuộc sống, nó có một quyết định tự do lựa chọn, và sự hủy hoại bản thân là sự lựa chọn tiến gần nhất đến tự do tuyệt đối.

Sau 75, người ta càng yêu Bùi Giáng hơn, vì trong một xã hội *được* bị lồng vào khuôn phép, một xã hội đã ổn định cơ chế, công chúng yêu mến những gì bất thường, yêu những kẻ *ngoại đạo, bất ổn*.

Bùi Giáng là người ngoại đạo duy nhất dám làm lung đoạn môi trường ổn định bằng thái độ tự hủy. Cái điên của Bùi Giáng là cái điên sáng suốt trong một *tinh thế* không có cứu cánh nào khác nếu không tìm về bản thể của con người.

### THƠ BÙI GIÁNG, HIỆN SINH TRONG ĐOẠN TRƯỜNG VÀ ĐỊNH MỆNH

Những “*dạ thừa*”, những “*tồn sinh*”, những “*phố thị*”, những “*cố quận*”, “*đuôi uoi*”, đã trở thành những cốt cách, những địa chỉ rất Bùi Giáng:

*Dạ thừa xứ Huế bây giờ  
Vẫn còn núi Ngự bên bờ sông Hương.  
Dạ thừa Vỹ Dạ về gần  
Đã từ xa lắm thiên thần nhớ em.*

Thơ Bùi Giáng, ngay từ thuở đầu đã rong chơi, lãng mạn, đã tinh nghịch, nhẹ nhàng, hóm hỉnh, luôn luôn là những lời vấn đáp lẫn thẩn về ý nghĩa cuộc đời, về lẽ tồn sinh, về những chuyện phù du, dâu bể, ẩn khuất một dự tính khép mở Xuân Hương:

*Cá ở ngoài khe có ít nhiều  
Cỏ lau cỏ lách có hoang liêu  
Em về có hỏi răng ri rứa  
Nhắm mắt đưa chân có bận liêu.*

(Bờ Trần Gian)

hoặc:

*Bỏ hai chân xuống một vùng  
Nước trong là lá thu rừng xuống khe.*

(Bò Hai Chân)

Những dòng thơ trên đây, theo như lời Mai Thảo, Bùi Giáng đã làm một mạch, tại chỗ, xuất bút thành thơ. Huyền thoại Bùi Giáng, thi sĩ bẩm sinh, poète né, trong thập niên 60-70, được xác định như một hiện tượng văn học độc đáo. Như thế ông đã biết trước đường đi nước bước của thơ. Có khả năng thiên bẩm về sự lang thang ngơ ngẩn của chữ trên đời, và chỉ cần hươ tay, bắt chúng, nhốt vào câu lục bát, như Bình Nguyên Lộc “nhốt gió”, là có ngay thơ Bùi Giáng:

*Một hôm đếm một ra ba  
Thật là lạ lắm, ấy là cái chi.*

hay:

*Người con gái lội qua khe  
Bàn chân với nước lạnh dè lên nhau  
Nỗi niềm tưởng lại xưa sau  
Bàn chân với nước cùng nhau lại dè.*

(Lá Hoa Cỏn)

\*

*Hỏi tên? Rằng biển xanh dàu  
Hỏi quê? Rằng mộng ban đầu rất xa  
Gọi tên là một hai ba  
Đếm là diệu tưởng, đo là nghi tâm.*

Bốn câu tự họa trên đây dường như đã gói trọn bản chất thơ ca và tư tưởng Bùi Giáng. Một bản chất đa mang nổi hiện sinh hoang tưởng trong một “đạo khô” gắn bó với *đoạn trường tái tân thanh* (chữ của Bùi Giáng) tiếp nhận Nguyễn Du như một thông

đạo, thông thư, thông mệnh văn học.

Thân phận dâu bể của con người, nổi hoài nghi về số kiếp, ta từ đâu lại? Ta là ai? Những trăm luân, biến đổi làm sao đo, đếm, đặt tên được? Đến bản thân ta, ta còn không biết, nữa là... Nếu hiện sinh của Sartre bác bỏ tính chất định mệnh, thì ở Bùi Giáng, định mệnh (Kiểu) và hiện sinh giao hưởng với nhau thành một cấu trúc tư tưởng mới, tạo nên những vần thơ đậm dấu Đạm Tiên, hát ra những ánh siêu thực:

*Em chết bên bờ lúa  
Để lại bên đường mòn  
Một dấu chân bước của  
Một bàn chân bé con  
Anh qua miền cao nguyên  
Nhìn chân trời bữa nọ  
Đêm cuồng mưa khóc điên  
Trăng cuồng khuya trốn gió*

*Mười năm sau xuống ruộng  
Đếm lại lúa bờ liền  
Máu trong mình mòn ruộng  
Xương trong mình rã riêng*

(Mưa Nguồn)

Bùi Giáng có những câu thơ rất cao, rất tĩnh, rất sâu, thanh thần, gọi đến hư vô trong một không gian lãng mạn trữ tình, ít thấy xuất hiện trong thơ Việt.

*Buổi trưa đi vào giữa lòng lá nhỏ  
Tiếng kêu kia còn một chút mong manh  
Dòng nước nở như tia hồng dỏm đỏ  
Lạc trời cao kết tụ bóng không thành*

(Hư Vô Và Vĩnh viễn - Mưa Nguồn)

Không gian Bùi Giáng, một cõi hư không đầy dấu hỏi, bỗng  
bế nhau đi, năm này qua tháng khác, một cõi trùng sinh, di động  
luân hồi.

*Những nhịp bước trên đường còn đợi mãi  
Vang về đâu không vọng lại hồi âm  
Của réo rắt riêng một lần mãi mãi  
Gió phương trời ủ mộng giữa hoa tâm  
Em hỏi mãi tuy biết lời đáp lại  
Chẳng bao giờ thỏa đáng giữa đời cầm  
Em ngó mãi những chiều về trở lại  
Mang những gì về trong cõi trăm năm...*

*(Chiều - Mưa Nguồn)*

Từ Nguyễn Du, Bùi Giáng trích tạo nên một mô típ bạc  
mệnh hiện đại, màu sắc siêu thực, tài tử và tài hoa, một chất thơ  
giao thoa Nguyễn Du - Bùi Giáng

*Lớp phiêu bồng mọc trắng ngàn  
Thành xưa phố cũ muôn vãn phía sau  
Đạp thanh về bóng lộn mầu  
Góp dăng cữ gió nghiêng đầu sương mây  
Ngộ ban sơ hạnh ngân dài  
Cổng xô còn vọng điệu tài tử qua  
Xin chào giữa bước chân ra  
Chết từ sơ ngộ mầu hoa trên ngàn.*

*(Mầu Hoa Trên Ngàn)*

Nơi Bùi Giáng còn một mô típ bạc mệnh, cuồng khát, tổng  
hợp đoạn trường, tồn sinh, ngưng ngôn, rất liễu và rất loạn, mà  
cũng là vọng âm của niềm hoang mang tuyệt đối:

*Hồng quần rất mực bước ra  
Trường quần duệ địa phong hoa lá cồn*

*Phải rằng nắng quáng dập dòn?*  
*Hay là đèn trút linh hồn oái oăm?*  
*Phải là nguyệt giữa đêm rằm?*  
*Nguyên tiêu lằng đàng lá nằm ngán ngo?*  
*Kể từ hằng thủy ban sơ?*  
*Kể từ sơ thủy về tờ về trang?*  
*Kể từ thu tạ lên dâng?*  
*Rừng phong thu đã quan san nhuộm màu?*  
*Phải rằng đó trước kia sau?*  
*Hay là sau trước còn tao ngộ gì?*

(Con Đường Ngà Ba)

\*

Nhưng bi kịch của Bùi Giáng là ông lập lại chính mình.

Trong gần nửa thế kỷ làm thơ, Bùi Giáng để lại hàng ngàn bài, có những câu thơ tuyệt hay, nhưng chính sự lập lại những khám phá ngôn ngữ buổi đầu khiến thơ ông trở thành khuôn sáo, về mặt từ ngữ cũng như tư tưởng. Những *dạ thừa, tồn sinh, trùng lai, phố thị* của Bùi Giáng, *tả huy* của Nguyễn Gia Thiều, *mù sa, trăm năm* của Nguyễn Du... ban đầu làm xuyên xao người đọc: *Em về rữ áo mù sa, trút quần phong nhụy cho tả huy bay*. Nhưng vì lập lại nhiều lần chúng bị phá giá. Hiện tượng phá giá này có mặt ngay ở những tác phẩm đầu và chủ yếu của Bùi Giáng.

Từ *Mưa Nguồn, Lá Hoa Cồn*, năm 62, 63 đã thấy xuất hiện tính chất đoạn trường, tồn sinh như tinh thần chính trong tư tưởng Bùi Giáng: Nguyễn Du, Tản Đà gặp gỡ Heidegger, Breton phóng sinh một tạng chán đời mới lạ. Bài *Rượu Uống* trong *Lá Hoa Cồn*, một thứ đoạn trường ngông rất lằng mạn siêu thực, tiêu biểu cho *tính chất lang thang* trong cấu trúc thơ Bùi Giáng:



Thưa em rượu uống bây giờ  
Là trăm năm gục hai bờ tử sinh  
Động hồ hững chúa điều linh  
Em làm Hoàng Hậu mọc tình cỏ phơi  
Nhà ma cửa quỷ đi đời  
Chìm hơi thở đục trong lời sương xanh  
Cần khôn xiêm mỏng che mảnh  
Về trong thiên hạ em thành thiên thân.

Thưa em rượu uống bây giờ  
Là thiên cổ lụy còn tro bên mình  
Tài hoa tiếng vọng điều linh  
Phạm Đan Phụng chết theo Quỳnh Như sao.  
Thưa em từ bữa nghiêng chào  
Chớm trang đầu chọt sóng trào trường giang  
Em đi rắc lá trên dâng  
Cỏ xanh rì mọc suốt cần khôn kia  
Mùa xuân mưa rưới mộng lia  
Về trong nắng hạ mép bìa sai bầu.

Thưa em rượu uống bây giờ  
Là trong lát nữa lên bờ đuối ma  
Chạy quang cồn cụm lá già  
Rách như bướm suốt ruộng sa mạc đồng  
Cần khôn gió đổ chất chồng  
Rủ như beo rống như hùm đối hang  
Trên rừng dưới lòng tan hoang  
Vẫn sừng sừng bóng chấn ngang quỷ sầu.

Thưa em rượu uống bây giờ  
Là trong lát nữa trắng mờ hơi ma

*Hồn mang về giữa hiên nhà  
Bây giờ cố quận tên là chiêm bao  
Nhìn nhau trong lũy ngoài hào  
Lời phơi dựng một điệu chào dì sai  
Trên đầu thế kỷ chia hai  
Nguồn man mát lạnh tìm ai bây giờ.*

*Thưa em rượu uống bây giờ  
Là thiên thu lại còn tro hận trường  
Chung cầm dâu biển khôn lường  
Chân trời mộng lý con đường chia ba  
Nam đình doanh trại dần qua  
Trống chầu trùng ngộ thưa là không mong  
Hoạt tồn phát tiết sầu đông  
Tràng giang thế kỷ xô dòng xuống lên.*

Bài thơ gồm năm nhịp nối tiếp nhau bằng điệp khúc *Thưa em rượu uống bây giờ*. Mở đầu *Thưa em rượu uống bây giờ*, điệp khúc máu chốt, mở cửa dẫn đến câu thơ thứ nhì: *Là trăm năm gục hai bờ tử sinh*. Cả hai nằm trong cấu trúc song song, tổng hợp quan niệm ngông, đoạn trường và hiện sinh của toàn bài. Câu ba, câu bốn: *Động hồ hừng Chúa diêu linh, Em làm Hoàng Hậu mọc tình cỏ phơi*, đậm thêm chất lãng lơ dục tính, nhưng đã loãng đi vì loại hình này được Bùi Giáng dùng nhiều. Rồi *Chìm hơi thở đục trong lời sương xanh*, một câu rất hay bị đặt bên một câu lãng xẹt: *Nhà ma cửa quý đi đời*.

Nếu chúng ta đọc đến nhịp thơ thứ nhì:

*Thưa em rượu uống bây giờ  
Là thiên cổ lục còn tro bên mình*

cũng vẫn thấy nguyên những nhược điểm như nhịp thơ đầu, tức là trong phần thơ đậm có những vội vàng, dễ dãi, ghép chữ, ghép

ý rất sáo: *Tài hoa tiếng vọng điêu linh, Phạm Đan Phượng chết theo Quỳnh Như sao.*

Ở những nhịp sau, thì ngay chính điệp khúc mấu chốt:

*Thưa em rượu uống bây giờ*

*Là trong lát nữa lên bờ đuổi ma*

*Thưa em rượu uống bây giờ*

*Là trong lát nữa trắng mờ hời ma*

*Thưa em rượu uống bây giờ*

*Là thiên thu lại còn trơ hận trường*

đã có sự lặp lại chính mình, như thể nhà thơ tiện tay bắt được chữ nào vội bỏ ngay vào lục bát, không màng nhìn lại những câu thơ đầu nữa.

\*

Tất nhiên lấy là một quy ước rất thường trong thi ca. Nhưng lấy chỉ làm tăng giá trị thơ khi nó đưa đến những dồn dập hoặc trong cảm xúc, hoặc trong nhịp điệu, hoặc trong sinh động... Tức là lấy phải đưa tới một trạng thái căng thẳng, tới một vận tốc khác trong tiến trình âm và ý.

Ví dụ:

*Này chồng, này vợ, này cha*

*Này là em ruột, này là em dâu*

là một trong những cách lấy của Nguyễn Du, vừa tăng vận tốc miêu tả, vừa gia tốc sức ép của hiện thực, rành rành, chính xác, chỉ mặt, chỉ tên.

Hoặc:

*Làm cho cho mệt cho mê*

*Làm cho đau đớn ê chề cho coi*

Lấy ở đây lũy thừa mật độ ác liệt của Tú Bà.

Hoặc:

*Buồn trông cửa bể chiều hôm  
Thuyền ai thấp thoáng cánh buồm xa xa  
Buồn trông ngọn nước mới sa  
Hoa trôi man mác biết là về đâu*

Mỗi lần láy này là một lần Nguyễn Du chuyển cảnh, chuyển tình.

Sự láy lại, nơi Bùi Giáng, rất thường khi chỉ là láy dập dình tại chỗ, láy lười, thấy hợp vẫn, tiện thể thì láy. Láy hồ đồ ít khi mang tới trạng thái mới, cảm xúc mới, hoặc một sức ép gia tăng, mà chỉ cho ta một cảm tưởng dằng dai, lai tạp:

*Hãy mang tôi tới giữa đời  
Giết tôi chết giữa cõi đời mớ meo  
Hãy mang tôi tới nắng chiều  
Giết tôi chết giữa một chiều khe nương  
Hãy mang tôi tới dặm trường  
Giết tôi chết giữa con đường bơ vơ  
Hãy mang tôi tới bất ngờ  
Giết tôi ngẫu nhi trong giờ ngẫu nhiên  
Hãy mang tôi tới diện tiền  
Giết tôi chết giữa người thuyền duyên kia*  
(Sa Mạc Trường Ca, Cầu Nguyễn Ca)

\*

Jacques Brel, năm 1966, khi tuyên bố ngừng hát ở tột đỉnh danh vọng, trả lời câu hỏi: “Tại sao ông ngừng hát lúc này?” Brel bảo: “Tôi ngừng vì muốn giữ lòng ngay thẳng với chính giả và với chính mình. Bởi vì khi người nghệ sĩ như tôi, đã nắm vững được tất cả những yếu tố kỹ thuật làm lay động lòng người, thì người

đó sẽ có khuynh hướng ăn gian (tricher), phong tỏa người nghe bằng tất cả những kỹ xảo của mình, và khi tôi biết mình sắp đi đến chỗ bước vào kỹ xảo, tôi ngừng.” Tất nhiên, Brel chỉ ngừng hát hai năm và năm 68, khi ông trở lại với âm nhạc, đã với một tinh thần khác, hẳn Brel biết mình đã đoạn tuyệt được với ý định dùng kỹ xảo để thu phục lòng người. Và Brel ở lại với âm nhạc thêm sáu năm nữa.

Ở Bùi Giáng hình như không có sự tự giới hạn ấy. Cho nên biết bao lần người đọc tiếc, giá Bùi Giáng đừng ham chơi, chịu khó dừng lại ở chỗ đáng dừng để những câu thơ sáng giá như:

*Bụi thu mờ ai phủi với hai tay*

hoặc:

*Em về mấy thế kỷ sau*

*Nhìn trăng có thấy nguyên màu ấy không*

*Ta đi còn giữ đôi giòong*

*Lá rơi có đội ở trong sương mù*

khỏi bị lọt vào khu rừng hoang, ôm đồm những lời thơ vội vàng, mọc lên như cỏ dại.

\*

Ấm ảnh đoạn trường, tư tưởng và ngôn ngữ Nguyễn Du theo đuổi Bùi Giáng suốt đời. Những tập thơ mới nhất, in ở hải ngoại những năm gần đây càng lộ rõ. Trong những cuốn *Thơ Bùi Giáng* (sdd), *Bùi Giáng 94* (in tại California năm 95), và một phần tập *Chóp Biển* (sdd), Bùi Giáng tìm về người thầy Nguyễn Du như một cứu cánh. Hầu như mỗi bài thơ của ông đều có ít nhất một chữ hoặc một câu của Nguyễn Du. Và cấu trúc toàn bài thường dựa vào ý một câu Kiều:

*Rằng xưa ký ức đàn bà  
Tên là phụ nữ, tuổi là dần thân.*

.....

*Trước đèn một tập mở ra*

.....

*Biển dâu lục địa côi miền*

.....

*Cỏ thơm lần gió giăng dậy thì*

Âm ảnh “mù sa”, “chín e”, âm ảnh “vân mòng”, “mai sau”, “trăm năm”, “ngẫu nhi”, “phong tình”, “cổ lục”, “dặm về”, “từ sinh”... trở thành lớp da thứ nhì của Bùi Giáng:

*Rừng phong thu đã nhuộm màu  
Quan san ngấn ải tư trào ngấn kia*

.....

*Chốn nào mộng mị chiêm bao  
Chốn này tình tảo tiêu tao vân mòng.*

Từ cảnh sang tình, từ mơ sang thực, âm ảnh ngôn ngữ trở thành âm ảnh tư tưởng. Bùi Giáng đã cặn dần hồn mình và sống hồn Nguyễn Du trong đoạn cuối đời:

*Em đi từ tỉnh mộng đâu  
Một mình anh ở mang sầu trăm năm  
Em từ vô tận xa xăm  
Trùng lai chất vấn: Từ trăm năm nào?*

Những câu hỏi mà Bùi Giáng trải suốt đời thơ, thắc mắc, tìm kiếm, đặt nghi vấn về côi đi, côi ở, côi có, côi không, biết đâu hôm nay Bùi Giáng chẳng đã tìm được Nguyễn Du ở một côi trùng lai nào đó, và ông đang chất vấn người thấy về nỗi đoạn trường ấy, từ trăm năm nào?

*Tháng 10/1998*

## BÙI GIÁNG GIỮA CHÚNG TA<sup>(\*)</sup>

Có lẽ chưa có người nghệ sĩ nào mà cái chết gây ra sự quan tâm nơi nhiều người thuộc nhiều thế hệ khác nhau như Bùi Giáng. Từ trong nước ra ngoài nước, từ già đến trẻ,... tất cả đều nhất loạt bày tỏ tình cảm và lòng trân trọng của mình đối với Bùi Giáng. Tin tức về sức khỏe cũng như cái chết của ông được loan báo tức thời, đồng loạt trên các báo trong và ngoài nước. Chúng ta có cảm tưởng như cái chết của ông đã tạo nên một sự đoàn kết hiếm có giữa những người viết lách trong giai đoạn lịch sử mà sự nghi kỵ vẫn còn nằm ở hàng đầu.

Hầu như các nhà văn, nhà thơ, nhà báo đều nhất loạt ca ngợi nhân cách và sự nghiệp của nhà thơ đất Quảng này. Mọi người đều dùng những từ hay nhất, đẹp nhất để xưng tụng ông. Ta thử đọc qua một số câu trích của một số nhà văn, nhà thơ viết về ông trên *Hợp Lưu*, số đặc biệt về Bùi Giáng<sup>1</sup> sau đây:

Nhà thơ Huy Tưởng: *Bùi Giáng “thông tuệ và tài ba ngất trời diên đảo”... “thiên tài thơ Bùi Giáng”* (*Hợp Lưu*, tr. 9).

Nhà văn Mai Thảo: *“Bùi Giáng chất ngất một trời chữ nghĩa, Bùi Giáng trùng trùng một biển văn chương”* (*Hợp Lưu*, tr. 12).

Nhà phê bình Huỳnh Hữu Ủy: *“Đi cho tới cùng cái sâu thăm*

---

(\*) Bài đăng trong *Viết và Đọc*, tập tiểu luận văn học, *Văn Học* (California), 1999. Trần Hữu Thực – Nhà văn, quê ở Huế, hiện sống tại Hoa Kỳ.

(1) Trừ những đoạn trích có ghi chủ riêng, tất cả những trích dẫn trong bài này đều lấy từ *Hợp Lưu* số 44 đặc biệt về Bùi Giáng, tháng 12/98 và tháng 1/99.

*nhất của ngôn ngữ, tới đỉnh cao chót vót của nó, sống với nó trong từng mỗi giây phút, trong từng mỗi sát na, xưa nay có lẽ chỉ mới có Bùi Giáng là một.*”(Hợp Lưu, tr. 19).

Nhà văn Cung Tích Biền: “Bùi Giáng giàu ngôn ngữ như cát bãi biển”... “Bùi Giáng đã trải một cánh bay dài mệnh mông chiếc bóng trong bầu trời thi ca Việt Nam nửa thế kỷ qua”(Hợp Lưu, tr. 62 & 54).

Nhà phê bình văn học Bùi Vĩnh Phúc: “Ông là một thi sĩ bất ngát, ngây thơ và cỏ hoa điên đảo”(Hợp Lưu, tr. 75).

Nhà phê bình Hoàng Nguyên Nhuận: “Đời anh là một công án tử sinh”(Hợp Lưu, tr. 96).

Ông Huỳnh Ngọc Chiến: “Bùi Giáng là bậc thượng trí, hầu như “vô sự tự ngộ”(Hợp Lưu, tr. 135).

Bà Ý Nhi: “...những câu thơ được chất ra từ máu của con người khắc khoải khôn nguôi về thân phận con người, về thế gian này”(Hợp Lưu, tr. 138).

Nhà thơ Thanh Tâm Tuyền: “Bùi Giáng là một thiên tài tự hủy ghê gớm nhất của thi ca hiện đại”<sup>(2)</sup>

Nhà phê bình văn học Nguyễn Hưng Quốc: “Thơ Bùi Giáng là những phún thạch phun lên từ hòa diệm sơn của hồn ông”.<sup>(3)</sup>

Ông Nguyễn Hoàng Văn: “Thơ ông là khối trầm hương chữ nghĩa”<sup>(4)</sup>

V.v... và v.v...

Tóm lại, đặt bút viết về ông, ta chỉ biết có ca tụng và ca tụng. Đường như ta có quyền dùng bất cứ ngôn ngữ xưng tụng nào sáng giá nhất để nói về ông mà không sợ đại ngôn, không sợ nhầm lẫn.

<sup>(2)</sup> Thanh Tâm Tuyền, *Bùi Giáng, một hồn thơ bị vây khốn*, Tạp chí *Thơ*(California) số 1, năm 1994, tr. 73.

<sup>(3)</sup> Nguyễn Hưng Quốc, *Thơ, V.V...và V.V...*, *Văn Nghệ*(California) 1996, tr. 217-218

<sup>(4)</sup> Nguyễn Hoàng Văn, *Về nơi có quận...*, tiểu luận, *Văn Học* số 152, tháng 12/98, tr.6.



## Bùi Giáng giữa chúng ta: hư cấu

Thế là, năm nay (1998), văn học Việt Nam có ba cái tang lớn: Mai Thảo, Nguyên Sa và Bùi Giáng. Nói chung, cảm giác của chúng ta đối với ba cái chết không hoàn toàn giống nhau, Mai Thảo một cách, Nguyên Sa một cách và Bùi Giáng một cách. Nhưng Bùi Giáng khác xa nhất.

Theo tôi, khi nghĩ đến Mai Thảo hay Nguyên Sa, ta nghĩ đến những con người thật. Họ đã đến, đã sống, đã tồn tại đâu đó, như ta, bên cạnh ta, vui buồn với ta, chia sẻ với ta, cao thượng như ta và cũng tục tằn như ta. Mai Thảo chết như là một *maithảo*. Nguyên Sa chết như một *nguyênsa*. Cũng như, tôi rồi sẽ chết như *tôi*, anh rồi sẽ chết như *anh*. Bùi Giáng thì khác. Bùi Giáng không chết như Bùi Giáng. Ông chết như một người khác chết. Khi nghe tin ông chết, ta có thương tiếc, nhưng dường như không xúc động mấy. Không bàng hoàng mấy. Không xót xa mấy. Ta có cảm giác như nhà thơ vừa lên đường rong chơi ở một nơi nào đấy rất xa, rất khác thế giới chúng ta đang ở. Và sẽ trở về. Mai, một, hay một lúc nào đó, nhưng chắc chắn trở về. Tại sao ta có cảm giác đó? Tôi không nghĩ rằng vì Bùi Giáng hiện đang ở trong nước còn Mai Thảo hay Nguyên Sa thì ở ngoài nước, tức là gần chúng ta hơn. Theo tôi, ngay khi ông còn sống, ông vốn đã cư ngụ ở một thế giới khác với chúng ta rồi, dù ông vẫn ăn, vẫn uống, vẫn gần cận ta hàng ngày. Chúng ta vẫn gặp ông đâu đó, thỉnh thoảng, hoặc có khi hàng ngày, hàng tuần mà không có cảm giác gì khác ngoài cảm giác này: đó là Bùi Giáng. Thế thôi. Ta biết ông vẫn còn đó, chưa đi đâu xa. Cần cho ông cái gì, ta sẽ có ông bên cạnh để cho. Cần thơ, ông sẽ chép ngay một loạt mấy bài thơ hay cả chục bài thơ không chừng. Ông ở đó, như ta, với ta, nhưng dường như khác bằng tầng. Hồi còn ở Sài Gòn, nhiều khi ở tiệm sách ra,

trên tay còn cầm cuốn sách của ông vừa mới mua, lại gặp ông đang đứng ngay giữa đường, múa may, cười cợt mà tôi vẫn ít có liên hệ nào giữa cuốn sách đang cầm trên tay và tác giả đang ở đó. Hình như Bùi Giáng trên sách không dính dáng gì đến Bùi Giáng đang ở kia.

Thế đấy!

Trong chúng ta, Bùi Giáng nửa thực, nửa hư. Vừa thiên tài, vừa là người điên. Vừa rất giống lại vừa quá khác chúng ta. Trong chúng ta, Bùi Giáng luôn luôn là một nghịch lý. Ta vừa quan tâm đến ông, vừa hững hờ với ông. Tin ông chết không làm tim ta đau nhói lên như một số người khác, Nguyên Sa chẳng hạn. Tôi muốn nói: Bùi Giáng hiện diện giữa cuộc đời và giữa chúng ta như một hư cấu. Nghĩa là một nhân vật. Một câu chuyện. Có thể nói cho rõ hơn, theo tôi, ông là nhân vật trong một cuốn truyện dài không kết thúc. Và sẽ không bao giờ kết thúc. Ngay lúc này đây, ông chết đã mấy tháng rồi mà tâm thức của tôi về ông vẫn chẳng khác gì trước đây, khi còn ở Sài Gòn hay cách xa ông đến  $\frac{1}{2}$  vòng trái đất. Tôi vẫn tự hỏi: chẳng biết ông chết thật hay ông giả vờ. Bùi Giáng thân xác đã tiêu tán, nhưng Bùi-Giáng-như-một-hiện-sinh vẫn còn đâu đó, ngêu ngao ca hát, làm thơ và sống hồn nhiên trên các đường phố Sài Gòn. Một Sài Gòn có Bùi Giáng và một Bùi Giáng có Sài Gòn:

*Và ở Sài Gòn vẫn còn Bùi Giáng*

*Tối tối về chùa đêm làm thơ*

*Ngày ca múa khóc cười giữa chợ*

*Kẻ si điên thế kỷ mù rồi.*

Mai Thảo

Sống như là hư cấu. Chết như là hư cấu. Và vì là hư cấu, ta có quyền đọc lại đời ông. Nghĩa là cũng như bất cứ một nhân vật hư cấu nào khác, nhân vật Bùi Giáng sẽ phục sinh và lại chết và

lại phục sinh và lại chết... cứ thế. Điều đó giúp ta hiểu thêm vì sao đời ông kết tinh bởi những giai thoại. Những giai thoại chồng chất, trùng nhau và khác nhau. “Đã có rất nhiều giai thoại, huyền thoại về ông; vô số được thế gian tô bồi sau này, khó mình xác thực hư” (Cung Tích Biền, tr. 56 & 57). Không hề gặp ông, ta nghe kể về ông như một hư cấu, kiểu Trạng Quỳnh hay Ba Giai Tú Xuất chẳng hạn. Gặp được ông, đối diện với ông, nắm tay nắm chân ông, nhậu với ông, mà cũng như ta đọc về ông. Cuộc đời ông = giai thoại + thơ. Chính vì thế mà tôi có thể quả quyết rằng, tất cả những gì mà ta đang nghĩ về Bùi Giáng thấy đều là nghĩ về một nhân vật, một hư cấu. Hư cấu của hư cấu. Rồi hư cấu của hư cấu của hư cấu. Nghĩa là, hiểu theo một cách nào đó, ta có thể tùy tiện bày ra một giai thoại nào đó về Bùi Giáng mà vẫn có cảm giác không hề xúc phạm tới ông và làm thương tổn người nghe. Nghĩa là, hư cấu mà là thực. Ta thì hư cấu mà Bùi Giáng trong đó vẫn cứ thực như thường. Và Bùi Giáng đứng bên cạnh ta mà vẫn hư cấu như thường. “Sống giữa đời, ông có khả năng lấy mật đắng ớt cay làm ngọt. Ăn cơm để thiêu nguội rất nhiều ngày. Ông ăn chè ngọt nấu cả với tương chao, ném vài con mắm. Ông nổi tam bành lúc người đời lẽ ra nên cười, được phúc đắc lợi. Ông rất vui với những ngày chói lòa ánh dương trong một thị thành mà nhìn xe cộ tưởng hươu nai”... “Ông lạ trong sinh hoạt đời thường, lạ trong thi ca, tư tưởng. Ông rất đổi cô đơn tự dọa dấy; vậy cuộc chơi múa hát chỗ vô thanh, đùa giỡn quỷ thần, tương đắc kẻ ở [dưới, BT] mộ, nhớ nhung người sẽ tới. Ông trào lộng tuyệt cùng giữa bi đát, siêu thoát ngay giữa một tồn sinh tinh mật. Nói chung cuộc sống của ông khá bí ẩn và kỳ dị.” (Cung Tích Biền, tr. 56).

Tôi vốn mê Kim Dung, vì mê những nhân vật đầy “chất khái niệm” mà ông tạo dựng ra trong hơn chục pho truyện đồ sộ của ông, nào *Thần Điêu Đại Hiệp*, *Anh Hùng Xạ Điêu*, *Tiểu Ngạo*

*Giăng Hồ...* Tôi tìm thấy nhân vật Bùi Giáng của tôi chứa đầy “chất khái niệm” như thế. Ngắm mà xem, ta có thể tìm thấy ở Bùi Giáng khi thì một chút cuồng ngạo nghịch thường hoàng đượcsu, khi thì lém lỉnh hoàng dung, khi thì ngờ nghệch quách tỉnh, khi thì đầy cả trào lộng lãongoanđồng, khi thì chân chính, hào sảng, trượng phu hồngthấtcông, khi thì quái đản kiểu mấy quái nhân luyện võ trong hang động, khi thì điên tàn, thống hận tạtốn... Ngắm mà xem, ông sống đó cũng như ông mất đi. Ông như có đó mà như không hề có đó. Kẻ sĩ hay người điên. Nhà thơ hay triết nhân. Ông sống giữa thế kỷ này hay một ngàn, hai ngàn năm trước. Thiên tài hay tên vô lại. Trong hay ngoài. Tỉnh hay say. Ông làm thơ hay thơ làm ông. Chính vì thế, ngắm mà xem, tưởng nghĩ đến ông lúc nào cũng làm ta bối rối. Đọc thơ ông lại càng bối rối hơn. Dở hay, hay dở. Điên tỉnh, tỉnh điên. Đời ông như một dấu hỏi lớn ném vào hư không. Rất giống mọi người và chẳng giống ai. Tôi có thể quả quyết rằng, nếu bạn chịu khó tưởng tượng ra một nhân vật, rồi vẽ rần thêm chân, tô màu tô mè, vẽ râu vẽ ria... theo cách của bạn, bạn sẽ có ngay một Bùi Giáng để thưởng thức, để làm quen.

### Chúng ta trong Bùi Giáng

Bối thế mà viết về ông tưởng như rất dễ mà hóa ra không dễ tí nào.

Nguyễn Hưng Quốc: “Thơ ông cũng lạ lùng, lạ lùng đến nỗi ai cũng ngại ngần khi viết về ông. Kể chuyện về ông: có; nhưng phê bình thơ ông: chưa”<sup>(5)</sup>.

Huy Tường: “...vốn sống, vốn chữ nghĩa và cảm thức của

---

(5) Nguyễn Hưng Quốc, sđd, tr. 217.

mình vẫn chưa thể hưng chờ nổi chiếc bóng lồng lộng, đa âm sắc và linh hoạt của ông”. (HL, tr. 9).

Cung Tích Biền: “Viết về Bùi Giáng là tôi làm cái việc chỉ vào cục gạch mà bảo rằng đây là Như Lai phu nhân”. (HL, tr. 55).

Hoàng Nguyên Nhuận: “Những điều tôi sắp nói chỉ là viên đá dò đường ném vào hư không hoặc chỉ như người chạy bắt bóng” (HL, tr. 95).

Huỳnh Ngọc Chiến: “Viết về ông quả là điều mạo muội nếu không muốn nói là liều lĩnh” (HL, tr. 137).

Chắc chắn là không ai giả đo khiêm tốn trong những lời thú nhận thêm. Chắc chắn không ai cố tình viết “cho quá”, phóng đại để tăng bốc, kiểu tăng bốc lãnh tụ trong các chiến dịch tuyên truyền, mà là nói thực. Đường như khi viết về Bùi Giáng, chúng ta càng tỏ ra khiêm tốn càng hay. Có lẽ càng khiêm tốn chúng ta càng thấy dễ chịu, dễ cam đảm cầm bút viết về ông. Tâm trạng đó chẳng phải là lạ lùng, độc nhất vô nhị sao? Cầm bút viết về Bùi Giáng người ta rất ngần ngại, dù chỉ viết để khen, nói gì đến chuyện viết để phê bình. Ấy thế mà có người “dám” phê bình; không những chỉ phê bình chung chung, lấy lệ mà là phê bình “nặng tay”, nghĩa là chê, chê thật. Đó là nhà phê bình Thụy Khuê. Chị viết:

“Trong gần nửa thế kỷ làm thơ, Bùi Giáng để lại hàng ngàn bài, có những câu thơ tuyệt hay, nhưng chính sự lặp lại những khám phá ngôn ngữ buổi đầu khiến thơ ông trở thành khuôn sáo về mặt từ ngữ cũng như tư tưởng. Những dạ thừa, tồn sinh, trùng lai, phổ thị của Bùi Giáng, tà huy của Nguyễn Gia Thiều, mù sa, trăm năm của Nguyễn Du ban đầu làm xao xuyến người đọc: (...) Nhưng vì lặp lại nhiều lần, chúng bị phá giá. Hiện tượng phá giá này có mặt ngay ở những tác phẩm đầu và chủ yếu của Bùi Giáng” (HL, tr. 39-40).

.....

“Nhà thơ tiện tay bắt được chữ nào vội bỏ ngay vào lục bát, không màng nhìn lại những câu đầu nữa” (HL, tr. 42).

.....

“Cho nên biết bao lần người đọc tiếc, giá Bùi Giáng đừng ham chơi, chịu khó dừng lại ở chỗ đáng dừng để những câu thơ sáng giá như (...) khỏi bị lọt vào khu rừng hoang, ôm đồm những lời thơ vội vàng, mọc lên như cỏ dại”. (HL, tr. 43)

Đọc xong bài Thụy Khuê, ít nhất có hai người bạn gọi điện thoại hỏi ý kiến tôi và bày tỏ “thái độ”: sao bà Thụy Khuê “dám” phê bình Bùi Giáng? Sao lại không dám nhỉ, tôi trả lời. Bùi Giáng khi sống thì phiêu lãng như hương đồng cỏ nội, như châu chấu như chuồn chuồn, lúc chết thì chết bình thường, thậm chí tầm thường hơn cả những kẻ tầm thường, chứ có phải lãnh tụ vĩ đại gì đâu mà phải dám với không dám. Tôi cho rằng, nếu Bùi Giáng sống lại, đọc được những giòng trên của nhà phê bình Thụy Khuê, chắc phải vô cùng sáng khoái kêu lên: “Thiệt đúng ý qua! Thiệt đúng ý qua!”. Y như Archimedes la lên: “Euréka, euréka!” khi tìm ra được nguyên lý về sức đẩy của nước. Hay như nhân vật Độc Cô Cầu Bại của Kim Dung vô cùng sung sướng khi tìm ra được kẻ có thể đánh bại được mình. Theo thiện ý của tôi, nhận xét của chị Thụy Khuê không có gì sai (không có gì sai không tất nhiên có nghĩa là đúng). Thơ Bùi Giáng, và kể cả văn, quả là bị “phá giá”, ông làm thơ theo kiểu “tiện tay gặp được chữ nào là bỏ vào chữ nấy”, rồi lại “ham chơi” khiến cho có những lời thơ “vội vàng mọc lên như cỏ dại”.

Nói cho rõ ràng ra, thơ của Bùi Giáng dở. Trừ một số câu thơ hay - chưa hẳn là rất hay -, còn lại hầu hết thơ ông đều dở. Tôi có

cảm tưởng rất nhiều câu thơ ông làm chẳng khác gì những câu thơ ngây ngô của mình khi mới bắt đầu tập tễnh làm thơ hồi còn học trò. Thậm chí có nhiều câu hệt như các em “ma-ri-sén” làm thơ tặng tình nhân. Vẫn điệu rập nổi tùy tiện, ý tứ lại tầm thường. Chúng ta thử đọc lại một vài câu:

ngô nghê:

*Giật mình lúc chợt nghĩ ra  
Rằng toàn thân thuộc đã qua đời rồi.*

đạo văn (của Nguyễn Du):

*Rừng phong thu đã nhuốm màu  
Quan san ngấn ải tư trào ngấn kia*

guồng ép chữ cho có vần:

*Thưa em ngón ngữ quặt què  
Làm sao nói được nghiệp nghề người diên*

lập lại (vần):

*Non nửa thế kỷ xa quê  
Mà chưa có dịp về quê một lần*

nói nhăng nói cuội:

*một hôm gấu guốc gặm ghi  
hai hôm gấu gửi cũng vì ba hôm*

v.v... và v.v...

Tóm lại, những câu thơ như thế rất, rất nhiều trong sự nghiệp thi ca của ông. Đôi khi tôi có cảm tưởng ta cứ làm đại một bài thơ lục bát nào đó thật dở rồi để tên Bùi Giáng là ta có một bài thơ rất Bùi Giáng. Nếu bạn không tin, bạn cứ thử đi rồi sẽ biết.

Ta có thể nói, cái dở trở thành tính cách của thơ ông. Nói cho đúng ra, nhà văn nhà thơ nào chẳng có cái dở. Chẳng hạn Mai Thảo, nhà văn được xem như một trong những khuôn mặt hàng đầu của văn học miền Nam, cũng có nhiều cái dở, đến nỗi ta khó

mà không đồng ý với nhận xét sau đây của Nguyễn Ngọc Tuấn: “Đọc lại những cuốn tiểu thuyết một thời rất ăn khách ở miền Nam, sau này được in lại tràn lan ở hải ngoại của Mai Thảo, dù thương ông đến mấy, tôi nghĩ, chúng ta cũng nên thẳng thắn thừa nhận một điều là chúng chỉ là những cuốn tiểu thuyết dèm đẹp. Cố gắng lắm, tôi cũng chỉ đọc vài chục trang là phải buông sách xuống”. Cái dở của Mai Thảo cũng như cái dở của nhiều nhà văn, nhà thơ khác là vì không thể viết hay hơn hoặc theo như Nguyễn Ngọc Tuấn “người ta không thể không cúi xuống vỗ về những thi hiếu kém cỏi của quần chúng”<sup>(6)</sup>. Nhưng Bùi Giáng có cái dở riêng, phải nói là rất riêng, của Bùi Giáng. Và ông không che giấu cái dở của mình. Không bao giờ. Chẳng những thế, ông lại còn cố ý phô bày nó ra, phô bày một cách chân tình, hồn nhiên, toàn diện. Hay nói cho đúng hơn, ông phô bày mọi thứ. Chúng có thể hay, có thể dở, có thể thế này có thể thế khác. Chúng dính kết vào nhau thành từng chùm, đến nỗi chị Thụy Khuê lấy làm tiếc, cho rằng vì ông quá “ham chơi”. Mấy câu thơ đang hay như thế này, bỗng xen vào những câu thơ dở không chịu nổi. Thật uống!

Gẫm lại, con người chúng ta thường sống hai mặt: tốt và xấu. Tốt khoe, xấu che. Trong văn chương, có bản nháp, bản thật. Thường thì chúng ta tìm cách giấu đi, càng giấu kín càng tốt, bản nháp hay *background* của đời mình. Chúng ta sống với cái phía khác của đời mình, một phía khác thường không mấy thật. Nếu viết văn, làm thơ, chúng ta rất sợ những câu thơ dở, những đoạn văn tầm thường, nhạt nhẽo hay chữ nghĩa ngô nghê phô bày ra giữa ba quân thiên hạ để tránh bị xem thường, tránh bị tổn hại “thanh danh” (nếu lỡ có thanh danh). Chúng ta trau chuốt chữ nghĩa, tạo nên “nhân cách”, tạo nên bề mặt, tạo nên cái vỏ, càng

---

<sup>(6)</sup> Nguyễn Ngọc Tuấn, Mai Thảo, *Tiểu luận*, Tạp chí *Việt* số 2, Úc châu, tr. 184-185.



nhiều lớp càng tốt. Biết bao nhiêu bản nháp của đời mình bị chính mình cố tình quên lãng, tìm cách quên lãng. Cũng như biết bao nhiêu bản nháp của thơ, văn, tiểu luận bị đổ vào sọt rác. Chúng không phải là của mình, vì chúng dở. Tưởng chừng như, một kẻ thiên tài như ta đâu có đời nào lại có thể sáng tác ra cái thứ dở như thế. Chúng ta không thích cái dở của mình, không thích cái sai của mình, không thích cái điên của mình, không thích cái xấu của mình trong lúc biết rất rõ, thấy rất rõ cái dở, cái sai, cái điên của người khác. Ta đâu có can đảm công bố một câu thơ dở, một đoạn văn dở của chính chúng ta, trừ phi nó dở mà ta cứ tưởng là hay, là số một. Cái gì xuất hiện trên văn đàn thường cũng đã được cắt xén, hoàn chỉnh, được “review” năm lần bảy lượt. Chúng ta hoàn thành “nhân cách” của mình, vai trò xã hội của mình trong cái vỏ đó.

Bùi Giáng làm trái lại. Bùi Giáng cho chúng ta thoải mái xem bản nháp của đời ông, của văn chương ông. Ông sống và làm thơ, viết văn hờ hang, trần trụi. Không trau chuốt, kiểu cách. Ông bỏ cái dở vào đời mình, vào sự nghiệp của mình, trân trọng nó y như chúng ta trân trọng cái hay. Càng nổi danh, chúng ta càng ngụy trang, càng giấu dốt. Bùi Giáng thì càng nổi danh, càng được ca ngợi, tặng bốc, lại càng dở, dở một cách thành thật, hồn hậu. Cái dở của Bùi Giáng, hiểu một cách nào đó, chính là phía khác của Bùi Giáng, cũng là phía khác của đời người, mà cũng là phía khác của chúng ta. Vì sao? Cái hay có thể chúng ta không giống nhau (nếu giống nhau thì làm sao mà hay được). Nhưng cái dở thì hầu như chắc chắn rất giống nhau. Đại loại là... dở. Ta cứ tưởng Bùi Giáng tách bạch cái hay, cái dở. Hay thì để dành cho ông, còn dở thì xem như ông giấu cọt (kiểu làm thơ tự trào). Không. Hay và dở trong Bùi Giáng trộn vào nhau y như bụi trộn với đất, nước lạnh trộn với nước nóng, rất khó lựa ra, khiến chi

Thụy Khuê tiếc hùi hụi: “giá như ông đừng ham chơi... để những câu thơ sáng giá như (...) khỏi bị lọt vào khu rừng hoang”.

Tôi tin rằng có mặt của mỗi một người chúng ta trong vô vàn những câu thơ dở dở, trong cuộc tồn sinh trần trụi đó của Bùi Giáng. Hãy dùng chữ của Thanh Tâm Tuyền: bóng vang. “Ông luôn luôn nhắc nhở noi ông là những bóng vang của ai khác. Và ta hãy là bóng vang của ông”(7). Chúng ta đã từng làm thơ dở và có thể vẫn tiếp tục làm thơ dở như thế. Ví như, có thể trong sâu thẳm của tâm hồn chúng ta vẫn vang lên tiếng hát thuộc loại “sến” của Tuấn Vũ, Thanh Tuyền, Chế Linh trong lúc, bên ngoài, chúng ta chỉ thích nghe Tuấn Ngọc, Thái Thanh, Vũ Khanh... Ta vẫn “sến” ngay khi rất “trí thức”, vẫn yếu đuối trong lúc vô cùng mạnh mẽ, vẫn vô cùng bản tiện, tục tằn ngay khi được tôn thờ như lãnh tụ, thánh nhân (Quang Trung, Gia Long của Nguyễn Huy Thiệp chẳng hạn). Có một đứa bé trong người lớn, có một ác quỷ trong tâm hồn thánh thiện, một lão Ngoan Đồng trong vị “Bắc đẩu vô lâm”. Chúng ta sống trong và bằng nguy tín. Bùi Giáng gánh hết cái dở của đời ông, của đời người, của chính ông và của chúng ta. Ông là kẻ cứu chuộc chúng ta bằng cái dở toàn diện của đời ông và thơ ông. Ông giúp ta nhìn thấy “bản lai diện mục” của mình: dở. Đôi khi tôi cũng muốn lý luận như sau về ông: thơ ông càng về sau càng ngô nghê, càng dở là vì ông đi từ hữu chiêu tới vô chiêu, từ chấp ngã tới phi ngã, từ chấp trước tới phá chấp, từ lý luận đến triệt bỏ lý luận, từ chữ nghĩa đến phá bỏ chữ nghĩa, từ nói đến... vô ngôn (như hiện giờ dưới lòng đất). Nhưng thành thật mà nói, khi chúng ta khen ông biết đâu lại chính là chê ông, tưởng “thấu hiểu” được ông, té ra chẳng hiểu mô tê gì ráo:

---

(7) Thanh Tâm Tuyền, bdd, tr. 75.

*điên cuồng mà tưởng nên thơ  
cuồng điên mà tưởng làm thơ như thần*

## Gặp

Khoảng mùa hè năm 1969. Đêm đó, nhân nhà tôi ở trọ có giỗ, tôi mang một ít thức ăn đến chỗ thầy Tuệ Sỹ để thầy dùng. Phòng thầy ở thuộc tầng hai Đại học Vạn Hạnh. Kế bên phòng thầy là phòng của anh Nguyễn Hữu Hiệu (hồi đó là nhà tu Thích Chơn Pháp). Đến gõ cửa phòng thầy thì thầy đi vắng. Anh Hiệu cũng đi vắng. Thường thì khi thầy Tuệ Sỹ không ở nhà, tôi dùng lối đi bên phòng anh Hiệu để đột nhập phòng thầy, ở đó nằm đọc sách hoặc nghe nhạc đợi thầy về. Lần này cả hai đều đi vắng. Vậy là tôi tìm một lối leo ra phía lan can, bò dọc bên ngoài, đến chỗ cửa sổ, thò tay kéo cửa sổ để vào phòng thầy Tuệ Sỹ. Tới nơi, thấy cửa đã mở sẵn, tôi hơi ngạc nhiên. Trèo vào, thấy có một người đàn ông đã ở trong phòng. Ông mặc quần xà lỏn, áo may-ô. Tôi hết sức ngạc nhiên, không biết người đàn ông này là ai và sao ông ta lại biết lối đi này để vào. Cảm giác đầu tiên của tôi là: ông ta là một tay trộm cắp. Tôi hỏi: “Anh quen với Tuệ Sỹ à? Anh là ai vậy?”. Người đàn ông trả lời tỉnh bơ: “Ta chẳng biết ta là ai nữa. Mà sao? Nếu ta nói ta không phải là ta, thì sao?”. Câu trả lời là lạ khiến tôi nhìn kỹ lại khuôn mặt và chợt biết ngay đó là ai. Tôi mừng rỡ nhào vào ôm người đàn ông, la lên: “Bùi Giáng hả?!”.

Vâng, ông ta là Bùi Giáng. Thấy tôi mang đồ ăn vào, ông hỏi và tự nhiên lấy đồ ăn ra ăn, chừa lại một ít cho thầy Tuệ Sỹ. Ăn xong, ông hỏi: “Có rượu không?”. “Không. Nhưng hề gì, đi mua thôi”. Tôi lao xuống lầu, chạy ra tiệm rượu gần chợ Trương Minh Giảng mua chai Johnnie Walker và một ít đồ nhắm. Tôi nói nhậu ở trong phòng thầy bất tiện. Ông bảo: “Được, đi theo ta”. Ông kéo

tôi đi lên tầng bốn, đến chỗ Thiền viện. Hai chúng tôi ngồi giữa sân Thiền viện bày ra nhậu. Nơi đây, thực là một chỗ nhậu lý tưởng. Đêm trời đầy sao, không trăng, ánh đèn đường từ bên ngoài phản chiếu lên vừa đủ. Lại nghe tiếng khánh reo leng keng đồng loạt khi có gió thổi qua. Không khí vô cùng tĩnh lặng.

Đêm đó, hai chúng tôi nhậu quên trời quên đất, quên luôn chuyện trở lại phòng Tuệ Sỹ (đêm đó, may là thầy không về). Tôi, anh học trò nhỏ từ Huế vào, mang trong mình một ít mớ kiến thức triết học tạp nham, thảo luận về đủ thứ chuyện cùng một bậc thầy về nhiều mặt. Nói cho đúng, chẳng thảo luận gì ráo. Tôi chỉ thắc mắc, đặt câu hỏi và nghe trả lời. Thịnh thoảng dè dặt đưa ra một vài ý lẩy lẹ. Nhưng rồi, khi rượu đã ngà ngà, tôi bắt đầu chẳng úy kỵ gì nữa, gặp đâu nói đó, ngông nghênh, lếu lảo y như đang đấu hót với đàn em. Chẳng hiểu sao, Bùi Giáng cũng hứng chí, đấu hót với mình y như bạn. Ôi, thiên thung mang nai, từ Platon, Socrate đến Sartre, Heidegger, Gabriel Marcel, Camus, Lão Tử, Trang Tử, rồi Freud, Jung... rồi Kim Dung, gái điếm, chiến tranh, Cộng sản, Mỹ. Được nói chuyện với ông dường như làm tôi hứng khởi cực độ, nên có gì trong đầu là tuôn ra tưới hột sen. Cái làm tôi ngạc nhiên nhất là tôi tiếp cận với một Bùi Giáng hoàn toàn khác hẳn với điều tôi tưởng nghĩ, khác hẳn với những giai thoại, những hình ảnh khác thường mà thi ca và những cuốn khảo luận triết học của ông gợi ra. Ông bình thường, vô cùng bình thường. Một Bùi Giáng thông tuệ, ưu tư, tra vấn về mình và về cuộc đời với một ý thức tỉnh táo vô lượng. Một Bùi Giáng uyên bác, kinh viện hết mực. Chẳng ba đào, tồn lưu, mù sa, thừa ràng. . Chẳng châu chấu, chuồn chuồn, xoang điệu, hồng quần, mẫu thân Phùng Khánh... Mà là một Bùi Giáng trên bục giảng Đại học. Một Bùi Giáng rất mực luận lý. Một Bùi Giáng rất đời thường với những bất bình, giận hờn, tủi nhục, đau đớn của

những đoạn đời trải qua. Ông nói về cái học của ông, về hai người mà ông hận nhất trong đời. Ông nói về việc học chữ Hán và đọc cho tôi nghe mấy bài thơ mới nhất bằng chữ Hán ông vừa mới làm để tặng Kim Dung (Kim Dung thời gian này đang ở Sài Gòn trong một chuyến viếng thăm hình như khá dài ngày)<sup>(8)</sup>. Triết gia mà ông đề cập nhiều nhất đêm hôm đó là Pierre Teilhard de Chardin<sup>(9)</sup>. Tôi không còn nhớ rõ từ đâu lại đưa đến đề tài này. Nhưng lạ là ông nói về những quan điểm triết lý của cha Teilhard rất say sưa hào hứng. Khoa học và triết lý. Tôn giáo và triết lý. Giáo điều, bảo thủ và tiến bộ... Nhất là ông bàn về một trong những quan điểm của Teilhard: việc “thấy” (“voir” trong tiếng Pháp). Ông đối chiếu quan điểm này với khái niệm về “kiến tánh” trong Phật giáo.

Nửa đêm, hết rượu, tôi lại phải leo tường ra tìm mua thêm rượu. May mà chưa đến giờ giới nghiêm và may mà có một quán phở ở đường Kỳ Đồng còn mở cửa. Rốt cuộc cả hai người nằm gục trên sân Thiền viện. Sáng ra, chúng tôi thất thểu tìm về phòng thầy Tuệ Sỹ. Ở đây, Bùi Giáng lục tìm một số sách của ông, tặng tôi hai cuốn sách vừa mới in. Ở cuốn “Trăng Tỳ Hải”, ông đề tặng như sau:

*Tồn lơ bốn lần sinh bốn loạn*

*Tặng chàng Hữu Thục học hay hang.*

Sau lần đó, tôi còn tìm gặp ông hoặc tình cờ gặp ông nhiều lần, khi thì giữa đường, khi thì trong Vạn Hạnh, khi thì đâu đó trên đường phố Sài Gòn. Ông chẳng hề nhớ tôi, và cũng chẳng nhớ gì về cuộc nhậu trên sân Thiền viện Vạn Hạnh ngày nào. Nói

---

<sup>(8)</sup> Có thể là nhà văn Quỳnh Dao, tôi nhớ không rõ lắm. Nhưng chắc chắn Kim Dung đã từng đến Sài Gòn, nếu không dịp đó thì cũng trước đó không lâu.

<sup>(9)</sup> Pierre Teilhard de Chardin (1881-1955), linh mục Công giáo người Pháp, triết gia, nhà cổ sinh vật học. Ông dùng các nghiên cứu khoa học để chứng minh sự hiện hữu của Thượng Đế. Nhưng vì ông chấp nhận quan điểm tiến hóa luận, nên trong một thời gian khá dài ông gặp nhiều chống đối từ phía giáo hội Công giáo.

chỉ đến hai câu thơ ông hồn nhiên viết vội sau một đêm nhậu sa đà. Hai câu thơ ngây ngô, vô nghĩa và dở. Như rất nhiều, rất nhiều câu thơ vô nghĩa, ngây ngô và dở khác của ông. Ấy thế mà tôi cứ nhớ mãi, nhớ mãi đến bây giờ. Ba mươi năm sau.

Xin thưa rõ, Bùi Giáng mà tôi gặp đó chỉ là một hư cấu! Tất nhiên, câu chuyện trên cũng hoàn toàn là hư cấu!

## BÙI GIÁNG VÀ MÙA XUÂN PHÍA TRƯỚC<sup>(\*)</sup>

*Mùa xuân hoa cỏ vương đầy sách  
Anh ném thơ ca - xuống vồng thiên.*

“Xuống vồng thiên”! Có lẽ nhà thơ của *Đoạn trường vô thanh* Phạm Thiên Thu là một trong những người đã nghe ra cái huyền ngoại chi âm phát ra đằng sau những câu thơ mùa xuân của Bùi Giáng khi Phạm Thiên Thu linh cảm, lân cảm phác bút như vậy.

Đọc lại những bài, những câu thơ còn lấm thắm mưa nguồn của Bùi Giáng trong niềm thương nhớ một con người đã cố tìm cách vừa đi vừa nhảy múa qua cái hệ lụy nhân sinh thường ngày mà không được: từ *Chào Nguyên Xuân, Mâu Xanh, Bờ Xuân, Lối Xuân, Về Giữa Ngõ, Vỗ Vỗ...* quả như thấp thoáng sau những xuy cảnh phiêu bồng là một đôi mắt cố gạt dần sương khói cô đơn muộn phiền để hồn nhiên vươn đến cái an nhiên thấu suốt của một Thiền sư. Vẫn còn đó những phi lý, những hiện sinh như một ám ảnh nóng của Albert Camus, Jean-Paul Sartre. Rồi những siêu hình học của Martin Heidegger. Nhưng lướt trên cảnh vật, rất nhiều khi đã là một cái nhìn Đông Phương nhẹ nhõm về một mùa xuân cũng Phương Đông sau khi đã “Ở bên kia nhìn trở lại bên này chăng? Chẳng hạn:

---

(\*) Bài in theo *Đặc san tưởng niệm thi sĩ Bùi Giáng* do nhóm thân hữu Quảng Nam Đà Nẵng thực hiện, lưu hành nội bộ.  
Trương Vũ Thiên An – nhà thơ, nhà giáo, Sở Giáo dục – Đào tạo Quảng Nam.

*Đạp thanh hội cũ hào hoa  
Giấc vàng buổi Tảo mộ đã cáo chung  
Phiên sương xuy ảnh phiêu bồng  
Sầu song thủy dụng điệp trùng trắng mây.*

Bay bay giữa cội người, cội xuân là một con chim mùa cũ đến  
- hẹn - lại - lên:

*Gò mô mấp mé bãi cồn  
Lá lơ thơ xuống bên tồn sinh bay  
Mép rìa vòm cỏ hoa phai  
Con chim mùa cũ hẹn ngày giờ sang.*

Không mai vàng, không lộc biếc, chẳng hoa đào, thiếu đông phong. Mùa xuân của Bùi Giáng cứ không chịu bó vào những mặc định nên thơ muôn đời. Đó là một mùa xuân tự tâm theo kiểu Bùi Giáng mà có!

Nhưng thưa nhà thơ *Đưa em tìm động hoa vàng* và ngay cả thưa với Trung Niên Thi Sĩ của *Đôi Sim Trái Chín* (!) Bùi Giáng vĩnh viễn không thể *xuống vòng thiên!* Hoa may lắm người chỉ có thể trở thành một Nhà - Sư - Vương - Lụy (tên một tác phẩm Bùi Giáng tâm đắc). Rủi hay may cho đời xin cứ xem như là một nhan đề đợi ngày "*Lá trùng ngộ giữa hương màu nguyên xuân*" tất có lời giải đáp.

Phải vậy chăng mà giữa những câu thơ xuân mấy lần muốn đập cánh phiêu hốt của Bùi Giáng (định lên bay về Bồng lai theo hai con hạc trắng của Thế Lữ chăng) ẩn nấp một lời khác ở giữa - thoại trung hữu thoại. Một lời gây đổ, như mùa xuân của đất trời từ chối gã Trung Niên Thi Sĩ đại khờ, ngừng ngừng chăng? Con người từng hát hò, nhảy múa rừng rờ trước bao đường phố Sài Gòn, lắm lúc một mình bất động ven vỉa hè của một thu vàng rớt hột để lên lên nhận diện một mùa xuân trắng:



*Mưa thu buổi sáng ướt thêm  
Tiếng rên rỉ nọ còn thêm nỗi gì  
Dâng lên từng đợt lỗi nghi  
Mùa xuân đã chết ai về gọi thu*

Tưởng như ai đó của *Điều tàn* ngày cũ đòi làm một cuộc đại  
lữ hành về thu trước.

*Lở đổ xuân trên lấm tấm đòi người mà vẫn đoạ tan biến sao?  
Ngày vui ngắn? lòng đã vui mấy bận  
Ngày vui đi? mấy bận giữa lòng ta  
Đổ lầy lất mưa về xuân lấm tấm  
Ồ thiếu quang tan biến vội sao mà*

Đọc một bài thơ có cái tên rất là lạ *Phụng Hiến*, ta muốn rót  
nước mắt với Bùi Giáng trước những lời thơ gắn liền với cái chết  
và quá xa quá với mùa xuân:

*Nhưng em hơi trần gian ời ta biết  
Sẽ rời ra vĩnh biệt với người thôi  
Ta chết lặng bó tay đầu lắc  
Đài xiêu ời xuân sắp rụng mất rồi*

Nếu một ngày nào đó mai sau có ai đó kể lại rằng ngày trước  
có một nhà thơ vương lụy, bỏ lại xứ Quảng quê nhà một đôi sim  
trái chín. Bỏ lại bên bờ lúa thanh xuân cái chết của người thương.  
Gửi lại trên một lối mòn *Một dấu chân bước của - Một bàn chân  
bé con*. Để rồi từ đó, con người đó suốt đời theo đuổi một mùa  
xuân và cũng bị một mùa xuân săn đuổi. Thi ắt hẳn...

Mà cũng đúng thôi, việc gì phải đa đoan! Nói như Trang Chu:  
“Trong một tháng chỉ cười được 5, 6 ngày, còn lại đều đau khổ”.  
Nhưng hãy hiểu cho Bùi Giáng một lần nỗi xuân đó của ông, như  
trong tự bạch lạ lùng *Bờ xuân*: “Mùa xuân bữa trước mùa xuân  
bữa sau, mùa xuân bốn bên trong hiện tại vây hãm tấn công đòi  
hạnh phúc lạnh như băng không làm sao nhúc nhích”.

Không có thực một mùa xuân (?), Bùi thi nhân nhún vai cười hể hể đi tìm một xuân mộng. Có kẻ *Về giữa ngọ* chói ánh mặt trời mà cứ lên *tơ tưởng* một đêm giêng xuân lai láng nguyệt! Nhưng mộng là thực trong mơ, Bùi Giáng, có phải người đang mở kính, dụi mắt, ngược lên bầu không sùng sờ nín lặng thay vì chất vấn không cùng trong cảnh tượng chỉ nhìn thấy một lần trong đời, cái cảnh:

*Vòm nguyên tiêu rơi rụng giữa trăng rằm.*

*Mùa xuân, từ đó, là mộng ảo âm thầm.*

Nhưng vẫn còn đó, sau những quá mộng tầm xuân, nhấp nhánh một quê nhà. Ở đó dòng Thu Bồn thung thăng ngọt nước đợi người về. Ở đó, những triền cỏ trung du run rẩy nắng sáng. Người vẫn ngồi như một quả đồi cô đơn giữa phố thị. Viết cách không vào mùa xuân hai chữ: lỗi hẹn.

*Mù sa thấp rừng nai xưa lơ hẹn*

*Xuống thôn làng ngõ lá rụng ven khe*

*Mùa tháng chạp chim trời xa lơ hẹn*

*Với sông Thu từ một buổi bay về.*

Đường về xuân cũ xa xôi, con người ghé mắt nhìn suốt lượt đường xuân. Vắng quá! Bùi Giáng có lúc tự ký hoạ mình:

*Màu con mắt bên màu xuân xiêu đổ*

*Ở bên kia nhìn trở lại bên này*

Phút chấn động dữ dội, chỉ thấy:

*Gió lay lắt bốn phương về đồn tụ*

*Bụi thu mờ ai phủ với hai tay.*

Nhưng cô đơn, âm ảnh, ngộ nhận, tỉnh điên... đã không quật đổ nổi Bùi Giáng! Cứ toi tả đi cho tan nát một hình hài nhưng vẫn còn đó ngày nào Bùi Giáng ơi, một người trung niên thi sĩ trần gian hơn những gì trần gian nhất, đi khúc tuý quyền xuyên qua mai vàng, đông phong, lộc biếc. Vừa đi vừa ca bằng một thứ

âm sắc đất Quảng, vừa đi vừa ca bằng một thứ âm sắc cứ mênh mang về phương Nam:

*Mai sau hẹn với bạn đầu*

*Chờ nhau ngộ khác ngộ màu nguyên xuân.*

Chao ôi! Một phác nguyên trong trẻo đến nghen ngào, rạng rỡ đến chói chang! Hẳn phải có những phút định tâm đầy khí lực thì Bùi Giáng mới hình dung nổi cái uyên nguyên của mùa xuân. Cứ như thế ông đang đứng đầu đó trên con đường xuân thân thuộc quê nhà, chờ ta qua giữa biển dâu xanh, hát lên om sòm *dzui dzé* bằng chính cái cách ngày nào của chính ông:

*Xin chào nhau giữa con đường*

*Mùa xuân phía trước miên trường phía sau.*

Quây hết mình, chơi hết mình, dốc hết máu cho cuộc tắm xuân, tôi và bao người đọc cầu ông thanh thản nơi ông đã yên nghỉ đời đời, mặt hướng về mùa xuân, ngón chân cái đặt bên bờ nguyên xuân, phía *trùng ngộ giữa hương màu nguyên xuân*.

Viếng ông giữa mùa xuân, bỗng lo lắng nghĩ đến tâm ý của ông với Ngân Giang nữ sĩ ngày nào:

“Tại hạ tìm tôi viếng thăm tiên bối, xin uống một tách nước trà đậm nhiên là đủ. Chỉ cầu mong một điều: Trà kia không có pha thêm những bột phấn phấn hoa, và bàn tay pha trà không phải là bàn tay của một kẻ tốt nghiệp chuyên môn nơi một trường cao đẳng Trà đạo, Trà lý gì hết cả!”.

Cái đó thì đã có mùa xuân rồi!

## NHỮNG NGỌN CỎ SÀU CỦA BÙI GIÁNG<sup>(\*)</sup>

Đối với tôi, tôi vẫn hướng về Bùi Giáng trong cái thế giới thơ mộng nhất của người thi sĩ xuất chúng này. Ông thông dong, hồn nhiên, ngây dại, một chút ngả ngớn, một chút điên loạn, một chút ồn ào, một chút trầm lặng... đứng giữa vòm trời mờ mịt sương và le lói nắng của thi ca. Một đôi khi ông cười vui. Một đôi khi ông bất động. Một đôi khi ông múa may. Một đôi khi quán tưởng. Một đôi khi ông giả ngộ khất khùng trên dòng trường giang của ngôn ngữ và văn điệu do chính ông khơi mở, để rồi mặc nó ngập đầy và thao thiết chảy về trăm hướng ngàn phương...

Nhà tư tưởng Nguyễn Đức Quỳnh coi Bùi Giáng như Lão Tử của Việt Nam. Một lần, nhân đọc cuốn *Tư Tưởng Hiện Đại*, tôi có hỏi Bùi Giáng ít điều thắc mắc. Ông đã cười “Vui vậy mà...”. Cũng như Phạm Công Thiện, Bùi Giáng có vẻ coi thường các triết gia hiện đại. Ông tiếp:

- Đừng đọc ba cái bá láp đó làm chi. Nghe này “*Mất rồi bi cỏ mọc hoa. Mạch triều xuôi ở nguồn xa chưa về*” “và “*Bây giờ em đứng nơi đâu? Cỏ trong mình mấy âu sầu ra sao*”.

Dạo đó tôi thường gặp Bùi Giáng ở nhà Thanh Tuệ ở sát cạnh nhà tôi, trong một hẻm nhỏ đường Lý Thái Tổ. Ngôi nhà lầu

---

<sup>(\*)</sup> Bài in theo *Đặc san tưởng niệm thi sĩ Bùi Giáng* do nhóm thân hữu Quảng Nam Đà Nẵng thực hiện, lưu hành nội bộ.

Chúng tôi chưa liên hệ và tra cứu được về tác giả.

ngăn đôi, bên này một mình tôi mượn lại của gia đình nhà văn Song Linh, bên kia Thanh Tuệ thuê, vừa làm nhà xuất bản An Tiêm vừa ở với mấy người bạn.

Một lần, đang nằm ở bên này, tôi nghe tiếng bước chân xầm xập lên chiếc cầu thang gỗ. Rồi tiếng Bùi Giáng ồn ào cười nói. Có khi ông đọc thơ. Có khi ông chuyện trò với Thanh Tuệ và những người khác, bằng cái giọng vừa ồm ồm vừa chọ chẹ. Một lúc huyền não như thế. Rồi bật im. Không một tiếng động nào nữa. Những căn nhà san sát mê thiếp dưới ánh nắng xé và lớp gió chiều quẩn rộng... Tôi bước sang đẩy cánh cửa khép hờ, Bùi Giáng đang ngồi ngủ gục trên một chiếc ghế. Thanh Tuệ thì nhẹ nhàng ý tứ xếp lại những chồng sách mới in. Tôi cũng nhẹ nhàng ý tứ đến gần bên Thanh Tuệ, nhặt một cuốn sách lên, để mùi thơm của giấy mới loãng tan trong không khí. Thanh Tuệ ngó Bùi Giáng, cười. Nụ cười tươi tắn và hồn hậu. Tôi khẽ gật đầu. Chúng tôi để yên cho nhà thơ của chúng tôi ngủ...

*Em về mấy thế kỷ sau*

*Nhìn trắng có thấy nguyên màu ấy không...*

*Ta đi còn gởi đôi giòng*

*Lá nơi có dãi ở trong sương mù*

*(Mưa Nguồn)*

*Còn đất trắng mờ sương gieo giọt nhỏ*

*Trút cho đời vũ trụ mọc hoang liêu*

*(Mâu Hoa Trên Ngàn)*

Tôi đọc những vần thơ êm đềm óng chuốt ấy. Rồi nhìn tác giả: bộ quần áo bạc màu xóc xếch. Những sợi râu tóc hỗn độn lưa thưa. Cái đầu ngoẹo đi. Đôi mắt nhắm lại. Gọng kính trắng trễ nải trên một sống mũi buồn. Bùi Giáng ngồi hồn nhiên và ngủ hồn nhiên như một đứa trẻ. Một đứa trẻ khờ khạo giữa mộng

tưởng và cuộc đời. Một đứa trẻ vô tư giữa những ngày tháng ngao du và những ngân thu rớt hột...

*Bây giờ xin hỏi lại thu*

*Khu vườn lá mọc sao thu phiêu bồng?*

Chợt có tiếng động xe Honda nổ lạnh canh ở ngay mé cửa. Tiếng Ninh Chữ, rồi tiếng Phạm Công Thiện ập vào như một trận bão rừng. Cái vẻ yên tĩnh đã mất đi khi tấm áo nâu sòng của người Thích Nguyên Tánh vừa từ Vạn Hạnh xuống núi. Bùi Giáng hé mắt nhìn chúng tôi. Đôi mắt ngác ngơ buồn bã. Đôi mắt của một vị Thiền sư, hay đúng hơn, của một thi nhân, trước những kẻ ồn ào đang múa rối quanh mình.

Mỗi lần Phạm Công Thiện gặp Bùi Giáng là hai người thường *gây* nhau. Gây nhau về những “*triết thuyết*” này và “*tư tưởng*” nọ. Nhưng với thơ văn thì hai người lại “*thương*” nhau vô cùng. Bùi Giáng thường đọc những câu thơ ngắn cho Phạm Công Thiện nghe, và ngược lại. Trong thơ không có điều gì phải luận giải. Trong thơ chỉ có sự chia sẻ và cảm thông. Chúng tôi nhìn hai nhà thơ quàng ôm nhau. Hai nhà thơ ngó nhau cười dịu dàng. Hai nhà thơ uống những ngụm bia lạnh. Hai nhà thơ hút thuốc lá. Rồi hai nhà thơ ngồi im như pho tượng...

*Người xuống theo dòng trôi nước lũ,*

*Màu sim màu mốc túi sương mây*

*Suối đá gập ghềnh hôm sớm tụ*

*Khói mịt mù thổi xuống đồi cây*

Lúc chợt thấy tôi, Bùi Giáng đứng bật dậy hỏi tôi ân cần:

- Nghe Thanh Tuệ nói cậu bị đau? Cậu đau cái gì vậy?

Tôi chưa kịp trả lời, thì ông đã đọc mấy câu thơ:

*Ta sẽ đến đứng bên bờ nước cũ.*

*Ngó bên kia vườn biếc lá hoa lùg*

*Ổ vạ vật vẫn chờ nguồn nước lũ.*

*Tự ngàn năm tuôn chảy tự khe rừng.*

Phạm Công Thiện gật gù, rồi nhìn Bùi Giáng bằng cái nhìn yêu thương, thân quý. Thiện đọc:

*Tìm xa vắng bên bờ kia đổ vỡ*

*Dòng sông đâu em có biết ngọn nguồn*

*Tao thích hai câu đố của mây.*

*Mây là một nhà thơ vĩ đại.*

Bùi Giáng xua tay:

- Vĩ đại cái *con mẹ* gì. Kê chán chương thi ca mà *cứ phải* làm thơ. Minh chỉ là một thứ đuôi uoi *bất chước* thiên tiên mà không thể bất chước được, vui vậy mà.

Phạm Công Thiện cười, Bùi Giáng cũng cười. Chúng tôi đều cười. Những tiếng cười ròn rã. Những cái cười cuồng si ngạo nghễ và u uẩn chua cay... Chiều hôm đó Thanh Tuệ đãi chúng tôi một bữa ăn thật ngon miệng. Bùi Giáng nhân tán thành thoi ngồi dựa lưng sát tường. Đôi chân ông có lúc duỗi dài, có lúc khoanh tròn lại. Căn gác nhỏ trái thảm đỏ sạch sẽ gọn gàng. Cây trướng cá ở một bờ rào phía sau, lẫn lẫn những nụ hoa trắng. Nụ cười thơ dại của Bùi Giáng không bao giờ tắt trên khoé miệng có những chiếc răng khấp khểnh của ông. Ông cười nói thì thảo. Đọc thơ thì thảo. Có lúc tôi tưởng như ông đã lẫn vào những vệt xanh bát ngát của những cành lá và những điểm trắng mong manh của những nụ hoa...

Một ngày khác, tôi chở Phạm Công Thiện đến thăm Bùi Giáng. Căn gác gỗ ọp ọp ở bên xe đồ gần đường Trần Quốc Toản. Vừa bước lên cầu thang, đã thấy một dây "*gà mèn*" xếp đầy trước một khung cửa đóng kín. Phạm Công Thiện gõ cửa. Mùi thức ăn gây nồng, và những con ruồi bay chấp chới trên những chiếc vung bằng nhôm xám xỉn. Một lúc, Bùi Giáng lộ đầu ra. Áo quần nhàn

nhúm và tóc tai bù rối. Căn phòng nhỏ, chật cứng sách vở. Một chiếc mền màu tro cũ và một ngọn điện được kéo thấp xuống còn cháy sáng. Bùi Giáng, một tay đẩy những đồng sách cho gọn gàng lại, một tay hất hất chiếc mền. Cả ba chúng tôi vẫn đứng, vì căn phòng quá hẹp. Một đôi đũa và mấy chiếc muỗng quăng bừa bãi trên một cuốn sách của Camus. Một đôi vớ đen lẫn lộn giữa một cuốn sách của Heidegger.

Bùi Giáng nói:

- Ngồi đi, ngồi đi... Đi đâu mà hai ông ngao du bất tử vậy?

Phạm Công Thiện trả lời:

- Tao vừa ra Nha Trang về. Ghé Tuấn Huy rủ nó lụi thăm mày. Sao mày ngủ hoài vậy?

- Mới ngủ.

Bùi Giáng che miệng ngáp:

- Cái này mới kỳ này hai ông... Tôi vừa nằm mộng thấy Marilyn. Mà cũng chẳng phải Marilyn. Đường như là Ph.K... Ở đúng rồi, Ph.K... Mặc áo tu mà Cõi bờ con mắt Hoa Nghiêm Tương vôi lá cỏ lim dim vô cùng...

Cánh cửa vẫn hé mở. Chúng tôi đứng lẩn ngẩn như mấy con ngựa hoang giữa một lòng núi hẹp. Phạm Công Thiện cúi nhặt một cuốn sách lên, lật vài trang, rồi đặt về chỗ cũ.

- Mày lúc nào cũng mộng với mị... Đi uống cà phê không? Sao cơm nước ngổn ngang chẳng ăn uống chi hết vậy?

- Ăn à... Nói ra hai ông đừng cười. Nhiều bữa tôi quên tiết cả ăn... Đó, mấy chiếc gà mên đó... Người nấu cơm tháng cử cho con xách tới. Tôi cứ lần lượt mà ăn đã ba bốn ngày rồi tôi không đụng tới, lát nữa ăn, mai ăn... Vui vậy mà...

Thú thật, giây phút ấy tôi hơi rùng mình. Nhìn Bùi Giáng và không biết ông còn ở trong hay đã ở bên ngoài cuộc sống. Một



mảnh vườn nào đó với màu xanh của những lá cỏ, *ròn ròn* trong tâm tưởng. Tôi nhìn lại những chiếc gà mên và những con ruồi đậu xuống như một tấm lưới không hề có thực... Lát sau, chúng tôi đến một tiệm cơm chay ở góc đường Trần Quốc Toàn, đối diện với Việt Nam Quốc Tự. Tại sao đến một tiệm cơm chay? Đó là ý *muốn* của Bùi Giáng, khi thấy Phạm Công Thiện vẫn còn mặc trên người tấm áo tràng nâu của một tu sĩ “Nhà sư vương lụy”. Bùi Giáng ngửa mặt cười.

- Ông đi tu được cũng là hay. Tôi đôi lúc cũng muốn đi tu, nhưng còn vương nợ hồng trần. Đúng là:

*Hỏi tên? Rằng biển xanh dâu*

*Hỏi quê? Rằng mộng ban đầu rất xa.*

Phạm Công Thiện gọi một ly cà phê. Tôi gọi một ly trà đá. Riêng Bùi Giáng gọi một tô hủ tiếu, một tô mì, một ly cà phê sữa và một ly đá chanh. Tôi ngơ ngác nhìn Bùi Giáng, nhưng càng ngơ ngác hơn khi thấy ông ăn một miếng mì, rồi lại ăn một miếng hủ tiếu, uống một chút nước chanh, rồi lại nhấp nháp một chút cà phê... Cái lối ăn uống của Bùi Giáng thật là quái đản. Nhưng ông ăn và uống đều ngon lành. Cả cà phê sữa và chút chanh đường. Cả những sợi mì và cả những sợi hủ tiếu. Ông gấp cái này một chút, uống cái kia một chút - như người nhạc trưởng uyển chuyển trước một dàn nhạc. Ngay cả đồ gia vị cũng vậy. Ông rắc một chút tiêu lên tô này, lại thêm một chút ớt vào tô nọ. Xúc một muỗng đường. Xin vài hạt muối. Muối cho vào ly đá chanh. Đường cho vào tô mì. Lung linh chôn lộn. Có lẽ chỉ có *ông-trời-xanh* hay *bà-trời-trắng* mới biết được ông đang ăn uống hay đang chơi đạo giữa mùa trăng châu thổ?

Một lần khác bắt gặp ông lang thang chỗ gần Lăng Ông Gia Định. Ông như một khách nhàn du, đứng xó rờ nhìn mấy cụ già ngồi đoán xăm gần những vòng nhang mù mịt khói. Tôi xuống xe,

hỏi ông đang làm gì đó? Bùi Giáng cười. Những chiếc răng hư gãy làm nụ cười già nua móm mém: “Đừng xem cuộc đời nhào lộn mù sa... Vui vậy mà...” Tôi mời ông về nhà. Ông khen con đường Hoàng Hoa Thám thơ mộng. Ông hỏi tôi, hỏi này có được tin “nhà sư vương lụy” nữa không?

- Thiện đã ở một phương trời khác. Vậy hấn sương. Còn bọn mình *quanh quẩn* ở đây... Thật bơ vơ.

Bữa đó... U.H đãi ông một bữa chả giò, và món chân heo nấu giả cầy. Ông nhai Chew Chao những miếng chân giò nấu rựa mặn, và khen cái màu của nó đẹp như màu trắng... Tỳ Hải. Nhưng cái món chả giò, ông ăn rất ngon. Ông xin một chút đường rắc lên những miếng chả giò đó, và bảo: “chả giò có thêm vị đường mới là cốt cách...” U.H đã từng nghe tiếng ông, nên nằng tiếp đãi ông bằng cả một sự kính trọng. Trong một phút hầu như cảm khái, Bùi Giáng nhìn chằm chằm U.H và hỏi:

- Cô là ai? Cô từ Nghìn Thu Cổ Lục trở về hay từ Mầu Hoa Trên Ngàn trở lại? Nhưng dù là ai thì cũng được, không sao. Nè, tôi đọc tặng cô một bài thơ, cô nghe nhé: Em cho phép ta ngồi đây hỏi lại. Và gọi về trắng mùa cũ lang thang. Mầu trời đỏ để ngàn sương hót hải. Xuống li ti là dựng vội con đường...

U.H cảm ơn nhà thơ Bùi Giáng, rồi đi vào phía trong. Còn một mình tôi với ông, ông hỏi:

- Bà xã của cậu hiền quá hà... Cô ấy đẹp và hiền hơn tất cả những người con gái mà tôi đã gặp từ trước đến nay, kể cả Brigitte Bardot, kể cả Kim Novak, kể cả Marilyn Monroe và kể cả Ph.K... Tôi biết tại sao cậu viết được cuốn Hương Cỏ May... Bọn người giả ngộ chúng ta là những thằng mê cỏ... Cậu có yêu cỏ không? Chớ tôi yêu cỏ vô chừng, vô tận.

Tôi rót thêm cho Bùi Giáng một chút rượu. Ông uống không bao giờ nhiều nhưng đã khê khà say. Trong cái nửa tỉnh nửa say

của ông, toát ra một cái gì hào sảng thanh thoát lắm. Ông đã buông chén đũa nhìn ra một mảnh vườn có những dây hoa ti-gôn và có một gốc ngọc lan. Chợt ông nói về những nhà văn và những nhà thơ thời danh quen biết. Ông nói về những con người chen chúc hỗn độn trong cái thế giới mà ông đã ngấy mửa. Rõ ràng, không ai hiểu được ông, và ông chẳng cần hiểu một ai ngoài ông cả. Bằng giọng thân thiết, ông tâm sự về những đám cỏ mọc hoang rậm rịt trong tâm thức ông. Những đám cỏ xanh non và xơ xác, ám ảnh ông hoài huyễn.

Đêm đó, khi nhà thơ Bùi Giáng đã về, tôi nằm quần quanh với những lá cỏ bát ngát của riêng tôi. Tôi tưởng tượng nhà thơ Bùi Giáng đang là kẻ lữ hành cô đơn giữa hoa ngàn cỏ nội. Từ màu trắng, đến ánh sương. Giữa những con chuồn chuồn và những con châu chấu. Giữa những đôi sim trái chín và những lá gió rung rinh. Giữa trời đất mang mang và giữa rừng thơ biển mộng. Bùi Giáng vẫn miệt mài tìm kiếm một màu cỏ biếc cho tâm hồn mình...

*Đầu khe lá cỏ phai rồi*

*Đá vang tiếng ngựa bên lời ước mong*

Khoảng năm 1978 trước khi rời Việt Nam tôi có gặp lại nhà thơ Bùi Giáng trên hè phố Sài Gòn. Đó là một thân hình thâm nảo và tiêu tụy quá. Ông đội một chiếc nón nhựa méo mó. Bộ quần áo rộng thùng thình đầy bụi ghét ố bẩn. Một chiếc lon ghi-gô cầm ở tay. Vài cuốn sách ôm ở nách. Ông như một bóng ma giữa một thành phố ma quỷ đầy đường. Tôi đứng sững lại trước mặt ông. Đôi mắt không đeo kính đại khờ kinh dị. Ông nhìn tôi, và chừng như không nhận ra được (hay ông có nhận ra nhưng tảng lờ không đại?). Ông hét lên: - Tránh đường cho ta chớ. Ông là cái ông chó chết nào...

Mấy đứa con nít bu quanh cười ồ nhộn nhạo. Tôi ngỡ ngàng

nhìn theo cái bóng xiêu đổ của ông. Trong một phút giây bàng hoàng rung động, tôi tự hỏi hỏi đó có phải là Bùi Giáng? Hay đó chỉ là hóa thân phần nộ của một Bùi Giáng đang “ghì một con nhộng la đà. Tiêu dao suốt cõi mù sa bên rừng...”)

- “Đi lẹ đi... Đi xa đi...”. Sau này, tôi đã làm được, theo đúng như lời ông xưa đuổi... Và điều đau đớn, là tôi phải đi xa con người - xa cả những lùm cỏ thân tiên hạnh phúc một thời... Bây giờ ở phương trời này, mỗi khi gặp lại Phạm Công Thiện, người đầu tiên mà chúng tôi thường nhắc đến, là nhà thơ Bùi Giáng. Thế giới của Bùi Giáng là thế giới hoàn toàn những châu ngọc, trời sao, trăng sương, hoa cỏ. Nói về thơ của ông là một điều bất khả tư nghị. Nó không cùng tận, không bến không bờ. Nhưng riêng tôi, tôi yêu những lá cỏ trong thơ ông. Những lá cỏ non. Những lá cỏ mịn. Những lá cỏ sâu. Những lá cỏ mở ra tâm thức ta một chân trời khác. Mở ra trong khao khát ta một hướng riêng. Những lá cỏ mà một thời ta đã nâng niu gìn giữ, nhưng bây giờ đã nhòa bay trong hư ảo mịt mù...

## BÙI GIÁNG - NGƯỜI LỮ KHÁCH CUÔNG ĐIÊN VÀ KHÔN CÙNG KỶ NIỆM<sup>(\*)</sup>

*Bất tri tam bách dư niên hậu  
Thiên hạ hà nhân khấp Tố Như?*

Tự buổi xa xưa nào, Nguyễn Du xuất hiện trên văn đàn như một tinh cầu rực rỡ, và để lại câu nói buồn ấy thì mấy trăm năm sau, Việt Nam bỗng xuất hiện bóng dáng lỏng lẻo của một “người điên” Bùi Giáng. Nếu Nguyễn Du đã điệu kỳ chuyển “*Kim Vân Kiều Truyện*” của Thanh Tâm Tài Nhân sang “*Truyện Kiều*” bất hủ, thì Bùi Giáng đã rất mực tài hoa khi dịch *Nhà Sư Vương Lỵ* của Tô Mạn Thủ cùng *Hoàng Tử Bé*, *Cõi Người Ta* của Saint-Exupéry, *Hoà Âm Diễn Dã* (Andre Gide), *Ngộ Nhận* (Albert Camus), *Hoa Ngộ Hạnh* (W. Shakespeare)... với dấu ấn riêng và tài hoa làm buốt lòng người.

Bùi thi sĩ sinh ngày 17-12-1926 tại Thanh Châu, Vĩnh Trinh, Duy Xuyên, Quảng Nam. Ông là con thứ năm của ông Bùi Thuyền và bà Huỳnh Thị Kiêng. Tốt nghiệp trung học, ông có ghi danh vào Đại học Văn khoa, nhưng rồi bỏ, và để hết thời gian để tự học, nghiên cứu, dịch thuật. Văn nghiệp của ông đồ sộ, có thể tạm chia làm bốn loại:

---

<sup>(\*)</sup>Bài đăng trên *vnthuquan.net*.

Văn Huyền Nguyễn - nhà văn. Chúng tôi chưa liên hệ và tra cứu được tác giả.

- 1) Giảng luận về Văn học
- 2) Bản dịch và Giảng luận Triết học
- 3) Bản dịch Văn học
- 4) Thơ, Văn sáng tác.

Trong đó, thơ là một mảng vô cùng quan trọng, với nhiều tập: *Mưa Nguồn, Lá Hoa Cỏn, Ngàn Thu Rớt Hột, Mầu Hoa Trên Ngàn, Bài Ca Quần Đảo, Sa Mạc Trường Ca, Rong Rêu, Đêm Ngắm Trăng...* (về thơ ông cho đến bây giờ vẫn chưa thể thống kê nổi, bởi mỗi bước chân trên nẻo đời lang bạt, ông đều để lại dấu ấn của mình trên thơ với thi tứ lai láng và tuyệt cùng phóng đạt...)

Thơ Bùi Giáng không dễ đọc, chẳng dễ thể hội. Tôi nhớ, một nhà thơ khi tri kiến chân diện mục Bùi Giáng, đã viết: *“Đất không nói hết lấy gì chẳng điên?”*. Phải thế?! Bùi Giáng điên trong hỗn loạn hồng trần? Điên trong mù sa chiêm bao thiêm thiếp? Trong cõi nhân gian nhòa nhạt bóng người? Hay điên cho khỏi phũ phàng với những đôi mắt “đười ươi” đang chiếu vào ông soi mói? Người ta có thể trút chữ “ngông” lên một Tản Đà hào hoa, thì sá gì một tiếng “điên” cho trí tuệ Bùi Giáng? Người ta gán cho ông cái “điên” là có lý do khi ông viết:

*“Và mai sau tôi có xuống suối vàng vẫn mong rằng các vị... sẽ ban ân huệ mưa móc sum suê (?) trên nấm mồ mộc cô, những giọt sương trần gian sẽ đổ hằng ngày xuống đáy huyết cô đơn”. Hay: “Kim Cương nương tử ơi, nếu tại hạ một mai chết đi, nàng hãy ... lên nấm mồ tại hạ” (!)..*

Hình như Bùi Giáng có một số mệnh luôn bị ngộ nhận, nhưng cũng luôn hấp dẫn những tranh cãi về mình. Là điên hay tỉnh, nơi tâm thân phiêu hốt và bụi bặm cùng độ kia? Bùi Giáng cũng tự nhận mình điên, nhưng theo ông, đó là “cái điên thượng thừa”. Người nghệ sỹ, đến tâm lô hoả thuần thanh, thì sá gì chuyện có hay không có, điên hay tỉnh, sạch hay dơ, trong hay

đục, tối hay sáng...? Bởi mạng phận cuối cùng của một người nghệ sỹ là đem thân xác phù du, để nói về chuyện phù du cuộc thế nhân trần. Và tài hoa của nghệ sỹ, phải chăng là đã nói giùm cho người đời, cái tâm linh sâu thẳm uyên nguyên phức tạp khôn cùng, lại giản đơn mình tưởng không biết?

Dù bị vạ vào một định mệnh trời buộc nào, Bùi Giáng là Bùi Giáng, một “người điên” hoang dại, siêu việt giữa lòng nhân gian mê loạn u trầm:

*Ông điên mà zdui zđê thập thành*

*Chúng tôi tỉnh táo mà đành buồn hiu*

*(Đi Về Làng Xóm)*

Chính trong cõi đơn đau riêng mình, Bùi Giáng cũng bộc bạch: *“Cái kẻ dưng dưng như hươu non đành chịu bóp chết lòng mình để rỗng to như thú dữ. Và Nietzsche đã điên. Trước Nietzsche mấy chục năm, Hoelderlin cũng đã điên. Cùng với bao kẻ khác cũng đã điên. Để ngày nay... Để ngày nay chúng ta tụ hội về đây, xôn xao nêu câu hỏi: “Có sao mà điên”? Nêu một cách rất ngây thơ tròn trĩnh”* (Martin Heidegger Và Tư Tưởng Hiện Đại). Họ Bùi từng trả lời câu hỏi về tên tuổi mình:

*Hỏi tên? Rằng biển xanh dâu*

*Hỏi quê? Rằng đã một màu xanh xanh.*

Ta làm gì có tên, có quê? Tên ta đó, quê ta đó, biển dâu xanh kia hoá thân từ những tang thương kiếp người, trong dòng sông nguồn mạch nào chảy từ muôn ngàn cổ độ. Mà nói cho cùng thì quê hương rớt ráo của mỗi người là ở đâu các người có biết chăng? Mượn cuộc tồn sinh để đến lấy vang động biến cố của Tạo Tác, là ý muốn của “gã cà rôn” kia trong cõi tạm chết - sống đấy thôi! (Nói như Bùi Giáng là mượn Tại Thế để đón lấy Tồn Thế (Hoạt Tinh Thế) uyên nguyên trong ngân bất sinh bất diệt). Hoài Khanh có hai câu thơ thế này:

*Qua sông là một nhịp cầu*

*Qua tôi là một kiếp sầu vô chung.*

Nhịp cầu là một cái gì để qua sông, thì kiếp sầu vô chung này, kẻ nghệ sỹ xin gánh để thấm đẫm nhân sinh luân hoá phai phai, là niềm se sắt chờ mong trong kì vọng lơ lửng, lơ lửng...

Phải hiểu thật sự cái ngông kiêu cuồng kia, là tinh thần phóng dật như Lão Trang, lại mang Thiên Tâm của đức Cù Đàm; và đằng sau vẻ ngang tàng kiêu bạc là một trái tim mong manh như thủy tinh, vô cùng yếu đuối và dễ vỡ trước những quần quanh kiếp người phù thắng. Trái tim kia, quá tinh tế, linh mẫn, nên luôn quất quay khôn nguôi trước những niềm bi cảm trên ngả đời luân lạc, bất ngờ một hôm đứng sững lại giữa Tinh Sương Hoàng Viên...

Có lẽ vì mới viết được những vần thơ tài hoa, thăng tột với con chữ như:

*Mua nguồn đổ xuống trang thơ*

*Cỏ hoa còn lũng bất ngờ chịu chơi.*

hay:

*Ngô ban sơ hạnh ngân dài*

*Cổng xô còn vọng điệu tài tử qua...*

Và có quất quay không, đón đau không khi viết:

*Lỡ từ lạc bước chân ra*

*Chết từ sơ ngộ màu hoa trên ngàn.*

Hiếm có tác giả nào mà khi chúng ta đọc một câu, một câu thôi, đủ thấy được tinh thể của cả văn nghiệp, khí độ và phong cách xuyên suốt bình sinh. Cái ấy gọi là “khai môn kiến sơn, nhất khí quán hạ” (mở cửa thấy núi, một khí xuyên thấu). Bùi Giáng thuộc vào loại thiên tài không định nghĩa được (*génie indéfinissable*), kết bằng băng tuyết ở Thiên Sơn hùng vĩ, sạch



trong và lung linh mơ hoặc. Tinh chất Bùi Giáng là thứ nguyên liệu quý hiếm, khó nắm bắt, mà lại vượt quá chiều kích bình thường, phải yêu lắm, gắng sức lắm, mới có thể trùng ngộ với Trung Niên thi sĩ qua mấy vần thơ như rên:

*Tiêu dao phương cảo chuyên cần  
Cỏ thom còn mọc, hồng quần cứ che  
Sóng lên mùa cũ hội hè  
Liều hoa cổ độ lập loè vết son  
Ngẩng lên chót vót trời tròn  
Ấn tình đất méo máu còn bổ sung...  
(Tặng Phở Chợ Lớn)*

*Gặp Bô Tát miệng cười như nấc nẻ  
Một hôm nào nương tử bước hai chân  
Vén xiêm áo nghe tượng thần mở hé  
Toà thiên nhiên ngồi xuống cỏ vô ngần...*

Hiểu được Nhất Nguyên Thể Luận, vạn vật khởi nguyên Nhất Thể, thì có thể hiểu thơ Bùi Giáng. Nguyên cơ của phát triển là sự phân ly, xa dần suối nguồn nguyên thủy diệu huyền. Sa Mạc sẽ lớn dần (ông đã viết *Sa Mạc Phát Tiết*), và tràn lan hư vô chủ nghĩa. Bùi Giáng từng than:

*Trần gian bất tuyết một lần  
Nghe triều biển lục xa dần non xanh.*

*...Màu hoang đảo từ đây em sẽ ngó  
Cát xa bờ tơ chỉ rối chiêm bao.*

Tái lập lại màu xanh nguyên thủy ban sơ, là ước vọng vô chừng của người thi sĩ Đuôi Uoi. Mà ngôn ngữ, là Huyền Tẩn<sup>(1)</sup>

---

<sup>(1)</sup> “Huyền Tẩn”: Huyền – nghĩa lý sâu thẳm. Tẩn – con thú giống cái. Từ này được hiểu là “Nguyên Lý Mẹ” – cốt lõi tinh hoa Đạo Đức Kinh của Lão Tử.

vô hạn, vô lường và ẩn mật tinh tế trong vô ngôn, vô ngữ vĩ thanh. Ngôn ngữ thơ ông có ngụ ngôn, ngoa ngôn, dụ ngôn, chỉ ngôn... để gói ghém tất cả những gì tinh túy nhất của “bản lai diện mục” xưa nay, điều mà ngôn ngữ bình thường không hàm chứa nổi:

*Mẹ ơi chiếu cố Sa Mù cho con*

hay:

*Nguyên hình Nữ Chúa trên ngày phù du.*

Ngôn ngữ thơ ấy sâu xa, hùng hậu, bí nhiệm, lại hồn nhiên ngộ nghĩnh như bài kệ của những vị Thiền sư, mà “sư cụ” Bùi Giáng đã cưỡng bức một cách không khoan nhượng để tự thân ngôn ngữ hoá thành chiếc cầu nối phương tiện và cứu cánh trong thơ ông. Bằng năng lực tự sinh hoá khôn cùng, trùng trùng lớp lớp những tầng, nghĩa, chức năng của ngôn ngữ đã được ông dùng đều chung một đích: nói cho được cái Sơ Nguyên Biểu Tượng, phơi mở cái thung dung dị thường phong nhiêu ẩn mật của một Thuần Khiết đã xa xăm.... Ông từng nói đến việc làm này, hay ít nhất cũng tương tự như vậy:

*Thua rằng nói nửa là sai*

*Mùa xuân đang đợi bước ai đi vào.*

Phong cách ấy, theo ngôn ngữ bây giờ, là hồn thơ mang phong cách hậu hiện đại. Hồn thơ ấy có bắt nguồn trần thế thời ấu nhi:

*Tuổi thơ nhiếp dẫn sai miên*

*Đổ xiêu phấn bướm, phi tuyến vọng âm...*

Rồi lớn lên chứng kiến cảnh hải hùng:

*Hải hùng bi kịch đối tranh*

*Trùng quan vó ngựa tể nhanh sương mù*

*Thây người nát ở phía sau*

*Ngìn thu khép hột khổ đau khôn hàn!*

Để một hôm, xuất hiện một cá tính thơ vui vẻ, nghịch ngợm nhất:

*Bùi Đuôi Uoi*  
*Dịch thị đương nhiên*  
*Là cốt cách thần tiên tốt vời*  
*Hơn Lý Trích Tiên*  
*Nhiều lắm!*

Vội nguyên căn đó, ông làm hết mình, sống hết mình trong thơ, bằng niềm phấn khích luôn nồng đượm, say sưa, mặc cho người đời nói gì... Bôi:

*Thơ ơi, em bỏ Sa Mù*  
*Đi thêm thiếp côi quân thù gọi nhau ...*

Bùi Giáng đã điềm nhiên bước giữa nhân trần mãi mê mộng mị ("bán rở Sinh Tử cho ngày Phù Du" - BG), khơi mở hồn Đông - Tây, xuyên qua thế kỷ và linh hồn Nam Việt bằng miên man vô bờ kỷ niệm. Bôi, khi tất cả đã trôi xuôi, chúng ta còn lại gì cho mình, ngoài những hoài niệm? Hoài niệm, dẫu có hạnh phúc vô biên hay đắng xót lụy phiền và đau đáu niềm riêng khôn hàn; cũng mang dáng dấp của những thiên thần, xinh tươi lộng ngát như nắng xuân, thu vũ, long lanh vĩnh cửu miên trường... Có khi vắng tà dương trong buổi chiều mộ địa mãi mãi là tà dương mộ địa vui vợi nhạt nhoà, bất khả tư nghị...

Kỷ niệm trong thơ Bùi Giáng, có thể là cuộc hạnh ngộ mơ hồ kỳ bí giữa thi sĩ và những giai nhân, cười cợt hoang đàng với một Bardot trên chêngh vênh đồi núi, một Monroe ẩn khuất khe nương. Có thể là nỗi ray rứt khôn cùng về cái chết của người vợ trẻ, rồi bao năm tháng qua, nỗi quất quay trong cơn đau cũ đã ung thành mối nhảnh tư tiêu da diết trong buổi xế chiều:

*Mỗi giây phút mỗi bất ngờ  
Mỗi đêm tưởng tượng thẹn thò tình em  
Tình em bao xiết êm đêm  
Tình tôi như thể chênh vênh lạ thường*

*(Thôn Nữ)*

Kỷ niệm cũng là cuộc phiêu du trên những vùng miền, linh đình trời đất lạ với bao ân tình như gió thoảng mây xa lại sâu sắc mặn mà.

Đó là Bình Dương:

*Em về đất rộng Bình Dương  
Phố mai là gió môi hương se đầu  
Tóc xanh bùa lệch mái đầu  
Mây xanh như lệ pha sầu ruộng xuân*

*(Ruộng Bình Dương)*

Là Lục tỉnh:

*Đây Mỹ Tho, Cần Thơ, Châu Đốc  
Long Xuyên ơi và Sa Đéc em ơi  
Trời kỷ niệm đi về trong đây mất  
Thổi dư vang đi vắng xa vời*

*(Chào Thu Lục Tỉnh)*

Là cao nguyên vi vút gió núi mây ngàn lồng lộng:

*Ngàn thông ơi ở đó đón bóng tà  
Và giữ lại chuyện đời ta đi mất  
Bước khúc khuyê trong ngàn khe khóc lóc  
Dặm mơ màng tắm tấp mấy mù khơi*

*(Giã Từ Đà Lạt)*

Nói với đất? Nói với người? Hay tiếng vọng từ muôn cõi xa xăm hồn vọng với những dư ba tươi trong lần khuất, rồi bất chợt bùng phát ba đào như những viên tượng mù khơi? Không rõ! Bùi

Giáng hồn nhiên bước qua bao núi đồi xứ sở, chẳng để làm gì, chỉ mong thoả nguyện ý phiêu bồng và vương tròn mỗi tình êm với người, với đất, với Phong Tình Cổ Lục Như Nhiên...

Nhưng những kiêu bạc phù phiếm kia cũng chẳng là gì, Bùi Giáng đáo cuộc trở về đậm nhiên với ruộng đồng chân chất. Về thôi, Phồn Hoa Phố Phường có là gì, Hồng Trần Sơ Nguyên mới là Bến Thiên Thai:

*Tiếng nói xa vang trên đầu ngọn lửa  
Vị ngôn ngữ ngày kia em để ủa  
Bồng lên lời bên mép cô như sương  
Cũng xanh như dòng lệ khóc phai hương*

.....

*Người phố thị mỉm cười đầu ngang ngựa  
Tô sơn đỏ vào hai môi lượt nữa  
Chợt thấy mình còn đầy đủ dung nhan  
Thuở xưa kia suối ngọc ngó mây vàng...*

*(Biểu Tượng Sơ Nguyên)*

Trong Bùi Giáng, trong con người đã bao phen làm thiên hạ lay lắt ngất ngây vì những lời thơ anh hoa phát tiết, sang trọng kiêu cuồng, có một người nhà quê. Khi bóng dáng những giai nhân thể trần mờ loãng, là sẽ sàng gót sen thôn nữ đượm hương thấm sắc đi về, chập chờn ẩn hiện, như khói như sương, vời vời với trở trần lung linh mơ ảo:

*Gặp em từ ấy tới giờ  
Năm mươi năm chấn như tờ lặng im  
Biết bao dâu bể nổi chìm  
Đôi lần con mắt lim dim nhớ gì  
...Ngày mai vĩnh biệt cõi đời  
Trùng lai có lẽ cuối trời biệt ly*

*(Tặng Gái Quê)*

Bùi Giáng lặn ngụp hoài trong cuộc sinh ly, mong tìm lại hương vị mệnh mông của những người em gái ruộng đồng? Tìm bao hạnh hao diệu dàng vương vấn nguyên hoang của tâm hồn ngây thơ trinh nữ? Tìm lại lá hoa của những tháng năm nào xa mùt tầm tay:

*Bàn chân bước người đi vào một thuở  
Lá phân vân bờ cát bến sương rung  
Trời khuya khoắt phiêu du trắng bờ ngõ  
Người đi đâu sông nước lạnh vô cùng?*

(Người Đi Đâu)

Người đi đâu? Chẳng biết. Để nhà thơ ôm mộng trầm luân trong suối biếc rừng già, quy hồi mà tìm kiếm những hương vàng cổ quận, để thấy những mái nhà tranh, những bờ ruộng cũ, đậm đà trong lời ca dao hồn hậu thân tình:

*Viết thơ lạc dấu sai dòng  
Viết trong tức tuổi sợ đồng lúa mong  
Nước xanh lên đợt dòng dòng  
Ngày mai sẽ mất hạt lòng thơ ngây*

(Ca Dao)

Để tìm thời thơ ấu xa xưa:

*Bao lần anh cùng chúng em lặn lội  
Bôn ba băng rú rậm luống rừng mình  
Những bạn nào Quế Sơn Rủ Rủ con suối ngược  
Nước trôi nguồn suối lủ cuốn phẳng phẳng*

(Nỗi Lòng Tô Vũ)

Bùi Giáng đã mở ra một không gian thơ ơ thờ chân chất khi đang rong chơi giữa lòng phồn hoa. Đó là một Quảng Nam đá sỏi khô cằn, là con sông Thu Bồn êm trôi trong khoảnh khắc chơi vơi điệu hò khoan vãi tung sóng nước đêm trăng, là những ngày lủ ngập buồn hiu xơ xác đến thất lòng. Từ sợi dây ấy, tâm hồn

nhà thơ như cánh diều bay đón lấy mọi viễn tượng của thiên nhiên để nó “biến thành lễ sống và chết của chính mình” :

*Mây đứng lại nơi chân trời phủ khói*

*Dòng sông đi dò bến đợi ngu ngơ*

*Chiều trời đẹp tâm tình em không nói*

*Đất với trời chung một nghĩa bơ vơ.*

*(Không Đủ Gọi Một Lần)*

Bùi Giáng ôm mộng bơ vơ đi muôn nẻo, ấp yêu từng hơi thở của hoài niệm mù sương lãng đãng, để dành và trân trọng từng cuộc gặp gỡ tình cờ:

*Đi về làng xóm năm xưa*

*Viếng thăm người cũ người chưa quên người*

*(Đi Về Làng Xóm)*

Làng xóm ấy, những con người Quảng mọc mạc nghĩa tình ấy, như vẫn chờ dấu chân phiêu sau cuộc rong chơi buồn phiền mỗi mết, nơi nhà thơ đã một lần rời xa để ra đi nuôi giấc mộng đời. Rồi vạn lần hẹn ngày về:

*Non nửa thế kỷ xa quê*

*Mà chưa có dịp về quê một lần*

*Bảy mươi một tuổi tần ngần*

*Nước non Nam Việt chiếm gần trọn tim*

*Về Trung biết chốn nào tìm*

*Lại ngôi nhà cũ lảng giềng đã qua?*

*Giật mình lúc chợt nghĩ ra*

*Rằng toàn thân thuộc đã qua đời rồi...*

*(Tâm Sự)*

Lời hẹn trở về sao mòng lung xa vời cách biệt? Non nửa thế kỷ với biết bao điển hải thương tang, bão bùng dục vợi và tử biệt sinh ly? Thôn nữ em ơi! Vùng yêu thương - em - má phấn hương đào nay đã mất, thì sá gì chút đèn màu phố thị trong lễ hội phù hoa?? Cõi trầm tư như đảo như điên gọi ai về đầu rú khe truông,

la đà dùm dậu, rồi la đà vụt mất? Trong dòng lũ của hoài niệm mình, nhà thơ “nắm tay cô thôn nữ năm xưa, thung thăng rong chơi cùng những Heidegger, Hoelderlin, Saint-Exupéry... la đà bay qua những tháp chuông cổ kính rêu phong hai bên dòng sông Danube hay những vì sao rực rỡ trên dải Ngân Hà” (Nguyễn Hoàng Văn - *Bụi Giăng, một vùng đất hẹp và một thế giới lớn*).

Hoa, giá như cuộc đời không còn những cảnh lan, những đoá cúc, những mai vàng lấp lánh trước sân mỗi độ mùa sang, như báo hiệu, như nũng nịu, như cười cợt, như đóng đưa...thì còn gì nữa cho một câu thơ giản đơn mà thê thiết lắng hồn:

*Mùa xuân em có về không?*

*Nhánh mai cố quận trở bóng dịu dàng...*

Câu hỏi ấy nghe có rung rung? Sao năm nay em không về cố quận, để có một người ra hiên ngóng vết thiên di? Vết thiên di của những chân trời lưu lạc tha phương, về chẳng chịt trên bầu không gió lộng, nay bỗng như tựa hội đủ đầy bên cành mai gầy đơm hoa lóng lánh tiết xuân khai... Cố quận? Cố quận! Là quê xưa. Là chốn cũ. Là nơi bước chân lưu lạc luôn mong ngóng bữa trở về, từ đạo ngút ngàn xa mãi những chân mây? Hay là cội uyên nguyên thăm sâu của mỗi sinh linh trên cuộc thế phiêu hoang? Một câu hỏi từ tồn dịu dàng, mà khơi biết bao nhiêu mùa gió lũ trong trái tim con người, về thời gian, không gian, huyết thống chôn nhau và khôn cùng kỷ niệm sơ đầu... Cố quận, là chỗ từ ấy ta ra đi, và cũng là nơi hẹn bữa trở về...?

Cố quận, chỉ giản đơn là cố hương, cố quốc, cố đô? Hay cố quận là tất thấy những gì đã lìa xa, xa mãi, để một hôm, nhìn ngó lại bằng một con mắt:

*Vì con mất một lần kia đã ngó*

*Giữa nhân gian bữa dựng một bầu trời*



*Đài vũ trụ hồn nhiên bao rạng tỏ  
Một nụ cười thế giới sẽ chia đôi...*

*(Ly Tao II)*

Hay:

*Bây giờ riêng đôi diện tôi*

*Còn hai con mắt khóc người một con*

(nhạc sỹ Trịnh Công Sơn đã mượn lời thơ ấy phổ thành một ca khúc của ông.)

Rốt ráo sau cùng của thơ người thi sĩ họ Bùi, là muôn vàn huyền nhiệm khôn cùng ẩn mật đằng sau cái nếp gấp của kỷ niệm. Kỷ niệm là nhớ về thời đã qua? Thời đã qua là thời nào? Hãy nghe ông nói: "...hai vũ trụ nhìn nhau trong một thế giới, một thế giới ngăn cách với nhau bằng một vực thẳm. Cái cốt lõi của vực thẳm là có thể vượt qua bằng một bước nhảy. Cốt lõi của bước nhảy là sự nguy hiểm... Ở đâu có sự nguy hiểm, ở đó có giải thoát... Ngôi nhà của tự thể không còn nữa. Kẻ chặn tự ngã, anh lính gác cửa hư vô đã bỏ rơi chúng ta. Ngôn ngữ của chúng ta bỗng trở nên lúng túng. Cái nếp gấp trong suốt không bộc lộ ra, vậy còn lại gì là cốt lõi ...?"

*Đất hoa khóc vĩnh biệt người*

*Ngàn cây cố quận đôi lời sương thu*

*(Lời Cố Quận)*

Trung Niên Thi Sĩ đã mơ về giấc mơ kết nối Đông - Tây, giấc mơ nguyên hoang. Nơi cố quận ấy, phải chăng là Niết Bàn, nơi Khổng Tử, Lão Tử, Trang Tử, Jésus Christ, Thích Ca, Heidegger, Hoelderlin, Nietzsche, Andre Gide, Albert Camus, Kahlil Gibran... đang nắm tay nhau nhảy múa, ca khúc thênh thênh? Là Uyên Mặc? Hồ Thắm? Là Bình Minh Châu Thổ? Là Trăng Tỳ Hải? Là Sa Mù Khô Nguyên?... Cũng không ai giải thích nổi, xin hãy bước vào bằng tâm linh

xưa cũ, để nghe tiếng rì rầm của nhân gian ngàn kiếp, của loài vườn trong rừng sâu như thơ Tuệ Trung thượng sỹ:

*Người đời chỉ thấy núi non xanh tốt*

*Mấy ai nghe tiếng vườn kêu trong rừng thẳm?*

Hay như lời tự giới thiệu của René Char, thi sĩ Pháp:

*Tôi nói từ cõi rất xa*

*Ngài nghe tôi nói nó ra thế nào?*

*(Je parle de si loin*

*Comment m'entendez-vous?)...*

Thơ Bùi Giáng dẫn dắt ta qua đầu trời cuối biển, những vườn rộng song thưa, qua miền man đất trời cỏ cây hoa lá, qua bao miền sương đổ mưa giăng chơi vơi, qua bao nhịp luân chuyển chênh vênh của tháng ngày, đến những cõi vô cùng mà ta không sao chạm tới. Đọc Bùi Giáng, người ta cứ phải e sợ ngại ngần, bởi khó thể hội hết khối ngôn-ngữ-thơ-Bùi-Giáng. Và cũng bởi khi đã hiểu lại chẳng thể chia sẻ cùng ai, như trong truyện xưa một người chẳng thể trả lời câu hỏi của người khác khi đang ngậm cây ngang miệng giếng. Có cách giải thích nào khác thì ấy là vì ngại nói đến cái tuyệt bích. Tuyệt bích mãi mãi là khát khao, mà phải chăng khi chạm đến tuyệt bích cũng là sắp sửa của những mùa vỡ tan? Vỡ tan những chân trời viễn mộng. Viễn tượng. Khốn cùng thay! Những điệu vơi ẩn tàng vẫn nghiêm nhiên ẩn tàng điệu vơi. Trung Niên Thi Sĩ bỗng trở thành kẻ đứng trên tịch hạp chon von của tận cùng nhiệm màu vô ngôn. Để cô liêu lên chơi vơi giữa hai bờ Thực Ảo phiêu linh Huyền Mộng, và lòng riêng đắm đắm hướng vọng Đạm Nhiên thâm u trầm tịch:

*Ta sẽ đến đứng bên bờ nước cũ*

*Mộng xanh ngần giấy nối giấc em xưa*

*Ngó non nước giữa sớm chiều tư lự  
Đón mơ màng về thổi gió lúa thừa  
(Bờ Nước Cũ - Mưa Nguồn)*

Mặc tất cả, với Bùi Giáng, chỉ cần:

*Mai sau có dự hội nào*

*Ngó nhau từ kỷ niệm đầu bão giông...*

Con người, dường như có một bi kịch, một triển hạn nào đó với sứ mạng trên trần gian. Sứ mạng chấm dứt, nghĩa là đến ngày về. Góp nhặt tháng ngày, như sẽ nâu nhạt thóc trên mái ngói những ngày đông giá, để chờ một mùa xuân - mùa xuân miên viễn tinh khôi, mùa xuân trường cửu vĩnh hằng của bà mẹ *Phusis* hiển hoà ngàn năm thắm mãi dư vang mưa nguồn...

Đốt phá hết cuộc đời, đốt phá hết khái niệm, ràng buộc, đốt phá sạch sành sanh ham muốn, cả những ước muốn đốt phá... mới thực sự là sống. Vạn điều khổ đau, đều khôi lên từ một ánh nhìn, một nghĩ suy. Hôm nay đốt tàn tro kỉ niệm, là để về từ tận uơm mẫm tái sinh. Cánh thiên nga đã tắm trên dòng sông thế dương, để rồi vù bay giữa những chân trời xa mờ, tinh khôi thân xác mà dấu vết hiện diện có chăng là sóng nước lao xao, một bận, và yên lặng ngàn ngày... Bùi Giáng đã mất, hạc vàng đã về Bồng Lai, cuộc tắm tấp giữa dòng, là để về non khơi xa khuất viễn phương, giấu lệ ngàn năm tuôn dài trên những vùng xa ngái...

*Em về mấy thế kỷ sau*

*Nhìn trăng có thấy nguyên màu ấy không?*

*Ta đi gửi lại đôi dòng*

*Lá rơi có đội ở trong sương mù?*

Chiếc lá ấy trả lời:

*- Thừa rằng ly biệt mai sau*

*Là trùng ngộ giữa hương màu nguyên xuân.*

*(Chào Nguyên Xuân)*

## BÙI GIÁNG: RONG CHƠI GIỮA ĐÙA HIU PHỐ THỊ<sup>(\*)</sup>

Chủ nhật 22/6/1993 tại ngã tư Lê Quang Định - Nguyễn Quang Đẩu người ta thấy một đàn ông mặc áo vàng nhạt, đeo đôi mắt kiếng cận thị tròn đang hươ tay múa nhảy. Đó là nhà thơ Bùi Giáng. Anh đang tiếp tục cuộc rong chơi thơ mộng của mình giữa đù hiu phố thị.

Bùi Giáng tức là Bùi Bằng Giúi, tức là trung niên Bùi thi sĩ, sinh năm 1925(\*\*) tại Quảng Nam. Anh còn có bút danh khác là Văn Mông. Anh trước tác rất nhiều. Thơ có *Lá Hoa Cỏn*, *Ngân Thu Rớt Hột*, *Mưa Nguồn*, *Sa Mạc Thi Ca*, *Sa Mạc Phát Tiết*. Dịch thuật, có *Trăng Tỳ Hải* (*Anthony and Cleopatra* của Shakespeare), *Kim Kiếm Điều Linh* (truyện võ hiệp Trung Quốc, không nhớ tác giả). Giáng luận văn học dành cho học sinh trung học và những bài viết cho các báo trước năm 1975 cũng rất phong phú.

Tuổi thơ Bùi Giáng trôi qua trên núi rừng Trung Bộ. Thơ ca của anh tràn đầy những hình tượng trời mây, đồi và suối, hoa sim tím và đồng xanh, dê và bò. Và độc đáo nhất vẫn là hình tượng những người bạn gái đầu đời “Con Mọi Nhỏ bên rừng Phi Châu”.

---

(\*) Bài đăng trên *thanhnien.com.vn*.

Vũ Đức Sao Biển - nhạc sĩ, nhà văn, quê ở Quảng Nam, hiện làm báo tại thành phố Hồ Chí Minh.

(\*\*) Các nguồn tư liệu khác, kể cả *Tiểu sử tự ghi* của Bùi Giáng, đều ghi năm sinh của Bùi Giáng là 1926 (BT).

Vâng, anh đã có một mối tình thơ ngây rất đẹp.

*Mười bảy tuổi mộng đời lên gập gẫy*

*Mộng miên man là mây phủ lưng đèo.*

Hình tượng người bạn thơ ngây ấy trở thành thiên thu vĩnh biệt, tạo niềm đau nhức trong thơ:

*Em chết bên bờ lúa*

*Để lại trên đường mòn*

*Một dấu chân bước của*

*Một bàn chân bé con...*

*..Vùng trắng lại đi sau khung cửa*

*Hà ở đâu đôi bạn ấy đâu rồi?*

Thế là nhà thơ lên đường đi tìm cuộc sống ngao du, với một túi sách sau lưng và một bầu dề trước mặt. Anh làm Tô Vũ, lừa các em dề vàng, dề đen, dề trắng, dề tím hoa cà vào đôi sim trái chín. Rồi anh hái hoa rừng làm những tràng hoa đeo vào cổ dề, tưởng như lần đầu trao cho người em trăm năm chiếc vòng ngọc hẹn ước:

*Nhìn anh đây các em vàng đen trắng*

*Nhìn anh đây các em vàng đen trắng*

*Tìm hoa cà lỗ đỏ thấu lòng chưa*

*Anh từ từ đưa xuống cổ đang đưa.*

Từ miền Trung, nhà thơ đi vào Sài Gòn. Anh bắt đầu cuộc rong chơi giữa phố thị mơ màng với phong cách nô giỡn thú vị trong ngôn ngữ thơ ca.

*Sài Gòn, Chợ Lớn rong chơi*

*Đi lên, đi xuống đã đời du côn.*

Bùi Giáng giỡn cợt ngay trong thơ. Anh yêu rất nhiều phụ nữ, và đó là những người phụ nữ đẹp, nổi tiếng: chị Kim Cương, chị Thanh Nga, bà nữ tu Phùng Khánh, Marilyn Monroe (mà anh thường gọi là Lyn-Rô), Brigitte Bardot và Thúy Kiều. Yêu ai anh

làm thơ tặng ngay người ấy. Cho đến bây giờ qua 20 năm, tôi và chị Kim Cương gặp nhau vẫn thường nhắc đến bài “Cô Kim Cương ơi” danh tiếng của Trung Niên Bùi thi sĩ.

Những ngày tháng rong chơi thật thơ mộng. Anh muốn ngủ ở đâu là ngủ, ăn ở đâu là ăn. Buổi trưa anh dùng cơm ở chùa Già Lam (Gò Vấp) thì buổi chiều anh mặc áo đại cái bang, ngao du trên đường Lê Lợi. Có khi ta vừa thấy anh ở Đại học Vạn Hạnh làm thơ ca ngợi nhà chân tu từ bi Thích Minh Châu (mà anh gọi bằng từ “Phượng Trượng” thì lát sau thấy anh bước theo chân bà nữ tu Phùng Khánh (*mẫu thân Phùng Khánh tuyệt vời ni cô*), lát sau nữa lại thấy anh về nằm ở nhà xe cư xá Quảng Đức (294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa bây giờ) cùng với nhà thơ Trần Đới, bút danh Trời Đánh (?).

Trong giai đoạn này, thơ của Bùi Giáng đôi khi đứng giữa Hư Vô và Hữu Thể, giữa Mộng và Thực, giữa Sắc và Không, giữa Ngã và Siêu ngã.

*Chèo ghe ra biển ghé vai  
Cầm con cá lại hỏi hai ba điều  
Cuối cùng quên mất bốn điều  
Sau cùng lại nhớ năm điều đã quên.*

Ngôn ngữ văn chương của anh có một sự nô giỡn vi vu, khó người sánh kịp. Dịch *Kim Kiếm Diêu Linh*, nguyên tác văn Quan Thoại viết “*Tiêu linh đại tiếu*” (Tiêu linh cười lớn), nhà thơ “phăng” ra: “*Tiêu Linh rộ một trận cười diu hiu rất mực*”. Cũng vậy, nguyên tác viết “*Tiêu Linh đại khai kiếm thuật*” thì anh dịch “*Tiêu Linh phóng ra một đường kiếm thái thậm lẳng tẳng*”. Trong bản dịch *Trăng Tỳ Hải*, trước khi Anthony chết, đại khái có than: “*Cuộc đời ta đến đây chấm dứt*” thì nhà thơ Bùi Giáng chơi 2 câu lục bát:

*Thôi thôi, thôi đã thôi rồi  
Thằng An-Tô-Ný đi đời từ đây.*

Thế nhưng... Có đôi khi đứng lại bên đời, Trung Niên Bùi thì  
sĩ nghe gió mùa xưa trở lại. Anh chợt nhận ra tình yêu với “Con  
Mọi Nhỏ bên rừng Phi Châu”. Thơ anh như giọt nước mắt, nhỏ  
xuống lòng đời:

*Em có hẹn sẽ cùng ai kể lễ  
Một mối tình hư huyền rất chiêm bao?  
Bờ côi dặm xuân xanh em còn đó  
Lối Đào nguyên, anh khoác áo khinh cừ  
Tìm theo vết chân người xưa tư lự  
Ở bên đường, ngóng đôi Khánh Vân bay.*

Những năm sau 1975, Bùi Giáng vẫn tiếp tục cuộc rong chơi  
thơ mộng. Anh mặc đồ Cái bang, còng theo một túi xách, trong đó  
có gói thuốc lá đen, quyển tập học trò và cây bút bic. Tóc anh đã  
muối bạc nhưng tâm hồn vẫn thanh xuân bất ngát. Anh ghé  
thăm bạn bè, anh em quen biết, nói vài chuyện, chép tặng một bài  
thơ, rồi ra đi. Tháng 11.1990, anh đột nhiên ghé thăm anh Huỳnh  
Bá Thành và tôi. Anh Huỳnh Bá Thành khuyên anh nên “đổi mới  
tư duy”, một tuần chỉ hươ tay một lần để gìn giữ sức khỏe. Đại thi  
sĩ Bùi tiên sinh đồng ý. Trong câu chuyện với chúng tôi, anh chê  
Trang Tử mới viết mấy chục ngàn chữ mà đã tự phong tác phẩm  
của mình là *Nam Hoa Kinh* (kinh về những tinh hoa ở Phương  
Nam) và khen Khổng Tử khiêm tốn vì viết cả ngàn chương mà  
vẫn tự nhận rằng “*Ngã thuật nhi bất tác*” (Tôi chỉ kể lại chứ  
không sáng tác ra). Dùng một cái anh bàn qua thơ Đường - Tống  
bát đại gia và cho rằng thơ ca chữ Hán của Lý Bạch, Bạch Cư Dị,  
Đỗ Phủ, Vương Duy... không bằng thơ Hán của Nguyễn Du trong  
*Bách hành tạp lục*. Cuối buổi gặp gỡ, anh chép tặng tôi bài thơ rất  
quý xin được chép ra như sau:

## TẶNG ĐẠI CA SAO BIỂN (!)

*Một tiếng hú giữa trời hiu hắt  
Trút trăm năm nháy mắt khung đời  
Trời xanh đất đỏ hai nơi  
Em điên từ bữa ra đời, em điên  
Beo và gấu đầu tiên chạy trốn  
Vượn đu hui nhìn lộn cây hoa  
Em về giữ áo phù sa  
Tiền trình vạn lý anh là đuôi uoi.*

Bài thơ mới nhất của Bùi Giáng mà tôi đọc được và nhớ đến hôm nay là bài thơ viết ngày 16.7.93 khi anh đến thấp hương cho Huỳnh Bá Thành. Xin được chép ra như sau:

*Đến thăm anh Nguyễn Bá Thành (?)  
Tôi là Bùi Giáng rành rành bấy nay  
Bấy lâu mới có một ngày  
Nhìn nhau như thể thờ dài, nhớ nhau.*

Và anh lại ra đi. Một bên gọng mắt kiếng đã gãy, anh buộc tạm bằng sợi thun đưa ra sau ót. Chân anh mang đôi dép mủ. Bụi đời thì có đầy nhưng không làm bận lòng anh.

Trong bước rong chơi phố thị mơ màng, nhà thơ Bùi Giáng đã có lần gặp hoạn nạn. Một họa sĩ đã vẽ một bức tranh trong đó có hình ảnh anh. Bức tranh nghe nói bán được cao giá, họa sĩ gởi anh chút tiền cà phê. Anh cầm xấp tiền đi ngang qua cổng xe lửa số 6 thì đám anh em giang hồ nhìn thấy. Chẳng biết nể nang kính trọng Bùi thi sĩ, họ xông vào giật tiền. Thi sĩ bèn đánh ra mấy quyền thái thậm lăng tằng nhưng quả bất địch chúng, nên bị thương nhẹ.

Anh lại tiếp tục cuộc rong chơi, đi tìm thơ, tìm cái đẹp, tìm “Con Mồi Nhỏ bên rừng Phi Châu”. Anh sống giữa đời vui vẻ, vì



vu, không làm phiền ai. Trái tim anh vẫn nguyên vẹn là trái tim nhà thơ thậm chí nhà thơ lớn, mẫn cảm và đa tình; hồn nhiên và thơ mộng.

*Xin chào nhau giữa con đường  
Mùa xuân phía trước miên trường phía sau  
Tóc xanh dù đã phai màu  
Vết xuân xanh vẫn cùng nhau hẹn ngày  
Xin chào nhau giữa bàn tay...*

## BÙI GIÁNG TRONG “CÔI NGƯỜI TA”<sup>(\*)</sup>

*Buồn vui như thể thân mình*

*Ai chia nửa máu, ai giành nửa xương.*

Đó là những buồn vui của Bùi Giáng - nỗi buồn của khốc liệt, bi thảm của một thân phận khác thường, của một người “*Chịu cuồng si để sáng suốt*”, “*Chịu dui mù mà thỏa dạ yêu em*”.

Người ta biết đến Bùi Giáng bởi những khảo luận văn học như những cuốn viết về *Truyện Kiều*, *Chinh Phụ Ngâm*, *Lục Vân Tiên*... Những cuốn khảo luận triết học như *Tư Tưởng Hiện Đại*, *Hiedegger Và Tư Tưởng Hiện Đại*, những tác phẩm chuyển ngữ tuyệt vời như *Côi Người Ta*, *Hoàng Tử Bé*, *Khung Cửa Hẹp*, *Mùi Hương Xuân Sắc*... Nhưng người ta yêu thơ ông hơn cả.

Mỗi khi đọc những câu thơ hay của Bùi Giáng tôi lại nhớ đến tiếng đàn “*Bốn dây rỏ máu năm đầu ngón tay*” của Thúy Kiều, bởi những câu thơ được chắt ra từ máu của con người khắc khoải khôn nguôi về thân phận con người, về thế gian này.

Ít ai trong số các nhà thơ Việt Nam hiện đại lại viết nhiều về trần gian như ông. Lúc thì nguyện “*Yêu trần gian nguyên vẹn*”, lúc thì “*Sẽ tiếc thương trần gian mãi mãi*”, lúc khác là:

*Ta đếm lại từng ngón tay lấy bấy*

*Đời chúng ta là mấy trắng tròn.*

---

(\*) Bài đăng trên [quangduc.com](http://quangduc.com).

Ý Nhi - nhà thơ, quê ở Quảng Nam, hiện sống ở TP Hồ Chí Minh.

Yêu thiết tha cõi trần gian, nhiều khi ông nhìn trời đất như đứa bé. Ông hỏi sông: *"Ngàn mây về cuối mãi trời xa. Nước có bằng lòng đứng đợi ta"*. Ông bập bẹ: *"Trần gian do cánh bướm cánh chuồn chuồn. Con kiến bé cùng hoa hoang cỏ dại. Con vi trùng cùng sâu bọ cùng yêu luôn"*. Ông kêu lên thảng thốt: *"Ồ gót chân, anh đừng ngó như ngây"*. Ông òa khóc không gìn giữ: *"Em ra đi đời bùng mặt khóc òa"*.

Nhưng Bùi Giáng là đứa trẻ biết rằng *"Điều đứt dây trẻ cũng cầm bằng"*. Thơ ông từ bài này sang bài khác, từ trang này sang trang khác thấm đượm mối âu lo cho *"Những nỗi đau về chẳng hẹn giờ"*, *"Những thân xương máu đã dâng là ủy mị"*.

Ông là con người:

*Người kia đứng lại*

*Nghe trời đẩy xuống hai vai.*

Gánh nặng đó ông gánh chịu suốt cả cuộc đời đơn độc của mình. Nhiều khi ông đã thốt lên *"Đời dài khờ như một giấc chiêm bao"*, nhiều khi ông lắng nghe *"Mấy đời ly biệt rẽ đau một mình"*. Nhiều khi ông van nài *"Em ở lại với đời ta em nhé. Em đừng đi cho ta nắm tay em"...*

Ý thức sâu xa về sự hữu hạn của kiếp người, của lẽ hợp tan, ông luôn phấp phỏng lo lắng:

*Nhưng em hơi trần gian ỏi ta biết*

*Sẽ rời xa vĩnh viễn với người thôi.*

Và:

*Đài vũ trụ hồn chiêm bao rạn tổ*

*Một nụ cười thế giới sẽ chia đôi.*

Mỗi cảnh, mỗi vật đều in dấu nỗi phấp phỏng, lo lắng ấy. Nào là *"Đường vắt vẻo ngựa chôn lão đảo"*, nào là *"Tờ cỏ thom như lệ ứa pha hồng"*, nào là *"Minh cát lạnh chân lạc đà bé bông. Bóng hình em toi tả dưới trăng rằm"*, nào là *"Ngày đi đổ bóng sau"*

*người/ Mộng hồ biết có buồn vui em về”, nào là “Bước ngại ngừng  
nẻo mộng mấy lần sai”...*

Giờ thì con người yêu thương, lo lắng cho cõi người ta ấy đã  
ra đi. Có lẽ trước lúc an nghỉ ông vẫn còn băn khoăn:

*Còn không một bận quay về*

*Vườn xưa ngó bóng trắng thê vàng gieo.*

Vẫn giữ nguyên lời nhắn gửi hay là niềm mong ước của ông:

*Em sẽ khóc khi nhìn trong khóm mắt*

*Thấy một mình người đi lại lang thang*

*Còn ghi giữ ân tình trong cỏ nhạt*

*Múa vi vu vì hẹn với trắng ngàn.*

*Sài Gòn, 9. 10. 1998*

# Ba

## PHỤ LỤC



Ký họa Võ Đình

- Trang 78 : Bùi Giáng - Chân dung tự hoạ  
Trang 160 : Thi sĩ Bùi Giáng - Tranh của Trịnh Thanh Tùng  
Trang 162 : Ảnh Bùi Giáng  
Trang 186 : Cái bang thi sĩ Bùi Giáng  
Trang 292 : Bùi Giáng, Người đi đầu sông nước lạnh vô cùng - Tranh của  
Đắc Thức.  
Trang 561 : Bùi Giáng - Ký hoạ của Võ Đình.



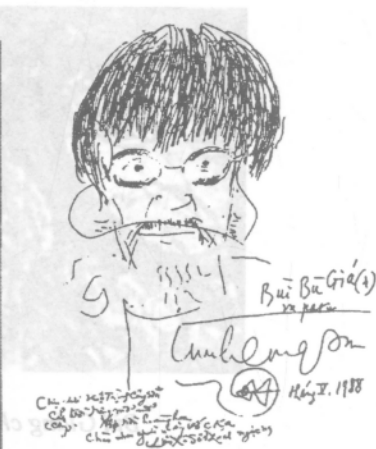
Bùi Giáng qua Uudom



Bùi Giáng - NDK Phạm Cung



Bùi Giáng thi sĩ - Tranh Đinh Cường



Bùi Bù Giá(n)  
Tranh Trần Công Sơn



*Quê chàng là Ithaque*  
*Tranh Bùi Giáng*



*Bùi Giáng chân dung tự hoạ*



# THỦ BÚI GIẢNG



Lăng Búi Giảng

## THÙ BÚT BÙI GIẢNG

Vinh thân,  
Anh Khê! Tên là ai, quê ở?  
Tiếng nào! Anh Nguyễn Phụng. Mình  
có phải là anh đã viết bài nhà anh  
Nguyễn Phan Canh. Bỏ Vinh nên gọi  
là anh? Thụy Vũ (con của Bùi  
Văn Kỳ) nó ăn cắp lấy đi bỏ mất.  
Anh chưa kịp nhớ tên người viết...  
Có lẽ Vinh nên nói rõ hơn về hai  
ông bạn trẻ ấy. Thật lạ lùng...  
Hai ông ấy rời Việt Nam bao lâu?  
Bây giờ bài viết về họ gì? Viết  
rất phi lý. Già chết rồi mới  
mới mới được đọc văn của những  
bạn ấy. In

NHỮNG BÀI TỰA  
lên cái quai gá. - Bỏ cái bài viết  
lời chào "Lời Thừa I"  
"Lời Thừa II" / Nhảm nhí quá  
Cố đề TỰA - I - II "tác giả"  
Có lẽ từng có in lời chào "tác giả"  
những bài này. Bây giờ Vinh cũng  
đã nhiều tuổi. Nên hỏi ý anh  
Nguyễn Phan Canh nhớ anh chọn

Bài học đầu đời tôi bài viết  
 ngân ngân, in vào ... Đây có  
 bản tâm nhàn nhai in tất cả.  
 Có gì đáng trân trọng?  
 Nếu Vĩnh cảm thấy cao hứng  
 thì tha hồ muốn viết gì thì viết  
 về những sự tôi đã in. Tôi ngày nay  
 khóc nhiều lắm. Có lúc viết nỗi  
 chia nhá một giấc ác mộng kéo dài.  
 Có lẽ lúc này tập nhỏ là ngộ nghĩnh.  
 Cảm ơn anh Khế Iêm đã viết  
 và gửi đến này bài thơ. Anh ấy đọc  
 30 đầu ra những bài ấy.  
 Tình nhá điều này: Thanh Hoa  
 làm việc tại Bui (mỗi ngày ngược xuôi  
 luôn bán mỗi khoảng 18 tiếng đồng hồ)  
 Vật vả vì cuộc sống khó khăn. (Đ)  
 Vĩnh muốn làm gì cứ làm, không  
 phải bán tâm hồn ý kiến tôi.  
 Tôi đang chờ trong tương tượng,  
 ít ra đồng, có đọc thơ đời,  
 Xưa - Khó Đồng, Tống, Minh,  
 Thanh ... Cảm thấy vui hơn là  
 tự mình làm thơ. Chúc Vĩnh, Kim Chi  
 vui vẻ với việc làm ... Bui Văn Úng

Đơn Sơ, kính gửi:  
 anh Khế Iêm  
 để kinh hoàng,  
 Bui Văn Úng

Là thư Bùi Giáng gửi Bùi Vĩnh, người em ruột sống ở  
 California (nay đã mất), khi được biết nhà thơ Khế Iêm  
 đăng bài viết về Bùi Giáng trong Tạp chí Thơ số 12,  
 Mùa Xuân 1998. (Bản chụp scan do Khế Iêm gửi cho  
 Đoàn Tử Huyền).

ĐI ĐAU  
 người đi tuyết trắng mình mang  
 một giẻ phàng phật như không dạng hình  
 hai doanh quân nhạc rập rình  
 Đập đập thục như tờ thục lịch nước  
 Tôi đi khắp phố khắp phường  
 Hình trong nhà này nhà kia  
 Đâu đâu tôi đi điện hàng nhà  
 Giỏ dân nhai nhai ngựa mã hoa lạc loài  
 Tôi đi một mình một ngựa  
 Và tìm đi một chỗ người ta không trong  
 Bài thơ chưa xong  
 Bài thơ dài dài long đong mớ lời  
 Đeo bông chi lái thơ tôi  
 Bình bình tại hạ tản rời từng giờ

TUYẾT MƯA VIỄN XÚ  
 Tôi mãi khúc mãi mãi tôi  
 Tuyết trắng viễn xư  
 (Chàng bao) yêu trời long thay  
 viễn xư mây trắng tung mây  
 Tuyết mùa phụng phật mây trắng áo le

Bản chụp Scan bài thơ của Bùi Giáng (do Nguyễn Thanh Hoài gửi cho Đoàn Tử Huyền).

# CHUYỆN VUI CHUYỆN BUỒN

Buồn vui em khóc một mình  
Anh ~~trở~~ lại từ suốt muôn  
Hoàng hôn bình minh qua  
Tuyết ~~trắng~~ <sup>viên</sup> xứ trao hoa  
Tân đình <sup>thập</sup> ~~Lô~~ <sup>thành</sup> ~~phước~~ <sup>thành</sup> ~~Thánh~~  
Phong tình <sup>cổ</sup> ~~Lục~~ <sup>đời</sup> ~~chính~~ <sup>người</sup> ~~vĩnh~~  
Ngành sim <sup>cổ</sup> ~~đội~~ <sup>côn</sup> ~~tổ~~  
Trông vỹ tân vàng ngân cuối ~~Tuê~~ <sup>Xoang</sup>  
Cũng nhau <sup>hư</sup> ~~lột~~ <sup>lên</sup> ~~tường~~  
Chào con chúc tụng <sup>đá</sup> ~~vàng~~ <sup>thiên</sup> ~~thư~~  
Mọi nhau <sup>chén</sup> ~~tạc~~ <sup>chén</sup> ~~thư~~  
Yêu nhau xin nhớ lời <sup>phụ</sup> ~~du~~ <sup>tuôn</sup>  
Khởi <sup>từ</sup> ~~chớp~~ <sup>biến</sup> ~~mưa~~ <sup>nguồn</sup>  
Tình vui muôn <sup>thước</sup> ~~chớp~~ <sup>buôn</sup> ~~đời~~ <sup>cần</sup>

Bản chụp Scan bài thơ của Bùi Giáng (do Nguyễn Thanh  
Hoài gửi cho Đoàn Từ Huyền).

# SÁNG THU KỶ ỨC

Sáng thu đây sớm đã vào  
Nghe khi đại lạnh van vãn trời  
Chim chửa đây hân hân trời  
Mặt mình quanh quẩn từng ngôi  
Hình dung chắp cánh mịt mịt  
Thuyền xa xôi quá bến bờ  
Hạc hành nhàn nhàn hút heo  
Vẽ quê tôi nước leo treo chênh vênh  
Vẽ sau có dịp bỏ hãnh  
Khư năm thái thái thấy thành khe tu  
Chiều hôm nghĩ tro tàn thơ  
Tài hùng nghị: Thuyền bát ngát  
Nói cười vui tết xuân non  
Bên bờ biên đàng thăm tiên khôn hạn  
Sáng mai vịnh biệt ~~khôn hạn~~ non ngàn  
Đêm năm thao thức bàng hoàng chiêm bao  
Ngày sau có dịp trở vào  
Mong còn tái ngộ mà nào có đâu  
Mặt thu năm dịp buồn rầu  
Thư may chợt thấy nguyên mẫu thư xưa

TRƯỚC KHI

Trước khi về chín tuổi  
Em xin gửi đá vàng  
Của trăm năm buồn tủi  
Về trở lại nhân gian

# MỤC LỤC

|                                        |    |
|----------------------------------------|----|
| <i>Lời Người biên soạn</i> .....       | 5  |
| <b>MỘT: CỐI THƠ BÙI GIÁNG</b>          |    |
| <b>(Tác phẩm Bùi Giáng)</b> .....      | 7  |
| <b>I. 82 Bài Thơ</b> .....             | 9  |
| Anh Lúa Bò Vào Dồi Sim Trái Chín ..... | 9  |
| Áo Xanh .....                          | 10 |
| Biểu Tượng Sơ Nguyên .....             | 10 |
| Bao Giờ .....                          | 12 |
| Bảy Giờ .....                          | 12 |
| Bờ Lúa .....                           | 13 |
| Bờ Mây .....                           | 14 |
| Bờ Nước Cũ .....                       | 14 |
| Buồn Đã Nhiều .....                    | 15 |
| Ca Dao .....                           | 17 |
| Cây Cỏ Dây Thi .....                   | 17 |
| Chào Nguyên Xuân .....                 | 18 |
| Chào Thu Lục Tỉnh .....                | 19 |
| Chiều Hôm Phố Thị .....                | 20 |
| Chiều Nay .....                        | 21 |
| Chỗ Này .....                          | 21 |
| Cò Hoa Hồn Du Mục .....                | 22 |
| Dạ Thưa Xứ Huế Bảy Giờ .....           | 22 |
| Đêm Chiêm Bao .....                    | 22 |
| Đi Và Về .....                         | 23 |
| Đỏ Quán .....                          | 24 |
| Em Đi Về Giữa .....                    | 24 |
| Gái Buồn .....                         | 25 |
| Hàng Rừng .....                        | 25 |
| Hãy Vô Ngón .....                      | 26 |
| Hẹn Ước .....                          | 26 |
| Hiện Thế .....                         | 27 |
| Hôm Qua Mộng .....                     | 27 |
| Hư Vô Và Vĩnh Viễn .....               | 28 |
| Không Đề .....                         | 29 |



|                             |    |
|-----------------------------|----|
| Khép Mắt.....               | 31 |
| Không Đủ Gọi.....           | 31 |
| Không Nói Nữa.....          | 32 |
| Không Thề Nói Rằng.....     | 33 |
| Lá Thôi Như Bay.....        | 34 |
| Lời Người Điên.....         | 35 |
| Lời Xuân.....               | 36 |
| Ly Tao.....                 | 36 |
| Lý Cũng Như Đào.....        | 39 |
| Mai Sau Em Về.....          | 39 |
| Màu Thanh Thiên Mờ.....     | 40 |
| Màu Trời Đỏ.....            | 41 |
| Màu Xuân (Thiên Tượng)..... | 42 |
| Mặt Buồn.....               | 43 |
| Một Buổi Trưa.....          | 43 |
| Mở Hai Hàng Cờ.....         | 44 |
| Mở Về Phương Ấy.....        | 45 |
| Nắng Buồn.....              | 46 |
| Nắng Nguyên Đán.....        | 46 |
| Ngủ Yên.....                | 47 |
| Người Con Gái Mặc Quần..... | 47 |
| Người Về.....               | 48 |
| Nghe.....                   | 49 |
| Nhan Sắc Hôm Nay.....       | 49 |
| Nhớ Một Minh.....           | 51 |
| Những Nhành Mai.....        | 51 |
| Nỗi Lòng Tô Vũ.....         | 52 |
| Ông Nhớ Von.....            | 55 |
| Phụng Hiến.....             | 55 |
| Phượng.....                 | 58 |
| Ra Đi.....                  | 58 |
| Rượu Uống.....              | 59 |
| Tâm Sự Ông Vua Điên.....    | 61 |
| Tàn Nhãn.....               | 61 |
| Tặng Bạn.....               | 62 |
| Tặng Mã Giám Sinh.....      | 62 |
| Theo Áng Mây Bay.....       | 63 |
| Thiếu Phụ Trở Về.....       | 64 |
| Thơ Tặng.....               | 65 |
| Thu IV.....                 | 65 |
| Thư.....                    | 65 |

|                                          |    |
|------------------------------------------|----|
| Tình Yêu .....                           | 67 |
| Tóc Bạc Thừa Răng .....                  | 67 |
| Trời Bữa Đó .....                        | 68 |
| Tuổi Trẻ .....                           | 69 |
| Uống Ly Rượu .....                       | 70 |
| Uống Rượu .....                          | 71 |
| Uống Xong Về Ngủ Chiếm Bao Thấy Gì ..... | 71 |
| Vì Có Lẽ .....                           | 72 |
| Vô Vê .....                              | 74 |
| Xuân Thôn Nữ .....                       | 74 |
| Yêu Thương .....                         | 75 |

## II. Đi Vào Cõi Thơ

|                                                                                                                                                                                                                                                          |    |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|
| <i>Lời tựa Bùi Giáng - Nguyễn Du - Trần Trọng Kim - Tân Đà - Hoài Thanh - Hàn Mặc Tử - Huy Cận - Xuân Diệu - Ngân Giang nữ sỹ - Hồ Dzếnh - Phạm Hân - Đinh Hùng - Bùi Giáng - Tuệ Sỹ - Lý Bạch - Shakespeare - Thơ - Dịch - Tư Tưởng và Thi Ca</i> ..... | 77 |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|

## HAI: MỘT MAI NHÌN LẠI

|                           |     |
|---------------------------|-----|
| (Viết về Bùi Giáng) ..... | 159 |
|---------------------------|-----|

### I. Hồi tên? Răng biển xanh đâu .....

|                                                                |     |
|----------------------------------------------------------------|-----|
| BÙI GIÁNG. Tiểu sử tự ghi .....                                | 163 |
| BÙI VĂN NAM SƠN. Vài nét về Bùi Giáng (Dời lời tiếp dẫn) ..... | 166 |
| ĐẶNG TIỀN. Sơ thảo tiểu truyện Bùi Giáng .....                 | 172 |

### II. Xin chào nhau giữa con đường .....

|                                                                                    |     |
|------------------------------------------------------------------------------------|-----|
| BÙI TƯỜNG. Lại một nhà thơ độc đáo .....                                           | 187 |
| CUNG TÍCH BIÊN. Bùi Giáng, nhà thơ của ngày tháng ngao du .....                    | 190 |
| CUNG VĂN NGUYỄN VĂN HỒNG. Thi sĩ "Phóng túng hình hài, ngang tàng tính mệnh" ..... | 213 |
| HOÀNG KIM. Bùi Giáng và những người thân .....                                     | 218 |
| HOÀNG PHÚ NGỌC TƯỜNG. Bùi Giáng trong tôi .....                                    | 227 |
| MAI THẢO. Một vài kỉ niệm với Bùi Giáng .....                                      | 234 |
| NGUYỄN HOÀNG VĂN. Bùi Giáng, một vùng đất hẹp và một thế giới lớn .....            | 242 |
| PHẠM MẠNH HIỀN. Một ít kỷ niệm với anh Bùi Giáng .....                             | 255 |

|                                                                                                                                            |            |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| THANH THẢO. Tôi gặp Bùi Giáng. ....                                                                                                        | 261        |
| THY HẢO TRƯƠNG DUY HY. Bùi Giáng với những hình ảnh<br>đã đi vào ký ức tôi .....                                                           | 271        |
| TRẦN KIỂM ĐOÀN. Từng từng Quảng gặp từng từng Huế .....                                                                                    | 278        |
| <b>III. Ta đi còn gửi đôi giòng.....</b>                                                                                                   | <b>291</b> |
| BÙI CÔNG THUẬN. Bùi Giáng - ai người chia sẻ.....                                                                                          | 293        |
| BÙI VĂN NAM SƠN. Bùi Giáng với "MARTIN HEIDEGGER<br>VÀ TƯ TƯỞNG HIỆN ĐẠI" : Cuộc hôn phối tung bồng.....                                   | 319        |
| BÙI VĨNH PHÚC. + Bùi Giáng, bước chân đi tìm hồn nguyên tiêu<br>và một màu hoa trên ngân<br>+ Thử cảm thức vài câu thơ của Bùi Giáng ..... | 332        |
| ĐẠNG TIỀN. Bùi Giáng, nguồn xuân.....                                                                                                      | 370        |
| HUỲNH NGỌC CHIẾN. Hồn quê trong thơ Bùi Giáng .....                                                                                        | 393        |
| KHÊ IÊM. Một thử nghiệm đọc thơ Bùi Giáng.....                                                                                             | 400        |
| NGUYỄN HUNG QUỐC. Cuộc hoà giải vô tận:<br>Trường hợp Bùi Giáng .....                                                                      | 413        |
| NGUYỄN HỮU HỒNG MINH. Bùi Giáng - "Người thơ" cuối cùng<br>của thế kỉ 20.....                                                              | 432        |
| NGUYỄN MỘNG GIÁC. Nghĩ về Bùi Giáng.<br>Hàn Mặc Tử và Thanh Tuệ! .....                                                                     | 438        |
| TA TỶ. Bùi Giáng - người thi sĩ chối bỏ thi ca .....                                                                                       | 444        |
| THANH TÂM TUYẾN. Bùi Giáng, hồn thơ bị vây khốn.....                                                                                       | 475        |
| THU BÓN. Trường phái Bùi Giáng .....                                                                                                       | 484        |
| THUY KHUÊ. Hiện tượng Bùi Giáng.....                                                                                                       | 490        |
| TRẦN HỮU THỰC. Bùi Giáng giữa chúng ta.....                                                                                                | 507        |
| TRƯƠNG VŨ THIÊN AN. Bùi Giáng và mùa xuân phía trước .....                                                                                 | 523        |
| TUẤN HUY. Những ngọn cỏ sâu của Bùi Giáng.....                                                                                             | 528        |
| VĂN HUYỀN NGUYỄN. Bùi Giáng - người lữ khách cuồng điên<br>và khôn cùng kỷ niệm.....                                                       | 537        |
| VŨ ĐỨC SAO BIÊN. Bùi Giáng: Rong chơi giữa đìu hiu phố thị .....                                                                           | 552        |
| Ý NHI. Bùi Giáng trong "cõi người ta".....                                                                                                 | 558        |
| <b>Ba: PHỤ LỤC</b>                                                                                                                         | <b>561</b> |

Chịu trách nhiệm xuất bản:

LÊ HUY HOÀ

Biên tập:

NAM HỒNG

Thiết kế bìa:

TRẦN VĂN DUY

Trình bày:

ĐÔNG TÂY

Sửa bản in:

VĂN THẢO

---

Tổng đại lý phát hành:

Nhà sách Đông Tây • Số 62 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội

ĐT/Fax: (04) 7733041

---

## **BÙI GIÁNG TRONG CÔI NGƯỜI TA**

ĐOÀN TỬ HUYỀN (Chủ biên)

Nhà xuất bản Lao Động, 175, Giảng Võ, Hà Nội

Trung tâm Văn hoá Ngôn ngữ Đông Tây

*Bùi Giáng là một hiện tượng kì lạ bậc nhất trong nền văn học Việt Nam hậu bán thế kỉ XX. Cuốn sách này cố gắng tuyển chọn những tác phẩm đặc sắc của Bùi Giáng và những bài viết tiêu biểu về ông nhằm dựng nên chân dung một "người thơ" độc đáo.*

---

In 1.000 cuốn, khổ 14,5x20,5 cm. Tại Công ty cổ phần In và Bao bì Sơn La

Quyết định xuất bản số : 554 – QĐ/LK/LĐ ngày 04/9/2008.

In xong nộp lưu chiểu quý IV năm 2008

## CON ĐE VẺ

Ông không rõ bao tháng năm  
buôn ba  
Ông chầu con như cái bể mầu trăng  
Rồi ông chôn người nhện thấy trời rã  
Tồn thế' thân thơ' thất đến  
vô cùng

Con biết rõ Hạng mai sau như thế  
Con đau buồn ông chầu cũng biết vì sao  
Ông cố gắng tặng con tờ hồng lệ  
Là tình yêu viên tuyết tôi là mui  
( Em vui? tình thế' tuyết trư  
Em buồn? tuyết dãi trên phôi  
chín chời )



ĐÔNG TÂY



Giá: 90.000đ